

50 năm biến cố tết Mậu Thân

giải khăn sô cho Huế

hồi ký nhiều tác giả



giải khăn sô cho huế o ghi chép
về tết mậu thân 1968 của nhiều
tác giả nhân 50 năm biến cố
diễn ra o midway press o 2017

nhiều tác giả

giải khăn sô cho huế

midway press

2017

Giải khăn sô cho Huế Tựa nhỏ: viết để chịu tội Nhã Ca

Tôi được sinh ra ở Huế, lớn lên với Huế, nhưng khi trưởng thành, đã rời gia đình, bỏ thành phố và ra đi biệt.

Hồi trước Tết Mậu thân, hôm 23 tháng chạp năm mùi, đang cùng chồng con cúng ông táo, tôi bỗng nhận được điện tín từ Huế: về ngay, ba hấp hối.

Với một gói hành lý vội vàng, đưa con hư hỏng của gia đình và thành phố là tôi, đã trở lại Huế để chịu tang người cha thân yêu. Và rồi như bao người khác, đã phải chịu luôn cái tang lớn cho cả thành phố, khi biến cố tết Mậu Thân bùng nổ.

Sau cả tháng dài lẩn lộn trong địa ngục Huế, khi sống sót trở về Sài Gòn, tôi đã thao thức mãi về việc phải thắt một giải khăn sô cho Huế, phải viết một hồi ký về những ngày giờ hấp hối của Huế. Nhưng thời sự những ngày sau biến cố Tết Mậu Thân ồn ào quá, bên cạnh cơn khóc than vật vờ của Huế, người ta còn bận bịu với việc khai thác những chi tiết ly kỳ của chiến cuộc, những thành tích chiến thắng trên tro tàn, thật chưa phải là lúc viết ra những xót xa, tủi nhục, tuy tầm thường nhất, nhưng cũng lại là sâu sắc nhất của một thành phố hấp hối.

Chính vì vậy mà sau khi phác họa một vài nét đại cương trên nhật báo Sống hồi ấy, mặc dù được tòa soạn yêu cầu

tiếp tục và sau đó được nhiều nhà xuất bản thúc dục, tôi cũng đã cố gắng ngưng lại. Phải ngưng lại, để nếu không nghiền ngẫm được kỹ hơn, thì ít ra cũng tách rời được khỏi những hậu ý xô bồ của thời cuộc, để chờ đợi một giây phút yên lặng hơn, trầm tĩnh hơn, khi viết về Huế.

Cái thời gian chờ đợi ấy, đến nay, đã gần hai năm qua. Hai năm, hài cốt cả chục ngàn dân Huế bị tàn sát, vùi nông ở bờ bụi, vớt bỏ xuống đáy sông đáy suối, đã được thu nhặt dần. Những nấm mồ tập thể đã tạm thời xanh cỏ. Những nền nhà đổ nát đã tạm thời dựng lại. Con khóc than vật vã của Huế, những tiếng nói xô bồ về Huế, như vậy, cũng đã bớt ồn ào.

Đây, chính là lúc chúng ta có thể cùng nhau chít lại giải khăn xô, đốt lại nén hương nhỏ trong đêm tối mệnh mông của chiến tranh và tang tóc, để hồi tưởng về Huế.

Có nhiều loit súng đạn, nhiều loại tang tóc, đã nổ và đã tàn phá Huế. Công trình ấy không biết từ đâu, nhưng dù do đâu đi nữa, thì cái tội ác tàn phá một thành phố lịch sử là Huế, chính thế hệ chúng ta, thời đại chúng ta, phải chịu trách nhiệm.

Chính trong thế hệ chúng ta đây, đã có Đoan, một cô bạn học cùng lớp với tôi ngày nào, đang ngồi trên ghế đại học ở Sài Gòn, bỗng về Huế, đeo băng đỏ nơi tay, dắt súng lục bên hông, hăng hái đi lòng người này, bắt người khác, để trở thành một nữ hung thần trên con hấp hối của Huế.

Chính trong thế hệ chúng ta đây, đã có Đắc một sinh viên trẻ trung, hăng hái. Thời trước Đắc làm thơ, Đắc tranh đấu, rồi bỏ ra khu. Để rồi trở lại Huế lập những phiên tòa nhân dân, kê án tử hình hàng loạt người, rồi đích tay đào một cái hố, bắt một bạn học cũ có xích mích từ trước ra đứng bên hố, để xử tử. Cậu bạn của Đắc, tên Mậu Tý, dơ cái

băng đồ dấu hiệu giải phóng quân lên cao, lay van Đắc:

- Em lay anh. Bây giờ em theo các anh rồi mà. Em có mang băng đồ rồi mà. Cách mạng muôn năm... Hồ chủ tịch muôn năm.

Nhưng mặc Mậu Tý năn nỉ, hoan hô, Đắc vẫn nhất định nổ súng vào người bạn nhỏ.

Chính trong thế hệ chúng ta đây, đã có từng đoàn người, hàng trăm người, cha có, sư có, già có, con trẻ có, mỗi người cầm một lá cờ trắng để ra dấu đầu hàng bất cứ phe nào, đi thất thủ trong một thành phố đầy lửa cháy. Cứ như thế chạy ngược chạy xuôi, cho đến khi gục ngã gần hết.

Cũng chính trong thời đại chúng ta, ngày thứ hai mươi mấy trong cơn hấp hối của Huế, đã có một con chó nhỏ kẹt giữa hai lần đạn, chạy ra sửa băng quơ ở bên bờ sông Bến Ngự. Con chó thành mục tiêu đùa rỡ cho những mũi súng hờm răn từ bên kia sông. Họ bắn cho con vật khốn khổ sợ hãi rơi xuống sông. Rồi lại bắn vào những bờ sông mà con chó nhỏ đang lóp ngóp bơi vào. Những phát súng đùa cợt không cố tình bắn chết con chó nhỏ, mà chỉ có trêu chọc cho con chó chơi với giữa giòng nước, để có chuyện đùa chơi với máu lửa. Thành phố Huế, và có lẽ cả quê hương khốn khổ của chúng ta nữa, có khác gì thân phận của con chó nhỏ đã chơi với giữa giòng nước ấy. Thế hệ chúng ta, cái thế hệ ưa dùng những danh từ đẹp để phô trương nhất, không những chúng ta phải thắt một giải khăn xô cho Huế, cho quê hương bị tàn phá, mà còn phải chịu tội với Huế, với quê hương nữa.

Gần hai năm đã qua, hôm nay, nhân ngày giỗ thứ hai của biến cố tàn phá Huế sắp trở lại, tôi xin viết và xin gửi tới người đọc tập giải khăn xô cho Huế này như một bó nhang

đèn góp giỗ.

*Xin mời bạn, chúng ta cùng thắp đèn, châm nhang, chịu
tội với quê hương, với Huế.*

Sàigon, năm Dậu.

NHÃ CA

Chương 1

Những giờ đầu tiên

Không biết tiếng súng đầu tiên nổ vào giờ khắc nào? Giữa đêm, tôi đã choàng tỉnh dậy vì tiếng nổ xé toạc cả những giấc mơ vụn.

Vừa kịp lăn xuống khỏi tấm phản gỗ, tai tôi đã ù đi vì những tiếng nổ ran bốn phía. Chuyện gì vậy? Không biết làm thế nào mà tôi lăn tròn từ phòng ngoài vào phòng trong. Bàn tay ai kéo tôi giúi vào giữa phòng. Tôi nằm đè lên da thịt ai non mát. Một tiếng kêu nhỏ tắc nghẽn vào âm thanh hỗn độn của súng đạn bên ngoài. Khi tôi kịp định tỉnh lại tâm thần thì đứa cháu nhỏ đã ngồi lên được, nằm gọn gàng trong lòng tôi. “Còn đứa mô nữa? Vô hết đi. Vô một chỗ.” Tiếng má tôi thì ào. Que diêm tắt phụt nhưng có ánh nến le lói từ phòng ngoài hắt vào. Đứa em trai tôi trườn theo làn ánh sáng mỏng đó, nó ngồi áp vào bên má tôi. “Làm ơn tắt giùm ngọn nến ngoài bàn thờ đi, tắt luôn cả lư trầm nữa.” Ông anh lớn của tôi vội vã làm theo lời má tôi, rồi nhảy đại rất nhanh vào ngồi dồn cùng một đồng. Lúc này tôi mới cảm thấy ngọt ngào đến muốn tắt thở vì hơi người, vì mùi trầm hương và mùi nến khét.

Căn phòng quá chật, lại bị cái giường chiếm mất một nửa. Anh tôi phải lăn xuống gầm giường. Người này nằm gác lên người kia. Cái bô để dưới chân giường, thỉnh thoảng bị va chạm, vang những âm thanh rồn rảng càng khuấy động

thêm nỗi sợ hãi của mọi người.

Nằm im được một lát, hoàn hồn lại, mọi người bắt đầu nghe ngóng. Tôi dán tai xuống nền gạch. Đứa cháu gái đã lặn xuống nằm cạnh tôi, hai tay nó ôm đầu, hai chân nó lộn vào hai chân tôi. Tôi hỏi nhỏ:

“Tina nằm có chặt không?”

“Không, cô ơi. Tina sợ quá.”

“Đừng có khóc.”

Tôi vỗ về đứa cháu. Nhưng cùng lúc đó những tiếng nổ ình ình lại dội thốc lên. Đứa cháu bỏ tay, ôm chặt lấy tôi, người nó run cầm cập. Trời ơi, súng bắn cả sau vườn mình. Tôi nghe tiếng súng đằng sau vườn thật trong, thật buốt. Thằng em ghé vào tai tôi:

“AK. Thôi, tụi nó về rồi.”

Tôi kéo nó:

“Mày nằm xuống đi.”

“Không can chi mô chị. Để em ngồi.”

Cánh cửa sổ bỗng bị bật ra và cứ thế, hai cánh cửa cứ dội mở ra, đóng ập vào theo những tiếng nổ lớn. Tiếng đạn ở sau vườn bắn thật rát. Má tôi thì thầm:

“Đánh tới đồn vận tải.”

“Không, đồn trường bia.”

“Không, đánh cùng khắp. Con nghe phía vận tải, phía trường bia, phía ruộng, phía sau đường rầy.”

“Suyt, im đi cho vớ. Trời ơi. Trời ơi. Trời ơi.”

Tiếng trời ơi đất hơi bỗng nằm ngay trên chót lưỡi. Bầu trời xoẹt lửa sáng trưng, đất rung chuyển như địa chấn. Lên cơn rồi. Tôi cũng không thể nằm yên để nghe tiếng dội tức cả ngực được. Tôi muốn ngồi nhồm dậy để nghe ngóng, nhưng chỗ nằm chặt không nhúc nhích được. Đứa em họ lúc này cũng chen được một chỗ, hai chân nó chuôi

dưới giường, đầu nó thò ra khỏi một nửa cửa phòng. Nó lại bật diêm, lại có tiếng la nhỏ: con khỉ, tắt diêm đi. Ngọn diêm tắt phụt. Nhưng trong bóng tối, lúc này tôi tưởng tượng ra được rồi. Tôi đồng điệu run với mẹ tôi, anh tôi, em gái tôi. Tôi đồng điệu co quắp, cổ dè nén sự run rẩy, cổ uốn tung lên để tiếng nổ bớt dội ngực. Đưa em họ tôi nghe ngóng một hồi rồi ngồi dậy, nó bò ra gian nhà ngoài, chúng tôi nín thở chờ đợi. Chỉ một lát sau, nó bò vào nói rí tai từng người:

“Nó ở đây sân vườn nhà mình.”

“Suyt.”

Lại nhiều tiếng suyt lọt ra khỏi cửa miệng như một hơi huyết gió nhỏ.

Anh tôi giọng hơi gay gắt:

“Nó bắn như pháo ở bên ngoài, vài tiếng động nhỏ làm sao nghe được.”

Rồi anh tiếp:

“Quái gì, nó về đánh đồn trường bia rồi. Lần trước cũng đánh suốt một đêm, sáng ra là rút hết.”

Tôi mừng thầm. Chúng tôi chịu đựng có lẽ đến hai tiếng đồng hồ rồi. Tôi cố đưa cổ tay lên để nhìn mặt chiếc đồng hồ, nhưng rủi cho tôi, tôi mang đồng hồ không có kim dạ quang. Và ngoài tôi ra chẳng có ai kịp thì giờ mang đồng hồ hết. Dù sao chúng tôi cũng hy vọng mong cho trời sáng. Ông anh tôi không biết sao bỗng trở chứng kêu đau bụng bất thành linh. Vậy là chiếc bô lại có dịp được dùng tới. Chúng tôi đau khổ vì lát lát mấy đứa nhỏ đòi đi tiêu, đi tiểu. Lát lát anh tôi lại kêu đau bụng, mà cái bô thì quá nhỏ. Mọi người vừa nằm vừa run, vừa cố giữ cho chân tay khỏi lỏng ngóng. Tôi cố nghĩ đến một cái gì để dẫn cơn sợ hãi, nhưng không, tôi không nghĩ gì được hết. Đầu óc tôi vang

dội tiếng súng. Tay chân tôi cứ lật bật run rẩy bất chấp cả sự tự chủ vượt bậc của tôi. Có nhiều lúc ngay cả chân tay, thân thể mình cũng không nghe lời mình nữa.

Nhưng rồi nhờ sự chịu đựng quen dần, tôi bình tĩnh lại được và cơn run rẩy biến mất. Hình như chúng tôi đã chịu đựng một thời gian khá dài và bình minh sắp đến. Tôi nghe tiếng rục rịch trong chuồng gà ở đằng sau tấm vách tường lọt vào nhờ hai cánh cửa sổ đã bật tung cùng với tiếng súng đạn hỗn loạn. Thái, tên đứa em họ tôi, đã bình tĩnh ngồi dựa vào tường, và phì phà trên môi điếu thuốc lá lúc nào. Tôi lần tay, nắm chặt tay nó:

“Thái, liệu có yên được không?”

“Em làm răng biết được, cái nó thì chịu...”

Tôi lại hỏi anh tôi, lúc đó đã nằm trên giường vì không chịu nổi sự chen lấn dưới đất:

“Anh, sáng mai chắc yên há anh?”

“Làm răng biết được, anh cũng chịu.”

Tôi đâm ra thất vọng ngang. Những ánh lửa xẹt ngang dọc phía ngoài cửa sổ không còn nữa, nhưng hai cánh cửa vẫn còn bị dội bật ra bật vào vì những tiếng nổ lớn. Súng to, súng nhỏ đang nổ ran từ mặt quốc lộ, từ miệt chùa, từ phía sau đường rầy. Căn nhà của chúng tôi nằm đơn lẻ, chịu đựng bốn mặt đang đánh nhau. Quốc lộ và bờ ruộng ở ngay trước mặt, đường rầy xe lửa ở đằng sau lưng. Hai phía hai bên, một xéo với đồn trường bia, một xéo với đồn vận tải An Cựu.

Không thể nằm yên để chờ tới sáng, tôi lại khơi chuyện:

“Sáng ngày yên chắc ra đường dễ sợ lắm!”

Thái phì thuốc trúng ngay vào mặt tôi:

“Buồn quá, lúc này có súng đỡ sợ hơn nhiều. Biết vậy tối qua em lên đơn vị.”

“Không biết tới sáng đã yên được chưa?”

Tôi hỏi hoài một câu như người ngớ ngẩn: Biết đâu. Mà yên chứ. Sáng ra mà súng đạn không ngừng thì chết hết.

“Trời ơi, đừng nói, tội nó trong vườn.”

Đứa em gái của tôi cười nhỏ:

“Má sợ chi mà sợ dữ rứa. Chị Vân, sáng ra chị với em đi thăm trận đánh nghe. Coi chừng về Sài Gòn viết một phóng sự chiến trường đầu năm đầy gay cấn.”

“Giỡn chi mà giỡn vô hậu tể đợi rứa. Mấy chuyện đó đừng có ham.”

Má tôi cần nhẫn. Nhưng chúng tôi đã bớt dần cơn sợ hãi, bắt đầu nói chuyện được, mà câu chuyện cũng bớt ngớ ngẩn. Lúc này tiếng súng ở trong vườn đã dịu dần, nhưng xung quanh thì vẫn còn nổ ran. Tôi nằm mà mắt không rời khỏi cánh cửa sổ phía trên đầu đứa em gái. Tôi nằm chờ, cho tới khi bầu trời tối mịt bên ngoài kia bị hút bớt màu đen đặc.

Lúc này tôi cần sự bình tĩnh, cần sức mạnh. Tôi mong cho trời sáng thì trời đã gần sáng rồi. Mấy chiếc lá cây phát phơ bên ngoài cửa sổ đã hiện lò mờ, rồi rõ dần. Mấy đứa cháu tôi kêu khát nước. Chúng tôi chờ đợi cho tiếng súng bớt ồ ạt, Thái mới đi ra ngoài rót một ly nước cho hai đứa nhỏ. Tiếng súng đã có vẻ thưa hơn, bức màn đêm đã bớt mắc kẹt đạn. Anh tôi hy vọng hơn ai hết:

“Thái, coi yên súng đem xe Honda ra ngoài, anh muốn lên Từ Đàm. Chắc chị và mấy đứa nhỏ sợ ghê lắm.”

Gia đình tôi lúc này đang chia làm hai. Chị dâu tôi và mấy đứa nhỏ còn ở nhà trên đầu dốc Bến Ngự. Nên anh tôi là người lo lắng nhất. Nhưng chắc không sao. Mọi người tự an ủi. Đến sáng là yên, vậy sáng rồi. Mối má tôi đã bớt tím, tay chân bà cũng bớt run rẩy. Nhưng nỗi vui mừng của

chúng tôi không được lâu. Đúng lúc tôi nghe tiếng gà gáy nơi chuồng gà thì tiếng súng đã bắt đầu nổ lại. Rồi có tiếng đấm cửa rầm rầm, cùng nhiều tiếng chân chạy ở ngoài sân:

“Mở cửa, mở cửa.”

Thôi chết rồi. Chúng nó đã tới. Chúng nó sắp tràn vào nhà. Má tôi mặt tái xanh, định chạy tới tắt ngọn đèn vừa mới thắp. Tiếng đại bác dưới Phú Bài bắn lên ầm ầm. Tiếng súng nhỏ nổ chát chúa. Cánh cửa muốn bật tung vì những tiếng đập. Thái bò ra giữa nhà.

“Suyt, để con.”

Rồi hấn chạy ra mở toang cửa. Có nhiều tiếng quen thuộc la hét bên ngoài. Cánh cửa vừa mở tung ra, thì cả nhà đầy người. Chú tôi ở phía dưới đường rầy, sát chân núi Tam Thái, cùng gia đình con dâu với những gia đình hàng xóm khác chạy tủa vào. Trẻ con người lớn chen chúc chật cả một gian nhà giữa rộng rãi. Mấy đứa nhỏ hoảng sợ quá, ngã vật ra giữa nhà, có đứa vừa run vừa đá ra quần. Chú tôi vừa khóc vừa kể:

“Sập hết rồi chị ơi. Trên đó bị *một-chê* câu, nhà mụ Nghệ bên cạnh đó mất nửa cái nhà.”

Bé, đứa con trai lớn của chú tôi ôm một lúc hai đứa con nhỏ, vừa thở vừa nói không ra hơi:

“Tụi nó đông lắm. Trên con đầy nhà rồi bác.”

Tôi tò mò:

“Làm sao em chạy xuống được?”

“Dân họ chạy xuống dưới này hết. Trên đó *một-chê* câu sập hết nhà cửa. Chạy giữa đường em thấy Việt cộng tùm năm tùm ba, nó ngồi cả trước sân nhà người ta.”

Chú tôi chột nhìn quanh rồi hốt hoảng:

“Con Hồng đâu rồi, con Hồng bế thằng Điện chạy phía nào rồi. Thôi chết con tôi cháu tôi...”

Chú tôi chưa kịp dứt câu thì đã ngã phịch xuống vì một quả B-40 phạt xuống mái ngói. Tôi đang há hốc mồm thì gạch vụn đã đầy một miệng.

Cái bô để dưới chân giường không biết bị ai đá vào tràn ra nhà. Tôi vừa sát người xuống thì đã phát nôn vì một mùi thúi hoắc xông lên tận đầu, nhưng không còn cách cựa quậy gì nữa. Nhiều đứa trẻ không chịu đựng nổi ré khóc vang nhà. Nhưng tiếng khóc bị chặn ngay vì những bàn tay đã bịt miệng, hoặc những tràng súng cắt đứt. Trời ơi, đến sáng rồi sao không yên? Tôi quay quắt hỏi đứa em:

“Lần trước có lâu như vậy không?”

“Không, lần trước bắn ít hơn, không có đại bác câu nhiều như thế này. Sáng ra là nó rút đi hết.”

Bé bò lại phía tôi:

“Trời, chị không tưởng nổi mô. Em thấy tụi nó máu me cùng mình. Tụi nó ngồi bên vườn thím Nguyệt, em chạy xuống đây em thấy.”

“Thấy mày chạy họ để yên à?”

“Tụi họ cũng vừa chạy vừa bắn, mình cũng chạy đại. Ở trên đó chắc chết quá chị ơi.”

Nó vừa nói vừa ôm chặt đứa con gái trong lòng. Vợ nó khóc thảm thiết:

“Anh coi đi tìm con Hồng với thằng cu Điện, không tui chạy ra cho súng bắn cái bụng cho rồi.”

Má tôi gất:

“Chết đến nơi không lo, ai mượn tụi bây không chạy với nhau.”

“Làm răng chạy với nhau được, mạnh ai nấy chạy, tưởng còn sống đến chừ mô.”

Hai vợ chồng nó nín im, nhưng chỉ một giây sau, tôi lại nghe chúng càu nhàu cãi cọ. Một lát sau tiếng súng lại thưa

dần. Bé vội chạy ra sân rồi mò dần ra đường. Chừng hai mươi phút sau nó trở lại, một tay bế thẳng con.

“Chị...”

Bé hạ giọng, tiếp:

“Em đi tìm con Hồng với thằng Cu, em phải đi bằng ngõ sau vườn. Ngang đường rầy em gặp tụi nó, nó hỏi em đi mô rồi bắt giữ em lại. Chúng nó có ba đứa, một đứa bị thương. Em năn nỉ nói đi tìm con lạc, ban đầu nhất định nó không cho, nó hỏi em làm nghề gì. Em nói thợ mộc, em bị lạc con. Về sau nó cho đi. Em tính nếu nó bắt, em liều chết giết súng. Một thằng bị thương gần chết, một thằng bị thương nhẹ không cầm súng được, còn thằng kia ốm yếu hơn em...”

Hà, em gái tôi, nạt:

“Thôi, mi đừng có ba hoa, nói phách tấu...”

“Em nói thiệt, người ta quân đội mà...”

Rồi nó sực nhớ lại đồn trại và đồng đội, nó ngồi buồn hiu. Lát sau thở dài:

“Lính tráng mà ngồi một xó như ri có nhục không?”

Những người xóm trên vào nhà tôi bây giờ mới hoàn hồn lại. Người vạch vú cho con bú, người bắt đầu kháo chuyện. Mỗi người kể một chuyện đại để cũng thấy Việt cộng ra sao. Họ kể họ cũng chạy suýt chết, cũng thấy viên đạn nó to và đỏ rực như đâm vào mặt mà không biết sao lại không trúng.

Bỗng nhiên vào lúc 8 giờ sáng, tiếng súng như dồn về miệt Phú Cam. Tiếng đại bác dưới Phú Bài không câu lên nữa. Lúc đó chúng tôi mới lần ra sân. Vườn cây yên tĩnh không một bóng người, nhưng trên cỏ, trên đất, còn lấm tấm những vạt máu khô đặc.

Một vài nhánh cây gãy, nơi bờ tre cuối đường ngã ăn thông ra mặt đường rầy, những cành khô được banh ra,

chừa những lối đi gọn. Mấy chị em chúng tôi hết sức sung sướng hít thở, ai cũng mừng thầm như thế này là đã yên. Anh tôi chuẩn bị để lên nhà ở Từ Đàm. Tôi ra cái bể cạn trước sân mức nước súc miệng, đánh răng. Những người trú ngụ trong nhà tôi vội vã bồn bể nhau trở về xóm. Chú tôi là người chạy băng ra khỏi nhà trước tiên. Ông quá lo lắng không biết nhà cửa còn hay đã mất. Tôi cố nhón gót nhìn lên miệt núi, cũng không thấy được gì. Thái, em tôi, hỏi:

“Chị nhìn chi rứa?”

Tôi thở ra:

“Chắc đêm qua trên núi mờ mả bị chân đạp lung tung, mộ bác mới chôn.”

Mồ mả mới chôn đây là mộ của ba tôi. Từ Sài Gòn, những ngày cuối năm vợ chồng con cái tôi đang chuẩn bị đầu năm về ăn Tết ở Huế thì tin ba tôi hấp hối. Leo lên một chiếc máy bay quân sự chở thực phẩm cho lính ở tiền đồn, tôi về tới vừa kịp những giờ cuối cùng của người cha.

Thái cúi đầu. Nó đi tới bể cạn mức nước. Tiếng má tôi kêu:

“Thái, con đem cái này đổ ra sau vườn.”

Anh Lễ tôi đã mặc quần áo xong. Chiếc Honda đã được dựng sẵn. Tôi nói:

“Cho em lên Từ Đàm với.”

Anh Lễ bảo:

“Để coi sao đã. Thấy không yên rồi, ngoài đường vắng tanh vắng ngắt.”

Nhưng lời anh tôi nói chưa dứt thì có nhiều tiếng động ì ầm của xe chạy vào thành phố ngã quốc lộ. Chúng tôi đứng ở sân nhìn ra. Một đoàn xe cam nhông chở lính Mỹ và những khẩu đại bác đang từ từ đỗ lại ngoài đường nối hàng dài. Lính Mỹ nhảy xuống, Thái bật la to:

“Bác ơi, yên rồi, quân Mỹ đã lên. Mình ra đường, mình

coi được rồi.”

Má tôi kêu:

“Vào nhà hết, vào nhà không nó bắn.”

Anh tôi cản:

“Đứa nào ở đâu cứ ở đó. Đứng yên đừng có chạy mà nó tưởng Việt cộng chết hết cả giờ.”

Đoàn lính Mỹ đã xuống xe, tiến vào các khu vườn, nằm bò xuống vệ đường, lùi xuống phía ruộng. Chỉ một phút sau vườn nhà tôi đã đầy lính Mỹ.

Một vài người lính Mỹ nhìn chúng tôi dò chừng rồi lùi ra phía vườn gườm súng chĩa vào các bụi cây trước khi băng qua vườn khác. Không có gì xảy ra hết. Tình hình hoàn toàn yên tĩnh. Chúng tôi đi vào nhà ngồi yên ở tấm ngựa gỗ. Ra đường lúc này nguy hiểm. Ai cũng nghĩ thế. Có lẽ lính Mỹ đang đi lùng Việt cộng đây. Chúng tôi im lặng ngồi nhìn nhau, hồi hộp chờ đợi. Hai người lính Mỹ đi ngang qua sân, hờm súng vào trong nhà. Chúng tôi cố giữ vẻ mặt thật thản nhiên. Má tôi còn có vẻ cố gắng làm ra vui mừng nữa. Hai người lính Mỹ dừng lại, rồi đưa mắt cho nhau, đi vào bậc thềm, hất hàm ra hiệu cho chúng tôi ra đứng ở cửa hết. Một người lính Mỹ nói hai tiếng gì đó không phải tiếng Mỹ.

Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, người lính Mỹ lộ vẻ tức giận, nạt lớn:

“Kên cụt.”

Anh tôi hỏi một câu tiếng Anh, nhưng người Mỹ vẫn la:

“Kên cụt.”

Má tôi là người hiểu ra đầu tiên, bà nói lớn:

“Ông Mỹ hỏi thẻ căn cước.”

Người lính Mỹ gật đầu. Người đi cùng chỉ súng thẳng vào người chúng tôi. Chúng tôi trình thẻ căn cước. Khi tôi đưa

tấm thẻ của cơ quan VOF (Voice of Freedom) thì người lính Mỹ gạt đầu và khuyên chúng tôi trong lúc này nên ở yên trong nhà. Trả thẻ lại, một người trợ trợ nói tiếng Việt cảm ơn, rồi đi ra phía vườn. Chúng tôi chưa kịp ngồi xuống tấm ngựa gỗ đã nghe mấy tiếng nổ lớn. Thái quen với súng đạn, kêu lên:

“Thôi, B-40 của Việt cộng rồi.”

Tiếng B-40 từ phía núi, từ phía đường rầy bắn ra như mưa. Phía ngoài đường, những xe thiết giáp mang súng cối 40 ly bắn trả lại kịch liệt. Từng mảnh ngói bị sức ép, hoặc trúng suốt lần đạn rơi tứ tung lên đầu lên cổ. Cả nhà lại chui vào phòng trong. Cùng lúc đó những tiếng la khác nổi lên như ri ở miệt ngoài đường. Cái gì vậy? Thái muốn chạy ra trước tiên. Má tôi nắm áo giữ riết nó lại, nhưng Thái cứ van nài mãi. Cuối cùng hắt ló ra cửa, thụt lui thụt tới vì những tiếng súng bắn đi trả lại cứ vèo vèo ngang qua mái nhà. Ầm. Ầm. Vài thân cây lớn ở ngoài vườn đổ xuống. Chúng tôi ai nấy nằm sát xuống đất, buông trôi cho sự may rủi. Lần này chắc chết quá. Cầu nguyện đi. Tiếng la khóc ở vườn bên, ở trước mặt càng lúc càng thảm thiết. Rồi tiếng kêu chết kêu cháy vang lên.

Mấy người lính Mỹ đang núp ở vườn sau vội chạy ra đường phía có tiếng kêu khóc. Lúc này đạn bắn đi cứ như mưa, tiếng B-40 yếu dần rồi tắt luôn. Tiếng kêu khóc đã nghe rõ mồn một. Chúng tôi không ai bảo ai cùng một lượt chạy ra sân. Căn vườn mé mặt trước, đang có căn nhà bốc cháy và lính Mỹ đang cố dập tắt lửa. Lúc này tôi mới hoàn hồn lại chút ít. Má tôi lo sợ không biết lửa có lan sang căn nhà thờ của chúng tôi không. Bà hét gọi mấy đứa cháu lo gói đồ lại, có gì còn mang ra được chút của cải. Trong tiếng lửa nổ lộp độp, trong âm thanh ồn ào của những tràng tiểu

liên bắn ran khắp các miệt vườn, tiếng khóc nổi lên thảm thiết: Di ơi, dưỡng ơi, má tui chết rồi. Ai cứu cho vói. Tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng chân hàng xóm chạy thành thạch bất chấp cả súng đạn. Má tôi lừa chúng tôi vào nhà. Thái được cử sang chữa lửa. Mấy người lính Mỹ đi vòng lại, qua sân nhà, nhìn vào. Người Mỹ soát giấy chúng tôi lúc này đưa mấy ngón tay và nói một câu tiếng Việt bập bẹ đại ý báo cho biết ngoài đó có mấy người chết.

Xong rồi họ ra xe, đoàn xe rồ máy chạy vào thành phố, nhưng chỉ mấy phút sau, có lẽ xe chưa kịp qua khoảng cầu An Cựu, thì chúng tôi nghe miệt cầu đủ thứ súng nổ dữ dội. Một lát, đoàn xe Mỹ ầm ầm rút lui, không còn kiêng nể gì nữa, cứ bắn như mưa dọc hai bên đường. Nhưng lần này, xe trở về rất ít, hình như chỉ có đoàn xe đi sau. Có lẽ những chiếc xe này về chở thêm súng đạn, và đoàn xe đi trước đã lọt ổ phục kích.

Tiếng súng ở mạn cầu đã thưa thớt dần.

Chừng mười lăm phút sau, khi nhìn ra đường, chúng tôi thấy có một đoàn người mặc quần áo màu vàng, vai vác súng đi đầu trần. Tôi lật đật ra sân: Thôi đúng rồi, họ rút đi, và lính mình về. Tôi mừng rỡ như điên định đưa tay vẫy thì chợt nhận ra nơi hông họ đeo cái bị rết. Lính quốc gia thì mang ba lô chứ. Tôi sững lại. Đoàn người cũng không đông lắm, chỉ chừng vài chục người.

Thái lúc này mới thấy sợ hãi:

“Thôi chết em rồi. Họ vào biết em là cán bộ xây dựng nông thôn thì không cách gì sống nổi.”

Tôi bảo nó đưa giấy tờ cho tôi giữ. Tôi cẩn thận bỏ giấy tờ của nó trong cái túi áo rồi xếp gọn đặt giữa mớ quần áo đang gói gọn ngang trong một tấm drap lớn. Anh tôi cố tin tưởng:

“Anh nhà giáo chắc không can chi. Nếu họ hỏi em, em nói em là học sinh nghe.”

Thái dạ nhưng nghe chừng yếu xiu. Gia đình Bé lại lật đật dọn xuống. Mấy bao bố đựng gạo, áo quần, mấy cái soong. Chú tôi không đi, má tôi kêu trời kêu đất, nhưng tụi em tôi bảo chú ở lại giữ nhà. Trên đó đã có cái hầm cũ làm sau vụ pháo kích lần trước. Má tôi không tin tưởng vào cái hầm đó lắm. Bà bắt Bé đi gọi ông xuống nhà, nhưng Bé vừa đi một lát, đã hót ha hót hải quay lại:

“Bác ui, họ về đông như kiến. Họ đang họp ngoài nghêu, họ treo cờ, họ hô hào. Họ lấy hết Huế rồi. Người ta bảo bên Phú Văn Lâu treo cái cờ gì to thực lúc. Con vừa tới thấy họ đang bắc loa gọi, con lủi nhanh vào vườn Bác Ái lủi về, may mà họ không thấy.”

Tôi hỏi có ai bị thương không, Bé nói là thấy họ đông lắm, sáng thấy có người bị thương, chừ đem đầu hết rồi. Má tôi nói liệu có di tản lên Từ Đàm được không thì Bé cho biết là đường sá họ gác hết rồi, góc nào cũng có người đứng gác. Tôi hỏi đi hỏi lại là mày có thấy tận mắt không, nó bực mình: “Thì thấy mới chạy thực mạng về đây. Đồn vận tải thấy vắng teo như không có người ở, tường thành gì cũng đổ nát hết...”

Lúc đó khoảng mười một giờ. Chúng tôi hết đứng lại ngồi, lóng ngóng nhìn ra đường. Lát lát má tôi sai một đứa cháu ra nhìn xem có ai đi lại không. Nhưng đường xá vắng ngắt. Mấy lần nó định đi lần về phía nghêu đường xay, nhưng không đủ can đảm lê bước tới đó. Lúc này nó đã nhìn thấy ở đó treo một lá cờ VC. Nó trở vào mặt mày rầu rĩ:

“Trời lính mà ai cũng như tui thì Huế mất là phải. Biết vậy đừng có về cho xong. Đã nghe lệnh cấm trại rồi mà còn về.”

Bé buồn cũng phải. Đáng nhẽ ra dù Huế còn hay mất nó cũng phải có mặt với anh em. Nhưng ba tôi chết cuối năm, Bé được giấy phép mấy ngày đầu năm để lo việc nhà. Lúc này, đèn đuốc trên bàn thờ ba tôi lại sáng trưng, mỗi đứa chúng tôi đều thắp hương và cầu nguyện. Đây là căn nhà thờ duy nhất của dòng họ tôi mà phải suốt cả một đời lẫn lộn cực khổ làm ăn lương thiện, ba tôi mới gầy dựng nổi. Căn nhà chưa tu bổ thì ba tôi đã có một chỗ ngồi trong căn nhà thờ này. Súng đạn đêm qua và sáng nay đã nhân đức với căn nhà thờ của dòng họ chúng tôi ngoài mức tưởng tượng.

Rồi chúng tôi cũng còn lo ăn nữa. Bữa cơm trưa được nấu vội vàng nhưng không có đồ ăn. Ngày cuối năm thì xong việc đám ma. Đến ngày mồng một gia đình tôi nguyện ăn chay để cầu nguyện cho người chết. Đáng nhẽ phải ăn Tết ở ngôi nhà anh Lễ tôi ở Từ Đàm, chúng tôi, kể cả anh Lễ, má tôi, cô em gái, mấy đứa cháu nhỏ, cùng mấy đứa em con chú đã tình nguyện ở lại để cầu kinh. Căn nhà thờ chứ không phải là nơi để ở nên thiếu thốn đủ thứ. Chúng tôi phải nạy cửa nhà ngang, xuống căn nhà phụ cho ông giáo Trường An Cựu thuê, vợ chồng họ về quê ăn Tết, để lấy chén bát và tìm đồ gia vị như nước mắm, muối ớt. Khổ là vì không định ở đây, chúng tôi không tích trữ gạo. Lúc này đã không còn nghe tiếng súng, hoặc có thì cũng chỉ là tiếng súng nhỏ vọng xa xa, ở một miệt nào đó. Như thế là nghĩa lý gì? Không có một chiếc máy bay, không có một chiếc xe chạy.

Đoàn xe Mỹ đã vào tới thành phố tan biến đi ngả nào. Những Việt cộng vừa tụ họp tại ghẹo Hàng Xay bỗng tản đi đâu hết. Tại sao chú tôi ở xóm trên chỉ cách một con đường rầy, mấy cái vườn, cũng không xuống được. Lâu

lâu lại thấy một đoàn người đi đâu ngoài đường phía dưới quốc lộ, vào thành phố. Căn nhà thờ của chúng tôi nằm ở An Cựu, sát ngoại ô, lại ngay đường quốc lộ nối Phú Bài với Huế.

Trong thành phố Huế lúc này ra sao, chúng tôi không tài nào đoán nổi. Cả nhà họp nhau lại sửa căn hầm cũ dưới nhà bếp. Tiếng súng càng về chiều càng dữ dội. Ngoài đường bỗng vắng tanh. Ở nhà bếp, nhà trên, dân trong xóm đến tỵ nạn nằm la liệt mấy căn buồng nhỏ được che hai ba mặt tường. Má tôi sai đứa cháu dâu nhóm bếp nấu một nồi cháo, chắc chẳng ai còn lòng dạ nào ngồi ăn cơm chiều. Nhưng nồi cháo nấu vừa chín tới thì Thái đã nhìn thấy có người đi lại ở ngoài đường. Mặc kệ tiếng súng đang nổ ran mọi phía, mặc kệ bom đạn có thể nổ ngay trên đầu mình, cả nhà chúng tôi tràn ra sân, rồi ra đường cái. Một hai người đạp xe từ phía cầu An Cựu đi lui đi tới, Thái vẫy lại hỏi: “Ngoài đó có ai đi không?” “Người ta tản cư qua bên sông hết.” Má tôi la lớn:

“Lên Bến Ngự Từ Đàm được không?”

“Chắc được.”

Nghe tiếng “chắc được” thôi mà cả gia đình tôi cũng tràn trề hy vọng. Mấy đứa cháu giục phải di tản qua bên kia sông hoặc lên Từ Đàm chứ ở đây chắc chết hết. Việt cộng đã về đóng kín hết mọi nhà, mọi đường phố. Nhà chúng tôi lại nằm ngay giữa hai cái đồn và ngọn đồi Thánh Giá nằm ngay phía đằng sau lưng. Nếu xấp lá cà ở đây một trận chắc cả làng An Cựu ra tro hết. Má tôi vợ tôi một ít quần áo của ba tôi những thứ còn bỏ lại, không đem liệm cho người chết. Bà gói lại cẩn thận. Gia đình mấy đứa em họ tôi thì lo gánh gạo, quần áo, nồi chảo và những dụng cụ cần thiết. Tôi xách cái ví tay, cái xách nhỏ. Anh tôi dắt chiếc Honda

chở em gái tôi với hai đứa cháu đi trước. Tới gần cầu An Cựu, má tôi nói anh cứ đi trước đi, chở con và em lên rồi trở lại đón từng người bằng xe cho mau. Thái lấy chiếc xe đạp tìm đường sang phố. Chúng tôi chia tay ở trước đồn vận tải. Từng đoàn người cầm cúi lật đật, bồng bế, xách gói chạy qua phía cầu. Chúng tôi theo họ nhưng tới cầu cả bọn không được đi về phía Tân Lăng, Phú Cam mà cứ bị xua lại cầu. Lúc chúng tôi chạy tới, một trong hai người đàn ông gác cầu đưa tay chặn lại:

“Đi đâu, bà con ai ở yên trong nhà, không được chạy.”

Tôi đứng sững đằng sau lưng má tôi. Hai người đàn ông mặc quần áo ka ki vàng, nhưng chân đi dép. Không phải là lính quốc gia rồi; chắc họ là quân giải phóng. Tôi nhìn sững họ không nói được một câu, miệng tôi cứng lại. Má tôi nói như muốn khóc:

“Nhà cửa sập rồi mấy ông ơi, còn chi mà ở. Tui sang nhà bà con bên kia sông.”

Lúc đó tôi không còn thấy bóng em tôi chở em gái và cháu tôi đâu nữa. Tôi nghĩ là anh đã đi thoát rồi. Hai người lính vẫy cho chúng tôi qua cầu. Mấy vũng máu đọng giữa cầu chưa khô, ruồi nhặng bu đen xì. Chỉ một đoạn đường ngắn mà tôi nhìn thấy biết bao nhiêu dép, giày vớ, quần áo rách, bị rết, ba lô văng bừa bãi, dính lẫn với máu và những mảnh thịt.

Má tôi bảo qua cầu rồi cứ đi dọc bờ sông tìm đường lên căn nhà ở Từ Đàm. Nhưng đi được một đoạn, chúng tôi thấy những người đi trước lúp xúp chạy trở lại, vừa chạy vừa khóc. Chúng tôi hỏi họ không nói ra được, cứ làm dấu vẫy lui. Tôi chặn một cô nhỏ:

“Sao trở lui vậy em?”

“Trên nớ, nơi cầu Phú Cam họ đứng đầy, họ gác, họ đuổi lui.”

“Cứ đi trèn không được à?”

“Họ bắn hai ba người.”

Má tôi nín chúng tôi lại. Mấy đứa em tôi cũng hốt hoảng bảo vợ con tắt tuổi đi lui. Chúng là lính gặp họ chắc không ổn rồi.

Không hiểu nhờ phép lạ nào mà khi qua cầu họ không hỏi tỉ mỉ. Khi má tôi xin qua cầu được, cả đoàn cứ nối đuôi nhau mà chạy. Cũng có lẽ họ còn bận với những đoàn người đi sau.

Qua được cầu rồi, lúc này tôi mới dám nhìn hai bên đường phố. Chợ An Cựu như một bãi chiến trường, máu còn chưa khô, máu in đỏ trên những bức tường loang lổ vết đạn. Một chiếc xe tăng lủi vào lề đường đâm vào một căn phố, tấm bảng hiệu còn treo lủng lẳng. Hai ba căn phố không còn hình dáng gì. Không một căn nhà trước đường nào còn nguyên. Giữa đường đầy rẫy chướng ngại vật, máu me, quần áo, rác, sắt vụn, gỗ ván. Chúng tôi len lỏi mà đi. Không một đôi mắt nhìn ra cửa, những căn nhà như đã hoang vắng hết. Không còn biết đâu yên mà chạy tới nữa. Thôi cứ liều, má tôi nói liều mà tìm đường lên Từ Đàm, gia đình họp lại sống chết có nhau. Chúng tôi đi hết con đường ngắn, dọc xuống Lê Lợi. Con đường đang trước mặt dẫn sang nhà bưu điện và cầu Tràng Tiền sao vắng ngắt. Tiếng súng ở mặt nhà dây thép nổ như bắp rang. Đoàn người này đi tới, đoàn người kia chạy lui, không kịp nghe nhau trả lời, cứ thế, chạy loanh quanh trong những khu vực chưa bị kiểm soát. Cuối cùng chúng tôi dồn vào khu nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế.

Không còn chạy đi đâu được nữa, phía trước mặt người ta đã chạy lui lại hết. Phía đằng sau cũng không còn đường trở lui. Má tôi kêu trời kêu đất. Anh tôi đã mất tầm dạng.

Ngoài đường thưa người dần và nhiều tiếng súng gần tới nơi. Mọi người chạy ào vào bên trong nhà thờ hết. Tất cả được dồn vào khu nhà giảng. Tiếng súng như đã bao quanh khu nhà thờ.

Má tôi kêu chúng tôi xuống căn hầm xây dưới giảng đường nhưng chỗ đó không còn chen chân nổi. Chúng tôi lại kéo nhau vào một chỗ trong góc. Bé trái chiếc chiếu cũ, cả nhà hơn mười người, gồm người lớn và con nít chen nhau một chỗ ngồi nhỏ. Khi tìm ra được một chỗ ngồi rồi, tôi mới nghe thấy tiếng vo ve từ dưới hầm đưa lên, tiếng trẻ con la khóc, tiếng cãi nhau, tranh giành nhau một góc nhà. Bên ngoài tiếng súng vẫn nổ ròn rã. Được một lát khi tiếng súng dứt, một số người khác chạy đến nhà thờ. Tôi chạy ra sân gặp Thái đi vào. Nó chụp lấy vai tôi: “Vô đi chị. Súng còn nhiều lắm.”

Tôi hỏi:

“Sao em trở lại, có gặp anh Lễ không?”

“Không chị ơi, em lên cầu Kho Rèn, định đi qua cầu, gặp họ họ kêu lại, bắt giữ em. Em năn nỉ mãi mới cho đi. Em tưởng em bị bắt rồi.”

Tôi hỏi Thái thấy gì không. Thái nói thấy gần mũi cầu xác chết còn la liệt. Một số người bị bắt ngồi bên kia cầu. Có hai ba người Mỹ bị trói dẫn đi.

Một số người khác lại tràn vào nhà thờ, tôi tới hỏi thăm có ai miệt cầu Bến Ngự về có thấy một người đàn ông chở hai đứa nhỏ và một cô gái không. Một cậu nhỏ kể: có thấy một người đàn ông, chở hai đứa nhỏ với một cô gái cứ phóng đại xe qua cầu. Họ bắn mấy phát, xe suýt đâm xuống sông. Họ giữ lại, rồi thấy tha cho đi lên phía cầu Bến Ngự. Thái nghe nói quả quyết anh Lễ đã thoát. Tôi dẫn Thái tới chỗ má tôi ngồi. Mấy đứa cháu nhỏ đang ngồi ăn bánh

chưng. Má tôi đưa mắt nhìn tôi dò hỏi. Tôi kể lại chuyện vừa nghe được cho má tôi nghe. Thái kêu khát nước, vịn cái vôi nhưng không có một giọt nước nào. Mấy đứa nhỏ đá cả ra chiếu.

Người này cứ hỏi người kia mãi về những điều đã trông thấy, đã kể. Tôi hỏi thăm Thái về đường đi lên Từ Đàm, Thái nói qua cầu Tràng Tiền được, không đi lên Nam Giao được. Nó đã cố hết sức, nhưng thấy không có cách nào nên đành quay về nhà thờ, không ngờ gặp gia đình cũng ở đó. Tôi và Thái cứ nghe êm êm tiếng súng là ra sân đứng ngóng, cho tới chiều tối không thấy anh tôi trở lại. Chúng tôi dắt nhau đi vào. Thái lấy cái áo măng tô của ba tôi để lại, khoác vào người tôi:

“Chị mặc đi kéo lạnh.”

Trời mưa lất phất, cả một ngày tôi không còn đủ sức để ý đến bầu trời, đến cây cỏ. Tôi nhìn lên bầu trời màu chì, nặng nhọc, những hạt mưa bám vào tóc, vào mặt không làm tôi lạnh hơn. Sự lạnh lẽo, tê cóng, lo sợ, run rẩy suốt một ngày đã bóp cứng da thịt, và thể xác tôi đã như bị ướp trong tủ lạnh. Khi trở vào tôi bước qua chân mấy người bị thương nằm la liệt ở một phòng nhỏ gần cửa ra vào. Mấy người đàn ông đang băng bó, họ làm việc cũng lảng xảng lảm. Mấy ngọn đèn cầy đã được thắp ở mấy cái bục, ở các hàng ghế, khi tôi vừa xuống khỏi mấy bục cấp nơi khoảng giữa giảng đường xây cao, đặt tượng Đức Mẹ, tôi bỗng ngồi thụp xuống. Hình như Thái cũng kéo tay tôi nữa. Một tiếng vỡ khô khan. Tiếng một người rú lên. Khi định tỉnh nhìn lại, một trong hai chậu cây kê ở hai cái bệ đá đã đổ xuống. Chị đàn bà nằm sắp xuống nền gạch, bên cạnh những mảnh sành vỡ. Chị đã dựa đầu vào cái chậu, và quên đi. Cái chậu rơi, đẩy chị ngã bổ nhào. Nhiều tiếng chửi rửa

vang lên ở nhiều góc tối. Tôi ngồi bó gối bên cạnh má tôi và Thái. Má tôi chưa ăn gì, tôi cũng vậy. Thái hỏi tôi có đói không rồi chạy đi, một lát, nó trở vào với đòn bánh tét trên tay. Cầm miếng bánh đưa lên miệng, tôi nuốt không trôi. Tôi cũng không thấy đói, thấy khát mà chỉ thấy trong lòng cồn cào trăm thứ.

Một ngày rồi, tôi không nhớ chồng con. Căn nhà nhỏ của gia đình tôi ở Sài Gòn lúc này ra sao? Có yên ổn không? Chồng con tôi đang làm gì? Tôi tưởng tượng từng khuôn mặt các con, hình dáng đi ra đi vào của chồng, rồi cả bữa cơm tẻ nhạt nữa. Bữa cơm không có bàn tay người đàn bà, thiếu chỗ ngồi đó, bữa cơm tẻ nhạt tội nghiệp lắm. Má tôi cầm chặt tay tôi:

“Con ơi, dựa vào vai mẹ mà ngủ.”

Thái đứng lên, nó nói phải đi kiểm một chỗ nào tốt hơn. Tôi gục đầu vào vai má tôi. Mấy đứa cháu nhỏ đang khóc, đòi nước, đòi cơm, đòi sữa. Tôi nghe tiếng cánh cửa sắt phía cửa chính kêu leng keng. Không có một ai ở ngoài đường, ngoài sân. Ngôi nhà giảng rộng lớn có mái cong và nhiều chỗ đặt kính, tường thật dày, cách khoảng những lá cửa bằng gỗ lim đóng chặt.

Nhiều tiếng đạn lớn bay ngang qua khu nhà thờ, rồi tiếng nổ ầm ầm sau đó. Má tôi kéo tôi tựa người vào bà. Tôi ngồi như thế và nhìn mãi ngọn đèn cầy đặt nơi chân ghế, trước mặt. Ngọn lửa không nhắc nhủ tôi gì hết, cũng không đem tới chút hy vọng nào.

Tôi nghe những tiếng khóc nhỏ, nhiều vô số kể. Có tiếng khóc thét lên ở góc phòng đằng kia. Chắc một người nào đó vừa mới chết.

Có tiếng dép lẹp xẹp từ một ngách nhỏ nối liền nhà ngang. Rồi một cái bóng to lớn nổi lên ở khoảng tường

đăng trước mặt. Rồi lơ nhố những cái bóng nhỏ khác, đầu vói nửa người cũng hiện lên theo. Tôi quay lại, trên cái bục cao, dưới tượng Đức Mẹ, một người đàn ông mặc áo chùng đen đang đứng giờ cao ngọn đuốc. Một ông thầy, một linh mục. Tất cả mọi tiếng khóc rấm rứt, những tiếng thì thầm vụt biến mất. Tôi nghe phía đó cất lên một giọng nói:

“Tắt hết đèn cầy đi, tôi sẽ đặt ngọn đuốc này ở đây. Mọi người bình tĩnh và tìm chỗ ngủ đi. Chúa sẽ che chở cho chúng ta.”

Ngọn đuốc chiếu những đầu người ngồi lổm chổm lên tường, nhưng chiếc bóng của ông linh mục ngấn dần, rồi biến mất.

Chương 2

Nhà thờ dòng Chúa Cứu thế

Những tiếng khóc tím tím đã rời rạc, nhạt nhẽo dần. Tất cả các ngọn đèn cầy cháy đã lụi tàn, nhưng bên trong nhà thờ không còn đủ không khí để thở. Thái đã cố gắng dồn được cho má tôi một chỗ nằm khá thoải mái. Dĩ nhiên được một chỗ nằm như thế là đương đầu với sự nguy hiểm nhiều hơn. Tôi và em Thái cũng chọn một chỗ nằm trên hàng ghế nguyện. Mọi người khác chiếm những chỗ kín đáo, như chui giữa các dãy ghế trống, hoặc dưới chân bàn, chân ghế. Họ hy vọng những vật chặn mảnh mai đó sẽ chống đỡ phần nào bom đạn cho họ. Chúng tôi chọn hai chiếc ghế dài gần nhau, nhờ vậy hai chị em có thể thì thầm trò chuyện. Bầu trời bên ngoài gần như yên tĩnh, lâu lâu, điểm vài tiếng nổ xé nát. Gạch đá, kính vỡ lại loảng xoảng rơi. Tôi lo lắng:

“Hay mình xuống đất nằm đi.”

Thái cản:

“Cứ nằm đây. Trái bom nếu nó trúng thì đất cũng tung lên, mấy cái bàn, cái ghế nhằm nhò chi. Nằm ở đây dù gì cũng còn dễ thở, chị. Không can chi mô!”

Bây giờ thì thấy chưa can chi. Nhưng khi can chi thì... Nhưng trong lúc hoảng sợ, còn nghe tiếng người trấn an, cũng đỡ nhiều lắm. Mà xuống sàn, chắc tôi cũng không chịu đựng với hơi người, tiếng rên rĩ kêu la của người bị thương chưa được băng bó. Cứ nghe tiếng nổ là má tôi chồm dậy:

“Xuống đất. Xuống đất hết đi bây.”

Thấy kêu hoài mà không nghe con cháu trả lời, má tôi cầu nhàu rồi cũng chịu phép. Tôi nằm thẳng, mắt mở lớn nhìn lên trần nhà mà mái đã bị vạt nhiều góc, thỉnh thoảng thấy những ánh sáng xanh lè xẹt qua rồi tiếp theo tiếng nổ long trời lở đất. Qua khung kính đủ màu trên vòm nhà thờ, có những ánh sáng lù mù mà tôi đoán là của hỏa châu, vì đó là thứ ánh sáng chỉ chấp chờn, chấp chờn rồi tắt ngúm, điểm vào những tia lửa xẹt và những tiếng nổ lớn gầm thét.

Tôi cố nằm thật im, cố ôn lại những phút kinh hoàng đầu tiên của thành phố Huế và cũng để quen dần với biến cố khủng khiếp đang kéo dài. Mới chưa qua một ngày mà thời gian dài như cả tháng, cả năm. Đã có lúc, hy vọng có bùng lên. Đó là lúc ngồi ở bệ đá, tôi nghe lời bàn tán của các người chạy loạn:

“Chắc một hai bữa rồi về. Mấy người lính giải phóng nói họ chỉ ở chơi ăn Tết với đồng bào bảy ngày rồi họ đi.”

Mới ngày thứ nhất đã bao nhiêu người chết, máu đổ. Chúng tôi chỉ mới chịu được có một ngày. Còn những ngày tới...

Tôi đang nghĩ mông lung để dần nén cơn sợ hãi thì bỗng bàn chân tôi bị ai nắm lấy, kéo một cái. Tôi rụt chân lại, không dám la, chỉ ú ớ rồi ngồi rột dậy. Thái nghe tiếng động, bên ghế kia cũng bật ngồi dậy theo.

“Chi rứa chị. Chi rứa?”

Giọng Thái nhỏ nhưng đầy sự lo âu. Tôi há miệng mà

không nói ra lời, quai hàm tôi cứng ngắc. Trước mặt tôi, Trúc cũng đã ngồi dậy tự bao giờ, rên khẽ:

“Chị ngó coi. Ai nơi a tề?”

Nó nhào qua, bầu chặt lấy vai tôi. Hai mắt tôi mở trừng trừng. Chỉ một màn đen. Bàn tay của ai đó đã buông chân tôi ra. Nếu không có ánh hỏa châu bên ngoài vừa xẹt sáng thì tôi không nhận ra cái bóng đen đang chồm tới phía chúng tôi.

“Em...em...”

Giọng Thái:

“Chị đừng sợ.”

Cái bóng vấp vào chân ghế, rồi một giọng nói yếu ớt:

“Cho em ngủ chung với, em sợ quá chị ơi.”

Nhận ra giọng nói của Thu, cô em họ, tôi vẫn chưa hoàn hồn. Nhưng tôi đã mở miệng được:

“Nói nhỏ nhỏ. Sợ chi vậy?”

Thu thì thầm:

“Em nằm bên cạnh cái bà mà khi chiều mình thấy đó. Bà đó ôm cái bọc nhỏ trước ngực. Nằm mà cũng ôm khư khư không rời...”

“Thì kệ bà nó. Có chi mà sợ chớ?”

“Em ngửi thấy mùi hôi, hôi lắm.”

Tôi nạt nhỏ:

“Nhiều chuyện. Chạy cả ngày, có người sợ đái trong quần. Hôi chớ răng không hôi. Mai mốt em cũng hôi như cú.”

“Không phải. Em nằm sát bên cạnh, thấy ghê ghê. Bà cứ khóc rỉ rả như con dế kêu, rồi cứ nói lầm bầm trong miệng như điên, mà cái mùi... nó kỳ lý... Em sợ lắm.”

Thái phải co chân lại, nằm sát một đầu ghế để nhường chỗ cho Thu ghé vào.

Đêm đầu tiên xa nhà, ngủ ở một nơi hoàn toàn xa lạ với

sự sợ hãi giày vò, không biết thân mạng mình sẽ ra sao, gần hai giờ sáng mà tôi vẫn không chợp mắt được mặc dù quá mệt mỏi. Bỗng nhiên tôi nghe một tiếng kêu rú thất thanh và tiếng rú không ngừng, vẫn tiếp tục. Tôi hoảng sợ đứng bật dậy, và trong khi đứng dậy, tôi đập nhảm một người nào đó đang nằm giữa lòng ghế. Tức thì bắp đùi tôi bị véo một cái đau điếng buốt lên tận đầu, nhưng cũng nhờ đó mà tôi tỉnh táo được. Nhiều tiếng kêu, tiếng lao xao bàn tán, rồi đột ngột rơi vào sự im lặng, như mọi người đã biến mất hết trong bóng tối. Rồi mọi người lại hiện ra, toàn những đầu là đầu khi một que diêm lóe lên và một ngọn đuốc trên bực được thắp sáng. Cha Sở đang bước lên cái bực gỗ nhỏ, giọng lo lắng hỏi:

“Có chuyện chi rứa, bà con? Có ai bị thương?”

Có tiếng khóc từ một góc xa, tiếng một người già rụt rè lẫn trong tiếng rên rỉ của ai đó.

“Dạ thưa cha, có người... có người đau bụng... đẻ.”

Nhiều tiếng thở ra. Nhiều tiếng bầu bầu khó chịu. Trong hoàn cảnh này không ai còn đủ sức lo cho ai, thương cho ai ngoài thân mình. Nhiều cái đầu ngã xuống, nhiều người nằm ngủ trở lại. Cha Sở càng lộ vẻ lo lắng:

“Có ai biết đỡ đẻ không? Có ai là y tá không?”

Im lặng.

Cha Sở lớn tiếng hơn, nhắc lại:

“Ai biết đỡ đẻ, xin giúp... Tôi yêu cầu quý vị...”

Không có ai trả lời hết. Tiếng xì xào cũng ngưng bật và giọng cha Sở hoàn toàn rơi vào im vắng. Ánh đuốc lung linh chiếu lờ mờ khuôn mặt đầy tuyệt vọng của cha. Cha Sở đốt một ngọn đèn cầy rồi cố mở đường đi xuống giữa hai hàng ghế.

“Có ai không? Có ai không?”

Tiếng cha Sở càng lúc càng lạc lõng, vô vọng.

Cha Sở vẫn cố gắng len lỏi đi xuống thêm những dãy ghế cuối. Buổi chiều người ta đã giành nhau quay ghế thành từng khu riêng cho từng gia đình. Những người đến sau, chịu thiệt thòi, nằm tràn ra sàn nhà, chỗ nào lọt được để nằm hoặc ngồi là họ tranh giành nhau.

“Có ai làm ơn. Xin Chúa chúc phúc cho người hiền lương, xin bà con rủ lòng thương xót...”

Sự tận tụy của cha Sở rồi cũng được một vài người đáp ứng khi cha xuống đến cuối phòng. Vài bóng người đi theo cha, tôi không nhìn rõ họ nhưng tôi biết trong đám đó có Thái.

Người ta khiêng người đàn bà chuyển bụng đẻ lên căn gác lửng nơi dành cho ban nhạc trong các buổi lễ hoặc buổi giảng. Căn gác này hoàn toàn trống, nó gần mái nhà và được coi là nơi nguy hiểm nhất, không ai can đảm lên đó để núp bom đạn.

“Lên đó dễ sợ lắm, dễ ăn bom...”

Một giọng nói xì xầm, không chút xót thương người mà gần như còn mừng cho mình kiếm được chỗ tốt hơn. Tôi âm thầm cầu nguyện, năn nỉ bom đạn ngoài kia, xin ngừng lại một lúc cho người đàn bà qua cơn hoạn nạn.

Trên căn gác lửng, tiếng rên la của người đàn bà bắt đầu thảm thiết hơn, rền rĩ hơn. Con Thu bạo dạn ngھĩnh đầu nghe ngóng, nó phê một câu:

“Chị ơi, cái bà ni không biết dị chi hết. Đẻ mà la quá trời...”

Con Thu chưa làm mẹ, nó làm sao hiểu được cảnh người đàn bà qua biển mồ côi một mình. Tôi đã sinh đẻ, tôi biết cơn đau đẻ hành hạ người đàn bà như thế nào, nhưng lúc này tôi cũng không thể chia sẻ gì được cho bà ta. Tôi đã mệt quá, cơn đau đẻ của bà làm cho tôi càng mệt thêm.

Không khí như từ đâu tràn vào, xông tới và tôi thở phào, nhẹ nhõm khi nghe tiếng con nít khóc oa oa chào đời. Tiếng khóc mạnh mẽ, bất chấp, không biết có đem sự tin tưởng, hy vọng, sức lực tiếp cho ai không, nhưng với tôi thì có. Cảm ơn tiếng khóc chào đời trong cảnh khốn cùng tuyệt vọng.

“Khỏe re. Hết một cái lỗ tai. Bà nó đẻ rồi.”

Giọng Thu có chút vui vẻ mà dừng dừng. Tiếng khóc của đứa trẻ lại nổi lên, mạnh dạn, như thi đua với tiếng bom, tiếng đạn bên ngoài đang hứng dấy. Tôi nhớ một câu trong Thánh Kinh: Mừng rằng mình đã sanh một người cho thế gian... Đêm nay, đầu chỉ ở trong cái góc tả tơi, trong sự sống sự chết này có một con người mới tới, mà trong thành phố Huế, trong ly loạn, vẫn còn có những tiếng khóc khác nữa, đang lẫn xả vào đời. Tiếng khóc sơ sinh trong căn nhà đang bắt lửa cháy, trong lúc viên đạn đã đi đến nửa chừng. Tiếng khóc ra đời để kết thúc những đau đớn vết thương trên thân thể người mẹ đang giờ hấp hối... Tiếng con nít khóc càng làm tôi nhớ tới các con tôi lúc này đang ở Sài Gòn. Có chuyện gì xảy ra nơi đó không? Có không? Nếu có chuyện gì thì ruột mẹ sẽ đau, sẽ đứt, nếu có chuyện gì xảy ra cho mẹ, ruột của các con cũng đau, cũng đứt...

Ngọn đuốc trên bệ đá đã được thổi tắt, nhưng trên căn gác vẫn còn chút ánh sáng rọi xuống. Người mẹ đã hết rên đau. Đứa bé đã hết khóc. Tôi hình dung chị đàn bà đang ngủ. Hai nhi cũng ngủ. Hai giấc ngủ hòa hợp bình yên mặc kệ giông bão, bom đạn của cuộc đời đang ào ạt tới.

Nhưng đêm cũng bắt con người ngừng bớt sự giết chóc. Tiếng bom thưa thớt hơn và những tràng súng lâu lâu mới điểm để không có sự trống trải của đêm dài. Tôi chợp mắt được.

Gần sáng, tôi bỗng thức tỉnh. Quên là đang ngủ trên cái ghế dài, hẹp, tôi ngồi bật dậy như khi còn ở nhà mình. Tôi chao đảo muốn té. Vừa lúc đó tôi cũng chợt nhận ra hoàn cảnh của mình lúc này. Trước hết tôi đảo mắt tìm má tôi. Bà vẫn nằm co quắp, đầu gối lên cái giỏ đựng quần áo. Thu và Thái nằm ngược chiều, đầu chầu vào nhau, cũng co quắp người mới đủ chỗ. Còn sớm lắm, bầu trời chưa sáng hẳn nhưng bên ngoài vẫn chiếu vào những luồng sáng của hỏa châu. Không còn tiếng bom, không còn tiếng súng. Bên ngoài im vắng đến ngột ngạt và không hiểu chuyện gì đã xảy ra? Tôi định qua đánh thức má tôi dậy. Nhưng vừa bỏ chân xuống chưa tới mặt sàn, người tôi như bị điện giật. Rõ ràng tôi đạp lên một thân người, nhưng cái thân cứng như cây củi, mà lạnh ngắt. Hỏa châu lại chiếu vào, lại cho tôi nhìn thấy một xác chết nằm giữa hai hàng ghế, mắt vẫn còn mở trừng trừng như hướng lên những lỗ hổng trên mái nhà để thấy ánh sáng. Không biết tôi đã dùng bao nhiêu sức lực, hay cái thân tôi biến thành cái lò xo nhảy bắn tới chỗ Thái nằm, chồm lên đầu Thái và Thu. Hai đứa em bừng tỉnh, cuống quít ôm chặt tôi:

“Chi rứa chị? Chi rứa?”

Tôi ú ớ. Hai đứa em ngơ ngác nhìn quanh. Mọi người vẫn còn ngủ say. Lúc này ánh sáng ngoài trời khá tỏ, đã chui vào từ những lỗ hổng trên mái nên có thể thấy toàn cảnh tuy không được rõ ràng. Thái vẫn chưa thấy xác chết nằm dưới đất nên hỏi:

“Chuyện chi rứa chị. Có chi mà chị sợ?”

Không dám lên tiếng, chỉ đưa tay chỉ. Con Thu rụt đầu, bưng tai:

“Trời đất. Coi tề. Dễ sợ quá, sợ quá...”

Thái ra dấu cho chúng tôi im lặng. Thái đã từng là một

cán bộ xây dựng nông thôn nên thấy người chết cũng đã nhiều, nó không sợ hãi.

“Chị và Thu ngồi yên ở đây. Ngồi bỏ chân lên ghế. Để em...”

Thái bỏ đi, nói là tìm cha Sở. Mấy chị em tôi ngồi co rút người, ôm chặt lấy nhau. Phía bên kia, má tôi quá mệt mỏi, còn ngủ nhừ. Một lát sau xác chết được khiêng ra ngoài. Nơi chỗ nằm của xác chết vừa được mang đi, còn để lại một vũng nước vàng bầy nhầy máu mủ chảy ra từ vết thương. Thái lấy khăn mùi soa cột ngang miệng mũi rồi đi dọn dẹp. Xong xuôi, Thái đổi chỗ cho tôi:

“Chị nằm đó nghỉ đi. Em qua bên ghế kia.”

Thái nhượng mắt, lắng tai nghe ngóng:

“Bên ngoài im ờ. Khi hồi em khiêng xác chết ra ngoài cũng thấy lặng như tờ. Chắc yên rồi. Chờ sáng coi ra rắng rồi mình về nhà.”

Tôi vẫn không tin tưởng:

“Biết ra rắng mà dám về. Đợi coi người ta rắng thì mình theo...”

“Rứa chị nằm ngủ đi. Coi con mắt chị đỏ kè tè...”

Nhưng chưa kịp nằm xuống, Thu đã kéo giật tôi:

“Chị ơi, chị...”

“Chị nữa?”

“Coi cái bà đó tè. Bà đó khi túi nằm gần em, rắng chừ mò tới gần đây rồi nì. I, chi coi...”

Từ dưới nền đất, cách chừng hai dãy ghế, một người đàn bà lồm cồm bò dậy. Chị đứng thẳng, tay vẫn ôm cái bọc khur khur. Lúc này trời sáng, tôi nhận ra được cái bọc bằng vải, bên trong là gì? Một đứa bé? Sao không thấy cựa quậy nhúc nhích ? Đứa bé bình nặng? Thiếu ăn? Hết hơi sức? Đôi mắt của chị đàn bà không còn chút thần sắc. Chị liếc nhìn chúng tôi bằng ánh mắt khờ khạo rồi cúi xuống đưng

đưa cái bọc vải, giọng rền rĩ:

“À... ời! Con ngủ đi con... À ời... Ru hời ru hời là ru... Bên cạnh thì chống, bên su (sâu) thì chèo... Ngủ đi con... Con ngoan... con ời là con!”

Giọng chị rít lên:

“Con ời là con. Con ời!”

Chị đàn bà bật khóc. Tôi không hiểu tại sao chị ru con mà khóc? Chắc hôm qua nhà chị bị cháy, chồng chị chết rồi, chị bỗng đưa con chạy thoát? Thái nằm day mặt về phía chị đàn bà, hỏi:

“Con chị đó há?”

Chị đàn bà gật đầu. Gật tới mấy cái liên tiếp.

“Nó mằn rãng mà chị khóc? Nó đau ốm chi không?”

Chị đàn bà ôm chặt cái bọc vải hơn, hơi quay người như sợ người ta giành mất:

“Không rãng. Không rãng hết.”

“Gia đình chị mô hết rồi?”

“Chết. Chết hết. Chết. Chết hết, còn mô nữa...”

Chị ngưng lại. Nước mắt đã nhòe nhoẹt trên gương mặt xanh xao. Tôi không dám nhìn khuôn mặt méo mó khổ đau đó. Con Thu nói nhỏ:

“Chắc mẹ nó điên. Ngó cặp mắt lơ lơ... dễ sợ...”

Lắc đầu, nghiêm mặt. Cũng không thể la đứa em. Nhiều người đã trở dậy. Nhiều người bạo gan đi ra ngoài tìm nước súc miệng, rửa mặt. Cha Sở trở lại, yêu cầu thân nhân phải kiêng những kẻ bị thương ra khu nhà ngang. Ở đó có một số thanh niên tình nguyện giúp đỡ, săn sóc, băng bó cho người bị thương. Nhưng không ai nghe lời, họ nghĩ dù người bị thương, được ở bên trong nhà thờ, gần gũi thân nhân vẫn an toàn hơn. Cha Sở phải cùng số thanh niên đi len lỏi vào các dãy ghế. Nhiều người được kiêng ra ngoài.

Thái cũng hăng hái cùng đám thanh niên giúp cha Sở. Má tôi cũng đã dậy từ lúc nào, và Thái đã tìm được nước, đắp ướt khăn đem tới cho má tôi lau mặt. Tôi lần tới bên má, ngồi giữa má tôi và một bà cụ già khác.

“Má.”

Tôi nắm chặt tay bà. Hơi ấm. Thân thuộc. Êm ái. Tôi hơi tựa người vào mẹ:

“Má. Má có ngủ được không?”

“Gần sáng thì mệt quá, má ngủ mất hồi mô không hay. Họ có bắt nhau nhiều không?”

“Ít thôi, má.”

“Ừa. Hèn chi ngủ yên, không bị giật mình.”

Tôi không kể cho má tôi nghe vài chuyện đã chứng kiến hồi nửa đêm về sáng. Má tôi lại hỏi:

“Liệu có yên không con. Mắn rằng mà về coi nhà cửa. Còn gia đình anh con trên Từ Đàm nữa, bắt vô âm tín như ri làm má lo trong bụng quá. Chị nờ, tui còn thằng con trai, vợ nó, con nó đang kẹt trên Từ Đàm...”

Má tôi lại bật khóc. Bà cụ ngồi bên cạnh an ủi:

“Ai cũng chịu chớ riêng chi mình chị. Khóc cũng không làm chi được. Tui, thằng con trai bị họ bắt từ bữa đầu, mấy đứa cháu chạy lạc mô không thấy, chết sống ra rằng cũng không biết... Tui cũng bầy trong bụng chị nờ...”

Khuyên nhủ người đồng cảnh ngộ lại làm động mỗi thương tâm, bà cụ cũng ứa nước mắt. Bà đưa tay chỉ ông cụ đang ngồi phía đầu ghế đối diện, tay ôm bọc quần áo, nói:

“Ông nhà tui đó tề. Chừ chỉ còn hai cái mạng già với nhau còn con cháu trẻ không thấy mô... Ai cũng khổ hết.”

Chút tĩnh lặng trong nhà thờ bị quấy động. Mọi người đã trở dậy. Tiếng ồn ào như ong vỡ. Mấy cánh cửa gỗ lim chắc chắn được hé mở, ánh sáng lùa vào. Thái bỏ đi ra ngoài.

Một lát sau Thái trở vào cho biết bên ngoài yên lặng. Nhiều người cũng đi ra nghe ngóng, có người còn ra tận đường phố đứng nhìn lui nhìn tới rồi trở vào thông tin cho mọi người. Lát sau, ngay trong sân nhà thờ, đã có nhiều nhóm tụm năm tụm ba nhìn ra con đường vắng ngắt như đã hoang phế từ bao lâu rồi.

“Lợi dụng đang yên, mình ra ngoài kiếm nước, chị.”

Mấy chị em dè dặt đi theo sau lưng Thái ra ngoài, tới giếng nước. Mọi người đã tới đây đông nghẹt và đang giành giật nhau với chỉ một cái gàu múc nước. Giếng nước nằm cạnh một dãy nhà bếp nối liền với dãy nhà ngang nằm mé một khu vườn rộng trồng đủ loại cây trái. Qua một ngày một đêm tù túng bên trong nhà thờ, lúc này tôi mới hít thở được khí trời, nhìn thấy gốc cây ngọn cỏ và mặt đất còn bình yên.

Bầu trời nặng trĩu màu xám và bắt đầu rơi xuống những hạt mưa nhỏ như bụi. Tôi kéo vạt áo măng tô lại và cài nút kín cổ vì không khí bên ngoài giá lạnh. Cả đêm qua bên trong nhà thờ, đầy hơi người, đầy lo âu, tôi đã không thấy lạnh mà còn nóng bức. Lúc này đứng bên giếng nước, nhìn cỏ cây, mưa bụi, không khí trong lành, tôi thở hít không ngừng, thở hít ham hố như sợ ngày mai, ngày mốt sẽ không còn được thở trong bầu không khí như vậy nữa.

Một lúc sau tôi cũng phải rời giếng nước và vườn cây xanh um. Thu bỏ vào bên trong nhà thờ trước. Nó đã lấy được một lon bơ đầy nước. Thái rủ tôi ra đường coi có gì lạ không. Con đường như dài, rộng hơn ngày thường, trông vắng và đầy bí hiểm hơn ngày thường. Chúng tôi vòng lại phía sau, chỗ có một con đường tráng nhựa chạy thẳng, dẫn tới một bờ sông. Cũng có một vài người ra đến đó. Chúng tôi hỏi nhau, cũng không ai biết gì hơn chúng tôi cả.

Sau cùng, hai chị em tôi đi vào một xóm nhỏ. Mọi nhà đều cửa đóng then gài giữa những khu vườn nhỏ tắm mưa. Cũng còn vài nhà có người. Thấy chúng tôi, họ thò đầu ra ở những cánh cửa hé và hỏi thăm:

“Mấy người ở mô. Thấy ra rặng rồi? Họ còn đó hay đã đi chưa?”

Chúng tôi còn biết gì hơn họ? Chúng tôi lắc đầu. Con đường phía trước không biết chuyện gì đang chờ đợi? Lúc đó, có một toán người từ bờ sông chạy ngược lên, họ ra dấu cho chúng tôi trở lại. Và rồi đám đông cùng theo chân chúng tôi, tụ trong sân nhà thờ. Họ cho biết họ ở phía bên kia cầu, họ đã chạy loạn và muốn trở về. Nhưng ở bên kia cầu lính Việt cộng đang canh giữ.

“Thấy chúng tôi, họ đuổi trở lại nhà. Chúng tôi chạy đại bất kể, họ đưa súng lên nhắm bắn. Rứa là tụi tôi chạy bán sống bán chết. Họ còn bắn đuổi theo dọa làm chúng tôi chạy té sấp té ngửa...”

Đám người này vẫn chưa chịu vào bên trong nhà thờ để cha Sở xếp đặt chỗ ở. Họ cứ lớ ngớ nhìn ra đường, mỗi mắt ngóng chờ một người nào đó chạy tới để hỏi thăm tin tức nhà cửa của mình. Nhiều người còn có người nhà ở lại.

Và lạ lùng thay, không biết ở đâu chui ra, trong sân nhà thờ xuất hiện nhiều bộ mặt lạ. Họ như đã ở sẵn đây từ đêm rồi. Họ tản mát đâu phía sau khu vườn rộng, hay chính cả bên trong nhà thờ, lẫn trong dân chúng. Thái kéo tay tôi:

“Mình đừng đứng đây. Mấy người này sao thấy nghi quá.”

Hai chị em đi vào trong. Má tôi và bà cụ bên cạnh đều ngược mặt lên chờ đợi và nôn nóng hỏi:

“Có thấy chi không? Có nghe chi không?”

Tôi lắc đầu:

“Không thấy chi hết má. Bên ngoài yên lặng như thành

phố ma vậy đó.”

Má tôi cắn môi, nuốt nước miếng, nhả nhỏ:

“Biết rửa cứ ở nhà. Thà chết ở nhà còn hơn chết bờ chết bụi.”

Tôi còn biết lời gì để an ủi má tôi. Thu tới ngồi bên cạnh, thì thầm:

“Chị. Em biết có con đường tắt đi về nhà mình.”

“Họ gác ở hai đầu cầu. Không qua về được.”

“Đường ni không phải qua cầu. Mình đi tới bờ sông, may ra có đò. Chỗ ni vắng lắm chị.”

“Không được. Đừng có đi ẩu. Để coi người ta làm răng thì mình làm rửa.”

Đến chín giờ sáng vẫn không nghe một tiếng súng nổ. Bên ngoài im lặng như tờ. Thành linh, có vài người chạy vào báo tin:

“Đường đi được rồi. Bên kia sông, người ta đang tràn qua, nhiều lắm.”

Mọi người ủa ra. Tôi và Thái cũng chen chúc trong đám người cổ ra khỏi cửa nhà thờ. Giữa sân, tụ tập tới mấy nhóm chạy loạn tới. Đàn ông, đàn bà, bà già, con nít. Người đang hoa tay chỉ chỗ, kể chuyện, người khóc thút thít. Trẻ con nắm chặt áo người lớn với mặt mũi còn kinh hoàng thất sắc. Tôi chen mãi mới vào được bên trong, đứng gần một chị đàn bà:

“Chị ở mô chạy tới đây?”

“Tui ở dưới sân vận động. Nhà tui cháy rụi rồi.”

“Mới cháy?”

“Không. Cháy từ bữa qua lận. Không còn chi hết. Tui chừ tứ cố vô thân. Trời ơi là trời...”

Chị đàn bà khóc. Tôi hỏi tiếp:

“Đi đường thấy chi lạ không? Răng lại chạy tới đây?”

Chị đàn bà hỉ mũi, đưa tay quệt nước mắt:

“Bữa qua dưới tui nhà ni cháy thì chạy qua nhà nọ. Họ tới đông lắm, không cho ai đi ra khỏi xóm. Sáng ni thấy có người chạy ngoài đường, mới chạy đại theo...”

“Họ để cho đi?”

“Họ chỉ bắt thanh niên thiếu nữ tập hợp rồi đi khiêng người bị thương. Nghe nói có nhiều xác chết, phải đem chôn. Có rút đi mô hết, đang như kiến rồi biến như ma rúa đó. Giữa đường, thấy xác chết bất loạn.”

Đang nói, thấy một người quen trong nhóm bên cạnh, chị nhào tới ôm chầm lấy, khóc bù lu bù loa:

“O ơ là o. Tan nát hết rồi o ơ...”

Người đàn bà lớn tuổi mắt rung rung, nhưng cố gắng an ủi hàng xóm:

“Khóc chi tào lao rúa. Có người ta có mình chớ. Mấy đứa nhỏ mô mà không thấy?”

Chị đàn bà lúc này mới nhìn quanh. Mấy đứa nhỏ con chị đang ngơ ngơ ngác ngác nhìn mấy người lớn khóc lóc, bàn tán. Chị túm mấy đứa con lại:

“Biểu đứng một chỗ không thì lại lạc. Nói không nghe... O ơ, tụi nó đây nè o. Từ bữa qua tới giờ chưa đứa nào có cái chi nhét vô miệng... Mà nhà cửa, bàn thờ ông bà ông vải cháy rụi rồi o ơ...”

“Còn thằng? Mô không thấy?”

“Tụi nó bắt rồi. Đi theo mấy người kia, không biết ra rằng...”

“Con cháu tui cũng bị bắt đi. Nghe nói chỉ đi khiêng tải người bị thương rồi về. Hết việc thì về chớ giữ lại mần chi. Mình cứ cầu trời khẩn Phật đi o nờ...”

Chị đàn bà vẫn khóc. Mấy đứa nhỏ nín chặt áo mẹ. Mưa phùn cùng nước mắt ướt đầm mặt tôi. Tôi cần một chút không khí để thở. Lách ra ngoài, tôi gặp Thái đang nói

chuyện với một người đàn ông cùng với gia đình của ông ta. Nhiều bọc lớn nhỏ, một đôi thúng gính đựng đầy đồ đạc linh kinh. Người đàn bà chắc mới sinh, đứa bé còn nhỏ lắm, bọc trong một cái chăn cũ. Bà ta thở một nhọc, đứa con gái chừng mười một tuổi ôm đứa em trên tay, hết nhìn cha đến nhìn mẹ.

“Bác ở mô chạy về đây?” Thái hỏi.

“Tui ở trên Phú Cam. Trên đó tụi nó còn đông lắm.”

“Rứa rãng bác chạy được?”

“Liều. Liều cậu ơi. Nhờ Chúa che mắt nên mới thoát được tới đây. Tụi nó đông lắm, chỗ mô cũng thấy tụi nó...”

“Bác có nghe tin tức chi không?”

“Cũng có nghe sơ sơ. Họ nói tụi giải phóng chiếm hết thành phố Huế rồi. Vài ba bữa nữa ông Hồ vô thăm ăn mừng chiến thắng. Họ nói ông Hồ mà vô đây, bà con được Bác phát gạo ăn không hết...”

“Ở đó mà có gạo. Cứt khô cũng không có. Từ bữa qua tới chừ gia đình tui mười một mạng chưa có hột cơm hột cháo mô trong bụng nì... Phách tấu...”

Người đàn ông vừa chen câu nói đeo kính cận. Xung quanh ông ta có năm sáu đứa nhỏ, đứa nắm áo, đứa nắm quần, kêu cha cha, con đỏi, mặt mũi méo xẹo, tèm nhem. Thái lại hỏi:

“Rứa chớ bác ở mô chạy tới đây rứa?”

“Bên tê sông.”

“Bên đó ra rãng, bác?”

“Mấy ông vô tới nơi là khổ rồi. Bét mắt đã thấy họ đầy nhà, đầy vườn. Cha nào cũng ốm cà tong cà teo, đỏi đeo vàng hai con mắt mà toàn nói phách tấu không rứa. Người sống bán loạn, người chết, người bị thương cũng bán loạn, khiêng vất trong sân nhà người ta rồi vô nhà thấy chi cũng

vơ cũng vét. Con trai con gái mới lớn bắt đi tải thương, chôn xác. Vô nhà kêu gọi nấu cơm cho quân giải phóng, mượn gạo, mượn mắm muối. Nói là mượn chớ cướp của dân thôi mấy ông mấy bà ơi... Nhà tui con đông, khi mô cũng trữ gạo, đồ khô, cá mắm. Rửa mà họ chở đi hết không chừa cho tui một nạm, còn nói phách, bữa mô Bác vô, gạo phát không cho dân... Ở nhà cũng chết đói, thôi liều mạng chạy qua đây xin cha gạo cứu mấy đứa con nít trước đã..."

"Dân bên đó chết nhiều không bác?"

"Thì bữa đầu đạn ở mô bắn như mưa. Chết chớ rằng không chết. Sợ sợ tới sáng mừng hai, có mấy nhà chung quanh tui cũng mất sáu mạng..."

Thình lình một người đàn ông mặc áo măng tô đen đi tới. Cái áo măng tô thì dài mà người hăn thì ngắn nên cứ kéo phệt đất. Chắc chắn cái áo này cũng là của mượn thôi. Hăn hỏi:

"Bác từ đâu tới đây?"

Giọng ông ta lơ lơ không phải miền Bắc, cũng không phải miền Trung, khi thì như Quảng Bình hay Hà Tĩnh. Ông ta nhìn người đàn ông đeo kính găm găm. Người đàn ông đeo kính tránh luồng mắt của ông ta, cúi đầu. Mấy đứa nhỏ bấu chặt lấy người cha, sợ sệt. Thái bấm tay tôi. Chúng tôi lảng xa ra. Thái thì thào:

"Thằng cha đó thấy khả nghi quá. Thôi đừng hỏi thăm nữa."

Bây giờ trong các nhóm khác chạy vô sân nhà thờ, có những người bị thương được khiêng theo. Thái đẩy vai tôi:

"Chị đi vô trong đi. Đứng đây cũng không làm chi được. Để em ở lại coi một lúc rồi vô sau."

Tôi thấy nhiều người từ phía trong đang đi ra. Tôi tìm băng ghế của mình và ngồi xuống. Má tôi vẫn ngồi bó gối. Bà cụ già bên cạnh đang tằm trầu. Những lá trầu đã héo,

vôi đã khô. Đứa em dâu đưa con cho tôi bế để ra ngoài tìm cách nấu cơm. Mấy đứa em tôi khi chạy loạn, bỏ lại hết, mỗi đứa đem theo một túi gạo. Nhưng tới trưa, đứa em tôi vẫn chưa thổi cơm được vì không có nước. Người ta bu quanh miệng giếng không còn chỗ chen chân, và vì nhiều người dùng quá nên các mạch nước rỉ ra không đủ cho những chiếc gàu chờ chực múc. Thái nhanh nhẹn ra xóm kiếm được mấy ổ bánh mì nguội đâu từ nhiều ngày và thịt hộp. Chưa bao giờ chúng tôi thấy những hộp thịt gà, hộp bơ, đồ viện trợ Mỹ quý giá tới như vậy. Ngày thường tôi không nuốt nổi mấy thứ này.

Trời đánh còn tránh bữa ăn. Tôi nhớ một câu các cụ thường nói. Vậy mà đang ăn nửa chừng thì tiếng súng lại nổ, nổ rất ròn rã ở phía bờ sông. Khu nhà thờ quay mặt ra đường lớn, phía trước mặt nhà thờ, bên kia đường là ruộng. Khu ruộng khá lớn, chạy dài tới tận con đường dẫn ra nhà dây thép. Phía sau lưng nhà thờ, cách một xóm nhỏ là bờ sông. Một nhánh của sông Hương, chảy từ Cầu Lòn, về tới Ga Huế, qua Bến Ngự, Phủ Cam, tới An Cựu và còn chảy dài xuôi về đâu nữa, tôi không biết. Càng về chiều tiếng súng thưa dần và vợ Bé nấu được nồi cơm. Chúng tôi không đem theo chén bát nên mỗi người phải lấy tay mình nắm cơm chia cho nhau. Nhưng khi nồi cơm vừa bày ra, thì cả chục bàn tay, cả chục miếng miếng, chén sứ mẻ chĩa ra. Một lũ trẻ con đói ủa tới. Nồi cơm nhỏ phải chia năm xẻ mười... Phần còn lại chẳng được bao nhiêu, chúng tôi lại cứ nhường qua nhường lại. Rồi mỗi người cũng chia nhau ăn một ít. Hèn chi má tôi thường mắng chúng tôi mỗi khi hoang phí: hạt cơm là hạt ngọc của trời. Vợ Bé cạo nồi đưa thêm cho tôi một miếng cơm cháy nhỏ. Nhưng miếng cháy bị giựt và một đứa nhỏ chạy biến, lẫn vào đám đông nằm

ngồi nghiêng ngửa.

Nhìn theo thằng bé, tôi chợt bắt gặp chị đàn bà ôm bọc vải. Chị ngồi dựa vào chân ghế, đôi mắt lơ đãng ngác thất thần thỉnh thoảng nhìn người này người kia rồi cúi xuống ôm chặt cái bọc vải. Chị ru con, ru hời ru hởi.

Hai ông bà cụ già đem theo nhiều bánh tét và mứt. Họ cũng gìn giữ kín đáo, và đang ăn với nhau. Ông cụ lén đưa cho tôi một khoanh bánh tét. Tôi định từ chối thì Thái đã vội cầm lấy, cảm ơn. Một miếng ăn lúc này còn hơn cả vàng bạc, châu báu. Nào vàng bạc châu báu có bỏ vào miệng nhai được cho đỡ cơn đói đâu! Vừa cắn một miếng bánh, tôi bỗng dựng người lại. Hình như có người nào trong đám đông đem theo được cái radio chạy pin. Họ vặn âm thanh nhỏ lắm nhưng tôi cũng ráng nghe lỏm bõm. Đài Phát thanh Huế lọt vào tay họ. Tin loan báo Sài Gòn đã thuộc quân giải phóng...

“Miền Nam đã thua. Giải phóng toàn quốc.”

Giọng một thanh niên trẻ. Tiếng nói phát ra từ chiếc radio biến mất. Một giọng khác:

“Cất đi. Trời ơi là trời. Khổ lắm, đừng nghe, đừng nghe...”

Tôi chợt nhớ là lúc soạn đồ đem đi, tiện tay tôi có bỏ vào túi vải một cái radio nhỏ xíu. Nhưng hiện nó nằm trong túi vải nào thì tôi không nhớ. Đã đánh thắng toàn quốc. Miếng cơm trong miệng tôi nghẹn cứng lại.

Đêm thứ hai ở nhà thờ không khí và quang cảnh đã gần quen thuộc hơn. Một vài ngọn đèn dầu tim lửa thật nhỏ và được chỉ được đốt một ngọn, mà tới 9 giờ tối phải tắt. Cả đèn dầu nhỏ cũng phải tắt hết.

Đêm nay, mọi người xì xào nói chuyện nhiều hơn. Thái kể cho tôi nghe về những điều đã thấy được trong ngày. Ngay dưới sàn nhà thờ, phía dưới có một phần hầm thấp. Ở dưới

đó người ta chen chúc nhau để giành chút an toàn, nhưng bẩn thỉu và hôi hám lắm. Ngay ở phía trên, nhà nguyện và nhà giảng, trần cao, thoáng mà chúng tôi còn không chịu nổi hơi người ta. Trẻ con ỉa đái tùm lum, cũng đã nặng mùi lắm rồi. Trong đêm, có thêm mấy người đàn bà chuyển bụng đẻ, chúng tôi nghe thêm được vài tiếng khóc vào đời. Tiếng khóc con trẻ làm tôi nhớ tới mấy đứa con tôi. Lúc này chúng đang ở Sài Gòn. Theo tin tức phát thanh của họ thì Sài Gòn cũng đã mất. Chồng con tôi ra sao? Có chạy loạn? Có ly tán? Trái tim tôi có lúc như bị bóp nghẹn, không thở nổi.

Cũng có lúc quá mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi. Nhưng cơn ngủ quá ngắn. Tôi bị đánh thức dậy bằng một tiếng la hoảng hốt, thất thanh:

“Chết tôi. Chết tôi rồi. Bà con ơi!”

Nhiều tiếng đồ vật rơi loảng xoảng. Vài tiếng kêu rú theo. Giọng kêu lúc đầu lại lớn hơn, khùng khiếp hơn:

“Việt cộng tới. Việt cộng tới. Âm sát. Giết người. Chúng nó tới.”

“Đâu? Đâu? Trời đất ơi, Việt cộng.”

Người ta chồm dậy, nhảy xuống đất, bám chặt nhau. Hốt hoảng, lá ó, kêu gào....

“Cha ơi, cứu chúng con. Chúa ơi!”

Ngon đuốc trên bệ cao được đốt lên, chiếu lung linh hình bóng cha Sở.

“Bà con yên lặng. Chuyện chi? Chuyện chi xảy ra?”

“Dạ thưa cha...”

“Dạ nghe la... Dạ có người la... Việt cộng tới.”

“Ai la. Ở đâu?”

“Dạ thưa cha. Ở đây. Dạ ông ni nì. Ông la quá.”

Vài ngọn đèn nhỏ được đốt thêm. Mọi người nhìn về

hướng có tiếng nói. Chẳng thấy gì ngoài những chiếc đầu cao thấp lổ nhổ. Cha Sở kêu:

“Ai vừa la đó. Đứng dậy coi.”

Một người đàn ông bị đẩy đứng lên trên ghế. Ánh đuốc chiếu tới, một khuôn mặt còn thất thần, giọng lập cập:

“Dạ con, cha ời. Con nằm mơ, dễ sợ quá.”

“Thằng cha mắc dịch.”

Nhiều tiếng nguyền rủa. Người đàn ông nói tiếp:

“Nằm mơ thấy Việt cộng...”

“Trời đất. Thấy Việt cộng mà làm như thấy ma quỷ.”

“Còn hơn nữa tề.”

Ai đó nói. Một giọng câu kinh:

“Mả cha cái thằng vô duyên. Mả cha thằng nào đập vào bụng ông muốn phòi mỡ.”

“Tui cũng bị đập trúng mắt.”

“Tui nì. Tui bị chân đá vô mặt. Tổ cha thằng mô con mô, tao biết tao bẻ cẳng.”

Một giọng đàn bà:

“Cha ời! Nó còn la nữa. Cha đuổi nó ra ngoài.”

“Cho nó ra ngoài để nó thấy Việt cộng, cha. Làm người ta hết hồn.”

Nhiều giọng phụ họa. Nhưng cha Sở chỉ bảo mọi người im lặng và nên nằm xuống ngủ tiếp để lấy sức vì chưa biết chuyện gì còn xảy ra nữa. Mọi người nghe lời. Nhưng cha Sở vừa đi thì thằng cha ngủ mớ làm người ta sợ đá ra quần không biết thối thía chuyện gì mà bỗng ré lên cười. Tiếng chửi rửa lại nổi lên. Người đàn ông im bật. Bên ngoài lạnh lắm, làm quá đám cái đám đông kia khiêng hấn vút ra ngoài mưa đêm.

Nhưng không ai ngủ yên được. Trời chưa tảng sáng đã nghe tiếng quát tháo giận dữ của cha Sở. Lại ngồi dậy, lại

lắng nghe. Từ bệ đá, cha Sở và đám thanh niên trật tự đang lôi ra một cô một cậu. Một thanh niên chỉ vào mặt hai cô cậu, có lẽ họ đang run.

“Chưa biết sống chết ra rã, còn làm chuyện tồi bại.”

Mọi người chen nhau đứng cả trên ghế để nhìn cho rõ mặt cặp thanh niên nam nữ. Một giọng nói phát ra từ đám đông:

“Đánh chết chúng nó đi.”

“Đuổi ra ngoài.”

“Đừng trả áo cho nó.”

Cha Sở lại phải dàn xếp, làm đám đông dịu lại và đưa cặp nam nữ xuống nhà ngang. Cha sợ để ở lại đây cặp nam nữ kia sẽ không yên với đám đông đang căng thẳng. Mà xuống nhà ngang cũng là một hình phạt quá nặng rồi, ở đó, họ phải ngồi chung với những xác chết, may ra thì còn được ở chung với những người bị thương.

Cả một xã hội bát nháo đang thu nhỏ lại trong khu vực Dòng Chúa Cứu thế. Có kẻ sinh, người chết, có ganh ghét, phẫn nộ, hằn học mà cũng có thương yêu. Trẻ sơ sinh được cho nằm trên căn gác nhỏ. Người nào bị thương, bệnh, chết được khiêng xuống phía sân sau, trong dãy nhà thấp. Sự chung đụng gây ra nhiều vụ cãi vã, kiện tụng, kể cả đánh lộn. Nhiều người chạy loạn đã cạn lương thực. Cha Sở phải lấy gạo dự trữ của nhà thờ phân phát. Dù đã có một số thanh niên tình nguyện xung vào đội trật tự, cũng không sao ngăn cản nổi người ta giành giật, đánh nhau lỗ đầu chảy máu để tranh bát gạo, miếng thức ăn. Giọng cha Sở không còn thanh, lớn như trước mà khản đặc lại. Cha đã hò hét, can thiệp, lo lắng quá nhiều cho đám đông chạy vào nhà Dòng. Gạo chắc cũng không còn bao nhiêu để phát tiếp...

Có một người không hề để ý tới gạo, tới thức ăn. Không xếp hàng, chìa tay lĩnh gì hết. Đó là chị đàn bà ôm cái bọc vải, ngồi yên lặng ở một góc, chăm chỉ ru đứa con ngủ. Cả mẹ không ăn, cả con không bú. Cha Sở đem tới cho chị một vắt cơm, chị ăn cầm chừng, hình như rút rút từng hột cơm bỏ vô miệng nhai sẽ dỡ bớt cho chị một chút ray rút chứ không phải để mưu cầu sự sống? Riết rồi người ta cũng mặc kệ chị, không ai thêm chú ý.

Ngoài đường cũng không còn người chạy loạn. Cả thành phố như chìm ngủ trong mưa phùn và giá lạnh. Cha Sở đã đóng cửa nhà thờ, chừng này người đã thiếu không khí để thở.

Qua ngày thứ ba, mọi người đang có chút hy vọng là mọi chuyện sẽ khá hơn thì ngay lúc gần sáng, mọi người đang ngủ bị dựng cổ dậy vì tiếng súng. Nhiều người đang nằm trên băng ghế lăn đại xuống đất, bất kể đè lên trên người khác. Tiếng súng nhỏ, rồi súng lớn. Đoàng. Đùng. Đùng. Nhà thờ rung lên.

Ánh chớp của bom đạn, của lửa. Và choang, ầm, choang. Vài tấm kiếng trên vòm nhà thờ vỡ. Lúc này thì không đủ gan lì để nằm rắng trên băng ghế được nữa. Tôi cũng lăn hay té xuống giữa những hàng ghế. Người nằm phải lồm cồm ngồi dậy để khỏi phải chổng lên nhau. Thái đã kéo má tôi lọt vào giữa. Bom đạn bên ngoài càng ngày càng bắn rất dữ dội. Chúng tôi cứ ngồi khít lên nhau, ôm chầm lấy nhau, cận kề cái chết tới sáng thì biết còn sống vì tiếng đạn thừa thốt dần rồi dứt.

Nghe ngóng, chờ đợi một lúc, tôi và Thái cùng vài người nữa bạo gan đi ra ngoài. Con đường dẫn ra bờ sông hôm nay đầy rác rưởi, dơ bẩn như một cánh tay của một tử thi đã rửa nát dưới mưa gió, còn muốn chuôi tới bến sông để rửa rấy.

Nhiều ngôi nhà sập, nhiều nhà cửa, cây cối cháy rụi.

Đi vào một xóm nhỏ. Nhà cháy, nhà bay nóc, mất cửa. Vài xác chó xác mèo nằm trơ trong sân. Không có bóng người. Tôi lặng lẽ kéo Thái trở về nhà thờ. Có lẽ chỗ này là còn yên ổn, ít nhứt trong thời điểm này.

Khi chúng tôi trở về thì có một số người còn đi nữa. Họ tìm tòi trong những nhà bỏ trống ít gạo, ít bánh chưng bánh tét trên những bàn thờ còn nguyên. Họ cũng đem về xác vài con gà con vịt đã chết. Ba bốn người khiêng được xác một con heo. Họ đưa ra giếng, mượn đồ nhà bếp của nhà thờ, cạo lông, làm thịt. Bé cũng phụ làm heo, được chia phần. Thịt được cắt nhỏ, kho với muối. Nhà thờ chẳng còn gì ngoài muối.

Tiếng súng chỉ ngưng được một lúc rồi lại bắt đầu. Nhưng không dồn dập mà từng chập, từng chập, cho tới trưa. Cô em dâu của tôi cũng ra giếng lấy nước nấu một nồi cơm nhỏ. Nhưng khi đem vào, chúng tôi không dám bày ra mà giấu dưới gầm ghế, lâu lâu thò tay vắt một vắt nhỏ chia nhau ăn. Đám trẻ con đói nhiều quá. Tôi đổi mấy vắt cơm lấy nửa đòn bánh tét của bà cụ “hàng xóm”. Không cầm lòng được, Thái cắt mỏng từng lát bánh tét chia cho lũ trẻ con, nhưng cũng không thấm đủ gì.

Buổi trưa tiếng súng bỗng nhiên im bật. Trong mắt mọi người có hy vọng. Nhưng chút hy vọng đó tan biến như mây khói khi từng loạt đạn dấy lên. Đạn bắn đâu gần lắm, như từ phía ruộng trước mặt, từ hai bên hông nhà thờ, từ phía sau. Nhà thờ rung lên và vòm kính trên nóc tiếp tục vỡ. Mỗi lần một tiếng nổ lớn, một tiếng kêu choang là kính rơi xuống như mưa đá. Má tôi lấy cái mền bung ra, trùm kín đầu con cháu, sợ miếng kính rơi trúng tét đầu. Nhưng Thái bị tới mấy mảnh kính cửa cổ tay, cửa vai, máu

chảy thấm áo đỏ lôm. Thuốc thang không có, má tôi lấy mớ thuốc rê đem theo để ăn trầu rịt vào vết thương cho Thái. Cũng may em Thái khỏe mạnh, quen dãi dầu mưa nắng nên vết thương cũng chỉ làm đau rát chút đỉnh mà thôi.

Chừng hai tiếng đồng hồ sau, tiếng súng dồn dữ dội về phía sau nhà thờ, ở bên kia sông. Thái thì thầm cho tôi biết đó là loại súng A-ka của Liên Xô mà Việt Cộng thường dùng. Tiếng đạn A-ka sắc, ngọt, giết người cũng lạ lùng. Hai chị em tôi co quắp bấu chặt nhau. Tắm mền má tôi trùn đầu làm ngẹt thở quá. Nếu lúc đó tiếng súng không ngớt bót, tôi không thò đầu ra khỏi, chắc cũng chết ngộp.

“Có vẻ yên hơn, chị. Để em ra ngoài.”

Thu cản:

“Ê Thái. Đừng. Đừng vội. Nghe hình như...Nghe đã tề...”

Phía bên ngoài cánh cửa nhà thờ, có nhiều tiếng ồn ào. Tiếng đập cửa, tiếng kêu cứu:

“Cha ơi. Cứu chúng con. Cứu chúng con...”

“Cứu người. Cứu người...”

“Đừng mở. Chật quá rồi cha ơi.”

Cha Sở đang bế một đứa nhỏ bị thương vì miếng kính, nghe kêu, cha đưa đứa nhỏ cho một thanh niên trật tự đứng bên, mở cửa, chạy băng ra ngoài.

Người ta ở bên ngoài tràn vào như giòng nước lũ. Đâu mà nhiều thế. Hết chỗ. Họ đứng sát vào nhau. Nhiều người bị thương vô tới là ngã lăn ra đất. Đám đông cũ bị bắt buộc dồn cục lại, nén chặt lui phía sau. Cha sở lại phải hô hào, dàn xếp. Rồi đâu cũng vào đó. Cả cái bệ để cây đuốc, nay cũng có người leo lên nằm ngồi. Sát bệ đặt tượng Chúa và Thánh giá, con nít bò lổn ngổn.

“Khóa cửa lại. Hết chỗ chứa rồi.”

Đám người cũ, đám người mới hỏi han nhau. Chỉ biết

được là Việt cộng tới đông lắm. Bên kia sông bắn nhau dữ lắm. Nghe nói quân lính mình đã tới... Nghe nói đánh nhau ác liệt nhưng có lính mình và lính Mỹ, ai cũng mừng, đã có tiếng hoan hô reo vui.

Cha Sở lại đẩy cửa bước vào. Theo sau lưng cha có hai người lạ. Một nam một nữ, họ là người da trắng. Đám đông lại xôn xao:

“Mỹ tề. Mỹ phải không?”

“Mỹ chi mà lùn tịt. Thằng Tây ni lùn tịt. Tây đó.”

Người đàn ông đứng tuổi quần áo sộc sếch, râu ria xồm xoàm như con đười ươi trong rừng chạy lạc về phố. Tay họ cầm tờ trắng có viết chữ “báo chí”. Cha Sở nói chuyện với họ bằng tiếng Pháp. Thì ra, đây là hai phóng viên của một tờ báo ngoại quốc. Người đàn ông còn có chút bình tĩnh, nhưng người nữ phóng viên thì trên mặt còn đầy nét sợ hãi. Mọi người bu tới coi. Con nít chui dưới chân người lớn, kêu réo với nhau:

“Bây ơi! Tới coi ông tây bà đầm.”

Bọn trẻ nít này đâu khác gì tôi hồi còn thơ ấu. Những người da trắng tới xứ sở Việt Nam, coi như là người rớt từ trên mặt trăng xuống. Tôi cũng có mặt trong đám con nít đi coi ông tây bà đầm. Nhưng ông tây bà đầm hồi đó oai hơn nhiều, đâu có nhếch nhác như hai người chạy loạn này. Cha Sở nói chuyện nhiều lắm. Một lúc sau người nữ phóng viên đã bớt sợ, cô ta đưa máy ảnh lên bấm lia lịa:

“Ê, coi nó chụp hình. Chụp hình.”

Con nít thích chí chui tới đứng dàn ngang. Nhiều người lớn che mặt.

“Báo chí đó. Nó đăng báo có cái mặt mình...”

Chụp đám đông. Chụp người bị thương. Chụp con nít. Người đàn bà có đôi mắt chưa hết thất thần chăm chăm

vào ống ảnh. Những đứa con nít nhảy nhót vù vù mà không có sữa, ngó cái ống ảnh, nhả vù vù ra rồi khóc ré lên... Ống máy ảnh đưa về phía tôi. Thái đứng dậy dùng cả cái lưng che khuất, lén gióng:

“Còn chụp với chiếc gì...”

Nó đưa tay ra dấu muốn đập bể cái máy ảnh. Cô nữ phóng viên cười muốn làm thân. Họ đi lên gác chụp tiếp mấy sản phụ và hài nhi rồi xuống nhà giảng, đưa máy ảnh bấm liên tiếp.

Cũng liên tiếp lúc đó có tiếng súng nổ. Mọi người lúc đó mới nhận ra nguy hiểm của sự có mặt hai người này. Việt cộng sắp tới đây rồi. Chúng thấy hai người da trắng sẽ nghĩ là Mỹ và sẽ ra tay tàn sát. Vậy là họ nhao nhao đòi cha Sở phải đuổi hai người này ra khỏi nhà thờ.

“Cha ơi. Đuổi chúng đi.”

“Lấy máy ảnh của nó.”

“Không cho chụp nữa. Đi đi.”

Cha Sở biết được sức mạnh của đám đông, nên đưa hai người ra khỏi khu nhà nguyện, kiếm một chỗ khác cho họ. Nhiều tiếng thở phào nhẹ nhõm.

“Nó đi rồi.”

“Chết tới nơi không lo, còn đưa máy hình bím lia bấm lia...”

Tiếng nói chưa dứt thì một tiếng rú nổi lên. Chị đàn bà ôm cái bọc ngồi trong góc. Một đứa nhỏ đã nghịch kéo cái bọc vải của chị ta. Chắc nó nghĩ có đồ ăn trong đó. Chị giằng lại được cái bọc.

“Con ơi là con ơi!”

Chị rờ rẫm cái bọc:

“Con ơi, con có đau lắm không? Con đừng... Con đừng bỏ mẹ... con ơi! Ngủ đi, ngủ đi mẹ ru nì... Ầu ơ... Người ta đi có đôi có bạn, mẹ đi một mình chạng vạng tới nửa đêm...”

Chị ta nói ra miệng câu gì cũng là thơ hết. Cái bọc gì trong tay chị ta vậy? Sao không rời khỏi tay? Nó là bọc quần áo, là con búp bê, là...?

Nhưng rõ ràng chị ta là người không còn tỉnh trí nữa.

Buổi chiều cha Sở trở lại. Cha bảo mọi người im lặng, giọng nghiêm trọng:

“Bà con đừng có chộn rộn. Tình hình không khác như mình tưởng mô. Có tin quân Mỹ kéo lên ở quốc lộ 1. Nhiều nơi đang đánh lớn.”

“Cha ơi, chừ chạy đi mô, cha?”

“Không chạy đi mô hết. Nhưng phải lo phòng bị, lúc nào cũng sẵn sàng. Bắt đầu từ bây giờ phải dọn chỗ lại sạch sẽ, thứ tự. Mình sẽ chia ra nhiều ô để ở, để sẵn sóc giúp đỡ nhau... Nghe tôi nói đây. Bà con lúc này phải thương xót nhau, đùm bọc nhau để cùng thoát hoạn nạn..”

Cha Sở nói là làm liền. Những hàng ghế được quây lại làm hàng rào từng khu. Mỗi khu gồm mười gia đình. Cha sở sẽ lấy kho gạo sau cùng phát vào ngày mai. Cha cũng kêu gọi thanh niên nam nữ, những người còn sức lực tổ chức đội trật tự, đội cứu thương. Chị đàn bà ôm cái bọc được đưa tới trong khu cùng gia đình tôi. Ai cũng còn gia đình, nhưng chị thì lẻ loi. Chị ngồi sát bên Thu. Mấy đêm rồi chị đâu có ngủ ghê gì nhưng sao chị không ngã gục? Chị ta đã điên? Cũng không sao, chị ta điên và hiền lành.

Nhờ tài tổ chức của cha Sở mà chúng tôi có chỗ riêng, thoáng hơn. Có thể đi lui đi tới chứ không bị bó chân bó cổ như trước. Mỗi ngày chỗ ăn ở được phát chổi để quét dọn, trẻ con được đưa vào kỷ luật cũng bớt phá phách nghịch ngợm. Tuy mùi nước tiểu trẻ con không thể tẩy được nhưng mọi người cũng đã quen, không khó chịu tới muốn ói mửa.

Có lúc tôi rủ Thái đi xuống nhà ngang. Nhưng gặp nhiều xác chết mới đặt ở đây vì chỗ chứa xác đã kín đầy. Trong mấy khu chia nhau ở bên trong nhà thờ, cũng có vài người bỏ mạng vì vết thương, vì bệnh mà không có thuốc.

Buổi tối lại có người bệnh nặng ngay sát khu bên cạnh. Một người đàn ông nằm quần quai dưới đất. Tôi chồm qua dây ghế nhìn. Mới hồi chiều tôi thấy ông ta còn tỉnh táo, còn ngồi ăn mấy miếng bánh mì khô mà. Bây giờ ông ta trợn mắt, chỉ thấy trắng trẻo, lẫn lộn, sùi bọt mép, nhưng khuôn mặt biến đổi bất thường, khi như kéo một nụ cười, khi như kéo một cái mếu.

“Chị ơi, ông nó mồm răng rứa?”. Thái hỏi.

“Khi không ba hăn nổi điên. Ai mà biết.”

“Điên khi mô. Hồi chiều em thấy ông ngồi ăn bánh mì khô mà.”

“Thì vậy. Hăn chạy tới đây với thằng con trai bị thương. Hồi chiều thằng con chết rồi, xác còn để ngoài nó tề...”

Một người kể:

“Hăn nói nhà hăn giàu, có nhà lầu xe hơi. Vợ hăn chết ngay bữa đầu. Hăn ôm thằng con chạy. Mấy bữa ni hăn tiếc của cứ than hoài. Chừ con hăn chết luôn nên hăn nổi điên.”

“Tội nghiệp quá hỉ?”

“Mạng người không tiếc, còn tiếc của cải. Điên chi mà ngu rứa trời.”

Người đàn ông đang lẫn lộn, bỗng kêu lên:

“Lạy mấy ông đồng chí....Dạ...không phải, dạ giải phóng. Xin đừng đốt nhà, đừng đốt xe...Lửa. Lửa dễ sợ quá... Lạy các đồng chí... tha cho cái nhà, cái nhà...”

“Thằng cha kỳ khôi chưa. Răng không xin cho vợ, cho con mà cứ cái xe, cái nhà...Thiệt là quả báo chi đây...”

“Lấy khăn bịt miệng thằng cha lại. Tội nó vô mà nghe

được là chết hết đó...”

Thái kéo tôi về chỗ:

“Chị ngủ sớm đi. Em kiếm được chiếc chiếu, dẫu dưới ni nì...”

Thái lôi chiếc chiếu dưới gầm ghế ra trải. Má tôi yên lòng ngã lưng. Mấy đêm rồi, bà cứ dựa lưng vào tường, vào ghế mà ngủ gà ngủ gật. Mắt má tôi sâu hoắm và có quầng thâm thật đậm.

Người đàn ông đã hết chịu đựng, điên luôn rồi. Đêm, ông ta cứ la như cháy nhà. Nhưng mọi người quá mệt mỏi, cũng đã quen dần không thấy còn chi lạ để coi. May mà ai cũng chớp mắt được một lúc, vì gần sáng, tiếng súng lại nổ inh tai. Tôi muốn nhồm dậy, má đề đầu tôi xuống:

“Súng đó tề. Đùng trời đầu lên nó trúng.”

Tôi nghe rõ rồi. Tiếng đại bác ở đâu câu tới rất gần. Lâu lâu điểm một vài tràng súng nhỏ. Rồi có tiếng xe chạy ngoài đường. Thái nằm sát tai xuống sàn nhà, nghe ngóng:

“Tiếng xe thiết giáp đó chị. A... có xe tăng. Xe tăng nữa...”

Mặt đất rung chuyển mỗi khi có đoàn xe chạy qua. Mỗi lần có tiếng xe là có tiếng súng nổ liên hồi. Chúng tôi ôm chặt lấy nhau. Má tôi không ngớt cầu nguyện....

Buổi tối hôm trước tôi chỉ ăn có một lát cơm vắt nhỏ nên sáng hôm sau, bụng đã đói cồn cào. Bé và Thái đi lĩnh gạo. Vợ Bé và Thu lo đi nấu cơm. Phải nấu cho sớm, chớ ai biết lúc nào bom đạn tới. Thái còn đùa được:

“Mấy bà nấu cơm, nếu có đánh nhau chạy cũng mang theo nồi cơm mà chạy nghe.”

Cố mà đùa để kiếm vui, nhưng ai mà cười nổi. Nấu được một nồi cơm cũng không phải dễ. Có gạo nhưng kiếm củi ở đâu. Có mấy ngày mà củi trong nhà thờ hết sạch. Người ta bẻ cả cành khô, vơ cả lá rụng, bẻ cả thân cây còn tươi,

nhưng với chừng đó người, mọi thứ trong nhà thờ không cung cấp nổi. Thái tính đi ra ngoài xóm kiếm củi thì tiếng súng bên kia sông bắt đầu nổ lớn. Mọi người vội bỏ cửa chạy lấy người vào trốn bên trong nhà thờ. Chờ ngót bót tiếng súng, Thái liêu lĩnh đi ra xóm kiếm được mớ củi. Vợ Bé và Thu lại dè dặt ra ngoài nấu cơm. Đạn lúc này đã bắn vào phía nhà thờ. Má tôi lo lắng:

“Ra kêu mấy đứa vô. Còn nấu nướng chi nữa.”

Rồi nôi cơm cũng chín. Vợ Bé như đã phải chạy một mạch với nôi cơm vào bên trong, thở hổn hển:

“Đễ sợ quá. Từ bếp chạy vô đây mà đạn nó rượt sau lưng nè.”

Nó nhỏ giọng:

“Bác. Con nghe nói bên An Cựu nhà con, nhà Bác họ tràn vô chiếm ở hết rồi. Mà bác ơi, nghe nói Việt cộng cũng ở đầy xung quanh chỗ ni rồi.”

“Trời ơi là trời!”

Tôi biết má tôi đang lo lắng về nhà cửa. Bàn thờ ba tôi vừa bày xong những ngày cuối năm còn mới toanh, nằm lạnh lẽo không nhang không khói. Lòng người vợ hay chồng già dù cách biệt âm dương vẫn nặng nghĩa tình với hương khói phụng thờ. Thấy má tôi sụt sùi, Thái ôm vai:

“Bác. Thôi ăn miếng cơm cho chắc bụng đã bác ơi. Con cũng sốt ruột quá nì bác. Mẹ con, em con đang ở dưới Bao Vinh không biết ra rằng.”

Rồi nó tiếp:

“Để con coi yên yên con về dưới nớ.”

Má tôi mếu máo:

“Chưa yên mô con ơi. Súng đạn mô có con mắt con nờ. Đừng bỏ bác nghe con.”

Thái ứa nước mắt:

“Con mô biết chuyện tọa họa như ri. Con mà có súng con nhứt định chạy ra ngoài đường, tìm lính mình để cùng đánh nhau với tụi nó.”

Bé kêu nhỏ:

“Thái. Mi đừng nói ẩu. Ở đây... không phải là không có... Bụi tre có lỗ tai nghe, lỗ miệng là khổ...”

“Thôi ăn đi.”

Cũng không ăn được. Đúng lúc đó lại ầm ầm tiếng súng. Kính lại rơi vỡ loảng xoảng. Mọi người nằm sát xuống đất. Thái dúm tôi vào dưới hàng ghế rồi đưa cả cái lưng đỡ cho má tôi. Nhưng may mắn, chỉ một lần kính vỡ, chưa kịp làm ai bị thương thì tiếng súng đã hướng về phía khác. Tôi ngạc nhiên khi nhận ra có cả tiếng súng như từ trong sân, sau dãy hàng rào nhà thờ bắn ra nữa. Vậy là họ đã tới nơi!

Chúng tôi chịu đựng sự kinh hoàng như vậy chừng nửa tiếng đồng hồ. Chỉ nửa tiếng thôi sao? Nó dài như cả thế kỷ, nó làm tất cả mạch máu căng kéo ra, bao lần muốn đứt. Rồi cũng còn sống!

Chúng tôi đã mở mắt, đã nhìn thấy nhau. Người đàn ông điên cơn sợ đã làm bót điên, ngồi co ro. Bà cụ già dựa vào người chồng già hồng hộc thở. Coi chị đàn bà ôm cái bọc vải kìa. Chị nép sát vào tôi từ lúc nào vậy? Một mùi hôi thối xông lên làm tôi muốn nôn ọe. Cái mùi hôi này sao bây giờ tôi mới nhận ra. Cái mùi hôi thối kinh hoàng quá. Nó là mùi thịt rữa, mùi chuột chết, mùi mồ hôi... mùi mắm thúi? Không phải, hình như tất cả các thứ mùi đó hỗn hợp lại! Không phải chỉ riêng tôi, mà má tôi, mà Thái, mà mọi người cũng vừa nhận ra cái mùi nồng nặc đó rồi. Thái chồm người muốn kéo cái bọc. Người đàn bà né tránh đưa cái bọc sang bên. Có lẽ vì mạnh tay quá, cái bọc tung ra, trong cái bọc thò ra một bàn chân trẻ con nhỏ xíu, nứt nẻ, bầy

nhầy. Một dây nước vàng sền sệt rơi xuống sàn thành một vũng nhỏ. Mùi thối xông lên nồng nặc hơn, khủng khiếp hơn. Tôi hoa cả mắt, choáng váng muốn xỉu. Bỗng nhiên tôi la lớn một tiếng. Tôi cũng không hiểu vì sao tôi la.

Người đàn bà cũng la lên một tiếng lớn hơn, ngay sau tiếng la của tôi. Tiếng la của bà ta giống tiếng kêu của một con thú bị giết. Tiếng gầm rú của con thú tuyệt vọng cùng với tiếng súng nổi lên bên ngoài làm tôi tỉnh người. Mặc tiếng súng. Mọi người đổ dồn về người đàn bà, về mùi hôi thối, về cái xác chết trẻ con đã quá lâu. Một người đàn ông tiến tới trước mặt bà ta:

“Đưa đây.”

Con thú đã hết sức hết hơi, đã thôi không vật vã mà yếu xỉu:

“Đừng. Đừng mấy ông ời. Con tui. Nó còn sống, còn thở. Con tui mà... Con ời... ngủ đi con, ngủ đi con...”

Người đàn bà cố đưa đưa cái bọc, nhưng nhấc tay không lên. Tiếng hát cũng đứt quãng vì tiếng thở gấp gáp. Bà ra đã đói quá.

“Đưa đây.”

Một người đàn ông đưa tay, chưa kịp đụng tới thì cái bọc tụt mép vải. Một vật rơi lăn theo tấm vải bung, mép vải vẫn còn giữ chặt trong tay chị. Xác một hài nhi rơi xuống nền nhà. Đứa bé đã chết từ lâu, không còn hình hài nguyên vẹn mà chỉ là một đồng thịt đang rữa nát, rịn nước mủ.

Những người xung quanh kêu rú lên. Thu lùi lại ôm lấy mặt. Má tôi quay đi. Nhưng chị đàn bà thì khác, như vừa sắp ngã vật xuống vì đói, vì hết hơi sức, chị bỗng nhào tới xác đứa bé. Chị dùng cả tấm thân chị chồm lên thân hình đứa trẻ. Đôi mắt lạc thần bỗng như rực ánh, chị như chồm hồm như sẵn sàng vồ, cắn xé nếu ai đụng đến đứa con đã

chết của chị.

“Lấy đứa nhỏ đi. Thúi quá.”

Người ta kéo chị ra. Chị vùng vằng, nhe răng. Nhưng chị có bao sức nữa. Miệng thì thảo:

“Đừng mà. Con tui. Con của tui mà.”

Người đàn bà bị kéo ra một góc và nằm bẹp dí. Nhưng bà ta đưa cặp mắt nhìn mọi người như van xin, lạy lục, rồi bà lết tới, lết tới. Bàn tay của bà đã đung được bàn chân của xác đứa con. Rồi chị ôm chặt cái chân nhỏ bé nhầy nhụa, hôi hám, chị rên lên:

“Con đây rồi. Con mô có bỏ mạ.”

Cái miệng chị méo xẹo. Khóc hay cười? Chị nhìn lên nóc nhà thờ, đôi mắt lại đờ đẫn, thất thần, lạc điệu, như không nhìn thấy gì nữa hết, mà đã lọt ra ngoài vòm trời bên ngoài.

“Kéo mụ ta ra đi. Trời ơi, coi tề...”

“Con ơi. Mạ ôm con nì. Răng mà con dơ quá rứa. Để mẹ chùi cho con...”

Cái miệng của bà đưa tới ngón chân nhỏ xíu, lở lói. Cái lưỡi chị đàn bà đưa ra, liếm láp ngón chân, bàn chân. Tôi muốn xỉu. Thái đờ tôi:

“Chị đừng nhìn nữa. Chị đi ra chỗ khác đi.”

Tôi không cất bước được. Sự thống khổ quá mức của người đàn bà cũng làm tê liệt thần kinh tôi.

“Đi kêu cha. Báo cho cha biết.”

“Kéo con mụ ra. Mấy chuyện ni không cần cha phải lo. Mấy anh em trật tự mô hết rồi?”

Hai người giữ chặt chị đàn bà. Mấy thanh niên lấy một cái áo cũ bọc kín xác đứa bé. Giọng chị đàn bà òng ọc như con heo bị cắt tiết.

“Con ơi, con không bỏ mạ mà. Con ơi, con khóc đi, khóc lớn đi cho mạ đỡ... Khóc đi, khóc đi con ơi! Trả lại cho tui,

trả lại con tui cho tui... trả lại... trả lại..."

Đứa nhỏ đã được đem đi. Người ta không giữ chị nữa. Vừa được thả ra là chị bò, chị lết, chị khóc, chị kêu. Cha Sở lại tới:

"Đóng chặt cửa. Không ai được ra ngoài. Đang đánh nhau dữ lắm."

Lúc đó cái điệp khúc "trả con tui lại cho tui, trả lại cho tui, trả lại con tui" mới lúi xa trong đầu tôi, và tôi như choàng tỉnh vì tiếng súng bao quanh bốn bề. Người đàn bà lết theo dưới chân cha Sở mà không ai để ý. Khi cha ra ngoài, đóng cửa lại thì chị cũng lết ra ngoài luôn rồi.

Ra đến ngoài như có không khí, thở được nhiều, cơn đói bị đẩy lui bớt hay sao mà giọng chị gào thét lại thì đua được với bom đạn. Chị chạy đi đâu? Chị ra sao rồi? Chỉ thoáng một cái, tiếng của chị hoàn toàn im bật trong tiếng súng càng lúc càng hỗn loạn.

Tôi vẫn còn bị chôn chân ở chỗ đứng đó. Đứa bé không còn. Người mẹ khốn khổ cũng không còn? Nước mắt tôi chảy ràn rụa trên mặt tự lúc nào. Tôi lại nghe vang trong đầu điệp khúc đòi con của người mẹ. Bom đạn nuốt bà mất rồi sao? Nuốt giùm bà đi, vì bà đã gửi sự sống theo đứa con rồi. Chúc mẹ con sớm gặp nhau.

Người ta quên chị đàn bà ngay sau đó. Bây giờ không chỉ súng nhỏ nổ rền mà cả súng lớn cũng tới tấp nữa. Đại bác. Bom chom. B 40. Aka. Mọi tiếng súng dữ dằn nhất dùng để hủy diệt con người đang dồn tới thành phố Huế nhỏ bé, hiền lành, đang đổ xô vào khu nhà thờ mọi người dùng cầu nguyện. Choang. Choang. Mấy miếng kính màu trên vòm nóc nhà thờ còn sót lại, vỡ tan, rơi xuống làm một trận mưa kính bên trong.

"Ở đây nguy quá rồi, bà con ơi!"

Ai đó la thất thanh. Cảnh hỗn loạn tìm nơi trốn núp. Tiếng xô đẩy, tiếng chửi rửa nhau. Có nhiều người chui xuống dưới lớp người khác đang nằm đè nhau để núp trốn. Có người kéo một người khác dưới ghế nguyện để lấy chỗ cho mình. Nhưng đâu cũng không yên nữa. Cả khu nhà thờ rung rinh, trêm vòm rục rủa, cả gạch, ngói, bụi khói như một tấm lưới dày chụp xuống.

“Chạy. Chạy bà con ơi.”

“Mạ ơi, con bị rồi...”

“Anh ơi, con nó...”

“Trời ơi, chồng tui... Bà con ơi, cứu, cứu...”

Tiếng kêu khóc nổi lên bốn phía. Người ta xô đẩy nhau, níu kéo nhau. Dồn góc này, chui nhủi góc kia. Ầm. Ầm. Kêu la. Nhắm mắt. Chết thật. Chết giả. Sợ tới chết. Cây thánh giá gỗ từ trên tường bay xuống. Cây thánh giá đã có máu của chúa, không thấm thêm máu của ai. Nhưng kính, gạch, đá, bắn tứ tung, gây nhiều thương tích. Một người đàn ông dựa đầu vào cây thánh giá đã nằm yên dưới nền nhà, cái đầu bể nát vì gạch đá nghẹo sang một bên. Anh ta mở đôi mắt an nhiên nhìn mọi người.

Tôi có bị thương ở đâu trên người không? Má tôi, Thái, các em tôi có đứa nào bị thương không? Trên quần áo mọi người đầy máu, máu của mình, máu của người. Một tia máu bắn cả vào mặt tôi, vào mắt tôi làm tôi phải nhắm mắt lại. Tôi bị rơi vào bóng tối và như thấy tử thần đang giang tay ra, đòi dắt đi.

“Chị bị rồi, Thái ơi!”

“Không phải chị mô. Máu của người ta.”

Thái xé vạt áo sơ mi để lau mặt cho tôi.

“Con ơi. Con mô rồi?”

“Má, má mô? Mô rồi?”

Tôi quờ quạng. Tay tôi đụng cổ má tôi. Da bà còn mềm, còn ấm. Thái vẫn cố quệt lau tiếp trên mặt tôi. Dù hai mí mắt rít chặt, tôi cũng cố mở, và bám áo Thái để bước theo.

Không biết hai cánh cửa gỗ dày chắc chắn có khóa chặt hay không, mà chỉ cần đoàn người vừa ủa tới là đã bị đẩy tung, rệu rạo. Hình như không cần phải bước, thoáng cái chúng tôi đã bị đẩy ra tới sân. Nhưng ra tới sân, chúng tôi lại lạc vào giữa cơn bom đạn. Bầu trời đầy những lần sáng như sấm sét, bốn phía tiếng rít của đạn, trên đầu tiếng dội của bom. Nhiều người ngã xuống. Tiếng kêu khóc như ri.

“Trở lại. Trở lại.”

Xô đẩy, chen chúc, đạp lên nhau để trở vào bên trong còn vất vả, khó nhọc hơn lúc đẩy cánh cửa gỗ mà ra ngoài. Chúng tôi cứ bị xô dạt lui xô dạt tới, và nhà thờ ba phía cửa mở toang hoác, bên trong trống hốc in cả một khoảng trời.

Chúng tôi tìm được một khoảng tường. Nhưng chưa định hồn, đám người đã ùn tới, lại xô, lại đẩy, ứnh lộn, giằng kéo. Chúng tôi lại phải chạy, nhắm mắt nhắm mũi mà chạy. Khi mở mắt ra, chúng tôi lại trở vào được bên trong nhà thờ. Bây giờ cũng chỉ còn mấy mảnh tường sụp đổ, một nửa mái nhà thờ đã mất tiêu. Thấy không an toàn, nhiều người lại kéo nhau chạy ra, họ tràn xuống nhà ngang, nhà bếp, phía sau vườn, bên giếng nước. Ở đâu chỉ cần có một vật chắn là có người ẩn núp. Không còn ai có thể cứu ai, lo cho ai lúc này nữa.

“Ở đây là chết. Bác, mình phải chạy.”

“Còn chạy đi mô chừ con ơi!”

Má tôi rên lên rồi òa khóc. Một tiếng rú. Một người ngã. Một tiếng kêu cha kêu mẹ. Một người nữa bị thương. Cứ vậy, bên này bên kia, góc này góc nọ. Ầm. Một tiếng nổ ngay trên đầu chúng tôi. Không biết chúng tôi đã chạy hay bị

ném ra ngoài. Chỉ biết cầm đầu chạy giữa các lần đạn xé trời, đổ rạp cây cối, xót ngọt con người.

Cũng có lúc súng đạn biết mệt, biết nghỉ ngơi. Tôi ngồi phệt xuống. Ụt ụt ụt. Tôi ngồi lên một con heo bị thương và con heo đau đón chửi lại tôi, hất tôi xuống đất. Lúc đó tôi mới có chút thời gian coi lại mình. Quần áo tôi ướt đầm máu đỏ. Má tôi, Thái và mấy đứa em áo quần cũng nhuộm máu đỏ nhiều hơn đất cát. Nhưng may mắn chưa ai bị vết thương nào đáng kể. Thái bị thêm vài mảnh kiếng cắt ở cổ, ở cánh tay. Còn tôi, một ngón chân bị bị sứt, dập. Nhưng chút đau rát đâu có thấm thía gì với cảnh chết chóc đau đón xung quanh. Tôi đã mất luôn đôi dép lúc nào không biết. Chẳng ai còn một đôi dép trong chân, kể cả má tôi. Nhưng Thái vẫn ôm ghì bọc gạo và bình nước. Má tôi vẫn còn cái bọc quần áo.

“Còn bọc quần áo của chị và của em đâu? Há? Đâu?”

Tôi đã thả rơi ở đâu. Lúc nào. Nhớ gì nổi. Thấy kệ. Không được. Thái chạy trở lại và tìm ra.

Súng đạn nghỉ lấy hơi xong rồi lại bắt đầu lẻ tẻ lên tiếng. Mọi người bàn nhau, cứ chạy ra phía bờ sông. Còn nguồn tin Mỹ và lính Cộng hòa đã ở bên kia cầu. Bên kia cầu mới là hy vọng. Thì cứ đi tới.

Quả là phía bên kia sông có yên tĩnh hơn. Súng nổ ran nhiều ở phía ruộng. Có nhiều đoàn người di tản đi ngược đi xuôi, loạn xạ vì họ chẳng biết nơi nào yên ổn, nơi nào không yên! Biết hỏi han cũng không được tin tức gì, mà người ta cũng không có thì giờ kể cả cái gặt đầu hay lặt đầu nữa.

“Thôi kệ con ơi, phó cái mạng cho trời đất.”

“Dạ. Rứa thì mình cứ theo người ta mà chạy.”

Gia đình chú tôi có nhiều con cháu. Mấy đứa con nít thật

quá tội nghiệp. Chúng nó vừa đói, vừa mệt, lại còn bị kéo lê đi, mặc kệ chân đạp đá, cây cành giữa đường. Chạy qua mấy cái lăng cổ, cung An Định đã thấp thoáng hiện ra giữa một vườn rộng cây cối rậm rịt. Cung An Định hiện nay là nơi ở của Bà Từ Cung. Trong sân cũng đã lở nhổ người. Chúng tôi theo vào và cũng vội vàng tìm chỗ tránh đạn. Bên trong đã khá đông, chúng tôi bị dồn vào phía sau, sát bể nước lớn. Ở đây, tiếng súng xa hơn. Có vẻ vững tâm, Thái sắp đặt đồ đạc và chỗ nghỉ ngơi. Vợ Bé lấy mấy miếng cơm vắt đưa cho má tôi và bày con nít trước. Lúc này tôi mới để ý không thấy hai ông bà cụ già ngồi sát cạnh trong nhà thờ đầu. Lúc chạy, họ bám theo áo chúng tôi mà. Thấy tôi cứ thắc mắc lo cho hai ông bà cụ, má tôi nói:

“Ai có số phần đó con ơi. Phần mình còn chưa biết tới đây ra rằng nữa là... Ăn đi một miếng. Thái, con cũng ăn luôn. Mấy đứa nữa, ăn luôn. Chớ lơ ra lại chạy...”

“Con thấy ở đây yên. Lại gần sông, bên kia nghe nói Mỹ lính mình đã tới...”

“Thôi, ăn đi. Hơi đầu mà đoán.”

Má tôi nói vậy mà đúng. Chỉ mười phút sau thôi, tiếng súng tiến lại gần và bao vây quanh khu cung An Định. Thái đẩy mọi người nằm xuống. Chúng tôi nằm sát vào nhau, như thân này có thể chắn đạn cho thân kia. Không ai dám ngóc đầu lên, vì một người mới nhòm dậy kéo đứa con, ông ta bị ngay một viên đạn xẹt vào, bứt luôn một lỗ tai. Cũng may nó tránh xuyên qua cái đầu. Chết hụt.

Chúng tôi lại rơi ngay vào trung tâm của trận đánh rồi. Lần này, cái chết như đã đến nhặt từng người. Súng lớn, súng nhỏ, từ bốn phía lấy cung An Định làm điểm nhắm. Ầm. Ầm. Hai tiếng nổ làm chúng tôi bay dội tứ tung. Cái bể chứa nước vỡ. Nước tràn ướt cả phòng. Phía trước đã

trống rỗng.

“Chạy”.

Nhiều tiếng hô. Nhưng nhiều người không chạy được, nằm đó. Họ đã chết. Chúng tôi theo Thái từ phòng dưới chạy lên phòng trên. Nhưng cánh cửa ngăn phòng đã đóng lại. Day. Đấm. Đạp. Cánh cửa cũng tung ra. Tiếng đạn bên ngoài càng dồn dập hơn, làm cho con người ta thu nhỏ lại và chừng đó người thêm vào cũng đủ chỗ để trốn nấp.

Không còn đâu an toàn nữa. Lại ầm, ầm. Căn nhà rung lên, giựt loạn. Ầm. Ầm. Một nửa mái nhà đổ xuống. Rào rào. Đá gạch. Tiếng kêu. Tiếng khóc. Thái cố đẩy chúng tôi vào tuốt phía dưới một bộ trường kỷ. Cát bụi làm chúng tôi không mở mắt ra được. Nhưng tôi biết má tôi vẫn nắm chặt tay tôi. Giọng má tôi bên tai: “Con ơi. Con. Con còn đó không con.”

Bầu trời âm u bên ngoài sáng rực. Từng lần chớp lóe lên. Mỗi lần chớp chiếu cho tôi một hình ảnh. Mấy đứa con tôi. Tôi chắc không trở về để thấy chúng nó nữa. Chồng con tôi đã mua vé sẵn, ngày mừng hai Tết sẽ về Huế. Ngày mừng Hai qua rồi, bây giờ là mừng mấy? Tôi còn lòng dạ nào mà tính toán tháng với ngày. Ở Sài gòn có như ở đây không? Chồng tôi. Các con tôi. Trời đất ơi! Tôi không gặp được nữa!

Nhưng lúc này là phút tận cùng rồi. Phút giữa sống và chết là một lần chỉ nhỏ. Sự sợ hãi cũng đông cứng rồi. Tôi bình tĩnh lạ lùng. Tôi bịt tai mà vẫn nghe tiếng đạn rít. Lúc dồn dập phía này. Lúc thưa thớt phía kia. Lúc sao dồn hết vào mặt tiền. Lúc chạy vòng phía sau. Nhưng tòa nhà đã như cái răng sắp rụng, đong đưa, lung lay và chờ giờ bứt ra...

“Không xong rồi. Cống ngài. Cống ngài mau lên...”

“Chạy... theo”.

Thu la lên. Nhưng Thái dìm đầu Thu xuống.

“Muốn bay luôn cái đầu há.”

“Phò ngài chạy mau. Phía này. Không, phía này...”

“Trời ơi. Đạp lên đầu tui.”

“Cha mạ ơi, trúng chỗ bị thương của tui. Ui chao, ui chao...”

Tôi hé mắt. Bóng người chạy thấp thoáng trong bụi mù. Một bà già mặc áo gấm đeo trên lưng một người mà tôi không nhận ra đàn ông hay đàn bà. Nhưng cái người công ngài mạnh lắm, xô, đẩy, đạp, gạt... và biến mất rất nhanh. Cùng lúc đó, Thái cũng băng người nhảy vọt ra phía cửa sổ. Em Thái cũng bỏ chúng tôi?

“Cầm cái coi trầu của ngài...”

“Cái mền... cái mền...”

Vài người lật đật chạy theo. Rồi hết. Một giọng cầu nhàu:

“Bà Từ Cung đó. Sướng quá hí. Giờ ni mà còn ngài với nghiếc.”

Không ai hưởng ứng vì tiếng súng lại vang rền. Không phải một phía mà trở lại bốn phía. Sẽ không còn một dịp may nào nữa! Các con ơi! Thôi mẹ từ già, mẹ vĩnh biệt các con!

Tôi không thắc mắc gì về việc em Thái nhảy ra ngoài cửa sổ nữa. Tôi cũng đã hết hy vọng chạy thoát như vừa rồi chạy ra khỏi nhà thờ. Sẽ chết ở đây. Trong lúc gần như mê đi, tôi bỗng có cảm tưởng trên má của mình ầm ập. Nước ầm? Làm gì có. Máu đó thôi. Một đám lông xù xì áp vào người tôi, chắn phía trước ngực tôi. Một cái lưỡi chó liếm vào mặt tôi và máu, ở người tôi hay người nó, mà có mùi ngai ngái, tanh ắm, dễ chịu. Máu từ ngoài áo thấm vô hay từ bên trong chảy ra. Con chó cứ dụi vào tôi, đẩy sát tôi vào người má tôi. Má tôi ra sao rồi? Má có ngắt đi không?

Chương 3

Những mảnh vụn góp nhặt

Sau một đêm hò hét, phẫn nộ, rục rủa, bóng tối cũng tan dần. Trời vừa hé sáng thì những tiếng súng cũng im bặt.

Mặt trời như đã nổ tan tành từ bao giờ. Ánh sáng của ngày hắt hui, buồn thảm. Buổi sáng nay thức dậy không nghe tiếng gà gáy, không có tiếng chim kêu, không có tiếng chuông chùa và tiếng chuông nhà thờ, cả tiếng gà vịt cũng không nữa.

Bầu trời như muốn ứa nước. Những khu vườn bông tiêu điều u ám lạ, cỏ dẫm sương mai bị dẫm nát tan tành, vung vãi những giẻ rách, mảnh đạn và vết máu. Vết máu kéo lê mặt đường, nối dài từ khu vườn này sang khu vườn khác. Một vài vũng máu còn đọng trước sân, bên bể cạn, cạnh gốc mai vàng ngập ngừng e ngại vì màu sắc quá tươi tắn.

Cùng với ánh sáng nhạt nhẽo vừa ló dạng, trên các nẻo đường, bông xuất hiện vô số người, đàn ông có đàn bà có. Đàn ông mặc quần áo ka ki, quần dài quần ngắn có, đàn bà mặc bà ba đen, tóc bím nhưng không thả lỏng mà cột lên cao, gọn ghẽ. Họ cầm súng, mặt mày nặng chình chịch nhìn

nhau. Những tốp khác gác ở các đầu đường, trước nhiều nhà, hoặc nằm ngời la liệt ở các khu vườn. Có rất nhiều xác chết và người bị thương ở đầu dốc, hai ba xác nằm sõng soài, ở giữa đường vài xác nằm sấp. Bên cạnh một tốp gác ở đầu cầu có vài xác cụt đầu và những tay, những khúc chân vương vãi. Bên vệ đường, một số người bị thương đang nằm rên la, một số đàn ông đàn bà đang khiêng từng người vào một khu vườn gần đó. Khu vườn bao bọc một ngôi nhà lớn, nhưng như không có dấu vết gì của người sống trong đó nữa.

Một thiếu nữ có đôi mắt sắc, đeo súng A.K. đi ra giữa đường, cô ta đưa tay lên miệng nói lớn:

“Các đồng chí, hãy tái thương bớt vào vườn này, còn bao nhiêu xác chết dồn lại một nơi.”

Cô ta lập đi lập lại hai ba lần. Tiếng cô là tiếng động đầu tiên trong buổi sáng. Giọng nói lớn của cô như rung vỡ nhiều cánh cửa và tràn vào bên trong những căn nhà đang đóng kín. Tiếng của cô gái cũng làm những tiếng rên la cất to hơn.

Lớp người bị thương được khiêng đi rất lâu. Một toán người khác từ dưới dốc đi lên, một toán khác từ trên dốc núi đi xuống, người thiếu nữ lúc này hỏi, giọng vẫn rõ ràng:

“Sao, báo cáo tình hình các nơi, các đồng chí!”

“Hoàn toàn xong hết. Định cầm họng từ lúc bốn giờ sáng.”

“Tôi sẽ phụ trách về những người bị thương. Số đồng chí hy sinh giao cho đồng chí X10.”

“Trên đó khoảng gần 100 đồng chí bị thương.”

“Đem lên phía chùa trên dốc.”

“Phía dưới cầu có khoảng trên năm chục người bị thương, số hy sinh nhiều hơn.”

“Đem vào vườn, sẽ tìm địa điểm di tản sau.”

“Có tin nữa.”

“Gì?”

“B3 truyền lệnh các đồng chí chia nhau vào các nhà, đừng để đồng bào bỏ chạy gây phiền phức. Ngay sáng hôm nay phải văn hồi trật tự.”

Nhiều tiếng nói: Tuân lệnh. Những tốp người chia nhau đi. Phút chốc đoàn người thưa hẳn, chỉ còn vài tốp gác ở ngã đường. Một anh lính trẻ vác khẩu A.K. đưa tay quệt trán, mặc dù lúc đó trán anh ta không có giọt mồ hôi nào. Đợi cho các đồng chí bạn đi khuất, anh rẽ vào căn nhà đằng trước mặt. Con ngõ dẫn vào nhà khá xa. Khu vườn âm u bao kín ngôi nhà ngói cổ kính. Anh lính trẻ ngập ngừng rồi đưa tay gõ cửa. Nhưng gõ một hồi không thấy gì, anh bỏ đi ra. Quái, rõ ràng nhà này có người ở mà. Anh lẩm bẩm. Anh đi qua khoảng sân rộng, đứng lại bên chiếc bể cạn cạnh gốc mai vàng. Nhà nào cũng có cái bể cạn, hòn non bộ và cây mai vàng y hệt nhau. Anh nhìn kỹ trên mặt đất. Có nhiều vết máu nối nhau chạy dài ra một góc vườn nơi phía bụi tre. Anh giơ một cánh tay lên rung nhẹ một cành mai. Anh nhìn vào ngôi nhà một lúc, rồi anh thở nhẹ bỏ đi ra, lại dựa lưng vào cột trụ đầu cổng hờm sùng đứng gác.

Một lát sau, trong nhà có tiếng chân nhẹ đi ra cửa. Bên trong căn nhà còn tối mờ. Bóng một người đàn ông thận trọng dò từng bước một. Anh ta tiến đến nơi cái sập gỗ. Một xác người đang nằm đắp chiếu ở đó. Anh giở chiếu lên gọi nhỏ:

“Ông nội, ông nội.”

Một người đàn bà nữa đi ra đứng sau lưng người đàn ông. Người đàn ông đưa tay vuốt mắt ông già đang mở trừng trừng, rồi nói với người đàn bà:

“Ông đi rồi.”

Người đàn bà bước lùi một bước rồi òa khóc. Nhưng rồi chợt nhớ ra, bà đưa tay tự bịt kín miệng mình lại, hai mắt bà ta cũng mở trừng trừng nhìn người đàn ông, vẻ hốt hoảng mê sảng. Người đàn ông đưa tay lên quệt nước mắt rồi cũng bịt chặt miệng mình lại. Cả hai đi vào căn phòng nhỏ phía trong. Có tiếng thì thầm trong bóng tối nhạt mờ, nhiều đầu người nằm ngồi lổm nhổm:

“Răng con, ngoài yên chưa?”

“Suyt. Hối đồ hỏ, không nghe nó vừa gõ cửa đó răng!”

“Con, ôn con ra răng rồi?”

Người đàn ông kéo người đàn bà ngồi xuống:

“Mình ngồi xuống đi, đừng có đứng nữa.”

Người đàn ông cũng ngồi xuống cạnh vợ. Giọng anh ta nghẹn ngào:

“Mạ, ông đi rồi.”

Nhiều tiếng khóc muốn bật ra rồi gượng lại kìm. Tiếng thút thít của người lớn rồi trẻ con tấm tức. Người đàn ông lại đứng dậy:

“Thôi đừng khóc. Họ nghe họ vô chừ. Mạ, mạ đừng có khóc.”

Nhưng nói xong người đàn ông cũng nấc lên một tiếng nhỏ. Anh ta đi ra ngoài nhà, anh dòm qua khe cửa. Một tốp đàn ông đàn bà đang đi vào trong sân. Anh ta nhè nhẹ trở đi vô. Căn nhà hoàn toàn im lặng.

Tiếng gõ cửa nổi lên ban đầu còn thưa, rồi trở nên cấp bách. Có giọng đàn ông người miệt ngoài cất lên:

“Mở cửa, mở cửa, quân giải phóng đến.”

Bên trong căn phòng nhỏ, người đàn bà cầm chặt lấy tay người đàn ông. Bàn tay của người mẹ bịt chặt miệng đứa cháu, sợ nó la khóc. Tiếng đập cửa bên ngoài mạnh hơn:

“Mở cửa. Mở cửa không chúng tôi bắn.”

Có tiếng người đàn ông trẻ tuổi:

“Hồi nãy tôi gõ mãi mà không có ai. Chắc họ chạy hết rồi.”

“Vô lý, đêm mà chạy đi đâu. Chưa ai chạy khỏi nhà hết.”

Rồi một giọng khác đồng dạc:

“Tôi đếm từ một tới ba mà không mở cửa là tôi bắn. Có ai trong nhà không? Một...”

Người đàn bà xô người đàn ông ra cửa, chị lấy bẫy thế nào mà gây một tiếng động nhỏ. Bên ngoài có tiếng cười gần rồi tiếng hô tiếp:

“Hai.”

Người đàn ông đã ra tới cửa, anh giơ hai tay lên khỏi đầu:

“Dạ lạy các ông, lạy các ông tui mở, dạ để tui mở...”

“À, biết ngay mà. Mở cửa.”

Người đàn ông lấy bẫy một lúc mới mở được cánh cửa. Toán người ulla vào nhà. Họ có khoảng chừng mười người, kẻ vác súng trường người xách bị rết. Người đàn ông lớn tuổi nhất, có đôi mắt thật to nhưng vẻ mặt xanh xao, nhìn một lượt khắp nhà:

“Các đồng chí canh gác cửa ngõ.”

Vài người đi vào các phía cửa sổ. Người đàn ông chủ nhà mặt tái xanh tay chân run cầm cập nói không ra tiếng:

“Lạy các ông chúng tôi là người lương thiện.”

“Hừ, tại sao gọi cửa hoài không mở hả. Mở đường cho ngụy chạy phải không?”

“Lạy các ông, con sợ quá.”

“Không có các ông nào ở đây hết. Chúng tôi là quân giải phóng.”

“Dạ.”

“Có bao nhiêu người trong nhà gọi ra hết đi. Mau.”

Rồi ông quay đi:

“Các đồng chí. Mở cửa sổ ra.”

Ánh sáng lùa vào căn phòng, soi rõ khuôn mặt của ông già nằm trên sập gụ. Chiếc chiếu đã được mở ra từ trước, tấm chăn đắp trên người ông loang đầy máu, đã sệt khô. Người đàn ông lớn tuổi bước tới một bước nhìn vào mặt người chết, rồi la ò lên một tiếng:

“Ông chết rồi hả!”

“Dạ.”

“Bị tự bao giờ?”

“Dạ thưa ông... ông giải phóng, dạ bị tự lúc một giờ sáng, máu ra nhiều quá.”

“Các đồng chí cho đem xác ra ngoài vườn giùm đi.”

Mấy người đàn ông định xúm tới. Người đàn bà run lập cập:

“Lạy các ông, dạ lạy các ông giải phóng, dạ để chúng con xin được chôn cất.”

“Để đó.”

Mấy người đang đi đến tấm sập gụ dừng lại. Người đàn ông lừ mắt vào phòng trong:

“Gọi hết cả nhà ra đây. Đi ra hết. Ai còn ở trong chúng tôi bắn.”

Mấy đứa trẻ con ra trước rồi một người đàn bà đứng tuổi, mấy cô con gái, một chị đàn bà bế đứa con nhỏ. Mặt người nào người đó tái xanh. Người đàn ông lớn tuổi nạt:

“Đứng cả vào một góc nhà.”

Cả nhà lú lú đứng về phía sập gụ, bên cạnh xác chết của ông già. Có tiếng động nhỏ phía trong. Người đàn ông lớn tuổi lắng tai nghe. Một nữ cán bộ dậm tới một bước, chìa súng vào căn phòng nhỏ:

“Ai trong đó xin mời ra.”

Bên trong vẫn im như tờ. Nhưng người đàn ông lớn tuổi đã lừ mắt ra hiệu.

Hai ba người khác bước tới. Cánh cửa phía bên buồng trong bỗng bật mở sáng. Một bóng người lao ra ngoài. Một tiếng chóc khô, lạnh, vang lên. Có tiếng kêu ở bên ngoài cửa sổ và tiếng rú của mấy người đàn bà. Người đàn ông đứng tuổi lại cười gằn:

“Coi lục soát kỹ nhà này.”

“Tuân lệnh.”

Mọi người chia nhau đi lục soát, người đàn bà già và thiếu phụ bỗng con ôm mặt khóc nức nở. Mấy cô gái mặt tái xanh, cắt không còn hột máu. Người đàn ông ôm chặt một đứa nhỏ đang đu lên người ông. Đám người lục soát một hồi trở ra, một người nói:

“Không có gì nữa cả.”

Người đàn ông đứng tuổi hất hàm:

“Ra coi tên đó chết chưa!”

“Dạ, đã xem, chết rồi.”

Nhiều tiếng khóc cùng bật lên một lúc. Mấy cô nữ cán bộ xúm lại, vẻ hung hăng lúc đầu biến mất. Một cô làm thân với thiếu phụ:

“Chị đừng buồn, đừng sợ. Chúng tôi chỉ xử những người có tội, còn những người dân thì chúng tôi có bốn phận phải bảo vệ.”

Thiếu phụ chùi nước mắt:

“Nó là em tui mà. Nó có tội tình chi mô.”

“Tại anh ấy bỏ chạy. Trong hoàn cảnh chúng tôi, chúng tôi phải tự vệ.”

Người đàn ông đứng tuổi nhìn một lượt những khuôn mặt đang run rẩy, tái xanh. Giọng hắn chậm chậm, đều đều:

“Mẹ và chị đừng sợ. Chúng tôi đến đây là để giải phóng cho đồng bào...”

Người thiếu phụ đang khóc bỗng nín bật, ngơ ngác. Mấy

đưa con gái nép sát vào nhau. Có tiếng chân người chạy từ ngoài cổng vào. Hai giải phóng quân khác đi vào. Họ có quàng khăn xanh ở cổ, người đàn ông đứng tuổi hỏi:

“Có chuyện gì vậy?”

Một người nói nhỏ vào tai người đàn ông lớn tuổi. Hắn gật gật đầu, quay lại nói với các nữ cán bộ và mấy người giải phóng:

“Các đồng chí ở lại đây. Còn tôi với đồng chí Thu đi lên xóm Chùa.”

Tiếng chân đi ra cổng. Một nữ cán bộ giơ tay:

“Các đồng chí, chúng ta ở lại đây, sửa soạn cơm nước rồi phụ bạn tải thương, tiếp vận.”

“Đồng chí Xuân nói phải. Lát nữa chắc có tiếp vận tới.”

Người nữ cán bộ mang tên Xuân mỉm cười, vỗ vai thiếu phụ thân mật nói:

“Bây giờ để tôi nhờ các đồng chí phụ với ông nhà lo chôn hai xác chết. Thưa chị, đây là...”

Xuân chỉ vào xác chết ông già. Người mẹ vội vã trả lời thay con dâu:

“Dạ thưa cô, đây là ông nội của tụi nó.”

Người nữ cán bộ xua tay:

“Chết, mẹ giải phóng, con xin mẹ đừng gọi con là cô. Con xin được làm con mẹ như các chị các anh ở đây.”

Cô nói xong quay lại đồng bạn:

“Bây giờ nhờ đồng chí Tiến, đồng chí Bình lo chôn giùm hai xác người, cụ và anh đang ở ngoài vườn.”

Rồi đổi khuôn mặt buồn rầu, người nữ cán bộ tên Xuân quay lại phía gia chủ:

“Thật đáng tiếc, trường hợp ngoài ý muốn, xin chia buồn với mẹ và các anh các chị.”

Người đàn ông quay mặt đi giấu hai giọt lệ đang lăn

xuống. Xác chết của ông già và người thanh niên được bó trong hai chiếc chiếu rồi đem vùi nông ở góc vườn. Một lát sau, mấy cô nữ cán bộ làm thân với mấy cô gái, các người lính giải phóng thì chia nhau gác góc vườn và lo đi liên lạc, Xuân nói với người đàn bà già:

“Thưa mẹ, nhà ta còn gạo không?”

Bà già thật thà:

“Gạo còn hai bao. Tết mà cô. Còn cả bánh tét và mứt nữa cô.”

“Ấy, xin mẹ đừng gọi con bằng cô nữa. Mẹ gọi con là con như gọi các anh các chị đây.”

Cô lại cười, nói tiếp:

“Có lẽ vài ba bữa nữa bộ đội mới tiếp lương thực tới. Mẹ cho chúng con vay hai tạ gạo. Vài ba hôm lấy xong thành phố Huế, Bác Hồ vào thăm, con sẽ thừa trường hợp của mẹ. Bây giờ xin mẹ ký vào cuốn sổ vàng của Bác Hồ.”

Cô quay lại gọi:

“Đồng chí Nữ đâu, đem sổ ra đây.”

Người nữ cán bộ tên Nữ là một cô gái mập mập, nhưng nước da vẫn tái xanh, cô ta nhanh nhẩu rút trong áo ra một cuốn tập, chìa tới bên bà già:

“Thưa mẹ đây, xin mẹ ký.”

Người đàn bà già run run:

“Dạ tui có biết chữ chi mô mà ký.”

Cô gái lại cười, hỏi mấy cô gái Huế đang đứng dờn với nhau một góc.

“Thôi các chị biên tên rồi ký giùm. À mà để tôi biên tên cho cũng được...”

“Dạ thưa mẹ, mẹ tên chi. Dạ xong rồi. Xin chị ký.”

Cô gái nhỏ run run viết một chữ ký nguệch ngoạc lên trang giấy. Nữ đưa cuốn sổ cho Xuân. Người đàn bà lặng

lễ chùi nước mắt. Mấy cô gái vẫn đứng đờn một góc, nắm chặt tay nhau, trong lúc cô nữ cán bộ tên Xuân cười:

“Trưa nay chúng ta ăn mừng chiến thắng.”

Những mảnh mặt trời vỡ vụn đang dần dần tụ lại, vẫn dật dờ lẩn khuất bên trên bầu trời đầy mây mù và gió lạnh.

Những đốm máu cùng sương vương trên cỏ đã khô để lại những vết tím bầm. Trong những khu vườn nhiều dấu đất mới. Tất cả những người bị thương đều được khiêng lên một ngôi chùa và các nữ cứu thương đang trở tài bằng bó. Vẻ vui tươi buổi sáng biến mất trên khuôn mặt họ; những đồng chí giải phóng đi đi lại lại gác các đầu đường hoặc chia nhau tràn vào các nhà dân.

Nơi ngã ba, trong một quán nhỏ bỏ trống, mấy người đàn ông bị thương nhẹ đang ngồi rờ rịt vết thương. Anh lính trẻ tên Thu đang bồng súng đứng gác ở góc đường. Cạnh đám cỏ anh ngồi, một vũng máu của ai đã khô, mấy con ruồi xanh bay vật vờ, thỉnh thoảng vài con chồn vờn trước mũi anh, muốn bám vào mặt anh, anh đưa tay xua với dáng điệu hết sức lơ đãng.

Một vài nhà, cửa mở toang, người ta thấy các anh giải phóng, các cô cán bộ đi vào. Thỉnh thoảng có một vài đứa nhỏ chạy ra sân, tức thì có một người lớn chạy ra bế bổng đứa bé lên hốt hoảng chạy vào nhà, mắt hút. Không khí hoàn toàn yên tĩnh. Vừa mới đêm qua, tiếng súng xé màn trời, rung đổ nhà cửa, bây giờ tất cả sự ồn ào đó đã lẩn mất cùng bóng đêm, để lại một mặt trời vỡ với những kinh hoàng còn bám chặt trên mặt đất đầy máu, trên những cành cây gãy đổ, trên những ngọn lá xanh rụng đầy vườn.

Tất cả mọi nhà, mọi người đều ngồi chụm vào một đám. Họ e dè nhìn những anh lính miền Bắc mà họ được phép gọi là quân giải phóng, đi lui đi tới, nét mặt đôi khi phẫn

khởi đôi khi nghiêm nghị bí ẩn. Họ không dám trả lời một câu hỏi nào của đám người lạ mặt.

Dân trong xóm cũng ngạc nhiên không ít khi thấy vài người lảng giềng mới hôm qua còn chúc tết nhau, sáng nay đã thấy họ cầm súng trong tay, cũng quấn khăn xanh khăn đỏ nơi cổ và nhìn họ bằng ánh mắt đe dọa, kiêu ngạo. Những người này công khai đi thăm hàng xóm. Một ông thợ lò rèn mới tối qua say rượu lè nhè chửi nhau với mấy cô gánh nước ngoài giếng, nay cũng xách súng đi thăm từng nhà. Gặp ai anh cũng nở nụ cười thật tươi, huênh hoang nói:

“Đồng bào yên chí đi, bà con yên chí đi. Vài ba hôm nữa cụ Hồ vô, tha hồ mà liên hoan.”

“Bác không biết đó chứ. Tui theo quân giải phóng lâu rồi. Tui nằm vùng mà.”

Mọi người nhìn anh ta với khuôn mặt xanh lè. Ai cũng sợ, thường ngày anh chỉ là thợ rèn hiền lành, chiều chiều say rượu hay nói bậy, gây gổ với trẻ con, với các cô ở đi gánh nước. Nhưng biết đâu anh không chuốc oán mua hờn với nhiều người trong xóm. Mấy đứa con trai con của một bà bán thịt heo ở chợ cũng nô nức xách súng theo giải phóng.

Một ông già ăn mày thường ngày ngồi trước mấy quán nước, hôm nay mặt mày cũng rạng rỡ hẳn, ông ta đi khắp các nhà tuyên truyền ầm ĩ:

“Quân giải phóng tới rồi nghe, rồi đây mình sướng lắm. Tui nói thiệt chứ ai làm cái chi ở đây mà tui không biết.”

Câu nói như một lời đe dọa, người ta đưa mắt nhìn nhau, vẻ lo lắng buồn rầu không thể nào che dấu được nữa.

Đến khoảng trưa thì quân giải phóng đến thúc mọi người ra hết ở ngoài sân. Họ kêu gọi những thanh niên đi tải đạn, những thanh nữ đi tải thương. Mười lăm tuổi trở lên là

phải đi hết, chỉ các bà mẹ mà họ gọi là mẹ giải phóng, các sản phụ, các bà mang thai mà họ gọi là chị giải phóng, thì ở nhà giúp đỡ các anh giải phóng cơm nước. Một số người bị thương chịu không nổi đau đớn đã trút hơi thở. Nhưng quân giải phóng không đem chôn trong vườn nữa, họ chở đi theo với đoàn bị thương lên miệt trên. Đó là những con đường dẫn lên Tây Thiên, lên dòng Thiên An, lên các lǎng tǎm. Giữa trưa, những ngôi nhà buồn tẻ im lặng cũng có hơi khói, dấu hiệu của buổi cơm.

Nhiều tiếng khóc bật lên thảm thiết. Trong nhiều ngôi nhà cũng có nhiều người dân chết vì vết thương không đủ thuốc thang băng bó. Người lính trẻ tuổi đang gác ở ngã ba lǎng tai nghe rồi chām một điếu thuốc hút. Mấy người trong quán hỏi vọng ra:

“Ai khóc ở đâu vậy?”

“Trong mấy nhà kia kìa.”

“Chắc có người chết!”

“Dân mà, quân mình chở đi hết rồi.”

Anh ta lại nhìn vào một ngôi nhà nằm khuất trong một vườn cây, hỏi:

“Biết đây là gì không?”

“Nhà thờ cụ Phan đó.”

“Một vị anh hùng, một người cách mạng hả?”

“Ừ.”

Người trong quán hỏi tiếp:

“Lấy xong mấy đồn chưa?”

“Chưa có tin gì hết.”

Người lính trẻ lại im lặng. Tiếng khóc trong nhiều căn nhà nổi lên, anh ta chām một điếu thuốc nữa rồi cau mày. Anh ngập ngừng rồi mạnh dạn đi vào một nhà gần nhất.

Đó là một ngôi nhà tranh nằm ngay mặt đường gần ngã

ba nơi anh lính đứng gác. Anh ghé cửa nhìn vào, bên trong ngôi nhà, giữa bộ ván gỗ, một xác chết nằm ngửa, cả một gia đình bu quanh kêu khóc. Một bà già, một người đàn bà bế đứa con và hai đứa trẻ đang xúm quanh xác chết: Con ơi là con ơi, anh ơi là anh ơi. Ba ơi là ba, ba ơi. Tiếng người mẹ, người vợ, tiếng những đứa con thơ làm não ruột người nghe. Anh lính Bắc Việt tần ngần đưa tay đập nhẹ cửa.

Cánh cửa không đóng, anh chỉ mới đưa tay gõ đã tự động đẩy ra. Luôn đà anh đi thẳng vào nhà. Hai người đàn bà hốt hoảng nhìn ra, mấy đứa trẻ con nín khóc. Anh đi tới gần nhìn xác chết, không phải một mà là hai xác chết. Phía trong xác của người đàn ông còn xác một đứa trẻ khoảng lên ba, mặt mày tím bầm và còn dính đầy máu. Người đàn bà già chen tới trước mặt anh như che chở cho mấy xác chết, đôi mắt bà nhìn người lính giải phóng với vẻ van nài cầu khẩn:

“Ông ơi, chết hết rồi, không còn ai nữa mà bắt đi.”

Bà chỉ vào người đàn bà đang bế đứa nhỏ:

“Con nó một nách ba đứa con dại, ông tha cho mẹ con tui...”

Người đàn bà già nói xong bật khóc, cô con dâu và mấy đứa nhỏ lại khóc theo. Người lính nhìn quanh gian nhà, đồ đạc thật nghèo nàn, ở giữa nhà kê bộ ngựa gỗ, bên chái trên là bộ bàn ghế, đằng sau bộ bàn ghế là một bàn thờ nhỏ, phía bên trái kê chiếc giường tre. Trên bàn thờ còn nguyên mấy đôn bánh tét, mấy đĩa mút bánh. Trên chiếc bàn gỗ phủ mảnh vải ny lông hoa hòe còn chiếc bình bông cắm một cành mai vàng. Mấy cái tách, mấy cái ly úp trên một cái khay bằng nhôm. Anh dịu giọng hỏi bà già:

“Nhà này của mẹ?”

“Dạ, còn đây là con cháu tui.”

Bà chỉ cả người chết lẫn người sống. Người lính Bắc Việt mở cái khăn quàng cổ của mình đắp lên mặt người đàn ông, rồi rút khăn mùi xoa lau bớt máu dính đặc trên mặt đứa bé. Anh kéo cái chăn đắp kín mặt mày thằng nhỏ. Vừa lúc đó có tiếng động dưới bếp, tiếng đập cửa rồi một khuôn mặt đàn bà đầu rối bù lộ lên:

“Bà Bổng ơi, có chút dầu mô cho tui một chút. Có chút thuốc đỏ cho tui một chút. Nó sắp chết rồi bà Bổng ơi.”

Người đàn bà lật đật đi lên nhà, thấy hai xác chết nằm sòng sọc trên ván gỗ, bà ta lùi lại:

“Ồi trời ơi, mần răng ri nì. Mần răng ri nì trời.”

Bà đưa mắt nhìn khắp mặt mọi người, đến khi chạm phải anh lính giải phóng. Bà đưa tay lên miệng, khuôn mặt đã tái xanh bây giờ xám ngoét.

Bà già xô vai chị đàn bà:

“Chị Trùm đi về đi. Đừng có chạy qua chạy lại nữa.”

Người đàn bà tên Trùm run lấy bầy:

“Bà Bổng làm ơn làm phước cho tui xin chút thuốc rịt vết thương cho con Bê, máu ra nhiều quá, nó xỉu rồi.”

“Con Bê há? Nó bị thương?”

“Nó bị thương hồi gần sáng. Trời đất quỷ thần ôi, khổ cho gia đình tui, hồi trước tới chừ ăn ở có răng mô mà trời bắt tan tành như ri rứa trời.”

Rồi nhìn hai xác chết, bà gượng lại:

“Trời đất hỡi, còn thằng Tanh với thằng cu em răng mà ra thân thể ri nì trời!”

Nghे tiếng than của người hàng xóm, người vợ bật khóc nấc lên, bà già bế lấy đứa cháu trên tay con dâu, cũng mếu máo:

“Thôi con ơi, đi ra mà nấu chén cơm, đặt bát nhang lên cho tụi nó, răng mà khổ ri trời, nhang tàn khói lạnh...”

“Ai bắn ai giết nó đó?”

“Biết mô mà lần, chị Trùm ơi, chỉ biết là con mình, cháu mình chết.”

Chị Trùm nhìn người lính giải phóng và chợt nhớ là mình vừa nói một câu hớ có thể nguy hiểm, chị nín thinh. Nhưng người lính vẫn lơ đãng nhìn về phía bàn thờ. Những chân nhang đã tàn, hai ngọn nến cháy gần lụi được thổi tắt từ lúc nào. Một lát, thấy người đàn bà lật đật đi xuống bếp, anh nói theo:

“Có ai bị thương đem qua bên chùa, quân cứu thương băng bó cho.”

“Có, tui đã đem qua rồi, họ nói thuốc chưa đủ cho quân giải phóng.”

Chị đàn bà đã khuất sau bếp. Tiếng chân đi vòng ra phía hẻm... Người lính giải phóng nhìn xác chết một lần nữa rồi nói với bà già:

“Thôi mẹ, mẹ đừng khóc nữa, phải có người hy sinh cho chúng ta chiến thắng.”

Người đàn bà già không hiểu. Người vợ đưa tay quệt nước mắt:

“Trời ơi là trời, mạ con tui biết sống với ai ri nì trời.”

Có tiếng súng nổ, chỉ một tiếng một rồi nín hẳn. Anh lính giải phóng chạy ra ngã ba nhìn ngơ ngác. Một anh lính giải phóng đang gác trước một cửa nhà cách chừng mười thước giơ tay chỉ vào một bụi cây bên đường. Người lính trẻ nhìn theo một thanh niên đang cố bò ra mặt đường, anh ta đã trúng đạn, máu lết từng vệt dài trên mặt đất. Người lính trẻ chạy lại. Bàn tay người thanh niên đưa ra muốn được nâng đỡ nhưng anh cũng không còn đủ sức nữa, cánh tay rơi bịch xuống đất, miệng anh mấp máy một hai câu gì đó rồi anh nằm lật ngửa, bất động. Người lính

giải phóng đứng sững lại. Tiếng người bạn đằng xa hỏi:

“Chết rồi hả?”

Người lính trẻ gật đầu. Anh ta đưa tay lên cổ như muốn sờ vào chiếc khăn, anh ta đụng vào cổ áo và cầm chặt lại. Phía đằng sau lưng có hai chị nữ cán bộ đi tới, thấy anh đang đứng như trời trồng, họ cười phá ra:

“Đồng chí Thu làm gì đứng đó. Chỗ anh đứng gác đằng ngã ba kia mà. Thôi ráng gác đi, có lẽ tối nay bộ đội mình rút lên phía núi.”

Một cô nhìn xác chết:

“Sao vậy? Ai bắn đó? Đồng chí hả?”

“Không.”

Người bạn đứng đằng kia la lớn:

“Nó muốn chạy trốn, thấy nó lui cui sau bụi cây, tôi nổ súng đó.”

Một cô nhìn xác chết, cười khinh bỉ:

“Thứ này béo tốt dữ, ăn bơ sữa của Mỹ đây mà.”

Người lính trẻ đưa hai bàn tay của anh ra nhìn, anh đi trở lại chỗ gác của mình. Trong một căn nhà khác lại có tiếng kêu khóc:

“Cứu tôi với, bố làng nước ơi, con tui, con tui...”

Chắc lại có một người nữa vừa mới chết. Mấy cái đầu thò ra:

“Đằng nhà đó có chuyện gì vậy?”

“Người chết.”

“Mấy người?”

Anh đưa hai ngón tay làm dấu, rồi chợt nhớ ra, anh lật đật đưa thêm một ngón nữa. Trong quán có tiếng nói lớn:

“Vào đây ăn bánh chưng. Bánh chưng Huế đây. Đồng chí nào ra thay dùm đồng chí Thu.”

Anh lính trẻ lắc đầu nói:

“Thôi khỏi.”

Có tiếng chân chạy, phía xác chết đang nằm tênh hênh bên đường có hai ba người chạy tới, toàn đàn bà và con nít:

“Con ôi là con ôi, đi ra mần chi cho họ bắn chết con ôi.”

Giọng người mẹ kêu la thảm thiết. Anh lính giải phóng đi tới hỏi:

“Con bà?”

“Dạ, con tui.”

“Tại sao không ở nhà mà đi ra đường làm gì giờ này?”

“Con em gái nó bị thương, nó đi kiếm đọt lá chuối về rịt.”

“Thế à!”

Người lính đi về chỗ. Mấy người đàn bà, mấy đứa con nít xúm lại ôm xác người thanh niên đi khuất vào một ngõ nhỏ. Người bạn đứng gác đằng kia bước lại gần phía anh lính tên Thu:

“Đồng chí cần phải đề cao cảnh giác. Cấp trên ra lệnh không được lán la nói chuyện bừa bãi, tụi nó đều là tay sai Mỹ ngụy hết.”

Cả hai người đều trở lại vị trí cũ. Phía dưới cầu, một đoàn người đi lên, họ đang tải thương. Mấy cô gái Huế còn nhỏ mặt mũi xanh lét đằng sau là mấy anh giải phóng và mấy cô nữ cán bộ. Họ đi thật nhanh, mặt lầm lỳ. Các cô gái Huế hiện rõ vẻ sợ hãi và mệt dừ, những người nằm trên băng ca máu me đầy mình. Anh lính trẻ đi ra phía đường nhìn từng khuôn mặt người bị thương đi qua. Đến người cuối cùng anh ta nín cắng lại:

“Mịch.”

Người thanh niên ở trên băng ca bằng vải trắng mở đôi mắt lơ lơ nhìn mặt người gọi. Người lính tên Thu cúi xuống:

“Mày bị rồi.”

Người bị thương nhếch môi đau đớn:

“Chắc tao không sống nổi. Thu có về Bắc được nhớ cho thầy me tao biết.”

Anh ra dấu cho bạn tháo cái giây bạc đeo ở cổ, thều thào:
“Nhớ đưa cho để tôi. Thu.”

Thu vội buông tay bạn. Cô nữ cán bộ trong đội cứu thương đã lên tiếng gọi hai cô gái Huế ỳ ạch khiêng chiếc băng ca lật đặt đi lên. Người bị thương cố nhướn mắt nhìn bạn và cố đưa bàn tay lên vẫy mà không còn đủ sức nữa.

Anh lính tên Thu sững sờ nhìn bạn bị khiêng đi xa dần. Tay anh còn cầm chặt sợi dây bằng bạc. Mịch. Anh gọi lớn. Nhưng chiếc băng ca đã khiêng đi xa, còn lại một tay, anh đưa tay dụi mắt mình mà như là vuốt mắt cho bạn. Phía dưới cầu lại một tốp khác đi lên, họ cũng tải thương. Anh vẫn cầm chặt sợi dây bạc trong tay, sững sờ nhìn từng chiếc băng ca khiêng qua mặt mình. Nhưng anh không nhìn từng người bị thương nữa.

Ngang qua mũi súng của anh, mấy cô gái Huế càng bước mau, như sợ vô tình một viên đạn có thể bay ra ghim vào người mình. Anh ta để cho mũi súng chúc xuống đất. Trong một cánh cửa sổ từ một ngôi nhà phía ngã ba, nằm trong một khu đất rộng và trong cây cối, anh ta bắt gặp một đôi mắt thập thò nhìn. Anh không dám nhìn lại, sợ đôi mắt đó sẽ biến đi. Đó là đôi mắt của một cô gái nhỏ khoảng mười lăm mười sáu tuổi. Phía sau lưng cô gái có một bàn tay chộp lấy vai áo:

“Đừng có nhìn mà.”

Một người đàn bà khoảng ba mươi tuổi kéo tuột cô gái vào, giọng thì thầm:

“Đừng có ngó. Tụi nó vừa bắn chết một người gần ngã ba a tề.”

Cô gái rút đầu... le lưỡi:

“Chị, có một tên Việt cộng đẹp trai ghê đi chị. Nó gác ở ngã ba đó tề.”

Người đàn bà lôi tuột cô em nhỏ vào trong mằng:

“Nói tào lao. Đi vô.”

Cô gái nhỏ đi vào. Người đàn bà bế xốc đứa bé gái đang đứng ở cửa buồng, nói vọng vào trong:

“Mẹ, từ rạng sáng tới chừ chở nhiều xác chết, nhiều người bị thương quá mẹ ơi.”

Tiếng người đàn bà già run run:

“Nhỏ nhỏ cái miệng, vô trong ni mà nói.”

Cả nhà xúm vào buồng. Thiếu phụ nói nhỏ vào tai bà già:

“Chắc họ sắp rút lên trên tề hết rồi.”

“Tao cũng mong rứa.”

“Hồi hôm họ chết nhiều rứa thê mẹ.”

“Chắc sáng quân đội mình đã lên rồi, chắc họ chuẩn bị rút lui rồi đó hỉ?”

“Chắc rứa.”

“Răng ôn mi chưa thấy lên?”

“Kẹt dưới đó rồi.”

Cô gái lại bỏ đi ra ngoài. Bên trong người đàn bà nói giọng thiệt nhỏ:

“Đừng cho thằng Hợi nó xuống. Chút nữa mẹ lấy cơm vắt lên cho nó ăn không nó xỉu.”

“Khi hồi có mấy tên đi vô nhà, cứ ngó lên trần, tao sợ bắt chết.”

Bên ngoài, nơi cô gái nhỏ nhìn ra, anh lính Bắc Việt còn đang đứng nhìn theo mấy cô nữ cán bộ tập xe đạp, đẩy xe Honda. Các cô bím tóc, quần xắn đến quá đầu gối.

Cô gái nhỏ nhìn hai cô đẩy theo một cô ngồi trên xe tuy có hai người giữ hai bên mà chiếc ghi đông vẫn quẹo qua

queo lại.

Mấy cô cười đùa thiệt vui nhưng anh lính trẻ không cười. Mặt anh lăm lăm lì lì nhìn xuống con dốc đang có mấy người đàn bà chạy ra đường kêu cứu:

“Cứu con tui với, bớ làng nước ơi. Cứu chồng tui cứu cha tui.”

Mấy cô nữ cán bộ lướt qua mặt anh, cười cười nói nói:

“Trong này nhiều xe quá, thắng lợi rồi mình có xe đi.”

Một cô nói lớn:

“Đồng chí Thu tích cực quá hi!”

Cô ta nhại giọng Huế rất khó nghe. Anh lính trẻ cau mày. Anh liếc vô trong căn nhà trước mặt. Cô gái nhỏ vội thụt đầu vào. Không hiểu bức tức hay buồn bã chuyện gì, anh ta đưa súng lên nhắm thân cây trước mặt như muốn bắn. Không có tiếng đạn nổ. Mấy cô nữ cán bộ cười xòa, thoáng cái họ đã xuống tới lưng chừng dốc.

Một con chó mình mẩy dính máu khô từ trong một bụi cây lết ra, anh lính giải phóng lượm một hòn đá ném mạnh. Còn chó còn đủ sức để chạy bằng ba chân, nhưng chỉ được một quãng, nó bò lết rồi nằm bẹp một chỗ. Anh lính đi tới gần đưa súng lên đầu con vật nhắm bắn, nhưng cũng không tiếng nổ, con chó le lưỡi, miệng đầy nước dãi, mắt ngược nhìn người đứng trước mặt, ánh mắt con vật làm người lính vội quay đi, rồi trở về chỗ cũ. Mấy cô nữ cán bộ đã vòng trở lên, ngang qua mặt anh, mấy cô vẫn ỳ ạch đẩy và người nữ cán bộ ngồi trên xe trán đã lấm tẩm mồ hôi nhưng khuôn mặt lại hết sức tươi tắn.

Chưa bao giờ thành phố Huế sống trong một không khí đầy chết chóc, hoang mang như thế. Tất cả những xác chết cũng như những cán binh bị thương đều đã được đưa lên ngả núi. Nhưng trong mỗi xóm, cứ vài giờ là có một vài

người bị thương không được đầy đủ thuốc men ngã ra chết. Từ sáng tới chiều, tiếng khóc bật lên từ nhà này tới nhà nọ. Tiếng khóc như một bệnh dịch truyền nhiễm rất nhanh. Bên cạnh những sự chết chóc đau buồn, còn phải nhắc tới cái bệnh dịch hân hoan của các anh giải phóng. Buổi sáng họ còn e dè với người dân, nhưng tới trưa tới chiều, một nội lệnh được truyền tai rất nhanh, họ thay đổi thái độ thành những chiến sĩ rất nhũn nhặn thương dân sống hòa hợp với dân dễ dàng. Những bao gạo từ trong các ngôi nhà cùng với bánh tét bánh chưng, mứt bánh dày ú trong mấy ngày tết được mang ra sân chất lên những chuyến xe vận tải để chở lên miệt trên, mà theo các anh giải phóng thì họ mượn tạm cho quân đội giải phóng. Vài hôm nữa, khi ổn định xong thành phố, gạo sẽ rẻ vô cùng, không có cắt cổ như Mỹ ngụy mà bán một bao tới mấy nghìn đồng. Họ cũng hô hào nhà ai có “cờ ba que” (cờ ba que là cờ VN màu vàng có ba sọc đỏ) thì phải đem ra đốt đi để thay bằng lá cờ giải phóng, cờ bác Hồ. Những ai còn gạo, còn bánh thì phải đem ra trình với quân giải phóng, họ làm những cuốn sổ ghi tài sản của dân để vài hôm nữa, khi cụ Hồ vào sẽ đền ơn xứng đáng. Họ cũng kêu gọi những thanh niên đừng lẩn trốn mà phải ra trình diện để nhận lãnh sự khoan hồng. Mấy nhà hòm nên hy sinh giúp đồng bào hoạn nạn lo chôn cất những người dân bị chết, nhưng tất cả những khu vực đều không được đi. Trong mỗi vườn nhà đều chôn mộ người thân. Họ cũng đề cao cảnh giác, dân chúng không được ra đường, không được tụ họp trừ khi được giấy của quân giải phóng mời đi học tập. Suốt ngày những cô cán bộ lân la vào nhà này nhà nọ hỏi thăm tình cảnh của dân, làm thân với các bà, các cô, các anh các chị. Những bà già mới nhìn họ như nhìn những vị hung

thần, bây giờ họ phong lên làm mẹ giải phóng, các thiếu phụ được làm chị giải phóng. Những người lớn tuổi đều tiếp đón họ bằng ánh mắt nghi ngờ, đề phòng nhưng trẻ con thì có vẻ khoái lắm. Chỉ mới từ sáng tới chiều, chúng đã tụ xung quanh các cô nữ cán bộ, các anh bộ đội. Chúng vui thích theo dõi các cuộc tập xe đạp của các cô nữ cán bộ hoặc chúng bu quanh các anh giải phóng. Nhà nào cũng có quân giải phóng tới thăm hỏi, họ nấu cơm hay ăn uống ngay trong nhà. Các cô gái khỏe mạnh được mượn đi nấu cơm cho bộ đội. Những thanh niên, những cậu trai mười bốn mười lăm được mượn đi tải súng đạn, hoặc được phát súng, được chia toán để giúp các anh bộ đội sắp tổ chức những buổi học tập. Mới ngày đầu, nhiều thanh niên đàn ông trốn chui nhủi trong xó buồng, trên trần nhà. Nhưng tới ngày thứ hai, nhiều người nghe các anh giải phóng kêu gọi đã ra trình diện: Ai ở nhà đó, chúng tôi không bao giờ dám động tới một người dân, chúng tôi là bạn dân mà. Đó là câu nói thuộc lòng của mấy anh giải phóng. Mặc dù các khu vực đều cấm liên lạc với nhau, mấy nhà chung quanh chỉ được hỏi han dăm ba điều mà có nhiều tin đồn lắm. Chẳng hạn như buổi trưa ngày thứ hai, nhiều người được tin là chiếc xe sang trọng nhất của cố vấn Mỹ ở Huế bị trưng dụng, một cấp chỉ huy của Việt cộng đã lái đi khắp thành phố. Một tin khác lại nói rằng nhiều xe nhà binh do các anh giải phóng lái chở đầy nhóc bánh chưng bánh tét và gạo chạy qua các ngã đường. Các anh lính giải phóng vui vẻ hơn, họ hỏi han dân, và khi có người đàn bà nào nhắc tới những tin đồn thì họ cười tin tưởng:

“Quân giải phóng đã chiếm được Huế, bây giờ cố giữ để văn hồi trật tự, chờ cho các tỉnh đánh xong là hòa bình.”

Nhiều người ngơ ngác vì sự phát giác trên. Họ nghe ra do

nhưng nhà nào có ra đô đều bị các anh giải phóng trưng dụng hết. Họ tịch thu và nói rằng, trong lúc này, đồng bào chỉ nên nghe lời của quân giải phóng, có thể Mỹ ngụy tung những tin sai lầm làm dân chúng hoang mang. Nhiều người dẫu được ra đô nhưng không dám mở ra nghe nữa. Những nhà có người thân chết đã tìm ra được vài để chít khăn tang, một vài nhà có mùi hương khói bay ra trước con mắt nhìn hết sức dửng dưng của các cán bộ giải phóng. Họ ăn uống thả cửa. Ngày tết gia đình nào cũng dự trữ đủ thức ăn. Nhưng qua ngày thứ hai thứ ba hết thịt, một vài nhà lên làm thịt heo thịt gà, quân giải phóng len lỏi tìm kiếm được mua lại của dân bằng một giá rẻ mạt. Rồi họ tổ chức tập họp vào ngày thứ ba. Buổi sáng cho thanh nữ, buổi chiều cho thanh niên. Đồng thời họ rút quân tập trung vào một vài nơi, tạm rời nhà dân chúng, nhưng lúc nào các cán bộ cũng len lỏi từng nhà lấy cớ là đi thăm hỏi.

Buổi học đầu tiên được tổ chức trong một ngôi chùa rộng, hoặc các trường học. Người ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy xóm này xuất hiện một người đại diện cho dân, rồi xóm khác một người đại diện. Những người này mới hôm qua là anh đập xích lô hay ông già say rượu sống lây lất đầu xóm. Dân chúng cũng không khỏi ngạc nhiên khi thấy tiếng cười vang ở một vài người mới mấy hôm trước có vẻ lù đù nhất, bây giờ trở thành những nhân vật hết sức kích động, họ đi lối xóm hô hào, tuyên truyền cho quân giải phóng.

Ngay chiều thứ hai, mồng ba tết, có một vài vùng đã được chứng kiến cảnh xử tội. Một vài nhân vật trong xóm bị bắt kết tội là theo quân Mỹ ngụy. Họ bị đưa vào một trường học, các thanh niên nam nữ được nhóm lại. Những bộ mặt quen thuộc nằm vùng là người đủ thẩm quyền kể ra nhiều tội trạng của bị cáo nhất. Những bản án được kết thúc vội

vàng. Nhiều kẻ bị dẫn đi, rồi ngay buổi chiều hôm đó nhiều tin đồn có người đã bị xử tử. Mọi người chưa tỉnh hồn bởi một đêm mông một súng nổ ghê hồn, một buổi sáng mở mắt dậy thấy đầy máu me xác chết, thì đã bắt đầu lo sợ vì những cuộc tìm bắt xử án của quân giải phóng. Mặc dù ngoài mặt họ tỏ ra rất tử tế với dân chúng, nhưng đồng thời những vụ bắt bớ, xử tội đã bắt đầu; trường học, nơi của trẻ thơ, chùa chiền nhà thờ, nơi của đạo giáo, bỗng trở thành nơi hội họp, nơi tòa án nhân dân thành lập.

Thỉnh thoảng có vài tiếng súng lẻ tẻ hoặc một tràng. Mọi người như những con chim bị thương vội vàng nằm xuống đất, kẻ chui tọt dưới gầm bàn, gầm phản. Trẻ con cũng đã quen với không khí căng thẳng sợ hãi, đã nhìn thấy máu me chết chóc, hể cứ nghe thấy tiếng súng là không cần đợi ai nhắc nhở, cứ chạy tìm ôm chặt người lớn, hoặc sát mặt xuống nền đất. Nhưng tiếng súng chỉ lẻ tẻ rồi im lặng kéo dài, không có gì thêm ngoài tiếng cười nói của các anh giải phóng ở ngoài đường ngoài tiệm.

Đêm đến, trong bầu không khí im lặng đến ngột thở, người ta nghe tiếng cú rúc. Tiếng cú rúc đầy khắp thành phố. Người ta hồ nghi, giữa bom đạn, giữa không khí sặc mùi tử khí hôi hám, lũ cú dám mò về làm náo loạn cả thành phố đang tê liệt. Tiếng cú hay tiếng người làm mật hiệu rú trong đêm? Người ta nín thở và chờ đợi, không biết chờ đợi cái gì sẽ đến, nhưng linh tính sẽ còn nhiều điều xui xẻo, tang thương. Những người chồng bỗng nhìn vợ triu mến hơn, những bà mẹ ôm con thơ như sợ chúng sắp biến mất. Cỏ cây, nhà cửa, người, súc vật bỗng như cảm thấy một sự gần gũi khó tả.

Người ta không thể biết thêm gì ngoài những tin tức do các nữ cán bộ, những anh giải phóng tuyên truyền. Trong

những buổi họp, nhiều cụ già lên tường trình về những tin tức. Những cô gái đi họp về kể lại rằng một ông già bán cháo lòng được bầu lên làm chủ tịch buổi học tập, mở đầu buổi họp, ông thường lên nói về tình hình chiến cuộc trong nước. Đã dốt chữ lại không quen nói, ông thường gọi trật tên các đài phát thanh và dùng sai danh từ nhưng chả ai dám sửa đổi hoặc cười. Ông bàn về tin tức chiến sự và luôn luôn mở đầu bằng câu: Theo đài a, bê, xê thì quân giải phóng đã chiếm được Sài Gòn và các thành phố, các tỉnh khác. Quân giải phóng hoàn toàn làm chủ tình thế. Buổi họp nào ông cũng nhai đi nhai lại câu đó. Các cậu sinh viên bấm nhau. Các thiếu nữ nhìn nhau ngẩn ngơ. Bình thường chả mấy khi được nghe một câu chọc cười đã như thế, nhưng lúc này chả ai còn dám cười được nữa. Những buổi họp gần như bị bắt buộc nhưng họ vẫn rĩ tai nhau, làm thế nào để những thanh niên, đàn ông tránh mặt bớt, đừng để cho các anh cán bộ nhìn thấy.

Đến chiều ngày thứ hai thì không khí hân hoan của các đồng chí giải phóng bớt sôi nổi. Sau khi một ông thợ may bị tình nghi là liên lạc viên của Mỹ ngụy bị giết, xác vất ở một ngã ba, sau khi hai thanh niên trong một cái hầm nhỏ bị bắn vì mang tội trốn tránh quân giải phóng, các nữ cán bộ đã rút hẳn vào những địa điểm được chỉ định sẵn, không lui tới thăm viếng thường trực các nhà dân nữa. Cho đến hôm đó tiếng súng lẻ tẻ bắt đầu nổ ở các miệt xa, về hữu ngạn.

Các anh giải phóng nói với nhau là xe tăng của Mỹ có lên thám thính miệt quốc lộ, có thể xảy ra ác chiến. Nhưng nguồn tin đó không chắc chắn gì, ở một vài vùng đã có các anh giải phóng đi rao:

“Các thanh niên, đàn ông lo chuẩn bị mười lăm ngày gạo

để đi dự một lớp học về đường lối của quân giải phóng.”

Họ đào hầm, hố cá nhân, tải vũ khí. Không khí căng thẳng hẳn lên. Ngoài đường, trong vườn, ở các đầu hẻm vang tiếng xéng cuốc của các anh giải phóng đào hầm.

Thanh niên, đàn ông bắt đầu tìm chỗ trốn. Từ các cánh cửa sổ hé mở, những khuôn mặt già trẻ ló ra nhìn những anh giải phóng đào hầm, mày mặt lầm lì, không ai dám hỏi thăm vui vẻ như mấy giờ qua nữa.

Đến đêm thứ ba thì cả thành phố bỗng bật dậy vì hỏa châu, vì đại bác. Các anh bộ đội, các cô nữ cán bộ không còn thấy ở đâu nữa, họ như bóng ma lẩn vào đêm tối. Người ta chỉ nghe thấy tiếng kêu khóc quen thuộc của đêm mồng một tái hiện. Chưa ai kịp đào hầm để tránh bom, đêm hôm đó các miệt Từ Đàm, Thành Nội, Gia Hội, Kim Long là những miệt ăn chịu đại bác nặng nề nhất.

Buổi sáng hôm sau, người ta vội vã đào hầm. Hầm đào ngay trong sân, trong vườn, hoặc đào ngay trong nhà. Các anh giải phóng chỉ còn gác lẻ tẻ ở các góc đường. Dân chúng tràn ra đường, hỏi thăm nhà này nhà nọ. Có vài gia đình lục đục đi tản cư, nhưng các anh giải phóng đứng gác các ngã đường ra hiệu không cho ai được đi hết. Người ta đào hầm vội vàng, tất cả các cửa sổ, cổng sắt đều được dỡ xuống để làm hầm. Có nhà không đủ vật liệu, họ ra trại mộc, hoặc chặt tre.

Vài trại mộc chỉ thoáng cái là không còn một tấm ván. Hết ván, người ta bê cả hòm, nắp hòm về để chống đỡ nắp hầm bằng đất. Có nhà đào được hầm rồi cả nhà xuống núp thấy chật chội quá lại phá ra làm lại. Đến trưa thì đại bác lại câu lên, đang ăn cơm có kẻ bỏ cả cơm nước chui xuống hầm. Các anh giải phóng chui xuống hố cá nhân. Họ không ở trong nhà dân nữa, nhưng khi có tiếng súng, họ ở đâu

không biết, tràn vào các vườn, các đường, đen kín các hố cá nhân.

Khi tiếng súng tạm dừng, cảnh đào hầm lại tái diễn. Vài đám cãi nhau chửi nhau vì tranh nhau ván ở trại mộc hoặc đất cát. Cuộc pháo kích bất thành linh làm một số dân chúng và một số quân giải phóng chết hay bị thương. Họ lại vào từng nhà bắt thanh niên thanh nữ đi tải lên miệt núi. Người ta nhốn nháo đồn đại với nhau là họ đặt bộ chỉ huy trên đó. Về phía bên tả ngạn, bộ chỉ huy đặt ở phường Gia Hội. Ở vùng này hoạt động hằng hơn, mặc dù đại bác câu lên đều, họ vẫn tổ chức những buổi họp, học tập. Trong thành nội, quân giải phóng hoàn toàn chiếm hết. Có những cán bộ nằm vùng, những thanh niên mất tích từ lâu, bỗng thấy xuất hiện. Họ đeo băng, họ cầm đầu, họ đi lùng từng nhà hỏi tội. Vài cuộc rượt bắt, vài người bị bắn gục ngã giữa đường, xác người để đó không ai dám đem đi chôn, có xác đã bắt đầu có mùi, máu khô đọng, sặc mùi tanh và ruồi nhặng bu đầy, trông hết sức kinh khủng.

Bắt đầu những ngày Huế mở cửa địa ngục.

Chương 4

Qua một chuyến dò

Tôi góp nhặt được nhiều mảnh chuyện vụn vặt, mỗi người kể mỗi khác nhau về mấy ngày đầu tiên quân giải phóng đến Huế. Góp một ít khi ở nhà thờ, một ít khi vừa mới tới cung An Định. Tưởng đến cung An Định thì đoạn đường gian nan đã bớt một nửa, vì khi vừa đặt chân tới đó, tôi đã nghe nhiều người kháo nhau:

“Có máy bay của quân đội mình rồi. Họ kêu gọi dân chúng cố di chuyển về hữu ngạn.”

“Hữu ngạn là đây nì.”

“Nghe nói bên mình cho máy bay lên thám thính bị chúng bắn lên như mưa, máy bay phải bay cao tít.”

“Mà thiệt chị có nghe trên máy bay người ta kêu rúa không?”

“Nghe chớ. Bà con không thấy đó rằng, người ta chạy rần rần về phía hữu ngạn hết nì. Các vùng khác kẹt lằm. Phía trên Phủ Cam, Bến Ngự, Từ Đàm, không ai về được hết.”

“Qua cầu Tràng Tiền được không?”

“Mô được, họ đóng đầy ở nhà dây thép mà.”

Mỗi người mỗi chuyện, tôi lơ mơ biết được tình hình chung của thành phố. Tôi nói với má tôi, chú tôi là mình

ở phía hữu ngạn chắc yên rồi. Nhưng khi tìm được chỗ ngồi, chưa kịp dỡ vắt cơm mang từ nhà qua, thì súng lại nổ, chúng tôi lọt vào giữa trận chiến. Trong lúc tôi nằm xuống chân bàn, đầy hơi người hơi chó và chờ chết. Tôi nghĩ là chắc chắn chết, căn nhà lâu sẽ bị sập, sẽ chôn vùi chúng tôi trong đám gạch vụn, thì bỗng tiếng súng im rơ một vài phút. Sống rồi. Một tiếng nào kêu lớn trong đầu tôi, dội ngược ra và mở mắt nhìn từng người chung quanh. Họ ngồi rớt dậy ngơ ngác, bụi cát còn bay mù mịt, các cửa kính vỡ chưa hết rung. Nhìn lên chiếc sập “ngài ngự” thấy còn lại coi trầu bằng đồng chạm rồng phượng và cái chân nhiều màu. Ngài đã được công đi rồi. Không biết có sống thoát được không! Chưa kịp nói với ai một lời nào thì một tiếng B40 lao vút trên mái ngói. Ầm, một mảng mái nhà sập, bụi bay mù, mọi người rụt đầu, thu mình nhỏ lại. Cánh cửa sổ chỉ còn dính vài mảnh kính, sắt nhọn bỗng như bị va mạnh, rồi một bóng người nhảy vụt vào. Vài tiếng la bật lên, vài tiếng ú ớ không ra lời. Họ tràn vào rồi. Vài người úp mặt vào hai bàn tay. Tôi mở nhìn sững, không phải lính quốc gia hay quân giải phóng mà là Thái. Mình nó đầy máu. Nó nhón nhác nhìn tìm rồi lòi má tôi, lay chú tôi và cả nhà dậy:

“Chạy, chạy bác, chạy chị.”

Tôi kéo nó nằm xuống, hét:

“Em, làm người ta hết hồn. Chạy đi mô, chết hết bây chừ đó.”

Thái dựng thẳng tôi ngồi dậy. Lúc này tôi mới thấy bên hông mình ướt sũng. Máu, máu còn tươi rói chảy dọc xuống dưới chân. Tôi bị thương rồi. Bị thương sao chẳng thấy đau đớn gì hết. Tôi quay vụt lại:

“Má.”

Má tôi mở mắt nhìn tôi lơ đãng. Tôi bật khóc chồm tới kéo má tôi:

“Má, má bị rồi.”

Má tôi lắc đầu. Thái bỗng lôi tuột tôi chúi vào người nó:

“Dang ra, dang ra.”

Tôi nép hẳn vào vai cậu em. Lúc này tôi mới định thần nhìn kỹ con chó to lớn mới đây chui rúc bên hông tôi đã bị thương nặng. Có lẽ nó chết rồi cũng nên. Tôi không thấy nó nhúc nhích cục cựa gì nữa, nhưng nơi vết thương máu vẫn còn rỉ rả chảy. Thái nói nhỏ vào tai tôi:

“Chị nói bác chạy gấp đi, họ đang siết vòng vây ở ngoài. Không lừa lúc này chạy là chết.”

Không lừa lúc này chạy là chết. Tiếng chết như một sợi dây bắn ngược tôi tới cửa sổ, rồi nhanh như cắt, tôi lao đầu ra ngoài, mặc cửa sổ cao thấp thế nào chưa biết. Tôi rơi tọt ra ngoài cùng lúc cánh cửa chính mở, Thái và Bé thấy tôi chạy cũng hốt hoảng chạy theo. Chúng không kịp nhảy qua cửa sổ mà húc vào cánh cửa lớn. Vài miếng kính còn dính lại tiếp tục rơi loảng xoảng. Chú tôi, má tôi, vợ Bé, Thu và mấy đứa nhỏ cũng hốt hoảng chạy ra theo. Tôi nhìn quanh. Tuyệt nhiên không có một bóng người nào. Nhưng rõ ràng họ đang gờm nhau, đang bắn nhau. Lúc ở trong cung An Định, tôi nghe như tiếng súng bắn đi từ phía cửa, hay chính từ bên trong bắn ra nữa. Vậy mà tôi không nhìn thấy ai hết. Thấy tôi ngơ ngác, Thái lại kéo tay tôi chạy. Hình như nhiều người khác cũng vừa theo chúng tôi chạy ra nữa.

Bờ sông chắn trước mặt. Chúng tôi đã bỏ xa cung An Định một khoảng dài.

Tiếng súng đằng sau lại nổi lên, dữ dội, ác liệt hơn. Nhưng tiếng súng kéo dần tới phía trước đồng, bên phía nhà thờ. Chúng tôi xa dần nơi nguy hiểm. Một đoàn người từ phía

cầu chạy xuống. Thái hỏi:

“Qua cầu được không?”

Mấy cái đầu cùng lúc lắc một lượt. Tôi kêu lớn:

“Đừng chạy tới phía đó, họ đang đánh nhau.”

Nhưng đoàn người như không nghe, họ vẫn cầm đầu chạy. Mấy đứa trẻ con vấp ngã, khóc ré lên rồi lại lồm cồm ngồi dậy chạy tiếp. Vợ Bé lúc này mới kêu lên:

“Bỏ hết đồ lại ở trên nó rồi.”

Bé la lên:

“Bỏ hết, chết chưa lo, lo ba cái đồ...”

Vợ Bé mếu máo:

“Còn mấy vắt cơm không mang đi, chút nữa cũng chết đói.”

Lúc này tôi chạy lúp xúp sau Thái. Tôi bỗng hoảng kinh khi thấy máu ở cổ nó đang chảy giòng xuống vai. Tôi kéo tay nó:

“Thái, em bị thương rồi.”

Nó vừa chạy vừa thở:

“Cả cái mái ngói đổ xuống đầu em. Như ri là nhẹ, không răng mô chi.”

Một bến sông nữa hiện ra, Thái reo lên:

“Có đồ, có đồ, mình qua sông được rồi.”

Khúc sông ở đây sao yên lành quá, cây sung bên bến sông vẫn xanh um, mặt nước vẫn lặng lờ và mấy hòn đá đặt trên bến vẫn sạch sẽ, nhẵn bóng. Tôi bàng hoàng như nhìn thấy một cảnh nào ở trong cơn mộng hoặc mắt mình đã hoa lên rồi. Chúng tôi vừa dừng lại bến thì đằng sau cũng có vài người khác chạy đến. Thái hỏi:

“Chạy ở mô tới?”

“Ở bên nhà thờ.”

“Ở cung An Định.”

“Thấy chi không?”

“Chắc sập hết rồi, bắn dữ lắm.”

Thu chạy xuống bến. Mấy con đò như bỏ hoang không người ở. Chúng tôi gọi mãi mới có một chị đàn bà ló ra.

“Cái chi rứa?”

“Cho chúng tui qua sông với bà ơi.”

Người đàn bà lắc đầu:

“Không được mô. Đang đánh nhau dưới nớ, ra giữa sông lỡ đạn trúng mần răng.”

“Chị ở đây cũng trúng rứa.”

“Thà tui chết một mình. Tui còn một mình mà.”

Giọng chị lạnh như đồng. Thái năn nỉ:

Chị làm phước cho tui tui qua bên nớ. Bên nớ có nhà quen không tui tui chết hết ở đây.”

“Đồng rứa răng mà chở nổi.”

Má tôi nói khó:

“Chị làm phước cho mấy chuyến. Thời buổi giặc giã ở có đức để lại cho con cái.”

“Tui một mình chớ có ai mà đong phước. Tui chưa đi mà ở đây chờ coi ông dôn tui có nổi lên ở khúc sông ni không.”

Chúng tôi đã đoán ra lời mờ câu chuyện. Chắc chồng chị ta vừa mới chết, và chị ta đang dở điên dở khùng. Chúng tôi lại nói khó. Chị đàn bà bằng lòng chở mấy chuyến. Qua khỏi khúc sông ngắn có mấy thước, Thái đưa tiền và buộc chị đàn bà phải lấy. Chị cầm tiền và trở mũi qua đưa những người khác đang đợi bên kia bến.

Tiếng súng ở bên phía cung An Định, bên phía đồng có vẻ êm hơn. Khi chúng tôi lên đường cái thì không còn sức để nghe ngóng nữa. Khu này yên tĩnh quá. Chưa một nhà nào bị hư hại gì hết. Bé nói:

“Mình tìm nhà quen ở để rồi mai mình về nhà. Chắc khu mình gần quốc lộ họ rút hết rồi.”

Thái cãi:

“Rút chi nổi. Đừng có lằm mà chết.”

“Xe Mỹ ở quốc lộ chạy lên đồn An Cựu mà mi còn cãi nữa...”

“Xe Mỹ lên là nghe tiếng súng rồi, không thấy hay rằng.”

Chúng tôi tiếp tục chạy. Tôi hỏi Bé đây là miệt nào. Bỏ Huế lâu quá, tôi quên gần hết đường sá. Bé nói đây là đường lên Tân Lăng, lên chút là có chùa.

Nghe đến chùa, má tôi mừng rỡ:

“Mình vô chùa xin ở nhờ. Chắc họ không dám phá chùa mô.”

Thái nói:

“Nhà thờ còn bắn sập hướng gì chùa họ nể. Mà cứ thử coi.”

Tôi mệt lả không đi được nữa. Lúc này tôi mới thấy chân nhức buốt. Tôi đã bỏ mất dép, chân tôi lại bị một mảnh kính cắt, máu còn rỉ rả chảy. Tôi ngồi bệt xuống đất:

“Con không đi được nữa.”

Má tôi dỗ dành:

“Ráng chút nghe con, ráng đi chút con. Gần tới rồi.”

Nhưng má tôi cũng mệt quá. Lúc này nhìn lại má tôi, tôi thấy bà vẫn còn xước cái xước áo quần nơi tay. Sự sợ hãi đã làm má tôi quên cái xước tay nặng nề. Thái vẫn ôm chiếc cặp da của tôi. Má tôi vừa nói vừa ngồi xuống bên cạnh tôi. Thu cũng ngồi theo, mấy đứa nhỏ cũng ngồi bệt xuống đất. Có mấy nhà mở cửa hé nhìn chúng tôi rồi vội đóng cửa lại. Tôi không hy vọng gì họ giúp chúng tôi lúc này. Thái và Bé quay lại, thấy chúng tôi ngồi bệt cả xuống đất và chú tôi nửa muốn ngồi nửa muốn đi thì giơ tay cản:

“Thôi, để tụi con tới chùa coi rằng.”

Nhưng đi được một quãng, chúng quay lại. Lúc này chúng mới để ý đến những đoàn người chạy loạn, đoàn này đi tới trước, đoàn kia chạy ngược lại. Hỏi họ thì ra phía nào cũng

có đánh nhau hết. Vợ Bé đang ngồi bỗng đứng rột dậy:

“Quên rồi, ở xóm ni mình có chị U, mình vô tạm rồi sai con Thu về nhà coi ra rắng.”

Tôi cũng mong có chỗ ngồi nghỉ, uống một ngụm nước. Từ sáng đến giờ tôi chưa có miếng cơm, chưa uống được một giọt nước. Bé hăng hái dẫn đầu. Chúng tôi đi vào một xóm nhỏ toàn nhà tranh. Bé gõ cửa mãi mới thấy người ra mở cửa: Chị U.

Bé kêu mừng rỡ:

“Tưởng chị đi tản cư rồi chớ. Không can chi há?”

“Can chi. Ở đây mấy bữa ni có chi mô. Không ai đi hết.”

“Không có mọt chề câu tới hả?”

“Không, xóm trong bị rồi. Mà ngoài ni đào hầm hết rồi. Can chi mà sợ.”

Rồi chợt nhận thấy một đoàn người đông đúc đứng hàng sau lưng Bé, người đàn bà hỏi:

“Bà con hết há?”

“Dạ bác em nì chị. Chị em. Bác, đây là bà chị vợ của con.”

“Vô, vô nhà hết đi, đừng đứng đây lộn xộn họ dòm ngó.”

Cả đoàn kéo vô nhà. Nhà nhỏ, chật hẹp. Thái lót cái chăn dưới nền đất để nằm đỡ. Má tôi, vợ Bé mới sanh và mấy đứa nhỏ được chủ nhà nhường cho cái giường nhỏ, nằm sát vào nhau, chỉ trở mình nhẹ là có thể rớt xuống đất. Tôi, Thu và Thái phải nằm dưới đất. Trời bắt đầu mưa phùn, lạnh căm da. Vừa sợ, vừa lạnh lại thêm cái đói dày vò, tôi run lập cập. Người chủ nhà lấy cho tôi một bát cơm nguội ăn với xì dầu. Tôi ăn như chưa có bữa cao lương mỹ vị nào ngon lành đến thế. Ăn xong thì trời đã chiều. Thái hỏi dò người đàn bà xem ở đây có quân giải phóng không. Người đàn bà cười tươi tỉnh:

“Không rắng mô. Họ về hoài, họ đi ngoài đường kẹ họ. Họ

tử tế lắm mà.”

“Họ có soát nhà không?”

“Mấy bữa đầu thôi. Mấy hôm đầu họ nhờ mấy con nhỏ đi tải đạn, tải thương. Bữa ni hết rồi. Họ cũng là người chó chi mà sợ. Họ tử tế lắm mà.”

“Bà có nói chuyện với họ không?”

“Nói hoài. Có răng mô.”

Người đàn bà ở với một bà già chồng gần bảy mươi tuổi và một đứa con trai út mười bảy tuổi. Người chồng bỏ đi thời kháng chiến cũ không thấy tin tức. Khi biết ra điều đó, tôi không còn lấy làm lạ về cảm tình của bà ta đối với mấy anh giải phóng nữa.

Buổi tối, chúng tôi không dám ngủ trên nhà mà xuống ngủ dưới hầm đào ở trước sân. Chú tôi, Thái và Bé vào ngủ ở nhà thờ của một dòng họ lớn trong xóm. Nhà thờ xây kiểu xưa, đá lớn chắc chắn lắm. Tôi, và những người đàn bà khác cùng trẻ con xuống hết dưới hầm. Chiếc hầm nhỏ quá mà phải chứa tới hơn mười mạng người, chúng tôi không còn chỗ đặt lưng.

Khoảng gần mười giờ là đại bác từ Phú Bài bắt đầu câu vào thành phố. Hỏa châu soi sáng rực cả bầu trời. Tiếng máy bay gần rồi xa. Không khí báo hiệu một cuộc đụng độ lớn. Cả thành phố như đều chìm trong diêm gở sắp bị tàn diệt. Tôi ôm chặt lấy má tôi, dựa đầu vào vai bà mà ngủ. Má tôi không ngớt lời cầu nguyện: Cầu cho con tôi tai qua nạn khỏi. Cho con tôi sống.

Tôi biết má tôi đang lo cho tôi nhiều nhất. Chồng con tôi ở Sài Gòn chắc đang bắn ruột bắn gan vì tôi. Nhưng tại sao tôi tin được chồng tôi còn rỗi rãi để lo cho tôi. Tin tức đồn đãi cả Sài Gòn và các tỉnh đã mất. Vậy chồng con tôi đã lưu lạc tới nơi nào rồi.

Tôi muốn nói: má ơi, con sợ quá. Nhưng tôi phải tỏ ra can đảm hơn để má tôi yên lòng đôi chút. Tôi nói:

“Đánh nhau lớn chắc sắp yên rồi.”

Tiếng nói của tôi thật nhỏ nhưng trong hầm kín mọi người đều nghe hết. Một cô gái mập ú đang ngồi sát bên tôi lên tiếng:

“Họ đông lắm chị.”

Tiếng người con trai bà chủ nhà nói theo:

“Con nì nó đi khiêng xác đó chị, chết bất loạn.”

Tôi hỏi:

“Khiêng đi mô.”

“Khiêng lên tận trên núi. Họ chết nhiều lắm đếm không hết.”

“Chị khiêng như vậy mà không sợ à?”

“Sợ bắt chết. Vừa khiêng vừa run. Trời lại lạnh nữa, hai đầu gối mình như muốn sụm luôn. Góm bắt chết. Xác nào cũng dính đầy máu. Còn người bị thương thì chất lên xe như sắp cá rứa, người nì chồng lên người nọ, không biết mần răng mà sống cho được.”

“Toàn là quân giải phóng hết?”

“Chơ răng. Họ chớ ai vô đó nữa.”

“Khiêng xong họ cho về?”

“Họ còn bắt đi khiêng đạn chớ, mà tui trốn. Túi nì chắc trong họ cũng về bắt đi nữa. Tui trốn ra đây ngủ nhờ. Trong đó có một ché câu tói rồi đó.”

Tôi không hỏi nữa, nhưng cô gái có đà, cứ nói tiếp:

“Nơi vườn cạnh nhà tui họ chôn người dễ sợ quá, lòi mấy cái chân.”

“Nói dóc đi, bà nội.”

Nghe cậu bé con bà chủ nhà nói móc, cô gái nổi sùng:

“Đồ con trai chui dưới hầm cả ngày cả đêm biết chi. Ra

ngoài mà coi thử. Sau chùa tề, họ chôn lòi tay lòi chân coi dễ sợ bắt chết. Nì, mi biết thằng Tư hót tóc không?”

“Biết.”

“Ờ. Hắn bị bắt ra ngoài vườn đào hố chôn xác chết, mà chôn sau vườn hắn mới ghê chớ. Hắn trốn đi được rồi.”

“Tao ghét thằng đó lắm, cho họ bắt luôn.”

“Mày ăn nói đoảng hậu chi rứa. Răng mà ghét người ta?”

Có tiếng người đàn bà tên là chị U gặt khê. Một trái hỏa châu rơi thật gần và lừng lợ hạ xuống. Ánh sáng soi rõ cả vào miệng hầm. Tôi nhìn ra được mặt cô gái. Má tôi kéo mạnh chiếu rách che bớt miệng hầm lại. Đêm hôm đó chúng tôi ngồi suốt đêm. Đại bác bắn lình lình vào các miệt, nhưng may mắn không có quả nào rơi vào xóm chúng tôi trú ẩn. Tiếng đại bác không ngớt, dội cả mặt đất. Mắt tôi như tá hỏa theo mỗi tiếng nổ, và cứ thế, cả đêm, trái tim đập liên hồi, nỗi lo sợ đặc quánh cho tới gần sáng.

Lại thêm một lần được may mắn nữa. Đến gần sáng tiếng đại bác thưa dần chỉ còn nổ ỳ ầm ở miệt xa, như trên núi. Chờ thêm một tiếng đồng hồ nữa chúng tôi mới lên khỏi miệng hầm. Súc miệng bằng muối hột và rửa mặt bằng nước mưa. Trời vẫn còn mưa bay và lạnh giá, tôi khoác chiếc áo măng tô của ba tôi để lại trên người, cùng với Thái đi dần ra ngõ.

Dần dần bạo đạn, hai chị em ra tới miệt sông. Từ các phía vẫn còn những toán người tản cư lẻ tẻ. Thái đón lại hỏi, có người cho biết họ ở đồng An Cựu, hoặc ngã chợ An Cựu. Có người cho biết họ ở bên nhà thờ chạy qua. Cầu An Cựu còn không? Người trả lời còn, người trả lời bị sập. Không biết tin ở ai nữa. Thái nói với tôi là mình đã hết sức may mắn, đêm qua bên nhà thờ, Việt cộng đã tràn vào bắt hết đàn ông, công chức mang đi. Nó kể lại mà mặt nó tái xanh

cắt không ra giọt máu.

Phía đường rầy vẫn có người đi. Thái chỉ cho tôi thấy những đoàn người xuôi ngược phía trên đường rầy, ẩn hiện sau những bụi cây thấp.

Khi hai chị em trở vào, Thái chột nhìn lên ngọn điện cao. Nơi ngọn điện có tháp cây tre và trên cây tre một lá cờ hai màu đỏ và xanh lá mạ bay phất phới. Chiều qua, khi đi ngang qua đây, khi nhìn lên cột điện này để coi trên trời có máy bay không, tôi đâu có nhìn thấy gì. Thái đem chuyện đó vào kể cho mọi người nghe, chả ai lấy làm lạ hết:

“Họ treo hoà. Họ treo cả trong chùa, nơi ngã ba nữa...”

Nhưng đến trưa hôm đó thì cả xóm nhỏ này không ai còn đủ bình tĩnh nữa. Đại bác đã câu tới nơi. Tiếng máy bay như gầm, xé nát bầu trời ảm đạm, xám ngoét. Giữa trưa, chúng tôi phải chui xuống hầm. Một số khác vào nhà thờ họ. Những tiếng nổ rất gần, có lúc như dội ngay đầu. Còn nghe tiếng nổ là chưa chết. Thái bấm vào tay tôi:

“Chị bịt chặt hai tai lại, nằm sát cho đỡ tức ngực.”

Một vài nhà có tiếng kêu khóc như ri. Nằm trong hầm chật quá, ngột không thở được, Thái chờ ngót tiếng đại bác, kéo tôi chạy tọt vào nhà thờ. Từ trưa tới chiều tối hôm đó, đại bác không ngừng nữa, nhưng độ bắn đã đi xa hơn.

Buổi chiều, chúng tôi ra được ngoài trời khoảng chừng mười giây rồi lại chui vào hầm. Đêm, tôi không vào hầm nữa mà ngủ dưới gầm một cái kệ trong nhà thờ họ. Mấy đêm liền không ngủ, tôi đã mệt nhoài người. Mặc súng, mặc đạn, mặc sống, mặc chết, tôi lăn ra ngủ. Nửa đêm, tôi bị đánh thức dậy bởi tiếng máy bay, tiếng đạn réo, nhưng rồi âm thanh đó cũng chìm đi, cơn buồn ngủ đè nặng lên tất cả. Cho tới sáng hôm sau, Thái phải dựng cổ tôi dậy:

“Đêm qua chị biết có chuyện gì không?”

“Chuyện gì?”

“Họ về đây ở đây. Họ gõ cửa nhưng không thấy động tĩnh chi hết họ đi rồi.”

Má tôi rầu rĩ:

“Điều này chắc chết quá. Con Vân, túi qua ngủ dữ quá không biết chi hết há. Nổ gần lắm, chắc nhà cửa mình tan hết rồi.”

Má tôi lại khóc. Vợ Bé bò ra khỏi bệ thờ, rồi tới lượt chú tôi cũng trở dậy:

“Chắc phải chạy nữa quá. Ở đây nguy rồi.”

Chú tôi nói giọng lo lắng. Má tôi bảo Bé và Thu đi nấu cơm nhưng nhớ ra gạo chỉ còn một ít, má tôi nói:

“Nấu cháo ăn đỡ.”

Chú tôi phàn nàn ở nhà còn nửa tạ gạo mà con Thu hôm qua về không tới nhà được để lấy đem đi. Con Thu về gần tới xóm thấy xóm vắng tanh nó lại sợ, bỏ đi trở về.

Nhưng nồi cháo chưa chín thì chúng tôi lại nghe tiếng máy bay đến, rồi đại bác dưới Phú Bài lại câu lên. Cả nhà lại vào hầm nhưng lát sau thấy tiếng súng không nhắm vào khu vực này, tôi và Thái lại bò ra vì ngột ngạt quá. Hai chị em chạy qua nhà chị U rồi lần ra ngõ. Có tiếng súng nhỏ bắn như mưa ở miệt Phú Cam. Chắc chúng bắn máy bay, Thái thì thầm. Ngọn cờ màu máu mặ vẫn phất phới bay trên ngọn tre tháp vào cột điện. Vẫn còn người chạy loạn ở ngoài đường, chúng tôi đón lại hỏi nhưng không ai buồn trả lời, họ vừa khóc vừa chạy. Một đoàn người có võ trang từ phía cầu kéo lên Phú Cam, Thái kêu tôi chạy vào một cái quán bỏ hoang. Đoàn người đi ngang qua đường, mặt mày lìm lìm, họ vác súng, tay đeo băng, áo quần hỗn độn, Thái thì thầm: Quân Bắc Việt đó. Tôi cố nhìn để phân biệt xem họ có khác gì mà Thái nhận ra được, tôi chịu nhưng không

dám hỏi Thái.

Đoàn người đi lên một lúc, chúng tôi định chạy ra khỏi quán để về nhà, nhưng từ phía Phủ Cam, tiếng chân, tiếng kêu khóc bỗng vang dội. Rồi một đoàn người nữa xuất hiện trước khi tiếng súng ròn rã nổ như mưa, tiếng máy bay gầm như xé trời và đại bác không kịp thở. Đoàn người đến gần dần, Thái sửng sốt:

“Trời ơi, dân, dân chạy loạn.”

Đoàn người có đến cả trăm người, dẫn đầu là mấy ông cha, một hai ông sư. Họ cầm cờ trắng, làm bằng đủ thứ vải toí tả, lá cờ hàng phục, lá cờ sợ hãi. Họ vừa đi, vừa chạy như những con lật đật. Phía sau những lá cờ trắng, những người dẫn đầu, dân chúng bỗng bế nhau. Kẻ gánh người gồng chạy lúp xúp.

Thái đứng hẳn ra vệ đường giơ tay đón:

“Thưa cha, trên rứa rặng?”

Ông cha lắc đầu, miệng như đang sùi bọt mép. Một tu sĩ bế một đứa bé bị thương máu chảy nhỏ giọt trên đường, đưa tay xua xua tỏ dấu bảo chúng tôi chạy theo, đừng đứng nguy hiểm. Nhưng ông cũng không nói nổi ra thành tiếng nữa. Đoàn người cứ thế lần chạy qua mặt chúng tôi, đàn bà bế con, đàn ông gánh gồng, trẻ con chạy lúp xúp. Họ khiêng cả kẻ bị thương nữa. Một người đàn ông bị thương ở chân chạy khập khà khập khểnh, thỉnh thoảng té xuống đất rồi gượng dậy. Có kẻ một cánh tay đang đóng đũa chỉ còn dính chút thịt da. Kẻ u đầu, người bế trán, những giọt máu rỏ đuối theo mấy miếng vải trắng làm cờ đi tìm bình yên đang phe phất dẫn đầu. Đoàn người vừa chạy vừa kêu khóc vừa cầu kinh, kẻ đọc kinh cầu Chúa, kẻ kêu trời gọi Phật.

Đoàn người chạy lêu bêu xuống cầu rồi bỗng chạy ngược trở lại, rồi đang chạy ngược bỗng trở lui, tiếp tục về phía

trước. Tiếng súng từ phía Phủ Cam vẫn như mưa, vài kẻ yếu đuối chạy cuối cùng cách đoàn người khá xa, họ kêu gào như đang tuyệt vọng sắp chết đến rồi:

“Cha ơi, chờ con. Cha ơi, cứu chúng con. Chúa ôi, quý đuổi chúng con...”

Tôi đỡ một người đàn bà vừa ngã sấp xuống mặt đường:

“Lên đây nghỉ đã chị, ở đây chưa đánh nhau, vô đây.”

Người đàn bà đã bị thương ở đùi, máu ra nhiều lắm, nhưng vẫn gượng dậy lắc đầu:

“Tui chạy theo cha, chồng tui con tui trong đó mà.”

Bà lại chạy. Thái chạy theo:

“Trên nó còn chi không?”

“Hết cả, hết cả. Ờ, mà còn, còn nhiều người kẹt lại, còn hơn trăm thanh niên đang bị vây không chạy được.”

“Họ bị vây?”

“Họ bắn lại, họ bắn lại... Cha ơi, chờ con với cha ơi.”

Người đàn bà lại chạy, nhưng đoàn người đã bỏ cách xa bà ta quá. Một tiếng nổ lớn. Tôi lóa mắt. Thái ôm chặt lấy tôi:

“Chạy, chạy chị. Cầm tay em nì.”

Thái kéo tay tôi lọt vào xóm. Đoàn người như tan tác ở đằng xa, rồi qua lớp khói bụi, tôi lại thấy họ chạy tiếp tục.

Khi tôi vào tới nhà thờ họ thì má tôi đang nằm ở mé cửa chờ. Bà nạt tôi một hồi rồi kéo tôi dúm xuống bệ. Như ngày xưa, má tưởng con như ngày xưa còn bé. Tôi chui tọt vào bên trong tìm một chỗ dựa đầu mà không có. Má tôi nằm phía ngoài hồi vọng lại:

“Nằm yên, con Vân mô rồi. Đừng có nằm phía ngoài nghe.”

Má tôi nói vậy mà bà nằm phía ngoài. Con Thu rí nhỏ bên tai tôi:

“Nồi cháo cháy rồi.”

Lúc đó tôi không thấy tiếc gì nồi cháo nữa, dù trước đó

tôi đã đói cồn cào. Thu lại nói:

“Chị đi đâu làm bác cứ đòi chạy ra tìm, em phải ôm bác lại.”

Tôi muốn khóc quá, tôi đưa tay cầm chặt giống tre kê dưới bệ thờ, chỉ có một khoảng cách ngắn, tôi ao ước cầm bàn tay má tôi mà không được. Trong bóng tối lơ mờ, tôi thấy có đốm lửa nhỏ lóe lên. Chắc Thái đã tìm đâu được điều thuốc. Nó nói với tôi:

“Hỏi bác hút thuốc không.”

Tôi hỏi tìm ở đâu đó thì nó nói:

“Cả bao đầy lận. Em lượm được khi đoàn người đi qua rôi. Chắc ai rớt.”

Tôi nghĩ tới những giọt máu rơi vãi ở dọc đường, những giọt máu đó đang kéo dài đến đâu rồi. Bất giác tôi rùng mình. Thu hỏi:

“Chị lạnh hả?”

Tôi lắc đầu, nhưng chắc Thu chẳng trông thấy gì đâu. Thái đưa cho tôi một điều thuốc và nói với tôi đưa cho bác hút đỡ lạnh. Điều thuốc chưa kịp đưa đi đã rơi khỏi tay tôi lúc nào. Sợ gây tiếng động, tôi không dám đưa tay sờ soạng nữa. Từ lúc đó tới trưa, chúng tôi không còn dám mở mắt nhìn thấy ánh sáng bên ngoài nữa. Đại bác câu vào như không còn tính khoảng cách. Trên đầu tôi, xung quanh tôi, tiếng nổ dội như vỡ tung lồng ngực, như bể đôi cái đầu. Má tôi hô mọi người nằm rạp xuống đất. Nằm rạp xuống đất hết rồi cũng chưa được, ôm chặt lấy nhau để có chết cùng chết một đồng. Nhưng không, tôi không thể chết một đồng được, tôi phải sống để còn trở về với con tôi và dù Saigon còn hay mất, các con tôi cũng phải sống để chờ tôi về nữa. Đừng có chết. Cho tôi sống.

Tiếng nổ như bùng tôi vất trong lửa đỏ. Một tiếng, hai tiếng, tiếng nữa. Lạy trời lạy Phật, chưa trúng. Thêm tiếng

nữa, quả tim cứ nhảy loạn xạ, cứ muốn tung ra. Ầm, tôi nghe có tiếng nổ lớn mà. Vậy ai kêu chết tôi rồi vậy? Ai khóc như ri ngoài kia vậy? Ầm nữa. Cả mái nhà như sập xuống đầu tôi rồi. Ngực tôi bể rồi, máu tôi đang trào vọt chảy. Tôi lăn qua lăn lại. Không, tôi chưa bị, tôi còn sống mà. Tiếng khóc bật lên:

“Vân, Vân mô rồi con.”

“Chị, chị mô rồi chị.”

Cánh tay Thái rồi cánh tay má tôi nữa. Cát bụi trên mái nhà vẫn tiếp tục rơi xuống. Tôi không mở được một tiếng nào. Lần này chắc chết quá rồi, đại bác vẫn không chừa khoảng cách. Người tôi sau tiếng nổ đã không còn sức để run. Thôi, cả nhà chúng tôi, cả mọi người trong ngôi nhà thờ họ này nằm chờ chết.

Nhưng rồi phút kinh hãi đó lại qua. Tiếng súng đã ngưng và rải rác đưa lên các phía xa. Tiếng súng vừa ngưng là có tiếng la khóc. Tôi vọt chạy ra ngoài, má tôi nín lại:

“Con ơi, đừng, đừng đi.”

Nhưng Thái cũng ra đến sân rồi, cực chẳng đã, tôi thập thò ở cửa.

Bên ngoài cây cối xác xơ, gạch ngói rơi tứ tung ở sân. Trước mặt khu nhà thờ họ, một mảnh đạn xoáy một hố đất lớn. Mấy cửa kính vỡ toang, tấm bình phong che phía trước bị vạt một góc. Vừa lúc đó Thái chạy vào mặt mày tái mét:

“May quá chị ơi, nhà thờ chỉ bị một mảnh bom phía sau góc, nơi cây đu đủ. Cây đu đủ gãy rụng rồi.”

Thái đưa tay chỉ lên mép tường phía sau, ở đó tường đã lở những mảng lớn và ngói trụi hết, lộ một khoảng trời màu xám chì. Sự sống thật tuyệt vời, nếu mảnh bom rơi chệch vào một tí nữa chắc chúng tôi đã xong. Thái kể cho

chúng tôi nghe, ở đằng sau, cách hai ba căn nhà bị nguyên vẹn một quả bom rơi trúng. Mấy mái tôn văng ra xa, có tấm văng lên chém gãy một đợt dừa. Hai ba căn nhà bị sập, mấy người chết. Từ lúc đó tới chiều, chúng tôi không dám bước ra khỏi bệ thờ nữa. Vợ Bé bạo dạn đi nấu được nồi cơm, nhưng tới chiều tối, chúng tôi mới ngồi ăn. Đang ăn cơm thì nghe có nhiều người chạy loạn từ phía Bến Ngự về, Thái chạy nhanh ra sân. Đoàn người từ Bến Ngự về chạy thẳng mãi trên miệt đường rầy, duy có hai cha con đói lả không đi được, ngồi bệt xuống vệ đường. Mọi người đưa vào nhà. Người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, đưa con gái cỡ mười lăm. Sau khi được ăn mỗi người một bát cơm lót lòng, hai cha con tỉnh người lại. Đứa con gái ngồi nép vào góc bệ thờ, mở đôi mắt như thất thần nhìn ra phía cửa. Một tiếng động nhỏ cũng làm cho con bé ôm chặt lấy cha.

Chờ cho người đàn ông tỉnh táo, má tôi mới hỏi dò:

“Ông ở Bến Ngự về?”

“Dạ, tui ở Bến Ngự.”

“Rúa trên Từ Đàm có ai chạy được không?”

Người đàn ông chưa kịp trả lời, má tôi đã nóng ruột:

“Con trai, con dâu, con gái với một bầy cháu kẹt trên đó.”

Người đàn ông nói mà đôi môi vẫn còn lắp bắp:

“Tui ở phía dưới cầu, sát bờ sông lặn. Trên Từ Đàm thì chịu, họ canh gác dữ lắm.”

“Không ai chạy được hết?”

“Chắc không.”

Tôi nghe tiếng thở dài đầy vẻ tuyệt vọng của má tôi. Người đàn ông vẫn còn ấp a ấp úng, môi vẫn run lập cập:

“Nhà tui không còn một miếng nói.”

Thái hỏi:

“Mần răng bác chạy xuống đây được?”

“Nhà tui chưa trúng đạn cậu, mà tiếng dội cũng bay hết ngói. Hai cha con tui núp trong hầm cả ngày, rứa là nhịn đói gần ba hôm rồi. Khi ngót tiếng súng, tui bò lên miệng hầm. Ghê quá, dễ sợ quá. Nhà cửa xung quanh sập hết, không còn một bóng người. Vậy là tôi xuống hầm kéo con gái chạy như điên ra khỏi nhà. Tôi đập không biết bao nhiêu xác người, tôi nghe không biết bao nhiêu lời rên trong đám gạch. Kệ, cha con tui chạy bán sống bán chết tới nơi ni thì hết sức đành ngồi đợi xuống đường.”

“Rứa giữa đường không gặp họ răng?”

“Thiếu giống. Họ mắc đào hầm, mắc chở người bị thương, nhờ rứa mà mình chạy được. Con nhỏ của tui hấn sợ quá hấn té xuống đường mấy lần, nằm run như lên kinh phong, tui phải kéo đại nó, tay chân nó trượt hết trơn trơn.”

“Ông chỉ có hai cha con thôi hà?” Một người nào đó hỏi trong bóng tối.

“Dạ tui còn vợ với thêm mấy đứa nhỏ nữa. Ngày mồng một, mạ con nó về dưới Bao Vinh rồi, về dưới quê. Khổ quá bà con ơi, không biết dưới đó có răng không, vợ con tui mắc kẹt dưới đó rồi.”

“Ôi, ai có sức nấy lo. Biết mình có sống không mà lo nữa chớ.”

Má tôi hỏi con bé:

“Cháu còn đói không?”

Không nghe tiếng con bé trả lời, người đàn ông nói:

“Bà hỏi răng con không nói? Dạ thưa bà nó sợ quá rồi như khùng. Mấy ngày nằm dưới hầm vừa đói vừa sợ, nó như bị điếc rồi rứa. Thôi, chuyển ni thì chết hết chả còn chi nữa bà con ôi. Tui đi mà đập lên bao nhiêu xác chết. Đạn đằng sau, trước mặt. Tui tưởng không tới đây nổi trông thấy bà con.”

Người đàn ông như ghen ngào muốn khóc. Có tiếng trẻ con khóc, tiếng người đàn bà trẻ cần nhằn:

“Thôi để tui ngủ ngoài hầm cho rộng, vô đây chật quá thằng nhỏ chịu mô có được.”

Tiếng người đàn ông:

“Mả cha mi, chết tới nơi còn cãi. Cha mạ con cái ở một chỗ hết. Có chết chết cả gia đình cho trọn chó người sống kẻ chết thêm tội.”

Người đàn bà thút thít khóc. Bên ngoài, ánh hỏa châu thả sáng cả vòm trời. Tiếng súng lại bắt đầu nổ. Không biết đánh ở miệt nào nữa, vì tôi nghe như miệt nào cũng có súng. Đêm có tiếng chân đi sần sạt bên ngoài, mọi người nín thở. Đứa con gái với người đàn ông vừa tản cư tới ban chiều không có chỗ nào, hai cha con dựa lưng vào bệ xây. Đứa con gái thỉnh thoảng kêu: Ba ơi, con sợ quá. Người đàn ông vỗ về: Đừng sợ, không răng mô.

Có tiếng kêu cứu rồi tiếng súng nổ. Thái cầm chặt tay tôi thì thầm:

“Nó ám sát.”

Tôi nhớ lại khuôn mặt anh lính giải phóng gác nơi cầu khi chúng tôi đi qua. Một anh lính Bắc Việt ngờ ngạc, anh nhìn ai cũng ra bọn Mỹ Ngụy hết. Anh la hét, cấm đoán rồi cuối cùng mọi người cũng chạy được hết qua cầu. Tôi nghĩ chắc anh không trông thấy gì ngoài đàn ông, đàn bà, con nít chạy loạn, còn bọn Mỹ Ngụy chỉ một đêm nổ súng là chết hết rồi. Tôi nhớ tới một đồn binh trống trơn không một người lính gác. Tôi cũng không nhìn thấy một xác nào vất ngang hàng rào. Như thế là nghĩa lý gì, đêm đầu tiên không nổ súng không tấn công đồn là gì? Vô lý, bao nhiêu lính trong thành phố đều chết. Người đàn ông tản cư tới hồi chiều vừa cho biết là Việt cộng vẫn chưa lấy được một

đồn binh nào, nhưng đồn binh nào cũng bỏ không.

Người đàn ông còn cho biết quân giải phóng như bóng ma, họ ẩn đó hiện ra đó, và trong ba đêm nằm dưới hầm anh tưởng tượng như trên hầm lúc nào cũng có người đi qua đi lại, nhưng khi anh liều chạy lên thì ngôi nhà đổ nát của anh như đã hoang vắng từ lâu lắm.

Đêm đến, không khí nặng nề đến ngột thở. Thêm một vài người tản cư tới và căn nhà thờ họ như hết cả không khí. Mùi súng đạn đã lan tràn tới nơi. Mà tiếng súng khắp nơi đang dồn về thật. Nửa đêm, vài tiếng kêu thất thanh ngoài ngõ, ngoài bờ sông. Tiếng chân chạy thành thịch. Có cả tiếng đào đất nữa. Tôi không còn biết sợ những xác chết banh đầu cụt tay cụt chân nữa, nhưng trong chút không khí chia sớt nhau trong căn nhà thờ họ tối tăm, tôi có cảm tưởng như mùi tử khí đang lấn dần và nếu ở lại thêm một vài ngày nữa, chúng tôi sẽ chết vì ngột thở, vì bệnh hoạn.

Đến sáng hôm sau thì khu xóm này hoàn toàn ngập tràn tiếng súng. Đạn đại bác câu tới nơi, rồi súng lớn, súng nhỏ. Nằm dưới bệ thờ chúng tôi nghe cả tiếng xe hơi chạy ngoài đường nữa. Thái áp tai xuống đất, cố tìm coi miệt nào đánh nhau. Một vài gốc cây ở ngoài sân bị trúng đạn, ngã gục. Thái đoán chắc đang đánh nhau ở miệt chợ. Có thể đánh ở bên kia sông rồi. Nó bàn đi bàn lại là phải chạy. Có thể đêm nay họ đánh tới khu xóm Tân Lăng này. Má tôi nghe nói thì run lấy bầy ôm chặt lấy tôi:

“Mần răng chừ. Má chết đã đành, còn con, con còn hai đứa con, ai nuôi nó con ời.”

Tôi cắn chặt hai hàm răng lại. Trong thành phố này đã bao nhiêu người chết rồi, bao nhiêu trẻ con, người lớn, bao nhiêu bà mẹ bỏ ra đi để con bơ vơ. Nhưng những đứa trẻ đó biết có sống được đến khi dứt trận giặc? Khi ở trong

nhà thờ, tôi đã nhìn thấy một số trẻ con cha mẹ bị đạn chết, chạy theo đoàn người di cư. Chúng chạy qua chạy lại ngơ ngác, bị người này nạt, người kia la. Đói quá, chúng cướp giết của người khác. Nếu tôi chết đi hay nếu tôi không chết mà mất luôn chúng nó?

Hình ảnh người đàn bà ôm xác chết của con đã sinh thúi trong ngôi nhà thờ nơi tôi chạy tới mấy ngày đầu đã làm tôi tan nát ruột gan.

Một giờ đồng hồ sau, đợi cho tiếng súng im giây lát là chúng tôi chạy ra khỏi ngôi nhà thờ, mỗi người ôm theo những thứ còn sót lại, xách quần áo, cái chăn Bé lấy được khi ở cung An Định. Thái chạy ra trước tiên, chúng tôi chạy ra sau. Mấy ngày liền mới trông thấy ánh sáng, dù ánh sáng đã bị ngập trong làn mưa bụi tẻ lạnh. Khi chúng tôi tràn ra khỏi nhà thì một số người khác cũng tràn ra theo. Hai cha con người đàn ông chạy ra phía bờ sông, Thái vẫy chúng tôi lên miệt đường rầy. Nhưng vừa ra khỏi nhà một đoạn, chúng tôi lại bị vây hãm giữa tiếng súng nổ ran bốn mặt.

Lại đánh nhau. Thái hô mọi người nằm xuống đường. Cứ lăn vào bụi cây, vào mé đường. Chúng tôi nằm dõn dõng lại với nhau. Hai cha con người đàn ông nằm xuống. Đại bác lại câu lên, ình ình khắp bốn mặt. Tiếng súng cũng như vây tròn theo chúng tôi vào giữa. Một ngôi nhà trúng đạn lửa bốc cháy. Trẻ con, người lớn từ trong nhà chạy ra. Lửa cháy lan sang nhiều căn nhà khác, nhiều người nữa chạy ra. Tiếng la tiếng khóc như ri. Phía trước bụi súng mù mịt, phía sau người đàn ông cho biết là đang đụng độ lớn. Chỉ còn nước xuyên qua hẻm, tìm lấy một chỗ núp khá yên ổn hơn. Một quả đại bác nổ ình cách chúng tôi vài chục thước. Chúng tôi như bị chôn trong mảnh đạn và bụi mù. Lạy trời phật, không ai bị hết. Khi khói đã tan, chúng tôi không nhìn

thấy hai cha con người đàn ông nữa. Họ đã chạy trước khi quả đạn nổ hay trong khi khói đạn đang bốc mù rồi. Thái hô lớn:

“Cứ chạy đại lại hố đại bác vừa nổ mà nằm.”

Người tôi run lên cầm cập, chạy không vững nữa. Kệ. Thái đẩy tôi, tôi đẩy má tôi, má tôi đẩy Bé, và cứ đẩy đằng sau đằng trước. Thái cũng dí chúng tôi xuống hố đất bị đào sâu, còn bốc mịt mờ bụi khói và thuốc súng.

“Nằm đây. Không thể có hai quả rơi một chỗ mô bác. Tụi con đi trận tụi con biết mà.”

Câu nói của Thái giúp tôi yên tâm được đôi chút. Nhưng sao người tôi vẫn cứ run lên cầm cập. Gần một tuần lễ. Bộ quần áo vẫn chưa được thay, chiếc áo mặc ngoài đầy những vết máu khô và bắt đầu hôi. Thái lẫn người sát cạnh tôi:

“Chị đừng run, chị phải bình tĩnh cho bác đỡ sợ.”

Má tôi mở đôi mắt lơ lơ nhìn tôi. Đôi mắt của sợ hãi, của vẻ tuyệt vọng và sự lo lắng thương mến tôi vô bờ. Tôi bật lên khóc. Lúc này tôi bớt sợ chết thật. Tôi có má bên cạnh, có chết má con tôi cũng nhìn thấy mặt nhau. Có tiếng khóc lóc từ phía xa vọng tới. Tôi mở mắt hé nhìn. Từ trong đám khói lửa, trong tiếng bom đạn ở đằng trước, một người đàn bà và một đứa bé đang đẩy cái xe bò đi đến. Bà vừa đi vừa khóc vừa kêu gào:

“Chúa ở mô. Phạt ở mô. Trời ơi.”

Trên xe, xác một người đàn ông máu me bê bết đã chết cứng, mắt còn mở trừng. Xác chết không kiếm được một chiếc áo để đắp. Thái nhảy lên khỏi miệng hầm, nó cõng cái áo khoác ngoài màu nỉ sọc đỏ đắp lên mặt người đàn ông. Người đàn bà và đứa nhỏ cứ thế hì hục đẩy chiếc xe về phía trước mặt cũng đang rền vang đạn lửa. Tôi nắm chặt lấy tay má tôi:

“Má.”

Tôi chỉ kêu lên được có một tiếng rồi nghẹn ngào. Má tôi vẫn nhìn tôi với đôi mắt lơ lơ đó đó. Thái nhảy xuống hố, chúi hai tay vào quần:

“Bà đó mần răng cũng chết. Dưới nó đánh nhau dữ lắm.”

Tiếng đại bác vẫn câu lên đều đều. Tôi đoán được một vài tràng súng ở trong những khu vườn bắn ra. Thái đề nghị:

“Chắc lại sắp đánh nhau tới phía ni rồi. Chạy, chạy gấp bác.”

Nói xong là Thái nhảy đại lên miệng hầm. Bé bế con cho vợ nhảy lên theo. Thây kệ đồ đoàn, nhiều thứ bị vất lại dưới hố bom. Thái dẫn đầu, Bé đi cuối để dò đường. Chú tôi dắt tay đưa con gái lớn của Bé. Con nhỏ sợ quá đá cả ra quần, hai ống quần sát vào nhau, nó bước không được bị lúi đi sần sệt. Thái một tay xách cái xách quần áo của má tôi, lưng cõng thêm thằng con trai lên ba của Bé. Má tôi ôm cái mền trước ngực như muốn che chở tấm thân gầy ốm của bà. Tôi đi trước má tôi, đằng sau lưng Thái. Chú tôi đi gần sau cùng, vừa đi vừa cẩn thận. Ông vừa đói vừa sợ chết lại vừa thèm rượu:

“Đi tùm lại như ri nguy hiểm lắm. Chạy mau tìm chỗ núp. Họ tràn tới nơi rồi.”

Ở trong các khu vườn, tôi nhìn thấy có đầu người lơ nhố. Chắc họ núp dưới hố cá nhân. Những họng súng hờm sẵn trên miệng hố. Những bụi cây sột soạt. Có tiếng nạt nộ ở trong một bức thành đồ nát:

“Chạy mau, chết đến nơi rồi đó.”

Lại một giọng nói lơ lơ miệt ngoài. Tôi như bị ma đuổi, chạy bỏ cách khoảng má tôi tới mấy chục bước.

Nhưng không kịp nữa rồi, trận chiến đã kéo tới nơi. Tiếng súng bắn như mưa, chúng tôi bị kẹt giữa hai làn đạn.

“Chạy.”

Thái hô lớn. Chúng tôi chạy.

“Nằm xuống.”

Chúng tôi lại nằm xuống. Người tôi không còn tự chủ được nữa mà bị điều khiển theo tiếng hô của Thái. Trong trí tôi hầu như đã hoàn toàn trống trơn, sẵn sàng tuân lệnh bất cứ lời sai khiến nào.

“Không xong rồi.”

Thái đẩy má tôi, chú tôi, gia đình Bé và Thu vào một ngôi nhà. Nhưng người núp bên trong không chịu mở cửa. Chúng tôi lại chạy, chạy lạc từ khu đang đánh nhau này qua khu đang đánh nhau khác và tôi không còn trí nhớ để nhận ra nơi mình đến là vùng nào nữa. Tiếng súng gần quá, trở lại đằng sau cũng không được, tiến tới nữa cũng không được. Đoàn người đi trước có nhiều người bị thương đang nằm dẫy chết giữa đường, cạnh những xác chết cũ đã sinh to, muốn búng nước. Tôi phải nhảy vào một bụi cây để tránh xác một người đàn bà chết bên cạnh đôi thùng gióng và chiếc đòn gánh còn nằm tựa bên vai. Vũng máu đã khô bong từng miếng trộn với cát bẩn. Bên cạnh những xác người bị banh ngực, bể đầu, cụt tay chân, những cánh tay khúc chân mất biệt như có ai đến đánh cắp. Tôi nghĩ đến đàn chó hoang mấy ngày nay lang thang trong thành phố, nhưng tôi không còn đủ sức để sợ hãi nữa. Bây giờ phải chạy để thoát đã. Một vài người bị thương đang nằm rên rỉ, những cánh tay chờn vờn đưa theo níu lấy ống quần, vạt áo. Những tiếng kêu xin:

“Đem tôi theo với. Cứu cho với, trời ơi.”

Nhưng tôi vẫn đạp qua họ mà đi, nhiều người khác cũng đạp qua họ mà đi. Tôi bị một bàn tay níu lấy ống chân quần. Tôi giựt mạnh, tiếng vải rách soạt. Mặc kệ, tôi phải sống trước đã, dù sống thêm một giây, một giờ hay mấy giờ

đồng hồ nữa.

“Chỗ ni nguy hiểm lắm, chắc họ sắp đụng nhau tới nơi rồi.”

Thái nói chưa dứt câu đã nghe những tiếng chóc chóc từ trong các khu vườn nã xuống phía bờ sông. Phía sông, từng loạt tiểu liên đại liên nã lên dữ dội. Thái không kịp thêm ý kiến gì nữa. Nó nhảy phóc lên khỏi hố bom:

“Chạy.”

Chúng tôi chạy theo. Tiếng đạn từ các vườn dưới mặt sông bắn loạn xạ. Không thể chạy nổi nữa, chúng tôi bò lăn dưới đất.

“Cứ bò tới, cứ lăn lăn tròn, lăn theo con nì.”

Thái hô lớn nhưng nghe tiếng được tiếng mất:

“Bác chạy nơi chỗ nó tề. Chạy ra đằng sau bức tường đó.”

Thái cầm chặt tay tôi lại:

“Để bác chạy trước chị.”

Chú tôi, má tôi, vợ chồng Bé, mấy đứa nhỏ vùng dậy chạy thoát ra phía bức tường. Thái kéo tôi: Chạy mau. Nhưng chóc chóc, hình như một lần đạn từ sau bức tường bắn tới. Nằm xuống. Thái kéo tay tôi, hai chị em lăn đại xuống đất. Cố bò tới, cái cửa nhà tề. Giữa bom đạn, giữa khói súng, ngôi nhà gạch còn đứng vững, hình như chưa bị một vết đạn nào. Ngôi nhà sừng sững như một phép lạ. Thái khom người giơ chân đá vào cánh cửa. Cánh cửa bật mở dễ dàng. Tôi lao người vào.

Nhưng cái gì thế kia? Tôi nhảy một bước vào bên trong rồi hai chân như bị keo dính chặt, không tài nào cất lên nổi nữa. Tôi đưa tay lên miệng, tôi há mồm muốn kêu. Nhưng tôi như đã chết đứng rồi.

Trước mắt tôi, xung quanh tôi đầy xác chết. Người nằm sấp, kẻ lật ngửa. Người co rúm lại, kẻ đang trợn trừng mắt tay chân khẳng khiu. Những miếng thịt, những vũng máu

bê bết khắp nền nhà. Chân tôi không thể bước tới mà cũng không còn chỗ bước lui được nữa.

Không biết nhờ đâu tôi còn được sự phản ứng khi mới bước chân vào nhà. Hình như khi bước chân tôi chưa chạm đất, mắt tôi đã chạm phải cảnh hãi hùng bên trong căn nhà, và một sức mạnh nào đó đã đưa bàn chân tôi bước tránh được những vũng máu. Chỗ đó hình như cũng chỉ vừa cho một bàn chân. Còn một bàn chân chỉ dính hờ xuống chạm gót.

Tôi muốn kêu rú lên, muốn ngã vật xuống ngất xỉu. Nhưng không, tôi còn nhận ra được những vũng máu, những cánh tay, khúc chân, tôi phải cố đứng.

Rồi sự kinh hãi nén chặt quá, dồn từ chân lên đỉnh đầu, từ đỉnh đầu xuống chân, bật dùm tôi được một tiếng kêu lớn. Thái đã đứng sẵn sau lưng tôi rồi. Người tôi bị xốc nổi lên, và Thái vác tôi lên vai, mặc súng đạn, mặc nguy hiểm, chạy như bay ra khỏi căn nhà ghê rợn.

Khi tôi tỉnh dần lại thì Thái cũng vừa đặt tôi xuống đất. Những vũng máu của ai vẫn còn vương vất trước mắt tôi. Không, không phải, tôi dụi mắt, máu thật, máu thành giọt, máu đọng vũng quanh mấy xác chết còn tươi.

“Bác đâu?”

Tôi hỏi Thái. Nó đưa tay lên chùi mặt, vừa nói:

“Góc tường đằng nớ tề.”

Má tôi, chú tôi, và Bé chạy lại.

“Trời ơi. Tưởng chị với Thái lạc mất rồi chớ.”

Má tôi chụp lấy vai tôi:

“Ngồi xuống, ngồi xuống con.”

Mắt tôi hoa lên, tôi thấy những tàng lá xanh trước mặt lay lắt rồi xoay tít. Giữa những vòng xoay tít mù đó, như có những giọt máu, những cánh tay, khúc chân ai quay

theo nữa.

Nhiều tiếng đạn bay, nhiều tiếng nhà đổ. Tôi nằm lăn ra đất. Cách chỗ tôi khoảng mười thước, một người đàn ông đang bò tới gần.

“Cứu tôi với, cứu tôi với bà con ơi.”

Ngực và cánh tay ông ta máu chảy ròng ròng, tôi lăn sát sát vào Thu. Thu rú lên. Chú tôi bịt miệng nó lại. Người đàn ông lết tới gần dần. Miệng ông không ngớt kêu la. Ông đưa cánh tay đầy máu của ông lên mút, miệng ông đỏ lôm, hai mắt ông trợn trừng. Tôi thấy ông lăn tròn một vòng rồi đẩy đành đạch. Mắt tôi lại hoa lên. Tôi bám vào tay mình thật chặt rồi úp mặt xuống đất.

Tiếng súng xa dần được một quãng, rồi có tiếng chân chạy thành thịch, tiếng hô lớn. Tiếng chân dội vào tai tôi, như bước cả qua đầu tôi nữa. Tiếp theo những tiếng nổ lách cách, mặt tôi nóng rực. Thái dựng tôi dậy:

“Chạy gấp, không chết cháy chừ.”

Tôi níu áo Thái, đập bừa lên người chết, người sống. Tôi gọi má ơi má ơi. Tôi nghe tiếng gọi của tôi như tiếng gọi cuối cùng của một con người sắp chết.

“Má đây con ơi.”

Tôi nghe tiếng má tôi trả lời, tiếng má tôi khóc nữa. Tôi chưa chết. Tôi vẫn còn nghe, còn thấy, còn sống hẳn hoi mà. Tôi lại tiếp tục chạy.

Tiếng súng bỗng thưa dần. Chúng tôi vẫn chạy. Tôi cứ nhắm sau lưng Thái mà chạy theo. Nhiều bàn tay dưới đất vươn lên với tôi, nhiều tiếng van xin cầu cứu. Tôi cũng muốn la to:

“Ai cứu tôi với đây. Tôi còn sức lực gì nữa.”

Cho tới khi tôi xô vào lưng Thái và dừng lại thì cả gia đình tôi đã ngồi xuống bên đường. Tiếng súng đã thưa lắm rồi.

Đại bác cũng ngưng. Tôi mở bừng mắt. Tôi không còn cảm thấy mắt mình hoa lên nữa. Như vậy là lúc nào mình có cảm tưởng sắp chết đến nơi mắt mới hoa. Bây giờ tôi yên tâm sống rồi. Chúng tôi đang ngồi bên đường rầy xe hỏa. Mấy đứa nhỏ vẫn còn nguyên lành đó sao? Tôi ngạc nhiên đếm tới đếm lui. Chừng đó mạng người trong cơn lửa đạn mà vẫn còn đầy đủ. Nước mắt tôi trào ra, nước mắt chú tôi, má tôi, vợ chồng Bé cũng trào ra. Con Thu ôm chặt thằng Cu vào lòng, thằng nhỏ muốn thiếp đi vì sợ hãi. Thái vuốt ve con đường sắt cũ nói:

“Minh theo đường rầy đi về nhà. Đánh nhau khắp nơi rồi, về nhà đi bác.”

“Về nhà họ đánh tới mần răng?”

“Chừ ở mô cũng rứa, ăn thua may rủi bác ơi.”

“Liệu nhà có còn không hay tan hoang rồi.”

Không ai trả lời được câu này hết. Nhưng chiều hôm đó, trước khi trời tối, chúng tôi cũng lần mò tìm được đường về nhà. Thái nói nhà tôi ở sát quốc lộ dễ xảy ra đụng độ lắm. Cuối cùng, chúng tôi dọn lên nhà chú tôi ở sau đường rầy, gần sát mấy ngọn đồi nhỏ phía chân núi Tam Thái.

Trước đó, để tránh những cuộc pháo kích, Bé đã đào một cái hầm sâu dưới đất, phía trong nhà để trú ẩn. Khi chúng tôi vô, cái hầm được sửa sang lại. Thái và Bé lo đào đất để đổ thêm vào bao chất lên miệng hầm.

Tất cả các ngôi nhà kế cận vẫn im lặng một cách lạ thường. Ngôi nhà sát nhà chú tôi bị một trái hỏa tiễn ngay từ sáng hôm mồng một sập mất một nửa, mấy cây tre ở sau vườn ngã nghiêng sập cả lên sườn nhà.

Chắc không còn ai ở trong xóm hết, tôi nghĩ thế. Nhưng tối hôm đó, Thu phát giác ra có nhiều nhà còn người ở. Nó khám phá ra những chấm đèn dầu nhỏ hoặc những

tiếng động nhỏ bé sợ sệt. Cả đêm đầu tiên ngủ trong hầm, chúng tôi nín thở, không dám phát ra tiếng động. Thái nghi những dấu hiệu để báo động, có người trong nhiều nhà chưa chắc là dân chúng trong vùng. Đôi khi là “họ” cũng nên. Chúng tôi thường dùng tiếng họ để chỉ Việt cộng và để tránh tiếng giải phóng. Thật không gì mỉa mai tàn tệ bằng tiếng “giải phóng” khi nhìn cảnh đau thương tan tành trong thành phố như thế này. Lúc vô con hẻm dẫn vào nhà chú tôi, tôi cũng còn nhìn thấy lá cờ giải phóng rách bươm treo trên một cây ổi trước một ngôi nhà sụp đổ.

Cả đêm, chúng tôi nghe tiếng cú rúc liên hồi. Tiếng cú như tràn khắp bốn mặt như chất chứa một vẻ gì thất thường. Mỗi lần tiếng cú kêu, tôi có cảm tưởng như lưỡi hái của tử thần từ trên bầu trời đen đui đang chém xuống sẵn sàng trúng bất kỳ ai, đồ vật gì.

Gần về sáng, tôi nghe có tiếng chân người ngoài vườn. Tiếng chân rất khê, khi gần khi xa. Chúng tôi bấu chặt tay nhau. Bé sẵn sàng đặt tay lên miệng đứa bé nhỏ nhất mới sinh hơn tháng, để sẵn sàng bịt chặt lấy miệng đứa bé lỡ nó la khóc.

Nhìn bàn tay to lớn của đứa em bịt hờ trên miệng đứa bé, lòng tôi bất nhẫn đến đau xót. Chỉ một tiếng chân dừng lại trên miệng hầm, chỉ một lóe đèn pin chiếu xuống và đứa bé chưa kịp ré lên thì bàn tay đã chặt cứng miệng nó. Chỉ vài cái dẩy dựa rồi thôi. Đêm nay có bao hầm sâu cam nín tiếng khóc trẻ em? Đã có bàn tay nào bóp mạnh miệng một đứa bé chưa? Và những bộ mặt người lớn vừa xót thương mình vừa bất nhẫn trong một không khí độc địa như sẵn sàng quật chết tươi người.

Nhưng rồi một đêm nữa cũng qua, chúng tôi ngạc nhiên thấy mình còn sống giữa một xóm vắng hiu. Nhưng chúng

tôi đã làm, còn vài nhà có người ở, họ là những ông già, bà già không chạy theo con cháu được, hoặc một vài gia đình sợ quá ở lì.

Sáng hôm sau, tôi nghe nhiều tiếng động, nhiều khuôn mặt lộ ra. Đợi tiếng súng thưa, một bà lão bò sang thăm chúng tôi rồi không dám về nữa. Nhờ bà lão, tôi biết thêm trong xóm mấy hôm nay đầy quân giải phóng và hiện giờ họ đang đào hầm đào hố ở chân núi.

Trong khi sát đó, đồn Trường Bìa vẫn đầy lính Quốc gia và nơi ngọn núi sau đồn đã nã đi những trái đại bác lên miền Long Thọ, Kim Long. Má tôi kêu trời là đại quá mới về gần họ. Thái kéo tuột bà lão xuống hầm:

“Đừng để họ biết mình về.”

Nhưng bà lão cả quyết rằng ban ngày họ lên sau đồn hết, họ không biết được. Bà dặn thêm: tuyệt đối không thấp đèn.

Buổi trưa, một gia đình trong xóm tìm về, căn nhà của họ đã sập, họ xin đào hầm ngay trong nhà chú tôi. Bà lão ở mãi cho tới chiều, có đứa cháu nhỏ chạy qua đón về, nhà bà lão chỉ cách nhà chú tôi một cái sân và con đường hẻm hẹp.

Các trận đánh vẫn diễn ra ở xung quanh. Đêm đến, chúng tôi lại nín thở dưới hầm. Chúng tôi chờ đợi điều may rủi, nhưng điều may thật mong manh, cả nhà đều đói lả nhưng cũng chẳng còn ai đủ sức than thở nữa.

Còn một sự chờ đợi đầy kinh hoàng nữa. Một tiếng nổ mà chúng tôi không kịp nghe, không kịp hay biết gì hết.

Chương 5

Người ở Từ Đàm về kể chuyện

Bốn ngày liền, tôi nằm dưới hầm tối và trong bốn ngày, tôi đã phải nhịn ăn hết hai. Sáng hôm nay, đứa em gái bò lên khỏi hầm lục lọi đâu được khúc bánh tét đã mốc meo. Nó bò xuống, lột lá và cứ đút từ miệng người này cắn một miếng tới miệng người khác.

Tôi đã chán ngán tuyệt vọng lắm rồi. Trước đó vài tiếng đồng hồ, tôi có cảm tưởng cứ nhịn đói như thế này cho tới lúc mệt lả, thiếp đi, rồi đi vào một giấc ngủ vĩnh viễn thì thật là sung sướng. Dù sao cũng sung sướng hơn cõi sống mà chúng tôi đang hứng chịu. Nhưng khi nghe mùi thơm của nếp, mùi mốc của lá, và miếng bánh tét đưa đến gần, miệng tôi bỗng mở ra toác hoác, một niềm sung sướng đến hoan lạc, một hạnh phúc chất ngất khi miếng bánh đã nằm trong miệng.

Nước miếng trào ra và cứ quần quít ve vãn quanh mùi nếp mịn và thơm ngát đến lịm người.

Không, cái chết thật là tàn nhẫn, không làm cho người ta sung sướng như tôi tưởng. Mặc kệ những tiếng nổ ình ình bên ngoài, mặc kệ tiếng đào xới ngay trên đất, như trên đầu mình, mặc kệ cái ám ảnh anh lính giải phóng trẻ tuổi

gác trước cổng nhà luôn luôn đưa mũi súng nhắm quanh sân sàng nhả đạn. Miếng bánh trong miệng tôi như một hạnh phúc tuyệt đối mà chỉ có người may mắn nhất, hy hữu nhất, mới được bắt gặp trong đời mình một lần. Miếng bánh càng nhỏ đi, nước miếng trong miệng càng tươi chảy và không dừng được hoan lạc, ham hố, tôi nhai ngấu nghiến. Lúc đó, tôi tỉnh lại đôi chút, tôi nói như rên lên:

“Còn miếng mô nữa không, cho tui miếng nữa.”

Cô em gái còn miếng bánh chót định đưa lên miệng, nghe tiếng nói của tôi liền ngừng lại:

“Anh ăn đi.”

Tôi nhìn thấy đôi mắt nó hết sức buồn rầu qua ánh nến thấp títt trong góc hầm.

“Ăn đi chứ.”

Tôi không kịp đưa tay ra lấy mà chỉ há miệng. Một miếng bánh nữa, một hạnh phúc tuyệt vời nữa tới. Tôi thật sung sướng quá, hai lần hạnh phúc tới chỉ cách nhau trong giây phút.

Lúc này thì tôi tỉnh người lại rồi. Tôi vươn vai, mới biết là xương sống mình nhức mỗi một cách kỳ lạ. Nhưng cùng lúc đó tôi bỗng nghe thấy tiếng đàn hát vọng xuống. Tiếng đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt và có cả tiếng ngâm thơ nữa.

“Ai đó hí?”

Em gái tôi thì thầm:

“Ôn Võ Thành Minh đó.”

Võ Thành Minh, con người trào lưu cũ, của thời Phan Bội Châu, Kỳ ngoại hầu Cường Để, còn lưu lạc lại giữa thời đại này để chịu chung số phận với thành phố, đã làm gì vậy? Hình như hôm qua, em gái tôi cũng đã thì thầm kể cho cả nhà đang ở dưới hầm nghe về nhân vật kỳ lạ này, nhưng tôi dối lả, tôi có nghe gì đâu. Tiếng đàn lúc này nổi lên thật

rõ dù tiếng đại bác vẫn ầm ầm nổ khắp nơi và mọi người trong hầm ôm chặt lấy nhau. Con em gái tôi đeo cứng ở một bên vai tôi và run lập cập:

“Kêu con Trúc xuống chớ má.”

Má tôi lắc đầu:

“Kệ nó, ai mà nói nổi.”

Tiếng hát tiếng đàn, tiếng ngâm thơ ngưng bật sau một vài tiếng nổ gần đến nỗi như ngay trên mái nhà, trên đầu mình. Nhiều tiếng hô lớn:

“Xuống hầm.”

Đám người trong hầm nhích chặt lại, vài người trườn xuống. Má tôi hỏi nhỏ:

“Con Trúc có đó không?”

Tiếng con Trúc trả lời:

“Con đây nì má.”

Tôi nghe tiếng Trúc thì thầm với con Oanh:

“Thằng đó chạy núp trong nhà mình, chắc nó tìm chị.”

Con Oanh làm thinh. Tôi đoán con Trúc ám chỉ tên lính Việt cộng gác ở trước nhà. Mỗi lần đại bác câu tới, hẳn thường núp trong nhà chớ ít khi xuống hố cá nhân như đồng đội. Ngay khu nhà này có một tổ ba người coi gác và hình như hẳn là tổ trưởng. Một người nào đó gắt:

“Khỉ, đừng xì xầm nữa.”

Mọi người im lặng, nín thở, những giây phút căng thẳng tột cùng này, chúng tôi đã chịu đựng rất nhiều giờ qua.

Tôi biết ông Minh không xuống hầm chúng tôi. Tôi đoán ông đang núp ở một hầm nào khác. Có tiếng đàn bà khóc. Trúc thì thầm:

“Bà giáo sư Lê Văn Hảo đó. Anh nì, bà nói với em ông chồng bà biết có đánh nhau, trước Tết dạn bà mua mấy tạ gạo để sẵn.”

Oanh gắt:

“Kệ mù, cứ khóc trừ trừ. Rằng ông chồng đi cổ động là hét cho quân giải phóng mà để vợ con chết sợ trong hầm ni rứa. Nghe nói thêm ghét.”

Nhưng tôi không ác như Oanh, tiếng khóc của người đàn bà làm tôi càng thương hại. Mấy ngày tôi không dám ra khỏi hầm, sợ mấy anh lính giải phóng biết tôi núp trong hầm này. Kệ, ai bảo tôi hèn thì bảo, tôi lo lấy mạng sống của tôi trước đã.

Tuy kẹt cứng dưới hầm, nhưng chuyện xảy ra trên mặt đất tôi đều được hai cô em gái tường thuật đầy đủ. Nhà bên bác Bảy đã sập, trường tiểu học bỏ không, lính Tây dựng Nông thôn về canh gác mấy bữa Tết đã quăng súng mà chạy. Ở ngã ba nào có cờ giải phóng treo. Ông thợ may già trong xóm bị giết, xác vùi nông trong khu đất trường tiểu học Cộng đồng.

Bà Hảo, vợ ông giáo sư đang vang danh với cuộc giải phóng cố đô Huế, vẫn cả ngày khóc lóc, đi đứng không vững, đeo lấy áo ông Võ Thành Minh. Cả đến lũ con, bà cũng không đủ sức săn sóc nữa. Bao nhiêu hào hùng, bao nhiêu gan dạ, can đảm trong một người đàn bà đã bị ông chồng hút hết rồi chẳng. Dù nghĩ vậy, tôi cũng không giận bà.

Khi tiếng súng thưa bớt, tôi lại nghe tiếng đánh máy chữ trên miệng hầm lóc cóc. Chắc mấy anh bộ đội vớ được máy chữ, làm ra điều quan trọng, đánh tờ trình hoặc báo cáo chẳng? Không phải, tôi nghe tiếng người già ho húng hắng, rồi tiếng ông Minh gọi:

“Con Oanh mô rồi, lên đây ông nhờ chút mi.”

Oanh chui lên khỏi miệng hầm, má tôi kéo lại:

“Đừng có lên.”

Nhưng con bé cứng đầu:

“Hết bản rồi mà mạ sợ chi.”

Nói xong nó đã khuất dạng. Tôi ló đầu lên theo. Má tôi ghì đầu tôi lại:

“Tui lạy anh, anh chui xuống cho.”

Nhưng tôi vẫn cứ ló đầu ra khỏi miệng hầm. Bốn ngày, tôi đầu nhìn thấy mặt trời. Tôi thềm một chút không khí bên ngoài, và ao ước được nhìn thấy một ngọn lá cây lay động để còn biết được mình chưa bị cách biệt với sự sống, với cỏ cây, với mọi hơi thở. Dù ao ước vậy, tôi vẫn chả trông thấy gì hết, căn nhà thờ tối lù mù, một ngọn nến nhỏ bị che khuất sau một cái cột lớn. Oanh, cô em của tôi đã bò tới tận góc nhà, nơi ngọn nến lung lay sáng.

Tôi phải dụi mắt hai ba lần mới nhìn quen được mọi vật trong khu nhà thờ. Ông Võ Thành Minh đang ngồi trên một cái ghế bông, trước mặt là một cái ghế thấp kê bàn máy đánh chữ. Ông không đánh máy mà có vẻ ngồi ngẫm nghĩ. Oanh ghé sát mặt đọc gì trên tờ giấy. Tôi cố nhìn ra phía cửa sổ, nhưng không thấy gì hết. Cánh cửa sổ đóng kín mít. Tôi muốn bò lên ghế lắm nhưng tay má tôi vẫn túm lấy vai áo sẵn sàng kéo tôi trở vào.

Có tiếng la hét ở ngoài. Tiếng đập cửa khẩn cấp. Lúc này không đợi má tôi kéo nữa, người tôi chui xuống hầm rất nhanh, rồi chui vào cái kẹt riêng dành cho tôi. Có cái ngách nhỏ này, nếu họ rọi đèn pin xuống hầm cũng khó kiếm thấy tôi. Má tôi nhất định bắt tôi trốn, không để họ trông thấy.

Có tiếng mở cửa ở bên trên, nhiều tiếng chân vào nhà. Con Oanh chui xuống, nó lết lại phía tôi, thì thầm:

“Họ vô đây nhà.”

“Họ có hố cá nhân, vô mần chi?”

“Hết bản rồi, họ vô nhà lục soát.”

Oanh nói chưa hết câu thì tiếng chân đã đi tới miệng

hầm. Một ánh đèn pin chiếu xuống, Oanh vói dúi tôi vào vách, kéo mép chiếu trái hầm che lại rồi ngồi tựa lưng vào. Tiếng người ở trên hầm vọng xuống:

“Lên hết trên nhà để kiểm soát.”

Tiếng ông Võ Thành Minh hết sức bình tĩnh:

“Cả nhà lên hết đi. Toàn đàn bà con nít mà sợ chi. Lẹ lên đi.”

Má tôi chui ra trước, rồi tré con, người lớn, bà già đều lên theo. Oanh lên cuối cùng, ánh đèn pin quét qua quét lại mấy lượt. Tim tôi như ngừng đập. Tiếng người trên hầm đồng dặc:

“Còn ai nữa, lên hết đi.”

Giọng má tôi run run:

“Dạ hết rồi.”

Tiếng ông Võ Thành Minh:

“Không tin mấy anh cứ xuống mà soát. Sợ hơn thì bắn vào một loạt đạn cho ăn chắc.”

Tôi lạnh cả người, tay chân cố giữ mà vẫn run lập cập. Nhớ nó bắn vào thật thì làm sao. Tôi muốn kêu thét lên nhưng tay tôi đã tự bịt kín lấy miệng mình.

“Má ơi, má ơi.”

Tiếng kêu thầm trong đầu tôi đầy rẫy tuyệt vọng. Nhưng tiếng cười trên miệng hầm đã giúp tôi yên tâm đôi chút:

“Thôi, đứng sắp hàng lại đi. Anh em ai đó mở giùm cửa sổ cho sáng.”

Tôi thở phào, nhưng ngực còn nặng như bị đè bởi tảng đá nghìn cân. Chưa thoát đâu. Tôi nép sát vào ngách hầm. Hơi đất lạnh ngấm vào người tôi buốt giá. Tiếng nhiều người trên nhà lao xao.

“Đàn bà con nít hết hả. Bà ni răng khóc dữ rứa?”

“Dạ, tui bị lạc mất chồng tui.”

“Đi họp hả?”

“Dạ chồng tui là ông giáo sư Hảo.”

Giọng ông Võ Thành Minh:

“Chồng chị nì đi lập mặt trận Liên Minh Dân Tộc hay Hòa Bình hòa biếc chi đó mà không chịu đi đón vợ con. Các đồng chí có gặp thì nhắn ông ta về rước vợ rước con để vinh nhục cùng chịu chớ. Ông ham làm cách mệnh chi mà vợ con chết sống không biết rứa.”

Giọng tên tổ trưởng nói có vẻ dịu hơn trước:

“A. Vậy ra gia đình này là của giải phóng rồi. Đồng chí cả mà. Vậy có gì giúp đỡ cho quân giải phóng không?”

“Còn gì, chúng tôi đã đói từ mấy hôm nay rồi.”

“Còn gạo không?”

“Các ông tìm mà lấy.”

Tiếng một người khác nói:

“Báo cáo đồng chí tổ trưởng, ở góc kia hai bao gạo còn nguyên.”

“Anh ghi có mượn ở nhà này hai bao gạo. Ghi vào sổ về sau trả lại và tuyên dương công trạng với mặt trận.”

Im lặng vài giây, tôi nghe giọng quen thuộc đó nói tiếp:

“Còn hai cô này phải đi họp, chiều nay hai giờ họp ở Chùa nghe. Đoàn ông xóm này phải đi học tập hết rồi, phụ nữ cũng nên học tập đường lối của mặt trận.”

“Chúng nó sợ quá rút gân rồi mần răng đi.”

“À, còn cụ. Xin mời cụ đi gặp cấp chỉ huy chúng tôi.”

“Cấp chỉ huy mô?”

“Cấp chỉ huy vùng này. Tôi chỉ là tổ trưởng của nhóm ba anh em chúng tôi canh gác quanh khu vực nhà này.”

“Rứa hỉ!”

“Cụ đi với chúng tôi. Xin cụ mang theo mười lăm lon gạo.”

“Đem gạo mần chi rứa?”

“Đem gạo để ăn. Học tập trong ba hôm rồi về.”

“Cái chi mà phải học với tập?”

“Lấy cái bị hay cái túi mà đựng gạo. Đem theo dư ra càng tốt.”

“Họp chi mới được chớ?”

“Học tập, đã nói là học tập mà. Mời ông đi theo.”

“Tao không đi.”

Giọng chắc nịch bất ngờ của ông Minh làm tôi chưng hửng. Chắc từ hôm quân giải phóng tới Huế tới giờ chưa ai dám nói một câu như thế. Tôi thầm lo cho tính mệnh ông. Thấy không ai để ý đến chiếc hầm này nữa, tôi rời khỏi cái ngách nhỏ, ngồi tựa vào thành hầm. Tôi không nhìn rõ mặt tên tổ trưởng nhưng tôi nghe được tiếng hần cười gằn:

“Ông làm chi cho địch?”

“Địch nào?”

“Mỹ Ngụy.”

Giọng ông Võ Thành Minh ngạo nghễ:

“Nói gì tầm bậy vậy! Tao mà theo Mỹ, mi về hỏi ông Hồ Chí Minh nhà mi đã dám nói với tao giọng đó chưa. Tao không đi nghe không. Muốn mời tao họp phải có giấy Hồ chủ tịch chớ cái mặt trận giải phóng của tụi bây mà ăn nhằm gì. Tụi bây biết tao là ai không?”

Có lẽ tên tổ trưởng nể ông già gân thật, tôi không nghe hần nói thêm gì hết. Một giọng khác đỡ lời:

“Bác đi theo chúng cháu tới gặp cấp chỉ huy. Gần đây là bộ chỉ huy mà bác.”

“Không đi, muốn nói gì thì kêu cấp chỉ huy của bay lại. Tao ở đây, đây là nhà thờ cụ Phan, tui bây lạ chi mà không biết. Tao sẽ tuyệt thực, xuống ngồi dưới cầu Bến Ngự phản đối lối giải phóng của tụi bay. Tao chống cả Mỹ, cả cộng sản.”

Tôi đợi một lúc mới nghe giọng ông nói tiếp:

“Còn bà Hảo, có nhắn chi cho chồng thì nhắn. Nên nhắn hẩn về mang đi mà hưởng vinh quang nghe.”

Tiếng người đàn bà khóc sục sùi. Tiếng mấy người giải phóng chào và tiếng chân đi ra. Oanh và Trúc chui xuống hầm trước. Nó ghé sát tai tôi:

“Sợ không?”

Tôi không trả lời, dĩ nhiên là chúng đã đoán được tôi sợ hay không rồi. Dù tôi đã nghe hết cuộc đối đáp ở trên nhưng tôi vẫn cứ bắt Oanh kể lại. Trúc cười nhỏ nói có tên giải phóng mê chị Oanh, hẩn nhìn chị chăm chăm. Mấy ngày rồi mà hẩn lơ không bắt chị Oanh đi học tập. Việt cộng mà cũng biết mê gái rứa tề.

Trúc cười. Má tôi mắng:

“Đồ con quỷ sứ. Mi cười chi rứa? Chết tới nơi mà không lo.”

Như sức nhớ tới hoàn cảnh, Trúc nín bật. Oanh kể cho tôi nghe chuyện ông Minh. Nó nói:

“Khi em lên em thấy ôn thấp đèn đánh máy. Ôn viết thư gửi ông Hồ Chí Minh, gửi tổng thống Mỹ, yêu cầu ngưng chiến. Ôn viết : Nhà thờ Phan tiên sinh ngày... tháng... năm... Khi tôi viết thư này gửi tới các ông thì trên đầu tôi máy bay rền rĩ, súng đạn gầm thét long trời lở đất, thành phố Huế chìm trong tiếng khóc than oán hận... Ôn viết rồi ôn xé, ôn đọc cho em nghe, ôn nói ôn kêu gọi cả thế giới nữa...”

“Lúc bình thường không kêu gọi, bây chừ gọi ai nghe...”

Oanh tin tưởng:

“Ê, đừng nói bậy. Ôn định kêu gọi thanh niên sinh viên xuống cầu ngời tuyệt thực phản đối nữa.”

“Phản đối ai?”

“Thì phản đối chiến tranh là vô nhân đạo, là tàn ác, không có chính nghĩa nào ở chiến tranh hết.”

Câu nói của cô em gái thật bình dị, ngớ ngẩn như làm tim tôi thất lại. Mấy hôm nay thành phố có bao nhiêu người chết, bao nhiêu kẻ bị thương. Xác chết sinh thối trong nhà, phơi ngoài đường không ai chôn cất. Rồi những người đi học tập đợt đầu chưa thấy ai về hết. Họ còn sống hay đã chết rồi? Tôi nghĩ mà thương cho ông già thối sáo bên bờ hồ Genève ngày nào. Ông phản đối việc chia da chẻ thịt cắt đất nước Việt Nam. Nhưng rồi chỉ một mình ông, tiếng kêu trở nên nhỏ bé. Bây giờ tiếng kêu ấy lại cất lên còn yếu ớt thêm biết bao nhiêu nữa!

Một lúc sau tôi lại nghe tiếng lóc cóc đánh máy. Suốt cả ngày, mặc bom đạn, mặc đói khát, ông vẫn cứ ngồi bên bàn máy đánh chữ với ngọn nến mù mờ. Buổi chiều có mấy thanh niên chạy tới trú ẩn, ông cùng với họ đào hầm.

Tiếng cuốc đất thành thịch, tiếng máy bay liệng trên bầu trời. Khi tiếng máy bay vừa đi xa thì lại tiếng đại bác câu tới.

Cứ mỗi lần nghe có tiếng máy bay nào bay tới gần là súng trường, súng tiểu liên, đại liên lại bắn như mưa lên bầu trời. Các anh giải phóng núp ở hố cá nhân kháo nhau là hạ được nhiều máy bay lắm, nhưng kỳ thực tôi chả nghe tiếng động nào gần khu vực tôi ở để có thể tưởng ra có một chiếc máy bay rớt.

Buổi tối, mặc bên ngoài súng bắn như mưa, súng lớn nhỏ nhắm bắn máy bay, mặc trời mưa tí tách lạnh buốt, mặc bom đạn, mặc hỏa châu, ông Minh gọi hết thanh niên lên nhà, ngồi đánh đàn và ca hát. Tôi mặc má tôi năn nỉ khóc lóc cũng chui lên khỏi hầm nhập bọn. Ông Minh thật giỏi, không biết ông thối được nời cơm từ lúc nào. Ăn cơm với nước mắm kho mặn mà sao ngon thế, tưởng cả đời mình chưa có bữa cơm nào ngon hơn. Giọng ông Minh vẫn tin tưởng:

“Mình cứ kêu gọi hòa bình, cứ kêu gọi thế giới. Ngày mai tao viết thư gửi nữa. Tao tổ chức tuyệt thực phản đối Mỹ, phản đối Việt cộng, đứa nào dám theo không?”

Mọi người ngồi nhìn nhau, nửa muốn hưởng ứng vì thấy giọng ông đầy hăng hái, nửa muốn phì cười vì đầy tính chất mỉa mai khôi hài. Còn tôi, lúc đó chỉ muốn được yên thân, quốc gia hay cộng sản lúc này chả có tý nghĩa lý gì hết nếu tôi không sống được.

Cả thành phố Huế đang đầy chết, đang kêu than. Cả thành phố bụi mù bom đạn. Vậy mà những buổi học tập của các anh giải phóng, theo lời các em tôi kể lại thì không còn màn trình diễn nào khôi hài tài tình hơn. Học tập về đường lối đảng, về hòa bình trong lúc bên ngoài sân, sau vườn đầy tiếng kẻ tội, tiếng hô giết bỏ, thủ tiêu, tiếng rú náo nùng của người dân vô tội. Hắn làm công chức? Hắn làm bồi sở Mỹ. Tội nặng chất ngất mây xanh. Giết. Một loạt súng, những xác người dầy dựa với bao nhiêu tội lỗi mà không hiểu, không nhắm mắt được.

Thấy chúng tôi tần ngần nhìn nhau, ông Minh lại nói:

“Tụi bây không đi, tao đi một mình. Tao đi đánh lại cái đơn.”

Nhưng rồi ông chưa đánh đơn lại vội. Ông lại bày trò ca hát, đánh đờn. Sợ mà tới khi chết cũng chết. Cứ ca hát, ngâm thơ cho đỡ sợ hãi.

Rồi ông lại đề nghị:

“Đứa nào có ống sáo không? Tao thổi lại bài hồi xưa tao thổi bên bờ hồ Lơ Man ở hội nghị Giơ Neo.”

Chả có anh nào dám mò đi lấy ống sáo cho ông thổi. Cả bọn ngồi sát góc tường dày nhất sát miệng hầm để nhờ có gió thì chui xuống hầm cho nhanh. Trời bên ngoài mưa rả rích, chúng tôi ngồi sát nhau mà vẫn thấy lạnh run.

Đại bác vẫn câu lên đều đều. Có tiếng anh chàng giải

phóng trẻ tuổi hỏi vọng vào:

“Sao không chui xuống hầm mà đàn hát ồn ào thế? Định nó biết nó thả bom xuống đó.”

Chỉ có ông Minh dám trả lời:

“Cả thành phố chỗ nào mà chẳng có bom đạn. Chú em có muốn sống mấy phút cuối cho vui thì quăng súng đi, vô đây ca hát chơi.”

Anh chàng giải phóng bên ngoài im bặt. Mấy sinh viên kể chuyện thì thầm về anh chàng này, cho biết mấy hôm nay hắn có vẻ trầm tư lắm. Chắc hắn đã nhìn thấy cảnh máu đổ thịt rơi và động lòng chẳng. Ông Minh cười:

“Con người cộng sản làm gì có tình cảm. Chúng nó chỉ có mục đích là thắng, diệt, tiến tới. Tao ở với chúng nó lâu rồi tao biết.”

Ông nói thêm:

“Phải nhìn nhận chúng nó tổ chức giỏi nhưng về mặt tình cảm thì bất lực.”

“Vậy ông là người quốc gia rồi.”

“Tao không ủng hộ Mỹ, tao không chịu cộng sản. Tao chống lung tung hết.”

“Ông chống một mình.”

Dưới ánh nến, khuôn mặt ông Minh rắn chắc lại và nổi lên nhiều đường nhăn, ông nhìn về phía bệ thờ cụ Phan. Tiếng súng bên ngoài lại nổ. Họ tấn công chẳng? Đánh nhau chẳng? Thà đánh nhau khốc liệt đi để hoặc chúng tôi sống hoặc chết. Cứ ngồi dưới hầm, nghe các em nghe mẹ tôi kể lại những người chết bên ngoài tôi như ngồi trên đồng lửa đỏ. Tôi cũng không cần biết sự trốn tránh chui nhủi như thế này có hèn không nữa.

Có tiếng động ở cửa hầm, bà Hảo lại bò ra nhìn ông Minh, khóc:

“Ôn ời, đêm ni coi bộ dễ sợ quá.”

Một giọng thì thầm bên tai tôi:

“Không biết ông giáo sư của chúng ta lúc này đang làm gì. Chắc đang họp cách mệnh với cách mệnh.”

“Ông mà bắt được mày chắc ông chả nhớ tình thầy trò nữa đâu.”

Ông Minh đỡ cho người đàn bà đi xuống hầm. Tôi lần mò ra tới cửa nhìn ra ngoài bóng đêm. Bóng đêm nặng nề đầy đặc những bí mật, những đe dọa chết chóc, u uất tử khí. Nhưng tôi cũng hình dung ra được ở góc nào là cái bể nước, ở góc nào là hàng chè tàu, góc nào là khóm mía. Những lá cây đen bóng lung linh như kêu gọi tôi tưởng tượng đến đủ thứ. Giá lúc này tôi được hòa mình vào bầu trời đêm, được đứng trước sân ngẩng mặt lên trời hứng những giọt mưa đầu xuân mát rượi, ngọt lịm. Giá tôi được đi dạo trong khu vườn rộng này một mình như những tối mới trước Tết đây, dạo trong vườn và ngửa mặt nhìn bầu trời đen để tưởng tượng ra khuôn mặt người yêu.

Có tiếng động ở ngoài vườn. Tiếng chân người di chuyển. Chắc các anh giải phóng đang liên lạc với nhau. Khu vườn đất mịn màng trái đầy lá cây khô còn đâu nữa. Tất cả đã bị đào xới thành những hầm hố, hoặc bị cày nát từ lâu vì những mảnh đạn. Một thân cây nào đó trong vườn gãy mắc qua mắt tôi. Cây vú sữa, cây măng cầu hay cây nhãn lồng gì đó. Tôi đoán ra sự không còn nguyên vẹn của khu vườn, và ao ước một buổi sáng còn sống để đi ra vườn, đi ra cổng nhìn con đường, nhà cửa quen thuộc.

“Ngày mai tao không thể ở nhà được nữa. Người chết nhiều rồi, tao phải đi tải thương, đi cứu trợ. Tụi bây đi với tao hí.”

Tôi không nghe tiếng một cậu nào trả lời hết. Có mấy

thanh niên ở trong nhà này, nhờ sự bướng bỉnh cứng rắn của ông Minh mà chưa bị họ bắt đi. Tôi nghĩ tại vùng này vẫn còn ở trong sự kiểm soát của họ, sinh mạng người dân còn chắt trong tay họ, họ chưa ra tay đó thôi. Em tôi kể: họ đem rất nhiều người ở xóm khác về rồi tuyên án thủ tiêu, xử tử ngay tại đây. Những xác chết được vùi lấp vội vàng không có một tấm chiếu để gói.

Đã đến giờ cú rúc. Tôi đi lùi lại. Ông Minh nói thôi giải tán rồi thối phụt ngọn đèn. Các thanh niên sinh viên khác về hầm ngủ. Chỉ có ông Minh không chịu ngủ hầm. Tôi thận trọng bò vào hầm, bò qua má tôi, các em tôi rồi nhiều chân người khác nữa mới tới cái ngách hầm, nơi trú ẩn mà đối với tôi lúc này là an toàn nhất. Tôi vừa mệt mỏi, vừa chán nản nên đặt mình xuống là ngủ ngay.

Sáng ngày ra, tôi nghe tiếng lao xao trên miệng hầm. Mọi người đã ra ngoài hầm hết. Tôi định chui ra nhưng má tôi la: Khoan đã. Trúc chui vào báo cho tôi biết từ sáng tới giờ không thấy đại bác câu tới nữa. Quân giải phóng cũng rút lên phía nghĩa địa, chỉ còn một số canh giữ từ dưới cầu lên khỏi dốc thôi.

Ông Minh nói chuyện rất lớn giọng:

“Chắc chúng nó đi tập hợp gì đó.”

Một lúc sau Trúc xới cho tôi một bát cơm và dặn đừng có lên. Bên kia trường học, mấy thanh niên bị họ bắt lên trên đó hết rồi. Tôi hỏi mấy thanh niên sinh viên bên kia hầm thì sao. Trúc cho biết họ đã tản mát hết, ông Minh đã lo sẵn chỗ núp cho họ. Tôi nghĩ tới tiếng đàn tiếng hát giữa trưa, giữa đêm. Mấy anh giải phóng gác ở bên ngoài biết tê đi là bên trong nhà thờ có thanh niên trú ẩn. Nhưng tôi cũng chẳng lo lắng lâu hơn nữa vì tôi nghe thấy tiếng lợn kêu và tiếng mọi người lao xao. Một con lợn bị giết. Bữa cơm trưa

này chắc sẽ có món ăn ngon. Giữa lúc này mà có một miếng thịt lợn thì thật là may mắn, món ăn cao lương mỹ vị sang trọng quá chừng.

Tôi nhấp nhúm ở miệng hàm:

“Má, ai mần thịt heo rứa?”

“Khỉ, vô trong đi.”

“Thịt heo há má?”

“Bên nhà chị Tính, ôn Tôn mần heo đó. Chút nữa chia một ít kho để dành ăn.”

Tôi reo như trẻ con:

“Má nhớ lấy phần ít mỡ kho mặn nghe má.”

“Thôi khỉ, vô đi, chết đến nơi mà không lo, ăn với uống.”

Tuy nói vậy nhưng má tôi cũng lần mò sang nhà bên cạnh để chia một phần thịt heo. Trưa hôm đó tôi nằm dưới hầm ngủ mùi thịt kho thơm phức muốn ngạt cả mũi. Tôi quên hết mọi khổ ải, mọi lo sợ. Cứ thế này chắc sắp yên ổn rồi. Từ sáng tới giờ thỉnh thoảng có vài tiếng đại bác câu rất xa, như ở phía Trúc Lâm, Tây Thiên gì đó. Xa lắm mà.

Nồi thịt như thắm mặn thật lâu, sự chờ đợi làm tôi bồn chồn cả ruột gan nhưng cũng làm cho tôi thêm phần sung sướng. Trúc hích tôi:

“Anh ngủi mùi thịt mê chưa? Em nghĩ tới lúc miếng thịt... ngon lắm hỉ?”

Tôi chưa kịp phát biểu ý kiến thì Oanh thò đầu vào:

“Ê, họ về đông lắm. Họ đào thêm hầm hố và chia giữ các ngã đường, các vườn.”

Trúc trầm ngâm:

“Sáng họ rút rồi mà.”

“Họ mang theo nhiều súng đạn lắm. Có cả xe bò chở đạn nữa. Đâu ngoài ngõ mình a tề.”

Rồi giọng nó run run:

“Dễ sợ lắm anh ơi, khi hồi em chui qua nhà ông Tôn coi chia thịt heo với má, thấy có con chó tha khúc tay hay chân của trẻ con, nó gặm thịt sống. Thấy rứa em sợ thịt heo quá trời.”

Trúc kêu lên:

“Dễ sợ.” Rồi nó co người lại: “Rứa mà chị cứ chạy qua ôn Tôn được.”

“Mô có. Tao sợ quá tao nhảy lùi lại. Nghe tiếng động, tên lính giải phóng canh ở ngoài chạy vô bỗng súng định bắn. Tao sợ quá la lên. Hắn thấy con chó đang nằm gặm xương, hằm hè nhìn, hắn nhăn răng cười rồi hỏi có muốn qua bên đó tui dẹp đường cho. Tao sợ quá làm thinh. Hắn nói: Cô đừng sợ, chắc con chó tha ở đâu đến đó. Rồi hắn cầm đá liệng con chó cong đuôi chạy mất, cái khúc thịt đó còn ở nơi bụi đó, dễ sợ quá chừng.”

“Hắn nói chi với chị nữa khôn?”

“Hắn nhìn chị. Chị vừa sợ vừa dị. Dị ồm rứa thê. Rồi hắn nói: Cô sợ tui lắm hả? Tao phải nói: Dạ sợ chi mà sợ. Không biết mà rằng hắn cũng mành thình luôn. Rồi lui đi ra cửa lại. Tao chạy một mạch vô nhà. Khi hồi má bắt tao xắt thịt heo để kho, tao buồn mửa mấy lần.”

Oanh vừa nói vừa đưa tay che miệng muốn ọ. Mùi thịt kho vẫn bay vào quện lấy mũi tôi, hết sức hấp dẫn. Câu chuyện của Oanh chả làm tôi gớm sợ mùi thịt kho chút nào. Đã lâu rồi, không ngày nào tôi được ăn no, có ngày nhịn đói nữa.

Oanh cầm tay tôi nói:

“Anh nghe cho coi, họ đào hầm đó.”

Tôi nghe tiếng cuốc đất, tiếng chân người đi lại. Tiếng mê Khái nói đóng hết cửa ngõ. Tôi nghĩ thầm, đóng kín cửa để che người nhưng đâu có che mùi thịt kho. Dám mấy anh

giải phóng vào thăm vì mùi thịt kho lắm. Tôi cũng không nghe tiếng ông Minh nữa. Em tôi cho biết ông đã tải cái bị gạo leo xe đạp đi từ hồi sáng rồi. Chúng nói ông đi phát gạo. Một lúc có tiếng người ở ngoài vọng vào:

“Các mẹ giải phóng làm ơn tắt giùm bếp, sợ khói máy bay nó biết nó bắn.”

Má tôi cũng là mẹ giải phóng rồi đó. Bếp tắt cái rụp nhưng mùi thịt kho đâu có tắt nổi. Tôi tưởng tượng ra nhiều cái miệng đang nuốt nước bọt xuống cổ. Tôi lại ló đầu ra:

“Má, chín thịt rồi chớ má?”

“Khỉ, vô đi. Để cho nó thắm chút đã nào. Con Trúc mô rồi, ra lấy nồi cơm nguội khi hôm ra đây hâm lại mà ăn.”

Trúc vừa dợm dậy thì có tiếng hô to ở bên ngoài:

“Xuống hầm hết, máy bay tới.”

Khi tiếng hô vừa mới gióng lên tôi vẫn thấy bầu trời êm tịnh, vậy mà liền đó đã có tiếng máy bay ào tới, phút chốc đã ở trên đầu rồi lượn vòng. Chỉ mấy phút sau rốc két bắn xuống như mưa. Mọi người tràn xuống hầm hết. Một con chó mực mắt xanh lè cứ hầm hè muốn chui xuống hầm. Mẹ Khái phải cầm con dao liệng kêu cái keng, con chó mới chịu chạy ra lối khác.

Tiếng rốc két bắn như mưa, đạn như đang trút xuống đầu chúng tôi vậy. Chúng tôi ôm chặt nhau, người này sát vào người kia như tìm thêm ở nhau chút nương tựa. Có tiếng sụp đổ phía trước, phía sau, có tiếng kêu khóc ở nhà bên cạnh, tiếng hô của các anh giải phóng, cả tiếng hét lên như bị cắt họng nữa. Lúc nấy, con heo bị chọc tiết cũng kêu lên bi thảm như thế, sao tôi chả thấy gì cả.

Ầm một tiếng. Có nhiều miếng ngói lở, rồi tiếng bụi cát rơi rào rào. Tiếng hô, tiếng gọi nhau của mấy anh giải phóng ở ngoài vườn. Tôi nghĩ chắc họ có nhiều người bị

thương lắm. Một lát sau, tiếng súng dưới đất bắn trả kịch liệt. Tiếng đạn từ trên trời trút xuống cấp bách hơn. Tôi chìm đi, tai ù, ngực như nghẹt thở và cứ nằm bẹp dí ở góc hầm, tay chân không còn cất lên được nữa.

Độ hai phút sau thì tiếng súng trên trời thưa dần mà máy bay cũng đi mất, chỉ còn tiếng súng dưới đất bắn lên thì vẫn đì đẹt nổ thêm vài phút nữa, cho tới khi có lệnh truyền:

“Ngưng.”

Tiếng ngưng đi từ góc vườn này qua góc vườn khác, vang vang trên mặt đất và tiếng súng cũng tắt dần, dồn về vài tiếng lẻ trước khi ngưng hẳn. Má tôi dần không được đưa nào trời lên miệng hầm hết. Có tiếng đấm cửa:

“Có ai trong nhà ra công tác giùm.”

Tôi đoán chắc lại bắt đi khiêng xác chết, xác bị thương. Má tôi ra dấu cho mọi người im lặng. Nhưng không được, cánh cửa bị báng súng dộng mở toang, nhiều tiếng chân đi vô nhà:

“Tất cả lên khỏi hầm hết.”

Má tôi lên trước, rồi tới mấy bà già, mấy chị đàn bà ôm con. Trú ở lại với tôi, còn Oanh cực chẳng đã phải chuỗi lên. Một bà già đưa cho nó đứa nhỏ mới đầy năm, mẹ nó đã chết từ hôm tiếng súng đầu tiên nổ. Oanh bọc kín đứa nhỏ trong tấm khăn bông, run rẩy lên khỏi miệng hầm. Tôi nghe tiếng đàn ông hỏi:

“Ai không có con đại?”

Hình như vài chị đàn bà phải đi. Có tiếng anh chàng giải phóng trẻ tuổi vẫn gác ngoài ngõ nói:

“Cô này mới đẻ dậy, đang yếu.”

Vậy là thoát được rồi. Hú hồn cho con Oanh. Một lát sau tôi thấy nó bế đứa nhỏ xuống, tay chân nó vẫn như còn run rẩy. Tôi đỡ đứa bé cho nó và mừng thầm là đứa nhỏ

đã ngoan ngoãn không khóc. Tôi nào ngờ nó thiếu sữa, đói
lả, không còn sức để khóc nữa. Bởi lẽ ấy, đêm đêm, nhiều
khi tôi nghe tiếng trẻ khóc nhỏ, yếu ớt như tiếng mèo kêu.

Tôi hỏi Oanh:

“Chúng nó bắt những ai?”

Giọng tôi hỏi thật nhỏ, nhưng Oanh đưa tay ra dấu ngăn
tôi lại. Tiếng chân đi ra khỏi nhà. Vừa lúc đó, tôi nghe như
có tiếng xe đạp đỗ ở ngoài sân, rồi giọng ông Minh vào gần
đần:

“Răng? Ở nhà có ai bị chi không? Tao lo quá.”

Tiếng người đàn bà vợ ông giáo sư Hảo khóc thút thít.
Tiếng má tôi tường thuật lại chuyện nhà. Giọng ông Minh
vẫn rồn rảng:

“Coi, xuống hầm hết đi, máy bay tới chừ đó. Các nơi nát
hết rồi. Chắc quân bên này đang dàn trận vào thành phố.”

Tôi lắng tai nghe. Giọng ông Minh hơi nhỏ xuống:

“Tởm lắm. Tao đi từ dưới đường lên đây mà gặp đầy xác
chết. Tụi họ không rửa bậy. Chết trong hố, chết bên cạnh
tường, chết nằm sấp mặt xuống đường. Tao đi từ ngoài ngõ
vô đây mà thấy đầy máu. Tao cứ kêu trời: Ôi thôi, xong rồi,
ở nhà còn chi nữa. Khi vô nhà, thấy tụi nó đi ra theo lối sau
vườn. Răng, không có ai bị thương chớ?”

Tôi lộ đầu lên, hỏi:

“Ôn, tình hình bên ngoài ra răng?”

“Tao gặp bọn chỉ huy của chúng nó rồi.”

Ông cười, móc ra cái giấy:

“Nó rủ tao ghé lắm, nhưng tao bảo tao chống lưng tung
hết. Tao không sợ bên nào. Mục đích của tao lúc này là đi
cứu thương, đi phát gạo, cứu được ai thì cứu. Cái thằng
chỉ huy vùng ni, nó có vẻ khôn lanh lắm. Nó cấp cho tao
cái giấy đi đường, đi trong vùng họ kiểm soát lúc mô cũng

được. Đây nì...”

Ông đưa cái giấy về phía tôi. Nhưng má tôi đã nạt:

“Thằng nì thiệt, xuống dưới nó ngồi không mi? Thôi ôn ơi, hay ho chi giấy tờ quỷ nó mà khoe. Có nó thêm mệt.”

Ông Minh cười đôn hậu:

“Tau đã nói tau là người quốc tế mà. Cộng sản cũng không làm chi được tau, tụi bây thấy khôn?”

Tôi tò mò muốn đọc tờ giấy đó lắm nhưng má tôi đã nhìn tôi gằm gằm. Sợ bà buồn tôi vội chui xuống hầm. Oanh lại thò đầu lên:

“Ôn mần rằng mà tải thương đó ôn?”

“Tau đặt họ lên xe đạp đẩy đi. Nhà thương bỏ hoang rồi, tau đưa đại họ vô mấy trạm cứu thương bắt băng bó. À này Oanh, mi tìm cho tau mấy thằng sinh viên y khoa. Quanh mấy nhà này, tau biết tụi nó trốn thiếu chi. Mi đi liên lạc dùm hỉ?”

“Ông nội con cũng không dám. Ra ngoài cho bị đạn chết hả?”

“Con nì nhát quá, thôi để tau lo.”

Tiếng má tôi bỗng la lên thảng thốt:

“Thôi rồi...”

“Chi rứa?”

“Thôi rồi, chết rồi...”

Giọng Oanh hốt hoảng:

“Chi rứa má?”

“Trách thịt kho...”

Tôi không dần được, tranh với Oanh thò đầu lên khỏi miệng hầm:

“Răng má?”

“Đổ bể hết rồi, còn chi nữa...”

Tôi nhìn lại phía bếp dầu, ngay trên trần nhà, một mảng

ngói bị vỡ, trách thịt bằng đất cũng vỡ, những miếng thịt trộn lẫn với gạch cát nằm lẫn lóc. Từ này giờ mãi căng thẳng vì nhiều biến cố dồn dập, tôi cũng quên mất hẳn nời thịt kho. Đến bây giờ thì thôi hết rồi. Thấy mấy mẹ con tôi tiếc ngẩn ngơ, ông Minh cười:

“Ôi, tiếc chi mấy chút đó. Tau có hái về mấy trái su đây nì. Tau lên thầu trên rẫy chớ chơi mô.”

“Ôn lên thầu trên đó. Trờì, trên đó ra răng ôn?”

“Thì ai vẫn ở yên nhà đó. Họ đóng hẳn trong nhà dân à nghe. Có mấy cái nhà dưới độn bỏ không, tau thấy mấy dàn su ngon quá. Tau hái được nhiều lắm, phát hết rồi, còn mấy trái dừa mô lấy thì lấy.”

Oanh reo lên:

“Đẹp quá. Trái su đẹp quá.”

Tôi chả thấy trái su đẹp để gì. Nời thịt đã vỡ, nhưng mùi thịt kho vẫn còn phảng phất. Tôi nuốt nước miếng và buồn bã chui xuống.

“Anh tiếc nời thịt lắm hả?”

“Ờ.”

“Em thì chỉ thích yên cho rồi. Mấy bữa, họ nói chỉ ở chơi với dân một tuần lễ, răng họ ở lâu rứa?”

“Ai biết đâu đó, con nhỏ này thật tin người.”

Oanh lại nói tiếp:

“Mấy ngày đầu, mấy cô cán bộ tập xe đạp vui quá, mà họ chả biết chi hết anh hí, đồng đội của họ chết rần rần mà họ cứ giỡn hót vui chơi như không. Mấy hôm đầu, mấy cô nói với em sẽ tổ chức văn nghệ liên hoan nữa, rồi họ tổ chức chi mô!”

“Bắn nhau như mưa rứa mà liên hoan chi.”

“Mà họ xử tử người ghê quá anh. Em thấy họ bắn hai học sinh hay sinh viên chi đó trong vườn bác Bốn tề. Để

em kể cho nghe. Chính cái tổ trong vườn mình bắt chứ ai. Em nghe cái thằng nhỏ nhỏ ngoài cổng hay nhìn em đó, nó nói có xử thì để cấp chỉ huy hay tòa án nhân dân xử, đừng có thủ tiêu. Mấy tên kia nói đồng chí chỉ có tinh thần chủ bại. Rồi họ bắt. Trời ơi, em nhắm mắt.”

Oanh nói gì thì nói, tôi vẫn còn tiếc nồi thịt kho. Gần tuần lễ ăn kham khổ bữa đói bữa no, bao tử tôi như đã teo lại. Tôi nằm mọp xuống chiếu miệng sùi bọt mép. Con đói lại kéo tới hành hạ làm tôi khổ sở điều đứng. Con gái nhịn đói thật tài, Oanh và Trúc bữa ăn bữa không mà vẫn tỉnh như sáo sậu. Còn tôi sắp phải thiếp đi rồi đây.

Buổi chiều, khi tỉnh dậy, thấy xung quanh mình vắng ngắt. Mọi người đã bỏ tôi để tản cư đi hết chỗ khác rồi phải không? Tôi hốt hoảng đưa tay sờ soạng, phải lâu lắm tôi mới nhìn thấy chút ánh sáng từ miệng hầm hắt vào, lần lần tôi nhìn rõ bàn tay tôi. Nhưng tôi chưa dám lên tiếng gọi hay bò ra miệng hầm mà yên lặng nghe ngóng. Hình như trên nhà có tiếng bát đĩa khua rộn rã, nhưng không có một tiếng người. Cả tiếng động ngoài vườn ngoài sân cũng vắng nữa. Cố gắng mãi để tập trung thính giác, tôi mới nhận ra tiếng va chạm của đĩa bát, chắc cả nhà đang ăn cơm ở trên hầm. Sao không ai đánh thức tôi dậy? Sao cả nhà nỡ để tôi cùng quần với con đói lả. Không, tôi phải bò lên để cho cả nhà biết là tôi được quyền góp mặt trong bữa cơm gia đình. Tôi mệt lả nhưng cố gượng để bò lên miệng hầm. Tiếng va chạm bát đĩa, tiếng nhai nuốt chứng tỏ những kẻ đang ăn uống hết sức thô lỗ. Chắc đã yên rồi và cả nhà đang sung sướng với bữa cơm no nê. Tôi cố bám vào hai bên mép thành đất, ló đầu ra ngoài.

Tôi có nằm mơ chẳng? Tôi còn sống hay đã chết đói? Không, tôi không phải là con ma đói, tôi còn sống đang

hoàng mà. Mâm cơm nào bày ra với những khuôn mặt lạ hoắc vậy? Tôi mở lớn mắt nhìn rồi ngã rơi đánh bịch xuống đáy hầm. Tiếng động của chính mình làm tôi sợ hãi tột độ. Họ đã nghe, họ sẽ vào lôi cổ tôi ra và một phát súng sẽ nổ. Cơn đói của tôi tiêu tan đâu hết. Mâm cơm đúng là chén bát của gia đình tôi, nhưng tất cả gia đình tôi và những người trú ẩn trong nhà thờ đang ngồi ở góc nhà, ủ rũ, lo sợ. Năm sáu anh giải phóng đang ngồi ăn cơm ngon lành, không ai nói với ai một lời, họ ăn hối hả như người sắp chết đói vớ được bữa cơm. Tôi nằm lặng đi một lúc không thấy động tĩnh gì thì lại hồn trở lại. Nhưng vừa lúc đó, tiếng máy bay lại ào đến, rồi đại bác câu tói. Tiếng chân của mấy anh giải phóng chạy ra khỏi nhà: Cám ơn mẹ giải phóng. Tiếng một người đàn ông vọng vào rồi chìm trong tiếng đạn rốc kết bắt đầu bắn xuống. Mọi người tràn vào hầm. Trúc lẫn gần lại phía tôi:

“Anh mô rồi?”

Tôi trả lời yếu ớt. Oanh nhét cho tôi nắm cơm vắt nói:

“Khi hồi xới cơm cho họ, em lén vắt một vắt dầu trong áo cho anh nì.”

Tôi không còn đủ sức để đưa tay ra cầm nữa. Trúc rút từng miếng cơm đút vào miệng, tôi nhai nuốt vội vàng cùng đồng nước bọt còn đầy ứ trong miệng. Dù sao một vắt cơm nhỏ lúc này đối với tôi cũng quý hơn mọi món ăn cao lương mỹ vị ở trên đời. Má tôi lấm bầm:

“Đang dọn cơm định xuống đánh thức con dậy ăn thì họ vô. May mà con chưa lên. Rứa là phải mời, họ ăn liền.”

Oanh kêu nhỏ:

“Ăn rồi cám ơn rồi rít, mẹ giải phóng tốt, chị giải phóng tốt, tốt hoài kiểu này chắc chết quá.”

Nhưng Trúc bênh:

“Thì ở mô cũng có người tốt người xấu. Cái anh giải phóng trẻ tuổi chả đem cho mình chục lon gạo là chi. Anh lấy mô rứa hè?”

Không ai trả lời thắc mắc cho Trúc. Rốc kết như ném ngay trên đầu. Má tôi đoán chừng:

“Bắn ở đây chắc đạn trút xuống ở Bến Ngự.”

“Chắc dưới chợ.”

“Dưới đường rầy.”

“Xì, hơi mô mà cãi, tới phiên Từ Đàm bầy chừ đó.”

“Dưới cầu họ vẫn còn đóng. Khi trưa tui thấy mấy nhà đi tản cư bị họ đuổi lên vừa chạy vừa khóc. Xóm mình có nhiều người bị thương lắm nghe.”

“Ôn Minh đi mô hí?”

“Ôn lại đi phát gạo, đi tải thương rồi.”

“Cái ôn chi thiệt khùng, thời buổi ni, ai có thân nấy lo.”

Tôi nằm im nghe máu thấm trong từng mạch nhỏ. Mắt tôi đã hết hoa, tay chân tôi đã hết run rẩy. Tôi bớt sợ rốc kết hơn, nhưng đồng thời tôi cũng hiểu rằng mọi thứ chết sùng đạn, hay chết đói khát đều kinh khủng như nhau. Mà gạo trong nhà, mấy anh giải phóng đã mượn khuôn đi hết. Tình trạng này kéo dài thêm vài tuần nữa chắc là chúng tôi chết đói hết. Má tôi than thầm với một bà bạn:

“Thời buổi như ri mà ôn Minh còn vác về mấy cậu sinh viên. Có đàn ông trong nhà phiền ghê lắm.”

Chắc má tôi lại lo sợ cho tôi. Mọi khi, tôi giận má tôi ghê lắm nếu nghe má tôi phàn nàn như thế, nhưng lúc này, tôi thấy bà nói hợp lý. Oanh thì thầm:

“Ôn đem mấy anh nó về để đi băng bó cứu thương.”

Tôi cầu nhàu:

“Họ bắt giết hết cho coi.”

Oanh tin tưởng:

“Ôn có giấy của mặt trận để đi đường mà. Còn ôn thì khỏi sợ đi.”

Đúng lúc đó, có tiếng đập cửa. Không biết ai đập cửa mà tìm mọi người như ngừng đập. Tiếng rốc kết bên ngoài vẫn ròn rã như mưa. Tiếng đạn từ dưới đất bắn lên vẫn rào rào. Phía này chóc chóc, phía kia tạch tạch. Đủ các cỡ súng chĩa lên trời. Tiếng đập cửa càng gấp rút hơn, rồi có tiếng la nũa, nhưng chúng tôi không thể nào nhận ra tiếng của ai. Oanh nhấp nhóm:

“Hay ôn Minh về.”

“Suyt đừng nói. Kệ ai thì ai. Im hết đi, trời ơi.”

Tiếng đập cửa vẫn liên tục, rồi có tiếng động cửa thành thịch. Trúc cương quyết:

“Ôn Minh về rồi đó, chắc chắn mà.”

Không nói thêm một tiếng, nó tuôn chạy ra khỏi hầm. Má tôi núu theo mà không kịp. Bà chỉ biết kêu trời kêu đất. Tiếng mở cửa rồi tiếng chân hai ba người kéo vào, rồi tiếng Trúc kêu rú lên. Tôi hốt hoảng chụp vai má tôi:

“Chết rồi.”

Má tôi vùng chạy ra khỏi hầm quên hết mọi nguy hiểm. Nhưng cùng lúc đó, tôi nghe tiếng ôn Minh:

“Mau đem thuốc, đem băng ra đây.”

Tiếng Trúc:

“Mần chi còn băng. Kêu mấy anh y khoa hí?”

“Mau lên.”

Nhiều người nữa đi ra khỏi hầm. Tôi cũng tò mò ngóc đầu lên miệng hầm để nhìn. Trong ánh sáng lò mờ hắt từ ngoài bầu trời thăm đậm vào, tôi nhìn thấy hai người đàn ông máu me bê bê. Một người mắt còn mở lò dò, một người mắt khép như đã chết rồi, anh ta để lộ một mảnh đầu trắng hếu như lò nảo.

Tôi hỏi Trúc:

“Ai đó?”

Trúc lắc đầu. Mặt nó tái xanh. Nhưng rồi nó cũng phụ với mọi người băng bó cho hai kẻ bị thương. Máu chảy đọng vũng giữa nhà. Trúc vừa che mặt vừa xé cái áo cánh trắng để làm băng. Ngoài đường, ngoài vườn lại có nhiều tiếng hét lớn. Chắc lại có kẻ bị thương rồi.

Ôn Minh ngoắc tôi lên:

“Lên đây, mắc đánh nhau, họ không vô bắt mô mi sợ.”

Tôi lên đứng cạnh hai người đàn ông bị thương. Tiếng rốc kết đã thưa dần, nhưng máy bay vẫn còn lượn thêm nhiều vòng ở trên trời. Tiếng đạn dưới đất bắn lên cũng thưa thớt hơn. Rồi một toán hàng xóm xông vô nhà, họ kêu khóc như ri:

“Nhà tui cháy rồi bà con ơi.”

“Thằng con tui chết không mang đi được.”

“Ôn Minh ơi, sang đem thằng con nhỏ của tôi qua với. Nó bị kẹt giữa đồng gạch rồi.”

Đám đông kêu khóc như ri. Má tôi lại hỏi thăm tin tức bên ngoài. Ôn Minh giao hai người bị thương cho chúng tôi rồi băng ra ngoài cửa. Tôi chỉ kịp kêu một tiếng:

“Ôn...”

Một loạt súng nổ ròn ngay đầu cổng. Thôi rồi, chắc ôn Minh đã bị thương. Oanh đẩy cửa: Ôn ơi, ôn ơi. Nó chạy ra nhưng má tôi đã ngăn kịp. Tiếng ôn Minh nạt nộ ai ở đầu ngõ. Oanh vừa quay vào thì có tiếng đẩy cửa. Người lính giải phóng trẻ tuổi gác trước cổng nhà đi vào. Hắn ôm một cánh tay. Má tôi vội đẩy tôi xuống hầm trước khi hắn nhìn ra kịp.

“Răng rứa, ôn.”

“Cháu bị thương. Mẹ giải phóng cho cháu xin chút băng

băng lại.”

Oanh nhanh nhẩu:

“Hết băng. Mấy hôm ni áo xé băng còn không đủ.”

“Coi giùm còn chút thuốc nào không.”

Oanh cay chua:

“VẬY các đồng chí cứu thương mô rồi. Các cô nữ cán bộ cứu thương mô rồi. Mấy ngày ni tui tui chờ họ tới để xin thuốc mà chẳng thấy họ mô hết.”

Tôi không nhìn mặt anh giải phóng, nhưng biết hắn đang xúc động hoặc đau đớn lắm vì giọng hắn run run:

“Tôi bị nhẹ, có kẻ bị nặng hơn tôi.”

Vừa lúc đó tôi nghe giọng ôn Minh. Ôn bế vào một đứa bé thì phải, tôi nghe giọng trẻ con khóc.

“Con Oanh, con Trúc, lấy áo ra mần băng mau lên.”

Tiếng chân Oanh chạy đi. Tiếng ôn Minh nói:

“Ừa, đồng chí cũng bị thương hả? Vô đây chi vậy?”

“Xin ông một chút thuốc, xin miếng vải băng lại.”

“Nặng hay nhẹ?”

“Nhẹ thôi mà.”

“Khỏi, lấy vôi mà bôi vô cũng sát trùng rồi. Mần chi có thuốc, còn chút thuốc để cứu người khẩn cấp. Bình vôi nơi góc nhà a tề.”

Vẫn giọng ôn Minh:

“Nơi góc nhà có đồng chí của anh đó. Tôi đã băng bó xong, anh coi sáng yên thì đem họ về bộ chỉ huy để chăm sóc. Coi khó sống đó.”

Thì ra hai người ôn Minh vừa vác về, có một người là Việt cộng. Ôn Minh không phân biệt gì hết, ông chỉ cứu người bị thương. Tôi nghe giọng anh lính trẻ cố thân nhiên nhưng che giấu nhiều cảm động:

“Cám ơn cụ. Bác và Đảng sẽ nhớ ơn cụ.”

“Tao hả? Tao không cần Đảng, không cần Bác. Tao chỉ biết hắn là người, hắn đau thì tao cứu. Mả cha nó bắn nhau, giết nhau, chỉ có dân khổ.”

Anh lính giải phóng e dè:

“Trong khu này có nhiều loại cán bộ, cụ không nên ra ngoài nhiều, lỡ họ hiểu lầm thì phiền lắm.”

“Tao hả? Tao người quốc tế mà. Ông Hồ cũng phải nể tao, ông tổng thống Mỹ cũng nể tao, vì tao có chính nghĩa.”

Ôn vẫn tiếp tục cười gằn. Tôi không nghe tên lính giải phóng nói thêm gì hết.

Trúc bò xuống cạnh tôi:

“Hết bắn nhau rồi anh.”

“Ừ.”

“Chết bất loạn. Đầu ngô mình cũng có tề. Anh sợ khôn?”

“Tao thấy chi mà sợ.”

“Chắc mình phải tản cư. Ở đây mần răng cũng chết.”

Tôi không ừ hử. Tôi lắng nghe tiếng động trên miệng hầm. Tiếng mấy người bị thương rên hừ hừ. Tiếng người đàn ông lạ yếu ớt:

“Đồng chí ở tổ nào?”

“Tổ bốn chín.”

“Đem tôi về bộ chỉ huy được không. Tôi muốn gặp người quen để nhả ra Bắc.”

“Đồng chí nhả đi, tôi gửi giúp cho.”

Giọng người đàn ông yếu hơn:

“Không, tôi chưa chết. Tôi chưa thể chết được. Đem tôi về... Tôi muốn...”

Tiếng nói cắt đứt nửa chừng. Ngoài cửa, có nhiều tiếng chân rồi tiếng người lao xao. Tả thương. Giọng ôn Minh: Có cứu mấy người đang bị thương không, tui gửi với.

“Không, chỉ tả thương quân giải phóng.”

Tiếng đại bác lại câu lên. Nhưng công việc tải thương vẫn tiếp tục. Thanh niên thiếu nữ bị bắt đi làm công tác. May mắn làm sao, Oanh và Trúc vẫn trốn được. Ôn Minh nhất định không đi, hình như ôn có đưa cái giấy di chuyển trong vùng kiểm soát của quân giải phóng ra dọa. Một lát họ rút đi hết, ôn Minh ra lệnh cho mọi người mới đến tị nạn tìm chỗ dựng hầm. Hết chỗ đào xuống đất, họ dựng hầm nổi. Những cánh cửa được tháo xuống.

Chúng tôi cũng nhất định sửa sang lại căn hầm. Mặc tiếng máy bay, mặc đại bác, trẻ con người lớn ra sân đào đất đem vào đổ cho đầy trên hầm, càng dày càng tốt. Có mấy người bị thương chết, những xác này được đem ra sân chôn, nhưng cứ vừa ra đào là máy bay đến, thấy bóng người dưới đất là rốc kết bắn xuống. Mọi người chạy tán loạn. Mấy anh giải phóng trong các hố cá nhân nguyên rửa om sòm. Họ nổi súng bắn luôn mấy tràng đạn bằng qua đầu đám người đang chạy tán loạn. Không ai nghĩ tới việc chôn xác chết nữa, và cũng không ai còn đủ sức sợ sống bên cạnh những xác người đang bốc mùi, dù có thể chết vì nhiễm độc.

Anh lính giải phóng trẻ đã được băng bó cánh tay. Hắn vẫn gác trước cổng. Ít khi vào nhà, vẻ mặt nghiêm trang. Tôi cảm tưởng cũng nhờ hắn mà Oanh với Trúc khỏi đi tải thương, kiêng đạn.

Quả như lời Oanh đoán, mấy ngày sau không ngày nào là không có máy bay, rốc kết bắn xuống như mưa. Đại bác mỗi ngày mỗi nhiều. Mấy hôm đầu, buổi sáng, mọi người còn lên được miệng hầm để lấy đồ hoặc chạy ra xách nước. Về sau không ai dám ra ngoài sân, bò lên miệng hầm đã là một điều quá can đảm. Cứ tình trạng này, trong vài hôm nữa, chúng tôi sẽ hết nước và thức ăn khô cũng sẽ hết. Tội

nghiệp má tôi, bình thường bà là người gặp chuyện gì cũng quỳnh quáng, sợ vỡ mật, vậy mà đến lúc tuyệt vọng bà lại can đảm hơn ai hết. Mặc bom, mặc đạn, má tôi cứ chuỗi lên miệng hầm tìm gạo, nấu cơm. Nhiều mảnh đại bác văng vào tường, nhiều mảnh bom chơm rơi xuống mái ngói, chui tọt vào nhà. Má tôi vừa run vừa lết vô hầm. Nhưng rồi sau đó lại bò ra. Má tôi chỉ còn biết sống phút nào hay phút đó để tận lực lo cho con cái.

Ôn Minh đi suốt ngày, thỉnh thoảng ghé về với một ít thức ăn khô chia đều cho các hầm. Ngoài việc tiếp cứu cho mọi người, ôn cũng không quên những người trú ngụ trong ngôi nhà thờ cụ Phan.

Nhiều đêm, chúng tôi bàn đến chuyện tản cư. Má tôi sang hầm bên cạnh, có gia đình ông hiệu trưởng. Ông này ngày đầu đã dám liều lĩnh chở hai đứa con nhỏ và cô em gái từ An Cựu trở về Từ Đàm. Vợ ông bị kẹt ở đây. Ông suốt ngày cũng chui trong hầm không dám ra ngoài, sợ bị bắt. Mấy ngày đầu, các cô cán bộ hay vô lân la thăm hỏi, nói chuyện với bà vợ. Gia đình này còn một nửa kẹt ở An Cựu và em gái dám đi với ôn Minh, tìm đường dò về phía đó, nhưng không đi lọt. Má tôi bàn với gia đình đó, liệu có cách nào tản cư không. Nhưng cũng như chúng tôi, họ cũng đang ở thế tuyệt vọng. Người vợ ôm đứa con nhỏ khóc rầm rức. Người chồng hết lo cho số phận mình, lại lo cho bà mẹ và một số người thân kẹt lại ở An Cựu. Tin tức ôn Minh đem về mỗi ngày một bi quan hơn.

Nhiều đêm, tôi đã nằm mơ thấy mình có mặt trong đoàn người tản cư. Để tìm một sự sống, chúng tôi cầm chặt áo nhau, đi từng đoàn dài. Chúng tôi qua cầu. Xác chết còn sinh thúi đầy đường. Phía bên kia là quân đội Việt Nam Cộng Hòa, phía bên này là giải phóng. Không ai ngăn cản

chúng tôi hết. Chúng tôi đi giữa súng đạn, giữa tiếng la hét, rồi cây cầu sập, cả đoàn người theo nhau rớt hết xuống dưới giòng sông. Nhưng cũng không thoát được, dưới lòng sông có bao nhiêu chiếc miệng đỏ hoét của thủy quái há ra, chực nuốt cả đoàn người vào bụng. Tôi hốt hoảng hét lên rồi thức giấc. Mặc dù trời bên ngoài lạnh buốt, cả người tôi mồ hôi vã ra như tắm. Mồ hôi vì sợ hãi, vì mệt và cũng có lẽ vì đói nữa. Nhiều lúc, tôi như đứa trẻ nhỏ đưa ngón tay vào miệng và nút. Tôi nút hoài trong bóng đêm, thấy ngón tay của mình nhạt dần mùi vị. Mùi vị đó tôi biết, mồ hôi và đất bắn trộn lẫn.

Một ngày rồi một ngày nữa trôi qua. Tai chúng tôi ù đi vì súng, mắt mờ đi vì đói và đầu óc tê liệt vì những tiếng nổ dội ình ình, chung quanh. Nhưng lạ lùng, chúng tôi vẫn chưa ai chết cả. Gạo đã cạn, ôn Minh đem đầu về được mấy bịch cơm khô chia đều cho mỗi gia đình một ít. Chúng tôi nhai cơm khô mà cũng phải hết sức dè xén. Khát nước quá, một vài người ra sân lấy nước ở bể cạn. Một vài người chạy không kịp bị mảnh đạn ghim vào người, nhưng may thay, không một ai chết hết.

Chúng tôi không còn ai nhắc tới chuyện tản cư nữa. Ra khỏi miệng hầm là có thể chết rồi, huống chi ra tới sân, tới đường.

Nhưng rồi có một buổi sáng, không biết buổi sáng ngày thứ mười mấy nữa, có tiếng gọi tên tôi ngoài cửa. Mới đầu má tôi ghì đầu tôi xuống, bịt miệng không cho tôi thưa. Nhưng về sau, Oanh nhận ra được tiếng của Bảo, một người em con chú, mò qua nhà tôi được. Oanh lên mở cửa rồi lôi Bảo vô hầm, Bảo nói:

“Răng không chạy đi, họ đi hết rồi mà.”

“Răng mi gan rứa. Đại bác câu như mưa rứa mà qua đây

được.”

“Thì mình cứ đi liều. Nì, trốn không?”

“Mần răng trốn?”

“Ở đây rồi nó cũng bắt đi. Đi với tôi.”

“Đi mô?”

“Mình đi trong vườn, tụi hần không biết. Mình đi ngã chùa rồi vòng qua phía lầu Đua ra. Mình về dưới. Chắc được mà.”

Má tôi run lấy bầy:

“Không được. Đừng có mạo hiểm.”

Nhưng tôi bỗng lóe lên một ý định. Có ở đây thì cũng sẽ chết, liều đi như thế, may ra còn đường sống. Tôi dặn nhỏ Bảo:

“Được, đợi tao với.”

Tôi an ủi má tôi gần nửa tiếng bà mới chịu để cho đi. Nhưng khi tôi lên miệng hầm với Bảo thì nghe tiếng má tôi khóc thảm thiết như đưa đám ma. Tôi rợn cả người. Bên ngoài là ánh sáng, nhưng tôi có cảm tưởng như bóng tử thần cũng lảng vảng ở đó, đang nô giỡn, thông đồng với những tiếng nổ, những tràng đạn bắn lẻ tẻ khắp vùng. Tiếng khóc của má tôi làm đầu gối tôi muốn xum xuống. Tôi muốn lao lại vào hầm, nằm gục bên má tôi để có chết cùng chết có sống cùng sống. Nhưng Bảo đã kéo tay tôi. Cánh cửa hé mở và chúng tôi lách ra ngoài. Ánh sáng làm tôi chói mắt. Nhưng tôi đứng sững lại, nơi chiếc bể cạn, cây mai đã gãy hết nhánh, chắc một quả đại bác đã rơi gần đầu đó, nhưng những cánh hoa vàng vẫn tiếp tục, bên cạnh những cành gãy, những gạch ngói, những bông mai vàng như những đốm hy vọng gây cho lòng tôi bao tình cảm thiết tha, ham sống.

“Coi chừng!”

Ầm. Một tiếng nổ thật gần. Bảo kéo tôi nằm xuống. Rồi tôi bị Bảo kéo bật dậy, tôi đang chạy theo Bảo hay bị Bảo lôi đi cũng vậy. Khi ngoảnh lại, ngã ba đường Chùa và nhà thờ cụ Phan đã bị che khuất. Nước mắt tôi trào ra. Vài giọt mưa lất phất lạnh buốt bám vào mặt. Bảo vừa lôi kéo tôi vừa thở:

“Mau lên.”

“Ngã mô?”

“Lầu Đua ra.”

Tôi không còn thì giờ mà ngắm cỏ cây, nhà cửa đường sá nữa, đại bác câu tới càng dày. Tiếng nổ ình ình đằng trước, đằng sau, bên hông. Cứ chạy một quãng, cả hai lại nằm xuống. Nằm xuống rồi đứng dậy tiếp tục chạy. Tôi không biết mặt mũi tôi ra sao, nhưng mặt mũi Bảo thì tôi không còn nhìn ra nữa. Quần áo chúng tôi bị đất cát, bụi gai xước rách từng đường dài. Tôi vừa chạy vừa kêu lên:

“Đi là chết. Chắc chết.”

Lầu Đua ra đã hiện ra. Chúng tôi chạy bừa tới, tôi vấp phải nhiều xác chết, nhiều lúc suýt bổ nhào. Chạy còn cách lầu Đua ra vài chục thước, chúng tôi lại bị bao vây vào giữa tiếng súng lớn nhỏ. Hai bên nổ súng giao chiến. Cố gắng mãi chúng tôi mới vào được lầu Đua ra. Mất cá chân chúng tôi ngập máu. Trong nhà toàn xác người. Xác mới có cũ có, xác quốc gia có, việt cộng có. Ngay ở trước nhà, tôi nhìn thấy xác hai người Mỹ trương to bằng con bò. Có điều lạ lùng là hai xác người Mỹ mặc đồ đen như đồ cán bộ xây dựng nông thôn. Nhưng tôi chưa kịp tìm hiểu thêm thì Bảo đã lôi tuột tôi vào trong. Vừa lúc đó có tiếng súng bắn tới. Bảo nhào vào một góc, người Bảo nhuộm đầy máu tươi máu khô. Tôi cũng lăn một vòng và nằm đằng sau mấy xác chết đã sinh hôi. Tôi lấy tay che kín mắt, đạn bắn vèo vèo đi qua đầu. Hai bên giao tranh thật ác liệt một hồi rồi lại im.

Nhiều tiếng chân đi vào lầu Đua ra. Tôi nghe có giọng nói:

“Thấy có hai tên chạy vô đây mà.”

“Đồng chí có thấy rõ ràng không đấy?”

“Chắc chắn. Hai tên còn nhỏ. Chắc là liên lạc viên của Mỹ Ngụy. Chúng vừa vô thì súng nổ.”

Tim tôi như ngưng đập. Tôi nằm sấp mặt xuống vũng máu khô đầy ruồi nhặng. Mặc, tôi cần đảm xác chết này che chở. Có tiếng chân bước qua mấy xác người, rồi tiếng cười gằn:

“Hừ, mấy tuổi ranh đã phản quốc.”

Một tiếng súng nổ. Tôi nghe tiếng Bảo la lên. Vai tôi bỗng nhiên cũng đau nhói. Tôi còn kịp nghe một tràng đạn quét ngang mình trước khi ngất đi nữa.

“Bây giờ ông đi đâu?”

“Tôi cũng không biết nữa. Tôi chạy đại.”

Người con trai vừa kể câu chuyện trên nhìn ra phía đường sắt. Tôi hỏi tiếp:

“Anh được tin tức chi trên Từ Đàm không?”

“Tôi bị thương ở lầu Đua ra, tưởng họ bắt được. May mà tôi ngất đi họ tưởng tôi chết. Khi tôi tỉnh dậy thì Bảo, bạn tôi đã bị họ bắt đi rồi. Những xác chết còn ngổn ngang nhưng nơi cửa có treo cờ giải phóng. Tôi phải cố gắng mãi mới bò ra khỏi những xác chết. Tôi thấy bốn bề im lặng, bên quốc gia cũng không có ai, mà cộng sản cũng không có ai. Tôi lặn mò xuống Phú Cam. Nhà cửa bỏ trống, dân chúng chạy hết rồi, tôi chỉ gặp toàn người chết. Tôi theo lối đường rầy mà về đây.”

Tôi tưởng gặp người con trai này ở Từ Đàm về, sẽ biết được tin tức gia đình anh tôi ở trên đó, nhưng rồi cũng mù tịt.

Tôi khuyên:

“Giờ anh nên kiếm xóm nào còn người mà ở với họ. Chúng tôi sắp tản cư nữa rồi.”

“Chắc tui qua bên nhà thờ. Nghe nói bên đó họ tỵ nạn đông lắm.”

“Ý đừng qua, họ lục soát bắt hết rồi.”

“Thôi tui cứ chạy đại. Nhưng tui phải ở trong thành phố, gia đình tui còn mắc kẹt ở trên đó. Hai đứa em gái tui nữa.”

“Còn ôn Minh ra rặng?” Má tôi hỏi.

“Dạ cháu không biết gì nữa.”

Chúng tôi nhìn theo người con trai đi trở lui phía đường rầy. Cả đoạn đường vắng tanh không có bóng cả một con vật. Anh đi tới đằng xa rồi mà không quay lại. Tôi hết hoảng khi nghe tiếng nổ gần mạn đó. Tôi kêu lên, nhưng người con trai đã đi xuống một cái dốc ngắn và khuất sau những bụi cây rậm rạp.

Má tôi thở dài:

“Ở đây chắc chết. Mình phải chạy, trong xóm chạy hết rồi.”

Chú tôi chen vào:

“Họ chạy về phía dưới Phú Lương, nghe nói dưới đó yên lắm.”

“Phú Lương là phía nào?”

Chưa ai kịp trả lời thì tiếng súng đã tới gần. Tiếng xe chạy rần rần ở phía quốc lộ.

Thái reo lên:

“Quân mình tiến vô thành phố tiếp viện đó.”

Bé rành rề:

“Cứ ngày tới, đêm rút về Phú Bài. Đêm họ lại về chiếm, thành thử như không.”

Má tôi khoát tay:

“Thì vô hầm đã rồi tính chi thì tính.”

Một lát sau thấy có người gồng gánh chạy vô nhà. Thu bỏ

lên hầm rồi kêu:

“Chú Định, không đi được hả?”

“Sang bên kiểu mẫu mà đường không đi được. Bắn nhau dữ quá.”

“Chú, chú định đi mô?”

“Về Phú Lương.”

Sắp xếp cho gia đình ngồi vào một góc nhà, người đàn ông chủ gia đình hàng xóm chui xuống hầm kể chuyện. Ông ta nói rằng ở bên thành nội họ hoàn toàn chiếm đóng. Có vài người trốn về bên ni được, họ đi bằng đò, nhưng số đi chạy nạn liều lĩnh đó chết hết hai phần ba, đi mười người may ra còn một hai người sống sót. Ông cho biết đang đánh nhau ở Bưu điện. Má tôi hết hoảng:

“Đánh bưu điện rồi sắp đánh về bên ni, làm răng chừ hờ trời!”

Vậy là đợi cho tiếng súng thừa bớt, cả nhà chúng tôi chui lên khỏi miệng hầm bỗng bế nhau đi chạy loạn. Về nhà chú tôi mấy hôm, từ nhà chú tới nhà chúng tôi cũng ở trong khu vực An Cựu, cách nhau có mấy trăm thước mà chúng tôi không dám về qua nhà thăm. Mấy ngày liền ở trong hầm tối, Thái phân chia mọi người lo công việc. Lấy được ít gạo ít nước mắm trong nhà chú tôi thì Thái lãnh những thứ đó. Má tôi vẫn khur khur giữ xách quần áo mà hết một nửa là quần áo của ba tôi, khi chết không liệm hết được. Tôi giữ một xách nhỏ và cái cặp đờ. Vợ Bé gánh một gánh đầy nồi niêu, bát đĩa, gạo cơm. Mỗi người đều có việc đầy tay đầy chân hết và trẻ con thì được dặn dò là cứ bầu theo áo người lớn mà chạy.

Chúng tôi chạy xuống ngã mù u. Ban đầu ai nấy chạy hăng lắm vì tiếng đạn nổi lên ở đằng sau và tiếng máy bay vào thành phố. Nhưng khi đã bỏ xa được tiếng động kinh

hoàng đó rồi, chân tôi cơ hồ bước không vững nữa. Má tôi ngồi bệt xuống đường.

Một thanh niên từ phía dưới phóng xe Honda đi lên. Thái vẫy lại:

“Anh đi mô rứa?”

“Nghe nói trên ni có nhiều đồng bào tản cư, tui đi lên coi có ai cần chi giúp đỡ.”

Thái vui vẻ:

“Chúng tôi đang cần giúp đỡ. Dưới đó yên không?”

“Yên chớ. Dưới nó họ chỉ tràn vô ban đêm. Ban ngày ai lo chuyện nấy, có chi mô.”

Thái mừng rỡ:

“Vậy bạn chở bác tui một đoạn. Chở rồi bỏ nơi chợ Thùỵ Dương một, tui tui xuống bây chừ.”

Má tôi vội vàng trèo lên đằng sau xe.

“Bác ôm cho chặt.”

Anh thanh niên phóng như bay, chỉ một thoáng má tôi khuất dạng đằng xa. Tôi gắng gượng đứng dậy tiếp tục theo Thái. Dọc đường, tôi gặp không biết bao nhiêu đoàn người đang đi tản cư.

Họ bồng bế nhau, gồng gánh, vừa đi vừa chạy vừa ngoái lại nhìn về phía sau, thành phố đầy tiếng nổ lớn nhỏ.

Một người đàn bà vừa đi vừa khóc:

“Tui thoát được mình tui, tui chạy được tới đây rứa còn chồng con tui sống chết ra rãng hả trời? Ra rãng đây ông trời?”

Bà nhìn lui thành, nhìn lên ông trời. Ông trời vẫn một màu chì, sẵn sàng chảy thành nước mà không đủ sức chảy. Một chiếc xe bò khác đi lệt đệt sau một đám người khoảng chừng mười mấy người. Chiếc xe bò do hai người đàn bà đẩy, trên xe có hai người nằm, họ được đắp bằng chiếc

chiếu cũ.

Tôi nhìn thấy bốn cái chân thông xuống, lòi ra ngoài chiếu, bốn chân đều dính bê bết máu. Chiếc xe không thể đẩy nhanh hơn vì sức lực hai người đàn bà đã hầu kiệt. Một người đàn ông trên vai vác một đứa nhỏ, đứa nhỏ bị thương máu ra gần hết, nét mặt xanh xao đang gục trên vai người đàn ông, ánh mắt mở lờ đờ nhìn theo đoàn người đang chạy đằng sau, như lấy hình ảnh để canh chừng sự sống. Những giọt máu rơi vãi trên mặt đường, những bàn chân khác tràn tới làm nhòe đi hoặc xóa bỏ. Tôi nhớ lại đoàn người cầm cờ trắng đi trong thành phố đạn lửa, đoàn người từ Phú Cam đi xuống, cha có sư có, người lành lặn dìu người bị thương, người sống còn gắng gượng cố áo mình đắp cho người chết. Đoàn người đó lưu lạc về đâu rồi, liệu họ có tìm được con đường để về Phú Lương, Phú Bài như chúng tôi không?

Bất chợt tôi cũng quay lưng lại nhìn thành phố.

Tôi nhìn thấy những ống khói cao mù. Tiếng súng xa dần nhưng hết sức khốc liệt. Tiếng đại bác nổ ình ình, thỉnh thoảng có trái sai tọa độ rớt thật gần đoàn người chạy loạn. Họ nằm cả xuống, còn tôi, tôi bị Thái xô ngã xuống đường:

“Chạy đi chứ chị.”

“Chạy thì chạy.”

Chạy. Phải chạy. Tìm một con đường thoát.

Chương 6

Đi về trong lửa đạn

Chúng tôi chạy qua mấy cánh đồng bỏ không, ngập nước, qua vài khoảng đất trống cây cỏ mọc hoang vu thì dẫn tới một xóm nhỏ. Vài mái nhà thừa thớt ven đường. Thái mừng rỡ kêu lên:

“Có quân đội mình đóng đây rồi.”

Thấp thoáng sau đoàn người chạy loạn, tôi nhận ra bóng một vài quân nhân đang đeo súng đứng lấp ló trước một cổng rào. Thôi, thế là thoát nạn, chúng tôi đã đến vùng bình yên. Má tôi trong một cái quán chạy ra:

“Má đây nì, má đây nì.”

Thái kéo tôi vào hàng hiên của cái quán. Quán bỏ không, ở giữa quán một cái hầm cát to tướng, choán hết cả gian nhà. Bên cạnh chiếc quán là một cái nhà gạch bỏ không, lính Mỹ và lính Việt đang gác ở đó. Người lính Mỹ và hai anh lính Cộng Hòa đi soát giấy từng người. Tôi không nhớ là cái thẻ căn cước để ở đâu nữa, nhưng rồi cũng tìm ra.

Vợ Bé đặt gánh xuống, ngồi ôm đứa con nhỏ thở dốc:

“Thôi, sống rồi.”

Nhưng Thái và Bé vẫn có vẻ e dè lắm. Một toán người dừng lại ở quán, họ khiêng theo một người đàn bà bị

thương, đạn phá tung cả nửa mảnh ngực, chỉ còn thoi thóp thở. Mấy anh lính chạy tới, rồi một người Mỹ khác chạy tới đỡ chiếc chăn đắp kín người đàn bà lắc đầu. Tuy nhiên người Mỹ cũng vội vã đi trở ra, nói cho xe chở. Mấy người lính Mỹ khác lắc đầu, đưa tay ra dấu tuyệt vọng. Chiếc xe bỏ chở hai người bị thương cũng đã tới nơi. Một người đã chết, một người ngất ngỏi. Người đàn bà vật mình vật mẩy khóc lóc. Bà ôm lấy xác chết, bà bỏ lê dưới đất:

“Ông ơi, con chết, cháu chết, tui còn mình ông, ông cũng bỏ tui ông đi.”

Người đàn bà cùng đẩy xe bò với người kia cũng khóc:

“Ông ơi, ông khoan chết, ông chết rằng cho đành ông ơi.”

Bà ta mở chiếu, sờ tay vào đầu kẻ hấp hối, mở banh đôi mắt lơ dờ đã khép kín, cứng lại:

“Đừng ông ơi, ông đừng bỏ tui.”

Hai tiếng khóc, một của người tuyệt vọng, một của người còn bám lấy chút hy vọng mong manh bật lên, người này cổ gào lớn hơn người kia. Cuối cùng, một trong hai người đàn bà chạy tới cầm tay một trong mấy người lính đứng coi cùng mấy người Mỹ, lạy lục:

“Lạy anh, anh mần ơn chở chồng tôi xuống dưới Phú Bài.”

“Không có xe. Xe mô mà chạy qua đồng dưới nó là họ bắn liền. Chịu.”

“Cứu giùm chồng tôi ông ơi.”

Bà ta lại nắm tay một người Mỹ. Người Mỹ lắc đầu. Thái cũng lẳng xằng:

“Hay có thuốc chi đem rịt vết thương cho họ may ra...”

Người lính người Việt, như đã quen với không khí này lâu lắm:

“Ôi, công cốc. Không kịp mô mà làm...”

“Thì kệ...”

“Mà mần chi có thuốc. Thuốc tiên lúc ni cũng chịu...”

Người đàn bà xô người Mỹ ra rồi chạy lại chiếc xe. Bà dỡ chiếc chiếu, rồi trợn mắt, nghiêng răng và ngã vật xuống:

“Thôi rồi...”

Bà đập đầu xuống đất, bà đập tay xuống đất, bà ngẩng mặt lên trời:

“Trời cao, đất dày nì, chồng tui... trời cao đất dày nì...”

Bà lẫn lộn, rồi bà lại chồm dậy:

“Thôi đi, thôi đi đi mụ Tứ. Mình lên thành phố lại.”

Người đàn bà nọ đang khóc lóc muốn ngất đi, nghe tiếng gọi, lau giòng nước mắt:

“Đi lên phố hỉ?”

“Đi lên trên nó chết chung với nhà với cửa, với chồng với con luôn. Sống mần chi nữa trời.”

Mọi người đổ lại khuyên can. Nhưng không làm lay chuyển được lòng hai người đàn bà đã tuyệt vọng đến cùng cực. Họ nhìn về phía súng nổ, lửa cháy, chỉ tay la hét:

“Cháy hết. Cháy hết đi. Tui cảm gan tím ruột rồi đây. Trời ơi là trời.”

“Đi đi. Họ không thương mình mô. Ai mà thương mình lúc nì, hả trời...”

Ông trời cũng đã động lòng, sụt sùi. Những hạt mưa bay lất phất, bầu trời lam chì đã chảy nước.

Hai người đàn bà vừa đẩy xe trở lại thành phố vừa khóc lóc. Họ không nhìn lui nhưng tiếng khóc của họ còn quện mãi trong làn mưa, trong không khí căng tràn buồn thảm. Chiếc xe bò xa dần, hai bóng người ỳ ạch đẩy xe nhỏ dần trên đường dài, tiến mãi với vùng lửa đạn. Một người lính nói theo:

“Mấy mụ đó điên mất rồi.”

Không ai phê bình gì nữa. Hai người đàn ông khiêng cái

cánh có người bị thương chột hỏi một người lính:

“Trong làng có trạm cứu thương không?”

“Chờ vô đi, có dân vệ trong đó.”

Hai người đàn ông vội vã đứng dậy khiêng cánh đi. Một đứa nhỏ chạy lúp xúp theo. Một người đàn ông nói:

“Mai, đi cháu.”

Thằng nhỏ không trả lời, nó cầm cúi chạy. Một giọng đàn bà cất lên:

“Chắc con của người đàn bà đó.”

“Thằng nhỏ chưa biết gì hết, tội ghê.”

Thái họp cả gia đình lại bàn chuyện ăn ở. Vợ chồng Bé nói sẽ đi bộ xuống Phù Lương nhưng Thái ngăn lại. Trời chiều rồi, đi cũng không kịp nữa. Đoàn người dừng chân bên quán cũng đã tản mát vào trong xóm hết. Tôi hỏi Thái đây là đâu, Thái nói vô trong một chút nữa là thôn Thủy Dương Hạ. Vợ chồng Bé điều đình với chủ quán xin ở đậu một hôm. Người chủ quán nói:

“Ở đây thì nằm ngoài hè chớ hầm chật rồi.”

Bé sực nhớ có người quen. Thái nói:

“Em cũng có người quen, thôi mình chia ra làm hai để bớt phiền họ phần nào.”

Thái có ông cậu, ông anh của má nó. Vậy là má tôi, chú tôi, tôi với Thái tách ra để đến nhà cậu Giáo. Vừa thấy mặt chúng tôi, cậu Giáo đã chạy ào ra:

“Trời đất ơi, răng chạy được về dưới ni rồi. Nam mô A Di Đà Phật. Phước đức may mắn quá. Vô đây, vô đây đã chị...”

Má tôi bật khóc:

“Tưởng chết hết rồi chớ mô nữa anh ơi. Chuyển ni là hết rồi...”

“Ôi người còn là được. Chị vô đây, vô đây đã...”

Tôi hỏi:

“Cậu, dưới ni yên không?”

“Ôi, có chi mà không yên. Mấy bữa ni, họ về dưới ni biết cơ man mô mà noái cho hết. Họ chạy ngang đây rồi họ về Phù Lương hết. Về dưới Phù Lương, Phú Bài nghe yên lắm.”

Má tôi lại đổi ý:

“Hay mình về Phù Lương.”

Thái can:

“Không được, phải ở đây để dò tin tức của anh Lễ, mần răng cũng có người ở Từ Đàm về. Họ về tới là mình chặn hỏi thăm liền. Bác để con.”

Chúng tôi vừa ngồi yên ở bộ phận thì bỗng có tiếng nổ ình long trời lở đất. Không ai bảo ai, má tôi, chú tôi, tôi và Thái cũng nhào xuống đất. Nhưng kìa, mọi người vẫn ngồi im. Cậu Giáo cười:

“Chi rứa. Trên đồi họ bắn đi đó mà.”

Tôi chợt hiểu, ngọn núi phía trong ở bên kia đường là nơi đặt đại bác bắn vào thành phố. Những quả đại bác bắn đi ở đây đã gây bao nhiêu chết chóc ở trong thành phố kia. Nhưng tôi cũng hiểu là không còn làm thế nào hơn được. Tôi leo lên phản gỗ ngồi mà vẫn chưa hết run. Một vài tiếng súng bắn lẻ tẻ trong xóm. Cậu Giáo nói dân vệ đi tuần họ bắn. Tôi hỏi ở đây Việt cộng có về tới nơi không, mợ Giáo nói:

“Đêm họ về hoài, mà kệ họ, mình ở trong nhà, đêm đừng mở cửa. Họ đi ngoài vườn kệ họ.”

“Họ có soát không?”

“Ở xóm dưới họ có về bắt, ở đây thì không. Đây gần đồn, có lính gác mà sợ chi.”

Nhưng cậu Giáo cẩn thận:

“Kể ra mình cũng phải để tâm chó. Đêm tuyệt đối đừng có nói chuyện, cựa mình chi hết. Họ vô đó.”

Thái đề nghị đào thêm hầm. Tối hôm đó, mọi người lẳng xăng sửa lại hầm. Nhà dựng được thêm một cái hầm nổi nữa. Trời chạng vạng là cậu Giáo bắt mọi người không được ra sân hay lấp ló ngoài cửa. Ngoài đường không còn một bóng người đi lại, kể cả lính Việt và Mỹ cũng rút vào những nơi an toàn. Tôi bỗng linh cảm như sắp có chuyện gì xảy ra. Giữa cảnh yên lặng như đang lắng lòng chờ đợi một chuyện gì đó.

Nhưng đêm đầu tiên ngủ ở Thủy Dương Hạ không có chuyện gì xảy ra hết. Sáng sớm hôm sau, ngủ dậy, tôi nghe tiếng chim hót. Tôi lần ra sân rửa mặt súc miệng, rồi cùng với người con dâu của cậu Giáo đi ra ngõ coi tình hình. Mọi sinh hoạt vẫn bình thường, trước cửa nhà, bên kia đường, nơi đình, chợ vẫn đông. Nhưng sự đông đúc có một vẻ gì khác thường. Lài kéo tôi sang phía chợ, nơi hàng bán cháo lòng, người đứng người ngồi, họ ăn uống xô bồ. Bên cạnh đoàn người đang ngồi đứng đó, còn những đồng hồ cao ngất, những thùng gióng. Hình như họ mới tản cư về sáng nay. Tôi lại hỏi thăm. Nhưng ai cũng chỉ biết chuyện người đó. Nhiều người ở An Cựu, nhiều người ở tận dốc cầu Nam Giao, nhưng họ cũng chả cho tôi biết gì hơn ngoài những tin tức đã nhận được. Một người nói cho tôi biết là ở trên kia, còn nhiều người bị thương. Lài kéo tôi bảo lên coi. Cô nàng chưa bị chạy loạn, từ hôm Tết đến nay, ở Thủy Dương Hạ yên ổn quá, chả biết sợ là gì. Nhưng tôi thì khác, một tiếng súng, một tiếng động lạ cũng làm tôi giật mình. Má tôi đứng ở trong sân, thấy chúng tôi đi xa thì gọi lại bảo đừng có đi. Tôi nói vài câu cho má tôi an tâm. Câu mà má tôi bằng lòng nhất là khi tôi nói may ra ở trên đó có người ở Từ Đàm về.

Trời vẫn mưa bay, nếu không phải chạy loạn, những ngày

đầu xuân mưa phùn thế này thật tuyệt diệu. Nhưng lúc này tôi không còn đủ sức để ngắm phong cảnh nữa. Những đoàn người từ Huế tản cư về vẫn là cảnh chính đập vào mắt tôi. Tôi nôn nao, gặp ai cũng hỏi thăm dù biết là những câu trả lời của họ giống nhau hết.

“Bác ở mô về đó?”

“Ở An Cựu.”

“Bến Ngự.”

“Ở cầu Nam Giao.”

“Trên đó ra rằng rồi chị? rồi mẹ? rồi bác? rồi anh?”

“Tan nát hết. Tan hết rồi.”

Câu nói chạy vút theo những bước chân. Đoàn người nào cũng vừa đi vừa chạy như sợ tiếng súng sẽ theo kịp. Lại kéo tay tôi:

“Thôi đi, hỏi ai cũng như nhau hết.”

Tôi đi theo Lại, nhưng hề gặp là hỏi. Kẻ trả lời, kẻ không buồn mở miệng. Kệ, tôi như nhiễm một thói quen khó bỏ và dù những câu trả lời rất giống nhau mà mỗi lần nghe tôi vẫn còn bỡ ngỡ, lạ lẫm như khám phá thêm một điều lạ nữa.

Chúng tôi đi qua một khoảng đất trống, cái quán nhỏ và khu đồn binh hiện ra. Ở đây thật là một cảnh hỗn độn, người ngồi người nằm la liệt bên đường, trong sân, trước quán. Mấy anh lính, mấy anh dân vệ lằng xằng soát giấy người này, hỏi thăm người nọ. Mấy người Mỹ đứng ngắm đoàn người rồi nhe răng cười vô duyên, chả hợp tình hợp cảnh chút nào. Những người bị thương được sắp một nơi và đã có mấy y tá trong vùng ra băng bó. Hỏi thăm mới biết là đoàn người này từ nhiều nơi đổ về. Họ cho biết cầu Tràng Tiền đã sập, cầu An Cựu cũng đã sập. Có người ở bên phố thoát được nhờ mạo hiểm đi đò. Mỗi chuyến đò chở

một người sang sông phải trả trên năm ngàn đồng.

Nhờ hỏi thăm những người mới về sáng nay, mà tôi biết Huế đã đánh nhau khắp nơi, bên phía Quốc gia chưa chuyển quân mà mới bắn đại bác và thả bom. Máy bay liệng suốt ngày. Máy bay còn kêu gọi dân chúng cố đồn về phía hữu ngạn để thoát tay Việt cộng nữa. Tôi được biết là ở trường Đồng Khánh, Quốc Học và trường Kiểu Mẫu đã trở thành những nơi tạm cư cho đồng bào. Họ ở những nơi này cũng như đùa giỡn với tử thần vì những trái đại bác bất chừng hoặc bị kẹp giữa hai phe đánh nhau, ngày nào cũng có người chết. Tôi cố hỏi thăm tin tức vùng anh tôi ở, nhưng họ lắc đầu hoặc cố mò đoán trả lời thì cũng càng bi quan hơn, chả hạn như:

“Trên đó nát hết rồi, thành bình địa rồi.”

Có người còn nói y như mình đã chứng kiến tận mắt:

“Trên đó thì chỉ có Việt cộng chớ dân thì còn ai nữa. Nội đại bác bắn ngày đêm, mười mấy ngày nay cũng đủ chết rồi, đừng nói súng đạn, đừng nói chuyện họ đấu tố. Tui ở Bến Ngự mà thấy mùi hôi bốc xuống nì. Chó nó lên tha cả cánh tay, cả khúc chân còn đầy thịt, rùng rợn lắm.”

Một người còn thêm:

“Trên nó chết không ai chôn, không còn cái nhà mồ nguyên vẹn. Mấy hôm trước có người trốn về nói cho tui nghe rứa đó.”

Thôi, như vậy tôi còn hy vọng gì gia đình anh tôi còn sống nữa. Cả cô em gái mà khi ba tôi từ già cõi đời, mắt vẫn dán chặt vào khuôn mặt nó như muốn gởi gắm những người ở lại. Mấy đứa cháu nhỏ nữa, mấy năm nay tôi mới về, bận việc tang chưa kịp bế kịp bông.

Nước mắt tôi muốn trào ra, và lòng tôi không còn chút hy vọng nào nữa. Nhưng lúc đó, tôi lại nghe một giọng khác

trả lời một người nào đó đang hỏi.

“Trên Từ Đàm hả? Cũng có người thoát chớ. Họ đi lên ngả Tây Thiên, trên đó yên lắm, nhưng khổ là ở đó lại đầy quân giải phóng. Bộ chỉ huy của họ mà. Nhiều người mắc kẹt nhưng mần rằng chẳng có người thoát được.”

“Bà đừng có lo. Tui ở dưới dốc mà cũng thoát được nì, cái nhà của tui không còn hòn gạch mô còn nguyên hết.”

Tôi lại hy vọng:

“Nhất định là gia đình anh tôi sẽ thoát được.”

Nhưng nghĩ tới bà chị dâu yếu đuối, một bầy cháu nhỏ với đứa em gái thơ dại, tôi lại lo lắng. Ông anh tôi cũng yếu đuối lắm, cuối năm, cái tang lớn làm anh tôi chết đi sống lại mấy lần. Cả mấy ngày đám, anh tôi không ăn được một bát cơm và hôm đưa đám tang ba tôi, anh đã ngất xỉu trước mộ.

Thấy tôi đứng lặng người, Lài kéo tay tôi:

“Thôi mình về đi, ở đây trông ớn quá trời.”

Giữa đường tôi gặp vợ chồng Bé, nó nói là nó ở lại đây đến ngày mai nó sẽ đi xuống Phù Lương, ở đây mà yên ổn gì. Tôi không trả lời. Thật ra, tôi cũng không còn có thể đoán ra nơi nào yên ổn hơn nơi nào nữa.

Má tôi đợi tôi ở đầu cổng, bà hỏi:

“Có tin gì không?”

Tôi nói cho má tôi yên lòng:

“Có người cho biết trên Từ Đàm họ tản cư lên Tây Thiên, Trúc Lâm nhiều lắm.”

“Rứa anh con rằng không tản cư, đi lên Trúc Lâm rồi vòng ngả núi Ngự Bình về An Cựu được chớ?”

“Chắc anh còn kẹt chuyện chi đó.”

Má tôi thắc mắc:

“Người ta tản cư hết, rằng nó chưa đi.”

Rồi bà nhất định ở lại đây để chờ. Khi vào nhà, mẹ Giáo mua cho tôi một tô cháo lòng.

Tô cháo lòng nóng hổi, thơm phức, nhưng khi nuốt miếng cháo vào cổ họng, tôi lại thấy đắng ngắt.

Lúc này mà tôi còn muốn ăn ngon, muốn sung sướng, quả tôi là một người ích kỷ. Tôi đang nhớ con tôi, chồng tôi. Tôi đang lo cho anh chị tôi, em gái tôi cùng lũ cháu nhỏ. Tôi có thật được sống rồi không? Và sống có mỗi mình.

Nước mắt tôi trào ra. Lại hỏi:

“Răng không ăn đi, nóng há. Ừ, tô của mình nhiều tiêu quá, ăn nóng chảy cả nước mắt đây nì.”

Lại lại cười. Tôi quay đi dấu đôi giòng lệ. Má tôi vẫn còn ngồi ngẩn ngơ trước tô cháo. Tôi lau nước mắt nói:

“Ăn đi má.”

Má tôi nói:

“Con ăn đi con. Tội nghiệp con quá, mười mấy ngày nhịn đói nhịn khát.”

Tôi chớp mắt, màn nước mỏng nhòa dần và tôi nhìn thấy rõ khuôn mặt má tôi. Bà đang nhìn tôi chăm chăm. Bát cháo còn đặt trước mặt và làn khói đã mỏng dần, sắp nguội lạnh. Mấy miếng huyết heo nổi lều bều.

Tôi bỗng rung mình, miếng huyết heo giống những vết máu bầm mà tôi đã nhìn thấy. Tôi đẩy tô cháo ra xa. Má tôi ôm mặt òa khóc:

“Mình thoát về đây ăn sung sướng, còn con cháu ra rãng hờ trời?”

Má tôi lại kêu trời. Không biết đã bao người nhớ tới ông trời để mà kêu trong những ngày biến loạn. Lại an ủi:

“Thôi bác, bác có khổ sở thì chuyện đã xảy ra. Còn có may rủi mà bác.”

Thái đã ăn hết tô cháo của nó. Nó lại đẩy tô cháo về phía tôi:

“Ăn đi chị. Có mà ăn, người ta chết về súng đạn, chết đói đầy đường.”

Tôi cố nuốt vài miếng cháo cho má tôi và Thái vui lòng. Nhưng mỗi miếng cháo nuốt vào cổ, tôi nuốt theo cả sự xót xa bất nhẫn. Lúc ở ngoài đường, tôi đã nhìn thấy một đứa bé nhìn chăm chăm vào bà hàng cháo, nó đòi ăn nhưng bà mẹ cứ gạt đi, bế chạy về phía con đường dài. Đứa bé chòi đạp hai chân và khóc nhưng tiếng nó đã khản đặc, không còn ra hơi nữa.

Mợ Giáo kể chuyện ngóng được ở những người chạy loạn cho cả nhà nghe.

Cậu Giáo lo lắng:

“Không biết mình có lấy lại Huế được không. Trên đó mất thì dưới ni mình cũng không sống nổi!”

Mợ Giáo nguýt dài:

“Cái miệng của ông coi chừng đó. Túi qua họ về họ bắt đi mấy người đó tề. Có một hai người chỉ ở trên Huế về trốn họ cũng bắt. Người ta điềm chỉ đó nghe, cứ tin mà chết khi mô không biết.”

Má tôi lo lắng:

“Rửa mình ở nơi ni không được rồi.”

Thái tin tưởng:

“Bác cứ yên trí đi, họ không biết mình là ai mô. Chạy đi mô cũng rửa hết, ở mô cũng có họ rồi.”

Thái cố làm cho má tôi yên trí mà ở lại đây, chớ đọc qua đôi mắt nó tôi hiểu là nó đã quá mệt mỏi, liêu đến đâu hay đó. Cậu Giáo mừng nó ăn mặc sạch sẽ, biểu lấy quần áo nhà quê mà mặc. Mợ Giáo cũng đưa cho tôi bộ đồ đen rộng thùng thình. Má tôi dặn tôi phải bôi tóc kiểu Huế lên cho cao, lỡ đêm họ có vào hỏi thì nói là dân làm rẫy. Tôi soi người trong tấm kiếng và bỗng thấy mình xa lạ hẳn, tôi

nhìn tôi cũng không còn nhận được nét quen thuộc nữa.

Từ giờ phút đó cho tới trưa chiều, tôi không rời mắt khỏi đường cái. Những đoàn người chạy loạn về càng lúc càng đông. Có hỏi họ chỉ khoát tay chỗ lại đằng sau với một câu nói vội vàng: Đánh nhau sau đó, chết hết. Đến trưa chiều thì tôi thấy có người chở cả xác chết trên xe đạp mà chạy về.

Một gia đình ông bác sĩ ở đầu dưới dốc Nam Giao chạy về được Thủy Dương Hạ, họ đem theo được một chiếc xe Honda để tải đồ. Mấy cô con gái mặt không còn hột máu, ngơ ngác ngác ngồi nghỉ chân bên lề đường. Ông bác sĩ gọi gánh cháo lòng, mỗi người ăn tới bốn năm bát, vừa ăn vừa thở, nét mặt đang khổ đau rạn vỡ dần.

Một gia đình khác cũng chạy về tới đây thì kiệt sức, họ dọn dẹp một góc đình để ở tạm qua đêm. Bà mẹ lên cơn suyễn, chiều hôm đó bà chết. Người ta bu lại coi đông như kiến. Xác người đàn bà to béo nằm chình ình trên chiếc chiếu, mắt trợn ngược, hai tay còn nắm chặt gờ không ra. Người chồng ngồi bên xác vợ thở ra thở vô, lâu lâu lại nhìn về phía thành phố Huế, những đụn khói cao ngất đang dần mãi lên bầu trời màu chì như chiếc lưới xám của con quái vật. Xế chiều họ dọn đi đâu mất, khi tôi trở ra thì thấy nơi góc đình chỉ còn bỏ lại có chiếc chiếu. Tức thì một gia đình khác thay ngay vào chỗ đó. Chiếc chiếu thành nơi nằm ngồi của cả một gia đình mười mấy mạng người.

Là kể cho tôi nghe một chuyện đã trông thấy. Hấn nói, về mặt vừa cảm động vừa tức cười:

“Hồi chiều có một cô gái mặc đồ cao bồi, ôm cái áo măng tô mà khóc sụt sùi. Cô ta đi vô xóm, giơ áo măng tô ra đổi lon gạo mà không ai đổi. Cô khóc. Mình hỏi chuyện cô nói cái áo măng tô của bồ cô mua bên Mỹ, gửi về tặng. Cô

đổi quá, muốn đổi lon gạo mà không ai đổi. Mình định vô lấy gạo đổi mà mẹ mình không cho. Nói để cái áo nó trong nhà lỡ họ vô họ nói mình thân Mỹ, họ bắn luôn. Cô nó đi ga hoài, vừa khóc vừa năn nỉ mà chả ai đổi hết.”

Thời buổi này cả vàng bạc, châu báu, ngọc ngà cũng không quý giá gì hơn, miếng đất còn có ích để chôn xác chết chớ vàng bạc đâu có no được. Hột gạo lúc này là hột châu, quý giá hơn tất cả mọi thứ trên đời. Mẹ Giáo đã dặn dò là nấu cơm phải cho nhiều nước để ăn mau no và nhớ hà tiện gạo.

Ngày chiều hôm đó, Thái đi vận động bà con mua hoặc xin mỗi nhà năm ba lon, nó kiếm được gần nửa bao gạo. Thấy Thái vác gạo về, mắt má tôi sáng rõ:

“Thằng ni tài quá.”

Thái vất bao gạo xuống đất:

“Ăn hết chừng ni mà chưa yên là chết đói luôn. Không ai dám cho hay bán thêm một hột thóc.”

Dì Vạn của Thái chạy tới hỏi:

“Có ai mua vàng không? Ngoài đường, đoàn người tản cư về, họ bán một lượng vàng có mấy trăm bạc hoặc đổi lấy gạo.”

Mẹ Giáo cười cay đắng:

“Một cục vàng đổi một hột gạo cũng không được. Có mà điên.”

Thái nhìn làn mưa bụi, than thở:

“Mưa ri khó đánh lăm. Bên mình có hơi cay nhưng mưa như ri làm rãng mà thả được, nước mưa sẽ làm trôi hết.”

Cậu Giáo lắc đầu:

“Thôi, có người ta có mình, mi than thở làm chi.”

Mấy đứa con nít bỗng từ ngoài đường chạy ùa vào, mặt mày hót hơ hót hải. Rồi tiếng cả một đoàn xe rầm rộ kéo

tới. Tôi nhìn ra đã thấy một đoàn xe Mỹ chạy từ phía Phú Bài lên. Nhiều người Mỹ nhảy xuống xe, nằm sát hai bên đường và bắn chỉ thiên ròn rã. Họ bắn cả vào rẫy, vào núi. Cậu Giáo hét mọi người vô hầm. Tất cả các cửa ngõ đều được đóng chặt lại.

Tiếng súng nổ như bắp rang từng loạt rồi xa dần. Đoàn xe rần rạt chạy qua, có nhiều người chạy vào nhà, không kịp nằm mọp ngoài sân nơi chiếc bể cạn đợi đoàn xe chạy qua hết, tiếng súng xa dần mới đập cửa rầm rầm. Má tôi thì thầm:

“Má thấy ở nơi ni cũng không yên chi hết. Răng mà má lo quá con ơi.”

Má tôi lại có ý định đi tản cư nữa. Lần này thì chính má tôi đề nghị. Nhưng tôi đổi ý. Tôi biết là có chạy đi đâu thì tình cảnh cũng chả khá hơn. Má tôi làm thinh.

Ngoài đường đã hoàn toàn vắng vẻ. Bóng tối ập xuống rất nhanh. Mưa bụi dày dần và không khí lạnh toát. Má tôi ngồi bó gối trong góc phản gỗ, nhìn ra ngoài bầu trời đang đen dần. Bữa cơm hồi chiều tôi ăn được lưng một bát, còn má tôi ăn xong một bát thì lại khóc, những giọt nước mắt lăn xuống bát cơm và má tôi vội vàng bỏ đĩa.

Hai chiếc hầm nổi đầy nhóc người, không có chỗ cựa quậy nữa. Tôi muốn qua bên o U ngủ nhờ, nhưng không dám bước ra sân. May quá, Hiền gõ cửa và gọi. Tôi theo Hiền qua nhà bên cạnh. Hiền là một sinh viên mỹ thuật, bà con bên ngoại của Thái. Căn nhà của Hiền ở khuất mặt đường hơn và đã đào được cái hầm sâu xuống nhà khá rộng. Hiền đốt ngọn đèn chỉ cho tôi coi mấy bức tranh mới vẽ. Nhưng tôi chả thưởng thức được gì, chả nhận được gì, đầu óc tôi căng thẳng tột độ. Tôi đang lo sợ nay mai tiếng súng sẽ tới đây, và chắc chúng tôi không còn

sức để chạy nữa.

Hiền nói:

“Có mấy thanh niên tìm chị, họ hỏi em mà không biết ý chị ra rằng!”

Tôi mỉm cười: Thôi, em tha cho chị, bây giờ mặt mũi chị thế này, quần áo rách bươm thế này. Để một dịp khác, nếu còn được sống. Thủy Dương Hạ là nơi chị ghi ơn trong những ngày chạy loạn. Tôi nhớ tới những hột vịt lộn Hiền bỏ trong túi giấm dúi đưa cho tôi ăn, tôi nhớ một vài khuôn mặt trẻ nhìn tôi nửa thương hại nửa buồn cười. Phải, tôi buồn cười lắm. Nhưng điều đó đâu có quan trọng gì, miễn là tôi sống được.

Đêm đó, tôi không nằm hầm mà nằm nơi chiếc giường rộng với o U, với cô con dâu của o U và đứa cháu nhỏ. Trời lạnh buốt, tôi trùm chăn kín đầu. Chiếc áo măng tô của ba tôi, tôi vẫn mang kè kè bên mình, kể cả lúc ngủ.

Thôn xóm im vắng một cách khác thường, không có cả tiếng chó sủa. Không có một tiếng súng nhỏ. Chỉ có tiếng đại bác trên ngọn đồi nhỏ bắn đi đều đều và tiếng ình ình một nơi xa vọng lại. Nơi xa đó là thành phố Huế, là Thành Nội, Từ Đàm, An Cựu, Nam Giao... Mỗi tiếng ình như xoáy tim tôi, tôi biết rằng, khi tôi được nằm yên ổn ở nơi đây thì trong thành phố đó, bao nhiêu người đang chết súng chết đạn, chết đói chết khát. Bao nhiêu lồng ngực muốn vỡ tung, bao nhiêu giọt nước mắt hòa lẫn với máu.

Thao thức mãi rồi tôi cũng thiếp đi. Tôi chìm vào một cơn mơ dữ dội. Tôi thấy tôi chạy loạn cùng khắp các ngã đường trong thành phố. Những khuôn mặt các anh giải phóng như những người khổng lồ, luôn luôn muốn nuốt chửng tôi. Những trái đạn rơi đằng sau lưng, rơi đằng trước mặt. Và tôi cứ chạy, y hệt như những cảnh tôi sống qua. Sau

lưng tôi những xác chết bật tiếng khóc đuổi theo, cả những bàn tay, khúc chân cũng chạy theo nứu nữa. Dưới chân tôi máu chảy như suối. Nào xác Việt cộng, xác trẻ em, xác lính, xác Mỹ, xác bà già nằm ngổn ngang bít kín đường. Mặc, tôi bước qua xác họ và chạy tới đằng trước. Nhưng tôi bị kẹt giữa hai đụn khói khổng lồ. Trước mặt tôi cháy, sau lưng tôi cháy. Những đoàn người chạy loạn xuôi ngược, đập bừa lên nhau. Tôi nhận ra trong đoàn người có cả đoàn người cầm cờ trắng chạy qua sông một ngày nào. Có cả má tôi, em Thái, anh Lễ, bé Hà chạy tít đằng xa và bỏ cách tôi.

Ở bên này cầu, một anh lính giải phóng bắc tay làm loa: Đồng bào hãy ở trong nhà, đừng ra đường. Ở bên kia, một anh lính quốc gia gào lớn: Hãy về phía hữu ngạn. Tản cư về phía hữu ngạn. Tôi không còn nhận ra phương hướng nào nữa. Nơi nào là hữu ngạn? Nơi nào là tả ngạn? Những dòng máu đã chảy ra tới bờ sông và mặt nước lạnh buốt có những làn chỉ hồng. Đống khói đằng sau lớn dần, đống khói trước mặt lớn dần. Khói bao bọc tôi, che kín mắt tôi, rồi những tiếng súng lớn nhỏ bắt đầu thi nhau nổ. Đoàn người kêu khóc, kẻ vượt chạy, người ngã xuống. Tôi cũng chạy theo. Nhưng không kịp nữa rồi. Một tiếng nổ lớn. Cả thành phố nổ tung theo. Người tôi như tan trong những mảnh gạch cát. Tôi còn kịp nghe tiếng kêu của tôi rú lên, bay vút lên bầu trời màu chì xám.

Có bàn tay kéo tôi dúm xuống đất: Chạy vô hầm. Mau lên. Tôi chột tỉnh. Một tiếng nổ rất gần rung chuyển cả căn nhà, mấy cánh cửa sổ bị bật tung cứ đánh ra đập vào liên tiếp. Tôi lăn tròn dưới đất mấy vòng thì tới miệng hầm.

Có lẽ tôi là người xuống hầm chậm nhất. Một tiếng nổ nữa tiếp theo. Mái nhà kêu rạt rạt như muôn ngàn mảnh vụn đang trút xuống trên mái tôn. Thì ra tiếng nổ trong

cơn mơ của tôi kéo đổ một thành phố trùng hợp với tiếng nổ giữa đêm nơi làng quê này. Bàn tay ai bên sườn tôi run lập cập. Một tràng súng nhỏ nổi lên khắp nơi. Họ đánh nhau tới nơi rồi. Tôi nắm chặt lấy tay o U. Tay o U cũng run lập cập. Tôi nghĩ tới má tôi, chú tôi và Thái ở bên nhà cậu Giáo. Chắc má tôi cũng đang run lên như chúng tôi ở đây. Giọng Hiền nói nhỏ:

“Chắc đánh nhau rồi.”

Có tiếng đập cửa. Mọi người im lặng, nín thở. O U bỗng cầu nhau: Tổ cha con chó, nó ra sân rồi. Tiếng con chó sủa lên từng hồi, tiếng súng nổ lẻ tẻ rồi tiếng chân chạy khắp vườn. Tôi nằm rạp xuống sát mặt hầm. Họ đi lòng bắt dân làng rồi. Số phận tôi rồi sẽ ra sao? Tôi nhớ tới lời Hiền bảo lúc tối là có mấy thanh niên đã nhìn ra tôi. Không, tôi đã sợ quá rồi nghi ngờ bậy, không thể ai còn đủ sức để hại ai lúc này. Tuy vậy, lòng tôi không xua đuổi hết sự ngờ vực.

Tiếng chân chạy ngang vườn rầm rầm rồi có tiếng hú, tiếng gọi nhau: Khai hỏa rồi. Quới ở đầu non. Lục ở cuối sông. Tiếng hô bắn. Đó là những ám hiệu. Nhưng không biết họ có soát nhà không. Đó là mối quan tâm nhất của tôi lúc này. Tiếng chân dừng lại ở sân. Rồi tiếng chân lại chạy đi. Tiếng hô xa dần rồi im lặng hẳn. Lúc này những tiếng súng lại nổi lên. Tiếng Hiền gắt gỏng một mình:

“Đợi đi hết mới bắn. Thiệt đồ ngu.”

Một lát sau, có tiếng dân vệ la hét ngoài đường: Đuổi theo, anh em ơi. Nhưng chỉ mấy phút sau lại hoàn toàn im lặng. O U bắt chúng tôi ngồi suốt đêm dưới hầm, không cho lên nhà ngủ nữa.

Sáng sớm, tôi chạy sang nhà cậu Giáo trong lúc chưa có một nhà nào hé cửa. Tôi đập cửa thành thịch. Bên trong nghe ngóng một hồi rồi cánh cửa hé ra chỉ vừa một người

lách vô rồi gài chặt lại ngay. Mọi người vẫn còn ở trong hầm. Má tôi đưa tay ôm chặt lấy tôi khóc vùi.

Thái thì thầm:

“Đêm qua bác lo cho chị quá, bác khóc cả đêm.”

Tôi ôm chặt má tôi hơn và không biết nói một lời nào để má tôi yên lòng. Chắc má tôi chẳng còn phút nào yên lòng nữa. Thái chỉ cánh cửa sổ bay mất từ bao giờ:

“Túi qua nổ mấy tiếng, mấy cái cửa bay hết rồi.”

Tiếng dì Vạn:

“Thì bom nó rơi đâu sát nhà mình nì. Tao nghe một cái rạt, tưởng cái hầm bay luôn. Tao cứ ôm cái đầu, tưởng cái đầu cũng tiêu luôn rồi.”

Mợ Giáo gắt:

“Dì rằng hay nói bậy rứa thê.”

Túc, con trai cậu Giáo, đùa:

“Bay đầu còn hai chun còn chạy được mà dì.”

“Nói rằng mà nói tào lao tứ đế. Ở nơi súng đạn mà cái miệng chạch chạch.”

Một lát sau thấy không có gì lạ và ngoài đường đã có người đi. Cậu Giáo mở cửa. Một mảnh bom nằm chình ình ở trước sân. Mọi người chạy ra coi ngó một hồi. Thái đi ra đường một lúc rồi về cho biết là tối hôm qua Việt cộng đã giật cái cầu vược nơi cổng. Nhưng giật luôn hai ba quả mìn mà không sập hẳn, chỉ lủng một lỗ lớn, xe không đi được nhưng đi bộ và xe gắn máy qua được.

Thái nói thêm:

“Túi qua họ về làng nhưng rồi rút đi hết. Chắc họ tưởng cầu sập rồi.”

Ngoài ngõ có tiếng gọi. Chúng tôi nhìn ra. Vợ chồng con cái Bé đang gánh gồng bỗng bế nhau đứng ở đó.

Tôi chạy ra:

“Đi mô vậy?”

“Đi xuống Phù Lương, ở đây không yên rồi.”

“Xa không?”

“Xa, người ta đi được mình đi được chứ.”

“Biết ở dưới đó có yên không?”

“Người ta đi rần rần.”

Bé nói:

“Hỏi bác với chị có đi thì đi, không tụi em đi.”

Thái lắc đầu:

“Ở mô cũng rứa, biết mô ra rặng mà đi.”

“Anh xuống dưới đó, anh tìm đồn lính trình diện luôn.

Tức quá.”

Thái làm thỉnh một lúc, suy nghĩ rồi hỏi:

“Anh có tin tức chi không?”

“Nghe nói thằng đồn trưởng của mi bị cắt cổ rồi. Cô cán bộ chạy về nói lại.”

Thấy Thái yên lặng, Bé tiếp:

“Mi ở đây rặng họ cũng về lòng họ bắt. Họ biết là nhiều người tản cư về đây rồi.”

Má tôi đã ra tới nơi. Chú tôi đòi đi theo vợ chồng Bé. Thế là gia đình tôi lại chia thêm một lần nữa. Thái đứng nhìn vợ chồng Bé đi khuất khỏi cầu vược, thở dài:

“Mình vô đi bác.”

“Thái nhất định ở đây?”

Thái mím môi:

“Ở đây.”

Má tôi rưng rưng nước mắt:

“Dù rằng đi nữa, ở nơi ni cũng gần An Cựu. Không biết trên ra rặng rồi...”

Tôi biết má tôi đang nhớ tới căn nhà, tới bàn thờ ba tôi và ngôi mộ mới trên núi Tam Thái. Hôm đi tản cư xuống Thủy

Dương Hạ, ngang qua đồng, má tôi nhìn lên phía núi hoài. Nhưng cũng như tôi, má tôi không thể phân biệt được mộ nào là mộ ba tôi. Nơi sườn núi là khu vực của người chết, và ngôi mộ nào cũng giống nhau như hệt.

Mấy ngày đầu ở Thủy Dương Hạ thật yên ổn. Nhưng từ hôm bắt đầu có tiếng nổ ở cầu vực thì ban đêm đại bác lại câu tới làng này. Tối nào chúng tôi cũng chui vào hầm thật sớm. Qua đêm thứ hai thì mấy tiếng nổ tiếp nữa, cầu vực hư hại hoàn toàn. Ban ngày Mỹ lên làm cầu, nhưng ban đêm thì họ rút về hết, nhường phần cho mấy anh giải phóng. Đến ngày sau nữa thì trong làng đã có vài nhà bị trúng đạn đại bác. Sáng nào cũng nghe người ta bàn tán xôn xao về những trái đại bác bắn ra ngoài sông, rơi vào nhà dân cư. Một hai nhà đã bị trợn. Ban đêm các anh giải phóng về lục soát bắt dân. Phía cầu vực đã bị chặn lại, lính canh gác không cho dân đi về Phù Lương nữa. Chúng tôi bị kẹt ở Thủy Dương Hạ và lại chờ đợi sự rủi may.

Một vài người trên Huế tản cư về cho biết là ở An Cựu đã được giải tỏa. Quân Mỹ và lính quốc gia đã chiếm đóng, làm chủ hoàn toàn. Vài người trở lên để chở của nhưng họ trở về khóc lóc thảm thiết. Nhà cửa nào không bị sập thì cửa đã bị mở tan hoang và đồ đạc không còn gì hết. Cầu An Cựu đã bị giật sập ngay khoảng giữa, sự qua lại hết sức khó khăn. Má tôi hỏi thăm kỹ càng lắm, họ cho biết tuy đã giải tỏa được, nhưng lính quốc gia và Mỹ chỉ lên có ban ngày, ban đêm rút trở lại Phú Bài hết. Trong làng lại có tin giặc sắp tới đây, ở trên phố thua, thế nào họ cũng rút về quê. Người ta sửa soạn để tản cư. Má tôi và Thái quyết định trở lại An Cựu.

Mấy ngày liền, tôi nhìn thấy những đoàn xe chở đầy xác chết và binh sĩ bị thương chạy trở về, qua làng. Nhưng

người ta vẫn ùn ùn kéo nhau trở lại Huế.

Nhưng đồng thời, cũng có đoàn người ùn ùn từ Huế kéo về. Kẻ chạy lên, người chạy xuống. Má tôi cho Thái đi dò đường trước. Nó đi khoảng chừng nửa buổi thì trở về:

“Nhiều người về An Cựu rồi bác. Mình về đi.”

Vậy là chúng tôi sửa soạn lên An Cựu. Má tôi dặn dò cậu Giáo nếu ở đây đại bác dữ quá thì lên trên đó. Mợ Giáo chia thêm cho má tôi ít gạo: Dù rằng đi nữa ở dưới ni cũng còn có thóc, giã ra mà ăn, trên nó kệt là chết đói. Mợ Giáo, cậu Giáo và cả nhà đưa chúng tôi ra một khoảng đường rồi mới trở lui. Thấy nhiều đoàn người gồng gánh kéo nhau về Phù Lương, má tôi lại do dự. Thái phải nói mãi má tôi mới thở dài: Thì thôi cũng đành. Thái nói ở lại Thủy Dương Hạ hết sức nguy hiểm, nó nghe phong thanh: đêm, Việt cộng đã vô xóm bắt những thanh niên đi.

Tôi thấy hơi yên tâm khi thấy có nhiều người đi trở lên, họ mang theo những thúng, gióng không. Tôi hỏi, họ cho biết là quân Quốc gia đã chiếm An Cựu họ đang kiểm soát trên đó, lên xem còn chi thì chở đi không bị trộm cắp lấy hết.

Tiếng đại bác vẫn nổ ình ình nơi phía thành Huế. Mặt má tôi tái xanh, môi bà run rẩy:

“Mần răng chừ, trên đó còn bắn nhau.”

Thái quả quyết:

“An Cựu về phía ta rồi, đại bác bắn lên miệt Bến Ngự, Từ Đàm.”

Quả đúng như lời Thái nói, lên tới Mù U, tôi nhìn thấy bóng những quân nhân thấp thoáng. Họ vác súng đi thành từng hàng, hoặc lẻ tẻ đứng gác ở hai bên đường. Lên tới đồn Trường Bĩa thì tôi càng vững lòng hơn nữa. Lính ở trong đồn rất nhiều. Phía ngoài, họ đứng gác cẩn thận lắm. Khi chúng tôi đi ngang qua, bắt gặp những tia mắt

họ nhìn, tôi muốn cười mà không cười nổi. Tôi chắc họ cũng thế, những đôi mắt nhìn chúng tôi cho tới khi chúng tôi đi xa. Một vài nhà hai bên đường hé cửa. Vài người thò đầu ra hỏi:

“Về lại hả?”

Má tôi gật gật đầu, hỏi lại:

“Yên chưa?”

“Ồ, được rồi. Đào hầm trốn đạn. May rủi biết mô bác ời.”

Một tiếng nổ lớn như xé rách màng tai. Chúng tôi vội vã nằm dạt xuống đường.

Một tiếng nói trong sân nhà nào nói vọng ra:

“Đạn mình bắn đó. Sau đồn Trường Bia bắn đi mà.”

Tôi đứng dậy, ngượng nghịu phủi đất rồi kéo má tôi đứng dậy theo. Bà nhìn quanh nhìn quất:

“Vắng quá, chưa có mấy người về.”

Rồi bà hỏi một đầu người trong một cửa nhà vừa ló ra:

“Mới về?”

“Không, tui ở nơi ni từ mấy bữa ni.”

“Không can chi hả?”

Người đàn bà thò đầu ra nhiều hơn, giơ hai ngón tay rồi chỉ về phía góc sân:

“Chết hai người.”

Tôi nhìn theo tay người đàn bà chỉ. Hai nắm mộ đất đắp sơ sài nơi góc sân lạnh lẽo không có một que hương. Tôi kéo chặt hai vạt áo măng tô rồi quay mặt đi nơi khác. Người đàn bà vẽ mặt choắt lại, không biết sự khắc khổ từ lâu hay mới biến đổi khuôn mặt bà ta. Nhưng bà không có vẻ gì bi thảm hết. Tôi rùng mình, mười mấy ngày rồi, họ chừng như đã quen với máu, với sự chết chóc bi thương.

Gần đến nhà, chân tay tôi run rẩy quá. Tôi vừa mừng vừa sợ. Tôi tỏ ý lo lắng ngôi nhà đã đổ nát, không còn toàn

ven nữa. Hôm đi xuống Thủy Dương tránh nạn, ngang qua đường cái, tôi đã cố nhìn vào ngôi nhà, nhưng đạn đặng sau lưng như xô tôi chạy tới, và những hàng cây loáng thoáng che khuất khu vườn. Trong những ngày ở Thủy Dương, biết đâu ngôi nhà đã sập. Người ta chả đồn đãi vài câu chuyện hết sức thương tâm và khôi hài là gì. Đoàn quân Mỹ lên An Cựu thấy ngôi nhà nào còn nguyên lành hoặc tình nghi là bắn bừa vào, bất kể bên trong có người hay không. Hoặc họ tràn vào nhà, đứng ở miệng hầm mà bắn tràn vào hầm. Họ sợ Việt cộng núp trong đó. Càng gần nhà, chân tôi càng bước mau hơn. Thái và má tôi cũng thế. Khi đi thì gia đình tôi thật đông, khi về chỉ còn má tôi, tôi với Thái. Dì Vạn với cô con gái đang sửa soạn, nói sẽ lên sau. Vợ chồng Bé về Phù Lương rồi. Thu cũng bỏ đi theo.

Khi sắp bước vô ngõ, khu vườn của chúng tôi khuất ở đằng sau một khu nhà khác và con ngõ đi vào dẫn tới cổng trồng hoa cần và chè tàu, tôi bỗng nghe tiếng gọi đằng sau. Thì ra chú tôi đang tắt tả đi theo. Vợ chồng Bé bàn tính như thế nào mà bỏ ông ở lại. Tôi đẩy cánh cổng sắt khép hờ. Ngôi nhà bỗng bừng sáng lên như chào mừng chúng tôi với những dấu hiệu mới mẻ. Mái ngói bị trụt hoặc lủng lỗ vì đạn rốc két, vì bom chơm. Trước nhà, bức tường nứt một khoảng lớn và những cánh cửa sổ bị sức dội của bom đạn mở toang hoang. Tuy vậy, hai cánh cửa chính vẫn đóng. Thái nhảy lên thềm trước tiên. Nó đặt bao gạo xuống, quay lại nhìn má tôi rồi móc túi lấy chìa khóa. Tôi thấy tay nó run rẩy và mặt nó tái đi. Cánh cửa mở, ánh sáng tràn vào căn nhà. Những đèn nến thấp dờ, những liễn đối, những bông hoa cườm đập vào mắt tôi. Tôi chạy ào vào nhà, gục đầu nơi bàn thờ ba tôi. Má tôi ngồi bệt xuống đất cất tiếng khóc. Và Thái, tuy đã theo công giáo và rửa tội từ lâu, nó

vẫn tìm hương thấp lên bàn thờ ba tôi ở gian trên, rồi cầm nắm hương còn lại thấp các lư hương ông bà, những người thân đã chết. Tôi nhìn lên bàn thờ ba tôi, tấm ảnh phủ vải đỏ cùng tất cả lư trầm, bàn nến đều phủ một lớp bụi dày. Mắt tôi chợt bắt gặp những lỗ thủng trên mái nhà và má tôi đang gọi Thái, tay cầm một mảnh bom hay đạn gì đó, sẵn sùì, xám ngoét màu kẽm.

Một lát, chúng tôi đi lục soát xem có mất mát gì không. May quá, những thứ chúng tôi bỏ lại đều còn nguyên, chỉ những thứ đem đi mới mất. Thái quả quyết là chưa ai vô nhà. Kể ra cũng chả ai thè vào ngôi nhà này làm gì, ba tôi vừa mới chết xong, khu nhà lại bỏ hoang không người ở từ lâu, hôm đám ba tôi xong, liền đen trắng hoa cườm, vàng hương đầy nhà, trông vào như một khu nhà mồ. Nếu ai lạc vào khung cảnh tang tóc, tiêu điều thế này, chắc cũng hoảng lắm. Nhưng vì đây là nhà chúng tôi, nơi kia là bàn thờ tổ tiên, nơi nọ là bàn thờ vừa thiết riêng cho ba tôi, tôi mới có được cảm giác ảm cúng và bình yên như thế này.

Má tôi bảo đóng bớt cửa sổ lại, cửa lớn cứ khóa bên ngoài trừ khi có việc gì cần đi ra ngoài, để họ lầm tưởng là nhà bỏ không. Tôi nhìn ra cửa sổ quan sát xung quanh hàng xóm. Bên khuôn tịnh độ Nam An thật vắng vẻ, những nhà xung quanh đó cũng thật vắng vẻ. Nhưng một lát, tôi thấy một ông già đi ra trước sân, dừng lại nơi cột cờ thường treo cờ Phật giáo khi lễ lạc, ông đứng ngó ra con đường vắng vẻ, hai tay chắp sau lưng. Tôi muốn gọi ông già hỏi chuyện nhưng má tôi đã kéo tôi trở vào. Thái nói:

“Mình phải làm hầm lại. Hầm này có chắc chi mô.”

Hai chị em tôi cùng với ông chú phụ nhau sửa lại hầm. Ngay chiều hôm đó, Túc và Lài từ dưới Thủy Dương Hạ lên. Túc cho biết dưới đó không yên và lên đây ở tạm. Một

lát Hiền cũng đi xe Honda vào. May thay, chúng tôi vừa bỏ Thủy Dương đúng lúc. Cũng trong chiều hôm đó vợ chồng Bé trở lại nữa. Đi giữa đường chúng nó đã bị chặn lại, nghe đâu dưới xa kia có xe bị bắn và tấn công, đoàn xe Mỹ bị kẹt lại, đêm nay chưa chắc đã về dưới Phú Bài được. Nhờ đồng người, chúng tôi mở cửa bếp. Dưới bếp, hồi trước ba tôi có cho một ông giáo viên thuê. Hôm Tết, vợ chồng con cái về quê ăn Tết và khóa cửa lại. Dưới bếp có sẵn một cái hầm nổi bằng bao cát, chúng tôi khuân tạm lên nhà làm một cái hầm nổi ở phía sau bàn thờ. Thái vừa làm vừa hỏi tôi có thấy chi lạ không. Tôi nói không. Thái nói khi hồi đi vô nhà, ngay qua cổng nhà đằng trước xây mặt ra hẻm vô nhà chúng tôi, Thái thấy nơi nhà đằng trước có một ngôi mộ trước sân. Trên mộ có nén hương và một nải chuối xanh. Tôi nhớ lại nhà hàng xóm đằng trước đã bị đạn và bốc cháy ngay sáng mùng hai, có mấy người bị thương chắc một người đã chết. Thái nói nhỏ:

“Bác gái đằng trước chết chôn ở đó. Họ đi mô hết rồi, nhà bỏ không.”

“Còn mấy người bị thương nữa mà.”

Thái lắc đầu nói: Em chịu. Thái cũng như tôi, làm sao biết thêm gì hơn nữa. Chúng tôi lại lằng xằng làm hầm. Ở trước khuôn có hiệu đồ mộc, Thái ra khiêng được mấy tấm ván khá tốt, đem vào kê hầm.

Chiếc hầm coi cũng tạm được, nó chia làm hai ngăn. Ngăn trong dành cho má tôi và mấy chị em. Ngăn ngoài dành cho đàn ông. May thay, nhà tôi vừa xong đám ma, có rất nhiều đèn cầy, thắp tới mấy tháng chắc cũng không hết. Thái lại tìm ra một thùng dầu hỏa. Ba tôi dạo còn sống vẫn ưa tích trữ đồ, ông sắp về hưu và định dùng khu vườn cùng nhà thờ họ này làm nơi an dưỡng tuổi già.

Chiều tối hôm đó, chúng tôi ăn cơm rất ngon. Cơm gạo giã tay, ăn với thịt kho mặn. Món ăn này do mợ Giáo đãi thọ từ lúc còn ở dưới Thủy Dương. Chúng tôi ăn thật nhiều cơm. Vì làm việc mệt và đói nữa, chắc má tôi phải nhường mất một nửa phần của bà.

Đêm đến, trước khi gài cửa ngõ cẩn thận và chui vào hầm, dì Vạn đốt hương trên bàn thờ ba tôi, lâm râm khấn nguyện. Rồi đi ra sân thắp hương vái bốn phương. Cây mai nơi bể nước vẫn còn lơ thơ mấy bông, dì đem hương cắm ở gốc cây mai đó. Chúng tôi nằm đất, lén sát nhau mà vẫn không đủ chỗ. Lài với Túc không chịu nằm hầm, trải chiếu nằm ngoài nhà. Má tôi lo lắng bàn tính chuyện những ngày sắp đến. Dì Vạn cầu nhàu nói, dù sao đi xuống dưới Phù Lương vẫn yên hơn là ở đây. Nhưng má tôi nói chạy đông chạy tây đã hết rồi, giờ về đây có chết cũng không còn tiếc chi nữa. Ở đây còn mong được biết tin con cháu.

Vợ chồng Bé và chú tôi thì lên nhà của họ phía trên đường rầy từ chiều. Bé cho biết trên đó người ta về cũng đông lắm rồi. Nhiều gia đình khi chạy còn nguyên lành, khi về thiếu mất vài mạng. Họ đã chết dọc đường. Má tôi dặn: ban đêm ai gọi cửa đừng mở. Thái khôn khéo ra ngoài khóa cửa lại rồi leo cửa sổ mà vào. Nó nghĩ rằng làm như thế có ai gọi họ tưởng là nhà bỏ không. Mà đúng như vậy, nửa đêm có nhiều tiếng súng nổ nhỏ, rồi tiếng chân đi ngoài vườn. Tiếng chân đi mạnh bạo không thềm dẫu diêm gì hết. Tiếng chân dừng lại ở trước cửa nhà rồi có tiếng gõ cửa. Tiếng đàn ông nói:

“Có ai không. Mở cửa. Mở cửa.”

Có tiếng khác gắt:

“Đồng chí chỉ hoài công, tối nào cũng gõ. Họ bỏ nhà hoang mà.”

“Khu vực này người ta về đông lắm rồi. Biết đâu chủ nhà đã về.”

“Nhưng nhà này có tên trong danh sách không đã chớ?”

“Có tên, nhưng ông già làm công chức đó đã chết rồi.”

“Vậy thì thôi. Con cháu họ ở kệ họ. Tôi đoán chắc chưa có ai về đâu. Nhà này ai mà dám ở.”

Tiếng chân xa dần. Có tiếng chó sủa trong xóm ra. Một lát có tiếng đại bác nổ gần. Lài chui tọt vào hầm. Chúng tôi phải ngồi dậy mới đủ chỗ. Tiếng đại bác rơi đều đều, xa có, gần có. Có tiếng quá gần, dội tức ngực làm chúng tôi co rúm người lại. Lài nắm tay tôi hỏi: Vân ngồi mô. Đây nì. Ở nơi nì dễ sợ rứa hỉ. Tiếng dì Vạn nói:

“Im đi, đừng có rì rào.”

Xa xa tiếng súng lại nổ ran. Đánh nhau ở đâu có vẻ lớn lắm. Chúng tôi thao thức lo lắng một vài giờ rồi cũng mệt quá ngủ thiếp đi.

Sáng ngày, dì Vạn dậy trước nhất. Dì ngóng ở cửa nghe động tĩnh rồi mới mở hé cửa. Ngoài đường vắng ngắt, nhìn nhà nào cũng hoang vắng đến dễ sợ. Thái chui ra sân trước tiên, rồi tới tôi, tới Lài. Buổi sáng trời vẫn lất phất mưa và lá cây trong vườn xanh một cách kỳ lạ. Qua những đám mây lam sà thấp, tôi bỗng hình dung được phía sau một bầu trời xanh lơ và ánh mặt trời rực rỡ. Má tôi, dì Vạn cũng chạy ra: Nam mô A Di Đà Phật, một đêm yên ổn đã qua. Dì Vạn chấp tay vái bốn phương trời. Chúng tôi nhìn nhau, mừng mừng tủi tủi. Lâu nay chúng tôi vẫn sát nhau kề cận bên những nguy hiểm mà không nhìn thấy nhau hay sao mà bây giờ, đứng trước sân lại mừng tủi như sau bao ngày gian nguy mới gặp nhau, thấy nhau vẫn còn lạnh lặn.

Nhưng con mừng tủi chưa dứt, ngoài quốc lộ, một đoàn xe Mỹ chạy từ Phú Bài lên, súng bắn rát vào hai bên ruộng.

Chúng tôi không ai bảo ai đều chạy vào nhà đóng chặt cửa. Đoàn xe Mỹ qua một lúc thì Thái lại nói:

“Có lính mình lên.”

Nó đứng bên cánh cửa sổ hé mở và nhìn ra ngoài. Má tôi nói:

“Phải sửa lại cái hầm. Thằng Thái nhớ đào thêm đất đổ lên cho dày nghe.”

Mặc dù cố gắng hy vọng nhưng chúng tôi chưa thấy dấu hiệu gì chứng tỏ mình là người sẽ sống sót trong thành phố này, sau biến cố.

Đêm thứ nhất trở lại thành phố, mặc dù có tiếng đại bác, có tiếng súng nổ ran ở xa xa, chúng tôi vẫn còn được ngủ yên được mấy tiếng đồng hồ trong chiếc hầm chật hẹp.

Không may cho chúng tôi, chiếc hầm được sửa sang mới ba bốn hôm thì người thuê căn nhà bếp là một giáo viên tiểu học dạy trường An Cựu trở về.

Thấy cửa bếp bị mở tung, ông có vẻ không bằng lòng. Ông vội vàng bỏ hết đồ đạc vào mấy cái giỏ lớn, ngỏ ý đòi mấy bao cát lại để xây hầm đưa vợ con về tạm trú, xong ông ta lại lên xe Honda đi mất. Sáng sớm hôm sau chúng tôi lại dỡ hầm, mang bao cát xuống bếp trả lại, rồi cùng nhau làm tạm một cái hầm mới không lấy gì làm kiên cố lắm. Người thuê căn nhà bếp trở về sửa sang lại cái hầm, nhưng ông chỉ đưa vợ con về có một hôm để lo thu dọn chỗ đồ đi nơi khác. Chiếc hầm dưới bếp bỏ không, Thái lại mò xuống lấy thêm bao cát lên chất cho dày.

Mấy ngày sau, quốc lộ một nối vào An Cựu có vẻ tấp nập hơn trước, người tản cư đi, người hồi cư về có vẻ đông đúc hơn. Một vài gia đình tạm trú lại một buổi hoặc một ngày nơi sạ mọc, rồi họ lại tiếp tục đi về Phù Lương, Phú Bài.

Mỗi ngày, vợ chồng Bé xuống cho chúng tôi ít tin tức. Nào

đêm qua Việt cộng về đầy ở ngoạo Hàng Xay. Nào sáng nay quân mình đi gỡ cờ treo trước đồn vận tải. Hoặc: Bác ơi, sắp đánh tới nơi rồi. Họ sắp đánh chiếm lại An Cựu.

Tôi không thể nào hiểu được việc gì sẽ xảy ra nữa. Nhưng khu vực An Cựu thì có vẻ bình yên hơn. Một hai ngày đầu, chúng tôi không thấy gì lạ, nhưng vợ chồng Lài thì đêm nào cũng nghe tiếng chân đi qua vườn. Vài ba hôm, Hiền, Lài và Túc về dưới Phù Lương. Nhiều gia đình tản cư về dưới đó vì nghe dưới Phù Lương, Phú Bài có lập trại ty nạn. Vợ chồng Bé gan lì ở lại cho tới một hôm có mấy quả đại bác không hiểu vì tính sai tọa độ hay cố ý rơi trúng vùng An Cựu vào đêm khuya. Lúc đó chúng tôi đang nằm trong hầm, mỗi người đều bị dội bật lên và túm chặt lấy nhau. Hai ba tiếng nổ liên tiếp thật gần rồi im lặng hẳn. Sáng ra Thái đi ngóng tình hình, thấy ngoài đường người ta khiêng mấy người bị thương đặt bên đường, tìm cách đưa đi bệnh viện Mỹ. Gần chín giờ sáng, một đoàn xe lính đi lên, nhưng không chiếc nào dừng lại. Rồi tới mười giờ, những người lính biệt động quân, nhảy dù, từ dưới Phú Bài đi bộ lên. Không có phương tiện nào nữa, mấy người bị thương đã chết. Hai căn nhà hoàn toàn hư hại, mái tôn của nhà trúng đạn văng tuốt ra tận sau đường rầy. Rồi đêm hôm sau lại nổ nữa, lần này xa hơn một chút, và sáng hôm sau, vợ chồng Bé hốt hơ hốt hải bế bồng nhau xuống nhà chúng tôi:

“Không ở được rồi. Lính mình ở Sài Gòn ra, đánh lớn lắm. Đang chiếm lại nhà bưu điện. Dân dồn về hết nơi trường kiểu mẫu. Đêm qua bom chơm rơi trên xóm con, mấy cái nhà nữa bị sập.”

Má tôi thở dài. Thái lo lắng:

“Có ai bị thương không?”

“Không, may người ta đều ở hầm hết. Đêm qua anh

tưởng nguy rồi chớ.”

Và không đợi hỏi ý kiến ai, vợ chồng Bé, Thu cùng mấy đứa nhỏ gồng gánh, bồng bế đưa nhau về Phù Lương.

Má tôi thấy tình hình gay go quá, nửa muốn đi nửa muốn không. Má tôi vẫn ngóng đợi tin tức ở Nam Giao, Từ Đàm. Nhưng có được chút tin tức nào thì chỉ toàn là những tin tức làm chúng tôi thêm tuyệt vọng.

Trong những ngày trước, dân chúng Huế chết vì đại bác, vì bom máy bay, vì bị đấu tố, điểm chỉ. Chúng tôi ở An Cựu, coi như giáp với ngoại ô thành phố, có chạy loạn thì cũng chạy vì sợ bị Việt cộng bắt, hoặc bị trúng đạn chết oan. Nhưng lần này, ác chiến đã diễn ra khắp cùng thành phố. Một vài nơi quân quốc gia đã chiếm lại được, những lá cờ giải phóng đã được gỡ xuống. Ở đồn Trường Bìa đã thấy thấp thoáng lính ra vào, nhưng ở đồn vận tải vẫn bỏ không. Cầu An Cựu ban ngày được Mỹ lên canh gác và sửa chữa. Phải nối xong mấy cái cầu, quân đội mới dần qua bên phố được. Phía bên hữu ngạn mới chỉ yên ổn có mấy vùng. Tin tức đưa về thành nội, phố Trần Hưng Đạo vẫn do họ chiếm giữ. Ở Nam Giao, Bến Ngự, Từ Đàm vẫn là nơi họ đóng quân.

Chúng tôi về lại thành phố đúng lúc phe quốc gia cố giành lại từng tấc đất thật là một trò đùa nguy hiểm. Nhưng chạy thoát thân một mình để một nửa gia đình bị kẹt lại, quả trong lòng chúng tôi không ai muốn thế.

Giữa lúc chúng tôi được trú ngụ ở một phần đất tương đối ít nguy hiểm thì thành phố Huế rơi vào lúc ngập súng đạn, máu đổ. Và nhờ có một người thoát từ phố về, chúng tôi biết được những tin tức kinh hoàng bên kia sông Hương.

Một buổi sáng, Thái thấy một đoàn xe đi lên, tới cầu rẽ lên phía Phú Cam, rồi rất nhiều đoàn lính dù, biệt động

quân đi bộ từ dưới Phú Bài lên. Một lúc sau lại thấy Mỹ tới sửa tiếp cầu An Cựu. Thái kêu tôi ra đường:

“Người ta đi lại nhiều rồi chị.”

Má tôi dặn:

“Đừng có ra đường nghe tụi bây. Quân mình lên là sắp đánh nhau lớn rồi đó.”

Quả như lời má tôi đoán. Chỉ chừng nửa tiếng đồng hồ sau khi đoàn lính đi qua, là tiếng súng lớn nhỏ nổi lên ở miệt Phú Cam, Bến Ngự. Và một số dân chúng bỗng bẻ nhau chạy loạn về An Cựu để xuống Phù Lương.

“Đánh nhau lớn rồi.”

Má tôi kêu chúng tôi chui vào hầm hết. Nhưng gần tới trưa chúng tôi mới nhớ ra là nhà chưa có gì ăn, chỉ còn ít gạo.

Thái nói:

“Hồi nãy con thấy dưới Mù U có bán thịt heo. Dưới đó với chỗ mình ở yên rồi, thuộc vùng quốc gia rồi.”

Má tôi làm thinh. Thái lại nói:

“Để con với chị Vân đi mua thịt. Họ bán nhau ở trên Bến Ngự lận mà bác.”

Tôi cũng muốn ra đường coi tình hình nên nói vô giúp Thái:

“Con với nó chạy ra mua một chút về liền mà má.”

Má tôi thở dài:

“Ừ, mà đi mau nghe.”

Tôi theo Thái chui ra khỏi hầm. Má tôi dặn:

“Tránh đạn mà đi nghe con.”

Câu nói của má tôi làm tôi vừa thương vừa buồn cười. Làm sao tránh đạn được. Nhưng tôi cứ dạ cho má tôi yên lòng. Tôi với Thái không đi xuống Mù U mà rủ nhau đi ra thẳng phía cầu An Cựu.

Thiệt chúng tôi đã gan cùng mình. Ngoài đường không

có một người đi, lính Mỹ lính Việt xuôi ngược tíu tít chuyển quân.

Họ chả buồn chú ý tới chúng tôi nữa. Chúng tôi ra tới cầu An Cựu, thấy cầu nổi đang được công binh Mỹ làm gần xong, chúng tôi không dám đi đường cái mà vòng lối sau đi theo con đường nhỏ sau ruộng mà về nhà. Nhiều hố bom đào những hầm lớn, trời mưa, nước đọng thành từng vũng. Ngang qua một khu vườn bỏ không, chúng tôi nghe thấy tiếng động sau một bụi tre.

Thái kéo tôi:

“Đi nhanh chị.”

Tôi tò mò ngoái lại nhìn qua những nhánh tre thưa, tôi nhìn thấy những ngôi mộ đất đắp vôi vàng, ở trên mộ cắm thẻ kiểm tra và cạnh đó, một chiếc hầm cá nhân, một xác lính Bắc Việt đang nằm vắt nửa trên nửa dưới miệng hầm, không biết bị thương hay đã chết, cạnh đó một hố bom và những cành cây khô, những nhánh tre ngã gãy tả tơi. Qua mấy ngôi vườn bỏ hoang, chúng tôi tới một thửa ruộng nhỏ vuông vắn, ruộng bỏ không và nước lúp xúp. Tôi không biết đường nên cứ đi sau Thái. Có tiếng máy bay tới gần, Thái kéo tôi nằm mẹp xuống đường, đợi cho máy bay khuất mới tiếp tục đứng lên đi lần về nhà. Khi tôi đứng dậy, tôi bỗng nghe tiếng rên rỉ. Tôi dừng lại thì Thái đã kéo tay tôi: Đi chị. Thái nói nhỏ:

“Bọn họ bị thương, không khéo họ bắn mình. Đi ngả tắt ni thiệt đại hết sức.”

Thái cầm chặt tay tôi và lôi tôi đi theo nó. Nhưng tiếng rên một lúc một rõ và một van nài hơn. Cứu tôi với. Cứu tôi với. Cứu tôi với. Tôi không thể làm ngơ được, rõ ràng là tiếng người sắp chết. Tôi nhìn quanh quất và chợt nhận ra một thanh niên đang gục bên một chiếc hố nông, hình như

người ta đào rồi bỏ dở nửa chừng, hay một miếng bom nào cày lên cũng nên. Thanh niên mặc một chiếc áo măng tô màu xám, dính đầy máu. Thái nhìn thấy và nó biết không phải quân giải phóng. Tôi kéo Thái lại gần:

“Chắc là sinh viên hay học sinh chi đây.”

Chúng tôi đã đứng bên cạnh. Hình như nhận ra tiếng chân người, khuôn mặt bê bết đất ngẩng lên, một giòng máu rỉ chảy bên mép. Thanh niên đưa tay ôm ngực và muốn gục xuống. Thái vội nhảy xuống hố đỡ thanh niên dậy:

“Tôi chết mất,” người thanh niên rên rỉ.

“Anh ở mô tới?”

Thái cúi tai sát người thanh niên. Anh ta cố gắng đưa tay chỉ về phía, phía trước là những vườn cây. Tôi không hiểu. Thái hỏi:

“Anh ở bên phố thoát sang?”

Thanh niên gật đầu.

Vừa lúc đó lại có tiếng máy bay tới gần. Lần này hình như tới mấy chiếc và bay liệng ngay trên đầu chúng tôi. Người thanh niên ra dấu chúng tôi nên lánh đi và cho biết Việt cộng còn ẩn núp trong nhiều khu vườn nơi này nên Thái đưa tay ra dấu cho tôi đi trước rồi dìu thanh niên đứng lên. Tiếng máy bay như sắp hạ xuống trên đầu, Thái hét lớn:

“Chạy vô nhà trước mặt.”

Tôi chạy thẳng vào chiếc ngõ mở sẵn, Thái đã tới sát lưng. Chúng tôi bước qua mấy bậc thềm là vào nhà. Căn nhà bỏ không, có một hầm cát nhưng Thái vừa nhìn vào đã bụm miệng lùi lại:

“Có người chết.”

Tôi định chạy ra nhưng bên ngoài đã có tiếng súng nổ. Một loạt đạn trên máy bay bắn xuống. Tiếng rốc két như rơi ngay trên đỉnh đầu. Thái đành kéo tôi chạy xuống bếp,

ở đây có chiếc bể cạn. Thái đặt thanh niên ngồi dựa nơi bể nước rồi kéo tôi bắt nằm sắp xuống đất.

“Đừng có ngẩng đầu lên. Có đạn ngoài vườn đó.”

Tôi nằm sát xuống đất, hai tay ôm lấy đầu. Thái bình tĩnh hơn, nó xé áo lau vết thương cho thanh niên và băng bó lại. Người thanh niên đã bớt sợ và tỉnh táo hơn. Anh cho biết anh ta tên là Khâm, ở trong thành nội. Anh đã thoát được bằng cách giả làm đàn bà, chạy theo đoàn người tràn ra cửa thành và vét hết tiền đem theo để thuê một chuyến đò qua sông. Anh mở hé chiếc áo măng tô ra, bên trong là vạt áo dài màu xanh nhuộm đầy máu. Chiếc khăn trùm trên đầu đã rơi mất tự bao giờ.

Tiếng máy bay vẫn lượn vòng, mặc tiếng đạn từ dưới đất bắn lên như mưa, và cứ mỗi vòng tròn lượn trở lại là những loạt rốc két bắn xuống xối xả. Tim chúng tôi đập liên hồi. Chắc giờ này má tôi ở nhà lo lắng lắm, theo phương hướng thì tôi đoán ở phía nhà tôi không việc gì, mé này gần Phủ Cam. Nằm ở nơi đây tôi thấy bấp bênh quá, có thể trúng đạn bất cứ lúc nào. Tôi nghĩ tới chiếc hầm ở trên nhà nhưng Thái cho biết là có người chết. Tôi tò mò hỏi Thái:

“Em thấy gì trong hầm vậy?”

“Có một người chết ở trong đó. Dễ sợ lắm, em nhìn vô thấy một người nằm ngửa, tay chân khô queo, hai mắt như còn mở và hướng về miệng hầm. Bên cạnh đó có những vũng máu đặc, em nhìn thấy mấy con chuột đang chạy lui chạy tới lảng xảng, có con đang ngậm vào đầu ngón tay ngón chân của xác chết.”

Tôi rùng mình, muốn bỏ ngôi nhà chạy ra ngay. Nhưng bên ngoài lúc này đầy rẫy sự nguy hiểm. Tiếng súng dưới đất nhỏ dần rồi rút về miệt xa hơn. Hình như họ đã bỏ những hố cá nhân để chạy thoát khi tiếng máy bay còn

lượn vòng. Và khi tiếng máy bay quành trở lại thì không còn nghe tiếng bắn trả ở xung quanh nơi chúng tôi núp nữa. Khâm có vẻ tỉnh táo hơn, anh đã tựa được lưng vào thành bể cạn, Thái lấy cái lon nước ở bể cạn cho Khâm uống nhấp nháp. Anh ta mất máu nhiều quá, khuôn mặt xanh lè và hai mắt sâu, chứng tỏ nhiều đêm mất ngủ. Mặc dù tiếng đạn dưới đất không còn bắn lên nữa, nhưng máy bay vẫn lượn vòng trên đầu, chúng tôi biết là chưa thể thoát ra khỏi ngôi nhà này được. Khâm nói, giọng yếu ớt:

“Một ngày trước chỉ sợ bị giải phóng bắt, xử tử. Chỉ sợ chết bom. Nhưng lúc này sao tự nhiên tôi chẳng sợ gì nữa. Tan nát hết rồi.”

Và Khâm bắt đầu kể cho chúng tôi nghe về cuộc chạy trốn của Khâm. Chuyện của những người kẹt ở bên kia dòng sông Hương.

Chương 7

Chuyện từ Thành Nội

Không hiểu do một phép lạ nào mà ngôi nhà vẫn còn Nguyên vẹn.

Chúng tôi sống chật hẹp trong chiếc hầm đào sâu xuống đất, trên miệng hầm, xung quanh chất toàn bao cát, như vậy là đã mười mấy hôm.

Chuyện gì? À, mấy ngày đầu. Mấy ngày đầu thì đâu có gì kinh hoàng. Cũng như các vùng khác, đêm mùng một, chúng tôi nằm lẩn sát đất, chui cả xuống gầm giường vì tiếng súng bắn khắp mọi phía. Sáng ngày ra là Việt cộng đã đầy nhà, đầy vườn. Họ đi lại ngoài đường đông nghịt. Đồng phục à? Không. Họ vận đủ các thứ quần áo. Có tốp mặc áo ka ki hần hoi, nhưng phần đông họ mặc quần đùi. Đặc biệt là người nào cũng có đeo băng màu nơi tay, hoặc quàng khăn nơi cổ.

Chuyện gì xảy ra vậy? Huế mất rồi sao?

Chúng tôi nhìn nhau dò hỏi, muốn chạy qua hàng xóm hỏi thăm tin tức cũng không được nữa. Ai ở yên nhà nấy. Và họ ra lệnh mỗi nhà phải tự đào hầm lấy bắt đầu tập chịu đựng gian khổ để chiến thắng. Chúng tôi đã lấy được Huế, các nơi đang đánh nhau, đợt toàn quốc chiếm được hết là

thắng lợi. Quân giải phóng nói vậy.

Mấy ngày đầu vui lắm. Họ nấu cơm, ăn uống trong nhà chúng tôi. Nghe nói họ sẽ tổ chức liên hoan nữa. Rồi họ chở dâu tới thiết nhiều mứt bánh, nhất là bánh tét, và họ ăn uống lu bù. Ăn như chưa bao giờ được ăn.

Hôm đầu tiên tôi sợ lắm, gia đình tôi cũng sợ cho tôi nữa. Tôi là con một, lỡ có chuyện gì chắc mẹ tôi không chịu nổi. Nhưng mấy ngày đầu thiết êm thắm. Tôi còn được nghe họ nói chuyện nữa chứ. Họ nói chuyện vui lắm. Em tôi hỏi cả chuyện ngoài Bắc, họ nói đời sống ngoài Bắc no đủ. Nhưng nhiều anh cán binh Bắc Việt nhìn mấy cô gái mặc quần ống chật, áo sơ mi hoa hòe thì tỏ vẻ ngạc nhiên. Tôi nghe họ xì xào với nhau:

“Con gái ở trong này đẹp quá, ăn mặc đầy đủ quá.”

Mấy chị nữ cán bộ thì ghét ra mặt. Bởi vậy, qua ngày thứ hai, các cô gái Huế trong thành nội biết được sự không ưa thích đó và thay đổi lối ăn mặc liền. Mấy ngày đầu êm ru, thỉnh thoảng lắm mới nghe tiếng súng nổ xa thiết xa, đâu phía bên hữu ngạn, mà tận vùng ngoại ô, không ai để ý nữa.

Có mấy nữ cán bộ vác xe của thiên hạ ra tập. Nhiều nhà đã trốn ra Gia Hội được từ hôm đầu, ngay tờ mờ sáng. Họ đi thật là dại, ban đầu chúng tôi nghĩ thế. Nhà họ bỏ không, mấy cô nữ cán bộ tha hồ mà vào lục lọi. Vật mà các cô ưa thích nhất là xe đạp và xe Honda. Nhìn thấy các cô cán bộ xắn áo xắn quần đến háng mà tập xe đạp thì không nín cười được. Nhưng buồn cười mà đâu có dám cười, chúng tôi lo sợ cho tương lai lắm. Chưa biết rồi sẽ ra sao. Mấy anh lính Việt cộng có vẻ lạc quan. Toàn quốc thắng trận, đồng bào yên tâm. Họ báo tin cho biết vậy. Và ở trong thành nội, chúng tôi ngạc nhiên thấy họ tràn vào khơi khơi, tôi không

thấy có vẻ gì là đụng độ, đổ máu cả. Chắc tại tôi không ra khỏi nhà. Ngay từ sáng tinh sương ngày mồng hai, má tôi đã đóng chặt cửa lại, chúng tôi chỉ được nhìn ra đường qua kẽ hở.

Nhưng dù qua một kẽ hở rất nhỏ, tôi cũng nhìn thấy ngoài đường rất đông người đi lại. Các anh lính Việt cộng đều mang băng xanh hoặc băng trắng nơi cánh tay áo.

Không khí đường phố thay đổi thật đột ngột, bên cạnh những khuôn mặt lo lắng núp sau những cánh cửa, có những bộ mặt tươi cười, ra chiều hết sức hớn hở. Nhà ông giáo Kê, một người đàn ông đứng tuổi đã bỏ nhà đi tập kết hơn mười năm, bỗng xuất hiện. Ông ta có một bà vợ hàng ngày đi bán chè và một cậu con trai khoảng chừng 17, 18 tuổi. Sự xuất hiện của ông giáo Kê làm mọi người lo lắng. Mẹ tôi nói giọng run run:

“Thôi chết rồi, ông nó về là ông biết hết trong vùng ni, thế nào ông cũng bắt bớ lung tung cho coi.”

Tuy lo vậy, nhưng nhân vật ông giáo Kê cũng chưa làm cho chúng tôi kinh hoàng bằng hai căn nhà ngay ở đầu đường Nguyễn Huệ bỗng trở thành nơi ra vào tấp nập của các anh cán binh Việt cộng. Người ta đồn với nhau có hai nữ sinh viên là cán bộ nằm vùng. Hai cô ở ngay căn nhà đầu đường, có người trông thấy hai cô mặc quần tây, áo sơ mi, đội nón lá đi đi lại lại trên đường, lưng đeo súng lục kiểu Tiệp Khắc. Tôi không biết được tên của các cô, nhưng người ta cho biết hai cô là sinh viên trước ở Sài Gòn. Tôi đoán một vài tên trong số bạn cũ quen thuộc, nhưng chưa có gì làm bằng cứ chắc chắn.

Cũng nơi đường Nguyễn Huệ, một ông thợ mã trước theo Việt cộng, đã trở về hồi chánh nay trở thành cán bộ nằm vùng. Người ta lo nhất là bộ mặt này. Anh ở đây đã lâu,

và thế nào anh cũng lập công, chỉ điểm một số thường dân. Má tôi lo lắng hỏi tôi có làm chi cho ông ta thù oán không. Tôi suy nghĩ mãi không tìm ra chuyện gì, tuy nhiên tôi cũng không an tâm. Mấy ngày liền tôi không dám ra đường. Má tôi hề thấy mặt tôi ló nhìn ra khe cửa là lúi lại, kéo tuốt vô trong buồng, đóng cửa kín mít.

Nhưng mấy ngày qua, tôi chưa thấy chuyện gì lạ xảy ra, ngoài việc các người lính Việt cộng vào từng nhà bắt đi học tập. Tôi lại được mẹ tôi đem dấu trên trần nhà. Con em gái tôi phải đi học tập. Khi về, nó cho biết là lớp học được tổ chức ở nhà ông giáo Kê. Tôi hỏi học những gì, nó cho biết là người ta yêu cầu các cô vào từng ban, ban cổ động, ban cứu thương, ban tiếp tế. Tôi hỏi nó chọn ban gì thì nó chỉ cười lắc đầu:

“Em run bất chết. À, em có gặp...”

Tôi hỏi nó gặp ai thì nó làm thinh, mặt lộ vẻ sợ hãi. Tôi gạn hỏi thêm mấy lần, nó vẫn không dám nói. Nó còn tiết lộ cho tôi biết là thanh niên sinh viên bị bắt đi học tập đông lắm.

Cả ngày hôm đó, tôi không ăn cơm được, tôi cảm thấy cổ họng khô đắng. Hình như tôi sắp cảm nặng. Câu nói nửa úp nửa mở của đứa em gái làm tôi không an tâm. Tối hôm đó, tôi rời khỏi trần nhà xuống đất nằm, tôi hỏi lại nó. Lần này giọng nó run run như sắp khóc:

“Em gặp cô Đoan, cô Đoan ở đầu đường mình đó anh.”

“Hai cô lận mà?”

“Thì cô Đoan với cô Kim ở đối diện nhà nhau đó.”

“Nó có nhìn ra em không?”

“Có, nó hỏi anh đi mô mà không tới học tập, em nói anh đi về quê hôm hăm tám Tết. Nó cười, nói ngày mồng một nó gặp anh đi ra cửa Đông Ba với anh Hạo, anh Toàn. Em

lo quá.”

“Rồi em trả lời rằng?”

“Em làm thỉnh.”

“Nó nói chi nữa không?”

“Có, nó khuyên em nên gia nhập mặt trận liên minh, hòa bình chi đó. Em cứ làm thỉnh. Nó nói em giúp nó được. Nó hẹn sẽ gặp em sau.”

“Em thấy thầy Đóa đi họp không?”

“Em không thấy thầy mô hết.”

“Còn ông giáo Kê về ra rằng?”

“Ông giáo Kê diễn thuyết hăng lắm. Em sợ quá chả nghe gì hết, mà có nghe cũng không hiểu. Anh nì, ông đi tập kết về râu dài tới ngực, coi dễ sợ quá. À anh, em thấy hình như có anh Đắc nữa.”

“Đắc?”

Tôi kêu lên sững sốt. Thôi chết rồi, Đắc đã trở về. Nhưng tôi không tin Đắc có thể là một người cộng sản được. Ngày trước, tôi cũng có chân trong nhóm tranh đấu với Đắc. Đắc thường tâm sự là anh không thể chấp nhận cộng sản. Rồi một thời gian sau, vì bị theo dõi, ruồng bắt, Đắc trốn đi.

Có người nói Đắc với Đoan với Ngọc cùng trốn một lượt. Lần này Đắc trở về, chắc Ngọc và Phan cũng trở về rồi. Tôi thầm lo ngại, ngày trước Phủ có một cô nhân tình cũng ở trong thành nội này, sau khi Phủ đi ít lâu, cô tình nhân đã vội thay lòng đổi dạ theo một người khác. Ngoài việc bị khổ sở vì trốn tránh, Phủ còn mất luôn người yêu nữa. Lần này nếu trở về, chắc Phủ sẽ đau khổ ghê lắm. Liệu chuyện gì sẽ xảy ra? Tôi hỏi gặng mãi em gái tôi có nhìn thấy Phủ không. Có ai nhìn thấy Phủ không? Nó quả quyết là nó không thấy, cả bạn bè của nó đi họp cũng nói không thấy. Tôi hơi yên tâm và mừng thầm cho kẻ phản bội. Nếu Phủ

trở về, thêm một mối thù hận nữa, cô bé thay lòng kia chắc cũng không tránh được hậu quả thương tâm. Nhưng em gái tôi cười gượng:

“Anh tưởng về tới Phủ mới biết rằng! Em tin là Phủ không chấp nhận mô. Nhưng Phủ và Ngọc không có mặt ở nội thành.”

Tôi không khỏi bùi ngùi nhớ lại bạn bè cũ. Dù Đắc, dù Ngọc, dù Phủ có bỏ đi, có theo lý tưởng nào nữa, dù thù nghịch với tôi, tôi cũng vẫn còn giữ những kỷ niệm về họ. Tôi tự tin tôi, tôi tin bạn bè. Trước đây, Đắc đã bị dồn đến bước đường cùng, phải trốn theo bên kia, nhưng sự có mặt của Đắc không còn làm tôi lo sợ nữa, mà nghĩ tới Đắc, tôi bỗng cảm thấy yên ổn hơn một chút. Tôi định bụng là phải gặp cho được Đắc. Tôi không tin là có chuyện gì sứt mẻ trong tình bè bạn. Ngày hôm nay, hay ngày mai, thế nào tôi cũng có dịp gặp lại Đắc. Tôi phải gặp. Tôi hỏi em gái:

“Em có nói chuyện với anh Đắc không?”

“Em thấy một người giống như anh Đắc thôi chứ em chưa dám nhìn. Anh ấy đeo băng xanh, có súng nữa.”

“Em coi bộ anh ra rằng?”

“Có vẻ trầm ngâm chứ không hách dịch như mấy tên cán bộ nằm vùng khác. Anh biết xóm mình chán chi cán bộ nằm vùng, rứa mà mình biết chi mô.”

Tôi hỏi tiếp:

“Rứa họ học tập cái chi?”

“Thì như anh nằm trên nhà khi mai anh nghe đó. Họ tới nhà họ nói mời đi họp, em định trốn nhưng cô Đoan cô đứng đầu ngõ gọi ngay tên em nên phải đi. Họ nói đi họp mà họ còn bắt học tập nữa. Rồi họ diễn thuyết, tuyên truyền về thắng lợi.”

“Họ tuyên truyền rằng?” Tôi nôn nao.

“Họ nói chiến thắng lấy được Huế là nhờ sự đóng góp của nhân dân. Vậy các trẻ em về nhà tìm những khúc tre, khúc gậy ngắn rồi sơn đen, khi mô nghe tiếng máy bay quân Mỹ ngụy tới thì đem ra chĩa lên trời để bọn Mỹ ngụy tưởng là súng, phải khiếp đảm trước tinh thần chống đế quốc, tay sai của nhân dân Huế. Họ còn nói là đồng bào đừng để cho một tên Mỹ ngụy, một tên Việt gian nào trốn trong nhà. Gặp trường hợp đó phải báo cáo cho giải phóng biết ngay.”

Tôi kinh hoàng:

“Việc xúi con nít sơn khúc tre giả làm súng có thiệt há?”

“Em nghe rõ ràng nì. Họ còn tuyên truyền nhiều lắm. Nì anh, trước khi họp, các anh giải phóng còn đọc khẩu hiệu, rồi đến 7 nhiệm vụ của đảng viên, rồi lời của “bác” Hồ, em nhớ như rì thì phải: Trung với đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Họ hô lớn mà hô nhiều lần, em bắt thuộc lâu.”

Tôi gất: Kệ xác họ. Tôi đâu cần phải biết, phải nghe những khẩu hiệu trung thành với bác với đảng. Chính những người lính Bắc Việt đi vô Nam, họ thuộc lâu những khẩu hiệu đó, nhưng chắc cũng có người không hiểu tại sao phải trung thành, phải chết.

Nhưng lời tuyên truyền đó đã gây một hậu quả tai hại. Về sau, khi các trận đánh diễn ra, không hiểu vì những tiếng súng ở các hố cá nhân bắn lên, hay vì những dùi, gậy của các em nhỏ bị bắt ra chĩa lên trời mà máy bay bắn xuống như xối xả.

Suốt đêm đó, tôi không ngủ được. Sáng ngày ra đã phải lên trần nhà nằm. Em gái tôi vẫn chạy qua hàng xóm dò tin tức, nhưng tôi không dám chường mặt xuống nhà chớ đừng nói ra đường. Tôi sợ họ biết mặt. Nhất là ông thợ mã

hồi xưa là Việt cộng, nay về hồi chánh đã trở thành một cán bộ nằm vùng. Ông không ưa bọn sinh viên như tôi. Rồi còn nhà ông giáo Kê nữa, cả cậu con mười bảy mười tám chi đó, ít khi nói chuyện với tôi đảng hoàng. Em gái tôi đã nói dối là tôi bị kẹt lại ở dưới quê, tôi sợ em tôi mang vạ vì sự có mặt của tôi nữa.

Ngày sáng hôm đó, trước nhà tôi, sau vườn tôi nghe có tiếng cuốc đất. Rồi một lúc sau có tiếng lao xao dưới nhà. Tôi nín thở nằm yên nghe ngóng. Một giọng nói đàn ông lớn tuổi, giọng Quảng Bình thì phải, và hình như nói chuyện với mẹ tôi:

“Mẹ phải cho đào hầm. Chúng ta còn phải đương đầu với rất nhiều khó khăn. Quân Mỹ ngụy có thể đem máy bay tới thả bom để giết nhân dân. Nhưng không sao, chúng sẽ thất bại nặng nề.”

Tiếng chân đi rào quanh nhà. Tiếng mẹ tôi năn nỉ:

“Dạ nhà tui đơn chiếc, ba chúng nó khuất núi lâu rồi, chúng tui mẹ góa con cô... Dạ, bánh tét trong nhà làm... Dạ bánh cúng...”

“Ở ngoài Bắc nhân dân ta ăn Tết vui lắm.”

“Dạ.”

“Năm nay, Bác cho chúng tôi được vào đây ăn Tết với nhân dân trong này. Gặp các mẹ, các chị, chúng tôi sung sướng lắm.”

“Dạ.”

“À, tôi quên, giá gạo của bọn Mỹ ngụy bán bao nhiêu một bao?”

“Dạ, mỗi tạ mấy nghìn, ba nghìn có, hai nghìn có.”

“Bọn Mỹ ngụy bán cắt cổ, uống máu nhân dân. Đợi khi giải phóng xong, gạo chỉ bán năm trăm đồng một tạ.”

“Dạ.”

“Nhà mẹ có ai giúp đỡ đào hầm không?”

“Dạ mẹ con tui đào. Ngoài tui với con nhỏ, với thằng con trai lên mười ni còn mấy đứa cháu. Còn có bà dì, bà ngoại. Dạ không dám làm phiền mấy ông.”

Tiếng chân đi vào phía bàn thờ. Tôi đoán ra bước chân mẹ tôi vội vã như muốn ngăn lại:

“Dạ mấy hôm nơi bàn thờ dọn rồi.”

Giọng đàn ông cười giả lả:

“Không, mẹ cứ việc cúng chớ.”

“Dạ, cúng... Mà mấy hôm ni ai còn lòng dạ mô mà cúng. Hôm mồng một tưởng chết rồi, nhờ ơn ông bà... Dạ thưa ở trong nó không có chi hết. Dạ có bánh, bánh tét. Dạ mời, mời ông... à mời... đồng chí.”

“Cám ơn mẹ. Nhân dân miền Nam tốt với giải phóng quá. Chúng con hết sức ghi ơn mẹ giải phóng...”

Tiếng chân đi ra khỏi nhà rồi xa dần. Đợi một lúc tôi ló đầu xuống, tấm các tông che miệng trần nhà vừa hé ra, tôi đã thấy mặt mẹ tôi nhìn lên, hai tay bà chấp trước ngực:

“Tui lạy ông, ông ở trên đó cho tui nhờ. Chúng vừa vợ vét hết bánh trái rồi.”

Tôi sợ má tôi lo lắng, vội rút đầu lên và kéo miếng các tông lại. Suốt ngày hôm đó, tôi nằm bẹp trên trần nhà. Đợi lúc nào thật vắng, em gái tôi đưa cơm lên hoặc rót cho ly nước lạnh.

Mấy hôm sau, họ ít vào nhà, có lẽ họ không còn hồ nghi gì gia đình chúng tôi nữa. Cô em gái tôi vẫn cứ phải đi học, đi học tập. Nó về mách với tôi:

“Đúng anh Đắc anh ơi.”

“Nó có nhìn ra em không?”

“Có. Anh cười nói: Con Hường em Khâm đây phải không? Mới đây mà lớn quá hí.” Em nhớ ngày trước anh Đắc hay

xoa đầu em lắm.

“Vậy em có sợ không?”

“Không, anh hiền lắm anh ời. Anh hỏi thăm anh, rồi hỏi thăm mẹ nữa. Anh nói rảnh anh tới thăm mẹ.”

“Trời ời, em có khai anh trốn trong nhà không?”

Hường cười:

“Em mô có dại. Anh ấy cũng không hỏi riết bắt bí em chi hết. Anh chỉ nói: Khâm có sao không? Em nói dạ không. Rồi em nhớ ra nói liền:

Tại anh Khâm về mắc kẹt dưới nhà quê. Anh hỏi quê ở Bao Vinh phải không? Em gật đầu, anh hơi giật mình. Anh có vẻ lo sợ cho anh nữa.”

Tôi cảm động và tự thẹn thầm. Thì ra Đắc vẫn còn là bạn tôi. Đắc không hề thay đổi gì hết. Vậy tại sao Đắc trở về? Về với nhiệm vụ gì? Lòng tôi càng nôn nao muốn gặp Đắc hơn. Tôi ngó ý với Hướng là muốn dự một buổi họp. Hướng nói:

“Không được mô. Anh Đắc thì hiền lành nhưng có mấy người khác dữ lắm. Họ nói chuyện hung hăng thiệt dễ sợ.”

Rồi Hướng thì thầm vào tai tôi:

“Anh nì. Khi hồi ngang qua ngã ba em thấy ai như anh Tý. Anh ấy ôm áo quần như muốn đi trốn xuống đường Mai Thúc Loan.”

“Ừa, thằng Tý. Nó dám chạy trốn hả?”

“Không biết anh ời. Nhưng em thấy hấn cũng đeo băng trắng nơi cánh tay. Hay là hấn cũng theo Việt cộng rồi.”

“Cái thằng đó dám lắm. Ai chớ nó thì việc chi mà không dám làm.”

Tôi hậm hực. Nhưng đồng thời cũng lo sợ nữa. Nếu nó theo giải phóng, nó dám tìm bắt tôi hoặc điểm chỉ cho bắt tôi lắm. Tôi nói với Hướng:

“Em đừng có cho nó gặp, nó hỏi lời thôi.”

Tôi sợ nó nhìn thấy em gái tôi rồi nhớ ra tôi. Có thể vì nhiều việc, nó đang quên tôi cũng nên, nhưng gặp mặt một ai liên quan tới tôi, có thể nhắc nó nhớ. Thường ngày tôi không ưa nó, kể cả khi còn trong nhóm tranh đấu, tôi đã nhiều lần nói với bạn bè:

“Thằng Tý không tin được. Nhưng nó dám có mặt trong đám quyết tử, nó đã lường lọc bao nhiêu anh em.”

Thấy tôi trầm ngâm, Hương vội nói:

“Em thấy anh Tý là em tránh liềm, em sợ bắt chết.”

“Em con gái việc chi mà sợ hấn?”

“Em sợ anh nó bắt em. Em thấy mấy đứa bạn cùng đi họp với em thấy anh nó là núp hết.”

Tôi cười, cố trấn an con bé:

“Kệ nó, mình có mần chi mà sợ.”

“Anh không biết đó, dưới đường Ông Ích Khiêm, họ bắt hết rồi. Công chức, quân nhân bị bắt đi hết. Nhất là mấy người làm sở Mỹ.”

“Mình có làm sở Mỹ mô mà sợ. Cũng không công chức nữa mà.”

“Dưới nó bị bắt thiệt nhiều. Nhiều người cũng có làm chi mô mà cứ bị bắt như thường.”

Đúng như lời em gái tôi đoán, qua ngày sau, xóm tôi ở, các thanh niên, công chức và quân nhân bị bắt đi hết. Một vài người trốn chạy bị bắn tại chỗ. Nhà chúng tôi đã làm xong được một cái hầm khá kiên cố bằng bao cát và những tấm ván lấy ở bộ ngựa gỗ quý từ mấy đời để lại.

Tuy vậy, ban ngày tôi vẫn trốn trên trần nhà, ban đêm mới dám xuống hầm ngủ. Tôi đã bắt đầu chán nản và mệt mỏi. Giữa lúc đó thì mọi người hoảng hốt vì đại bác câu tới nơi. Nằm áp tai xuống đất, tôi nghe tiếng rầm rì liên hồi như xe tăng chạy ở đâu bên ngoài thành nội, đôi lúc tôi mơ

hồ nghe tiếng máy bay.

Một vài nhà đã trúng đại bác. Người ta cho biết đại bác trúng nhiều nhất là các bờ thành. Người ta còn cho biết là lá cờ ở Phú Văn Lâu đã bị hạ xuống và treo cờ giải phóng rồi. Nhưng khi đại bác câu tới thành nội, ai nấy đều hoảng sợ ra mặt. Thêm những cuộc bắt bớ gắt gao của Việt cộng làm không khí càng kinh hoàng hơn.

Một buổi tôi đang nằm trong hầm nhai mấy miếng bánh mì khô thì nghe phía đầu ngõ có tiếng chân rượt đuổi. Tiếng hô:

“Đứng lại. Đứng lại.”

Tiếng chân chạy vòng đàng sau vườn chúng tôi. Tiếng chân đuổi rầm rập, có vẻ nhiều người và hối hả. Một tiếng nổ, một tiếng kêu rú lên. Tôi bịt chặt hai tai lại. Mạ tôi ôm chặt lấy Hường và mấy đứa em nhỏ của tôi đứa nằm sát xuống mặt hầm, đứa ôm chân má tôi, đứa ôm chân Hường meo máo.

Một lúc sau, tiếng chân từ ngoài vườn đi vào giữa sân. Tôi nghe tiếng lao xao:

“Tại nó chạy. Nó đúng là quân tay sai cho Mỹ ngụy.”

“Nó chết hẳn chưa đó?”

“Chưa chết rồi cũng chết. Mà có thiệt nó làm cho Mỹ không?”

“Nó làm cho Mỹ mà. Ngày thường tui thấy nó có nhiều đồ la lắm.”

“Vậy thì đúng rồi.”

“Không có tui thì nó trốn được rồi. Trong xóm ni ai chạy trốn đàng trời tui cũng biết. Tụi nó phải trả nợ máu, phải không, thưa đồng chí tổ trưởng.”

“Đồng chí tích cực lắm.”

Tôi nghe giọng người điểm chỉ viên quen quen. Hình như bác ta ở đâu trong xóm trong. Hường cũng định lên tiếng

thì mạ tôi đã gắt nhỏ:

“Im đi, nó nghe nó vô chừ.”

Chúng tôi im lặng. Nhưng rồi có tiếng xô cửa rồi tiếng chân đi vào nhà:

“Nhà đi đâu vắng hết rồi. Chúng tôi mời lên có chút chuyện.”

Mạ tôi lật đặt chui ra. Rồi Hường cũng chui ra.

“Dạ.”

“Có người mới bị bắn sau vườn. Chúng tôi sẽ cho người tới đem chôn. Chúng tôi muốn dặn lại là đừng có chứa chấp bọn Mỹ nguy. Xin bác hãy giúp chúng tôi, tức là giúp đảng, giúp nước nhà độc lập.”

Má tôi dạ dạ luôn miệng. Một giọng khác nói:

“Nhà này chỉ có mấy người đàn bà con nít mà.”

“Bởi vậy chúng tôi mới dặn. Để chúng vào, chúng giết cả nhà, chúng tôi không kịp cứu.”

Hường ngậy thơ hỏi:

“Dạ thưa các anh, các anh vừa bắn ai đó?”

Giọng người điểm chỉ viên quen quen:

“Thằng cha Minh. Hồi chưa được giải phóng, nó hách nhất xóm nhà ta phải không? Cô xác nhận cho các đồng chí đàn anh đây biết.”

Tôi nghe Hường dạ rất nhỏ. Tiếng người điểm chỉ hỏi:

“Cậu Khâm mô không có ở nhà?”

Tim tôi đập mạnh. Thôi chết rồi, hắn đã nhắc tới tôi. Tôi đoán không lầm, đúng là người nấu bún ở trong xóm. Thường ngày hắn chỉ ở nhà xay bột làm bún, vợ hắn đem bán sỉ bán lẻ cho bạn hàng. Hắn cũng ít nói chuyện với ai lắm. Giọng Hường cố thản nhiên:

“Dạ anh cháu bị kẹt dưới Bao Vinh rồi. Hôm nớ xuống mừng ông bác rồi chưa kịp lên thì xảy ra...”

“Dưới đó thì khỏi lo, hoàn toàn thuộc về quân giải phóng và nhân dân rồi.”

Hường khôn khéo vuốt đuôi:

“Dạ thì ở đây cũng thuộc về giải phóng rồi.”

“Còn một chút trong sư đoàn nữa, chưa thanh toán xong. Nhưng chúng sẽ chết đói hết bây chừ. Nay mai mình có thêm quân tiếp quản từ Quảng Trị, từ Bắc vô nữa, lo chi.”

Hắn còn đứng ba hoa tán tụng dài dòng nữa rồi mới cùng mấy đồng chí đàn anh bỏ đi.

Tôi thở phào nhẹ nhõm, coi như là vừa mới may mắn thoát chết. Em gái tôi chui xuống hầm, nói nhỏ cho tôi nghe:

“Tên bán bún trong xóm đó anh. Hắn lì lì rứa mà ai ngờ.”

“Hắn bán ai rứa?”

“Ông Minh. Ông chết rồi.”

“Hắn đi với ai?”

“Thì với mấy người Việt cộng chớ ai nữa. Khi đang nói chuyện, em thấy chị Đoan và chị Kim đi ngoài đường.”

“Có thấy em không?”

“Có, họ có vẫy tay chào em nữa.”

“Em hết sợ chưa?”

“Sợ chớ hết chi được. Hồi hôm qua họp, gặp em hai chị lì lì có chào hỏi chi mô. Anh nì, bữa nì có vẻ lòng xét bắt bớ dữ lắm rồi đó. Anh cẩn thận một chút.”

“Người ta có số mạng cả mà em.”

“Gặp anh Đắc, chắc anh không việc chi anh hí?”

Tôi thở ra, không mấy tin tưởng:

“Anh hẳn rằng biết được.”

Má tôi đã trở vào:

“Ông Bèo bán bún mà Việt cộng đó tụi mi ời.”

“Con nghe giọng nói con cũng đoán ra.”

“May mà nhà mình không thù oán chi với hắn.”

“Không thù oán mà hẳn còn nợ mình nữa chứ má,” Hường nói, “Hôm暮 vợ đẻ, hẳn có tới vay mạ mấy trăm. Hôm trước Tết mạ biểu con đi đòi, may con quên chứ không chừ sinh ra thù oán rồi.”

Vừa lúc đó chúng tôi nghe nhà bên cạnh có tiếng đàn bà kêu khóc. Má tôi ra dấu chúng tôi yên lặng rồi lắng tai nghe”

“Bên nhà ông Bình.”

“Giọng bà Bình la đó chứ ai vô nữa.”

Hường cầm chặt tay tôi:

“Hình như họ bắt người.”

Tiếng la khóc nhà bên mỗi lúc một lớn:

“Lạy các ông, chồng tui vô tội, con tui đi học mà.”

Giọng đàn ông thản nhiên:

“Không can gì đâu mẹ. Mời bác với anh đi họp rồi về mà... Đi họp rồi về, mẹ cứ an tâm. Chúng con tới đây là để giải phóng Huế, chúng con nhờ sự giúp đỡ của nhân dân thành phố Huế mà.”

Tiếng kêu khóc yếu dần. Một lát sau có tiếng đập cửa. Hường mở cửa thấy Tịnh đi vào, mặt mày tái mét:

“Tụi nó bắt anh Định đi rồi. Ba tui cũng bị bắt.”

Mạ tôi hỏi:

“Chừa cháu tính răng?”

“Mạ cháu nói cháu chạy sang đây nhờ bác cho cháu trốn đỡ. Bên nó thế nào họ cũng trở lại bắt cháu đi.”

Má tôi thở dài sườn sượt:

“Thôi cũng được. Xuống dưới hầm đi.”

Tịnh đem tới cho tôi nhiều tin lạ lắm. Nào ngoài cửa thành có nhiều Việt cộng chết vì trúng đạn đại bác, bom chom. Nào nghe ngoài Gia Hội đấu tố ghê lắm. Nào chuyện xử tử mấy người nghi làm cho Mỹ rồi chôn xác trong mấy khu vườn phía đường dưới. Tôi hỏi tại sao bác bên nhà

đã già mà họ còn bắt đi. Tịnh cho biết là họ vào trong nhà, cùng đi có ông Bèo làm bún trong xóm. Ông nói nhỏ gì đó rồi mấy người giải phóng mời đi luôn. Lúc đó Tịnh trốn dưới bếp, chắc ông Bèo quên Tịnh, không điểm chỉ.

Má tôi nói:

“May mà mình không thù oán chi.”

“Bên cháu hình như cha thù lắm. Trước Tết cha tới vay tiền mạ cháu không cho. Cha vay mấy lần không có trả. Với lại hồi cha say rượu chửi bóng chửi gió gì đó, anh Định cháu có nói phải trái, chắc thằng cha nó thù rồi chừ nó hại.”

Tịnh lắng nghe tiếng khóc còn nỉ non bên nhà, nhấm mặt:

“Má cháu lạy nó mà cháu bắt nóng mặt. Ước gì cháu có khẩu súng, cháu ria cho một tràng rồi cùng chết cũng cam.”

Tôi an ủi:

“Chắc không can chi mô, bác già rồi. Họ bắt đi rồi cũng thả về chớ can chi mà lo.”

“Dạ.”

“Dưới xóm nghe nói có nhà trúng bom rồi phải không?”

“Hình như rứa. Hồi nãy bên nhà em, ông Bèo hăm dọa là nhà nào dung túng Mỹ ngụy dễ bị bom nhứt, vì họ nghi là Việt cộng chiếm những nhà đó.”

“Nói như c. vậy mà cũng nói.”

Má tôi lầm bầm. Đêm đó, tiếng đại bác chưa tới khu tôi ở, nhưng thỉnh thoảng cũng có vài trái rơi lạc, trúng vào một vài khu vườn, làm bay ngói, rung nhà. Ngoài đường, lính Việt cộng đã bót đi lại. Họ rút vào những hầm trú ẩn kiên cố. Nếu có gác đường thì họ cũng đào những hố cá nhân.

Từ hôm đó, em gái tôi vẫn thường bị mời đi họp, học rồi được thả về. Lần nào tôi cũng hỏi thăm về Đắc. Bữa nó nói có trông thấy, bữa nó nói không. Nhưng bỗng một hôm, tôi nghe được giọng nói của Đắc.

Hôm đó, trong lúc cả nhà đang ăn cơm dưới hầm thì có tiếng gõ cửa. Má tôi lật đặt bảo chúng tôi nằm sát vào tận cùng hầm cát, rồi leo lên mở cửa. Hình như chỉ có một người và má tôi chào hỏi, giọng hơi vui mừng:

“Ủa, cậu đó hả? Cậu về khi mô?”

Tôi hồi hộp chờ đợi giọng trả lời:

“Dạ, cháu về cùng với anh em ở khu vực nội thành ni mà.”

Tôi không nghe má tôi hỏi gì nữa. Im lặng một lát, giọng trẻ lại hỏi:

“Bác đã đào hầm chắc chắn chưa? Phải trường kỳ chống đỡ lâu đó bác. Tình hình coi bộ mệt rồi.”

“Dạ.”

“Trời, bác làm cháu dị quá. Cháu vẫn là thằng Đắc như hồi trước mà bác. À, Khâm mô rồi?”

Má tôi giả vờ sụt sùi:

“Khổ lắm anh ơi. Nó đi từ hôm mồng một, về dưới quê ở Bao Vinh rồi có thấy tăm hơi nó nữa mô. Tui đang lo quá, sợ nó nóng ruột đi trở lên tìm dọc đường bị bắt bớ cũng nên. Tui chỉ có mình nó, anh biết đó, nếu nó mệnh hệ nào thì tui sống không nổi...”

Đúng là Đắc rồi. Tôi muốn lên hầm để gặp bạn, nhưng Hường đã nắm chặt tôi lại:

“Đừng anh, anh điên đó hả?”

Giọng Đắc:

“Bác đừng có lo. Ai có tội phải đền. Khâm với cháu vẫn là tình bạn...”

“Anh thương thì tui biết vậy, nhưng giữa đường giữa sá, nó đâu có gặp anh...”

Đắc có vẻ trầm ngâm một lát, giọng hơi bớt tin tưởng:

“Chết có số mà bác. Cháu có số chết thì đã chết từ lâu rồi. Bác đừng gọi cháu bằng anh nữa, cháu buồn lắm. À, bác,

nghe thằng Tịnh nó sang đây hả bác?"

Tôi giật mình. Tịnh nằm bên tôi mà run lập cập. May mà tôi đỡ lời:

"Nó có sang rồi đi rồi. Nó đi họp rồi có về mô nữa."

"Ừa, vậy ai giữ nó. Được, để cháu hỏi rồi thả nó về. Cháu vừa gặp thằng Định anh nó. Thằng Định phải đi học tập, chắc người ta sẽ đưa nó sang bên kia Gia Hội hoặc xuống dưới bãi dâu."

"Đi chi mà xa rứa."

Đắc không trả lời má tôi mà hỏi:

"Hường mô rồi bác?"

Má tôi không dám dấu:

"Em nó sợ quá suốt ngày chui trong hầm hoặc trốn dưới gầm giường, con nó sợ súng đạn bất thần."

"Bác gọi Hường lên đi, cháu chó ai mô mà sợ."

Sợ Đắc xuống hầm, Hường vội vã bò lên khỏi miệng hầm. Tôi nghe tiếng Đắc cười lớn:

"Bộ Hường tưởng tui lên núi rồi về thành cọp ăn thịt người răng mà nghe tiếng tui sợ dữ rứa?"

Hường cố gượng cười khổ sở:

"Em mô có sợ anh, nhưng mấy hôm ni em sợ chết quá."

Đắc ngồi nói chuyện với má và em gái tôi rất lâu. Đắc kể cho má tôi và Hường nghe những nỗi cực khổ trước khi lên núi. Đắc nói nửa khôi hài, nửa mỉa mai:

"Hồi cháu chỉ tranh đấu mà bị bắt, bị đánh đập quá sức tưởng tượng. Bác biết không, chúng nó đập nát cả hai bàn tay của cháu. Người cháu còn đầy sẹo, cháu chết đi sống lại. Ân đền oán trả chó bác. Cháu lên núi tầm sư học đạo, nay thành tài trở về cho chúng biết mặt. Cháu không muốn hại ai, nhưng nợ máu phải trả chó bác."

Không biết khuôn mặt má tôi ra sao mà Đắc lại cười:

“Nói có rứa mà bác tái mét mặt. Đùa cho vui chứ cháu cũng bị ép buộc quá phải lên núi. Cháu đi mô cũng không dứt được Huế. Cháu còn căm lắm bác ời.”

Vừa lúc đó có tiếng chân nhiều người đi vào. Tôi nghe nhiều tiếng nói chuyện và chính Đắc kể lại vụ vừa bắt người ở mấy nhà bên cạnh. Có giọng lẻ nè:

“Thằng cha trốn tài thiệt, không có đồng chí Đắc thì biết đâu mà kiếm cho ra.”

Một giọng khác cười:

“Tôi biết nó trốn dưới nệm giường. Thằng cha đó trong xóm ni ai mà lạ cái mặt hăn nữa chớ.”

Có lẽ một nhóm cán bộ nằm vùng. Họ nói chuyện lớn tiếng và cười đùa vui vẻ. Tịnh hích vào tay tôi định nói, nhưng tôi bịt miệng nó lại. Tôi sợ ở trên miệng hăm họ nghe tiếng. Hường lại hỏi về Ngọc và Phũ. Đắc trả lời:

“Có về hết. Phũ với Ngọc ở ngoài Gia Hội.”

“Em không nghe ai nói gặp hai anh nó hết.”

“Hường thì có đi mô mà nghe, mà thấy. Con gái chi mà nhát quá trời.”

Rồi Đắc nói với má tôi:

“Tiếc thằng Khâm nó kẹt dưới quê, có nó, cháu bắt nó đi làm việc với cháu.” Rồi Đắc chột ngấm nghĩ, “Nhưng chắc cháu cũng không ép nó mô. Khi bác gặp nó, bác nói là cháu với nó khi mô cũng là bạn.”

Đắc ở lại nói chuyện lâu lắm. Đắc hỏi má tôi nhà còn đủ gạo ăn không. Rồi Đắc hứa sẽ đem gạo tới tiếp tế cho cả nhà. Thấy Đắc vui vẻ, má tôi và Hường có vẻ bớt sợ hãi. Má tôi hỏi thăm tình hình, ban đầu giọng Đắc có vẻ khả quan, nhưng về sau sự tin tưởng cũng có vẻ giảm sút. Đắc dặn dò nên làm hăm cẩn thận, xóm ngoài và xóm trong đã có nhiều nhà trúng đại bác. Đắc còn cho biết quân Mỹ đã

tiến vào quốc lộ 1, ban ngày đã lên tới An Cựu. Nhưng Phủ Cam, Từ Đàm, Bến Ngự vẫn còn là khu vực của quân giải phóng. Má tôi không dẫn được than thở: Chắc dân chúng chết nhiều lắm. Tôi không nghe Đắc trả lời câu đó, và tiếng cười vui cũng im bật một lúc lâu.

Trước khi về, Đắc còn hứa là sẽ trở lại thăm. Đắc dặn dò Hường một vài điều nào đó mà tôi nghe không rõ. Chỉ có tiếng Hường dạ nhip. Đắc và mấy người giải phóng, cán bộ vừa ra khỏi nhà một lúc thì tiếng đại bác lại tiếp tục. Má tôi, Hường lại chui xuống hầm. Hường kể lại chuyện vừa gặp Đắc mặc dù tôi đã nghe gần hết. Hường nói trong số tới nhà, có một người còn trẻ, đeo gương cận, chắc cũng cán bộ nằm vùng. Má tôi dặn tôi phải cẩn thận vì Đắc hẹn sẽ trở lại. Bà nhắc tới chuyện Đắc hứa là sẽ tiếp tế gạo và bảo Hường nếu cần gì thì cứ tìm Đắc tới. Tôi nghe và thấy cảm động. Thật ra không chủ nghĩa nào, không lý tưởng nào chia rẽ tình người, tình bạn được. Tôi nghĩ vậy cũng quá nông cạn chẳng. Nhưng mấy ngày hôm sau thì Đắc không có thì giờ tới thăm chúng tôi nữa, mặc dù tôi biết nhiều lần Đắc vẫn đi ngang qua nhà.

Một lần tiếng đại bác vừa ngớt, tiếng súng lớn nhỏ bên ngoài thành cũng đã đến lúc nghỉ xả hơi, tôi bỗng nghe tiếng quát tháo ở ngoài đường. Em gái tôi đã dặn lắm, nó dám bò lên hé cửa nhìn ra đường coi. Tôi nghe tiếng quen quen và nhận ra tiếng của Đắc. Hường ló đầu xuống hầm nói nhỏ:

“Chết cha. Anh Đắc bắt gặp anh Tý rồi.”

Tôi chưa kịp hỏi thêm thì Hường đã trở lên, tiếp tục lên nhìn ra đường. Giọng của Đắc vang từ phía ngoài:

“Các đồng chí để tôi xử tên này. Để tôi quyền ưu tiên. Trước kia nó làm chúng tôi khổ sở điều đứng bao phen. Nó

phải trả tội ác.”

Giọng Tý rên rĩ:

“Lạy anh tha cho em. Chừ em cũng theo giải phóng rồi. Em đeo băng đây anh nì, anh, em đeo băng nì. Mấy ngày hôm nì em hoạt động cho giải phóng, em điểm chỉ bắt nhiều tên Mỹ nguy rồi. Em xin lấy công chuộc tội.”

Đắc cười gằn, giọng cay độc:

“Mày mà cũng biết ăn năn. Không, tao phải xử mày. Mày xuống đứng dưới cái hố tao hỏi tội.”

Có tiếng xô đẩy rồi tiếng kêu thét của Tý:

“Ồi, lạy anh, xin anh tha cho em.”

“Tha cho mày. Hồi trước tao đã lấy tình bạn xử với mày mà mày có tha cho tao mô. Tao bị bắt, bị tù tội, bị đánh đập.” Đắc cười gằn, khôì hài thêm: “Hừ, tao lên núi tầm sư học đạo về đây, chuyển ni mi đừng có hòng.”

Giọng Tý như đang khóc:

“Em lạy anh, tha cho em. Em lạy anh, em biết lỗi rồi. Bởi rứa em theo giải phóng ngay từ đầu.”

“Mày có tài theo mau lắm. Vì rứa tao mới bị đánh đập giam cầm. Mày đứng xuống hố cong lưng xuống, nghe tao hỏi đây.”

“Ý, lạy anh, đừng bắn em chết. Em, em... ý trời, anh... anh...”

Đắc bật cười ròn rã:

“Bắn mày? Không, mày đâu có được chết mau lẹ rứa. Mày phải chết dần chết mòn, chết đau đớn khổ sở. Trong đời tao, tao đã bị oan ức, chứ tao không muốn xử oan ức ai hết.”

Tôi rùng mình. Giọng Đắc hằn học, quyết liệt lắm rồi. Tôi nghe một giọng người nào đó nói:

“Thôi đồng chí, nó đã ăn năn tội lỗi, đã về với giải phóng với nhân dân. Đồng chí nên...”

“Nên gác lại hận thù riêng? Không, hận thù riêng của tôi cũng là hận thù chung của bè bạn tôi nữa. Các đồng chí xin đừng xía vô trường hợp này, xin đồng chí. Chỉ xin các đồng chí trường hợp này mà thôi.”

Giọng Đắc đột nhiên quát lớn:

“Đứng yên đó. Tao chưa bắn đâu, đừng hòng.”

“Lạy anh, thôi, thà anh bắn em chết đi, cho em bớt khổ sở.”

“Không.”

Giọng Tý kêu lớn như gào bể cổ họng:

“Em lạy anh, em lạy anh...”

Tiếng Đắc cười ran. Tiếng cười đầy uất hận xói vào đầu tôi làm tôi choáng váng. Rồi một tiếng súng nổ. Một tiếng thét lớn. Xong rồi. Nhưng không, một tiếng nổ nữa, một tiếng thét nữa. Cứ tiếp tục như thế. Tôi mấy lần thót cả tim, rồi thở phào nhẹ nhõm cho kẻ bị tội. Chết là hết. Nhưng lạ chưa, mỗi tiếng súng là mỗi tiếng thét, thêm một tràng cười điên dại của Đắc.

Tiếng súng ngừng hẳn sau một tiếng kêu hãi hùng của Tý. Lần này thì tôi yên tâm cho Tý rồi.

Bây giờ tiếng súng ở đâu ngoài thành, xa hơn nữa, hình như ở phía chợ, phía cầu Tràng Tiền chi đó lại nổ nữa, rồi tiếng đại bác. Má tôi gọi Hường mau vô hầm. Nhưng Hường như còn hãi hùng với cảnh đã chứng kiến, nó đứng sững ở cánh cửa hé mở. Má tôi phải chạy ra lôi nó vào hầm. Tôi hỏi mày thấy gì. Nó cà lăm, cà cặp, run rẩy mãi mới kể lại cho tôi nghe lại cảnh đã chứng kiến. Đắc đã tìm gặp được Tý. Hắn bắt Tý đứng dưới một hố cá nhân rồi bắt đầu hỏi tội và hành hạ. Đắc xin các đồng chí giải phóng có mặt ở đó được giải quyết mỗi thù riêng và các đồng chí giải phóng đã không ai can thiệp. Tý đứng dưới hố, cứ mỗi lúc Đắc đưa súng lên nhắm vào trán Tý mà bóp cò, Tý lại

nhắm mắt, khuôn mặt lạnh lùng chờ đợi. Nhưng rồi phát súng chờ đợi không nổ. Đến khi phát súng chờ đợi nổ thì Tý vẫn không chết. Mỗi phát đạn cứ lướt qua màng tang, qua đầu, qua bên vai và mỗi lần như thế Tý cứ tưởng là đã lưu lại thế gian tiếng thét cuối cùng của nó. Sau đó, Đắc kéo Tý lên rồi dẫn đi.

Chiếc hố bỏ trống đó, mấy ngày sau, Hường kể cho tôi nghe, có một người lính giải phóng chết gục trong đó, đầu kê lên miệng hố và mặt quay vào phía nhà tôi. Tôi đoán chắc trước khi chết, anh còn kịp nhìn thấy những bông mai vàng trong sân và một phần mái nhà bị sập đổ vì mảnh đạn hay những phát B40 của đêm đầu tiên khai hỏa.

Tôi không còn nhớ những ngày sau đó là mùng mấy hay mười mấy nữa. Mặt trận đã lan tới nội thành rồi. Tiếng đại bác ngày đêm rơi không ngớt. Bờ thành sập nhiều chỗ. Người ta đồn cửa Đông Ba, cửa Thượng Tứ, cửa Sập đều bị bắn đổ xuống, chắn hết lối ra vào. Mấy ngày đầu chúng tôi còn ra khỏi hầm nấu ăn được. Nhưng mấy hôm sau, tiếng đại bác rơi không ngớt, rồi tiếng súng bắn ra ngoài thành như mưa. Má tôi và Hường phải kéo bao gạo xuống hầm và chúng tôi nhai gạo sống cho đỡ đói. Nhai gạo sống, uống nước lạnh, trời lại rét như cắt ruột gan, hơi đất thấm vào người, cả nhà bị đau bụng. Chúng tôi phải canh chừng tiếng đại bác, leo lên hầm tiểu tiện ngay ra nhà. Đôi lúc đang nửa chừng, nghe đánh ình một tiếng, không chạy mà cũng tự động rơi tọt xuống hầm như bị ai nắm quăng xuống hố.

Cứ sống như thế mấy hôm, người chúng tôi xanh lướt. Hường không chịu nổi nữa, nó khóc rầm rứt suốt ngày. Vậy mà đâu được yên thân. Mặc tiếng đạn đại bác, mặc máy bay, các anh lính giải phóng vẫn tìm cách tới trước cửa từng nhà, kêu gọi đồng bào góp sức chiến đấu với mặt

trận. Khẩu hiệu là: Không dung giặc Mỹ, không chứa chấp Việt gian, không sồn lòng trước áp lực súng đạn. Nếu cần, tất cả đồng bào lớn bé tràn ra hết ngoài đường chiến đấu với Mỹ nguy.

Mỗi lần nghe như thế, chúng tôi run như cầy sấy. Những người chung quanh chết mỗi ngày mỗi nhiều. Ngay ở đằng sau vườn nhà chúng tôi, có ba bốn xác chết bỏ lại, không biết dân hay giải phóng. Ban đêm, đôi khi chúng tôi nghe tiếng la hét ở đằng sau vườn. Hoặc họ bắt người dẫn ngang qua nhà, tiếng van lạy kêu khóc đến nỗi người.

Một ngày nữa trôi qua, chúng tôi vẫn còn sống. Nhưng ngôi nhà bên cạnh bị một quả đại bác câu tới tan tành. Nhà sát đó bị miếng rơi tung cả mái tôn và chiếc hầm đang ở trong nhà thành hầm lộ thiên. Ánh sáng chiếu vào hầm làm mọi người sợ hãi. Vậy là họ liều chết chạy ra đường, sang nhà tôi xin trú ngụ.

Mặc dù chật chội, hơi hám hơn, nhưng sự có mặt của nhiều người làm chúng tôi yên lòng hơn. Những người mới tới cho biết đã có nhiều đoàn người tản cư ra ngoài bờ sông, mặt Gia Hội. Nhưng Hường quả quyết rằng, chính Đắc nói trường Gia Hội là nơi trú đóng của bộ chỉ huy Việt cộng, nơi đó còn dùng để làm tòa án nhân dân nữa. Tôi can má tôi. Tản cư ra đó, khác nào đút đầu vào miệng cọp.

Chỉ có một tạ gạo mà thêm bao miệng người ăn, chúng tôi phải ăn cầm chừng. May gia đình tản cư tới không có trẻ con, nên nhịn đói nhịn khát được. Mỗi sáng chúng tôi nhai một nắm gạo, trưa một nắm, chiều một nắm.

Chỉ có vậy mà bao gạo vơi đi một cách đáng sợ. Có lẽ hết bao gạo này, chúng tôi chưa chết vì bom đạn thì cũng chết vì đói khát. Mỗi ngày mọi người nhìn nhau, thở dài hoặc ứa nước mắt. Không ai còn đủ sức bàn vô tán ra nữa.

Một buổi trưa, mọi người đang ngồi trong hầm nhai gạo sống thì có tiếng xô cửa rồi tiếng gọi:

“Mợ ơi, mợ ơi.”

Má tôi nghe và nhận ra tiếng đứa cháu trai ở đường Mai Thúc Loan. Bà mừng rú lên:

“Đây nì, dưới hầm nì con ơi, xuống mau.”

Một cái đầu ló vào. Thăng Tam. Nó run lập cập, mặt mày tái mét. Má tôi kéo nó sát vào người:

“Mạ với ba mô rồi. Răng đi một mình?”

Tam òa khóc:

“Mạ chết khi chạy ra đường với cháu rồi. Mạ biểu cháu cứ chạy đi, mạ hoa tay trợn mắt. Cháu không chịu đi. Khi mạ chết cháu mới đi.”

Mạ tôi khóc òa:

“Trời đất ơi. Còn ba mô? Ba mô nói cho mợ biết.”

“Ba bị bắt đi rồi. Ba bị bắt trời dẫn đi cùng với nhiều người khác nữa. Nghe nói bị đưa lên cửa thành cho đại bác bắn xuống. Mợ ơi, mợ ơi...”

Tam khóc ngất. Má tôi cũng khóc ngất. Tôi nổi gai ốc đầy người. Tại sao lại đưa dân lên cửa thành cho máy bay bắn xuống chết. Những người này có tội tình gì? Lại mấy thằng cha cán bộ địa phương tư thù tư oán đây mà. Chòm xóm láng giềng mà giết nhau đây mà. Tôi giận căm gan, muốn hét lớn một tiếng cho đỡ tức. Tam vẫn nức nở:

“Họ ác lắm mợ ơi, họ bắt mấy người tình nghi đem lên thành trời lại cho máy bay Mỹ tưởng là Việt cộng bắn xuống. Hôm qua mười mấy người, hôm ni mấy chục người. Chắc có ba cháu rồi.”

Má tôi đập tay đập chân. Giọng Hường yếu ớt:

“Khóc mần chi má. Trước sau cũng chết. Thà chết trước còn sướng hơn. Con muốn chạy ra đường cho máy bay bắn

chết cho rồi. Sống như ri khác chi chết đày chết đọa.”

Có tiếng súng nhỏ nổ ran trước mặt đường. Má tôi và Tam ngừng bật tiếng khóc. Hình như quân giải phóng dẫn một đoàn tội nhân đi qua. Có tiếng kêu khóc, có tiếng la lớn. Má tôi ôm lấy ngực. Con Hường há hốc mồm rồi ngã vật xuống đất. Tôi sờ tay nó thấy lạnh ngắt. May người hàng xóm tới ở nhờ có chai dầu xoa khắp người Hường. Một lát sau nó hơi tỉnh, rên rĩ:

“Ghê quá mạ ơi. Ghê quá anh ơi...”

Rồi nó khóc. Hình như nó đang khóc trong cơn mê sảng. Tôi cầm chặt tay em gái. Tội nghiệp cho nó. Nó ăn gạo sống lâu ngày không chịu nổi, cái bụng căng phình như bị báng. Miệng nó trào bọt mép. Một lúc sau nó tỉnh hẳn. Nó ôm chặt má tôi:

“Con không chịu được nữa. Chắc con chết.”

Giữa cơn bom đạn như mưa bên ngoài, má tôi vừa khóc vừa bò lên khỏi miệng hầm. Bà lục lọi gì lâu lắm. Tôi sốt ruột cứ thò đầu lên gọi:

“Má, má xuống hầm liền đi.”

Mãi má tôi mới xuống. Trên tay bà cầm đòn bánh tét mốc meo. Bà lột lớp lá và đưa cho Hường, lúc đó đang nằm bẹp xuống đất mà thở như sắp đứt.

Bắt đầu từ đó, hết đêm kinh hoàng này nổi tới ngày kinh hoàng khác.

Tôi không tài nào ngủ được. Không còn một ai dám lên miệng hầm nữa. Thức ăn cạn dần.

Bao gạo gần hết mà chúng tôi lại thêm một miệng ăn. Tam kẹt lại luôn. Không dám một mình trở về nhà nữa.

Hường bệnh nặng, nằm rệp một chỗ. Má tôi cứ ngóng bước chân đi trên mặt đất, hy vọng Đắc trở lại. Nếu Đắc còn trở lại, chúng tôi còn nhờ vả được. Một buổi chiều,

chúng tôi nghe tiếng chân đi nhẹ vào nhà, rồi tiếng người ngã phịch xuống. Một lát sau nhiều tiếng chân khác đuổi tới. Một tiếng súng nổ. Một tiếng kêu thét lên. Nhiều tiếng lao xao nói cười: Có chạy đằng trời. Một giọng khác có vẻ ngạc nhiên: Nhà ni chắc không có người ở. Có hầm, chắc họ ở dưới hầm. “Lục soát coi, đôi khi ngụy quân trốn trong đó.” “Ồi cút đái tùm lum, chắc chẳng có ai. Thúi quá, đi ra.” Tiếng chân xa dần. Má tôi mừng rỡ tới ứa nước mắt. Đồng phân rác dơ dáy bừa bãi giữa nhà đã cứu chúng tôi. Má tôi hít một hơi dài, gật đầu: Bây giờ mới thấy quý đồng phân. Tôi cũng vậy, không còn ghê sợ mùi hôi thối xông xuống nữa.

Chắc họ đi, bỏ lại một xác chết ngay giữa nhà chúng tôi nữa. Tôi thắc mắc không biết xác của ai. Tôi nghĩ tới Tý. Cũng không có thể là Tý. Đắc đã bắt đi, không dễ dàng gì cho hắn trả nợ nhẹ nhàng thế. Nhưng tôi chỉ thắc mắc một chút rồi thôi, nỗi lo sợ nhất của tôi là vài hôm nữa xác chết sẽ sinh thúi, và chắc chắn mùi xác chết trộn với phân người sẽ không dễ ngửi như mùi tôi đang ngửi.

Rồi bao gạo cạn dần, cạn cho tới đáy. Buổi sáng hôm đó, má tôi báo động hết thức ăn. Gia đình tới tạm trú có vẻ băn khoăn vì họ cho là có trách nhiệm trong vụ đói khát cận kề. Nhưng dù không có họ thì gạo cũng sẽ hết và chúng tôi cũng sẽ chết đói. Hết nhanh hay chậm cự thêm hai ba hôm nữa cũng thế thôi. Má tôi khóc:

“Khổ chưa nì, không chết bom đạn mà chết đói mới khổ thân chớ.”

Rồi bà ôm Hường khóc vùi.

Sau đó chúng tôi nhai những hạt gạo cuối cùng một cách thận trọng như sợ một vài hạt sẽ rơi vãi mà không có cách gì tìm thấy lại được.

Gia đình hàng xóm nhất định nhin, nhưng má tôi vẫn chia: Ôi, có chết thì cùng chết. Ăn đi rồi chết. Mọi người khóc lóc, nhưng không ai dám khóc to, sợ có người nào trên mặt đất nghe thấy.

Hình như nhiều căn nhà chung quanh chúng tôi đã sập đổ. Nhiều tiếng nổ thật lớn làm dội tức cả ngực. Đôi khi chúng tôi tưởng như tiếng nổ đã cày xới mất căn nhà ở và nhắm mắt chờ chết, một lúc sau những tiếng nổ dịu bớt, chúng tôi mới biết là mình vẫn chưa hề hấn gì.

Tiếng súng lẻ nổ đã gần hơn, hình như đã cận kề ở miệt phố. Tôi bỗng nảy ra một ý định:

“Má, mình đi trốn đi, ở đây chắc thế nào cũng chết.”

“Tao không còn biết chi nữa. Tùy mày định liệu đó.”

Chúng tôi lại nhin đói thêm hai ngày nữa. Hường mệt lả. Hai gia đình chúng tôi bàn soạn việc đi trốn. Tam cố bò lên miệng hầm, mặc tiếng súng đạn, hấn lần ra cửa xem xét ngoài đường. Một lúc sau, hấn chui xuống hầm, giọng có vẻ mừng rỡ:

“Ngoài đường người ta đi đông lắm. Lâu lâu lại có một tốp người chạy về phía cổng thành.”

Má tôi bật dậy:

“Mình đi theo họ.”

Nhưng Tam gạt đi:

“Không, chỉ đàn bà và người già. Không thấy đàn ông. Đàn ông họ đi đâu hết rồi.”

Má tôi bàn việc giả dạng. Mấy người đàn bà bế Hường chạy trước, còn tôi giả mặc quần áo đàn bà, đội khăn đi theo sau. Tôi hỏi:

“Còn Tam làm răng. Vô lý cũng giả dạng nữa.”

Tam buồn rầu:

“Sống chết có số mạng. Anh cứ lo phần anh.”

Ngay xế trưa hôm đó, chúng tôi bồng bế, diu dắt nhau lên khỏi miệng hầm. Vật đập ngay vào mắt tôi là xác một người đàn ông sinh to nằm sấp, máu me đã đặc khô lại. Hai tay hằn dang ra như ôm mặt đất. Chúng tôi không nhìn rõ mặt hắn. Tam bận rộn việc hóa trang cho tôi. Tôi mặc quần áo của Hoàng, đầu trùm khăn kín mít. Má tôi thu xếp một ít thứ lặt vặt gói vào một cái bọc rồi giục giả mọi người ra đường.

Cánh cửa bật mở. Tôi chói mắt lão đạo muốn té. Khi quen với ánh sáng rồi tôi mới nhận ra mọi cảnh vật đổi thay. Không còn một hình dạng cũ nào được giữ lại. Lạ lùng, căn nhà của tôi chưa trúng đại bác vẫn trơ vơ giữa những khu vườn xơ xác, những ngôi nhà đã tan thành đồng gạch vụn. Đâu cũng có người chết, trong sân, đầu ngõ, ngoài đường. Những vũng máu đã khô hoặc còn mới. Tiếng đại bác vẫn câu đều đều từ phía trong thành nội, những tốp người tiếp tục chạy ra. Họ vừa chạy vừa la khóc rền trời. Không ai hỏi ai, không ai nhìn ai.

Ngay giữa đường, hai bên đường, những miệng hố lớn do người đào, do bom đạn đào cũng có. Vừa chạy tới đường Mai Thúc Loan thì một loạt súng nhỏ ngoài thành bắn vào như mưa. Đoàn người chạy đằng trước có vài người ngã xuống. Tức thì họ quay đầu trở lại, một đàn ong tan bầy. Tôi vội kéo mọi người chạy trốn vào một căn nhà đổ nát ngay lề đường. Nhà đã sập, chỉ còn mấy bức tường trơ vơ. Chúng tôi chui vào đằng sau bức tường, leo qua đồng gạch lớn. Nhà này có một cái hầm cát nhưng hầm cũng bị trúng đại bác tan tành, bao cát vỡ tứ tung, các cây gỗ gãy văng la liệt. Và giữa những bao cát bị đào lên, giữa những thanh gỗ lớn, xác một người Mỹ nằm sấp, mặt nhìn ra ngoài đường. Tay anh ta đưa ra trước mặt và nắm chặt lại. Tôi tò mò nhìn

kỹ, thì ra đó là một bức ảnh nhỏ in hình một người đàn bà tây phương đang áp má bên một đứa bé gái bụi mắt. Cả hai mẹ con cùng cười, tươi thắm giữa vườn cây trái tươi tốt. Người Mỹ còn trẻ lắm, anh ta chưa tới ba mươi tuổi, mái tóc vàng hoe dính bết máu. Xung quanh xác chết của anh ta, chiếc ví da xổ tung, giấy tờ, thư từ rơi vung vãi cùng chiếc bật lửa và những giấy đạn còn mới nguyên, bị đứt ra từng đoạn. Tam tò mò hơn, nó nhìn sát vào tay người Mỹ và đọc được giòng chữ nhỏ đằng sau bức ảnh. Hắn lẩm nhẩm: Lạy Chúa, cho con gửi lời cầu xin năm mới sang Việt Nam cho chồng con. Chiến tranh chấm dứt và gia đình đoàn tụ. Lẩn trong đồng thư từ rơi vãi, Tam lượm được một chiếc ảnh nữa, cũng người đàn bà, gần như không có mảnh vải che thân đang nằm sấp trên chiếc giường rộng trống trải với một lời đề đằng sau, tả nỗi nhớ chồng thê thiết.

Không biết ngày thứ mười mấy hay hai mươi mấy mà người Mỹ đã vào được tới đây. Có lẽ họ đã đến và bị đẩy lui. May mà chúng tôi đã tìm ra tới được đây. Khi chúng tôi ra tới đường, hình như nơi con đường chúng tôi ở không còn một gia đình nào nữa. Họ đã chết hoặc đi từ lâu rồi. Hường ngồi ủ rũ dựa lưng vào đồng gạch, nó gơ tay che mắt không dám nhìn xác chết.

Người đàn bà lớn tuổi nhất ở nhà hàng xóm trú ngụ nhà tôi bò ra ngoài nhìn rồi ngoắc chúng tôi:

“Ngoài đường có người đi rồi. Đi đi thôi.”

Chúng tôi lại dắt dìu bồng bề nhau đi. Nhưng cứ một đoạn, chúng tôi lại chạy ào tìm chỗ tránh đạn hoặc nằm mọp xuống đất khi nghe trên đầu có tiếng rạt rạt. Mỗi lần có tiếng rạt rạt trên đầu là có tiếng nổ của đại bác. Đằng trước chúng tôi có người trúng đạn, đằng sau chúng tôi có người trúng đạn. Đoàn người chạy loạn bồng dưng tụ tập

hết gần nơi cửa thành. Người tôi run lên. Họ kiểm soát chắc. Chúng tôi đến gần. Có một toán quân giải phóng đang ngồi ở đó. Họ không ngăn chặn nhưng đoàn người tự động dừng lại trước những mũi súng gờm gờm như sẵn sàng nhả đạn. Tôi kéo vuông khăn che đầu tóc, che mặt cho thấp xuống.

Má tôi vội nhét vào túi áo trong của tôi một gói tiền nhỏ rồi bà bế xốc Hường lên.

“Đàn bà được đi qua. Đàn ông thanh niên đi trở lại.”

Một giọng cứng rắn từ trong toán giải phóng đang ngồi dựa lưng bên cửa ra lệnh. Tam tái mặt, nó cố lẩn trong đám đàn bà trẻ nít. Tôi nín thở đi qua. Mấy đôi mắt gườm gườm nhìn thẳng vào mặt. Bỗng có tiếng nói:

“Anh kia đứng lại.”

Tôi giật thót cả người, không dám nhìn lại. Họ nói tôi hay nói ai. Nhưng tay ai đã đẩy lưng tôi đi thẳng tới phía trước. Tiếng Hường rên rỉ như đau đớn lắm. Tôi biết một phần nó đau đớn thật và một phần nó làm bộ kêu la. Bỗng Tam vùng chạy về phía trước. Một tràng súng đuổi theo nhưng hình như súng chỉ bắn lên trời. Đoàn người tràn ra cửa thành đông quá. Tam nhờ đó cứ vừa lách vừa chạy. Nghe tiếng súng, ở bên ngoài có tiếng súng đáp trả. Hai bên lại bắn nhau loạn xạ. Chúng tôi lạc bầy nhau chạy bán sống bán chết. Một tràng đạn réo bên tai. Tôi vội nằm xuống đất, và khi đứng dậy được thì má tôi, em tôi, Tam và những người hàng xóm đã chạy lạc đâu mất rồi. Tôi chết điếng người, má tôi, em tôi, có mặt trong đoàn người chạy phân tán các ngã hay đã nằm trong đống xác vừa mới ngã dềnh sau lưng đang còn nóng hổi, tràn trề sự sống kia? Tôi muốn quay lại nhưng không được nữa. Súng đạn xô tôi chạy mãi về phía trước. Tôi đã ra tới phố Phan Bội Châu.

Lúc này, rõ ràng tôi nghe nhiều tiếng súng bắn vào cửa Đông Ba, và quân Việt cộng bên trong bắn trả lại. Nhưng ra tới đây, sao tôi không thấy bóng một người nào hết. Chỉ có những xác chết. Xác Việt cộng chết từ lâu hoặc còn tươi, xác dân chúng đi tản cư. Tôi nhìn thấy nhiều cảnh thương tâm lắm. Những chị đàn bà chết trong tay còn ôm chặt con. Những người đàn bà bụng chứa chết lòi con ra ngoài. Thấy chạy ở ngoài đường nguy hiểm quá, tôi xô cửa vào một căn phố gần đó.

Căn phố bỏ trống. Tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy những lỗ hổng lớn đục nơi bức tường cứ tiếp tục thông từ nhà này sang nhà khác. Tôi nghĩ là Việt cộng họ dùng lối này để di chuyển chằng. Nhưng tôi không dám mạo hiểm leo sang những căn nhà khác. Căn phố này chưa sập đổ hoàn toàn, nhưng tôi kiểm hoài không ra được một chút thức ăn nào hết. Cực chẳng đã tôi phải tìm sang nhà khác, kiểm bất cứ cái gì ăn cho đỡ đói. Khi tôi nhặt được một túi bánh mì khô bên cạnh xác một em bé chết đã lâu mặt mũi sinh thối, thì tôi cũng bị trúng một viên đạn vào tay. Tôi tự bằng bó bằng áo của em bé đã chết, và viên đạn đến bây giờ vẫn còn mắc cứng trong thịt, có lẽ tôi đau nhức hơn cả là vì vết thương này.

Tôi không hiểu làm thế nào mà tôi còn sống sót được khi chạy tới bờ sông. Tôi không biết, không nhớ rõ khúc sông nào. Lúc nhìn thấy mặt nước, tôi khát cháy cổ họng, người khô quắt không còn một giọt mồ hôi. Sau lưng tôi, trên đầu tôi, tiếng súng nổ. Tôi bỗng cảm thấy đau nhức khắp người và hình như máu trong người tôi đang chảy ra như suối. Mặc, giòng sông xanh trước mặt êm ả quá, màu xanh ban đầu làm mắt tôi dịu lại, rồi tất cả giòng sông chụp lấy tôi, nhận chìm tôi xuống. Tôi đã lết tới sát bờ sông, tôi vục cả

mặt mình xuống, trườn cả người xuống, giòng nước mát lạnh như muốn đông tôi thành một tảng băng. Rồi có tiếng la chói vói: Cứu người ta vói, cứu người ta vói. Tôi bị nhấc bổng lên một con thuyền, và tôi thiếp đi.

Khi tôi tỉnh dậy thì thuyền đã qua sông. Tôi bị mấy vết thương khá nặng. Có bao nhiêu tiền, tôi dốc cho người lái đò đã cứu sống tôi hết. Tôi từ giã người lái đò rồi cố gắng vừa bò vừa lết lên đường.

Hình như tôi bò ngang qua nhiều xác chết lắm. Tôi đến được trường Kiểu Mẫu. Ở đây, người ta tị nạn đông lắm, đông đến nỗi tôi không còn có chỗ nằm. Tôi được băng bó sơ sài, được ăn uống. Người ta khuyên tôi nên đi về phía An Cựu, ở đó đã yên, may gặp quân đội, họ chở về Phú Bài mới có thuốc thang băng bó. Tôi đã đi qua bao nhiêu con đường nhỏ, tôi có ngang qua bưu điện nữa thì phải, cứ ở chỗ này có tiếng súng, tôi bò tránh sang chỗ khác. Nơi bưu điện, tôi thấy có mấy xác Việt cộng bị xích chân nơi khẩu đại liên. Họ đã chết. Một nơi khác tôi cũng thấy tương tự như thế. Khi tới cầu An Cựu, tôi thấy có lính mình và người Mỹ. Tôi chưa kịp đi tới thì xảy ra tiếng súng, tôi vội lết vào con đường nhỏ để tránh đạn. Khi đi qua đoạn đường hồi nãy anh cứu tôi, tôi bị một phát súng trong vườn bắn ra. Tôi ngã ngay xuống đất. Dù vậy, tôi cũng cố lết tới cái hố bom để tránh đạn lạc. Khi ở trường Kiểu Mẫu, tôi thấy có nhiều ngôi mộ mới. Người ta nói: mỗi ngày có mấy người chết. Hoặc bị thương từ trước, hoặc trúng bom. Tôi tưởng qua tới đây thì có thể về Phú Bài được. Nhưng giờ thì tôi hết hy vọng rồi. Tôi không hiểu sao tôi còn tỉnh táo tới phút này để kể cho anh, cho chị nghe chuyện của tôi được. Có lẽ máy bay đã xa rồi.

Thôi anh chị để mặc tôi, chạy đi, không họ tràn tới bây

giờ. Xin dừng tôi nơi cánh cửa, không, nơi cái cột kia cũng được. Tôi còn nhìn thấy mưa, thấy cỏ cây. Bụi cây trước mặt chưa có một vết đạn nào tới phá, mưa gội sạch hết để tôi nhìn...

Thái dựng người thanh niên nơi chiếc cột ngó ra góc vườn. Ở đó có một chậu cây. Mấy chậu hoa thược dược trắng và tím vẫn nở. Xa hơn là một bụi cây lớn đang nằm nghe mưa vỗ về. Có lẽ máy bay sẽ trở lại thật. Thái ngó ý muốn đi và đem người thanh niên theo, nhưng anh ta mỉm cười lắc đầu. Tay anh bắt đầu run, môi anh ta tím bầm lại và đôi mắt chớp nhanh như muốn thu hút hết bầu trời và cảnh vật trước mắt. Đôi mắt dại dần như có một cái màn mỏng kéo tràn qua. Thái cầm chặt tay anh ta. Nơi khoe mắt sắp tàn lụi bỗng rõ xuống hai giọt nước mắt và miệng anh mấp máy. Anh cố nhướn lên như muốn thu hết mọi hình ảnh rồi đứng trông. Thái lắc đầu. Tôi thụt lùi lại đứng đằng sau lưng Thái. Thái nhẹ nhàng vuốt mắt cho người thanh niên, rồi đặt xác anh ta nằm thẳng bên chiếc bể cạn.

Trời mưa nặng hạt hơn. Tôi thờ thẩn theo Thái ra ngõ. Trước ngõ, mấy xác Việt cộng vừa mới chết. Họ nằm sắp có, ngựa có. Thái vuốt mắt cho từng người rồi kéo tay tôi đi. Tôi bỗng hoảng kinh muốn vọt chạy tới đằng trước. Thái hỏi:

“Chi rửa chị?”

Tôi nói không ra hơi, đưa tay chỉ lui. Xác một Việt cộng vừa mới được Thái vuốt mắt xong đã nhắm, bỗng lại mở trừng trừng ra, như nhìn theo chúng tôi. Thái xô tôi tới trước:

“Thôi kệ, đi đi chị. Đi đi mau.”

Chính chân Thái cũng quỳnh lại. Hai chị em dắt díu nhau chạy thoát con đường nhỏ. Một lúc sau tới đồn An Cựu, thấy có thúng hột vẹt của ai bị đổ rơi vãi đầy đường, Thái

nhặt được ít quả còn nguyên bỏ vào túi.

Hình ảnh người thanh niên tên Khâm vừa mới chết trong một căn nhà lạ cứ ám ảnh tôi mãi. Hẳn kể tình tảo vậy tại sao lại chết chóng vánh như thế? Cái chết thiệt dễ dàng và đôi khi không giải thích nổi. Hẳn đã ở nơi bom đạn trong suốt bao nhiêu ngày, bị bao nhiêu vết thương. Trốn chạy mãi sang gần tới nơi bình yên thì lại chết vì một viên đạn nào đó trong vườn, từ sau một bụi tre bắn đi. Cái chết thật như sự bốn cột.

Vậy số phận tôi, số phận gia đình tôi lấy gì bảo đảm. Tôi đã chạy cùng khắp, về nhà quê, lộn lại lên Huế. Ở nhà quê cũng có người chết vì đại bác rơi lạc. Về thành phố, tìm nơi an ổn nhất cũng có những viên đạn đi lạc hết sức vô tình. Tôi bỗng bàng hoàng cả người khi nghĩ tới những ngày ở nhà thờ, ở Cung An Định, những ngày chạy từ Tân Lăng về miệt đường rầy. Ở đâu cũng đầy cái chết mà chúng tôi chưa biết, chưa chết, chớ không phải là không thể chết.

Ban đầu tôi nghe đồn là Việt cộng ở chơi ba ngày, rồi tăng lên bảy ngày. Rồi tin cụ Hồ vào thăm dân. Cụ chưa vào mà thành phố đã chết đứt một nửa, đã tan nát sụp đổ gần hết. Ngày cụ vào, chắc gì con cháu còn sống để hoan hô cụ. Nhìn đồng bào chết, lòng tôi không khỏi xót xa, nhưng nhìn những xác Việt cộng tôi cũng không thể căm thù họ. Họ cũng chết la liệt cho bác Hồ vô Huế. Thái nói:

“Răng tự nhiên chị khóc?”

Tôi phải nói là tôi sợ lắm. Chắc Thái cũng đang nghĩ gì mà tôi nhìn thấy mắt nó buồn hiu. Về tới nhà, má tôi đang đứng lấp ló ở cửa. Bà chạy xổ ra kéo chúng tôi vào nhà, vừa mắng vừa khóc:

“Tụi bây thiệt. Tụi bây thiệt làm tao hết hồn hết vía.”

Rồi bà kéo chúng tôi vào nhà. Trên bàn thờ ba tôi, mùi

nhang bay thơm phức. Dì Vạn đang thổi cơm bằng chiếc bếp nấu dầu hôi ở một góc nhà. Dì nói:

“Trưa ni ăn cơm có đủ đủ kho nghe bây. Dưới Thủy Dương vừa mang lên, của cậu mợ Giáo gửi cho đó.”

Thái ngơ ngác:

“Ai lên, lên khi mô? Mới đánh nhau mà.”

“Thì nó lên rồi bị kẹt ở Mù U. Nó phóng xe như bay tới đây, ngót súng là về liền.”

Tôi hiểu dì Vạn nói nó đây là ai rồi. Chắc con trai của cậu Giáo.

Má tôi nói:

“Đừng có mở cửa nghe. Có nhiều nhà người ta về rồi. Mở cửa sợ Việt cộng biết.”

Trưa đó, chúng tôi đang ăn cơm thì nghe một tiếng nổ như sét trên đầu. Cả nhà lại vất hết bụng đầu chui vào hầm. Lại đánh nhau chẳng? Nhưng chỉ có một tiếng nổ lớn rồi thôi. Hai cánh cửa sổ đang đóng bật ra, thêm một ít ngói trượt để lộ những mảnh da trời màu chì. Mấy tiếng đồng hồ sau chúng tôi mới biết là một toán lính Mỹ đi ngang gần đồn An Cựu, ngồi nghỉ chân tại bên đường, kiểm lại thấy mất một cây súng. Vậy là họ kéo vào một căn nhà lầu đẹp nhất bỏ trống, đặt mìn giật nổ cho hả giận.

Chương 8

Trở về ngôi nhà cũ

Nhà ở đằng trước đã trở về. Trước Tết, tôi thấy nhà này đông lắm, con cháu ra vô đầy sân. Khi ba tôi mất, ông chủ nhà cũng có qua thăm viếng nữa. Vậy mà bây giờ chỉ có hai người con trai trở về. Họ mặc quần áo đại tang và đội mũ trắng trên đầu.

Tôi biết được họ về là nhờ nghe được tiếng khóc. Một buổi xế trưa, khi vừa chui ra khỏi miệng hầm để giúp dì Vạn lấy nước vo gạo, tôi bỗng nghe tiếng khóc ai oán ở nhà trước mặt ngõ. Dì Vạn khoát tay:

“Im, ai khóc mà dễ sợ rứa. Ai khóc như ma khóc rứa hề.”

Tôi nói:

“Con nghe chừng như tiếng đàn ông.”

Thái bò ra:

“Tiếng khóc bên nhà trước mình, hình như nhà bác Năm thì phải chị hỉ!”

“Chắc vậy.”

“Để em ra sân nghe thử coi.”

Thái thoát ra sân. Tôi vội vã chạy theo nó. Đúng tiếng khóc ở nhà trước ngõ thật. Ngôi mộ trước sân ai đã thấp hương, làn khói mỏng manh bay là là sát mặt đất rồi tan

loãng rất mau. Thái đứng trước cây dừa nhìn vào. Một cái đầu rồi hai cái đầu ló ra. Hai người con trai lớn của gia đình này. Mặt mũi đỏ hoe và mắt chưa ráo lệ. Thái hỏi thăm:

“Mấy anh về rồi đó à?”

“Không, tui tui về rồi đi liền. Về coi nhà cửa ra rãng.”

Thái chỉ ngôi mộ:

“Mộ bác gái đây phải không? Hôm nớ mà chôn được, kể bác gái cũng có phước lắm.”

“Mạ tui chết ngay tại nhà mà. Còn con em tui chưa chết, vì chưa chết mới mang họa.”

“Ừa, chắc cô đã bị thương nặng lắm.”

“Nó cũng chết rồi.”

Người em đưa tay lên trời, chỉ về phía thành phố đang bốc khói:

“Tui thì không đội trời chung với chúng nó. Anh thử coi, con em gái tui bị thương sáng đầu tiên, nhà cháy. Ba tui với em tui chở nó đi nhà thương. Khi nớ mô đã biết Việt cộng chiếm hết thành phố. Rõ ràng là Mỹ với Việt cộng bắn nhau rồi nhà tui cháy. Đạn trúng mạ tui không phải B40 mà là đạn của Mỹ ở ngoài đường bắn vô. Mạ tui chết vì đạn Mỹ chớ không phải của Việt cộng. Rồi ba tui chở em tui, chị gái tui cũng đi theo, đi giữa đường bị trúng bom đạn chi đó chết luôn. Chôn ngoài trường Kiểu mẫu. Trời ơi, tui tui tới nơi chỉ còn thấy mấy cái thẻ kiểm tra và cái bình thủy đựng nước sôi đã nguội ngắt đặt bên mấy ngôi mộ vùi nông.”

“Mấy anh tìm ra mộ bác rồi?”

Cả hai người cùng sụt sùi. Họ chùi nước mắt:

“Mấy ngày trước lặn. Tui nghe họ chỉ chạy ra tới nơi tưởng chết. Rồi tui về đây núp đạn đầu tiên hết. Trong xóm mô có ai. Rửa mà ghê quá, một quả bom chi đó không biết nữa rơi sụp mái nhà, chui tọt vào miệng hầm, cái đầu

chống ngược như một mũi tên, mà nó không nổ. Anh em tui nhắm mắt chờ nó nổ, nó không nổ. Về sau chạy ra được khỏi hầm. Chờ trở về nó vẫn còn mà chưa nổ. Đi tản cư tui cứ lo nó nổ thì tan tành sự nghiệp.”

Tôi sợ tái người. Té ra mấy ngày nay trở về, chúng tôi sống bên một ngôi nhà chứa một đầu bom lớn. Nếu nó nổ, bên nhà chúng tôi không khỏi bị họa lây.

“Bây giờ mấy anh đi mô?” Thái hỏi.

“Chờ tui tui về Phù Lương. Ở đây sợ lắm.”

Hai người con trai sửa soạn ít thứ cần dùng, ra thấp nhang thêm nơi mộ người mẹ rồi chào chúng tôi, đi ra đường. Thái chạy theo hỏi:

“Mấy anh đi bộ.”

“Không, xuống khỏi Mù U có xe Lam rồi. Xe lên tới rồi.”

Tôi mừng như bắt được vàng:

“Thế hả. Anh làm ơn cho hỏi, xe có qua Thanh Lam không.”

Tôi sực nhớ tới một nơi mà tôi có thể nhờ cậy được. Ở Thanh Lam có một cơ sở nhỏ, chi nhánh của nơi tôi làm việc. Nếu có xe Lam, tôi sẽ đi xuống đó để nhờ họ giúp đỡ trở lại Sài Gòn. Một trong hai người vừa đi vừa trả lời tôi:

“Có, có.”

Tôi chạy một mạch vào nhà. Má tôi hỏi ai khóc đó. Tôi không trả lời câu hỏi của má tôi mà tíu tít khoe:

“Con sắp đi Sài Gòn được rồi.”

“Hí. Mi đi Sài Gòn.”

“Đường đi về Thanh Lam được rồi. Con sẽ về đó xin phương tiện về Sài Gòn.”

Má tôi chưng hửng:

“Thiệt không? Tao không tin được.”

Tôi kể chuyện hai anh em con trai nhà đảng trước ngõ cho má tôi nghe. Má tôi hiểu ra và mừng rỡ. Miễn là thoát

được vô với chồng con. Tôi bỗng tím lịm người. Chồng con tôi ở Sài Gòn liệu có còn yên ổn không? Sài Gòn cũng đánh nhau, cũng chạy loạn, cũng chết chóc như Huế. Các con tôi. Các con có đợi má trở về? Nước mắt tôi bỗng chảy giòng giòng. Má tôi nạt:

“Nghĩ tầm bậy. Chắc không can chi mô.”

Câu nói của má tôi vẫn không an ủi tôi được chút nào hết. Nếu gia đình tôi ở Sài Gòn có chuyện gì, thà tôi chết ở đây với Huế. Nhưng sợ má tôi phiền muộn thêm, tôi vội chùi nước mắt.

Buổi chiều hôm đó, Thái đưa tôi về Mù U để chờ xe Lam. Nhưng xe Lam không có.

Tôi lại nghe phía cầu Bực bị giựt mìn, xe cộ không đi lại được. Nhưng đến xế chiều, nhiều đoàn xe Mỹ chạy lên. Rồi nhiều đoàn xe Mỹ chạy về. Cứ mỗi đoàn xe chạy lên, họ chở theo một ít gia đình về hồi cư, đoàn xe trở xuống họ cho thêm vài gia đình đi tản cư. Vẫn cứ cảnh người đi người về, không ai còn biết được ở chỗ nào yên thân hơn chỗ nào nữa. Người ta cứ chạy, còn chạy được là còn biết mình chưa chết.

Xế chiều hôm đó, Túc lên thăm. Túc cho biết là đường quốc lộ một ban ngày yên lắm vì có Mỹ gác. Ban đêm, Mỹ rút về, Việt cộng từ trong núi tràn ra và đi lục soát từng nhà, bắt thanh niên lên núi theo họ.

Tối hôm đó Thái bàn với tôi, ngày mai, hai chị em đi bộ về Thủy Dương rồi mượn xe của Túc đi về Thanh Lam. Đêm đó, tôi không tài nào chợp mắt được.

Lòng tôi nôn nao một cách khó tả. Lúc này tôi mới thấy lòng con người ích kỷ nhỏ nhen hết sức. Giữa sự chết chóc đầy rẫy, vì một chút hy vọng chưa đâu vào đâu, tôi đã vui sướng một mình. Má ơi, má. Nhiều lúc, giữa tiếng

đại bác câu inh inh trong đêm, tôi thoáng nghe mơ hồ như có tiếng con trẻ, trong ký ức bật ra hay trong sự nhớ thương vọng tới.

Trận đánh đến bao giờ mới tàn đây. Và thành phố đến hôm nay nữa có bao nhiêu xác chết. Nằm im một chỗ trong bóng tối, dưới hầm sâu, tôi không có thể hình dung ra sự đổ nát, tang thương của thành phố. Chùng đó tiếng súng, chùng đó đại bác, chùng đó bom cũng đã đủ rách nát cả thành phố nhỏ bé, quê hương thân yêu của tôi rồi. Tôi ngạc nhiên khi nghĩ rằng tại sao tất cả súng đạn, từ Mỹ, từ Nga, từ Tiệp Khắc bỗng nằm trên tay người Bắc Việt, người Nam Việt, đổ xuống một thành phố nhỏ bé, hiền lành như thành phố Huế. Bom đạn từ những nước nào thật xa xôi, với danh nghĩa giúp đỡ miền Nam, viện trợ miền Bắc, bỗng dựng cùng tập trung vào một thành phố nhỏ, banh thịt trẻ thơ, cắt lìa tay chân, mặt mũi bao người. Hình ảnh những khúc tay khúc chân tôi nhìn thấy dọc đường. Những cảnh ái ân vụng trộm giữa tiếng súng, trong một góc khu giáo đường trang nghiêm đầy rẫy tiếng kêu, tiếng khóc. Hình ảnh một xác hài nhi bọc trong áo bà mẹ, ôi sự sống, dù sao sự sống vẫn phải tiếp tục. Như tôi còn thở được trong đêm kinh hoàng này đây. Không, không phải chỉ một mình Huế, mà hình như trên bao nhiêu tỉnh khác, cả Sài Gòn, nơi các con tôi, nơi chồng tôi đang sống cũng có những hình ảnh này nữa. Cũng bom đạn, nhà cháy, tan nát, chết chóc. Nhưng tôi bỗng nhiên cứ tin chắc rằng không có nơi nào chịu cảnh khổ cùng cực như Huế, nơi chúng tôi đang chịu.

Trời bên ngoài hình như mưa nặng hạt hơn. Nhưng tiếng mưa đang cố dẹt bức màn êm ái mát lạnh cũng đang bị rách nát vì hỏa châu, vì súng đạn, vì máu lệ nữa. Tôi nghĩ tới những ngôi mộ mới lấp đất vùi vàng, đêm nay mưa sẽ

thấm xuống, mưa sẽ mở mắt cho người chết, hút thêm chút sinh lực của sự sống chưa kịp tan trong thân thể bởi cái chết quá bất ngờ. Mưa cũng sẽ rửa tai cho họ nghe nữa, tiếng thở của đất, tiếng rung chuyển của bom đạn. Đêm nay, còn bao nhiêu xác chết chưa kịp chôn, chưa ai vượt mắt, hoặc nằm sấp, hoặc nằm ngửa. Bao đôi mắt sẽ mở trọn trùng với một hình ảnh nào đó còn dán chặt trên mặt đất, hoặc còn trong vòm trời cao xám xịt. Thành phố có bao nhiêu con đường hoặc bao nhiêu nhánh rẽ như tay chân, những cánh tay đó đã chết rách bung, không còn đủ sức để vỗ về người tìm tới nữa.

Và trong đêm nay, đoàn người gồm các cha, các sư, dân chúng, bỗng bế nhau cầm cờ trắng chạy xuôi chạy ngược đã tản mát nơi nào? Có bao nhiêu người ở lại dọc đường, có bao nhiêu khúc chân khúc tay chói với? Vậy mà tôi còn nằm đây. Lạy Phật. Lạy Chúa. Xin Phật, xin Chúa phù hộ tôi. Tôi chột hổ thẹn quá. Vì đã bao năm rồi, có bao giờ tôi nghĩ tới Phật, tới Chúa đâu. Nhưng vô ích, đừng có hy vọng hảo huyền nữa. Tại sao Phật Chúa chỉ cứu một mình tôi, chỉ thương xót tôi mà không thương xót bao người khác?

Sáng ra, khi thức dậy, tôi bỗng cảm thấy một sự yên tĩnh đến rợn người. Tôi mò mẫm trong bóng tối. Ngọn đèn dầu vắn tim thật nhỏ đặt trong góc hằm đã khô dầu tắt từ lúc nào. Tôi đụng phải những cánh tay, những bàn chân lạnh ngắt. Sao thế này? Không còn ai thở nữa hết sao? Không, tôi vừa đụng phải ngực của ai đó còn nóng hổi.

“Sáng rồi, dậy.”

Tôi đánh thức mọi người. Má tôi mặt nhợt:

“Tối qua không ngủ được, sáng ra ngủ chẳng biết trời trăng chi hết.”

Thì ra cả đêm qua ai cũng thức. Thái vùng dậy chui ra

khỏi hầm và mở cửa sổ. Có chút ánh sáng tràn vào làm mờ nhạt bớt bóng tối nhưng chúng tôi vẫn chưa nhìn ra được nhau. Khi ra khỏi hầm rồi, tôi vẫn còn cảm thấy bị bọc trong một sự im lặng dày đặc. Hết đánh nhau rồi sao? Không có tiếng súng nhỏ, không có cả súng lớn nữa. Thái ra dấu cho tôi dừng lại ở cửa rồi chạy ra đường. Một lát nó chạy vào:

“Chị, người ta lại đi tản cư. Răng lạ rứa hè?”

“Đi mô?”

“Họ đi về phía dưới, chắc về chợ Mai, Phù Lương.”

Tôi reo lên:

“Mình về dưới Hương Thủy đi.”

“Chị tìm về sở?”

“Ừ.”

Tôi ngỏ ý ấy với má tôi. Lúc đầu bà cản, nhưng về sau, thấy nhiều người đi về lối Phù Lương quá, bà bằng lòng để cho chúng tôi đi. Ra đến ngõ, má tôi còn dặn:

“Coi đường đi không được thì trở lui nghe con.”

Tôi phải hứa đi hứa lại cho má tôi yên lòng. Chúng tôi theo đoàn người tản cư đi bộ về Thủy Dương. Về tới chợ, chúng tôi ghé vào nhà cậu Giáo mượn xe gắn máy. Nhưng xe hết xăng, không tìm ra xăng ở đâu để mua nữa. Chúng tôi đành phải tiếp tục đi bộ. Đi được một đoạn, chúng tôi theo kịp đoàn người phía trước. Cũng có vài gánh hàng từ dưới đi lên, những gánh rau xà lát xanh non. Thì ra ở đây, chợ búa vẫn họp như thường. Các vùng này, chỉ có ban đêm, Việt cộng mới tràn về bắt bớ, chứ ban ngày hoàn toàn an ninh. Tuy vậy, nhìn vào những thôn xóm, tôi vẫn cảm thấy như có một sự gì ghê gớm, sẵn sàng bùng nổ.

Thêm một đoạn đường nữa, ngang qua cánh đồng rộng, chúng tôi phải đi sát vào bờ đường để nhường lối cho một

đoàn xe đang hồi hả chạy ngược trở lên. Trên xe đầy lính Mỹ. Thái kéo tay tôi rạt xuống sát bờ ruộng bỏ không, xấp nước. Đoàn xe này chắc lên Huế tiếp viện. Chúng tôi đang ở giữa đoàn xe thì một tiếng nổ lớn, như tiếng súng cối khai hỏa, rồi thì những tràng súng lớn nhỏ bắn từ trong những chòm cây xanh phía sau ruộng ra như mưa. Đoàn xe đi trước vừa bắn trả vừa tiếp tục chạy. Đoàn xe sau dừng lại và tất cả binh sĩ Mỹ đều xuống xe, tràn xuống hai bên bờ ruộng. Chúng tôi vội lặn xuống ruộng, một nửa người dầm dưới nước lạnh ngắt, đầu kê trên một bờ cỏ ướt. Thái luôn miệng giục tôi:

“Cúi đầu thiệt sát chệ. Cứ nằm yên, đừng có chạy.”

Tiếng súng hai bên bắn trả nhau như mưa băng qua đầu chúng tôi. Chúng tôi đang ở giữa hai lần đạn. Tôi vừa lo sợ vừa hồi hận quá. Khi ra đi, má tôi đã can ngăn vậy mà tôi không nghe. Bây giờ lỡ chết ở đây thiệt là lằng nhách. Nhưng may quá, tiếng súng phía trong những lùm cây xa dần rồi im hẳn. Họ đã rút. Không ai bị thương hết, đoàn xe Mỹ chỉ bị hư hại nhẹ và năm phút sau họ đã tiếp tục lên đường được.

Chờ cho đoàn xe Mỹ đi khuất thật xa, chúng tôi mới leo lên đường cái. Phía bờ ruộng bên kia cũng có nhiều người lớp ngóp bò dậy. Họ cũng là những người đi tản cư. Đi được một đoạn, chúng tôi gặp một người đàn bà gánh xà lát đang bị thương nặng bên cạnh gánh rau của bà rơi vương vãi. Chúng tôi dừng lại xem xét vết thương của bà và chưa biết làm thế nào thì may quá, một chiếc xe Lam từ dưới Phù Lương đi lên. Người tài xế thấy đám đông nhảy xuống hỏi:

“Mới đụng độ khúc nì phải khôn?”

“Vừa mới tức thì nì. Xe Mỹ ngang qua là họ bắn.”

“Xe chạy qua được hết rồi há? Bà nì bị thương răng đây?”

“Nặng lắm. Bác làm phước chở bà ta xuống Phú Bài, nằm nhà thương Mỹ may ra sống được.”

“Thì tui cũng đoán rứa, tui đang núp dưới nớ, nghe trên ni yên tiếng súng mới lái xe lên coi bà con có ai bị chi không. Trời, tình cảnh ni mình không thương mình thì ai thương.”

Bác tài cùng vài người khác khiêng người đàn bà bị thương lên xe. Bác nói:

“Coi ai đi được thì cứ quá giang tui chở. Không lấy tiền nong chi mô. Ngồi chật chật một chút.”

Thái nói:

“Cho chúng tôi tới đặng nớ. Nơi Thanh Lam đó.”

“Lên đi.”

Chiếc xe chạy băng băng. Tôi nhìn lui lại chỗ vừa giao chiến, không còn dấu vết gì, ngoài gánh rau xà lát rơi vung vãi. Những đồng ruộng vẫn loang loáng nước và những chòm cây xa vẫn im lìm ôm kín niềm bí mật. Người tài xế kể chuyện oang oang, tiếng ông lẫn trong tiếng máy xe nổ nghe khi được khi mất. Đại để ông cho biết là từ hôm xảy ra đánh nhau, ông đã chở bao nhiêu người bị thương về Phú Bài rồi. Giữa đường có nhiều người chịu không nổi đau đớn đã chết, ông chở về làng, ông đem chôn luôn.

Chúng tôi phải hét to rất cả cổ, người tài xế mới nghe và dừng xe lại, thả chúng tôi xuống Thanh Lam. Tôi vào sở một mình. Lúc đứng trong chiếc phòng rộng, tôi mới thấy người tôi ướt lạnh, nước không phải chỉ ứ ra từ quần áo mà như thoát ra từ trong da thịt tôi nữa. Người tôi cứng lại như một khối nước đá.

Người coi chi nhánh nhỏ của sở chạy ra:

“Trời ơi. Mấy hôm ni quay quắt không biết mần răng mà tìm chị. Mần răng mà chị về đây được. Ngồi đây, ngồi xuống đây...”

Tôi không đủ sức để ngồi xuống nữa. Tay chân tôi đi đâu mất trọi. Chỉ còn khối óc chưa đông đặc, ra lệnh cho tôi phát thành lời...

“Anh V, anh biết tin tức chi ở Sài Gòn?”

“À, chị lo cho anh với các cháu há? Không răng, không răng. Mới túi qua trong nó gọi ra hỏi tin chị. Ngày mô anh cũng tới sở đợi tin chị. Chị yên trí đi.”

“Anh nghe chi về gia đình tôi không, các con tôi...”

“Các cháu vẫn khỏe mà. Trong đó đánh nhau cũng lớn nhưng yên rồi. Chỗ chị ở trong nó bình an vô sự. Tôi bảo đảm với chị đấy. Đừng lo.”

Một hơi ấm bỗng bùng lên từ ngực và lúc này hình như quả tim tôi vừa đập vừa toát ra lửa, ra không khí nóng ấm. Làn khí ấm áp đó chạy rất nhanh truyền qua mạch máu, tôi đã chợt nhận ra tay chân của mình. Tôi mấp máy đôi môi:

“Anh nói thật?”

“Tôi cam đoan với chị là gia đình trong nó yên ổn hết. Ngày bữa qua trong nó gọi ra, bắt đi tìm chị mà. Mà hẳn rằng chị xuống dưới ni được.”

“Tui đi bộ.”

“Chừ chị ở luôn dưới ni để tui tìm cách cho chị vô Sài Gòn.”

Tôi nhớ Thái đang đứng đợi tôi ngoài đường. Còn má tôi, em tôi, anh chị và các cháu tôi nữa. Không, tôi phải ở lại, tôi không thể bỏ đi một mình lúc này được. Mà chắc gì ở lại đây tôi đã yên ổn tìm được phương tiện đi. Ban đêm, ở những đồn, những sở vẫn là những mục tiêu, những miếng mồi ngon của họ, ở đây cũng nguy hiểm lắm. Tôi nói:

“Mai tôi trở lại. Bây giờ tôi phải lên An Cựu.”

Chần chờ một lát để nghe chuyện Sài Gòn, tôi trở ra, mang theo một lít xăng để khi tới Thủy Dương mượn xe gắn máy mà về Huế cho sớm. Thái vẫn đứng chờ tôi ở một cái quán

nhỏ xế cửa sổ. Hai chị em lại đi bộ đến Thủy Dương.

May dọc đường không có chuyện gì xảy ra. Tới Thủy Dương, hai chị em tôi vào cậu Giáo. Mẹ Giáo đã để sẵn cho chúng tôi một ít rau váng, khoai lang và ít thịt heo. Đổ xăng vào xe, chúng tôi chở thức ăn về An Cựu.

Tôi kể chuyện về Thanh Lam cho cả nhà nghe. Khi biết tin mấy đứa cháu ngoại không hề hấn gì, má tôi mừng đến phát khóc. Nhưng bà vừa mừng cho cháu ngoại đến phát khóc thì sau đó lại khổ sở lo lắng khóc cho đám cháu nội còn kẹt trên Từ Đàm.

Buổi xế chiều hôm đó, bỗng ở căn nhà bỏ không bên kia đường có hai người đàn ông lạ mặt tới ở. Trông họ xanh xao ốm yếu lắm. Họ lần mò sang nhà chúng tôi và xin ở tạm. Má tôi vừa trông thấy họ đi vào ngõ đã kéo Thái dấu tuốt vào trong góc hầm. Hai người đàn ông vừa nói chuyện vừa nhìn quanh nhà bằng con mắt láo liên. Họ cố sửa giọng nói, tôi không đoán được giọng nói bình thường của họ như thế nào, nhưng những lời họ nói hình như chưa được quen miệng lắm:

“Thưa bác, chúng cháu chạy loạn về đây, bác cho chúng cháu ở tạm ít bữa.”

Má tôi vội vàng nói lấp:

“Dạ nhà chỉ có mấy mạ con. Dạ ở dưới ni ban ngày lính quốc gia kiểm soát, ban đêm mấy ông giải phóng về kiểm soát. Nhà lại trống trải, xin mấy anh tìm chỗ khác yên hơn.”

“Sao bác không chạy mà về làm chi?”

Má tôi giả vờ chùi mắt, chỉ vào bàn thờ ba tôi:

“Dạ, ba cháu mới mất xong, mạ con tui cũng không muốn đi mô nữa hết, thôi thì phó mặc cho số mạng.”

“Chị đây là con bác?”

“Dạ.”

“Chắc chị làm công chức?”

“Dạ không. Vợ chồng nó thợ may. Nó về chịu tang, còn chồng nó kẹt lại ở trong Quảng.”

“Chị may đồ đầm hay đồ Việt chị?”

Một tên vừa cười cười vừa hỏi tôi. Tôi trả lời bừa:

“Dạ đầm Việt chi mô. May mấy đồ bà ba cho bà con lối xóm mà mấy ông.”

Một người chỉ một căn nhà phía bên kia đường:

“Tụi cháu ở bên kia bác. Có chuyện chi cần bác sang gọi chúng cháu sẽ sang đỡ đận cho bác.”

“Dạ, cảm ơn mấy anh.”

Hai người đàn ông đi vào nhà, nhìn quanh quất và tiến dần đến miệng hầm. Má tôi vội chạy theo:

“Dạ, các anh ngồi chơi uống nước. Dạ trong hầm nớ hơi hám lắm. Mấy ngày không ra ngoài được, mấy đứa cháu nhỏ ỉa đái hôi rình. Mấy anh ngồi chơi.”

Nhưng hai người đàn ông lạ mặt chào chúng tôi rồi đi thẳng ra ngõ. Họ đi vào căn nhà trước mặt. Đến chiều tối chúng tôi không còn thấy họ đâu nữa.

Đêm đến, tiếng súng miệt Phủ Cam, Bến Ngự nổ ròn rã. Đại bác câu về phía đó liên tiếp. Chúng tôi nằm trong hầm, nghe tiếng đại bác dội lại muốn ù tai. Rồi hai ba tiếng nổ ầm ầm như căn nhà đã bị văng đi đâu hết rồi. Gạch ngói rơi trên nóc hầm rào rào. Chúng tôi nằm sát vào nhau, quờ quạng tìm nhau, lúc nào cũng có cảm tưởng như một người thân yêu nữa sẵn sàng bỏ đi trong đêm tối.

Sáng ra, chúng tôi mới biết là những cánh cửa sổ được Thái đóng chặt lại, cột bằng giầy thép cũng đã bị văng ra, rơi sau hè nhà. Căn nhà lại sụt ngói, lụi tường thêm một ít nữa. Chúng tôi ra vườn quan sát chỗ nổ. Hai ba căn nhà cách căn nhà phía sau hè bị đại bác câu trúng. Chúng tôi

phải đi vòng ra đường, vào hẻm mới tới căn nhà bị đạn. Căn nhà đã hoàn toàn sụp đổ, một lỗ hổng lớn ngay giữa nền nhà. Cây dứa trước sân bị cắt đứt và mái nhà bên cạnh bị mấy tấm tôn quật sang, hư hại một phần ba mái nhà. Không ai chết, chỉ có vài người bị thương nhẹ vì người chủ nhà này đào hầm ở ngoài sân.

Nhà bên cạnh có một ông già ở lại giữ nhà, con cháu đã đi chạy loạn hết. Ông già quá, chắc đến trên tám chục, không đi được nữa. Ông chĩa dao hầm hổ, cứ ngủ trên tấm phản gỗ nhưng chưa hề hấn gì. Thái và tôi vào căn nhà của ông cạy mảnh đạn vắng qua phá nát một vách tường phía mặt. Ông cạy hấp hèm nhìn chúng tôi:

“Răng về rồi hí? Khôn chạy ở đây trúng đạn hết răng?”

Tôi hỏi:

“Thưa ôn, trong nhà đi mô hết rồi?”

“Xuống âm phủ rồi chớ đi mô. Tổ cha nó, nói đừng có chạy, cả nhà chạy hết, nghe chết mô ở gần trường Kiểu mẫu hết rồi. Tui còn một mình, già mà không chết, con cháu chết hết ở với ai.”

Ông đưa mắt nhìn lên bàn thờ, bình hoa vạn thọ đã héo tàn, mấy bát nhang bỏ không và chén nước trà đầu từ tối mồng một đã gần cạn đọng một lớp bụi dày trên màu vàng đặc quánh đã sẫm hóa đỏ. Ông già ngồi trên phản gỗ, cứ đưa tay dụi mắt hoài, tôi không biết ông bị bụi vào mắt hay đang khóc. Ông ngồi quay lưng ra phía chúng tôi lăm bầm hoài gì đó. Căn nhà điêu tàn hoang vắng rợn người. Ông già như một bóng người chết khô chết héo. Trên bàn thờ, bức ảnh một cụ già móm mém cười, hai mắt đã mất hết màu thiếc ảnh, trắng dã như mắt ma... Thái và tôi không ai bảo ai, đều thụt lùi đi ra cửa.

Đám đông vẫn còn bu đầy trong ngoài căn nhà bị trúng

đại bác. Thì ra xóm này dân chúng đã trở về khá đông, nhưng chả ai dám chường mặt ra ngoài, họ đào hầm và sống lẩn lút bên trong. Thái nói là có những gia đình ở chỗ khác tản cư tới đây, rồi ở luôn không đi nữa.

Đám đông đang bàn tán bỗng chạy ào ra đường. Một đám đông khác đang tụ tập đầu hẻm. Thái kéo tôi chạy ra. Đám đông này đang bu quanh một cô gái nhỏ bị thương nặng. Cô gái được đặt nằm trên tấm bố cũ, trái trên lễ cỏ ướt.

Theo người ta bàn tán, nhà cô nhỏ này ở trên đường rầy. Tảng sáng, một trái đại bác đã rơi trúng sau vườn và mảnh đạn ghim vào người cô. Một mảnh đạn đã trúng bụng và đâm ruột lòng thông chảy ra ngoài. Cả người cô được bao kín bằng tấm mền cũ nhưng máu thấm ra ướt mềm tường vất thành giọt được. Mặt cô bé tái xanh, hai mắt mở lờ đờ. Người cha ngồi xổm bên đứa con gái vừa khóc vừa lạy van:

“Lạy bà con cô bác, làm ơn kiểm xe dùm chở con tui xuống Phú Bài cho bệnh viện Mỹ nó cứu.”

Nhưng đường sá chẳng có chiếc xe nào, trừ những đoàn người tản cư không biết từ mạn nào, kéo về và cứ đi thẳng theo quốc lộ 1. Thái cúi xuống xem xét vết thương của cô gái rồi lắc đầu. Một người nói:

“Cứu liền may ra kịp.”

Nhưng cô gái vẫn nằm chờ bên đường cho tới trưa, cổ nhướng đôi mắt đã lạc thần lên nhìn người cha, nấc lên một tiếng rồi trợn ngược mắt.

Người cha khóc âm ỉ, ôm lấy xác con và cứ thế, ông chạy miết dọc theo quốc lộ, vừa chạy vừa la khóc thê thảm. Mấy người lính gác đồn Trường Bia chạy ra ngăn ông lại, nhưng không còn ai ngăn nổi ông nữa. Chạy được một quãng, ông ta ngồi lại bên lề đường đợi chờ từng phút hơi thở con gái yếu dần. Thái nói:

“Thôi vô nhà đi chị.”

Chúng tôi đi trở về, dọc đường, Thái hỏi một đoàn người chạy lại:

“Ở mô về đó bác?”

“Từ Đàm.”

“Bác ở mô?”

“Bến Ngự.”

Thái reo lên và cầm chặt tay tôi kéo chạy. Vào tới nhà. Thái la lớn:

“Trên Từ Đàm tản cư về. Có người về.”

Nhưng khi má tôi chạy ra được thì đoàn người đã đi xa. Những đoàn người khác tiếp tục kéo về. Họ ở những vùng khác. Bên phố, trên Bến Ngự, trên ga, Phú Cam. Một người ở Bến Ngự cho biết là trên Từ Đàm kẹt lắm, bộ chỉ huy Việt cộng vẫn đóng ở đó. Và quân Mỹ đã dàn tới bên kia cầu Bến Ngự.

Má tôi lại thất vọng. Buổi trưa, dù có đồ ăn ngon dưới Thủy Dương gửi lên, không ai cảm thấy ngon. Hình ảnh cô bé với đồng ruột lòng thông chờ chết từng giây từng phút bên lề đường làm tôi xốn xang.

Khi chúng tôi ăn cơm xong, ở ngoài đường lại thấy từng tốp lính từ phía quốc lộ đi vào thành phố, qua An Cựu. Họ mang ba lô, súng ống, người này cách người kia chừng nửa thước, và hoàn toàn im lặng. Họ không ngó ngang hai bên nhà cửa đường phố. Thái nhận ra là lính Biệt động quân, rồi một đoàn nữa là lính Nhảy dù, rồi Thủy quân lục chiến. Dù má tôi ngăn mắ, hấn cũng chạy ra đường, giơ tay vẫy. Tôi cũng chạy theo Thái. Ở một vài sân nhà khác, cũng có nhiều người ra đứng giơ tay vẫy và hỏi thăm. Những người lính này như ở xa đến, người họ còn đầy bụi và có vẻ lo lắng mệt mỏi. Họ mỉm cười trả lời những bàn tay vẫy, những lời

thăm hỏi. Thái ra sát đường:

“Anh ơi, anh ở mô tới đó?”

“Tụi này ở Sè gòn mới ra.”

Một người vừa trả lời vừa đi. Người đi tiếp theo thò tay vào ba lô lấy ra hai hộp nhỏ liệng vào chân Thái:

“Biếu bạn. Mừng bạn còn sống.”

Người đi tiếp theo lôi ra một gói thuốc, người tiếp theo nữa lại liệng thêm ít đồ hộp. Tôi chạy theo trả lại:

“Các anh cầm đi mà ăn, còn đánh nhau nhiều mà.”

“Thôi cô cầm đi. Chúng tôi biết có sống mà ăn không! Đi quyết tử mà.”

Vài nụ cười, vài cái nhún vai. Tôi đứng sững người nhìn theo. Mấy hôm nay có nhiều tin tung ra: lính tới vùng nào an ninh là vợ vét, chở đồ của dân bỏ lại chạy loạn. Người ta hồi hả trở về để giữ cửa, và vì sự vội vàng mà nhiều người chết oan. Nhưng đoàn quân này sao khác hẳn. Một thỏi kẹo nữa văng tới chân tôi. Tôi không còn đủ sức cúi xuống nhặt nữa.

“Mừng các bạn còn sống.”

Mấy người lính đi sau tiếp tục la hét. Những bàn tay vẫy đưa trả lại, những nụ cười chào nhau tiếp theo. Đoàn lính đi qua dần, tôi đã cúi xuống được, cầm chặt thỏi sô cô la trong tay và bóp vụn nát lúc nào không biết nữa. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy những người lính dễ thương như thế. Họ là lính miền xa đến để chết ở Huế. Họ người Sài Gòn, người Bắc di cư, người các tỉnh miền Nam, miền Trung, miền Bắc. Họ đến để chết với Huế. Trời ơi, tôi nghĩ tới những người lính địa phương, một số đã bỏ đồn chạy về ngay từ hôm đầu, một số đợi hơi yên là xổ ra, đi vác gạo, đi vào những căn nhà bỏ không lấy đồ. Những món ăn béo bở Việt cộng đã khuân đi từ mấy ngày đầu xảy ra biến loạn, những món

cận thừa còn lại dành cho kẻ thừa nước đục thả câu. Tôi đã thấy hai người lính khiêng chiếc xe Honda, vài người khác khiêng tủ, khiêng ghế, hoặc bọc những vật dụng lấy trong các nhà đổ nát, còn hôi rình xác chết. Thái đã ôm mấy hộp đồ lên tay và giục tôi trở vào. Khi nghe kể chuyện, má tôi cảm động muốn khóc.

“Tôi nghiệp, lấy của họ mần chi, để họ ăn cho có sức mà đánh.”

Dì Vạn cứ suýt soa hoài:

“Họ tốt quá hí. Rứa mới biết là họ dễ thương chứ mô có như mấy thằng mắc dịch ở trong xóm, ăn cắp, thừa nước đục thả câu mà. Tụi nó lại sống nhàn mà mấy anh đó lại cực khổ dầm vào chỗ tên đạn mới tụi chớ.”

Có tiếng súng ở xa xa vọng lại rồi. Chắc lại đánh nhau. Tôi nghĩ tới những người lính vừa liệng cho chúng tôi những hộp thịt, những thỏi kẹo. Họ cười đó, nhưng lúc này đã có người ngã xuống. Huế sẽ làm gì cho họ trong những ngày sắp tới. Không, Huế cũng đã trơ xương da rồi, tan nát hết rồi. Nhưng chắc chắn Huế sẽ còn, dù bằng tàn lửa, bằng tro nguội, bằng xương người. Các anh sẽ có người còn sống còn trở về lại quê nhà và còn trở lại để giữ Huế.

Thái đã đốt một điều thuốc. Nó thả khói thành những vòng tròn, đốm lửa đầu thuốc lập lờ khi thu nhỏ, khi bùng lớn, như nổi hy vọng đang dần dà phần khởi rồi thất lại trong hồn tôi.

Đúng lúc ấy, tôi bỗng bàng hoàng vì có tiếng động ngoài sân. Rồi có tiếng gọi:

“Má ơi.”

Giọng con gái. Má tôi ngồi rột dậy. Cả nhà túa ra miệng hầm. Má ơi, má ơi, má ơi, má ơi... Tiếng gọi má ơi không dứt. Cánh cửa mở tung. Chiếc xe đạp rơi bịch xuống đất và

Hà nhảy xổ vào nằm gọn trong lòng má tôi: Má, má, má...

“Con, con... Ui cha con Hà. Ba hôn bảy vía con Hà... Con về được, con về được.”

Tôi chợt nhìn ra sân, một ông già mặc áo dài đen, đang đứng cầm ghi đông xe đạp nhìn vào nhà mà mỉm cười.

Má tôi kêu lên:

“Ôn Minh. Ôn về răng rứa?”

Rồi má tôi khóc, khóc sung sướng, khóc ồn ào:

“Ôn ơi, ôn vô đây. Ôn vô đây ôn.”

Ông già bình tĩnh dựng xe đạp, vuốt lại vạt áo dài đen rồi bước lên từng bậc cấp đi vào nhà. Má tôi vẫn còn ôm chặt cứng Hà trong tay. Ông già mà má tôi gọi là ôn Minh chỉ vào Hà:

“Tui đem con lỗi xuống cho bác đó. Mấy hôm ni hấn đòi đi, hấn hành tui bất tội thân mà.”

“Ông đem con xuống đó má.”

Ông Minh vừa ngồi xuống ghế vừa nhìn quanh nhà:

“May phước, nhà không bị hư hại chi nặng hết.”

Má tôi vừa giục tôi pha nước vừa hỏi:

“Ôn ơi, tui còn ở trên ra răng ôn?”

“Không răng. Tui nó còn ở trên. Thầy Lễ thầy nóng lòng lắm, cứ nhất định đòi đi xuống dưới ni tìm bác. Tui phải cản. Hai ôn con tui ngày mô cũng tìm cách đi xuống dưới ni mà đi khôn được đó chớ.”

“Có đưa mô bị...”

Má tôi dừng lại, mặt tái xanh chờ đợi. Ôn Minh uống một ngụm nước:

“Không răng. À, chỉ có con Hy bị trúng một miếng đạn vô chân. Mà không răng, trên đó có mấy tên y khoa, hấn băng bó cho rồi.”

Nhờ có ông già mặc áo the đen và Hà thuật lại, tôi biết

thêm rất nhiều về tình hình trên Từ Đàm. Gia đình anh tôi phải bỏ sang lánh nạn bên nhà thờ cụ Phan. Xung quanh đã gần tan tành hết. Chùa Từ Đàm nơi chính diện cũng sập mái, nhà giảng thì bị đại bác câu tới tấp, tan tành. Mấy ngày đầu, Việt cộng chiếm chùa để trú ngụ và tạm thương, nhưng về sau họ rút dần lên phía trên núi, chỉ có cắt quân canh gác và đào hầm chiến đấu. Ông Minh cho biết hiện ở chùa có hàng trăm người tỵ nạn và xung quanh đó, nhiều nhà đã sập hoàn toàn. Con đường từ nhà thờ cụ Phan xuống tới cầu Bến Ngự, hai bên nhà cửa không còn một căn nguyên vẹn. Gia đình anh tôi chạy qua hết bên nhà cụ Phan cùng với nhiều gia đình và những người tỵ nạn khác. Hà chỉ vào ông già:

“Chị biết ai đây không? Ông Võ Thành Minh đó.”

Thấy tôi ngơ ngác, nó nói thêm:

“Ông là người thổi sáo bên hồ Genève phản đối chia đôi đất nước hồi 54 tề, chị.”

Tôi nhìn ông già, ông đang bận kể chuyện cho má tôi nghe. Hà nói tiếp:

“Ông Minh mà chị không biết há? Ông còn tên là Võ Song Thiết đó.”

Tôi hỏi nhỏ:

“Bây giờ ông làm gì?”

“Ông giữ nhà thờ cụ Phan, ông là đồng chí của cụ Phan mà chị. Mấy ngày đánh nhau, nhờ có ông mà nhiều người khỏi chết đó nghe. Vui lắm.”

Tôi tròn mắt:

“Mày nói vui? Trời ơi, chết như vậy mà mày nói vui sao?”

“Ông Minh nói ở hoàn cảnh mô, mình cũng cố gắng vui sống. Ông Minh có sợ chết mô. Ông đi hoài cả ngày chị. Ông đi phát gạo, đi tải thương, đi thăm các nơi...”

Tôi nhìn kỹ ông già. Ông mặc áo the đen, quần vải trắng, đầu đội chiếc mũ bê rê đen.

Không biết má tôi kiếm đầu ra trầu mà bà đem ra mời ông nhai trầu bồm bồm. Khuôn mặt ông thông minh, hiền lành. Nhìn ông, người ta dễ bắt nhạy cảm tình hơn là nghi kỵ, dò xét. Hai chiếc xe đạp vẫn còn ngoài sân. Mưa phún vẫn chưa dứt và tiếng súng vẫn vọng xa xa. Má tôi lại hỏi:

“Ôn đi ngả mô xuống đây?”

“Hai ôn con tui đi cùng các đường. Mấy bữa ni rồi. Có bữa đi xuống quá Lầu Đua Ra lại thấy đánh nhau, bắn nhau quá phải trở về. Con Hà nó nóng ruột lắm.”

Má tôi đưa đôi mắt đầy trách móc nhìn em gái tôi. Nó cúi đầu và hơi mỉm cười.

Ông Minh tổ thêm:

“Biểu nó ở nhà đổ nghe đi. Ôn đi là con đi với, con đi với ôn. Mấy ngày trước, hai ôn con lên núi Ngự Bình coi đánh nhau, định tìm đường về dưới ni nữa. Gặp lúc họ đánh nhau, đại bác câu lên núi yểm trợ ầm ầm, hai ôn con lăn từ giữa lưng chừng núi lăn xuống, rồi nằm vùi nơi một hố bom. Khiếp thiệt. Rứa mà con Hà hấn thích lắm. Con ni gan nó là gan cách mạng mà.”

Má tôi chăm chú nghe ông Minh kể, khuôn mặt lúc tái lúc vui. Bà thở ra khi nhìn Hà đang nhìn bà mà cười:

“Mi thiệt á!”

“Ừ, hai ôn con lên Lầu Đua Ra, lấy được đôi giày còn mới nguyên.”

“Để sợ quá ôn hí. Cả Lầu Đua Ra toàn máu khôn à.”

“Khỉ, rứa mà cứ đi. Con ni thiệt...”

Có lẽ sợ má tôi lo lắng, Hà nói lơ sang chuyện khác:

“Ôn nì, chị con đây ôn nì.”

Tôi lại phải gật đầu chào ông Minh. Vừa gặp ông, tôi đã

có cảm tình ngay. Nhớ những lời lẽ do người thanh niên tránh nạn về kể lại bữa trước, tôi không thấy xa lạ với ông chút nào hết.

“Hà nó nói chuyện về chị luôn đó.”

Tôi cười:

“Ôn ơi, ôn đừng gọi con bằng chị nữa. Coi con như Hà rứa.”

Ông Minh gật đầu:

“Phải đa. Rứa cho nó dễ gọi. Tội nghiệp, con ra đây mắc kẹt phải không?”

“Dạ.”

“Mấy con rồi?”

“Dạ hai.”

“Tội nghiệp.”

Hà chen vào:

“Ông Minh nghệ sĩ lắm nghe chị. Ở trên Từ Đàm đánh nhau, bắn nhau rầm rầm mà ôn cứ họp thanh niên trốn trong nhà thờ cụ Phan lại đàn hát cả ngày.”

Tôi hỏi:

“Quân giải phóng để yên cho ôn làm ồn vậy rằng?”

“Mấy ngày đầu cơ chớ. Về sau thì lo mà trốn cho kỹ. Ôn nói mấy anh thanh niên xuống cầu Bến Ngự đòi tuyệt thực phản đối chiến tranh.”

Tôi tức cười:

“Ôn nói chơi.”

Hà nháy mắt ra dấu bảo tôi đừng nói nữa. Rồi nó quay sang ông Minh:

“Ông cho chị con coi cái giấy do Mặt trận giải phóng cấp cho ông đi đường.”

Ông cười hiền hòa:

“Hà, mi nói tầm bậy. Giấy đó ăn thua chi. Tao đi bên mô

cũng được vì tao có làm nô lệ cho ai mô. Tao chống hết, chiến tranh là tao chống.”

Hà mách tiếp:

“Ôn còn viết thư phản đối Hồ Chí Minh, cả tổng thống Mỹ và kêu gọi thế giới nữa.”

“Tao mần một mình mà ăn nhằm chi. Rửa nhưng cũng cứ mần, phải không con?”

Ông đưa mắt sang tôi và mỉm cười. Tôi gật đầu. Ông nói tiếp:

“Con có dám ra cầu ngòi phản đối chiến tranh với ôn không?”

“Ôn nói dõn hoài.”

Má tôi lại chen vào:

“Ôn làm răng đưa Lễ với vợ con nó về dưới ni giùm đi ôn!”

“Thì ôn con tui đang dò đường đi đây nì. Khó thoát lắm. Bữa nì phải đi vòng Lầu Đua Ra, rồi vòng xuống ngã đường rầy không được. Hai ôn con lại vòng ngã Tây Thiên. Trên rửa, đại bác như mưa rửa, đi miết lên Tây Thiên mới ngớt tiếng nổ.”

Thấy nước mắt má tôi chảy dài, ông an ủi:

“Có người ta có mình. Còn tui thì không lo chi hết nghe.”

Hà thêm:

“Chị đi ra ngoài xe đạp ôn a tề. Đó, có cái bị đựng gạo. Bao nhiêu gạo tốt, ôn đem phát hết rồi, đó toàn là tấm khôn đó thôi. Thôi thì cả ngày ôn đi phát gạo, đi tải thương. Ôn chỉ có cái xe đạp đó.”

Chiếc xe đạp của ông được dựng bên cái cột bằng giàn hoa, trên ghi đông treo lủng lẳng một cái bị bằng vải căng tròn. Tôi nhìn lại ông, ông bỏ cái mũ ra rồi lại vội vàng đội lên đầu:

“Thôi, chắc tui phải đi. Phải lên lại Từ Đàm.”

Má tôi nài nỉ:

“Ôn ở lại ăn cơm đã rồi lên. Chừ nghe mô đang đánh nhau mà ôn.”

“Đánh nhau kệ cha chúng. Tui lên. Coi chiều ni còn đi tải thương nữa. Đi tải thương nì, đi kiếm thức ăn nì, trên nó tụi nó hết đồ ăn rồi.”

Hà nói:

“Khi mô ôn xuống?”

“Mơi.”

“Mơi ôn xuống, con lên lại với ôn hỉ.”

Má tôi nạt:

“Mi tưởng chuyện giỡn há, răng mà đòi đi.”

Ông Minh bệnh Hà:

“Can chi, sống chết có số cả mà bác. Con ni dặn lắm nghe. Tui mà còn làm cách mạng, tui cho nó theo liền.”

Má tôi nể ôn Minh, làm thỉnh. Hà dặn đi dặn lại: mai ôn nhớ về. Tôi và Hà đưa ông ra tận ngoài ngõ:

“Thôi bây vô đi. Đứng ở ngoài nguy hiểm lắm.”

“Ôn ơi, lên tới, nói cho anh con biết kéo anh con lo nghe ôn. Nói má con với cả nhà ở dưới ni yên lành hết.”

“Ừ.”

“Ôn nhớ mai xuống nhe ôn!”

“Ừ.”

Ông leo lên xe đạp và đạp đi, chiếc áo đen khuất dần nơi kheo. Hà ngẩn ngơ. Tôi nói:

“Thôi vô.”

“Dưới ni yên quá chị hỉ!”

“Ừ yên.”

Tôi không nỡ kể cho em tôi nghe về những trái đại bác câu lạc lúc gần sáng. Tôi cũng dấu luôn chuyện đụng độ

mỗi ngày xảy ra trên quốc lộ. Chỉ cần sau ruộng, sau xóm có một vài phát AK, hay vài quả B40 bắn ra là cả con đường này có thể tan tành hết. Ngay ngày đầu tiên nổ súng, quân Mỹ cũng lên được tới An Cựu coi tình hình để rồi sau đó về nằm yên một nơi cho Việt cộng hoành hành. Khi đi ngang qua khỏi ngheo, một phát súng ở đầu phía sau Miếu Đại Càng bắn ra. Đoàn quân Mỹ dừng lại, một vài người Mỹ đi vào nhà gần nhất lôi ra một thanh niên. Anh này biết nói tiếng Anh, là một giáo sinh trường sư phạm Quy Nhơn về thăm nhà. Anh đưa giấy tờ, nói chuyện với người Mỹ. Nhưng họ đâu cần biết. Một phát súng nổ, người thanh niên tội nghiệp ngã xuống đất, co dúm người lại. Người Mỹ leo lên xe lái về Phú Bài. Trong căn nhà gần đó, mọi người đổ tủa ra ôm lấy xác thanh niên khóc lóc. Một vài anh giải phóng đang đóng quân trong những nhà mặt sau tiến ra:

“Đả đảo quân Mỹ tàn ác giết dân.”

“Chúng tôi xin chia buồn. Đây là một cái chết anh dũng, một người vì dân vì nước.”

Một lá cờ màu mạ nhỏ được đắp lên mặt người chết. Một lúc sau mọi người rút đi hết. Chỉ còn thân nhân của xác chết vẫn chưa ngớt gào khóc, nhưng rồi tiếng khóc của họ cũng chìm dần trong tiếng súng nổ ran bốn phía. Còn nhiều nữa, làm sao tôi có thể kể cho em tôi nghe hết. Mới mấy ngày trước đây, quân Mỹ mất một khẩu súng đã giật đổ một căn nhà lầu. Mới mấy ngày trước đây, dãy nhà bên kia đường có một gia đình mới về. Đêm hôm đó quân giải phóng về bắt người chủ gia đình đi mất. Người này làm gác đàn hay giữ xe gì đó cho một chi nhánh cảnh sát. Ông ta đã già và chắc tới nay đã ra người thiên cổ. Hà vẫn đi bên tôi trở vào nhà. Nó hỏi:

“Nhà mình đào hầm chưa?”

“Không đào hầm thì chết rồi. Ngày nào cũng có đạn lạc, có đại bác rơi gần. Ở đây mới yên có mấy ngày nay.”

“Trên nó dễ sợ lắm. Chị biết không, đại bác rơi như không ngừng, rồi máy bay. Bữa trước có mấy người chết, người ta sợ quá đem ra vườn chôn. Máy bay bắn xuống như mưa, sợ quá.”

Má tôi đã đón ở cửa. Khi chúng tôi vừa lọt vào cửa là bà đóng chặt cửa lại.

Thái cũng ở trong hầm bò ra:

“Chào chị Hà.”

“Ừa, khi hồi tới chừ mi ở mô?”

“Trốn ở trong hầm.”

“Răng mi không ra?”

“Ra sợ lắm. Biết chị ra răng mà ra. Lỡ chị là người của giải phóng thì răng.”

“Đồ con khỉ. Tao về mà mi không mừng.”

“Em nói chơi đó chứ. Nghe tiếng chị là em mừng bất chết. Nghe có tiếng đàn ông, em tưởng nhiều người em sợ. Mấy hôm ni, tui họ về bắt người dữ lắm nghe chị. Cứ có tiếng cú rúc là họ về.”

“Ừa, răng giống trên nó rứa? Trên nó đêm mô cũng nghe toàn tiếng cú rúc. Dễ sợ lắm.”

“Mật hiệu của họ đó.”

Má tôi vẫn chưa hết thắc mắc:

“Mà răng họ để cho con đi?”

“Mấy bữa đầu họ cấm, về sau đại bác bắn lên quá, họ để ai đi thì đi. Đàn ông thanh niên đi, họ mới bắt.”

Tối hôm đó, mấy chị em nằm cạnh nhau, Hà kể chuyện Từ Đàm, cho biết tất cả chùa đều bị sập. Quân giải phóng treo cờ làm trụ sở chính ở chùa Linh Quang, và tổ chức những buổi học tập tại đó. Mấy ngày đầu không ai được ra

khỏi nhà. Ở trong nhà làm hầm, ở ngoài quân giải phóng đào hố cá nhân, không khí có vẻ khẩn cấp lắm. Nhưng mấy ngày đầu hoàn toàn được yên tĩnh, không ai lo sợ mấy, đến khi đại bác câu tới, dân chúng mới hoảng hốt đi tản cư. Nhưng ra đường là chết. Tôi hỏi họ có treo cờ đỏ sao vàng không. Hà nói chỉ có cờ máu mọ. Ngay ngày đầu, họ đã hô hào hạ hết “cờ ba que” xuống và kiếm vải may cờ máu mọ. Thái hỏi thăm về đoàn cán bộ xây dựng nông thôn đóng ở trường học mấy hôm trước Tết. Hà ngao ngán: Tụi đó nó chạy đâu mất hết từ khi có tiếng súng nổ, vất đồ lại lung tung. Khi em lên tới thì không có chi nữa. Hà tả cho tôi nghe những cô nữ cán bộ. Các cô này đi thăm dân, vào từng nhà hỏi han, nhưng các cô vào nhà ai là làm cho trẻ con, bà già sợ rụt lười lại. Hà kể cho tôi nghe chuyện bà xếp Mập. Nó nói:

“Buồn cười lắm chị. Mấy người giải phóng bầu cho bà xếp làm mẹ giải phóng. Chút chi họ cũng gọi mẹ giải phóng. Bà sợ họ lắm. Cứ mỗi lần gặp họ vô nhà là bà tíu tít: Mẹ giải phóng, mẹ giải phóng. Các con xúc chút dầu với mẹ. Bao nhiêu chai dầu Nhị thiên đường bán nơi quán của bà, bà cho hết. Cứ thấy mặt họ là bà ngã lên xuống sứt mặt sứt mày hết.”

Tôi hỏi Hà có sợ không, nó nói sợ thì có sợ, nhưng mấy ngày đầu, nhờ có ông Minh nên vui lắm. Ông họp thanh niên lại hát hồng đồn ca ở nhà thờ cụ Phan. Ông đòi viết thư phản đối chiến tranh. Mấy ngày đầu không có tiếng súng, ông ngồi đánh máy chữ lóc cóc rồi tổ chức hát. Ông nói rằng hát như thế mới bớt thì giờ trống để lo sợ. Hà cho biết là khi qua bên nhà thờ cụ Phan thì gặp bà vợ ông giáo sư Lê Văn Hảo, người được quân giải phóng đưa ra làm thị trưởng Huế. Tôi tò mò hỏi thăm. Hà cho biết là bà ta nói là

trước Tết, ông Hảo bảo bà mua ít gạo thức ăn dự trữ, chứ không cho bà biết gì hết. Trái với lời của người thanh niên thuật lại, Hà nói bà Hảo rất dễ thương, bà còn có đứa con tên Nai. Ông Minh hết lòng giúp đỡ bà ta. Bà Hảo cũng như những người đàn bà sợ súng đạn và nhát gan. Bà chẳng rõ gì công việc của chồng hết.

Má tôi nói làm thế nào cũng phải đưa anh Lễ và gia đình về dưới này. Hình như Mỹ đã tiến tới cầu Nam Giao. Hai bên đang hầm hè nhau và cùng giữ thế thủ. Nếu để họ đánh nhau thì bao nhiêu dân còn lại sẽ chết hết.

Hà nói:

“Mai ôn Minh về, con lên Từ Đàm.”

Má tôi làm thinh. Hà nói:

“Chị lên với em không?”

Tôi không hứa với Hà, tôi đang ở trong tình trạng vô cùng nguy hiểm. Nếu họ biết tôi, họ tìm ra tôi, chắc chắn tôi cũng sẽ bị bắt đi như bao nhiêu người công chức khác. Thái hỏi:

“Đi ngả mô?”

“Đi ngả núi Ngự Bình. Trên đó trống không, họ rút cả rồi. Bữa trước em với ôn Minh đi lên thẩu núi Ngự Bình đứng coi hai bên bắn nhau. Đại bác câu tới, sợ quá lặn xuống núi, còn đầy dấu nơi tay em đây nì chị. Em đi với ôn tới Lầu Đưa Ra nữa. Toàn máu là máu, có xác chết thúi rình...”

“Chị đi rửa có thấy xác Mỹ không?”

“Phía sau Lầu Đưa Ra, tao có thấy một hai xác chi đó. Nó trương lên rồi, coi dễ sợ lắm.”

Hà đưa tay sờ vào tường hầm, nói:

“Hầm như ri dễ sợ lắm. Làm lại hầm đi. Ở đây yên rồi nhưng sợ đại bác câu lạc trúng thì chết hết.”

Má tôi nhớ lại mấy trái đại bác hồi tảng sáng làm sập nhà, chết người, bà thở dài:

“Lấy chi ra mà làm hầm.”

Hà nói:

“Mai con lên trên nớ, con mua bao cát về cho. Trên nớ bán thiếu chi.”

Thái cũng chen vô:

“Trên bác con còn một ít, để mai con lên trên, con hỏi anh Bé.”

Chúng tôi lại bàn việc đào hầm. Hà nói không nên làm hầm trong nhà, nguy hiểm lắm. Nhỡ nhà sập, hầm không sập cũng không thể có lối ra, dám bị chết nghẹt lắm. Cuối cùng, chúng tôi bàn mai sẽ đào hầm ở ngoài sân. Má tôi nói: Thôi chị em bây giờ đi. Hà ôm lấy tôi, tôi cũng vòng tay ôm lấy nó. Thật là may mắn, trong khi bao nhiêu người chết, bao nhiêu gia đình tan nát, chị em tôi còn được nằm cạnh bên nhau. Mãi nói chuyện, chúng tôi quên cả tiếng súng vẫn ỳ ầm khi gần khi xa. Một lúc sau, Thái nói:

“Bắn dữ quá chị.”

Hà góp:

“Dữ chi mà dữ. Trên đó cứ nổ ỳnh ỳnh bốn phía, lúc nào cũng như sắp nổ trên đầu mình.”

“Rứa Việt cộng có chết không?”

“Có chứ răng không. Mình ở trong nhà, trong hầm tốt mà còn chưa chắc yên, huống chi họ ở trong cái hố nhỏ xíu. Trước nhà mình còn có một tên giải phóng gác.”

“Có nói chuyện với em không?”

Hà làm thỉnh. Má tôi gắt nhỏ:

“Ngủ đi chớ bay, nói chuyện hoài răng. Ngủ đi, sáng mai lấy sức mà đào hầm mới.”

Tôi nghĩ tới anh tôi, lúc này đang cùng vợ con ở trong căn hầm tối tăm, và biết đâu đêm nay, quân Mỹ Việt sẽ tấn công lên Từ Đàm. Chỉ một giờ, một phút qua, mọi sự có thể

thay đổi hết. Biết đâu ngày mai em tôi không còn trở lên trên đó được nữa. Cũng như tôi, biết đâu bây giờ đang ở vùng đã yên, mà sẽ không còn được trở vào Sài Gòn để gặp chồng con nữa.

Nhưng rồi tôi cũng chẳng còn đủ sức để nghĩ tiếp. Tôi nhắm mắt và ngủ êm trong tiếng đại bác đang nổ tới tấp, cày nát một thành phố thơ mộng, đẹp đẽ.

Chương 9

Con chó giữa dòng

Chỉ một đêm ngủ dậy, sáng ra, đường sá bỗng náo nhiệt hẳn. Lính từ dưới Phú Bài theo quốc lộ 1 lên nhiều lắm. Họ đi bộ và vẫn cứ đi dọc từng người, đeo ba lô. Họ vừa đi vừa nhìn xung quanh, hai bên đường, và mỉm cười chào những người đang đứng nhìn theo họ. Không biết dự trữ từ bao giờ mà một bà già đã bày một rổ giá đựng thuốc lá ra bán ở góc nghèo Đường Nay. Vài anh lính dừng lại:

“Mẹ bán cho con một gói Ru by đi mẹ.”

“Các anh muốn gói mô cứ lấy. Tui có biết Ru by là thuốc chi mô.”

Một giọng hỏi:

“Vậy thuốc đâu mà mẹ bán vậy mẹ?”

“Há? Thuốc mô há? Thì tui tản cư về đây, tui thấy người ta bỏ lại có cái giá bán thuốc ni dưới gầm giường. Thấy mấy anh đi qua, tui bày ra bán kiếm ăn.”

“Mẹ lấy bao nhiêu?”

“Biết chi mô. Mấy cũng được.”

Người lính móc ví lấy ra tờ giấy hai trăm đưa hết cho bà già. Bà ta ngẩn ngơ:

“Nhiều ri! Mấy chục mà.”

“Mẹ cầm hết mà tiêu.”

“Khôn, khôn. Mấy anh đi đánh giặc, cầm lấy mà mua thức ăn. Tui biểu không đó...”

Vài người dừng lại, họ vắt ra một trăm, hai trăm lấy thuốc. Chỉ một lát, thuốc lá hết sạch. Bà già cầm một nắm tiền toàn giấy trăm chạy theo mấy anh lính:

“Mấy anh ui, tui không lấy tiền. Cho chi mà điều ri nì...”

Mấy cái đầu quay lại, cười:

“Mẹ giữ mà mua thức ăn. Tụi con biết sống chết ra sao.”

“Đi tới đầu đạn mà mẹ.”

“Chúc mẹ may mắn...”

Đoàn đi trước đã bỏ bà già quá xa, đoàn lính sau tiếp tục đi đến, thấy một bà già vừa chạy vừa kêu, không hiểu chuyện gì. Họ lại móc trong ba lô ra những đồ hộp nhỏ, liệng tới chân bà già:

“Bà đói hả? Đây, cầm lấy mà ăn.”

“Bà còn con cái chi không?”

Nhiều tiếng thăm hỏi. Nhiều hộp nhỏ rơi tới chân bà. Bà chưa kịp nhặt thì có mấy đứa trẻ con ở đâu chạy ra nhặt hết. Mấy anh lính nạt đùa:

“Ê nhường cho người già cả với tụi bây.”

Bọn trẻ ù té chạy. Mấy cái hộp được trao tận tay bà già. Vài anh ân cần:

“Thôi bà trở về nhà đi, đừng chạy theo mà nguy hiểm lắm.”

Đoàn lính lại tiếp tục đi. Thái và tôi đứng ngóng xem có đoàn người nào tản cư về không. Nhưng chắc thấy lính Mỹ lên nhiều quá, họ không dám đi nữa. Má tôi rối rít giục làm hầm, bà quên là chúng tôi chưa có một bao cát nào. Đoàn lính đi tới gần trưa mới hết. Chúng tôi yên tâm dọn ra bàn ăn. Lâu lắm mới có một bữa ăn đàng hoàng như thế. Dưới

mợ Giáo vẫn tiếp tế thức ăn lên đều đều. Hôm nay chúng tôi có món thịt kho với đu đủ sống. Dì Vạn hà tiện thức ăn, kho thiệt mặn, nhưng chúng tôi ăn vẫn thấy ngon như thường. Má tôi hỏi thăm ở trên Từ Đàm ăn uống ra sao thì Hà nói nhờ có ông Minh nên ăn uống sướng lắm. Ôn đi về là có thịt có rau. Nhưng mấy hôm nay đánh nhau quá, ông bận đi tải thương, nhà lại hết thức ăn, mấy đứa nhỏ đã bắt đầu khóc.

Ăn cơm xong, Thái đi bộ xuống tận Mù U, nghe nói dưới này có họp chợ. Nhưng chỉ mới tới Trường Bia thì đã bị lính đuổi lên.

Ông Minh giữ đúng lời hứa, ông về lại thật. Ăn cơm xong, chúng tôi sửa soạn nghỉ trưa thì ông dắt xe đạp vào sân. Cả nhà ùa ra đón ông vào nhà:

“Sao ôn, tụi trên nó rằng?”

“Yên hết, không rằng hết. Thầy Lễ nghe tìm được ra bác với cả nhà, thầy mừng lắm.”

Hà lẳng xẵng:

“Con lên với ôn. Đường ra rằng ôn?”

“Thì vẫn đi ngã núi. Bắn nhau quá chừng. Tao phải cột hai vạt áo lên vác xe mà chạy.”

Hà có vẻ hứng khởi:

“Con đi với. Con sửa soạn đi với ôn nghe má.”

Má tôi lo lắng:

“Liệu đi được không con?”

“Được, được mà.”

“Rứa rằng Lễ nó chưa về?”

“Đi được là người tay không chân rời, chớ nó vợ con đùm đê, lại con Hy bị thương mằn rằng mà đi.”

Rồi ông nói tiếp:

“Hà sửa soạn đi. Vân rót cho ôn chút nước.”

Dì Vạn hỏi:

“Ôn có đem gạo theo phát không?”

“Có chứ. Có cái túi đó.”

Hà đã sửa soạn xong, nó dắt xe đạp ra rồi cùng với ôn Minh đi lên Từ Đàm. Má tôi lấy một ít thức ăn bắt Hà đem lên trên đó. Hà nói tối về thế nào cũng có bao cát. Vậy là Thái với tôi kiếm chỗ đào hầm. Chúng tôi định đào ngay trước sân. Thái bắt đầu công việc. Chúng tôi phá cái hầm cũ làm thành cái hầm mới khác.

Buổi chiều hôm đó, Hà về một mình, không có ông Minh, nó cũng không đem theo xe đạp. Đi theo nó có hai người sinh viên, mặt mày xanh xao, tóc tai rối bù như người sống từ một nơi thiếu ánh sáng mặt trời đã lâu. Hà nói:

“Đây là mấy anh sinh viên, anh Chử với anh Hát.”

Má tôi hỏi:

“Làm rằng mấy anh đi được mà Lễ chưa chịu đi.”

Hà kể:

“Trốn đi đó chờ má. Họ canh dữ lắm. Anh Lễ đi thì họ biết liền. Con phải giả vờ đi vô đi ra cả chục lần, rồi mới đem mấy anh đi được.”

Thái hỏi:

“Rứa họ không thấy hay rằng?”

“Có, có cái tên gác trước cửa trông thấy. Tao sợ bắt chết, sợ nó bắn. Nhưng thấy nó không nói chi cả. Nó nhìn theo.”

Thái đùa:

“Chị có nháy mắt với hấn không?”

“Khỉ, sợ bắt chết còn chọc. Mà tên đó còn trẻ, hấn tử tế lắm.”

“Hấn có khi mô nói chuyện với chị không?”

“Không, ít lắm.”

“Nó nhìn chị không?”

“Khỉ.”

“Rứa là nó mê chị rồi.”

Hai sinh viên gượng cười. Má tôi mời:

“Mời vô trong nhà, đừng đứng ngoài ni mà họ dòm ngó.”

Hà đi dẫn đầu:

“Vô đi, vô nhà nghỉ đi.”

Hai người sinh viên khệ nệ ôm mỗi người một bao cát to tướng. Gần năm trăm cái bao. Làm hằm đủ rồi. Hà nói. Má tôi hỏi sao ông Minh không đưa xuống. Hà nói ông bận đi tải thương. Mỹ tới cầu Bến Ngự rồi, nhờ Mỹ tới cầu nên quân giải phóng rút bớt lên ngả núi mà nhiều người mới chạy thoát được. Hà cho biết trên Từ Đàm, đại bác câu như mưa, càng ngày càng dữ dội.

Ngay chiều hôm đó, cả nhà hiệp lực đào hầm lại. Mãi tới ngày hôm sau hầm mới dựng xong. Cái hầm cũ ở trong nhà vẫn còn giữ lại vì nhà quá đông. Chúng tôi đã mua được ít thức ăn, và mỗi lần ông Minh xuống chúng tôi lại gửi lên được một ít tiếp tế cho trên gia đình anh chị.

Cách ngày sau, một gia đình ở Từ Đàm bạo gan đi ngả Tây Thiên, trốn về được An Cựu. Nhà này gánh gồng theo được nhiều thứ lắm, vì hai vợ chồng ông ta là chủ một quán tạp hóa. Ngang nhà tôi, họ tràn vào và xin ở tạm. Má tôi bằng lòng ngay. Họ chiếm ngay căn nhà bếp, lật đặt giở hết cửa ra làm hầm. Ông chủ nhà này còn đem theo được cả xe gắn máy, cả dầu hôi, ông có đứa con gái bằng tuổi Hà. Vậy là hai cô nhỏ bàn nhau tìm cách trở lên Từ Đàm, liên lạc với những người còn kẹt lại để trốn về An Cựu.

Ba bốn lần đi về không, mới có một lần đi lọt được. Anh Lễ tôi nhắn về là thế nào cũng thoát xuống An Cựu, nhưng đợi cho quân giải phóng rút bớt đã, sợ họ để ý.

Má tôi sốt ruột nhất, suốt ngày ngồi đứng không yên. Bà đi ra đi vào hỏi thăm những người từ phía Bến Ngự, Từ

Đàm tản cư về. Ông Minh bị cắt đứt liên lạc trong mấy hôm. Đường núi đại bác câu nhiều quá, Hà và cô gái nhỏ tên Nga không dám mạo hiểm nữa. Nhưng vài ngày sau, ông Minh trở lại, ông vất chiếc xe đạp gãy ghi đông ra giữa sân, rồi vừa thở vừa đi vào nhà. Má tôi hỏi ngay:

“Răng, trên đó ra răng rứa ôn?”

“Nguy lắm. Họ dàn quân, sắp đánh nhau rồi. Đại bác bắn như mưa, chừng vài bữa nữa là nát hết.”

“Trời ơi, rứa vợ con thằng Lễ ra răng hả trời.”

Ông Minh thở dài:

“Tui cũng đương lo. Dù răng cũng phải cứu gia đình nó.”

“Rứa ôn đi ngả mô về?”

“Đi dọc mé sông, đạn bắn như mưa. Người chạy loạn bị thương đầy. Tui vừa chở một người bị thương tới bệnh viện Huế rồi vô đây. Bên ni yên rồi, đi lại được rồi. Nơi bưu điện, nơi ngân khố còn chình ình mấy xác Việt cộng chân bị cột nơi đại liên, thấy ớn quá.”

Hai anh sinh viên chạy ra, ông Minh nói:

“Ủa, tụi bây chưa ra nhà thương. Ra nhà thương mà giúp đỡ dân chơ. Ngoài nó yên rồi có chi mô.”

Ông quay lại Hà:

“Con đi tìm coi có ở chỗ mô sửa được, sửa cái ghi đông xe cho ôn con.”

Hà vác xe đi rồi vác xe về:

“Đã có ai mà sửa. Ôn lấy xe con mà đi.”

“Ừ, thôi, bác cho tui miếng trâu. Tui phải đi chừ đây.”

Má tôi lại gửi ít đồ ăn lên Từ Đàm. Mấy ngày nay ở Trường Bia đã có chợ, người ta hạ cả heo để bán thịt, có rau dưới chợ Mai gánh lên bán. Tôi cầm tay Hà đưa ông Minh ra tận ngoài đường. Hà có vẻ dùng dằng, cứ dặn ông hoài:

“Ôn, nhớ rảnh là xuống đây nghe ôn. Ôn đừng ở trên nó

nữa.”

Ôn Minh quay lại mắng Hà:

“Con nhỏ ni hư thiệt. Đừng có buồn, ôn còn lo cho nhiều người trên đó nữa chớ. Để ôn đưa anh chị với mấy cháu về cho. Yên trí, yên trí.”

Ông nói xong, trèo lên xe đạp, đạp thẳng ra phía cầu An Cựu. Thái chạy ra, ba chị em lại đi bộ ra ngã cầu. Mỹ đã gác ở đây, nơi đồn vận tải cũng có lính gác. Khu vực chúng tôi hoàn toàn yên rồi, chỉ lo cho anh chị tôi đang ở khu nguy hiểm nhất. Các thanh niên chạy loạn trở về đã đạp xe đạp đi ra ngoài trường Kiểu Mẫu coi đánh nhau bên phố. Chiến trận phía bên kia có vẻ ác liệt lắm. Chắc phía trên Từ Đàm cũng thế. Chúng tôi đang đi bộ thì gặp một đoàn người từ phía cầu đi lại, người đi xe có, đi bộ có. Có tiếng xe gắn máy dừng lại sát chị em tôi. Tôi ngẩng lên nhìn và kêu mừng rỡ:

“Anh Trai.”

Ông anh họ của tôi đang ngồi trên xe gắn máy, mừng rỡ hỏi thăm tíu tít:

“Lẽ về được chưa? Nhà yên hết há?”

Tôi buồn bã:

“Nhà yên nhưng anh chị Lẽ còn kẹt trên Từ Đàm.”

Anh cười. Tính anh vẫn vui nhộn như thế đối với chúng tôi:

“Anh về nhà rồi. Tới chơi nghe. Đừng có lo cho Lẽ, không răng mô. Có tin chi cho anh biết hí.”

Anh định dợm đi, rồi lại thẳng xe lại:

“Ê, tụi bây, tao có cái ni.”

Anh đưa tay vô túi áo măng tô. Có vật gì phồng lớn ở trong đó. Hà đưa tay móc túi lôi ra một quả hột vịt lộn còn nóng. Anh lôi tiếp mấy quả nữa:

“Mỗi đứa một cái hột vịt lộn.”

Trước khi đi, anh dặn:

“Đừng có ra ngoài cầu. Mỹ nó gác nó bắn tùm lum đó. Người ta chạy loạn khóc như ri ở ngoài.”

“Ở mô chạy xuống?”

“Anh cũng chạy bất chết, không có hỏi.”

Có mấy tiếng súng nổ lẻ tẻ, Thái kéo tôi đi về.

Ngay hôm đó, Bé xuống nhà, giúp chúng tôi đắp đất thêm lên hầm và nói là sẽ đi trình diện. Nó nói trong ngày mai sẽ đưa gia đình về dưới Phù Lương vào trại ty nạn, vì nhà đã hết gạo ăn. Thái cũng nóng ruột đòi đi trình diện. Một vài người lính địa phương đạp xe đạp qua cho biết tin tức là quân đội đã đóng ở hữu ngạn, dẹp xong xuôi Việt cộng rồi, dân chúng hãy trở về và ai là quân nhân, công chức phải đi trình diện ngay. Có thể lên Tòa tỉnh hoặc ở trường Kiểu Mẫu cũng có văn phòng. Vậy là Thái thay quần áo đi ngay, mặc dù má tôi và tôi ngăn trở hết sức cũng không được.

Hai tiếng đồng hồ sau Thái trở về, nói là dường như phía hữu ngạn đi được rồi, quân Mỹ và Việt đã đóng hết. Bên phố bắn nhau như mưa, lửa bốc mù trời. Ở Từ Đàm vẫn chưa dẹp xong, quân Việt Mỹ vẫn chưa dám xông qua cầu Bến Ngự, hay cầu Nam Giao. Dân chúng chạy loạn ở bên kia cầu kêu khóc như ri. Thái còn kể là ở trên tòa tỉnh, trên Nha đại biểu, còn đầy xác Việt cộng chưa ai chôn. Hai anh sinh viên từ già gia đình chúng tôi để đi ra nhà thương Huế săn sóc những kẻ bị nạn. Thấy hợp lý, chúng tôi cũng không giữ. Tôi hỏi Thái đã trình diện chưa, Thái nói rồi, ngày mai đi lĩnh vũ khí và công tác. Thái cho biết cấp chỉ huy của hắn đã bị giết, một người đàn bà khác, có chức vụ nhỏ trong đoàn cán bộ xây dựng nông thôn bị chặt đầu, cắt hết tay chân. Tòa tỉnh vắng ngắt và hình như ông tỉnh trưởng cũng đã bị giết. Nhiều tin đồn lung tung

ghê gớm lắm.

Cũng ngay chiều hôm đó, Thái đi một hồi, khi trở về, nhờ tài ăn nói hoạt bát, hấn đem về cho nhà nửa bao gạo. Má tôi nhìn bao gạo mừng đến chảy nước mắt. Tôi thì từ hôm liên lạc được với sở một lần rồi bị kẹt đường mất liên lạc luôn. Tôi mượn cái xe gắn máy của gia đình người ở tạm căn nhà bếp, rủ Thái xuống Thanh Lam một lần nữa. Lần này may mắn hơn, tôi liên lạc được với Sài Gòn và yên trí một trăm phần trăm là gia đình tôi vẫn yên ổn. Tôi chỉ chờ có máy bay là thoát được. Một ngày nữa trôi qua, Từ Đàm vẫn kẹt trong khói lửa, bom đạn, và chúng tôi hoàn toàn không biết tin tức gì của anh tôi hết. Rồi những người ở Bảo Quốc chạy về, những người ở Bến Ngự chạy được về. Ông Minh cũng biệt tăm dạng. Ai lo việc người đó, tôi cố dò hỏi hết sức, nhưng không có kết quả. Hai ngày sau, một cậu em đi ngang qua, ghé thăm, cho hay tin cậu Đội Hòa đã chết. Cậu Đội Hòa là người điều khiển ban nhạc đại nội. Cậu đã già nhưng vẫn còn khỏe lắm, nhà cậu ở sát dưới chân bậc cấp chùa Bảo Quốc. Một túp lều tranh đơn sơ, trước sân bày đầy chậu hoa, chậu kiểng. Trong nhà cậu, đủ các thứ đàn, từ những cây đàn thật cổ, tới những cây đàn mới nhất. Tôi thường ao ước được cậu cho một chiếc đàn tranh như thửa nhỏ cậu vẫn nói:

“Con học được, cậu cho cái đàn hồi trước của ngài ngự đàn, ngài đàn hay đến nỗi ma nó đứng ngoài nó nhịp.”

Nhưng tôi lại không biết gì về quốc nhạc, và cũng không dám xin cậu chiếc đàn quý giá đó.

Bây giờ cậu Đội Hòa đã chết. Cậu chết ở đâu? Trong lúc chạy loạn hay ở nhà? Còn số phận những cây đàn, túp lều tranh nữa. Tôi run giọng hỏi cậu em. Khánh kể là cậu Đội Hòa chạy loạn tới trước nhà Khánh ở gần bưu điện. Ở đó

đang yên, bỗng một trái đại bác bắn sai rơi xuống. Cậu chỉ trúng có một miếng đạn nhỏ nơi thái dương, và cứ thế, cậu nằm xoải người, tâm trí rất tỉnh táo, đợi máu chảy hết, khô người là chết. Tôi ứa nước mắt. Tôi đã khóc quá nhiều. Trước biến cố Mậu Thân, tôi đã khóc cho cái chết của ba tôi. Trong lúc thành phố tan nát, tôi đã khóc cùng với bao nhiêu người, bây giờ tôi khóc cho ông cậu nghệ sỹ hiền lành, thường cố làm vẻ nghiêm trang, cổ xưa trước mặt con cháu. Và những cây đàn nữa, bao nhiêu vốn liếng của cậu tôi, cũng là những vốn liếng cuối cùng của quốc nhạc, thôi thế đã theo cậu chôn vùi trong khói lửa.

Má tôi cũng ngồi lặng người đi một giây. Chắc má tôi nhớ lại thời nào cùng ở với cậu trong hoàng thành rục rờ. Những tiếng đàn, tiếng phách. Những buổi sáng nhạc nhã vang lừng. Những áo mũ, những thanh âm ngày vua ngự triều. Má tôi cũng từng học đàn với cậu thừa nhỏ và được cậu che chở cho trong những lúc ông ngoại giận dữ vì má tôi không có khiếu về âm nhạc, học dở hơn cậu.

“Mà có chắc là ông Đội Hòa thật không, hay con nghe ai nói lại?”

“Không, chính mắt con thấy mà. Ông chết trong nhà con.”

Tôi nắm chặt bàn tay má tôi. Bàn tay má tôi run run. Mỗi lúc sau, má tôi mới nghẹn ngào:

“Rứa còn bà thì răng?”

“Dạ không can chi, bác gái còn sống.”

Má tôi quay sang tôi:

“Mần răng mà đi đón mợ con về đây.”

Nhưng Khánh lắc đầu. Ở ngoài đó hay ở đây cũng có thể yên ổn mà cũng có thể ăn đại bác rơi lạc bất cứ lúc nào. Với lại chắc gì mợ tôi đã đi. Khánh cho biết là gia đình cậu tôi ra khỏi nhà trong lúc căn nhà còn đang bốc cháy. Cậu

tôi vừa quay lại vừa kêu trời kêu đất, muốn lao trở vào để cùng cháy với mấy cây đàn. Người ta phải lôi cậu tôi đi. Từ đó cậu không nói với ai một câu nào cho tới khi cậu trúng miếng đạn chết.

Như vậy là hết, từ người già cả, cổ xưa nhất như cậu tôi, tới đứa nhỏ lai Mỹ đều đã bị quật chết trong trận chiến. Mỗi ngày có bao nhiêu tấn bom đạn, đã trút xuống đầu thành phố Huế. Mấy ngày nay, máy bay bay nhiều vô số. Đứng ngoài quốc lộ, chúng tôi có thể nhìn thấy những chiếc phản lực liệng nhanh như chớp và thả xuống từng loạt bom, tiếp theo những tiếng nổ, dù dội xa, nhưng vô cùng kinh khủng. Ra xa hơn, đứng ở bên này sông nhìn sang, chợ Đông Ba trở thành bình địa, nhà cửa bên phố như quần chặt trong đám khói mù. Mỗi tiếng nổ, cát bụi, gạch ngói lại bay tơi tả như một trái pháo khổng lồ nổ tung xác.

Má tôi nghe tin cậu Đội Hòa mất, rồi bật luôn tin tức ông Võ Thành Minh, bắt đầu hoảng hốt. Đôi khi đang ngồi ăn cơm, bà bỏ chén đĩa ôm mặt khóc. Tôi sợ đầu óc má tôi trở nên bất bình thường. Trong hoàn cảnh này, ai cũng có thể điên được. Như một người quen cũ của gia đình tôi chạy loạn về ngang qua, má tôi nín lại. Bà ta đang khóc mùi mẫn, đi vào nhà kể chuyện chẳng có đầu đuôi gì hết. Rồi bỗng bật cười:

“Chưa khi mô tui nhìn thấy đám cháy to như rứa. Người chết cháy cứ như heo quay.”

Cười được rồi, bà ta ngạc nhiên và lại ôm mặt khóc. Bà ta điên được từng phút ngắn.

Trưa hôm sau, Thái đã liên lạc được với đoàn của nó. Khi trở về, Thái báo tin:

“Người ta ở Từ Đàm, Bến Ngự chạy về đông lắm. Phía mình đã gọi bằng máy bay, khuyên dân hãy chạy để quân

đội tràn lên đánh địch.”

Má tôi nhảy chơi chơi như một đứa trẻ con:

“Rứa há. Đứa mô đi đón. Đi đón liền.”

Tôi, Thái và Hà tình nguyện đi ngay. Chúng tôi ra tới cầu An Cựu. Tôi đoán chắc anh chị tôi có đi cũng chỉ đi được đường bờ sông, quân giải phóng sẽ rút lên phía núi, và ở đó, chắc súng đạn đang rền trời. Chúng tôi đi bộ ra cầu. Nhiều người chạy loạn quá. Họ gồng gánh, bỏ cả trẻ con vào thúng mà gánh chạy. Thái la cà lại hỏi, nhưng không ai muốn trả lời, hoặc có trả lời thì câu trả lời cũng chẳng giúp ích gì được chúng tôi. Mấy anh lính Mỹ gác ở hai đầu cầu nhìn đoàn người chạy loạn lồi thối lệch thếch cười với nhau, chúng nheo mắt, làm trò, đôi khi đưa súng lên bắn chỉ thiên dọa nữa. Đoàn người nghe tiếng súng là bỏ chạy, những tràng cười thích thú nổi lên đằng sau lưng.

Người chạy với chó, chó chạy với người. Những con chó ở đâu chạy theo đoàn người mà nhiều thế không biết. Một con chó đen bị những bước chen lấn, chạy tràn xuống một đầu cầu mép sông. Bỗng một phát súng nổ, con chó kêu một tiếng thảm thiết, lăn tròn và rơi xuống nước. Tiếng cười ồn ào nổi lên. Mấy người Mỹ đen, Mỹ trắng đứng trên cầu tiếp tục bắn ngăn không cho con chó lội lên bờ. Con chó cứ xa dần bờ, kêu oảng oảng, hết sức thảm thương. Những viên đạn vẫn bắn tới tấp nhưng hình như không định giết con chó, mà chỉ giữ không cho nó vào bờ. Có những viên đạn bắn trệch lên bờ đường, những viên khác dội xuống nước. Đoàn người tản cư chạy tới hỗn loạn, kêu khóc rền trời. Tiếng kêu khóc càng to thì tiếng cười của một số người Mỹ bên kia sông cũng càng lớn. Ngã xuống rồi đứng dậy, đứng dậy rồi chúi nhủi. Dân tộc tôi đấy sao? Con chó đang cố lóp ngóp lội vào bờ tìm sự sống đó sao?

Đáng thương cho dân tôi, nước tôi, thân phận người dân không bằng một trò đùa, không bằng một con chó. Tôi cúi xuống nhặt hòn đá cầm chặt trong tay. Tôi bóp chặt hòn đá như bóp chặt tim mình. Quăng đi, liệng vào mặt chúng. Đồ dã man, tàn bạo. Trong một lúc, nhìn đoàn người lúc nhúc chạy, la khóc, sợ hãi, tôi bỗng uất hận tràn người. Dân tộc da vàng nhỏ bé thật, nhưng còn gì béo bở nữa đâu? Con chó chạy rong dài trong bao ngày đã khô nước miếng, đã lở loét, rụng lông. Tôi đưa hòn đá lên. Liệng đi. Liệng vào mặt chúng rồi ra sao thì ra. Nhưng không, hòn đá mà làm được gì! Con chó đã xa bờ lắm. Nó cố kêu lên mấy tiếng nữa, rồi hai chân trước không phải bơi mà đập nước lung tung. Tôi thả rơi hòn đá xuống đất. Đoàn người la hét khóc lóc đã đi qua được đoạn đường, một vài gói đồ rơi lại không kịp nhặt. Đoàn người khác tiếp tục đi tới. Con chó bây giờ đã chìm cả mình xuống nước, mặc cho giòng nước lạnh lẽo cuốn đi cùng những giòng máu đỏ thắm hồng mặt nước sông xanh. Tôi nuốt nước miếng, cổ họng khô đắng, nước mắt như muốn trào lên. Thái đứng cạnh tôi im lặng. Mặt nó và Hà cùng tái nhợt trong một nỗi thống khổ, nhục nhã như không bao giờ gột rửa được.

Một bàn tay đen đui đưa lên vẫy chúng tôi. Một hộp thịt ném tới lặn lóc dưới chân. Không biết nghĩ sao, Thái đá mạnh vào hộp thịt. Hộp thịt lặn lóc rơi xuống sông và chìm ngấm. Vài tiếng cười khả ố vang lên. Tôi đưa khăn lên chùi nước mắt, ghen ngào bảo các em:

“Minh về đi.”

Trước khi đi, tôi lại nhặt viên đá cầm trong tay để rồi không làm gì hết. Chỉ một viên đá này mà đổi tới ba phát súng, ba mạng người, dăm lăm. Lúc này, ai chả có thể là kẻ địch da vàng dưới lối nhìn của những con mắt xanh.

Khóc lên đi, gào to lên nữa đi, khóc với quê hương yêu dấu đang quần quai, đang gãy xương sống. Đoàn người đi qua, rồi đoàn khác tiếp tục. Những đôi mắt vàng úa, thất thần, những bàn tay nín chặt bọc quần áo, gia tài còn lại và đi mãi. Cỏ đã cháy, cây đã ngã, nhà đã sập. Giòng sông xanh thơ mộng mùa xuân đã loang đầy máu người, máu chó. Đồng gạch càng ngày càng cao. Hòn đá cầm chặt trong tay để làm gì. Tôi ném nó vào một ngôi nhà đổ. Hòn đá mất tăm luôn dấu vết.

Cùng buổi sáng hôm đó, tôi nghe thêm được nhiều nguồn tin lẫn. Bên phố coi như đã thanh toán gần xong. Cầu Tràng Tiền đã gãy, công binh Mỹ đang cố gắng bắt tạm nhịp cầu khác để chuyển quân qua, và súng đại liên, tiểu liên, máy bay bắn xuống như mưa trên những căn nhà đổ nát. Ở phố, người ta không dám chạy thoát ra đường, từ nhà này, dân chúng đục thủng tường qua nhà khác, và cứ thế, họ thoát về ngã Gia Hội, hoặc có người chạy ngược lên Kim Long. Người ta nói tới cái chết của ông Tinh Hoa, chủ hiệu sách, ông đói và khát quá, chạy băng ra đường. Trước khi ra, ông đã nghiên cứu một lối chạy, chạy xiên xẹo, ngang qua ngang lại theo chữ chi để tránh đạn. Nhưng đạn vẫn bắn tới và ông ngã sấp, chết liền tại chỗ. Người đoán là Việt cộng bắn, người đoán quả quyết là Mỹ bắn, nhưng dù ai bắn thì ông ta cũng đã chết. Tôi nghĩ tới những người đang mắc kẹt ở Từ Đàm, ở Thành Nội. Toàn thành cao bao xung quanh, cửa Chánh Tây là lối tiếp quân của Việt cộng, phía các cửa Thượng Tứ, Đông Ba, cửa Sập thì đạn máy bay, đạn Mỹ bắn như mưa. Có bao nhiêu người đang quay quắt, quần quai trong đó. Những chiếc hầm kiên cố nhất chỉ có thể chịu đựng nổi với những cỡ súng nhỏ, làm sao chịu thấu với những quả hỏa tiễn, những tấn bom hàng

ngày trút xuống. Còn thành nội cổ kính nữa, di tích cuối cùng của một thời lịch sử, với những cảnh vàng điện ngọc, với những chiếc bình bằng sứ điểm hoa xưa cổ hàng trăm đời vua, với chiếc ngai vàng bỏ không nữa. Thôi, súng Nga Sô, Tiệp Khắc, súng Mỹ, đã san bằng, đập nát một thành phố của cổ kính, của lịch sử. Không bao giờ còn dựng lại được nữa. Tôi không hy vọng gì nữa. Ngày thường, tôi ít để tâm đến vấn đề này, nhưng lúc này, nhìn những tấn bom trút xuống thành nội, lòng tôi đau thắt lại. Má tôi đã từng kể chuyện trong hoàng cung thời trước. Nào lầu vàng điện ngọc, nào nơi Ngai ngự, nào nhạc ban mai, chuông buổi tối. Nào ngày đưa đám Khải Định, có cọp bạch về châu. Bao nhiêu giai thoại, bao nhiêu huyền sử trong những câu chuyện thừa nhỏ, đẹp và hay hơn cả truyện cổ tích.

Quá trưa hôm đó, một chuyện bất ngờ xảy ra nữa, bất ngờ đến nỗi cả gia đình chúng tôi bàng hoàng sửng sốt, bấu da bấu thịt xem chuyện có phải thực hay trong mơ. Ăn cơm trưa xong, cả nhà đang ngồi kể lại chuyện mỗi người nghe được thì có tiếng gọi ngoài cửa:

“Mẹ ơi, mẹ.”

Má tôi quên cả xô guốc, chạy ồa ra sân. Con Mai, người làm của anh chị Lễ tôi đang khiêng một đầu, đầu đằng sau là một người đàn ông lạ còn trẻ, ở giữa là Hy, em gái chị dâu tôi. Hy nằm trên cái võng và đang cố ngóc đầu lên để nhìn. Con Mai vừa kêu: Mẹ ơi, mẹ ơi, vừa đưa một tay vẫy rối rít. Hy được khiêng vào nhà, con Mai chỉ ra đường vừa khóc vừa nói:

“Mẹ ơi, thầy Lễ đang chạy đằng sau, đang ở ngoài đường.”

Tôi chạy băng ra trước, má tôi chạy theo, rồi Hà, rồi Thái. Ngay trước ngõ, anh tôi đã tới nơi. Anh tôi đang đẩy một chiếc xe sắt trẻ con, đi chân không, tóc tai rũ rượi. Trên xe

đặt hai đứa con trai mặt mày đầy thuốc đỏ, và đang mếu máo khóc.

Tôi ôm choàng lấy các cháu. Cháu gái lớn Ti Na đang chạy lúp xúp đằng sau cũng nhào vào lòng tôi. Nước mắt tôi trào ra. Các cháu tôi cũng khóc thút thít. Anh tôi chỉ lui đằng sau:

“Chị đang ở đằng sau nó.”

Tôi rời tụi nhỏ, chạy tới phía cầu. Nhưng chỉ ngang nghêu Đường Xay, tôi thấy chị dâu tôi đang ngồi bệt xuống đất, chiếc nón tơ tã đặt một bên. Chị bế đứa con nhỏ mới sinh, mặt mũi cũng đầm đìa nước mắt. Tôi ôm cháu nhỏ, dẫn đường. Chị dâu tôi không đi dép, mệt mỏi đi theo sau. Vào tới nhà, anh chị tôi đứng trước bàn thờ ba tôi. Chị tôi gục đầu vào bàn thờ mà khóc. Mấy đứa nhỏ khóc theo. Má tôi, tôi và Hà cũng chảy nước mắt mừng mừng tủi tủi.

Một lúc sau, anh chị tôi mới tỉnh táo kể chuyện chạy loạn được. Tôi hỏi thăm anh đi ngả nào, anh tôi kể:

“Đạn trên nớ bắn dữ quá. Việt cộng không thể kiểm soát được nữa. Quân Mỹ đã tới cầu Nam Giao và Bến Ngự. Ngày hôm qua, lúc chập tối, một chiếc hầm sập, đè chết một đứa nhỏ chắt của cụ Cường Để, một đứa bị thương. Anh bế hai đứa nhỏ đầy máu me. Bà Xếp bế một đứa. Tụi nhỏ cho đi trước cầm cờ trắng, kéo xuống cầu Bến Ngự để đưa mấy đứa nhỏ ra nhà thương. Vài người chạy theo nữa, tới cầu Bến Ngự, anh tỏ ý xin qua, nhưng thấy đông quá, bọn Mỹ nghi ngờ, giơ tay xua bắt trở lại. Cả đoàn chưa kịp quay lại, họ đã bắn vào chân, sườn bên tai, trên đầu. Lũ nhỏ khóc quá, cả đoàn phải kéo lên. Đứa nhỏ chịu không được đau đã chết.”

Chị dâu tôi nói thêm:

“Anh gan lắm má. Ôm hai đứa nhỏ máu me đầy mình.

Anh giơ áo cho má coi.”

Anh tôi đưa tay áo lên, những vết máu đã thâm tím lại. Anh tôi gầy nhom, hai mắt vàng khè và mặt không còn chút máu. Mấy đứa nhỏ đòi ăn. Hà lục lọi lấy cơm cho các cháu. Má tôi hỏi dồn:

“Trên nó tan hết rồi hay rằng con?”

“Ui, còn chi mà còn má. Nhà mình hư hết rồi. Có đem theo chi được mô. Mỗi cháu chỉ mặc một bộ quần áo. Mấy bữa súng yên, tụi con Mai nó qua, lôi được ít đồ gửi bên nhà thờ cụ Phan. Không biết nay mai, bàn thờ còn nguyên lành không nữa. Đêm qua, súng còn như mưa, cứ tối là họ kéo về, giăng cò dụ quân mình. Hai bên bắn nhau. Con chắc mai bên mình lên được trên nó. Biết ở lại rằng cũng chết, ông Minh khuyên tụi con nên liều mà đi.”

Má tôi vẫn chưa ngớt xúc động:

“Con đi bằng ngả mô rứa? Ngả mô mà xuống được?”

“Đi ngả đường rầy má. Nhờ ơn Minh hết đó.”

Anh tôi chỉ người thanh niên:

“Ôn Minh phải lên tới Tây Thiên nhờ anh đây xuống khiêng giùm Hy đi. Một mình con mắc ba bốn đứa nhỏ. Bê mới sinh còn đồ đoàn nữa. Ôn Minh lo hết, tội ôn quá.”

Bê là tên của chị dâu tôi. Hà thắc mắc:

“Rằng anh không nói ôn về một lần luôn.”

“Ôn còn bận cứu thương, tải thương. Ôn nói ôn chưa đi được, ôn đi mà để lại bao nhiêu người kẹt trong vòng súng đạn, ôn không yên tâm.”

Tôi rót nước mời người thanh niên uống. Anh ta khoảng ba mươi tuổi, nét mặt rắn rỏi. Anh tôi không ngớt lời cảm ơn. Hà thì buồn rầu lo lắng cho ôn Minh không hết. Má tôi hỏi thăm những người hàng xóm. Chị Bê cho biết bà Xếp Mập đang đi ở đằng sau, con ở của bà bị thương nhẹ, đi cả

nhắc, vừa đi vừa dẫn bà. Má tôi hết ôm đứa nhỏ này lại ôm đứa khác. Tội nghiệp, chúng như một đàn chim nhỏ bị đạn, nghe tiếng súng đại bác sau Trường Bia bắn đi cũng run lấy bầy, đưa tay che đầu.

Uống xong chén nước, người thanh niên nhất định đòi lên lại Tây Thiên. Má tôi mời ở lại, anh ta nhất định không chịu. Anh nói anh phải đi gặp ông Minh. Anh tôi lo sợ đường có gì bất trắc. Anh mượn một chiếc xe đạp, nói đi ngã núi Ngự Bình, chắc không sao. Má tôi ân cần dặn đi dặn lại nhờ anh thế nào cũng chuyển lời mời ôn Minh về.

Một lúc sau bà Xếp Mập tới nơi. Con ở vừa đi cà thọt vừa cầm tay bà. Vào tới sân bà đã khóc nức nở:

“Thầy Lễ đã tới chưa? Đã tới chưa?”

Anh tôi ra đón bà vào nhà. Bà đặt cây gậy dựa vào chân ghế, nhìn quanh nhìn quất, thấy má tôi, bà lại khóc:

“Bác ơi, tưởng không còn trông thấy mặt nhau rồi chơ... Trời đất ơi, tự nhiên mà đất bằng nổi sóng... Nhà mình yên hết chơ bác.”

“Bà ngồi đỡ mệt đi. Nhà yên hết. Lạy Trời lạy Phật.”

“Nam mô A Di Đà Phật. Tui cứ sợ cho họ bắt thầy Lễ na đi...”

“Tui ở dưới ni mà ruột như nung như nấu bà ơi...”

Má tôi cũng bật khóc. Hà thấy vậy khôì hài:

“Mẹ giải phóng đi mà các con giải phóng không giữ lại rằng mẹ?”

“Ừ, Ừ... tụi nó chạy hết rồi. Bỏ cả cha lẫn mẹ.”

Câu nói của bà làm cho mọi người đang rầu cũng bật cười, mà riêng bà, bà lại lau nước mắt:

“Thôi bác ơi, thấy nhau là quý rồi. Người còn của còn...”

Hà hỏi anh tôi:

“Trên nó họ rút hết chưa?”

Anh tôi nhăn mặt:

“Thiệt tụi nó khôn hết sức. Nó rút đi hết rồi, chỉ còn để lại vài tên, cứ chạy góc này lết đệt vài tràng đạn, tới góc khác lết đệt vài tràng đạn. Quân Mỹ ở dưới cầu tưởng đông không dám tràn lên, chớ thiệt họ rút đi gần hết, chỉ để lại vài chục mạng cầm chun rứa thôi. Nói thiệt tức cười, mấy tên ở lại bắn chọc để chặn quân Mỹ, còn đường lên núi họ sắp hàng rút quân, vừa đi vừa hát. Hình như họ đi tiếp viện mô ở cửa Chánh Tây.”

Tôi hỏi thăm về một người bạn cũ, cũng là cháu nội của cụ Cường Để:

“Thạch Hà đã tản cư được chưa?”

“Chị Hà cùng núp trong nhà thờ cụ Phan. Bữa hôm sập, chị Hà mất một đứa. Thì anh bỗng con nhỏ đó đi xuống cầu Bến Ngự, con Ti Na, Nô Răng cầm cờ trắng. Bà Xếp với mấy người nữa đi đằng sau nì. Mà nó bắn nơi chân đó. Chị Hà tản cư lên miệt Tây Thiên. Anh là nhờ có ôn Minh dò đường mới xuống đây được đó chớ.”

Đứa cháu nhỏ của tôi khóc:

“Cô, cô. Cây vú sữa nhà mình gãy, cháu hái được hai trái chín mùi.”

Tôi vừa thương hại vừa buồn cười. Một cây xanh tốt hàng năm cung cấp bao nhiêu trái cây, nó không mừng, gãy rụi xuống, để chỉ lượm có hai trái thì đứa cháu tôi lấy làm thích thú.

Về tới An Cựu, anh tôi yên tâm hơn. Chúng tôi lo lắng tổ chức lại đời sống. Gạo chắc chắn sẽ không đủ ăn nếu tình trạng này kéo dài, nhưng gia đình chúng tôi cũng không thể về những khu tỵ nạn để lãnh gạo, lãnh tiền. Thái vừa lo đi trình diện, vừa lo chuyện mua gạo. Tôi lại đi liên lạc với sở để đợi máy bay vào Sài Gòn. Nhưng trước đó, tôi cũng phải lo cho Hy vì vết thương để lâu ngày, đang làm độc. Tôi

chỉ cầu cứu ở sở, nhưng đường sá lại bắt đầu khó đi lại. Tôi đành rán chờ.

Chiều hôm sau, ở Từ Đàm lại kéo xuống thêm mấy gia đình nữa, trong đó có gia đình một ông thầy cũ của tôi, và những người con cũng đã đi dạy học, những đứa cháu nhỏ. Anh Lễ đón họ vào nhà, người nào cũng đi chân đất, chạy toi tả. Chúng tôi được biết thêm là sau khi anh tôi trốn thoát, Việt cộng lại về bắt một số thanh niên. Khéo trốn lắm mới thoát được. Ôn Minh hình như cũng bị họ giữ lại. Hà kêu lên thẳng thốt: Ôn Minh mà cũng bị bắt hả?

Thầy Liên, thầy giáo cũ của tôi, đã già, lắc đầu tuyệt vọng: “Tối qua họ còn bắn mấy thanh niên gần nơi trường học.”

Má tôi hỏi:

“Trên nó đã ngót súng chưa?”

“Ôi, như mưa rào, càng ngày càng dữ. Chúng tôi liệu chết để đi. Lạy Trời lạy Phật, về đây mới biết là sống.”

Ngôi nhà chúng tôi bỗng đông vui hẳn. Ngay sáng hôm sau, mọi người lo làm hầm. Cứ mỗi gia đình một góc sân, tất cả các thứ gì còn lại trong nhà có thể giở ra làm hầm được, họ đều trưng dụng. Nhưng chúng tôi không phiền hà gì, nếu phải tháo cả chiếc nhà ra để làm thêm một cái hầm nữa, chắc ai nấy cũng hết sức vui vẻ.

Các nhà bên cạnh cũng lục đục kéo nhau về, làm hầm phòng đại bác. Chợ nhỏ họp ở trước con đường dẫn vào Trường Bia. Một vài quán ăn đã mở. Sức sống vun trồng thật nhanh, vừa mới mấy ngày, nhà cửa, làng xóm đều hui hui như không bao giờ còn có hơi thở nữa. Vậy mà chỉ qua hai ba ngày sau, dân chúng trở về. Ở đâu có người, có hơi thở là có quán, có khói, có bữa cơm. Nhưng cũng thâm trầm lắm, cạnh đó, cách chừng một cây số, hai cây số, máu vẫn tiếp tục chảy. Buổi sáng đoàn lính biệt động, nhảy dù, thủy

quân lực chiến vừa đi ngang qua quốc lộ, nét mặt còn đỏ hồng máu, buổi chiều, xác họ đã được khiêng trở về con đường cũ.

Mặc dù khu vực chúng tôi đã yên tĩnh, nhưng ban đêm, Việt cộng vẫn về bắt người. Ban ngày, lính Mỹ lên, gác đường, gác trong các khu vườn và nhìn sinh hoạt dân chúng với đôi mắt nghi ngờ, không mấy thiện cảm. Chỉ một tiếng động khả nghi là một băng đạn bắn vào hầm đầy người. Một tiếng súng nổ, cả một xóm nhỏ phía sau ruộng bốc cháy. Lính Mỹ đứng gác xua dân chạy ra khỏi nhà nhưng không được mang theo một thứ gì hết. Tiếng khóc la vang trời dậy đất. Người ta chạy ra khỏi nhà, đứng nhìn ngọn lửa. Dân chúng ở vùng này càng đông hơn vì những người tản cư mới đến. Những mũi súng của người Mỹ chỉ vào họ. Họ đành vừa khóc vừa chạy loạn thêm một lần nữa. Mỗi lần thấy lính Mỹ vào vườn là anh tôi kêu cả nhà và giục những người trong các hầm khác lên khỏi hầm và vào nhà hết. Thấy nhà chúng tôi đông, đàn bà trẻ con nhiều, họ không khả nghi gì hết.

Chắc chỉ có xóm tôi ở là dân chúng về sớm và đông nhất, ở các vùng khác cạnh đó, mặc dù đã yên ổn nhưng chưa ai dám trở về.

Lính địa phương thừa lúc chủ nhà bỏ đi, cạy cửa vào khuôn hết đồ đạc. Nhiều người trở nên giàu có. Tôi đã từng thấy những người đàn ông khiêng cả xe Honda còn khóa đi ngang qua nhà. Tôi cũng trông thấy cảnh mấy anh lính nhảy dù ở xa đến rượt theo với người lính địa phương vì họ đang ôm đồ ở một nhà nào đó chạy ra đường. Một anh thủy quân lục chiến ở Sài Gòn ra đưa cho Thái xem một cây bút máy khắc hai chiếc tên lồng vào nhau. Anh kể, anh lượm được nơi xác chết một cô gái. Cô gái Huế nào chết

cũng để lại một mái tóc thật dài, làm anh cứ ôm hết mỗi tiếc thương này tới mỗi tiếc thương khác. Một vài gia đình khác nữa cũng vừa thoát được ở Từ Đàm về, cho hay là Mỹ đã qua được cầu Bến Ngự, nhưng chưa lên khỏi dốc, còn nằm chờ. Tôi nghĩ tới những trái đại bác sẽ dẫn đầu cho đoàn quân. Tất cả đã tan nát rồi, chắc sẽ còn dần chạt xuống đất sâu nữa. Người ta nói tới những xác chết dọc đường. Những đứa trẻ không kịp chôn cất, vất bừa trong bụi cây, hay vùi giữa đồng gạch. Đám chó đói từ lâu bỗng được dịp no nê. Ai thống khổ, ai chết chóc mặc, chỉ có lũ chó là phê phỡn. Tôi để ý thấy quanh vùng tôi có nhiều chó xuất hiện. Ngoài việc phòng ngừa đại bác, phòng ngừa Việt cộng về bắt, còn phải trừ ít gạch để liệng chó nữa. Mỗi lần dọn cơm, bọn chó hầm hè ngoài vườn. Nhưng bọn chúng đông thì nhân số trong nhà chúng tôi cũng đông đúc không kém, chúng không thể tràn vào nhà được. Thái tiếc rẻ:

“Mấy hôm đói gần chết chẳng thấy con nào, không ông đã vồ lại, ông ăn thịt cho đỡ lòng.”

Hàng ngày chúng tôi ra đường đứng nhìn xem máy bay thả bom bên thành nội. Những chiếc máy bay gầm thét như xé rách bầu trời buồn thảm. Những ngọn khói như núi vẫn tiếp tục bốc cao. Ở Gia Hội có một vài người thoát đi được, hỏi đến, họ vừa khóc vừa kể:

“Chết hết rồi, chết hết rồi. Họ đặt bộ chỉ huy ở trường Gia Hội, dấu tổ, giết chết hàng ngày. Ghê lắm.”

“Còn trong thành nội?”

“Chạy tản cư ra Gia Hội.”

“Gia đình anh còn ai không?”

“Còn một mình tui. Qua chuyển đồ mất ba ngàn. Thôi chào bà con cô bác.”

“Vô đây tạm đỡ vài ba bữa rồi đi.”

Nhiều người mời, nhưng người đàn ông cô đơn từ chối. Chắc ông ta muốn đi càng xa đồng khới, xa máu me chết chóc càng sớm càng hay. Ông ta đi như chạy trên đường quốc lộ.

Một người khác kể:

“Chúng nó bắt đầu giết người dữ lắm rồi. Gặp đàn ông là bắn. Nghe ai điềm chỉ là bắn. Tui trốn hai mươi mấy ngày trên máng xối, có bữa đói quá, phải nhổ rêu mà nhai, lùa nước trên máng xối mà uống. Bà con coi, cái bụng tui phình ra như đàn bà bị báng. Tui phải về Phú Bài xin nằm bệnh viện.”

Người ta còn kể cả một gia đình ở Gia Hội chết vì cái Ti Vi:

“Máy này để liên lạc với địch?”

“Dạ thưa không, cái máy Ti Vi để coi hát múa.”

“Vặn lên nghe thử.”

Mở máy, không thấy có hình ảnh hát múa. Một băng đạn, đàn bà trẻ thơ ngã gục. Một bản án được đắp lên: Để đồng bào noi gương. Đứa nhỏ chết không kịp nhắm mắt. Hai đứa con của một người mẹ Việt Nam lai Mỹ, người mẹ đi Vũng Tàu để hai đứa nhỏ ở nhà cho chị vú. Đây là con Mỹ Đế, để lại sau có hại cho tương lai dân tộc. Không cần phí đạn. Hai cái đầu của hai đứa nhỏ bị đập vào tường. Óc, não, máu me phun tung tóe.

Vẫn còn những người bị thương được khiêng đi. Hoặc họ chạy loạn bị thương, hoặc họ tiếc của trở về trong lúc hai bên đụng độ, trúng đạn. Bao nhiêu căn nhà bỏ hoang, bao nhiêu cửa cải còn bỏ lại. Các anh giải phóng chỉ giải phóng xương máu và cầm nhầm những thứ nhẹ nhàng như đồng hồ, bút máy, những đồ vật nhỏ nhỏ, xinh xinh, hay ngộ nghĩnh. Phần còn lại dành cho kẻ thừa nước đục thả câu, bao nhiêu cũng không vừa. Người ta còn kể rằng,

một thanh niên còn nhỏ tuổi, con của một ông chủ tiệm vàng, bị gù lưng, đã dắt trong mình mười mấy lượng vàng chạy trốn. Anh ta bị bắn chết ngay ở trên hồ, một phát đạn không biết của ai, vàng cũng chảy theo máu, chỉ để lại xác người xấu số. Chưa hết đâu. Còn tàn sát, chết chóc nhiều nữa. Những người thanh niên, đàn ông bị Việt cộng nói ngon nói ngọt là đi học tập mười lăm ngày, mãi chưa thấy về và những người khác vẫn bị tiếp tục mang đi. Số phận những người này sẽ ra sao? Họ đã cố tình giữ dân lại, chắc để sẽ đem làm bia đỡ đạn trong lúc thế cùng. Nhưng dân chúng, phần chết chóc, phần bỏ trốn, chắc cũng chẳng còn bao. Những tiếng rú nửa đêm, những bản án, những tiếng súng giết người không lý do, làm sao để dân chúng dám ở lại, dám tin tưởng.

Hàng ngày tôi ra đứng bên đường, hy vọng trong đám người tản cư về, có ông Võ Thành Minh. Mới gặp ông có mấy ngày, tôi đã hết sức yêu kính ông. Ai hèn, ai can đảm trong cơn biến loạn này đều lộ diện ra hết. Hôm nay, nghe tin Mỹ đã tràn lên tới Từ Đàm và hai bên đang đánh nhau, giành từng tấc đất, chắc ông Minh không còn có thể ở yên đó mà tải thương theo tinh thần hướng đạo của ông nữa. Không ai còn sức để sống đến hôm nay mà chết cho súng đạn. Tôi hy vọng ông Minh sẽ về. Họ bắt ông để làm gì? Chắc ông sẽ thoát được và tôi sẽ gặp ông trước ngày bỏ Huế. Tôi đã liên lạc được với sở và chuẩn bị ngày lên đường vào Đà Nẵng. Nhưng sao tôi vẫn chưa muốn đi. Tôi chờ đợi ống khói khổng lồ vươn lên từ trong thành nội lụn dần. Nó phải lụn dần chứ. Một người đàn bà đã dẫn một đứa nhỏ đi trên đường quốc lộ vừa khóc vừa kể:

“Ồi, bà con làng nước ơi. Nhà tui cháy, chồng tui bị bắt, rứa mà con tui cũng lạc.”

Người ta tò mò hỏi bà:

“Rứa đứa nhỏ bà dắt theo là ai? Không phải con bà hay rặng?”

“Con tui lạc rồi bà con ời. Tui cầm nó nơi tay mà lôi mà chạy. Rứa mà khi nhìn lại thì không phải, gặp thằng bé này.”

Người đàn bà lại tiếp tục khóc, tiếp tục kể và lôi thằng bé chạy. Người đàn bà gọi con, đứa nhỏ gọi cha mẹ nó. Cảnh trông thật tức cười nhưng cũng rớt nước mắt. Trên quê hương tôi, bao nhiêu đứa trẻ, bao nhiêu bà mẹ đã khổ như thế? Kể làm sao hết được. Một ngày nữa trôi qua, lại một ngày nữa đến. Khu An Cựu có vẻ yên lành hơn trước. Buổi sáng, tôi đã ăn được những bát cháo lòng heo, giò heo của những người bán hàng rong. Chúng tôi không còn phải chui rúc dưới hầm tối suốt ngày nữa. Nhưng không khí dường như độc địa hẳn. Mắt mọi người lúc nào cũng cay xè. Thuốc hơi cay của quân đồng minh rải khắp nơi để bắt những giải phóng quân còn sót lại. Ngay sau khu vườn cách nhà tôi vài căn, có một ngôi nhà bỏ không, một chiếc hầm bỏ không, người ta cũng bơm hơi cay, xông ra một giải phóng quân bị thương, bị đồng đội bỏ lại. Và khi lên nhìn thấy ánh sáng thì hắn cũng vừa thở hắt ra mà chết. Ở trong hầm, dù đau đớn, hắn cũng viết nhật ký, viết thư gửi cho mẹ và em. Điều đặc biệt là hắn có một lá thư nguệch ngoạc viết phản đối chiến tranh nữa: Khi tôi chết, tôi muốn gởi đầu lên đất Bắc, dù chân tôi ở miền Nam. Tôi đã gây cảnh đổ máu ở thành phố này, tôi phải để máu của tôi lại để hòa cùng với dòng máu oan ức của dân Huế, của dân tộc tôi. Người lính Biệt động đọc xong mấy dòng trên, anh vội nhét lá thư vào túi, rồi lặng lẽ bế xác tên Việt cộng, xác một người Việt Nam, ra vườn. Anh đào một cái hố nhỏ và chôn xác người miền Bắc chết cùng với dân Nam. Anh nhìn

quanh quất, tính lui tính tới để tìm ra phương Bắc làm chỗ gối đầu cho kẻ bạc mệnh.

Tôi muốn xin anh lính bức thư, nhưng thấy mặt anh lầm lì và vác khẩu súng nặng nề quá, tôi lại thôi. Chỉ một lát sau, khi ra ngoài lộ, tôi trông thấy chính anh lính đó rĩa một tràng súng vào một bụi cây. Không có người nào hết, ngoài một con chó ốm. Con chó chạy ra, mắt hực lửa, miệng nó đang tha một cục xương người. Thôi, tôi không muốn kể nữa. Người ta còn đồn là ở trong thành nội, xác chết của dân và của Việt cộng đã chất cao. Những người dân chạy loạn bị trúng đạn nằm chồng lên nhau. Những xác Việt cộng nằm đầy những hố, xác ở dưới mương, bên đường lều bều như cá chết mắc cạn.

Cũng từ hôm đó, ở phía Nam Giao, Từ Đàm không còn ai chạy loạn về nữa. Hình như cũng chả còn ai để mà chạy. Họ đã bỏ đi, và số còn lại thì đã ở giữa hai lần đạn rồi. Tôi mất luôn tin tức của ông Minh. Anh tôi thở dài mỗi lần nghe chị em tôi nhắc nhở tới ông. Má tôi mua được ít cau trầu vẫn để dành. Không hiểu căn cứ vào đâu mà má tôi tin là ông Minh sẽ bình yên vô sự.

Tôi thì tôi không tin được như thế. Có thể ông đã bị bắt đi như những lời đồn. Ông bị bắt đi cùng thầy Đôn Hậu. Như vậy, có thể ông không bị giết. Có được không? Nhưng tôi vẫn nghi ngại lắm. Hai đứa bé con lai Mỹ thì tội tình gì? Một nhà sư như thầy Đôn Hậu, một hướng đạo, một chiến sĩ như ông Võ Thành Minh. Trời ơi, sao giữa tiếng súng, giữa cảnh máu me, giữa bao nhiêu người chết oan ức, tôi lại cứ thắc mắc những điều như thế. Điều cần thiết là tôi phải làm sao để thoát khỏi Huế, để sống được, để trở về trông thấy các con tôi, gặp mặt chồng tôi. Tôi sẽ ra đi dù để lại Huế quay quất, tan tành, đổ nát. Để lại má tôi, anh tôi, em

gái, các cháu, bà con giòng họ. Có thể ở lại thêm một đêm, đến lượt tôi cũng sẽ bị bắt. Tiếng cú rúc, tiếng báo hiệu của tử thần vẫn còn mỗi đêm, khi xa khi gần. Tôi đem những điều suy nghĩ trên nói với anh tôi. Anh tôi cũng khuyên:

“Tìm được phương tiện, em nên đi ngay, đừng chần chờ. Về được tới đây, anh cảm thấy nhà mình đã yên tâm hơn rồi.”

Nhìn thấy điều gì mà anh tôi dám quả quyết như vậy? Tôi nhìn lên bàn thờ ba tôi. Chị dâu tôi đã đốt hai ngọn nến, thắp một cây nhang lớn. Mùi hương thơm phức. Trong thành phố này, bao nhiêu ngôi mộ đang lạnh lẽo, đang vơi nuôi khói hương. Ba ơi, ba vẫn may mắn. Điều đó làm cho anh con tin tưởng phải không ba? Nếu ba gắng gượng sống thêm vài ngày nữa. Chuyện gì sẽ xảy ra cho ba? Tôi không dám nghĩ tiếp nữa. Huế ơi, một ngày tôi về chịu tang cha, chịu tang thêm cho cả thành phố. Trong biến cố này, bao bạn bè tôi lớp cũ đã ra đi. Ngôi trường Đồng Khánh thân yêu, nơi dung dưỡng tuổi thơ ấu, tuổi lớn lên của tôi đã đổ nát tới chừng nào? Những cây phượng, những hốc cây đầy kỷ niệm nữa, sao tôi vẫn có cảm tưởng như những hốc cây kỷ niệm của tôi nơi sân trường đang ứa đầy máu. Tôi muốn được trông lại dòng Chúa Cứu Thế, nơi tôi đã tránh nạn những ngày đầu tiên, muốn ghé lại cung An Định, xem đồng gạch đã khổng lồ như thế nào. Muốn tới Tân Lăng để coi căn nhà của chị U, để coi ngôi nhà thờ họ, còn nguyên vẹn hay đã đầy vết bom đạn. Những nơi tôi đã dung thân, tôi đã gửi lại một ít kỷ niệm. Những nơi đó tôi đã nhìn thấy máu, nhìn thấy sự chết, và cũng đã nhìn thấy sự sinh sản. Ôi, căn gác nơi nhà thờ, nơi đó đã sinh ra đời thêm được bao nhiêu em bé nữa. Giữa cảnh rẫy chết, tanh hôi, tiếng khóc ra đời của trẻ thơ vẫn vùng vẫy mạnh mẽ, vẫn vươn

lên tột cùng sự kiêu hãnh của sức sống. Không chỉ nơi căn gác chuông của ngôi nhà thờ đó đâu. Gần một tháng trời nay, khắp thành phố Huế, trong hầm tối, giữa đường, bên bờ ao, bên những vũng máu đã nguội, những tay chân què quặt, còn bao nhiêu trẻ thơ khác ra đời nữa. Đất lấp những tiếng kêu thống thiết thì đời cũng mở những tiếng khóc sơ sinh. Không, Huế sẽ không bao giờ tan nát, đổ vỡ tới như sự tận thế. Bên vòng lửa, cạnh bom đạn, những buổi chợ đã họp lại, kẻ sống sót đã trở về vòng quanh quẩn, lăm le đợi chờ. Và dưới mương bên đường, trong đất tối, bao xác chết mở mắt trùng trùng chờ đợi. Tôi gặp thêm một số người các nơi chạy về nữa. Từ Gia Hội, từ Bến Ngự, từ Kim Long. Vậy là Huế đã rộng. Một người sống sót kể lại vì muốn cứu khoảng hơn mấy chục người mắc kẹt trong một xóm nhỏ, các anh lính đã phải hy sinh một số khá đông. Một người khác nói rằng chính anh vừa thoát được từ dưới địa ngục lên. Anh ta bị bắt đi. Một đoàn người bị bắt, một sợi dây thừng dài cột người này liền với người khác. Đoàn người được dẫn lên phía núi. Tới một khoảng đất trống, một anh giải phóng ra lệnh mở giây trói cho mọi người, bắt họ đào hầm hố. Những hầm hố mới nguyên bên cạnh những cây cối còn xanh tươi. Đoàn người được đứng sắp hàng lại. Một loạt đạn thi ân: Giải phóng. Một số người được chừa lại: Xô họ xuống hố và lấp đất đi. Những giọt nước mắt không ứa ra được, nóng như lửa chảy ngược xuống nung đốt ruột gan. Số người còn lại về sau cũng bị số phận như thế. Nhưng tôi, tại rằng tôi may mắn thoát chết? Trời đất quỷ thần. Tôi thoát được mà về đây. Ông bà tôi đã cứu tôi. Trời Phật hay ma quỷ đã cứu tôi. Chào tất cả chào bà con cô bác. Tôi phải chạy trốn chúng nó. Tôi phải đi tìm vợ con tôi. Tôi đi trốn đây, bà con cô bác trốn đi. Trốn ngay đi. Người

đàn ông kể xong chuyện xúc động quá chắc đã hóa điên rồi. Chúc anh được điên để quên. Điên được, thật sung sướng cho anh biết mấy.

Một người khác thì trái lại, vừa kể chuyện vừa khóc. Ông ta không điên mà rui thay, còn quá sáng suốt để tràn đầy sự xúc cảm.

“Họ ở trong nhà tui mười mấy ngày. Nhiều người bị thương mang về. Nhiều người chịu không thấu đã chết. Bà con biết không? Họ cũng biết thương người, họ cứu thằng còn tui bị miếng đại bác. Một anh lính Bắc Việt trẻ đã than thở với tui: Các bác nghĩ lại đừng ghét bỏ tụi cháu. Tụi cháu chỉ biết thi hành theo lệnh trên. Tụi cháu cũng xa gia đình, đói khổ. Nhìn cảnh đồng bào chết như thế này, tụi cháu cũng khổ đau lắm. Ngoài Bắc họ tuyên truyền vào Nam đánh Mỹ chớ cháu đâu biết có sự như thế này... Đó, họ cũng tội, họ cũng oán chiến tranh lắm chớ.”

“Vậy sao bác chạy tới đây?”

“Họ bỏ đi hết rồi. Nhà chỉ còn toàn xác chết. Còn có một anh bị thương ở lại đó, khuyên tôi nên đi đi, ở lại là chết. Bây chừ tui đi, đi tới nơi mô yên ổn nhất. Đây vườn chưa yên.”

Họ cũng là người chứ! Huế ơi, Huế có căm thù họ không? Những đôi mắt mở sâu trùng trùng trong đất đen, trong cõi vô minh có căm thù họ không? Căm thù chứ, phải không? Nhưng không phải căm thù họ, mà căm thù những trái đạn từ đâu nhập vào đất nước để biến chúng ta thành kẻ bị giết hoặc bị bắt, buộc phải giết người, giết anh em, cha, mẹ, bà con ruột thịt. Ruột và thịt, trong gần một tháng qua tôi đã nhìn thấy bao nhiêu. Bao nhiêu đó, có đủ để nhắc nhở gì chăng?

Các em tôi đã đi trình diện hết. Thái được đưa về Phù Lương, Bé trở lại đơn vị. Phía hữu ngạn đã bắt đầu kiểm

soát dân. Những người trở về ùn ùn kéo nhau đi lĩnh phiếu kiểm soát. Anh tôi cũng đã lĩnh phiếu.

Xung quanh khu vực tôi ở, hình như người ta đã trở về gần hết. Về tới nhà, gia đình này thiếu mất mẹ, gia đình khác thiếu cha, kẻ mất con. Những tiếng khóc thê thảm bật lên, nổi từ nhà này sang nhà khác. Người ta kể cho nhau nghe về những ngày chạy loạn, những cái chết thê thảm, và người ta khóc mùi mẫn. Những giải khăn tang đã bắt đầu xuất hiện.

Ở sở cho người lên báo tin là sẽ có trực thăng đưa tôi từ Huế vào Đà Nẵng, để từ Đà Nẵng, tôi sẽ đi máy bay vào Sài Gòn. Tôi mừng rỡ lắm. Nhưng không dám tỏ sự mừng rỡ đó ra cho má tôi, anh tôi biết. Càng ngày, má tôi, anh tôi càng tỏ ra buồn bã, cơn xúc động, kinh hoàng ban đầu đã lắng dần và trở thành đá trong mỗi cội lòng. Đêm, chúng tôi vẫn phải ngủ hầm, ngày sặc sụa nước mắt vì hơi cay. Nhưng chúng tôi vẫn tin tưởng là tai nạn sắp chấm dứt. Buổi tối hôm đó, trong bữa cơm, tôi mới dám đem chuyện ở sở báo tin có máy bay cho má và anh tôi nghe. Má tôi khuyên:

“Con nên tìm cách đi sớm. Ngó Huế rứa chớ chưa yên mô, má thấy còn nhiều rủi ro lắm.”

Tôi biết má tôi muốn nói tới những viên đạn lạc, những trái đại bác sai đường, những tiếng cú rúc ban đêm, những bước chân dò dẫm mỗi buổi tối. Tôi nói với cả nhà:

“Đi như thế này, con chưa yên tâm. Con thoát một mình con thôi, rồi ở nhà lỡ xảy ra chuyện gì...”

“Chuyện gì xảy ra nữa thì cũng đành chịu. Số mạng mà em.”

Anh tôi nói. Đôi mắt anh nhìn lên bàn thờ ba tôi. Ngọn nến vẫn le lói cháy và trầm hương vẫn thơm phức.

“Có lẽ sáng mốt con đi. Chiều mai, con phải về dưới Phù Lương ở lại. Sợ có chi bất trắc kẹt đường.”

“Lo trước vẫn hơn,” má tôi nói.

Mấy đứa cháu nhao nhao:

“Cô sợ súng, cô đi phải khôn cô?”

“Thế cháu có sợ súng không?”

“Mới bữa đầu sợ, về dưới ni, cháu hết sợ rồi.”

Đêm đó, tôi không ngủ được. Chỉ còn một đêm nay nữa, ngủ nơi ngôi nhà này, ngôi nhà mà tôi đã trở về chịu tang cha để rồi chịu tang chung cho cả một thành phố, tôi có cảm tưởng như trong đêm tối, ngoài vườn, vẫn còn đầy tiếng chân đi. Thỉnh thoảng những tiếng rú, tiếng hét vẫn còn dội trong tiềm thức. Má tôi cũng không ngủ, bà nằm bên cạnh, lần tay trong bóng tối tìm cổ tay tôi:

“Con ngủ đi cho khỏe con. Thức chi mà thức hoài.”

Tôi trở mình, thở ra, nói với má tôi:

“Súng bắn nhiều quá má.”

“Chắc bên thành nội.”

“Không biết trên Từ Đàm đã đánh xong chưa?”

“Con yên tâm, trên nó yên là mình về lấy đồ. Chắc cũng không mất mát nhiều đâu.”

“Má không tin là cái nhà đó đã sập à?”

Má tôi tin tưởng:

“Không, có sập cũng không đến nỗi.”

“Chuyển ni yên, má có định bỏ Huế không? Hay để con vô trong thu xếp mang cả nhà mình vô Sài Gòn luôn.”

“Không.”

Tiếng “không” má tôi trả lời mau, không suy nghĩ. Bỏ làm sao được phải không má? Phải không Huế? Tôi tưởng tượng ra ngôi mộ của ba tôi nằm trên sườn đồi, vây quanh giữa những ngôi mộ ông tôi, bà tôi, chú tôi và những bà

con thân thuộc khác. Rồi ngôi vườn, căn nhà tôi đang sống đây nữa. Cả một đời người, sau bao lần thất bại, ba tôi mới dựng nổi ngôi vườn, căn nhà này. Những cây cối vẫn còn cố sống, dù vàng vố, xơ xác ở ngoài vườn kia, đều do bàn tay ba tôi đã gầy dựng lên. Bây giờ ba tôi đã nằm xuống. Cùng với biến cố này trong thành phố, bao nhiêu người nữa đã nằm xuống. Nhưng cây cối sẽ phải tiếp tục mọc tiếp tục xanh, như sự chết của người dưới mồ phải tiếp thêm sức lực cho sự sống của cỏ cây mọc tràn trên đất. Giọng má tôi vẫn đều đều:

“Má nghĩ mình còn sống, mình còn gầy dựng lại được.”

Rồi bà nói sang chuyện khác:

“Con vô Sài Gòn nhớ tìm cách báo tin cho má biết gia đình trong đó ra rằng.”

Tôi cam đoan với má tôi là ở Sài Gòn yên tĩnh trở lại rồi, và tin tức nhận được là gia đình tôi vẫn yên ổn. Nhưng má tôi vẫn thắc mắc:

“Vô, con nhớ làm cái hầm. Chuyển ni về phải làm cái hầm lại cho chắc chắn.”

Tôi dạ dạ vâng vâng cho má tôi yên lòng. Đêm đó tôi khóc âm thầm mãi. Nằm nghe tiếng súng nổ ran từ phía bên kia thành nội, tiếng đại bác câu đều đều, âm thanh như đưa oan hồn. Mai tôi bỏ Huế để đi một mình, để tìm bình yên một mình. Nhưng liệu có còn chỗ nào bình yên? Quê hương, nơi nào cũng có máu, có lửa. Tôi chúc cho Huế những gì đây?

Sáng hôm sau, Hà cùng với mấy cô nhỏ ở chung nhà đi xe đạp, cố tìm đường lên Từ Đàm. Nhưng đến xế trưa, Hà trở về, mặt mũi đầy bụi. Nó nói: đường không thể nào đi được. Ở trên đó đang đánh nhau dữ dội lắm. Các ngã đường lên xuống bị chặn hết.

Tôi bận rộn sửa soạn để xuống Thanh Lam. Nói là sửa soạn chứ thật chả có gì, ngoài sự bịn rịn người thân trong nhà.

Trước khi đi, tôi với Hà đi một vòng thăm xung quanh khu tôi ở. Lên nhà chú tôi, cả nhà đã đi tỵ nạn dưới Phù Lương. Xung quanh hàng xóm trở về thừa thớt. Những ngôi nhà bị trúng đạn càng ngày càng hư hại, hết sức tiêu điều. Đi vòng con đường nhỏ này là ngã ra núi. Nơi đó, mộ chôn ba tôi. Nhưng không dám đi xa hơn nữa.

Hai chị em xuống cầu An Cựu. Lính Mỹ vẫn gác đầy, chúng tôi muốn đi xa hơn nhưng có người nói nguy hiểm lắm. Khu trường Kiểu Mẫu vẫn còn bị ăn đạn bên kia sông bắn qua. Khi chúng tôi về tới nhà, thấy trong nhà có người lạ. Một ông lão đang ngồi uống nước và nói chuyện với cả nhà. Ông lão này có tới tám mươi tuổi. Má tôi giải thích là ông ở một trong các căn nhà phía sau vườn. Con cháu đã tản cư hết, chỉ còn một mình ông ở lại trong căn nhà đó từ ngày đầu xảy ra tiếng súng tới giờ. Tôi tò mò hỏi thăm, nhưng hình như ông không nghe gì hết, cứ hỏi một điều ông lại nói một chuyện khác. Một lúc sau, tôi mới biết là ông vừa lòa vừa điếc. Tôi hỏi lớn:

“Cụ ở một mình lấy chi mà ăn?”

“Có chứ. Nhiều lắm. Tụi con cháu tui nó để lại bánh mì khô, bánh chưng, gạo nì...”

“Cụ không sợ súng sao?”

Câu hỏi này tôi phải hỏi tới hai ba lần, và làm dấu cụ già mới hiểu:

“Súng há? Ăn thua chi. Tui điếc mà, có nghe cũng như nghe tiếng bắp rang nổ rứa thôi.”

“Mấy ngày đầu cụ có gặp họ không?”

“Chi?”

“Gặp họ?”

“Họ là chi?”

“Việt cộng đó cụ.”

Tôi la lên đến khan cả cổ. Cụ già gật đầu ra vẻ hiểu:

“Ờ, ờ. Việt cộng. Có, có. Họ vô nhà thấy ông già thì mần chi ông già, ăn cứt ông già...”

Tôi đang buồn cũng không nhin cười được. Ông cụ già lại kể:

“Cái tui con cháu nói không được. Tui biểu đừng có đi, cứ đi. Nghe nói trúng bom cả lũ chết hết rồi. Chết hết để lại một mình tui. Khổ thân chưa...”

“Chừ cụ tính rằng?”

“Tui nghe bên ni về đồng người, muốn qua hỏi thăm tìm đường đi tìm xác tui chúng. Khổ quá các bác, các cháu ơi. Tui đã khuyên tui nó đừng đi, nó không nghe. Như tui cứ ăn no rồi nằm ngủ. Kệ súng kệ đạn, rửa mà có chết mô nà trời. Rửa mà tui nó khôn biết ma đưa lối quỷ dẫn đường chi mà bỗng bế nhau đi hết.”

Má tôi khuyên:

“Ôn về nhà đi, đừng có đi tìm. Ai chết người ta cũng chôn hết rồi, biết mô mà tìm.”

Ông cụ già đưa tay dụi mắt:

“Chôn hết há? Chôn mô?”

“Chết mô người ta chôn ở đó.”

Tôi nhìn thấy hai giọt nước mắt hiếm hoi chảy xuống trên gò má nhăn nheo của ông già. Ông không chào hỏi ai, đi ra khỏi cửa. Tôi đi theo, đưa tay đỡ ông, ông để cho tôi đưa ông về tới nhà.

Thật lạ lòng hết sức. Ngôi nhà ông sập hết một nửa, lại đầy cả vết bom vết đạn. Vậy mà ông già không hề hấn chi hết. Tôi chỉ những dấu đạn ở tường. Ông nói:

“Nó bắn đó.”

Ông lần tới gần bên vách tường sập:

“Cái nhà định đổ. Tui có nghe chi mô, chỉ có tiếng bình một cái, người tui hơi dội trở lên, mở mắt thấy cái nhà đổ rồi.”

Tôi thấy bên góc nhà mấy cái cờ giải phóng đầy máu, một vài chú ruồi vẫn còn bâu ở đấy. Mấy chiếc cờ tiết ra một mùi tanh khó ngửi. Thấy tôi nhìn, ông già giải thích:

“Của mấy ông giải phóng bỏ lại đó. Mấy bữa đầu thôi thì chết, rồi bị thương tùm lum. Đem vô đây, đó, nằm ở góc nhà đó rồi khiêng đi, không biết đi mô nữa.”

“Bây giờ cụ sống với ai?”

“Một mình.”

“Lấy chi ăn?”

“Mai mốt yên, mình nhờ chính phủ chứ. Con cháu chết hết cả rồi. Mình nhờ chính phủ.”

Tôi chào ông cụ già rồi đi về. Tới nhà đã thấy xe sở đợi sẵn. Má tôi đang đứng nói chuyện với mấy người trong nhà, thấy tôi, má tôi chạy ra:

“Họ tới đón con rồi đó.”

Tôi ôm chầm lấy má tôi. Tôi muốn khóc mà không khóc được. Nhưng má tôi bật khóc dễ dàng:

“Thôi con vô sửa soạn mà đi.”

“Má.”

“Con sửa soạn đi đi...”

Giữa không khí hoang mang của ngày giá rét, má tôi dường như đang gạt lệ, nhìn ngọn đồi cao trước mặt. Trên đó, là phần mộ ba tôi.

Trước khi tôi đi, tôi thả một nén hương lên bàn thờ. Hình như tôi muốn khấn một điều gì đó, nhưng trí nhớ của tôi thật hoàn toàn mù mịt.

Xách cái túi nhỏ. Ôm khóc vẫy chào mọi người. Tôi đã ra đến lề đường. Chiếc xe nổ máy chờ sẵn. Ngay trên đầu tôi,

những chiếc máy bay không ngót gầm thét, lượn vòng. Và ở phía xa bên kia thành nội, những ụ khói bốc cao, quần quai trong những tiếng nổ tung vỡ.

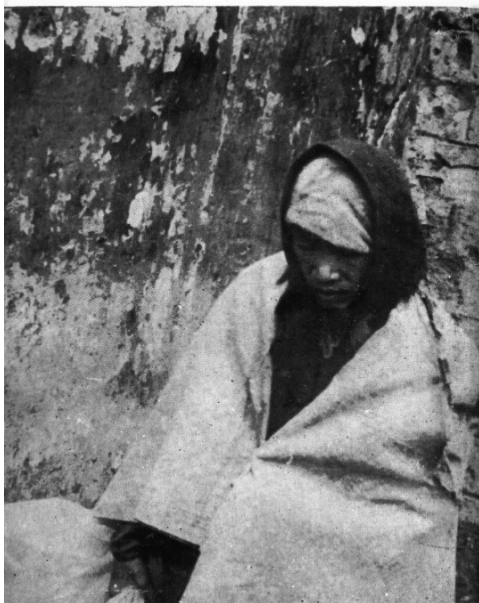
Tôi thật sắp bỏ Huế rồi sao?

HẾT

Địa ngục có thật
Dương Nghiễm Mậu

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

ĐỊA NGỤC CÓ THẬT



Nghĩ về Huế

Năm giờ sáng ngày ba mươi Tết tôi thức dậy trong thành phố Huế, trời lạnh buốt, sương muối đọng trên những lá cây rơi xuống mặt, xuống cổ buốt như những mũi kim nhọn chích vào da thịt. Những người bạn mới thân và những người bạn cũ đã đến, chúng tôi hẹn nhau đi ăn sáng trước khi tôi trở về Sài Gòn sau một tuần lễ ở lại cố đô, người bạn hơn tôi hai tuổi vừa ở trong quân ngũ bốn năm ra nói với tôi: đã thay đổi ý kiến chưa. Tôi cười nói chưa, tôi đã nói tôi cũng muốn ở lại, câu chuyện còn dài lắm, nhưng tôi nghĩ có những điều mình không phải nói với nhau mà đã hiểu rồi, tôi trở về vì ở trong đó còn cha già và những người thân yêu, tôi vẫn không ngừng cố gắng để làm những gì tôi có thể làm được, dù đó là một việc nhỏ nhưng tôi không nghĩ việc có mặt của người con cả trong một gia đình trong đêm giao thừa là một việc nhỏ. Anh bạn nhìn tôi. Khu Thành Nội vẫn còn yên ngủ, những đêm liên tiếp không nhắm mắt với tiếng đại bác nổ từ xa, những tiếng súng nhỏ đơn lẻ, tiếng máy bay tải thương đậu xuống trong khu bệnh viện dã chiến khiến cho người tôi khô đi tỉnh táo theo với những điều thuốc đốt không

ngừng cháy trên môi. Tôi leo lên sau chiếc xe gắn máy của người bạn, hành lý không có gì ngoài mấy gói kẹo mè xừng, mấy quả nem chua, trong đó còn có quà Tết của một người bạn gửi cho cha mẹ hiện sống ở Sài Gòn. Con đường Hòa Bình, Hiền Nhơn, Đông Ba mù trong sương sớm, chưa có một cánh cửa nào mở, thành phố chùng như vẫn chập chờn trong giấc ngủ cổ tích của mình, giấu hơi ấm và nhịp thở sau những tường gạch nâu mốc ẩm rêu phong, dưới những mái ngói nâu cũ và những tán cây thấp xanh đen. Cửa thành Đông Ba lẩn trong nền trời tối, mấy ngọn điện sáng đơn lẻ. Con đường Gia Long những cửa phố đóng kín, một vài người đi xuôi ra phía chợ trong đó có người vác theo một cây mai lớn, vài quán ăn đã mở cửa, trên cầu Gia Hội đã đông người đi lại, trong bến xe, nơi hiên chợ, dưới những quán nhỏ thấp thoáng bóng người qua lại rộn rịp, bến sông những chiếc thuyền chúc đầu vào bờ im lìm với những ngọn đèn nhỏ leo lét không rõ những khuôn mặt qua lại. Bọn chúng tôi, sáu người ghé vào một quán ăn nơi phía ngoài chợ, quán đông người, không còn một ghế trống, những ly cà phê, người bạn nói phải tiễn anh bằng một châu bún bò Huế mới được. Nhưng hàng bún mọi ngày chưa có, chúng tôi quay xe chạy qua cầu sang nhà ga, trạm xe lên phi trường đặt ở đó, tôi coi đồng hồ: sáu giờ ba mươi, tôi lo trể, gió thổi ngược lạnh buốt trên da mặt, cây cầu chùng như dài hơn mỗi ngày, dòng sông đen sâu phía dưới, lấp lánh những ngọn đèn ẩn hiện nơi những lùm cây xa trên hai mạn bờ. Khu bến phà sáng chói, ánh sáng làm bật rõ khu đại học màu vôi trắng mỏng. Đài phát thanh, khu đại học, trường Đồng Khánh, trường Quốc học... Nhà ga hiện ra trong bóng tối nhòa nhạt, những ngọn đèn xanh, những chiếc xe ca nằm ngổn ngang ngoài khoảng sân trống

rộng. Trong nhà những hành khách lặng lẽ trên những băng ghế, chuyến xe chưa bắt đầu, những người tài xế còn đang hí hoáy coi lại máy, bánh xe, chúng tôi vào trong quán gọi mỗi người một ly cà phê sữa, những hơi thuốc đầu tiên trong ngày, những lời dặn dò sau chót, những cái bắt tay thăm thiết... Ngồi trên băng ghế lạnh trống, trong xe chỉ có bốn người, một người đàn bà ngồi thu mình im lặng, hai người đàn ông ngồi đối diện nói không ngừng những câu chuyện riêng không rõ ràng. Chuyến xe lăn bánh, tôi vẫy tay từ biệt những người bạn, từ biệt Huế sau những ngày gặp lại cách nhau hơn mười ba năm. Chuyến xe chạy nhanh trên những con đường vắng, dưới những chùm cây mù sương. An Cựu, Dạ Lê, Phú Bài, con đường bé nhỏ chạy giữa những chùm tre xanh lá ngọc, giữa những ruộng lúa xanh trĩu nặng vì sương mai còn đọng óng ánh. Buổi sáng chạng vạng, những cơn gió lạnh thổi đầy ắp lòng xe, dưới chân những ngọn núi phía xa sương còn đục lờ như những đợt mây thấp. Cánh đồng lúa, những cơn gió lạnh khiến tôi nghĩ tới quê hương miền Bắc. Ở ngoài đó, rất xa, những năm thơ ấu, mưa phùn gió bắc căm căm... Từ biệt Huế sau mười ba năm gặp trở lại, từ biệt bạn hữu, từ biệt căn nhà có vườn cây xanh, có bể nước, có giếng gạch sâu, có tiếng nói một người: bây chừ anh đã thay đổi những ý kiến về Huế chưa...

o

Khi tôi viết những dòng này là ngày mùng bốn Tết, buổi tối trong căn nhà im lặng của những con đường, khu phố chung quanh. Cơn choáng váng của biến cố còn làm tôi vật vờ. Những lo âu, uất ức như còn ứ nghẹn trong lồng ngực. Đêm giao thừa cùng với tiếng pháo nổ thì cũng là tiếng súng của những người cộng sản nổ vào bảy thị trấn miền

Trung, trong đó có Huế, chưa trọn một ngày tôi dời khỏi, lo âu về những người thân ở lại đó còn thắc thỏm trong lòng, khuya đêm mùng một tết, những tiếng nổ từ xa cùng với trái sáng đầy trên bầu trời Sài Gòn khiến tôi lo âu. Bọn họ cũng trở về đây nữa sao, biến cố đã xảy ra như thế nào sau bức màn của hậu trường chính trị, của những tham vọng chót ngất... Chỉ có ba mươi sáu giờ hưu chiến cũng không thể có được sao? Sao nói tới những một tuần? Không thể quên đi súng đạn, giết chóc, tàn sát, chất nổ trong một ít giờ sao? Không thể ngồi yên lặng, bên một ly rượu suông, một chén trà nhạt nghĩ tới những ngày đã qua sao? Không muốn nhớ tới những người đã chết, những người thân yêu xa cách mong chờ sao? Không muốn gọi lại một vài kỷ niệm vui buồn, đắng cay trong đời sao? Người ta đã quên hết, quên hết, như một người con gái đã mất hết, quên cả tiếng người như trong một bài hát của Sơn sao? Tôi không muốn nghĩ như vậy, tôi không muốn như vậy. Cuộc chiến này chúng ta đều không mong muốn có phải vậy không các người anh em của tôi, những người đã sinh ra lớn lên trong đất nước này, trong cuộc chiến không nguôi này? Mở cửa ra đứng ngoài con đường ngơ ngác ngó lên những trái hỏa châu chói sáng, lòng nghi hoặc, biết hỏi ai, ai biết, bao nhiêu người đã thức dậy trong đêm đó ở thủ đô nhìn nhau tự hỏi với những giả thiết mơ hồ, trong đêm đó những ai còn say mê bên bàn bạc, còn ngủ trong hơi rượu, còn thiếp đi hạnh phúc trong chiếu chăn nồng ấm của vợ trẻ con thơ... Có điều nhiều người đã nghe thấy tiếng súng nổ tưởng như tiếng pháo của những người nào ngái ngủ thức dậy trong đêm nhìn thấy còn phong pháo trong nhà... Nhưng sự thật thì súng đã nổ, nhưng sự thật thì có những người anh em đã ôm lấy súng vượt những quãng đường

xa lạ, lặng lẽ tiến tới những mục tiêu giữa lúc mọi người tưởng như ngày xuân còn dài với những hy vọng... Không bao giờ những người cộng sản muốn chúng ta hy vọng, những người cầm súng từ khu trở về muốn chúng ta sống với thực tại: một cuộc chiến không trận tuyến, một cuộc chiến như định mệnh khắc nghiệt ôm khít lấy thân thể và số phận chúng ta... Đó là điều chúng ta không mong muốn, nhưng đó là điều chúng ta phải biết nếu muốn còn được sống, dù sống khổ đau...

o

Tiếng đài phát thanh mất hút trong đêm, tiếng nói ấy nhiều khi là giá trị của thực tại, của một hiện diện, tiếng nói ấy mất đi như bằng cớ của một sự hoang vắng, của sự vô danh. Tôi nghĩ thầm: lại những biến cố nào đây? Buổi sáng ngơ ngác trên những con ngõ còn ngập xác pháo hồng, những thùng rác để ngổn ngang tràn đầy, tiếng nói từ đài phát thanh, lệnh thiết quân luật 24 trên 24 được ban bố, cộng sản quấy phá tại đô thành và nhiều tỉnh, kêu gọi dân chúng bình tĩnh ở lại trong nhà, một vài mẩu tin không rõ ràng: cộng sản tấn công dinh Độc Lập qua ngã cổng đường Nguyễn Du, bắn hai phát 57 ly, một xe cam nhông chất nổ, mười tên bị chết tại bộ tư lệnh hải quân, hai tên bị bắt sống, mười bốn tên chết tại đài phát thanh, đài phát thanh hư hại không sử dụng được, tiếng nói nhiều lúc tắt nghẽn, tiếng kêu gọi dân chúng dời khỏi vùng Bà Quẹo trước mười tám giờ, một số người nóng ruột, hiếu kỳ túa ra đường, những tin truyền miệng không rõ ràng: một người làm cảnh sát trong xóm chết tại ngã tư Yên Đỗ – Trương Minh Giảng, một người nói người ta chạy từ những Phú Thọ, Bà Quẹo vào Sài Gòn. Một bà nói: họ ủa vào nhà tôi đòi nấu cơm cho ăn, giọng nói nghe không

được. Một thanh niên nói: họ đi ngang qua cửa hỏi đường vào khám Chí Hòa phần lớn họ đi chân không, có mang ở tay hoặc ở cổ một miếng vải đỏ... Một người ở Cổng-xe-lửa số 10 chạy xuống nói: giữa đêm có ba người gõ cửa vào nhà, bắt trong nhà ở im, nấu cơm cho ăn... Lệnh cấm đốt pháo được loan truyền, nhưng sau đó một nhà chường như còn tiếc bánh pháo còn lại mang đốt, tiếng nổ khiến mọi người giật mình chửi lớn... Những lời bàn tán, những dự đoán... Nhưng tất cả đều không biết gì, máy thu thanh tại tất cả mọi nhà đều mở thường trực, tiếng hát có những mấp lại, những tin tức về những vùng đang đánh nhau: Trường nữ quân nhân, Ngã tư Xa lộ – Hàng Xanh, giặc bị thương chạy ra khu chợ Bến Thành bị bắt, tại khắp các thị trấn đều có cuộc tấn công, đài phát thanh Hà Nội loan báo về sự thừa thắng... Tôi cố gắng phác họa trong đầu về cuộc tấn công với hai mặt chính: một từ phía Quang Trung, Bà Queo xâm nhập xuống Ngã tư Bảy Hiền, Phú Thọ; một từ mạn Thủ Đức xâm nhập vào Xa lộ, vào Phú Nhuận, Đa Kao... Tôi cũng nghĩ tới một số những toán cảm tử, vào để chết, xâm nhập nhân dịp hưu chiến, lợi dụng giới nghiêm được hủy bỏ, chắc họ đã vào từ đêm giao thừa giữa lúc Sài Gòn ngập tiếng pháo... Chúng ta có dự liệu những trường hợp này không, chúng ta có nghĩ tới những người không lúc nào ngủ, lúc nào cũng cầm chắc súng trong tay không?

Buổi sáng tan dần, buổi trưa nắng lên nhàn nhạt, nền trời nhiều mây thấy u ám, nhiều máy bay lượn trên bầu trời, máy thu thanh vẫn những đĩa nhạc cũ chạy rề rề thỉnh thoảng một vài lời nói về tin tức, nhắc nhở, thông điệp thứ hai đầu năm của Tổng thống, buổi trưa trôi qua, buổi chiều âm u thêm, những chiếc máy bay chúc xuống mạn Gò Vấp, Bà Queo, những tiếng nổ lớn vang động. Đêm xuống, hỏa

châu sáng cả một vùng trời, cột khói bốc cao mạn Xa lộ, một vài tiếng nổ lẻ tẻ... Đài phát thanh liên tiếp những nguồn tin không rõ ràng, đêm trôi qua nặng nhọc... Những bản tin trên các đài phát thanh nói về những trận đánh ở Nha Trang, Qui Nhơn, Kon Tum, Đà Nẵng, Huế bị tràn ngập và đang chiến đấu gay go. Tôi nghĩ tới những người bạn mới chia tay nhau hôm ba mươi tết, người bạn hỏi tôi: chúng ta phải làm gì? Tôi nói không bao giờ chấp nhận cộng sản, người bạn đưa cho tôi một lời kêu gọi in ronéo với tiếng Việt và tiếng Anh, đó là lời kêu gọi của các phe tham chiến kéo dài hưu chiến vô hạn định, tiến tới hòa đàm, dưới đó ký tên những giáo sư khoa bảng, một số có những tiếng tăm nào đó, một số đã từng được ưu đãi và thường tự nhận như những phần tử tiến bộ trong giới giáo sư khoa bảng. Người bạn hỏi: nghĩ sao. Tôi cười nói ai có việc của người đó, tôi lựa chọn sự minh bạch, đừng ai quên bài học trước đây của cha chú mình, tôi không bao giờ tin cộng sản có nhân đạo, họ chỉ có một sự thật, chúng ta có nhiều sự thật, chúng ta yếu trên một phương diện nào đó, yếu vì nắm giữ nhiều sự thật nhưng đó là mối hy vọng để chúng ta thoát ra sống sót và phục hưng.

o

Sáng mồng ba, những tin tức vẫn mù mờ. Tôi ra đường đi ngược lên phố, mọi con đường vào trung tâm đều bị phong tỏa, hai bên đường cờ treo trong dịp Tết vẫn phấp phới, trời âm u không có nắng, những người mang theo bị, va ly đi hốt hải trên đường phố, những chiếc xe nhà binh, binh sĩ cầm súng ngang chạy qua vun vút, những xe cứu thương còi réo hối hả, người ta tụ lại những góc đường, cửa nhà hỏi thăm tin tức. *Ông bà ở đâu tới – Dạ trên Phú Nhuận – Tôi ở trên Cây Thị – Nghe nói chúng vào*

trong bệnh viện Cộng Hòa lấy hết máu, thuốc men và bắt đi những bác sĩ và y tá trực... Gặp một người bạn đi tìm tin tức của vợ chưa cưới, anh nói: nhà phía trong đường Ngô Tùng Châu, Gia Định, bây giờ chỉ có người chạy ra, không ai được vào, nghe nói bọn nó đang kéo vào đó sau khi bị dồn từ khu Tổng tham mưu sang. Có người còn nói chúng đang đào hầm ở trong khu đó nữa, có lẽ chúng tìm đường chạy về phía Gò Vấp cũng như cánh quân ở khu Hàng Xanh, Cầu Sơn đang chạy về phía Thủ Đức. Tôi không biết gia đình cô bạn chạy đi đâu hay vẫn còn mắc kẹt trong đó, đi hỏi thăm những người quen nhưng vẫn không được tin gì. Trông anh bạn phờ phạc lo âu. Tôi nói sau đây mấy ngày chắc một số người phải chịu tang những người thân, một cái Tết người ta sẽ không quên được.

Buổi chiều một ông bạn của cha tôi ghé lại chơi, ông đi chúc Tết, ông nói: ở nhà buồn quá không có ai tới chơi, mà mình cũng không dám đi đâu, loanh quanh mãi tôi đi liêu, ra ngõ thì gặp một người bị chết nằm đó, người ta nói đừng đi nhưng tôi cứ đi, ông mừng tuổi cho mấy đứa nhỏ, ông ăn mặc cẩn thận như ngày Tết mà sao trông lạc lõng, đó cũng là hình ảnh tôi gặp ngoài đường, nhiều người vẫn như tiếc rẻ về bộ đồ Tết của mình chưa được dùng đến, ông nói vùng Ngã Bảy người ta chạy lên nhiều quá, bọn nó giữ cả một khu lớn từ Ngã Bảy xuống tận Phú Thọ, bọn nó chết đầy trên đường Nguyễn Tri Phương, nhiều nhà bị đốt... Những nhân viên chính phủ không chạy kịp bị bắt và bị giết, chúng dùng từng đoàn trẻ con làm bia đỡ đạn để di chuyển, bởi vậy nhiều đàn bà trẻ con chết một cách oan uổng... Thăng con tôi đi xuống mạn Nguyễn Văn Thoại về nói trông những xác chết cháy còn lại một chút, những xác chết không toàn thây ở dọc đường... Ngồi nói chuyện một

lúc ông nói: bây giờ nghĩ tới đường về tôi thấy lo. Nhà ông ở mãi dưới Phan Thanh Giản.

Chiều xuống những con đường đã vắng ngắt, người ta rút vào trong nhà đóng kín cửa. Tôi ngồi im nghe hết đài phát thanh này tới đài phát thanh khác. Trận chiến vẫn tiếp diễn nặng tại nhiều nơi như Huế, Đà Lạt, Bến Tre...

o

Bây giờ Huế ra sao trong cơn lửa đạn này. Tôi nghĩ tới những người bạn, đêm nào Sơn hát một bài còn dở dang, *Nhân danh ai anh bắn vào người đồng loại...* bài hát viết cho một người đã bị bắn vào bụng, người đó là Ngô Vương Toại, trong buổi Sơn hát cho các sinh viên nghe tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Bây giờ Sơn ra sao? Căn nhà vườn cây xanh trong Thành nội, vợ chồng Cường, đứa con nhỏ, cô bé Trang ra sao? Quân có còn cơn say không bao giờ dứt, tài thiện xạ của anh có được dùng đến? Những cô gái Huế mái tóc dài, đôi mắt đen lánh quyến rũ sớm mai thức dậy có còn ngồi trước bàn phấn? *Bẽ bàng soi sắc gương Tư Mã. Ai điểm trang mà em phấn son...* Kha có còn nhớ lời tôi vặn hỏi: tôi mong cho tới khi Kha có một đứa con, đứa con đó một tuổi mà vẫn không thay đổi, khi đó tôi sẽ chờ đợi thêm hai mươi năm để... Những cậu con trai mang một Sài Gòn về đi bát trên con đường Trần Hưng Đạo bây giờ làm gì... Những khoang thuyền trống bây giờ chờ đợi ai?... Kha có còn nhớ tôi nói về một bài thơ của Nguyễn Văn Phụng, những hình ảnh không thể quên, những điều phải nhớ như: *tình yêu thì bị gặm mòn như đôi guốc mộc, em kéo trên con đường... và phi lý vô cùng, phi lý không chịu nổi, khi những bạn bè thân tôi vì chủ nghĩa.* Nhưng tôi không bao giờ đồng ý hay chịu được những điều khác, *quê hương ta thì nghèo*, điều đó đúng, nhưng nhất định không

bao giờ người *dân ngu dốt*, người ngoại quốc có thể nhằm để nói như thế, dân ta không ngu, mà dân ta không được học. Nhưng Phụng đã nhận thấy đúng, đúng một cách chua chát khi nghĩ và viết:

*Này các anh,
khi các anh bàn với tôi về quê hương đất nước
bàn với tôi về vai trò trí thức
tôi thấy các anh đang ngồi uống cà phê trong thành phố
tôi thấy các anh đèo xe Honda đến lớp học
tôi thấy các anh hút thuốc lá Mỹ khi ăn những
chiếc bánh Tàu-chợ-lớn thứ chính cống
Này các anh,
khi các anh nói với tôi về chiến tranh
bàn với tôi về bốn phận
và yêu cầu tôi đọc thơ giữa đám đông
tôi thấy các anh mặc veston thắt cravate
leo lên một ngôi nhà ba tầng làm trường học
đổ thơ ra trên những bánh ngọt
đổ thơ ra trên những ly cà phê thủy tinh
tôi đã thấy các anh xưng tụng những bài thơ phản chiến nhất
với những đứa con gái đánh phấn và để móng tay dài
với những đứa con gái thích dự bal và yêu nhạc kích động¹*

Mười ba năm xa cách trở lại Huế, tôi thấy thành phố vẫn như xưa, có chăng một vài thay đổi nhỏ trên những khu thương mại, và tôi nhớ những điều khi xưa viết về Huế. Sao lại chọn đất này để làm vua? Tôi muốn một ông vua nào đó của nhà Nguyễn thức dậy nơi những lăng tẩm nguy nga cổ kính trả lời cho mình: sao lại chọn đất này để làm vua? Vẫn những con đường năm xưa, những ngôi nhà năm

¹ Trích 10 năm Giáo Dục Đại Học Huế. Đặc san 1968.

xưa, khác chẳng nhiều con đường đã được mang những tên mới như Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Hiệu, Mai Thúc Loan, Tăng Bạt Hổ, Đoàn Thị Điểm thay cho những Hộ Thành, Âm Hồn, Đông Ba, Mã Khái, Hiền Nhơn... Không còn muốn cho Huế sống với lịch sử của nó sao? Hãy để cho những thị trấn, những làng mạc giữ lại lịch sử của mình, chính lịch sử nó làm nên tinh thần yêu nước. Những danh nhân chẳng bao giờ muốn mình xóa đi những gì mà người dân sống đã quen thuộc với nó... Tôi nghĩ thế. Bây giờ Huế ra sao? Những cánh mai vàng, những chậu cúc, thược dược, những bông hải đường vẫn trổ bông đón chào một mùa xuân không đến với người?

o

Buổi sáng, những cơn thiếp ngủ chập chờn trong đêm khiến người mệt mỏi, tôi vòng lên phía Tân Sơn Nhất, đường vắng tanh, chỉ có những binh sĩ vác súng đứng nơi dọc đường hoặc di chuyển, loáng thoáng một vài người qua lại. Những hàng rào kẽm gai giăng ngang đường, gần các cơ sở, bót cảnh sát, nơi những ngõ vào Sài Gòn, nơi những đầu cầu từng đám người tụ lại vì không được qua, nhiều phát súng chỉ thiên bắn lên khiến những người tụ lại tản ra. Những xe cứu thương, xe tuần tiểu chạy không ngừng. Những lời nói qua lại về những cuộc lùng kiếm, bắn nhau tại vùng Ngã Năm Bình Hòa, Phú Nhuận, Nguyễn Tri Phương, Sư Vạn Hạnh, Chuồng Bò, Ngã Bảy. Buổi trưa những cột khói cao trên bầu trời xám. Mặt trời úa đỏ. Cháy ở Cầu Sơn, Hàng Xanh, Ngã Bảy. Những khuôn mặt hốc hác trên đường phố...

o

Đài phát thanh liên tiếp những thông cáo, kêu gọi và những bản nhạc đủ loại lộn xộn. Theo những lời khuyên

tôi không trở về nhà, ngủ trên một cái bàn. Tin cho thấy trận chiến đã lắng xuống, cộng quân hoặc tìm cách bám sát vào những khu đông dân chúng, luồn sâu vào trung tâm, tìm cách lẫn ra ngoài hoặc đầu hàng, trái sáng thả đầy trên nền trời cùng những chiếc máy bay đủ loại, tiếng nổ ngoài Xa Lộ, khu Cầu Sơn, những con phố vắng hoe không một bóng người. Tin Huế vẫn hoàn toàn đen tối: hai bên vẫn đánh, những cánh quân tìm cách bám lấy những cứ điểm then chốt nơi hai đầu những cây cầu trong khu Thành Nội. Những họng súng nào đang hờm ở Tây Lộc, Kim Long, An Cựu, Bến Ngự... Tới Huế trong những ngày cuối năm, Huế không phải nơi tôi muốn dừng chân lâu, tôi muốn đến một vài nơi khác, như Quảng Trị, La Vang, Bến Hải... Nhưng tôi không tới được những nơi dự định tới đó. Cuộc chiến đang diễn ra ác liệt ở Đông Hà, Khe Sanh... Dự đám tang ông thân một người bạn cũ, người bạn mắt đỏ hoe, giọng nghẹn ngào: về tới nơi thì ba em đã mê đi rồi, không nói được nữa, nhưng khi tới bên ông biết, mở mắt nhìn, miệng mấp máy và ôm lấy đầu... chừng như ba em chờ các con trở về... Nhưng chỉ có người con gái có mặt bên người cha khi hấp hối, người con trai đi trình diện nhập ngũ không trở về kịp, cùng những đứa cháu. Cuộc chiến ở nhiều khuôn mặt tĩnh vẻ đau đớn nhiều hơn, một người cha, người mẹ chết không có một người con ở bên vuốt mắt, chúng đang học ở xa, đang chiến đấu ở mặt trận, ở một tiền đồn nào. Người bạn nói về cái chết của một giáo sư có nhiều con, ông chết ngồi trên ghế một mình... Phần mộ nằm trên một sườn núi cao ngó ra phía cửa biển Thuận An, những viên đá xám tím, đám tang đi trên một con đường gập ghềnh bánh xe tăng, trên sườn đồi không lâu còn là chiến trường, một người kêu đám trẻ không được lên cao, trên đó có đồn binh, một

trái mìn nào đó còn quanh đây, chiếc quan tài một nhọc trên tay những người thân và phu đám leo lên theo những con đường mòn nhỏ một cách khó khăn. Chiếc quan tài trong lòng huyết, những nắm đất ném xuống, giọng hò nện buồn buồn vang lên trong không khí tịch mịch: *còn vài ba bữa nữa, sao đã vội ra đi bỏ lại con thơ vợ đại, sao không ở lại vui cùng các bạn thân quen, bây giờ chia tay đôi ngã, cách biệt nghìn trùng...* Những tiếng khóc nghẹn ngào... Sao không vui cho người đã chết, quên đi cuộc sống này, chết yên lành và được nằm xuống một nắm mộ riêng? Bao nhiêu người chết phơi thây trong những khu rừng hoang vu, bao nhiêu người chết tan xác trong lửa đạn... Bây giờ chiến tranh đã ở Sài Gòn, Huế, những thị trấn, chiến tranh một cách thực sự, nhưng không có nghĩa trước đó chiến tranh không có mặt ở Huế. Chiến tranh có mặt ở Huế với tiếng súng vọng vào mỗi đêm, là những bao cát chất trên những cỗ ngựa láng bóng trong những ngôi nhà cổ kính, là những thùng dầu hôi cất giấu trong những hóc tối cùng với những bao gạo Mỹ. Và trên đường phố đông đặc những người lam lũ không sinh trưởng ở Huế và những khuôn mặt bánh bao làm lạ với Huế. Bên đó là những người hành khất chen nhau nơi các quán ăn. Tôi đã rùng mình khi thấy một bàn tay đen bẩn từ phía sau đưa tới cầm lấy miếng thịt chân giò trong tô bún tôi vừa để xuống bàn. Tôi lánh mình ra bên, một đứa nhỏ và một bà già... Chiến tranh vẽ ra trên khuôn mặt Huế những nét đó, những nét xưa kia không có, có thể ngày nay còn nhiều khía cạnh khác...

Nhưng rồi sau biến cố này Huế có thay đổi gì không? Chắc là không trên những con đường, những căn nhà, những nếp sống như lăng tẩm, cổ thành, nhưng chắc biến đổi nơi hành động, những bàn tay lật đi lật lại, những đổi

trắng thay đen, những dao động, những lựa chọn? Phải thế không? Người ta sẽ không sống được như gỗ đá. Chắc Sơn hiểu điều tôi đã nói: vì sao mình lại viết? Không bao giờ tôi chấp nhận một thái độ hư vô, tôi cố gắng trong phạm vi nào mà tôi có thể cố gắng được, cố gắng từ cái nhỏ nhất, trong công việc, trong đời sống, bởi tôi nghĩ những cái không đáng gì (hay rất thiết thân) đó đang là những mầm mống chính nếu như chúng ta còn muốn thoát ra, gây dựng lại một cái gì, tôi nói với các anh về một phục hưng phẩm cách, một làm lại, mà đầu tiên khởi từ trong mỗi chúng ta. Chỉ có thể bắt đầu từ đó... Những tin tức mơ hồ, những lời truyền miệng không rõ ràng khiến tôi lo âu hơn, tôi muốn trở về nhà, hôm nay là mùng bốn Tết, công chức vẫn được lệnh ở nhà, giờ giới nghiêm vẫn như cũ, người ta vẫn tìm cách ra đường được tới mức có thể đi, những tiếng súng vẫn nổ ở khu Gò Vấp, Gia Định, Hàng-Xanh, và mạn dưới là Ngã Bảy, Sư Vạn Hạnh, Minh Mạng, Phú Thọ, Phú Lâm... Người ta nói về những toán cộng quân tìm cách chạy theo những toán người tị nạn, trước đó chúng đã xé nhiều sổ gia đình, căn cước của dân chúng, đột nhập nhà thương Nhi Đồng, một vài toán nhỏ xâm nhập khu Bàn Cờ tuyên truyền, với những lời nhắc đi nhắc lại giống nhau khoảng mười dòng được học thuộc, đó là những cán bộ khoảng mười bốn, mười lăm tuổi gồm cả phụ nữ. Tin về một vài cán bộ tại Bàn Cờ, Cầu Ông Lãnh bị dân chúng bắt sống đánh chết. Buổi trưa nắng đục, những ngọn khói cao phía Ngã Bảy, Gò Vấp khiến tôi nóng ruột lo âu, nhà mình, nhà những người thân có thoát ngọn lửa hung tàn không. Nhiều vùng ngoại ô vẫn hoàn toàn mất liên lạc. Buổi chiều tôi trở về nhà theo đường Đakao, nơi cầu Bông từng đoàn người từ phía Gia Định chạy sang, nơi cửa một tiệm bánh

mì người ta bu quanh tranh nhau mua. Một vài cửa tiệm hủ tiếu mở cửa, giá cắt cổ với tô hủ tiếu lỏng bỏng những nước trong veo. Đường Trần Quang Khải bị cô lập nơi bót cảnh sát, trên các cửa rạp chớp bóng vẫn còn những quảng cáo cho các phim đầu năm với những dòng chữ chúc Tết. Tôi quay trở lại đường Hiền Vương, rẽ xuống Hai Bà Trưng, cầu Kiêu bị chặn lại, tôi rẽ Yên Đổ, không có lối sang, tôi rẽ Công Lý trở về Trương Minh Giảng, những con đường vắng hoe, những chuyến xe tuần tiễu, xe cứu thương và xe nhặt xác chạy trên con đường không người, trên lề đường nơi nào cũng còn vương đầy xác pháo hồng, cùng đó những đồng rác cao nghệu hôi thối, trước những cửa nhà, bên những đồng rác nhiều khóm hoa cúc vàng, thược dược héo rũ. Đó là những tặng vật của ngày Tết để lại trên đường phố hoang vu. Thất lạc, chết chóc, nhà cháy, đói... những người từ ngoại ô trở vào hỏi nơi tạm trú và trạm tiếp tế. Một người đàn ông đứng tuổi nói tới cảnh trở về khu nhà mình ở gần Cầu Sơn: thúì quá, cách xa tôi đã thấy thúì, không về được, người vật chết trong những căn nhà đổ, cháy... Một người nói, ở Phú Nhuận dọc theo đường rầy xác chết ngổn ngang, đường rầy bật tung... Một người nói, ở dưới nghĩa trang Đô Thành người ta đào những hố lớn lấp nhiều người xuống bằng xe ủi đất. Xóm tôi ở đêm trước chúng về tuyên truyền dân chúng khua thùng sắt tây, bắn bị thương một tên, chúng rút chạy xuống lạch bỏ lại hai chiếc xuống, nhiều con ngõ được rào bít lại. Nhiều nhà đông nghịt vì người ở những vùng lửa đạn chạy về tá túc. Những bà nội trợ kiểm điểm lại gạo, dầu, nước mắm... Trong hơn hai mươi năm trời nay lúc nào người dân Việt cũng sống trong thối thối, lo âu, sửa soạn... những biến cố dồn dập trong một tình cảnh kinh hoàng, ghê tởm cho

nên chừng như ai cũng phòng bị, sống như trong những truyện trinh thám ngột thở, có lẽ vì vậy những người Việt không còn thích đọc truyện trinh thám nữa vì đã sống hơn cả trinh thám; tình, tiền, máu, nước mắt, đàn bà những cái đó làm thành những chất liệu trinh thám. Ngoài những cái đó người Việt còn phải sống với những chất liệu khác nữa: tham vọng, quyền lực, những chất liệu cao độ ngột thở, chết chóc... Trong lúc tôi cùng bao nhiêu người khác với những lo âu chồng chất, nhìn đứa trẻ tha thủi hất chân trong những đồng xác pháo tìm kiếm, chắc nó muốn tìm những chiếc pháo xẹt, tôi thấy như mình đã mất đi một cái gì, những đứa trẻ ấy rồi đây nó có quên đi được nó đã lớn lên trong một tình cảnh như thế nào không? Và đến khi nó lớn cuộc chiến này đã hết chưa? Tôi mong cho tới lúc nó lớn sẽ còn đi tìm những chiếc pháo như hiện nay thay vì phải chơi với súng đạn, nghe những tiếng nổ chát chúa.

Nước Việt Nam ta rồi đây phải xây dựng như thế nào? Sơn nhắc tôi ở Huế khi về hãy viết về quê hương ngày mai đó: nhà ở, vườn cây, lối đi, y phục trong một nước Việt tương lai phải như thế nào? Một đền thờ Việt Nam phải ra sao? Có phải chúng ta muốn mang đến một hy vọng trong tình cảnh đen tối hiện tại? Có phải chúng ta tự tìm cách an ủi chúng ta? Còn thực tại này thì sao? Đó là điều tôi muốn được hỏi những người anh em. Cho tới khi tôi viết những dòng này vẫn còn những người đang chết, súng vẫn nổ...

K. thân mến, khi tôi viết cho anh những dòng này thì trên tờ lịch ghi ngày mồng mười Tết, chúng ta chia tay vừa đúng 11 ngày, sáng sớm tinh mơ, sương muối lạnh buốt, trời chạng vạng ở Huế chúng ta đã uống những cà phê sữa trong sân ga chia tay nhau, mới đây mà tưởng như đã xa lắm, có lẽ vì chúng ta cũng như mọi người đã phải

sống những giờ phút dài nhất trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, bao nhiêu biến cố đã xảy ra, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu gia đình đã tan nát, bao nhiêu viên đạn đã nổ thay cho những tiếng pháo đầu xuân, và tôi đang cố hình dung, tự hỏi: Huế bây giờ ra sao, các bạn hữu mình ra sao? Những trận chiến đã diễn ra trên đường Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, cầu Trường Tiền, cửa Thượng Tứ, Đông Ba... những nơi mà mấy ngày trước chúng ta đã từng đi dạo, từng ngồi uống cà phê nói những chuyện nghiêm trọng và nhiều chuyện tầm phào khác? Trận chiến cũng đã tới con đường Hòa Bình có căn nhà êm ấm của gia đình Cường, lan tới quán cà phê Cô Dung, quán cà phê Mợ Tôn, quán bún bò mà nhiều người biết tiếng dưới hầm nhà Séc? Những gói thuốc nổ đã làm sập cầu Trường Tiền những nhịp cong trắng soi mình xuống dòng Hương giang, làm gục cầu Bạch Hổ trên đó có con đường sắt xuyên Việt? Tôi cố nhớ, cố hình dung xem với trận chiến đang diễn ra đó đã làm khuôn mặt Huế hôm nay như thế nào nhưng quả thật tôi không thể hình dung ra được. Có điều chắc chắn trong vòng mười ngày qua lửa đạn đã trở lại Huế...

K. còn nhớ không, trong những ngày cuối năm ngắn ngủi, ngồi giữa những bạn bè tôi đã nói với anh tất cả những gì tôi nghĩ một cách thiết tha. Tôi cũng xác nhận với K. rằng: tôi không chấp nhận cộng sản, tôi cũng không có một ảo tưởng gì về nó. Tôi đã phải nói trước như vậy với K. để sau đó chúng ta có thể nói với nhau một cách rõ ràng. Điều này K. cũng xác nhận với tôi. Con người cộng sản cho đến nay đã trở thành một con người lạc hậu, nó không còn là giai đoạn của những Gorki, Lỗ Tấn... của những ngày khởi đầu cách mạng, chúng ta cũng xác nhận kinh nghiệm mà cuộc cách mạng vô sản đã mang đến cho chúng ta. Chúng

ta - bằng năng lực và sáng suốt của tuổi trẻ - đã nhìn thấy những khuyết điểm, những tệ trạng ở phần đất và xã hội chúng ta đang sống, chính trong môi trường đó chúng ta tin rằng chúng ta có thể làm được một cái gì. Có thể tôi là một người lạc quan, như K. đã thấy, nhất là khi tôi nói với K.: những người quốc gia ở miền Nam, chúng ta là hy vọng của thế giới này, chúng ta đang phải chịu những thử thách, hy sinh lớn lao nhất, chúng ta có kinh nghiệm của cả hai con đường hư hỏng, chúng ta, mỗi người đều cầm nắm nhiều sự thật trong tay, chính điều đó khiến chúng ta yếu, nhưng cũng chính điều đó khiến chúng ta giữ được chúng ta không lao xuống vực thẳm... những anh em miền Bắc của chúng ta cùng những người cộng sản khác tại miền Nam chỉ có trong tay một sự thật, chỉ nhìn thấy một con đường, bởi vậy lúc này họ khỏe hơn chúng ta, nhưng chính con đường độc nhất đó, sự thật độc nhất đó đang đưa họ tới vực thẳm vì đó là sức khỏe của cuồng tín... Tôi thành thật tin như vậy. Anh đã đọc cho tôi nghe những bài thơ phản chiến, tôi và K. đã cùng đọc những lời kêu gọi của những giáo sư khoa bảng về việc kéo dài hưu chiến vô hạn định... Chúng ta đã nói về cảnh huống dân tộc ta trong cuộc chiến tàn khốc này. Tôi cũng đã nói với K. hãy giữ những ý kiến riêng của mình nếu tin đó là đúng, nhưng không được ngụy biện, không bao giờ đòi người khác phải chấp nhận ý kiến của mình... Những điều đó liên hệ với nhau nói lên một sự thật: chấp nhận cuộc chiến, chiến đấu và phấn đấu trong bao dung, với con tim và khối óc của một người.

K. thân mến, cuộc chiến đã không chỉ diễn ra trong những đồng ruộng núi đồi, cuộc chiến đã diễn ra ngay trên những đường phố quen thuộc, sự thật nói lên đây là một cuộc chiến không có trận tuyến, bao nhiêu bể tắc, bao

nhieu mâu thuẫn, bao nhiêu quyền tranh chấp đang dồn chứa trên quê hương này. Sức chúng ta có hạn, trong tầm sức có được chúng ta làm việc. Nếu mỗi người chúng ta đều như thế chúng ta sẽ làm thành một sức mạnh lớn. Tôi mong mỗi cho tới khi những dòng chữ này đến được với K. cuộc chiến đã đến một giai đoạn khác, K. vẫn không thay đổi, K. vẫn còn là những người sống sót cùng với những bạn hữu khác. Chúng ta phải sống, sống cho tới lúc chúng ta có thể vừa làm việc, vừa có giờ nghỉ ngơi dẫn người vợ hiền, đàn con nhỏ đi dạo trên những bến sông và nhìn thấy cuộc chiến này như một dĩ vãng không bao giờ muốn nhắc lại, đó là niềm mong ước của tôi và chắc cũng là niềm mong ước của K. và những người Việt khác...

(2-68)

Đi bên những xác người

1

Đà Nẵng 9/3. Tôi đã tới được nơi tôi mong muốn tới. Trời không có nắng, trời xám thấp... Trên chuyến máy bay những câu chuyện về biến cố được nói nhỏ cho những người ngồi gần bên nghe, những gương mặt bùi ngùi, nhiều hành khách từ Phan Thiết muốn trở lại Quảng Ngãi đã phải vào Sài Gòn, từ Sài Gòn đi Đà Nẵng, rồi từ Đà Nẵng trở lại Quảng Ngãi. Những hỏi thăm về đường đi, về những người nào đó, nhà ở chỗ này chỗ khác. Không có chuyện gì ngoài chuyện những tang tóc, nhà người này cháy, người kia chết... Từ máy bay nhìn xuống, trên những ngọn núi tôi có thể nhận thấy những hố bom, những vùng rừng bị cháy, những ngôi làng với những lũy tre, những hàng rào và những nền nhà... Cuộc chiến không vắng mặt ở một nơi nào. Phi trường mệnh mông những mái nhà xám, những máy bay, tiếng nói người nữ chiêu đãi lạc lõng... Chúng tôi được dẫn qua những lối đi có hàng rào kẽm gai, vượt qua những hầm cá nhân... Ba chuyến xe ca cũ kỹ chờ đợi. Những người bịt mắt ngồi xồm trong một khoảng sân trống... Chuyến xe chạy ngang qua những vùng phố ngoại

ô, những mái nhà tôn thấp, tạm bợ, đường không hề đi. Viện bảo tàng Chàm đóng cửa, những người lính hờm súng. Đài tử sĩ đang xây cất. Căn nhà đầu tiên tôi bước vào, chiếc hầm trú ẩn với những bao cát chất cao chiếm hết nửa gian phòng bên cạnh chiếc giường ngủ. Chiến tranh lặng lẽ thân mật chung quanh mỗi người. Những cánh điều giấy xanh đỏ trong lòng phố, những chiếc đuôi điều với giấy đủ màu đỏ mắc lại trên những sợi dây điện bay theo chiều gió như một cánh chim lạ rơi tả trên một hoang địa có những ngọn cây khô. Đêm Ba mươi Tết súng cũng đã nổ ở đây, một người đàn ông nói. Bọn nó vào không nổi, chỉ có vùng Hòa Cường bị thiệt hại, hồi bọn nó đi rồi người ta kéo xác lên, nhìn hai mươi mấy xác chết nằm còng queo trở về đêm ngủ nhắm mắt lại là thấy người chết... Người chết. Người chết. Kẻ mất đầu. Kẻ không còn chân tay. Kẻ cháy thui. Những xác chết nhiều khi không còn gây nổi những xúc động.

Buổi chiều mưa bay. Phố xám. Những lo âu. Còn lại quãng đường 15 phút đường máy bay. Những chuyến xe phải nối đuôi nhau chạy vào những ngày không được biết trước. Tôi nhớ tới chuyến xe lửa ngày nào vượt qua những hầm tối, vượt qua ven bờ cát, ven đồi hùng vĩ đưa tôi dời khỏi Huế vào đây. Bây giờ xe lửa không còn chạy nữa, thiếu mùi khói than ngọt ngào nhưng thân mật, thiếu tiếng còi kéo dài vang lên, thiếu tiếng sắt chất chúa cọ xát vào nhau.

Những cửa tửu điểm màu sơn lòe loẹt, chỉ còn lại vẻ tiêu điều... Một người nói thời vàng son đã trôi qua... Vàng son thật ư? Vàng son cho ai? Giấc ngủ chập chờn trong căn nhà lạ. Những tiếng máy bay lên xuống không ngừng. Tiếng đại bác từ ngoài biển bắn vào trong núi...

Sáng hôm sau. Mãi trưa mới biết có chuyến công voa vượt đèo sáng nay tới Huế. Trời mưa. Tôi lang thang trong nhiều đường phố lạ. Tôi không nhớ gì về những con đường ngày xưa đã đi qua. Không một chút gì. Những học sinh từng tốp trên đường phố tham dự cuộc lạc quyền cứu trợ đồng bào Huế. Những khẩu hiệu trên tường, căng ngang qua đường phố... *Anh đi gìn giữ quê hương, phần em đắp lũy đào nương diệt thù...* Ngồi trong quán cà phê nhìn sang cửa nhà thờ, buổi sáng chủ nhật, bên này một đầu máy xe cam-nhông kéo theo sau một thùng xe lớn như một toa xe lửa, những đứa con gái quần áo diêm dúa, son phấn, đứng ngồi. Người tài xế cao lớn, da trắng, mắt xanh, chiếc mũ lưỡi trai màu biển, đội trượt về phía sau gáy, nụ cười, những tiếng nói, chiếc tay ngoắc, *chuyến xe trong cõi hồng trần như bay...* Còn ở bên kia đèo? Còn ở ngoài xa thành phố? Còn ở những xóm quê?

Huế 13/3. Rời Huế ngày 29/1. Hơn một tháng sau gặp lại. Chiếc C.130 bỏ tôi xuống phi trường những người lạ. Không còn những người ngồi bên quầy hàng. Không còn có những chiếc nem xanh, những chiếc tré treo trên kệ, không còn những chai la-de. Chỉ còn những người lạ. Mấy học sinh, mấy bà sơ đứng áp nơi những cửa kính vỡ chờ đợi một chuyến đi tình cờ may rủi nào đó... Lóng ngóng trong những hàng kẽm gai. Những chiếc xe lướt nhanh trên khoảng sân bụi đỏ. Tôi tưởng như lạc tới một nơi nào. Buổi trưa nắng hanh, khô khan... Chiếc xe vận tải đưa ra khỏi phi trường, ngừng lại trong một khu chợ thừa thớt... Tôi hiểu dần ra. Người bạn đồng hành độc nhất, như một

định mệnh, đó là người đã gặp tôi hôm tới Huế lần trước... Cám ơn những may mắn đã giúp tôi tới được đây như mong ước. Chuyển xe Lam hai người chạy như bay trên con đường vắng, thoát khỏi những khu có làng xóm, cánh đồng lúa xanh. Những cột sắt cao. Có lúc chiếc xe chạy uốn éo. Tôi kêu lên: coi chừng. Người tài xế, da mặt đen sạm, tóc bù rối, hai tay vũng vàng ngó lại, mặt nghiêm trang: từ sáng tới giờ có hai vụ mìn nổ, hai chết, sáu bị thương... Tôi chạy vậy phòng hồ... Người đồng hành nhìn tôi. Cả hai không nói. Những chiếc cầu êm ả đã gãy, những chiếc cầu mới vượt cao khỏi mặt đường. Một chiếc xe Lam ngược chiều chở theo chiếc quan tài màu tro thừa ra phía sau. Một người đàn bà ngồi bên... Những hàng rào đang được làm lại. Một chiếc quan tài nhỏ dán giấy đỏ, hai người khiêng trên một khúc tre tươi. Con nhà ai? Sao không có người khóc? Một chiếc quan tài để trên chiếc xe kéo. Một người đàn ông phía trước, một người đàn bà phía sau đang tìm cách vượt sang bên kia đường... Địa ngục đã mở ra... An Cựu, khu chợ sầm uất hôm nào còn lại những đồng gạch vụn, chiếc cầu hôm nào gục xuống dòng nước... Tôi bàng hoàng, còn trong kia, nơi sắp tới, trong những khu phố... Những ngôi biệt thự với những lỗ thủng lớn, những mảnh tường chơ vơ, những cánh cửa mở rộng không bóng người, trên đường những người đi ngơ ngác... Cầu Trường Tiền, giữa dòng nước hai nhịp chúc xuống làm thành những đường đi dốc trước khi bước xuống chiếc cầu nổi, những chiếc xe đạp vác lên vai, những người già run rẩy giữ lấy chiếc dây thừng. Hôm nay người ta ra giữa dòng nước giặt giũ, rửa tay chân... Những vành khăn xô thấp thoáng... Hai chiếc mộ bên góc đường, một mộ bia bằng giấy cắt từ một chiếc thùng sữa nào. Bốn năm mộ khác nơi Thương Bạc,

những chân hương đỏ, không một mộ bia. Rạp Hưng Đạo, tờ quảng cáo phim chiếu trong ngày tết: *Le Temps du Massacre*. Cuốn phim coi hai lần: một ở Sài Gòn, một tại Huế đêm 29 tết... Một mối thù... Thằng người bằng bia cầm khẩu súng còn toòng teng trên cửa rạp, phía trong không còn một cái ghế, không còn một miếng tôn trên mái... Ngồi trong Cà phê Phấn, lon bia lạnh, những người nháo nhác, chiếc xe hốt rác không ngừng nghỉ, bụi đỏ quạch, những mảnh tường, những mặt nhà cháy đen, sụp đổ... Những nền nhà phơi ra, những cột kèo màu gỗ cũ phơi trống trải. Chợ Đông Ba, khuôn chợ mới vượt lên cao giữa những đồng gạch vụn... Ven bờ sông Gia Hội mấy ngôi mộ nằm bên đường. Con đường Phan Bội Châu, những đồng gạch vụn ngoài đường, những chiếc xe hốt gạch, tiếng động cơ khó chịu. Khoảng đất trống, hôm nào còn cái sạp Loto làm bằng tôn với những tấm lá cột nay chỉ còn lại khoảng đất hoang, sáu cái mộ, trên một mộ có một chiếc dù màu đỏ (chiếc hoa của một người tình nào đã héo rũ?). Một nắm mộ, bên những chân hương tấm hình nhỏ chụp một gia đình có những đứa trẻ. Những mộ bia bằng bìa cứng, có chiếc được bao lại bằng một lần nhựa trong. Cổng thành Đông Ba, chiếc tháp Chàm nào đó trong những vùng đổ nát. Những hố lớn phía ngoài, chiếc xe ủi đất đang hoạt động, những gạch vụn, qua chiếc cửa lưu thông độc nhất, những tiếng xe, bụi, người chen chúc. Hai dãy nhà hai bên: những nền gạch, vài khoảng tường, vài chiếc cột còn sót... Như thế đã xong... mộ bên dọc đường, năm sáu chiếc mộ trong những vườn nhỏ, phía trong những hàng cây xanh. Tháp thoáng vượt lên tươi tắn những bông đào, những bông hồng đỏ thắm như những giọt máu còn lơ lửng trong không gian... Căn nhà hôm nào còn đây, vườn cây xanh,

giếng nước, nụ cười bụi ngùi... Trải qua một cuộc bể dâu...

9

N. cố gắng đi khắp thành phố trong chiều nay để xem chiến tranh tàn phá Huế đến độ nào. Đường sá trơn ướt và nhớp bần. Hai bên đường những hàng cây cháy sém, hoặc đen sì, hoặc gãy ngã, mà lẽ ra mùa này chúng phải xanh tốt với cành lá mới thay. N. chỉ có thể nói tới cỏ cây. Những sự rùng rợn khác N. không muốn biết, không muốn nghe, cũng không muốn tưởng tượng... giờ đây không muốn tâm thần bị ám ảnh nỗi kinh khiếp ấy nữa. N. muốn quên, muốn kể lể, muốn thật nhiều được yêu mến những kẻ còn sống sót chung quanh. Ở trong thành phố này anh thấy N. may mắn hay rủi ro? N. thì không tiếc, không trách gì. Huế ngày trước dịu dàng êm ả quá đã nuôi dưỡng tâm hồn N. từ lúc ra đời. N. sẽ ở đây để thấy mình trưởng thành dần dần trong khung cảnh mới mà tan nát hết nỗi yên vui cũ.

Bóng tối đã chùng xuống, bầu trời độc một màu xám và không có mây. Tất cả im lặng, trong thoáng chốc N. thấy lại sự bình thản và bước ra cổng, bóng tối che lấp sự hoang tàn. Đèn đường hư. Chỉ còn những vì sao là vẫn thấp sáng. Thỉnh thoảng trái sáng làm rực trời, N. thấy bóng lá rọi trên cột trụ chiếc cổng, trên thân thể, dưới mặt đất, trí óc như chao đi chao lại. Có một cái gì đó vừa rỗng không vừa nặng nề, anh sẽ không hiểu. N. muốn cay mắt. Trở vào nhà, đốt cây nến, N. phải viết, tại sao lại cho anh. Người ta càng trưởng thành càng khó ưa, lại nữa, anh tỉnh táo quá. Không được thế. N. tin anh chẳng đến đâu... Chẳng ai thể được cái bóng mình soi trên gương. Anh không thể khóc được bằng mắt người khác... Ngày hồi cư không hiểu mừng ít hay nhiều.

Có con bồ câu nằm chết giữa sân. Anh tìm dịp về mà xem. Thật chẳng còn gì, chỉ còn gạch vụn nhất là ở phố chính. Căn nhà N. may không thay đổi mấy nhưng mất hẳn vẻ đầm ấm, cây vẫn xanh và giếng nước thì trong hơn...

10

Những khoảng tường thành bị phá vỡ, màu gạch phơi đỏ. Con đường những tường rêu phong không bóng người. Ngày xưa những ông vua và những hoàng hậu đi trên những con đường này. Bây giờ có hai người. Người đàn bà mặc áo màu tro ngồi giữa điện Thái Hòa, không còn chiếc ngai vàng vô ích. Còn lại những gạch vụn, lỗ hổng trên mái. Hãy im đi trái tim khó bảo. Tôi nói với tôi, hãy ngủ ngon trái tim đã khô, với nỗi buồn ngủi lặng lẽ... Khổ để biết những người khác đã phải sống như thế nào.

12

Tôi không mang một cái gì đến cho những người một thành phố đã mất, đã bị cô lập trong những ngày tháng đằng đằng... Tôi mang đến những lời thăm hỏi với ý muốn chia sẻ phần nào những cay đắng. Tôi mang đến những tâm sự. Mái ngói đã được sửa lại. Vết đạn còn trên tường, trên khung bố, trên nền tranh. Những ngày tản cư, con chó vàng quanh quẩn trong căn nhà vắng gặm những góc tranh cho đỡ buồn miệng. Chậu cúc còn lại những tàu lá héo khô. Chúng tôi đã cố chọn một chiếc chậu không sứ, nhưng bây giờ thì nó đã bể hẵn một nửa. Những câu chuyện. Bao nhiêu sự việc đã diễn ra trong căn nhà nhỏ bé đó. Tôi chỉ thấy được phần nào những điều mà người khác phải sống. Đứa bé sinh thiếu tháng trong những ngày loạn. Căn nhà thu hẹp lại. Những tiếng nói nhỏ cho những người nơi

hiên đủ nghe. Ngọn nến trắng cháy leo lét trên bàn. Những ngọn cây bí mật chốc chốc ánh hỏa châu làm sáng lên qua những khoảng cách. Cơn ác mộng còn nặng trĩu trên cái nhìn, trong tiếng nói, trên khuôn mặt, qua khói thuốc ngập ngừng, trong di động nhẹ nhàng chậm chạp. Những khoảng im lặng kéo dài lắng nghe như đã lâu lắm. Tiếng cười đầy ắp trong căn nhà, ánh sáng chan hòa trên những khoảng màu rực rỡ, tiếng nói mang theo giọng cười... K. chịu tang một ông chú. S. đã chạy khỏi căn nhà sập mái tới thư viện ngồi im trong những đêm, những ngày lạnh cóng không nhắm mắt giữa những người khác. Q. chạy thoát khỏi vùng Gia Hội đầy những họng súng hờm sẵn và những hố sâu đã đào chờ đợi, lần theo những con phố tối tăm đầy xác người chết và gạch ngói. T. mất tích, tin nói về một xác chết đã được nhận thấy... C. rút mình nằm trong căn nhà tối, rồi theo những người cùng xóm dời khỏi khu vực lửa đạn, ngày về không bao nhiêu, trong đêm đốt đuốc cùng người em đưa người vợ trẻ vào trong trại binh giữa những loạt súng còn chất chứa, đưa con gái ra đòi trong những ngày tháng kinh hoàng với một cái tên thời cuộc: Dạ Châu... Căn nhà phía sau, cách khoảng hơn trăm thước, đạn đại bác rót xuống bảy người trong căn nhà chết hết, nắm mộ chung còn ngoài sân nhà. Người ở núi lạc quan: về ở luôn, trước sau gì cũng phải vác súng... X. đã quên, đó là điều không ai mong muốn, đó là điều không ai chờ đợi, và đáng lẽ các anh phải hiểu rằng các anh không thể nào ở lại đây được. Tại sao các anh nhảm lẫn như thế, tại sao các anh lạc quan như thế, có thật các anh tin tưởng như thế không? Những tên gọi được nhắc đến, những thảm kịch được khơi dậy. Và N. lặng lẽ với nụ cười bùi ngùi: em không biết gì hết, không nhớ gì hết...

“Đêm hôm đó tôi sang bên nhà S. uống rượu với một số bạn, rồi cùng đánh bài cho vui, lúc đó chẳng ai nghĩ tới chuyện đánh nhau hay chiến tranh gì hết... Khoảng mười một giờ đêm mồng một, nghĩ tới thằng con mình ra về, lúc ở trên đường mình thấy có gì khác thường, đường vắng ngắt, hôm đó không có giới nghiêm, khi ngang qua cổng thành thấy có những người lạ đứng gác, lúc đó súng chưa nổ, nghĩa là bọn ở núi đã vào từ lúc nào không biết. Về sau được biết, sau đó độ nửa giờ B. cũng rời nhà S. qua cầu, về bên Phú Cam thì bị bắt. *(B. nhấn về cho người dì: coi như đã chết. Vành khăn sô không vấn trên mái tóc xanh cho người tình đã dính hôn)*. Nghĩa là họ đã vào nhiều nơi trong đêm đó. Bốn năm giờ thì nghe súng nổ, những tiếng nổ thật khó chịu, nghe như những tiếng súng ma, không biết ở gần hay xa. Và từ đó cho tới sáng hôm sau nhiều tiếng súng, sáng mồng hai Tết nhiều người còn không biết là những người ở núi đã giữ thành phố, nhiều người còn mặc quần áo Tết ra đường... Ai cũng khiếp. Nhiều người không biết ra sao. Khi thấy những người trên núi về nhiều người ngạc nhiên, nhưng ai cũng nghĩ họ chỉ về trong một hai ngày mà thôi, vì ai cũng biết không cách nào họ ở lại được. Hỏi những người ở núi, mới đầu họ nói về 3 ngày, sau nói 7 ngày, sau lại nói 10 ngày... Thời gian kéo dài làm cho nhiều người phải tính tới chuyện chạy khỏi. Nhất là tới khi nghe họ nói về ở luôn. Những tò mò ngày đầu trở thành lo sợ, không ai còn muốn nghĩ tới chuyện ra đường nữa, mọi người bắt đầu tìm nơi an toàn... Nhiều chuyện xảy ra ngoài sự tưởng tượng. Cô Đ. Tr., một sinh viên, xưa kia cô ở Huế là một người hết sức dễ thương, sau đó cô ta đi Sài Gòn, học y khoa, hai năm thi đều rớt, cô ta trở lại Huế đầu năm học

rồi và học văn khoa, trở về cô ta khác hẳn khi trước, trong giới trẻ thấy cô là một người sống theo đợt sống mới, đi xe Mô-by-lét, điều mà ở Huế người ta không nghĩ được, không những thế cô ta còn giao du với nhiều thanh niên khác... đến lúc biến cố mọi người thấy cô ta mặc quần jeans đeo súng và chạy cùng khắp trong thành phố, nhiều người bị cô ta chỉ vào mặt và tất nhiên nhiều hậu quả đã xảy ra... Sau đó nghe nói cô ta bị thương và được một thanh niên khác chở đi, nhưng đã chết... Gia đình ông Đ. thì ở đây ai cũng biết hết.

Không thể hiểu, có một cái gì vô lý, không thể ngờ có những sự việc, người này hôm nay thế này, hôm sau khác, hôm nay mình tưởng họ như thế này, hôm sau thấy thế khác... Cho nên bây giờ người ta thấy có một cái gì nghi ngờ, không dám tin, không dám tỏ thái độ với ai, không dám nói với ai vì có thể chính người đó có những sự thật khác, không như mình đứng từ ngoài nhìn vào... Tan hoang hết, phân tán hết, những người đi, những người ở lại, những lựa chọn. Có điều người ta không thể đứng ở giữa được. Người ta không muốn là nạn nhân của tất cả. Người ta chọn để làm nạn nhân của một bên.

Cuối cùng rồi bọn mình phải tản cư, mỗi người hai cái va-ly, thì cũng chạy quanh chứ biết đi đâu, may có người quen ở dưới gần Sư đoàn, xuống đó gặp nhiều người quen, không phải là nhà mình nên có nhiều chuyện khó chịu... Nhưng làm sao được. Cô em ngồi lặng khóc. Đạn bắn ở ngoài thẳng con không chịu nằm xuống, mỗi lần nằm là nó khóc. Những cái chết thật nhanh chóng. Ở trong nhà mọi người vẫn sinh hoạt bỗng nghe tiếng nổ, rồi một người đàn bà kêu lên ở ngoài sân, chạy ra thấy bà ta ngã xuống chết. Hết sức kinh hoàng, cũng như phía sau nhà đó, bảy

người cùng chết, những ngày đó chẳng ai chết mà có được quan tài. Người ta lo đào một cái huyệt vùi xuống cho xong. Tội nghiệp, một bà vợ ở xóm trên này, ông chồng bị bắt đi, bị bắn chết, bắn chết trước mặt, rồi trận đánh tới, bà vợ chỉ còn đủ thời giờ kéo xác ông chồng về bỏ trong buồng, đóng cửa lại rồi dắt con chạy đặng, mấy hôm sau mới trở lại được... Ngay trên đường Hiền Nhơn, cái khoảng ông đã đi qua đó, hai cậu chết từ hôm nào không biết, khi yên người ta nhờ quần áo mới biết là hai cậu học sinh, bây giờ còn mồ đó... Chưa thăm bằng anh chàng tài xế trên chiếc xe dếp ở cửa Đông Ba, anh ta bị bắn chết từ ngay phút đầu, chiếc xe bị cháy, anh ta ngồi đó trong gần một tháng, ngày đầu đi qua chỉ thấy còn một bộ xương ngồi trên ghế trước tay lái...

Ông đã ngang qua cửa Đông-ba rồi chứ gì, trông khiếp chưa, con đường Mai Thúc Loan có lúc là trận tuyến đó... Còn phía ngoài thì xác chết nhiều lắm, hôm qua này người ta còn lo đắp thêm đất lên, vì xác chết ở đó nhiều lắm... Chỗ nào cũng có xác chết hết. Người này người khác, ai ở Huế cũng có tang, hoặc xa hoặc gần, có người chịu một lúc nhiều cái tang, không còn nước mắt nữa để mà khóc... Người nào trông cũng thất thần, không còn gì nữa. Nghĩ tới Tết năm tới, nhà nào cũng có giỗ, ý nghĩa về ngày Tết đâu còn nữa... Con đường Âm Hồn, hồi thất thủ Huế ở đó người ta chạy giẫm lên nhau mà chết, ai ngờ con đường nay đã đổi tên nhưng vẫn là con đường nhiều người chết, có những mảnh vườn nhỏ tí mà năm cái mồ... Không tưởng tượng được. Khiếp luôn..."

14

Bỗng hỏa châu rực trên nền trời, những tiếng đại bác vọng xa. Khoảng hiền tối. N. nói tới người bạn gái mồ côi

mẹ phải trông nom đàn em trong khi người cha lo lắng kiếm sống, nay người cha lại chết... Tội nghiệp. Lớn lên trong một gia đình khá giả, lúc nào cũng được nuông chiều, sống trong những điều kiện êm lành nhất, tới lúc phải sống chung đụng với những người lạ, trong căn nhà lạ, tiếng động lạ, thiếu thốn đủ điều... Phải khổ mới biết người khác khổ ra sao. Chắc chắn đối với tôi đó cũng không bao giờ là một ước muốn, một mơ tưởng, đó chỉ là một an ủi cho chính mình và cho người khác. (Chiếc bàn bên cửa sổ, ngọn đèn trên cành cây khô, chiếc lọ cắm một bông hồng đỏ, trên miếng vải có một hòn đá màu tím đất, con đường hàng cây lạnh trong đêm cuối năm, bây giờ con đường những hàng cây xơ xác, đêm không ánh đèn, không bóng người ngang qua, ngoài những xác người nằm im lặng quanh đó. Vạt áo màu thắm cỏ hoa, con đường buổi sáng còn ngái ngủ, ly cà phê trong quán ven đường, đã thoáng qua những ngày kinh hoàng không muốn nhắc lại, nhưng chắc sẽ không quên đi được... Con chim bồ câu chết trong sân. Không còn chiếc bàn bên cửa sổ, không còn bông hồng. Chỉ còn lại cánh hoa buổi khiêm tốn trên mặt gối và giắc ngủ nôn nao một ngày nào dờn khỏi thành phố thân thuộc những kỷ niệm ngày ấu thơ...).

Con đường đông vui hôm nào bây giờ là một con đường bụi, những qua lại vội vàng hấp tấp, những chiếc nón nghiêng xuống, phía trong, những dãy nhà chợ hôm nào nay chỉ còn đồng gạch vụn, trong đó, vượt lên cao khung của ngôi chợ mới chợ vợ buồn rầu trong nền trời xám chì. Sát với đường nhựa những người đàn bà giấu mặt dưới vành nón ngồi sau những hàng lật vạt: ít đồ hộp Mỹ, những gói thuốc, một vài trái su, bó rau... Trên lề đường, phía ngoài dãy nhà buôn bán sầm uất khi xưa nay cũng đầy những

hàng quán nhỏ, những hàng quán như cổ găng che khuất phần nào những nền nhà, những căn nhà trống rỗng. Trên những khung cửa nhà thỉnh thoảng người ta đọc thấy những hàng chữ phấn, hoặc viết vôi vàng trên những mảnh giấy: *nhà này có chủ*. Một xác nhận chua chát. Tôi cũng còn nhìn thấy những khẩu hiệu đã bị bôi bỏ nhưng chưa mất nét chữ. Cũng có những hàng chữ khác trong, trước những dãy nhà như: *gia đình tôi vẫn được bình yên...* một lời thông báo cần thiết trong một thành phố đầy ắp tin đồn. Tôi cũng còn nhìn thấy những tấm biển khác như: *ở đây bán cà phê và bún bò*. Những tấm biển ấy treo nơi cửa những gian nhà sụp đổ nửa chừng, trong những ngôi nhà trước kia thuộc thành phần khá giả... Nhiều nữa những hàng chữ, những khung cảnh như đủ nói lên rất nhiều điều về Huế...

17

Buổi chiều. 15/3. Tôi và C. chở nhau trên chiếc xe gắn máy sang Gia Hội, khu vực được coi như có nhiều nạn nhân nhất của biến cố. Cầu Gia Hội vẫn còn đó ngoài một lỗ thủng trên cầu. Con phố quen thuộc vẫn còn nguyên, có thể nói trên khung cảnh Gia Hội không có một bề mặt điều tàn, chúng tôi vượt sâu mãi xuống con đường đi Bãi Dâu, nhưng sau chót chúng tôi theo con đường nhỏ hai bên có những hàng rào cây xanh thấp, con đường mỗi lúc một vắng, sự vắng lặng ghê khiếp, tôi không gặp một người nào trên đường đi, chúng tôi vào trường Gia Hội, nơi có những hầm chôn người nhiều nhất. Trước mặt trường là một cái hồ rộng, một con đường nhỏ vòng vào, chung quanh cây cối um tùm, không một bóng người, ngôi nhà ở giữa đã sập hẳn mặt tiền, trên đó có một ngọn cờ cắm ngả nghiêng, tay mặt là một dãy nhà hai tầng mới xây, nước vôi còn mới, những

cửa kính bể, bên tay trái là mấy căn nhà thấp. Khoảng sân đất rộng, phía trong, nơi tay trái còn những ngôi mả mới. C. nói đó là nơi đã có nhiều người chết, một số xác không nhận được hiện còn ở đó. Bên tay mặt, phía đầu dãy nhà hai tầng sát với bờ tre cũng còn những nấm mồ. (Những ngày đầu tiên, sau khi tiếng súng ngừng nổ, người ta đã đổ xô tới đó nhìn mặt những người chết đã nát, nhiều xác để bừa bãi, mặt che bằng những tàu lá chuối, bằng những tờ báo, những con chó quanh quẩn, những người bao khẩu nhìn ngó...). Không một bóng người, tôi cảm thấy như có một sự đe dọa nào. Hai đứa vội vàng leo lên xe phóng chạy. Con đường nhỏ cong queo, những bờ tường cây, những căn nhà kín cửa, không một người ngoài đường... Khu đất trống hình tam giác của khu Mả Ông Trọng, vườn hoa với những chiếc ghế đá dưới những tàn cây um tùm hôm nào nay không còn một khoảng trống, toàn những mồ mả, một người đàn bà đang cúi húi thu vén cho một ngôi mộ mới. Chúng tôi lại gần, những nén hương thấp bên một tấm ảnh nhỏ để dưới đất, hình một cô gái có khuôn mặt xinh tươi, tôi hỏi một cậu trai mặc áo đen đứng gần đó, cậu là em của cô gái, người đàn bà là chị. Khuôn mặt buồn rầu, nước mắt chạy quanh, bà chỉ vào căn nhà phía bên kia đường: đó là căn nhà của bà, đó là căn nhà của cô T. cô gái 20 tuổi đầu, bây giờ đã nằm trong lòng đất. Cô đã chết cùng với hai người thân trong gia đình. Xác tìm thấy trong trường Gia Hội. (Ngày đó những người có súng đi tới cửa, nhìn vào căn nhà, tiếng nói đến với cô gái: *trong nhà có đàn ông không?* Nổi kinh hoàng đến với cô, có đàn ông không. Có. Những người thân của cô. Việc gì sẽ xảy ra sau đó. Cô gái giọng luống cuống lo âu cố gắng trong gian dối cần thiết: không có. Những người lạ mặt mở cửa xông vào: hai người

đàn ông. Lúc đó cô nghĩ gì? Lo âu như thế nào? Ba người cùng bị dẫn đi cùng những người khác. Sau đó, trong ngôi trường học, cái chết. Và bây giờ nắm mộ với những giọt nước mắt trên má, trên môi người chị, tiếng nói nghẹn ngào với người em trai mới lớn...). Bao nhiêu cái chết. Bao nhiêu tiếng thét la. (Những đàn ông, những đàn bà lần lượt tới một bàn giấy, những lời nói khoan hồng bao dung, tờ giấy nhỏ, có chữ ký bỏ trong túi trở về nhà, sau đó tới trình diện và không trở về... Những người nhạy cảm, trong đêm lần khỏi nhà, vượt khu phố, vượt qua sông thoát đi, những tiếng súng ma quái trong đêm khuya lạnh vắng... Số phận cho bao nhiêu người? Định mệnh nào cho hàng mấy trăm người? Số tử vi nào cho mấy trăm người? Nỗi nghẹn ngào chia xẻ được với từng ấy cái chết, với từng ấy vảnh khăn, với bao nhiêu đứa trẻ...). Tôi không thể hiểu được. Tôi không tìm thấy được một giải thích nào cho tôi hết.

17B

Đại úy V. nói tới cuộc hành quân từ Đà Nẵng ra. Biệt động được đưa từ trong ra thẳng Phú Bài với một mệnh lệnh, bằng bất cứ giá nào phải vào Gia Hội. Không có phương tiện chúng tôi chạy bộ xuống, lúc đó mình đã giữ được bên này, nhưng qua sông đâu phải dễ, khi qua bằng thuyền máy chúng tôi bị đẩy ra, không được, chúng tôi tiến quân xuống Vĩ Dạ, theo đường sông đổ quân xuống Bao-vinh, rồi từ đó mới tiến lên Bãi Dâu... Anh hiểu, cả một sự khó khăn để có lương thực và đạn, bọn chúng cố thủ mà... kinh nhất là khi chúng tôi tấn công vào bộ chỉ huy của chúng ở chùa Áo Vàng, anh hiểu. Trung úy Đ., anh ta đã lẫn mình vào với những lựu đạn trong khi chúng tôi gần như không thể tiến được một bước... Trời ơi, anh không thể tưởng

tượng được chúng tôi đã phấn khởi như thế nào khi gặp lại dân chúng. Họ nói sao chúng tôi tới quá muộn, họ còn gì là dành cho chúng tôi. Phải, chính chúng tôi đã tới nơi họ chôn người tập thể đó, rồi nhờ người ta chỉ chúng tôi khai ra những hầm vũ khí, có một người đã giúp chúng tôi thật nhiều, chính anh ta bị bắt, bị mang ra xử tử nhưng trong khi đào hố thì anh ta cùng một người khác liều tháo chạy, bị bắn nhưng anh ta thoát, khi xong rồi chúng tôi muốn thưởng công cho anh nhưng anh không chịu, những người như vậy không phải là ít... Khi chúng tôi tiến được vào thì đêm bọn nó tìm cách qua sông...

Một anh lính nói khi tiến vào đường phố, mọi người chợt nhận thấy một người đàn ông khoảng bốn mươi, mặc chiếc áo vét cũ, anh ta giơ hai tay, nhảy lên kêu: hớ, hớ như một thằng điên, chúng tôi không hiểu sao, anh ta cứ chạy theo chúng tôi mà kêu như thế, mới đầu chúng tôi sợ đó là kẻ báo hiệu cho bọn nó chạy, tôi tức quá la lên: hớ gì, bắn chết cha bây giờ... mỗi lần nghe thì người kia lại lẩn đi, nhưng rồi anh ta lại tiếp tục làm vậy, sau mới biết anh ta sợ quá, anh ta trốn trên trần nhà suốt trong thời gian, đến nỗi nói không được, khi anh thấy bọn tôi đến thì mừng vậy thôi...

17C

Một người nói tới ông Ph., ông ấy bị bắt rồi bị tuyên án tử hình, ông hết sức bình tĩnh xin trở lại nhà để chết bên vợ con. Không hiểu sao họ lại cho, khi về ông xin phép được uống chỗ rượu Tết còn lại trong nhà, ông uống rượu, dặn dò vợ con đủ điều, vợ con khóc, ông thì không, sau cùng ông đào huyệt cho mình trước sân và họ bắn. Một tấn thảm kịch như thế có ai tưởng tượng được không, rồi đầu đã

hết, người con gái lại chết nữa, hai cha con chết nằm bên nhau, còn người vợ, đàn con nhỏ, người ta không thể hiểu. Những người trình diện lần thứ nhất trở về, lần thứ hai không còn thấy mặt. Có những người sống nhờ trong đêm đã ngủ dưới thuyền, thuyền khi nghe súng nổ liền chạy ra mãi cửa Thuận... Đây là vùng mà họ đã ở nhiều nhất, nhiều người bị chết nhất...

18

Quán nước nơi đầu cầu. Hôm nào tôi đứng trên cầu nhìn xuống chờ đợi bánh pháo dài sắp đốt. Những chai la-de. Những câu chuyện ngắt quãng. Chúng tôi ngồi đó nhìn xuống dòng sông. Những chiếc thuyền máy từ ngoài chạy vào, tiếng máy khô khan, những chiếc thuyền vào mang theo những chiếc quan tài sơn màu tro buồn bã. Bây giờ chết có hòm... Hôm nào những xác người được lấp vùi xuống. Những xác người nào được vớt xuống dòng nước kia? Những xác nào còn lập lờ dưới đó. Rượu chưa đủ. Tôi nhớ lại câu chuyện năm nào. Rượu chẳng bao giờ đủ, vâng, chẳng bao giờ... Và tin chiến thắng trên trang đầu những tờ báo ngoài Hà Nội... Chưa chát biết bao nhiêu... Bây giờ chúng tôi chỉ có một cổng thành để ra vào. Chúng tôi chỉ có những con đường mù bụi đỏ để ngang qua. Và đó, cái chết đồng đều cho anh lính C.S và anh lính quốc gia cùng người dân vô tội... Bác Hồ, Bác còn lời chúc Tết nào hay hơn không?...

19

Bãi Dâu... Bãi Dâu... (*Bãi Dâu, Bãi Dâu tiếng ai hò reo...*)
Nắng khô, bốn người đàn ông. Những đôi mắt đỏ ngầu. Hơi rượu cay sè. Những miếng vải trắng bịt ngang miệng.

Những chiếc cuốc. Những xác rã được bế lên để trên mặt đất. Những con mắt lặng lẽ khô ráo cúi nhìn quần áo, răng... Những tiếng khóc nào òa lên. Những cái lắc đầu... Những cái xác nào được mang đi. Một sung sướng mãn nguyện: tin chắc người thân đã chết, còn đây nắm xương. Những cái xác nào bị đào lên dập xuống nhiều lần. Những đồng bạc được đếm trên những xác người đã sinh thời... Hai ngàn, rồi năm ngàn. Những xác chết trở thành tiền cho những người nào đó...

20

Đêm 16/3. Cửa An Hòa còn đứng cao, nhiều góc đã bị mài nhẵn, lẫn với ngoài những viên đạn đã cạy mất để trở ra lần gạch đỏ, màu trên một tấm tranh Mễ Tây Cơ trong mùa nắng khô chói chang. Những hàng cây chỉ còn những cành khô cháy. Mồ bên vệ đường, trong vườn cam, trong ruộng rau. Những mảnh tường đứng trơ vơ... Chúng tôi đã đi ngang qua con đường đất ven bờ thành suốt từ cửa An Hòa tới Cửa Sập. Con đường xưa kia chạy qua những bóng cây cao, những nhãn, sầu đông, tre nay còn lại một vài đoạn hình ảnh con đường thơ mộng cũ... Trên thượng thành chiếc xe ủi đất làm việc không ngừng. Đại úy L. chỉ cho chúng tôi thấy những hố sâu, trên đó xưa kia đầy những nhà ở nay chỉ còn nền nhà và chiếc xe ủi, lâu lâu những xác người trôi lên lại được dập xuống, chúng tôi đi trên đó nói lại trận đánh. Những binh sĩ tiến lên từng bước. Nơi Ụ Ông Voi quân ta chỉ cách địch khoảng năm thước, dưới những cái hầm. (Người lính gan dạ bắn về phía trước, thông sợi dây ném sang phía trước kéo một xác chết lại gần lấy khẩu súng nhỏ trong người xác chết làm vật kỷ niệm. Người đeo khẩu súng sau đó chết. Người thứ hai giữ chết. Người thứ

ba giữ bị thương vào bệnh viện. Cuối cùng không ai dám giữ, nó được gửi tặng cho một người treo chơi trong văn phòng. Khẩu súng như một định mệnh khắc nghiệt bất trắc.) Cửa Chánh Tây không còn gì, con đường qua thành đã được đổ đầy đất xuống. Không còn đường vào hay ra. Một người lính kể lại những ngày chiến đấu cam go: nhiều bữa nhịn đói trong hầm, kẻ địch sát phía trước, ngóc đầu lên là toi mạng, chiếc thùng cơm được buộc vào một sợi thừng ném tới những miệng hầm, chiếc thùng cơm được kéo qua những miệng hầm cho người ở dưới bốc lấy một nắm... Những điều thuốc sau đó trở thành những điều thuốc vàng.

Đêm ngủ trong gian nhà không còn mái, những câu chuyện được nói đến. Những anh hùng đều đã chết. Họ hành động không nghĩ mình anh hùng. Cuộc chiến và những ngày tháng gian nan trên gương mặt những người chiến đấu. Câu chuyện không muốn hết trong đêm cùng với ánh hỏa châu trong bầu trời, với tiếng súng vọng gần đâu đó. Q. hôm nào mái tóc cắt cao, gương mặt tươi sáng, cơn say chất ngất. Hôm nay chỉ còn men rượu, mái tóc đã dài, râu đã rậm, tiếng nói trầm xuống lấp lửng, chiếc mũ chụp thấp và khẩu súng nhỏ giắt trên thắt lưng... Có khẩu súng trong tay chết không ân hận. Tôi không muốn chết một cách lãng nhách. Tiếng nói của nhiều người sau biến cố...

Buổi sáng mai thức dậy, trời gây lạnh, sương còn nặng trĩu, mùi hoa sầu đông ngai ngái, mùi hoa bưởi ngọt mát... Nếu không có cuộc chiến. Nếu mình có một ngôi nhà, một khu vườn, một người vợ trẻ, buổi sớm mai ngồi uống nước trà trong hàng hiên, cúi mình sửa những khóm hồng, khóm cúc trong vườn... Đó không phải là sự thật bây giờ. Đó là một sự thật đã cũ, đã mất... Sao những bông hồng

vẫn nở đỏ thắm trong khu vườn xơ xác. Sao hương sầu đông vẫn tỏa trong không khí? Sao mầm non vẫn nhú ra trên thân cây. Những bông hoa nào, những trái ngọt nào sẽ nở ra, sẽ kết trái trên những xác người... Tiếng hát nào vắng trong ký ức. *Buổi sáng nay thức dậy, nghe tin em gục ngã nơi chiến trường, nhưng trong vườn anh, đóa tường vi vẫn nở thêm một đóa, tôi vẫn sống, tôi vẫn ăn, và tôi vẫn thở... biết bao giờ...*

23

S. ngồi lặng lẽ trong căn nhà đổ nát. Căn nhà ẩm cứng trong dãy phố có hàng cây nổi ngói giáo đường với nó bằng một nhịp cầu nay đã sập mái, cây cầu đã gãy, ngói giáo đường xây dang dở đổ nát thêm. Những đêm những ngày ngồi trong thư viện, trời mưa lạnh, những ngày ngồi trong trường Kiểu-mẫu, trường Sư-phạm trời mưa rét. Bây giờ là căn nhà một người thân, ngôi nhà hai tầng còn lại những khung xe cháy đen quăn queo, những mặt tường trơ gạch nám đen. Mái tóc bù xù, những sợi râu thưa, khuôn mặt vàng khô hốc hác. Bao nhiêu cảnh tượng đã diễn ra. Bao nhiêu lo âu vằng vất... Những cay đắng không nói ra được... Đôi mắt đục nhìn xuống nặng trĩu. (Trời mưa lạnh còng, con đường ven sông vắng bóng những người lính chiến súng trên tay, tiếng súng nổ không ngừng bên kia sông, những chiếc máy bay chao đi chao lại, ngọn cờ trong nền trời đục tối. Một chiếc xe kéo chạy từ phía đầu cầu lại, một người đàn ông cúi người xuống, trên đó xác một đứa trẻ, trời mưa, con đường nhớp nháp, vẻ quạnh hiu hoang vắng, những con mắt ngó ra, một người đàn bà, tóc rũ chạy qua chạy lại vòng quanh chiếc xe, hai tay đưa lên như vỗ vào nhau và những tiếng nói, chùng chùng như bà mẹ ấy cất tiếng

hát nhưng tiếng nổ, bầu không khí nặng trong mưa khiến tiếng nói đọng lại, có phải tiếng nói gì đó đọng lại thành những giọt nước lạnh buốt đang lăn trên đầu trên mặt, trên xác chết, trên tạo vật... Chiếc xe tiếp tục đi cùng với nhịp vỗ tay cho người chết nghe thấy. Tiếng vỗ tay thay cho nhịp sinh tiền trước những cỗ áo quan trên đường đến huyết lạnh... Đứa trẻ Việt Nam nào đó? Người mẹ Việt Nam nào đó? Tiếng vỗ tay hoan hô chiến tranh? Tiếng vỗ tay cho chính mình hay cho kẻ khác?) S. chỉ vào chiếc áo đang mặc, S. chỉ vào vết sẹo trên thái dương người em trai. S. nói về khẩu súng một người nào vút ra ngoài cửa nhà. S. nói về buổi sáng trời rét cóng ra đứng bên này bờ sông ngó sang chờ đợi lá cờ toi tả bị hạ xuống sau gần một tháng bay trên kỳ đài...

25

Phú Cam, ngày 18/3. Buổi trưa nắng đục, chúng tôi vượt qua cây cầu Bến Ngự, những vết đạn thủng cách khoảng nhau, những thanh sắt oằn bặt lên, những hàng kẽm, chúng tôi đã ngang qua căn nhà của D. căn nhà cửa đóng, phía ngoài treo một tấm bảng báo tin người trong nhà đã đi khỏi, trong khoảng sân đất hẹp, bên cạnh khóm dạ lan hương và những tàn cây dày lá có hai nắm mộ nằm song song, trên đó những cánh lá khô phủ đầy, S. nói, tôi nghe. Chúng tôi vào trong cửa thánh đường, vị linh mục đứng trong cảnh hoang vắng tịch liêu: *Bấy mười người bị giết, gần ba trăm người bị bắt đi. Chúng tôi có trách nhiệm trong hướng dẫn lương tâm những người con của Chúa...* Chúng tôi đi sâu mãi vào những con đường vắng lạnh, những cửa nhà đóng kín, không một tiếng người. Những ngôi nhà nằm sau những khoảng sân, những vườn cây, cảnh tiêu sơ trên cây cỏ, trên vách tường, trên

mái ngói. Người dân Phú Cam vẫn chưa trở lại nhà mình. Trong những giờ phút đầu tiên nơi đây cuộc kháng cự đã diễn ra và kết cục là một thảm kịch. Chúng tôi đi nghe tiếng chân mình vọng bên tai, thỉnh thoảng mới gặp một thanh niên, những bóng người mất hút. Chợt chúng tôi bị gọi lại, một cụ già tiến lại, bà nhận ra Q., bà cụ có vẻ mừng, bà ríu rít nói: *Vào nhà mẹ chơi, trời ơi, nhà mẹ đẹp lắm, nhà mẹ đẹp lắm, đi, đi vào nhà mẹ chơi, nhà đẹp lắm.* Bà cụ vừa nói vừa bước và hối thúc chúng tôi bước theo. Những con đường vắng bóng người đã khiến chúng tôi muốn lui bước. Bà cụ khuôn mặt tỉnh táo nói luôn miệng, chân bước vội, tới một ngã ba đường bà cụ chỉ vào căn nhà đổ nát trước mặt: *đó, nhà mẹ đó, đẹp không, đẹp không mấy cháu...* Khuôn mặt lạnh nhạt, bằng phẳng, không một cảm xúc hiện ra. Chúng tôi bước vào nền nhà những gạch ngói, gian nhà trống rỗng, chúng tôi vào khu vườn, những bờ tre bị đạn tiện ngang thân gục đổ ngổn ngang, trên đất đầy những vỏ đạn, đuôi đạn B.40, bà cụ chỉ cho thấy những đạn chưa nổ được đánh dấu lại trong vườn... Đó là căn nhà của bà cụ, căn nhà bà muốn được chụp hình giữ lại cùng với những tượng Chúa, tượng Đức Mẹ bể nát...

Chúng tôi trở lại cây cầu đổ, con đường tới nhà thờ không một bóng người. (Những ngày lạnh, những họng súng hờm trong những cửa sổ, trong hàng cây, dưới những hầm hố, trong buổi sáng tinh mơ đứa bé gái bế đứa em vừa sinh ra đã không còn tiếng khóc đi trên đó. Đứa bé gái với đứa em đi trước những họng súng căm thù, đi bên cái chết, đi trong con phố không người để tới giáo đường, ở đó đứa em yêu dấu xấu số được rửa tội và người chị bé bỏng đó bế đứa em tới nghĩa trang. Bao nhiêu trẻ sơ sinh đã chọn làm giờ làm người, làm giờ đầu thai...). Tiếng hát

của S. Mẹ vỗ tay reo mừng chiến tranh... Chị vỗ tay hoan hô hòa bình. Người vỗ tay cho thêm thù hận. Người vỗ tay cho đều gian nan.

28

Chiều ngày 19/3. Cách nhau hơn một tháng tôi lại bước chân vào sân trường Đồng Khánh, không còn không khí êm tĩnh của những ngày cuối năm khi những nữ sinh đã trở lại gia đình ăn Tết. Bây giờ là không khí ồn ào vang lên từ mọi nơi, trên sân cỏ bầy cái mồ đất, những chân hương tàn lạnh nhạt. Trong những phòng học, những chiếc bàn còn lại được dẹp vào những ven tường chõng chất những va-ly, vật dụng. Dưới nền gạch những chiếc chiếu trải sát vào nhau... Gian phòng nào cũng đầy ắp những người, ngoài hàng hiên những cái lò để gần nhau làm thành một dãy. Ngoài những lối đi chính, có những cái cầu được bắc qua cửa sổ bằng những cánh cửa: lối ra vào của những căn phòng ở giữa dãy nhà. Dưới những gốc cây có những sạp thuốc lá, đồ Mỹ, hàng hót tóc, hàng nước ngọt la-de, những hố rác cùng khắp, mùi nước mắm, hơi người nồng nặc trong những lối đi... Trên sân cỏ những đứa trẻ nô đùa... Những ngày tháng đói lạnh đã trôi qua như một cơn ác mộng hải hùng, nhưng bây giờ họ trở về đâu và cuộc sống những ngày tháng sắp tới...

Trường Quốc Học còn đó, đầy ắp những người, tôi tiến tới khu đông đúc phía trong, một cái chợ đã họp ở đó, hàng ăn uống, rau cỏ... không khí huyên náo... Trường Văn Khoa và Luật trở thành trại binh ngổn ngang những xe cộ. Bến phà tiếng máy ủi đất kêu đều đều, những chuyến trực thăng là theo mặt sông đáp xuống thối lên cao đám bụi mù đỏ... Bến phà những người chèo thuyền kéo nứu... Trên

đường phố những chiếc xe chạy qua mang theo những vết đạn trên kính, trên sườn... Những đồng bạc chì cháy đen trên tay người này qua tay người khác... Một vài chai rượu, ít hạt dưa còn lại trong ngày Tết. Chiến tranh để lại những tặng vật, vỏ đạn bỏ trên bàn, trong ngăn kéo, là chiếc bình hoa, là những khối chì chảy ra thành những tác phẩm điêu khắc. Chiến tranh làm thành những tác phẩm hội họa vô hình dung trên những vách tường, trên bờ thành rêu mốc. Chiến tranh đưa đến những đồng đều tài sản...

29

Bế đưa con trên tay, C. nói nếu con nhỏ chưa ra đời thì bọn mình đi rồi, mọi việc thu xếp xong mà không đi được, chậm lại một đêm thôi thì bọn này không gặp ông, mình nghĩ thế nào ông cũng ra. Nghĩ lại chuyện dẫn bà ấy đi sinh mà khiếp. Mười hai giờ đêm bà ấy đau bụng, tính còn cả tháng nữa, mình lo bắt đi, sợ rồi chạy không kịp. Hai anh em cầm hai bó thuốc dìu bà ấy đi. Lính thấy bóng hô lên và nổ súng, bọn mình phải la lên: *đi để*. Sau nghĩ lại thấy tức cười, *đi để*, bình thường ai nói thế, nói đi sinh, nhưng lúc đó phải nói vậy, nói cho người nghe rõ. Bà ấy riu chân muốn ngã vì sợ. Họ bắt đứng lại và khám vì cái bụng còn nhỏ quá, nghĩ mà khiếp, cũng may... Nhiều người đẻ dọc đường chạy rớt mất con, nhiều người chết nữa... Chúng tôi đã thức với nhau trong nhiều đêm, hoàn cảnh chúng tôi phải sống, mối lo âu, những sự việc nhỏ nhất phải giải quyết. Sống như một giấc mơ. Mỗi đứa đầy những vấn đề, mỗi đứa những hạn hẹp kỳ quặc...

30

Long Thọ. 20/3. Với một cái máy, một cuốn sổ tay, tôi

không ngừng chạy khắp mọi nơi, nhìn và lắng nghe. Chuyện một người 25 ngày ngâm mình dưới nước, dưới một bụi cỏ cùng với người bạn, anh đã nghĩ tới cái chết, hai người cố ở cách xa nhau, với dấu hiệu riêng hy vọng khi chết người ta không nhận nhầm. Chuyện người lính ngủ trên thượng thành, đêm trời mưa, sáng dậy cuốn tấm vải nhựa thấy chỗ mình nằm trũng xuống và dưới đó những tay chân trời lên khỏi lớp đất mềm mỏng. Người điên của thành phố vẫn còn sống để dạo chơi. Chuyện người đàn ông chạy “dịch-dắc” khi đi lấy nước uống bị bắn chết. Chuyện người thanh niên chạy qua cầu Trường Tiền bị bắn thủng phổi thoát chết. Chuyện một người từ Sài Gòn trở ra đi tìm cái nền nhà... Cà phê Mệ Tôn không còn trên con đường vắng, bây giờ tiệm đổi tên, đổi nhà... Những câu chuyện đau lòng về cứu trợ, những cái mền bị lấy lại, góc chiếc bập su dành cho 50 người ăn với một chén dầu.

ững xác chết trở thành tiền cho những người nào đó...

Hẹn với anh Đ. 15 giờ đi Long Thọ, tin nói về những hầm người chết tìm thấy ở Từ Hiếu, Lăng Tự Đức, Lăng Đồng Khánh. Chiếc xe dép chạy khỏi đầu cầu Bạch Hổ, men theo dòng sông Hương, bên kia sông là vùng Kim Long, Thiên-mụ. Bên này Long Thọ. Con đường chạy giữa những hàng tre xanh cao, có khoảng một bên là sông, một bên là đồng lúa xanh. Con đường vắng lặng, chiếc xe phóng nhanh. Chúng tôi tới khoảng giữa thì đã thấy không khí ồn ào, hai bên đường đã có những ngôi nhà nhìn vào nhau qua con đường. Những tà áo tang. Người ta chỉ cho chúng tôi đi tới nữa, con đường hơi vòng, qua chiếc cầu sắt chúng tôi kinh hoàng với khung cảnh trước mắt: trên khoảng đất trống ven sông một nhà sập chạy dài, trong đó hơn mười chiếc quan tài đủ cỡ để song song với nhau sau những bàn thờ,

quanh đó những người mặc áo, đội khăn tang, trong đó có xác một học sinh đệ nhị, một ông già 68 tuổi... Người ta vẫn còn tiếp tục tìm xác, chỉ mới có 32 xác được tìm thấy. Nào là mời đi họp, nào là đi trình diện. Cô gái giọng nghẹn ngào, quàng mắt đỏ: *người ta đến nói em tôi đi họp, không đi họp người ta bắt thì đừng trách, lúc đó em tôi trốn bên nhà bác, tôi phải sang gọi về đi họp nhưng không thấy về, tôi với mẹ tôi thức suốt đêm chờ... Hôm qua theo người ta đi tìm thì nhận được xác... Chiếc xe vận tải người đàn bà đang cong người kéo qua chiếc cầu sắt nhỏ, một bà già đi theo la lối lắm nhảm, chân tay múa may, những chiếc khăn tang mới quàng trên cổ, khuôn mặt khô ráo. Một đứa con 16 tuổi tìm thấy xác buổi sáng. Buổi chiều tìm thấy xác người con cả đã có 5 con, người vợ đang kéo xác người chồng tới cái sạp bằng tôn phía trong, dưới một gốc cây mát, bà mẹ chạy lăng quăng la hét: *buổi sáng một đứa rồi, năm nay mười sáu, đây là thằng lớn một vợ năm con... ông cho tôi chết. Tôi không muốn chết đêm, chết hôm, tôi già rồi, ông cho tôi chết, ông cho tôi vào với con tôi...* Người mẹ lăn dưới đất, người vợ vén vạt áo lau mồ hôi trên trán. Mấy đứa nhỏ mặc chiếc áo tang rộng chạy đi chạy lại với khuôn mặt bình thường. Chiếc quan tài mộc nhỏ, những khe gỗ còn hở, hai vòng lạt tre cố giữ cho chặt tấm ván thiên hơi cong... Không khí nặng nề u uất. Chợt bóng hai người đàn bà mặc quần áo đen, đi chân đất, vạt áo dài sau vắn lên thất lưng. Hai người khiêng một cây tre trên đó có một xác chết bó kín trong vải nhưa. Cái xác cột chặt vào thân tre. Hai người bước vào trong nhà tôn, hạ tay kê hai đầu xác chết vào hai cái đòn, một người đàn ông để lại tấm tôn che ánh nắng hắt vào trong. Người đàn bà phía trong bây giờ mới òa lên khóc, chị ta ngồi rũ xuống. Một ông già, tóc bạc*

từ trong đám đông đi ra, tay cầm một bó hương, ông châm đốt và để vào mỗi chỗ một ít... Còn những ai nữa sẽ được nhận ra. Còn những ai nữa nằm trong những cái hố nhỏ chất bấy tám người chỉ cần lấy tay moi nhẹ là thấy. Những đau khổ không nói thành lời. Những sự việc không có lời giải thích. Tại sao vậy? Tại sao vậy?

Con đường trở về, những ý nghĩ quay cuồng trong óc, nổi ngao ngán khiến chúng tôi thấy có gì để nói với nhau. Tiếng la khóc bên dọc đường, người đàn bà quần trắng áo ngắn đen lẫn lộn trong căn nhà sụp đổ, bên chiếc áo quan đang được chét mạch, giữa sáu đứa con nhỏ: *ới anh ới là anh ới, mà anh đi học tập 15 ngày, tội là lớn cho đi học tập, tôi đã lẫn khóc, kêu xin mà tôi quên lạy, cho đi học tập 15 ngày rồi về mà nuôi con... ới anh ới là anh ới...* Chiếc xe phóng nhanh trên con đường vắng đầy đe dọa, những căn nhà: một xác chết, hai xác, ba xác chết, nào cha con, cháu... Mùi khói hương và tử khí... Một chiếc quan tài bỏ bên bờ cỏ, một ông lão tóc hoa râm đứng ngơ ngác, hỏi về người chết, ông nói thẳng cháu, không biết tên, quen gọi là thằng Tư, người ta mới tìm thấy đang chờ mang xác về... Ngồi trong quán nước tôi hỏi anh Đ: tại sao vậy. Anh lắc đầu nhìn tôi... Chúng tôi không thể hiểu được và trước đó chúng tôi cũng không tưởng tượng được... Có phải đó là lễ vật mà những anh em thù nghịch tặng cho dân chúng nhân dịp kéo cao ngọn cờ máu mọ lên kỳ đài? Có phải đó là chiến thắng... Nếu cụ Hồ Chí Minh có mặt ở đây, nếu những người khác có mặt ở đây...

Một lần trở lại

9/4. Tôi trở lại Huế một lần nữa, chuyến đi thứ ba trong một thời gian ngắn, thời gian ngắn những biến cố lớn xảy đến dồn dập. Khi tới Huế lần đầu: cuộc chiến tàn khốc nhưng những thị trấn đang trong cuộc sống cực điểm của sự phồn thịnh giả tạo, của những cách biệt lớn lao với nông thôn, không phải chỉ là sự xa hoa nhưng là giữa một nơi tan hoang vì cuộc chiến và một nơi phồn thịnh vì cuộc chiến. Đời sống giữa những hầm hố trong những cánh đồng trống và đời sống trong những cao ốc với đầy đủ máy lạnh, ti-vi... Sửa soạn một cái Tết lớn không phải chỉ có ở Sài Gòn mà Huế cũng có những bánh pháo thật dài cùng với rượu mạnh bánh mứt, những quần áo mới may cắt trong ngăn tủ. Giữa những châu rượu whisky, bên những gói thuốc lá Mỹ, kẹo Mỹ mọi người nói đến chiến tranh hòa bình, chống chiến tranh. Tôi sống không khí đó ở Huế lần thứ nhất khi tới đây. Cố đô đông vui, những buổi chiều uống rượu cười ngất, những người con đất Huế đi làm ăn xa trở về với những bộ mặt tươi cười. Rồi Huế lần thứ nhất hai ngày sau đó tiếng súng nổ, những bộ quần áo mới chưa kịp mặc, rượu chưa kịp uống, lời chúc chưa được gửi tới

những người khác, những canh bạc lớn ngồi chưa ấm chỗ, và Huế kéo dài một thời gian kinh khiếp trong tiếng súng AK, bom đạn, B40 và những huyết tập thể. Tôi tới Huế lần thứ hai khi những tiếng kêu thất thanh vừa ngừng nhường cho những lời khóc than thảm thiết, những xác chết được đào lên, những miếng vải trắng được quấn trên đầu, thị trấn với những ngôi nhà rỗng, những khuôn mặt thất thần, những lo âu tràn ngập, những vội vàng ra đi. Huế sống những ngày hót hải khi vừa thoát ra khỏi cơn ác mộng hãi hùng, những nhìn ngó hoài nghi, những thăm thì lén lút cùng với những điều không muốn nói, không muốn nhắc. Không phải chỉ là dấu vết những lỗ đạn, hố bom... Những dấu vết có thể hàn gắn được, những đổ nát có thể dựng lại, nhưng có những dấu vết sẽ không mất được, không phai được, không phải cho người đang sống mà còn cho những người phải sống nữa... Đó là nỗi tan hoang của tin tưởng, dấu chàm bất lực trong lương tâm, sự thật trong kiếp sống, nỗi cay đắng ngọt ngào một ảo tưởng. Trở lại Huế lần thứ ba dư vang những ngày cũ vẫn còn đó: vẫn mối lo âu pháp phòng cùng với những hàng tít lớn trên những tờ nhật báo đến muộn, đó là áp lực của địch, con số những sư đoàn địch có mặt chung quanh thành phố, những tiên đoán về một trận tấn công mới. Những người có của, có thể lực dời khỏi thành phố một cách lặng lẽ, những thuyền chuyển vì công vụ... Đường phố đã bớt bụi đỏ với chiếc xe phun nước chạy qua, một ít căn nhà đã được sửa chữa lại, ít khoảng tường vôi mới, cây cỏ đã hồi sinh sau một vài trận mưa, bây giờ Huế không đông vui như trong năm, không hót hải như sau biến cố mà bây giờ Huế lặng lẽ buồn ngủ hẳn xuống trong sinh hoạt bình thường của nó... Chừng như Huế đang cúi đầu sống lui trở lại không khí những ngày cách đây trên

mười năm với những bản khoả, dần vật lặng lẽ ẩn giấu...

Nét mới trong sinh hoạt: những nữ sinh áo trắng tới trường chen nhau qua cầu, trên phà, qua thuyền. Những sinh viên với chiếc huy hiệu bức tường thành xanh biển, nền trời đỏ và mũi nhọn đâm thẳng gắn trên vai áo, trên mũ; bộ quần áo ka-ki màu vàng, họ nói cười trên đường phố, tụ tập trước Phú Văn lâu. Một giáo sư nói với tôi về không khí lớp học, tới sự ngỡ ngàng buồn chán của chính mình và sự ngỡ ngác của những người ngồi trên những băng dài. Đi học, chắc là thời nào cũng thế, những học sinh chỉ học khi nghĩ về, hướng về một tương lai nào đó, và tất nhiên không khí học phải là một không khí yên tâm, không những lo âu vấp quẩn lấy quanh mình.

Còn bây giờ? Tương lai của họ? Thực tế họ đang sống và cái chết? Sự trái ngược giữa những điều giảng dạy và thực tế họ đang sống. Còn sự phi lý nào hơn? Bài tập đọc về một làng quê thanh bình có lũy tre xanh, con sông hiền lành uốn khúc, có tiếng sáo diều. Còn bây giờ làng quê ở đâu? Những nền đất trống, con sông đục ngầu lơ lờ những xác chết, tiếng bom đạn ngày đêm... Còn bao nhiêu cái khác nữa... Vị giáo sư nói rồi mỗi một điếu thuốc châm hút, nhưng vẫn làm những việc phi lý đó, học sinh, sinh viên vẫn tới trường, giáo sư vẫn tới lớp và cuối tháng lĩnh lương cùng với cuộc chiến...

o

Câu chuyện về hoàn cảnh cô bé không biết mặt ấy lại được nhắc đến với tất cả vẻ tội nghiệp. Với người cha mất tích, đàn em nhỏ, với tuổi mười tám của một cô gái trong thành phố đã phải bơi lội lên mặt theo chân những đám đông đi tìm xác người cha, tôi nghĩ tới hai bàn chân nhỏ nhắn, trắng trẻo không giày dép với bộ quần áo rách bần đi

lấn vào trong những đám đông, nhìn mặt hết xác chết này tới xác chết khác để rồi lại trở về với những khắc khoải. Nhưng sau đó xác người cha đã được kiểm thấy, dấu vết nhận mặt là chiếc mũ. Ba tháng rồi mà những cuộc tìm kiếm người đi vẫn còn tiếp tục. Dấu vết cho ta thấy những người đi đều đã chết, trừ một số thật ít ỏi. Điều đó khiến cho những ai có người thân còn biêt tìm chưa tìm thấy xác không thể yên tâm: không muốn xác chết kia được chôn vùi một cách tội nghiệp.

ĐOẠN CỦA NGỌC VIẾT CHO MỘT NGƯỜI BẠN: Hai đứa đi dọc theo bờ sông vượt qua chiếc cầu nhỏ thì đến trường. Sương vẫn chưa tan. Trên ngọn cây, dưới mặt sông lơ nhơ những vệt trắng đục. Hoa sầu đông còn xòa cành xuống nước. Đã cuối mùa xuân rồi đó. *Hoa thương nhớ ai mà hoa mọc đường đi.* Tôi hát thầm như dỗ dành mình qua cơn lao lung bồi hồi. Quỳnh lặng lẽ dắt chiếc xe đạp đi bên. Lời kể nghẹn ngào cách quãng. Tôi biết tôi đang nghe và tôi cũng biết tôi đang khóc. Nước mắt ấy cho tôi hay một người nào khác? Sân trường vắng, còn quá sớm. Trường Văn-khoa đã đổ nát nên dời lên vùng Bến Ngự xa xôi này, trước kia là trường Mỹ-thuật. Chúng tôi đứng bên nhau. Tôi thoáng thấy đôi mắt Quỳnh những sợi gân máu đỏ, không còn đôi mắt trong xanh những ngày nào... Những ngày tháng cũ thấp thoáng trong trí nhớ: những năm trung học trong trường Đồng Khánh, ngày mười tuổi năm đệ thất chúng tôi quen nhau. Nửa năm sau đó mẹ Quỳnh qua đời. Bảy năm trung học tôi không thân với Quỳnh dù rất yêu thương vì Quỳnh hiền, đảm thắm, lặng lẽ còn tôi thì tinh quái, nghịch ngợm, ham vui. Trong một lần tâm sự, Quỳnh khóc nhớ người mẹ hiền, tôi đã viết cho Quỳnh một lá thư, chừng như trong đó tôi muốn Quỳnh nghĩ tới một thứ kiêu hãnh trong

bất hạnh. Bây giờ tôi muốn nhắc lại với Quỳnh những kỷ niệm nhạt nhòa nhưng đầm thắm, thiết tha ấy, nhưng tôi sợ nghe thấy tiếng nói của chính mình trong buổi sớm mai lặng lẽ. Trận chiến thê thiết đã đến với thành phố dịu dàng những kỷ niệm ấu thơ, đã cướp mất ba yêu của Quỳnh. Giọng Quỳnh trở lại đều đều: Mình không nhớ đã đi đến bao nhiêu hầm xác. Khuôn mặt nào mình cũng cúi nhìn thật gần nhưng không thấy ba mình. Đường gồ ghề nhiều lúc phải đi chân đất. Chẳng biết sợ là gì nữa. Lá trầu phải nhét đầy mũi. Da mặt bỏng rát vì nắng và các loại dầu để tránh mùi tử khí. Mình không để cho nước mắt chảy giữa những tiếng khóc la của những người chung quanh. Có lúc mình tưởng mình đã trở thành chai cứng. Mấy đứa em thì chưa biết gì. Mỗi lần thấy mình trở về liền theo sau hỏi: tìm ra không? Thấy không? Chúng tỉnh táo vô tư như thăm hỏi một ai xa lạ. Mình thấy khổ tâm vô hạn và ngò vực luôn nghị lực của mình... Lâu rồi, đêm đến mình không nhắm mắt được. Hình ảnh xác chết và bao nhiêu điều phải nghĩ. Nhiều lúc ao ước được ngủ để xem ba có hiện về không... Nhưng qua những cơn thiếp ngủ chập chờn mình không nghe thấy một tiếng nói chờ đợi nào... Mình vẫn cố hy vọng là ba mình chưa chết... Tôi nín thình nhìn ra đoạn sông quanh co. Tôi không có gì để nói, để an ủi người bạn. Tôi không muốn dối mình và dối ai. Tôi nghĩ tới niềm hy vọng mong manh của Quỳnh.

Bè bạn đã đến đông đủ, tôi cố nghĩ thế. Chúng tôi không còn tiếp tục câu chuyện. Ông khoa trưởng bảo nam sinh viên ghi tên học quân sự còn chúng tôi thì chờ ngày đi học. Tôi nghe loáng thoáng về những câu chuyện chung quanh, chuyện tổng động viên, hoãn dịch, giáo sư trong Sài Gòn không chịu ra dạy dù đã được bảo đảm về chỗ ở, máy bay,

những di chuyển cần thiết, chuyện người lên núi, chuyện di chuyển trường vào Sài Gòn, chuyện một số chúng chỉ phải bỏ, chuyện bạn bè và những kỷ niệm bản thân ngày kinh hoàng cũ... Tôi và Quỳnh trở về con đường cũ, Quỳnh đạp xe về chợ, tôi lững thững một mình trên đường vắng. Khi tới cây cầu gãy, dốc đứng. Tôi nghĩ sao quên không đi dò. Tôi xách giày, nín sợi dây thừng bước từng bước ngắn. Tôi nghĩ tới quãng thời gian chúng tôi vừa trải qua, bất giác tôi nôn nao bồi hồi. Nhiều đêm thức dậy, tôi nghe như có một tiếng nói nào đấy. Có định mệnh cho mỗi người? Tôi là kẻ hạnh phúc sao? Hương sầu đông, hương dạ hợp nào đó trong đêm? Có lúc tôi cảm thấy băng khuâng dịu dàng. Cảm giác như xô tôi tới một khoảng không chói vói, bao la nhưng êm dịu dị thường. Có thật không? Trái tim vẫn khó bảo. Có phải định mệnh đã bắt đầu đó không? Vực thăm hay vườn cây trái chín? Những điều nào đó tôi không thể nói. Cũng như với Quỳnh. Có phép lạ nào chẳng. Phép lạ nào khiến những người thân yêu mất tích trở về tươi cười với giọng nói đầm ấm thân thuộc. Phép lạ nào cho những người một sớm một chiều nằm xuống, chết đi đứng dậy khỏi những nắm mồ không áo quan, đi qua những con đường thân quen, bước qua ngưỡng cửa với bóng dáng quen thuộc với tiếng nói ngọt ngào. (Như một người ở xa trở về nhà sau một thời gian vắng mặt).

Ngày 20/4. Trở lại Huế lần này với tôi là một trạm đỗ, tôi muốn ngừng lại đó trước khi lên đường đi Quảng Trị, Khe Sanh... Những nơi người ta đã nói nhiều tới mà tôi muốn nhìn tận nơi, nghe tận nơi về cuộc chiến tranh này, cuộc chiến mà nhiều khi với tôi như một bóng ma, một cuộc chiến không biết bao khuôn mặt mà nhiều khi tôi thấy lạ với nó. Có những điều tôi có thể hiểu, có những

điều tôi có thể nghe giải thích để hiểu, nhưng có những điều tôi không hiểu mà cũng không ai giúp tôi hiểu được. Cuộc chiến nào rồi cũng chấm dứt. Tới Huế lần này với bối cảnh của một viễn tượng đã mở ra: Mỹ và Bắc Việt đã đồng ý mở cuộc gặp gỡ nhưng chưa thỏa thuận nơi hẹn gặp, và như thế có một hy vọng nào đó. Riêng tôi, tôi không tin một kết cấu đơn giản. Không bận bịu với công việc trong khi chờ đợi lên đường tôi có nhiều thì giờ để đi lang thang hơn, có nhiều dịp hàn huyên với bạn hữu hơn. Một vài người đang trên đường hành quân, một vài người đã đi khỏi, chỉ còn lại một vài người. K. sau một thời gian vắng mặt đã trở lại. C. và gia đình đã trở lại cuộc sống bình thường với chờ đợi một ngày dời khỏi thị trấn... Đi sống ở Huế khiến tôi không thể quên anh T. một bạn thân lớn tuổi đã sinh trưởng, lớn lên ở Huế rồi ra đi... Tôi không quên những điều anh đã nói về Huế, nhất là vào thời những đoàn thanh niên lên đường vào Nam-bộ, những tiếng hát đầy nhiệt tình, hào khí, thời của những anh hùng. Tôi vẫn nghĩ như thế, hình ảnh những chuyến xe lửa rời sân ga hú còi ra đi cùng với những tiếng hát, những lời hò reo và đâu đó những giọt nước mắt bụi ngùi thân thiết, những người ra đi độ đó nay còn những ai? Rồi thời gian những ống nước trong thành phố được đào lên đúc lựu đạn, những ra đi thầm lặng... Bảo Đại đã thoái vị ở đó, kiếm vàng được trao tay ở đó, và cũng ở đó, sau này nhà vua cuối cùng của nhà Nguyễn trở về khôi phục một triều đại mới. Tôi có nhiều kỷ niệm với Huế trong thời gian Huế truất phế Bảo Đại, thời kỳ những cuộc biểu tình võ trang tuần hành... Những hình ảnh nay vẫn chưa phai nhòa... Bao nhiêu dời đổi, bao nhiêu biến cố trong thành phố đó, tôi nghĩ tới tình cảnh một người nào đó sống qua

từng ấy biến cố, từng ấy những tháng ngày của một lịch sử... Và rồi còn những ngày tháng sẽ tới đây nữa...

C. nói tới chuyện ông R.V. đã phải mua một viên đá năm ngàn đồng, một viên đá để kê chân trong khi bị ông C. giam vào trong hầm, nơi đó chỉ đứng vừa người, dưới là nước bắn đầy những chuột mò lên cắn chân, không nhúc nhích được, trên đầu thì nước chảy xuống... Tôi hình dung cảnh giam cầm đó mà rung mình, không phải chỉ có một hầm, có những chín hầm và không phải một mà nhiều người đã phải chịu cảnh đó... Tôi cũng nghe nhiều chuyện nữa về thủ hiến G. và những người con gái tội nghiệp nào đó. Cùng đó tình cảnh những bà thứ phi suốt đời không được biết tới ông vua... Cổ đô ấy bao nhiêu trang thảm sử kỳ bí, bao nhiêu nước mắt, bao lời kêu than, bao cuộc đời nằm xuống không nhắm được mắt, bao nhiêu thẳm vụng vùi sâu, giấu kín... Đi trong những lòng đường buổi chiều sau cơn mưa ẩm ướt, sương lam vương trên những ngọn cây, cỏ dại hai bên, trong không khí tịch mịch tôi tưởng như đi trong một cõi âm nào mà tiếng thở dài bần bật của những cô gái Chiêm chừng như còn quanh quất đâu đó... Con đường hơi thở lạnh lùng nào còn tròn trịa ma quái...

Lần này trở lại Huế tôi nghe tin V.L. đã lấy chồng, đám cưới trên hai chiếc xe xích-lô, rồi cũng trên một chiếc xích-lô hai vợ chồng đi thăm những người bà con... Tôi muốn tìm gặp cặp vợ chồng đã cưới nhau trong ngày khói lửa cũ, khi cây cầu đã bị sập, dù vậy đám cưới vẫn diễn ra, người cha cùng người con qua cầu đón người con dâu trở về rồi cùng nhau đi chạy loạn, nhưng tôi đã không tìm gặp được, tôi mong cho cặp vợ chồng đó cho tới ngày hôm nay vẫn còn tiếp tục tuần trăng mật ở một nơi yên hàn. Nhưng trên quê hương chúng ta còn chỗ nào yên hàn, còn chỗ

nào không có tiếng súng nổ... Chúng tôi quả thật đã không được biết thế nào là một gương mặt hạnh phúc toàn vẹn... Cha chú chúng tôi đã có hạnh phúc dù trong nô lệ... Đêm nay tôi ngủ thấy mùi hương dạ-hợp, thứ hoa lần đầu tiên tôi được biết, còn bao nhiêu hương thơm, bao nhiêu những giống hoa lạ, còn bao nhiêu những tặng vật tạo hóa trao tặng cho con người mà chúng ta không nhận được. Giác quan và trí khôn của chúng ta mù lòa thui chột, què quặt mà chúng ta không biết. Tội nghiệp cho chúng ta biết bao nhiêu. Phải thế không? Cảm ơn người. Trở về ngồi trên hiên nhà này tôi nghĩ tới một lúc trở lại: căn nhà không còn, người xưa đã ra đi... *Sân rêu chẳng vẽ dấu giày. Tiếng kiêu đồng vọng...* Nếu lần trở về ấy là một mùa xuân tôi nhớ tới Thôi Hộ và câu thơ của Nguyễn Du *Hoa đào năm trước còn cười gió đông...* Se sắt biết chừng nào nếu trong một lần trở về như thế...

H. nói với tôi: anh mâu thuẫn trong bài viết đó... Tôi không giải thích thêm một điều nào, từ lâu nay tôi không còn giải thích bởi vì mỗi lúc tôi một nhận thấy: tiếng nói mất nghĩa, tự nó bằng những lời đã có còn hơn là thêm vào. Có những ngộ nhận nhưng tôi nghĩ tới một lúc những ngộ nhận đó sẽ hết, chỉ còn lại sự thật, còn lại điều tôi muốn nói với người này người khác. Sống làm người hùng hoặc làm thằng hèn. X. có còn nhớ điều đó của anh D. đã nói không? Tôi nghe anh D. nói với tôi điều đó. Nhưng nếu tôi không chọn như anh D. nói? Không có cách chọn lựa nào khác sao? Tôi muốn những anh em lên núi nghĩ tới, tôi thành thực nghĩ như thế. Có lúc tôi nghĩ: có lẽ vì vậy tôi đã không hành động được, nhưng... Th. nói với tôi những hoạt động, những liên hệ, tôi nói tới một phương thức khác... Đêm ngủ trong nhà bác D. chiếc giường ba người, câu chuyện

chạy quanh một sự thực... bao giờ cho mọi người cùng nghĩ tới một việc, quên mình, bỏ những tranh chấp nhỏ nhặt về quyền, lợi, danh... Bao giờ? Nếu mình ngồi lại được với nhau. Bài học của những kinh nghiệm nào đã đến rồi đi?

Đọc tờ báo, N. nói với tôi về một dòng ghi về chiến tranh đáng kể nhất: *Không không. Tôi không nghĩ gì hết. Nếu cần thì nên chép câu này: Chiến tranh, ôi quá nguy, quá nguy!* Đâu phải chỉ bây giờ mới có. Nhưng chúng ta trong nhiều thời gian đã ngoảnh mặt đi. Đã bị tai... N. nói với tôi: hãy quên, hãy quên. Tôi cũng mong ước như thế. Tôi đọc được mấy dòng đầu một bài thơ:

*Cho tôi trở lại một ngày
Nhìn rõ mặt anh em bè bạn
Sum họp dưới mái trường
Không còn ai ghi danh chỉ điểm
Không còn ai chủ nghĩa đấu tranh
Không còn ai nhân danh lý tưởng cao xa mơ hồ
Cho tôi trở lại một ngày
Không còn nghe tiếng khóc căm hờn dưới mộ
Không còn nghe tiếng khóc ngậm ngùi trên thế gian
Tôi phải làm gì đây
Khi nghe tin những trẻ thơ vô tội
Cũng bị chết như những kẻ gian tà
Hay anh cho rằng những kẻ vô tội hôm nay ngày mai sẽ
phải phạm tội.
Hay anh cho rằng con người sinh ra vốn tội lỗi
Nên phải giết chết con người
Cho tôi trở lại một ngày
Được thấy bầu trời xanh buổi sáng¹*

Bầu trời xanh buổi sáng, điều đó vẫn có nhưng chúng

ta không được thấy. Còn bao nhiêu tặng phẩm khác của tạo hóa dành cho chúng ta. Tôi nhớ tới: thích gì ta thích ngủ thôi...

Ví dụ anh hoặc em được sinh ra, sống trong một căn nhà, chỉ có một căn nhà, bốn bức tường phẳng thẳng nhiên, căn phòng ấy rộng hoặc hẹp, ở đó không có gì khác với những bức tường và một vài vật dụng khác như cái bàn, cái ghế, chén ăn cơm... ở đó không có bóng dáng một sự vật nào khác, không hề có tới một bóng cây, ngọn cỏ, ở đó không ai nói tới một ý niệm nào về ngôi nhà, khu vườn, quê hương, tổ quốc, dân tộc, không bao giờ nói về gia đình, anh em... tất cả chỉ có một mình anh, hoặc một mình em, hay một mình bất cứ con người nào (em hãy nhớ: đó vẫn chỉ là một ví dụ). Cho tới một khi mình lớn lên, lúc đó có người sẽ nói với chúng ta một quê hương, một ngôi làng, một tổ quốc, một thành phố... Em thử nghĩ: lúc đó em sẽ thấy thế nào? Ví dụ thế. Anh nghĩ lúc đó em sẽ lắc đầu, bởi vì trong tâm trí em, cũng có thể nếu là anh thì trong tâm trí, cũng chỉ vang lên tiếng gọi mơ hồ về một ý niệm nào đó, không có gì khác, trong tâm trí chúng ta sẽ không có hình bóng một lũy tre xanh, cây đa đầu làng, dòng sông nước chảy êm đềm, con phố hàng cây cao, ngôi nhà trong khu vườn cây trái... Chúng ta sẽ không biết được, phân biệt được đâu là hương sầu-đông, hương dạ- hợp hay hương hoa bưởi buổi sớm mai trong vườn nhà, chúng ta không biết một cái sân nhà, hiên nhà... Có lẽ ngay bây giờ nữa khi được hỏi như thế chắc em cũng lắc đầu: không bao giờ như thế, cho dù anh vẫn nói đó là một điều giả dụ...

Ví dụ thế. Điều ví dụ đó không phải là một điều bỗng nhiên chợt đến chợt đi, không phải là nó không thể không đến... Điều gì cũng có thể xảy ra được. Câu nói đó thường

được gọi đến, nhắc đến trong thời đại chúng ta. Một sớm mai này thức dậy em có thể nghe tin hòa bình đã đến, không còn ai đánh nhau, cũng có thể em được tin anh đã chết. Cũng như anh hôm nào nghe tin em đã biệt tích... Điều gì cũng có thể xảy ra. Cũng có thể sớm mai này khi thức dậy em thấy anh đang ngồi nơi hàng hiên nhà... và rồi ngay đó em nhìn thấy anh đã nằm chết thản nhiên và em có thể tìm thấy một viên đạn ghim vào ngực máu nóng chảy chan hòa...

Điều gì cũng có thể xảy ra, như cơn bão thản nhiên của cơn cuồng nộ một sớm kia đã đến thành phố, buổi sáng mai thức dậy em nhìn thấy ngọn cờ máu mạ trên kỳ đài và lòng bàng hoàng... cũng như anh đã đến tình cờ như một định mệnh và gặp em. Điều gì cũng có thể xảy ra nhưng có một điều: những gì đã mất sẽ không bao giờ còn trở lại một lần thứ hai. Em sắp rời khỏi thành phố thân yêu đó, nó không phải là nơi em sinh trưởng, anh vẫn muốn nghĩ như thế. Nhưng chính tại đó em đã lớn lên, đã sống với, đời sống nó gắn liền với đời sống em, nó trở nên thành phố quê hương, có lẽ niềm gắn bó giữa em và thành phố đó cũng như sự gắn bó giữa anh với ngôi làng, nay anh đã rời khỏi, để từ đó sống nay đây mai đó không còn có nơi để trở về như một quê hương, quê hương lớn còn đây nhưng quê hương nhỏ đã mất khiến cho quê hương nhiều khi cũng mất đi trong anh phần nào gắn bó. Anh sợ em sắp mất đi điều anh đã mất... Em có bao giờ nghĩ tới điều đó không?...

Tấn thăm kịch đã qua đi màn thứ mấy? Rồi những màn nào sẽ diễn tiếp trên sân khấu của quê hương này? Chúng ta có thể làm được gì? Quả thật chúng ta đã bất lực quá lắm. Nhưng không có nghĩa... Anh vẫn nghĩ rằng anh đang trở về một quê hương mong ước. Chúng ta không có một

ĐẤT HỨA nào khác ngoài mảnh đất nhỏ bé và đau khổ này.
Phải thế không?

22/4. Quảng Trị.

¹Thơ Phạm Đăng Thiêm, trong Thực Hiện.

ĐỊA NGỤC CÓ THẬT
CỦA DƯƠNG NGHIÊM MẬU
DO VĂN XÃ XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
GIẤY PHÉP SỐ ; 458/BTT/NHK/PHNT.
SAIGON NGÀY 29/1/1969
NGOÀI NHỮNG ẤN BẢN THƯỜNG CÒN
IN 100 ẤN BẢN CHÍNH KHÔNG BÁN.

Điểm mặt thủ phạm Liên Thành

*(trích trong “Huế Thảm Sát Mậu Thân” TỘI ÁC ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM)*

Chúng chính là Hồ Chí Minh, đảng cộng sản Việt Nam, và những tên tay sai cơ sở, nằm vùng tại Huế. Hồ Chí Minh, đảng cộng sản Việt Nam là những kẻ chủ mưu, đưa ra sách lược cho bọn thừa hành là những cơ sở nằm vùng của Việt cộng trong Phật Giáo, học sinh, sinh viên, trong giới trí thức, tiểu thương, v.v. tại Huế, là thủ phạm trực tiếp nhúng tay vào vụ thảm sát 5.327 thường dân vô tội, và bắt đi mất tích 1.200 người trong vòng 26 ngày khi bọn chúng tấn công chiếm Huế kể từ 2 giờ 33 phút sáng ngày mùng hai Tết năm Mậu Thân 1968. Đây là một cuộc tàn sát đẫm máu, kinh hoàng nhất trong lịch sử Việt Nam, một hành động vô nhân của đám người không còn có tính người. Hồ Chí Minh, đảng cộng sản, và những kẻ nội tuyến nằm vùng tại Huế họ là ai? Có phải họ là những người Việt Nam không ? Sao họ nỡ đành lòng giết những người Huế vô tội cũng là người Việt Nam như họ?

Cuộc tàn sát đẫm máu Mậu Thân 1968 tại Huế đã trôi

qua gần nửa thế kỷ, vậy mà hằng năm mỗi độ xuân về Tết đến, vết thương Mậu Thân lại tái phát, rỉ máu, đau nhức, trong lòng người dân Huế, cho dù họ đang ở quê nhà, hay đang mang thân phận tỵ nạn, lang thang khắp mọi nơi trên thế giới...

Vết thương đó, niềm đau đó đã hơn bốn mươi hai năm trôi qua, vẫn còn như quá mới, thời gian là liều thuốc tốt nhất vẫn không thể chữa lành vết thương trong lòng người dân Huế.

Ông trời có mắt không? Chúa, Phật, thần linh còn có biết không? Sao không trừng phạt bọn chúng, sao dám người gây ra tội ác tày trời này vẫn sung sướng nhớn nhoe, vẫn hãnh diện với cái mà bọn chúng cho là chiến thắng Mậu Thân, và rồi còn chối tội và vu khống cho kẻ khác gây ra tội ác chiến tranh này chứ không phải bọn chúng.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2008, tức là ngày 25 tháng chạp năm Đinh Hợi, Trung ương đảng cộng sản Việt Nam đã tổ chức một cuộc mít tinh, diễn hành kỷ niệm bốn mươi năm “Chiến Thắng Mậu Thân” tại thành phố Sài Gòn, trước mặt dinh Độc Lập cũ. Nhiều cấp lãnh đạo cũ và mới của trung ương đảng cộng sản đều có mặt trong buổi lễ này. Bí thư Thành ủy Lê Thanh Hải, mở đầu bằng bài thơ của Hồ Chí Minh chúc Tết đồng bào đọc vào đêm giao thừa 1968, bài thơ chính là mật lệnh của tên sát nhân Hồ Chí Minh ra lệnh cho lực lượng quân sự của hắn ta tấn công toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam, gây tang tóc điêu linh cho biết bao nhiều dân lành vô tội.

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

Thắng trận tin vui khắp mọi nhà

Nam bắc thi đua đánh giặc Mỹ

“Tiến” lên! toàn thắng ắt về ta.

Trong khi tại Sài Gòn đảng cộng sản làm lễ kỷ niệm mừng “Chiến Thắng Mậu Thân”, thì chỉ 5 ngày sau, ngày 6 tháng 2 năm 2009, tại cố đô Huế, trên 6 ngàn gia đình nạn nhân, trong âm thầm làm lễ tưởng niệm những thân nhân ruột thịt của họ vô có bị Hồ Chí Minh, đảng cộng sản Việt Nam và đám tay sai nằm vùng sát hại. Thật là trớ trêu, oái oăm, đau xót vô vãn.

Những năm gần đây, đám sát nhân còn sống bắt đầu chối tội: Lê Văn Hảo, Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Thị Đoan Trinh, v.v.

“Chúng tôi không có mặt trong trận đánh. Chúng tôi ở tuyến sau của mặt trận”.

Đại Tá Việt cộng Bùi Tín và chính đồ tể Nguyễn Đắc Xuân thay mặt đảng cộng sản thì nói rằng: “Số người bị chết ở Huế là do bom đạn của Ngụy Quân, Ngụy Quyền và đế quốc Mỹ sát hại. Do đế quốc Mỹ, Ngụy Quân, Ngụy quyền giết đồng bào Huế rồi đổ tội cho bọn chúng hầu làm giảm bớt lòng thương mến của dân chúng Huế đối với bọn chúng”.

Cuốn *Biến Động Miền Trung* ra mắt đồng bào quốc ngoại, quốc nội vào tháng 5/2008, vạch trần tội ác của Hồ Chí Minh và chính trị bộ đảng cộng sản Việt Nam trong biến cố Mậu Thân 1968.

Tháng Giêng năm 2010, ủy Ban Truy Tố Tội Ác đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập bởi tác giả *Biến Động Miền Trung*, cựu Thiếu tá Chỉ Huy Trưởng BCH/CSQG Tỉnh Thừa Thiên và Thị Xã Huế, cùng một số bạn đồng sự, các thân nhân của nạn nhân bị thảm sát, ủy ban đang thu thập bằng chứng tội ác của Hồ Chí Minh, đảng cộng sản Việt Nam và đồng bọn để truy tố bọn chúng ra tòa án quốc tế về tội tàn sát 5.327 Dân, Quân, Cán, Chính VNCH trong thời gian hưu chiến tại Huế vào Tết Mậu Thân 1968, và bắt đi

mất tích 1.200 người.

Tôi, năm 1966 là Thiếu úy Liên Thành, từ quân đội biệt phái về BCH/CSQG/Thừa Thiên-Huế, giữ chức vụ Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt, tức ngành tình báo, từ tháng 6-1966, mãi đến sau Mậu Thân 1968, và sau đó là Trưởng Ty CSQG/Thừa Thiên-Huế cho đến đầu năm 1975. Trong thời gian Mậu Thân 1968, ngoài chức vụ Phó Trưởng Ty CSDB, vì nhu cầu chiến trường và an ninh lúc đó, Trung Tá Tỉnh Trưởng Phan văn Khoa bổ nhiệm tôi kiêm nhiệm Quận Trưởng quận III thị xã Huế.

Bằng mắt thấy tai nghe, bằng hành động chống trả lại địch quân, có thể nói tôi là chứng nhân trong hai mươi sáu ngày Việt cộng tấn công, chiếm Huế, và tàn sát man rợ đồng bào Huế.

Tôi cố gắng nhớ lại những gì đã xảy ra trong 26 ngày kinh hoàng này, để viết lại thật rõ ràng với niềm ước mong để lại cho thế hệ sau và cho những ai muốn nghiên cứu, tìm hiểu, một giai đoạn đau thương và kinh hoàng nhất của dân tộc, khi mà Hồ Chí Minh, đảng cộng sản Việt Nam, và tay chân, cơ sở nằm vùng của họ đã thi hành chính sách “Bạo Lực Đỏ”, nhằm răn đe, và ép buộc dân chúng Huế hưởng ứng cuộc “Tổng nổi dậy” do ông ta và đảng cộng sản Việt Nam chủ trương, trong thời gian quân cộng sản chiếm Huế vào mùa Xuân 1968. Nguyên do cuộc Tổng công kích, Tổng nổi dậy Mậu Thân 1968:

Cuộc “Tổng công kích” và “Tổng nổi dậy” trên toàn cõi miền Nam Việt Nam vào mùa xuân năm 1968, do Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam thực hiện, khởi đầu từ ý niệm vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh, hỗ trợ cho đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam, trong giai đoạn đầu của cuộc

hòa đàm Paris.

Tài liệu giải mật của Hà Nội cho thấy: “Tại hội nghị Trung Ương lần thứ 13, kể từ ngày 23 đến ngày 26 tháng 11 năm 1967, Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh của Hà Nội, trình bày đề cương báo cáo về công tác đấu tranh ngoại giao nói rằng: Để đánh bại kẻ thù hết sức ngoan cố và xảo quyệt là Đế quốc Mỹ xâm lược, ta phải giữ vững quyết tâm cao độ, nắm vững phương châm chiến lược, đồng thời phải biết cách đánh thắng địch, vận dụng sách lược khôn khéo, giành thắng lợi từng bước...

Vì thế, từ những tháng đầu năm 1967, Quân ủy Trung ương và Bộ Tư Lệnh quân đội nhân dân Việt Nam lập tức khởi thảo kế hoạch chiến lược Đông-Xuân 1967-1968, tận dụng tình thế mới...

Tháng 5/1967, Bộ chính trị trung ương đảng cộng sản đã họp dưới sự chủ tọa của Hồ Chí Minh, để đánh giá tình hình, và xem xét dự thảo kế hoạch Đông-Xuân 1967-1968. Tháng 6/1967 triệu tập lần thứ 2, thảo luận, kế hoạch chiến lược này.

Tháng 7/1967, trong phiên họp lần này chính Lê Duẩn và Quân ủy trung ương quyết định hướng tấn công mới là: xuất phát từ rừng núi, nông thôn, đánh thẳng vào sào huyệt. Đầu não hiểm yếu nhất của địch là các thành phố, căn cứ, trung tâm. Đánh vào đó sẽ tạo được bất ngờ lớn, giành thắng lợi lớn.

Từ ngày 20 đến ngày 24 tháng 10 năm 1967. Trong 5 ngày, Văn Tiến Dũng trình bày dự thảo kế hoạch chiến lược Đông-Xuân-Hè 1967-1968. Quyết định cuối cùng của hội nghị:

Chiến dịch Đông-Xuân-Hè 1967- 1968, bắt đầu mở cuộc tấn công và nổi dậy là vào dịp Tết Mậu Thân 1968.

Ngày 28 tháng 12 năm 1967, bộ chính trị họp phiên họp

đặc biệt, dưới sự chủ tọa của Hồ chí Minh, Lê Duẩn, chính thức thông qua kế hoạch “Tổng tấn công, Tổng nổi dậy”.

Tháng 1 năm 1968, hội nghị Ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 14, họp tại Hà Nội thông qua nghị quyết tháng 12/1967 của Bộ chính trị, quyết định Tổng Công kích, Tổng nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân.

Theo kế hoạch của Quân ủy Trung ương và Bộ Tư Lệnh Quân Đội Nhân Dân thì sẽ có 2 mặt trận:

Quân chủ lực sẽ phụ trách chiến trường chính là đường số 9, Khe Sanh, nhằm thu hút và cầm chân lực lượng chiến lược của địch. Trong khi đó thì chiến trường thứ hai nòng cốt được mở là tấn công toàn diện các thị xã, thành phố tại miền nam Việt Nam, kết hợp với cuộc tổng nổi dậy của quần chúng nông thôn và đô thị.

Chiến trường chính là Sài Gòn, Trị Thiên Huế. Trọng điểm là Sài Gòn, Trị Thiên-Huế và các thành phố lớn. Thời gian tiến hành cuộc Tổng Công Kích, Tổng khởi Nghĩa được chọn vào dịp tết Mậu Thân 1968. Tuy nhiên đến ngày 21 tháng 1 năm 1968, thời điểm bắt đầu nổ súng tấn công mới xác định đúng vào đêm giao thừa. Cùng ngày 21 tháng 1 năm 1968, một mật điện của Bộ Chính Trị gửi Phạm Hùng, chỉ huy Trung ương Cục miền Nam, Võ Chí Công, chỉ huy Khu ủy Khu 5, và Thiếu Tướng VC Trần văn Quang, Khu ủy Trị Thiên, chỉ thị các đương sự thành lập mặt trận thứ hai lấy tên “Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ và Hòa Bình”.

Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ và Hòa Bình là một tổ chức tranh thủ và tập hợp thêm những lực lượng, những cá nhân chống Mỹ, Thiệu, Kỳ và tranh thủ các tầng lớp trung gian ở đô thị, đồng thời để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi ở ngoài nước.

Cần nói trước và nói rõ, lực lượng Liên Minh Dân Tộc và

Hòa Bình tại Huế được đảm trách bởi:

Đám cơ sở nội thành Việt cộng nằm vùng trong tôn giáo, trong sinh viên, học sinh, trong giới trí thức cũng như những thành phần lao động thiếu học. Lực lượng này phối hợp với ban An Ninh Khu ủy Trị Thiên, ban An Ninh Tỉnh Thị ủy Thừa Thiên-Huế, là thủ phạm đã tạo nên cuộc thảm sát ghê rợn tại Huế.

Qua các tài liệu do Cộng sản Việt Nam giải mật, chính chúng đã xác nhận chúng là thủ phạm, đã âm mưu, hoạch định và ra lệnh cho thuộc hạ thi hành.

Hoàng Phủ Ngọc Tường: Ý thức trách nhiệm hay là bắt đầu của một chung cuộc

Phùng Nguyễn

09 Tháng Chín 2015

Trong vài ngày qua, sóng gió bắt nguồn từ bài phỏng vấn “Hoàng Phủ Ngọc Tường: Đùa thôi nhé, thiên đường mộng ảo” của Nguyễn Đức Tùng tưởng đã dịu xuống, nhưng mà không. Ai cũng có nhiều điều muốn nói. Tôi cũng vậy, cũng có những suy nghĩ, nhận định về những điều được viết ra hoặc hàm chứa trong đó. Nhưng thay vì nói hết (và trở thành... nói nhiều), tôi muốn chia sẻ một vài điều mà tôi cho là vô cùng quan trọng.

Có vẻ như điều duy nhất đáng kể ở đây đối với tất cả mọi người là hành tung của Hoàng Phủ Ngọc Tường (HPNT) trong cuộc tổng công kích tết Mậu Thân ở mặt trận Huế. “Mọi người” ở đây gồm có những người tin rằng HPNT có nhúng tay vào sự kiện thảm sát Mậu Thân và những người đã và đang nỗ lực bào chữa cho ông. Làm như thể việc HPNT có mặt ở Huế vào thời điểm đó có thể quyết định được HPNT có tội hay vô tội!

Có những điều rõ ràng như con voi khổng lồ đi tới đi lui trong phòng mà chẳng ai quan tâm. Con voi của chúng ta

xuất hiện dưới dạng một câu hỏi, “Tại sao HPNT và những người bệnh vực ông đã một cách cuồng nhiệt muốn chứng minh sự khiếm diện của HPNT vào những ngày tết Mậu Thân ở Huế?” Đây không hề là một câu hỏi hóc búa, và ai cũng có thể trả lời được. Bởi vì vào thời điểm đó, Huế là hiện trường của tội ác, một crime scene, mà xét về mọi phương diện, đã khiến cho tội ác của William Calley Jr. trong vụ tàn sát Mỹ Lai trở thành một cái bóng xanh xao mờ nhạt bên cạnh nó. Nói cách khác, thảm sát Mậu Thân là tội ác chiến tranh lớn nhất của cuộc chiến tranh được gọi là “Vietnam War” hay “Chiến tranh chống Mỹ” hay “Cuộc Nội chiến” tùy thuộc vào việc ai là người đang phát ngôn. Số lượng người bị giết, địa vị xã hội và quan hệ của họ với chính quyền miền Nam, và tư thế bất bình thường của tử thi tìm thấy trong các hố chôn tập thể cho thấy đây là một cuộc tàn sát có dự mưu, khiến cho tội ác chiến tranh này trở nên trầm trọng hơn.

Làm thế nào để HPNT một mình có thể gồng gánh nổi cái tội ác này? Không thể trách HPNT nếu ông đã tìm đủ mọi cách để chứng minh là mình đã không có mặt ở đó, đã không hề nhìn thấy tận mắt cái tội ác đã diễn ra ở cố đô của nhà Nguyễn. Chính điều này, nỗ lực chứng minh sự vắng mặt của mình trong đợt Tổng công kích Tết Mậu Thân ở Huế là bằng chứng hiếm hoi nhưng đầy thuyết phục do chính HPNT và phe “cách mạng” cung cấp về sự hiện hữu của cái tội ác khủng khiếp này.

Nhưng liệu sự vắng mặt mà HPNT và những người bào chữa cho ông luôn muốn chứng minh, có giúp “gỡ” HPNT ra khỏi sự dính líu với cái tội ác này hay không? Câu trả lời đến nhanh và dứt khoát: không! Vấn đề còn lại là mức độ của dính líu và ý thức trách nhiệm của ông ta.

Về mức độ dính líu, không hề dễ dàng để xác định. Tất nhiên, đối với nhiều người, cả bệnh lẫn chống HPNT, đều muốn dựa trên việc ông có mặt hay không ở Huế, hiện trường tội ác, để gán hết trách nhiệm lên hoặc rửa sạch hết mọi tội lỗi cho HPNT. Cách này có thể đưa đến ít nhất hai sai lầm về mặt phán xét. Trước hết, một người không nhất thiết phải có mặt ở hiện trường để thực hiện và chịu trách nhiệm về một tội ác nào đó. Không phải tất cả những người bị lên án tử hình ở tòa án Nuremberg đều đã tự tay giết người hàng loạt. Họ bị kết án vì vai trò của họ trong việc thiết kế hoặc cho phép thực hiện những kế hoạch, chương trình đưa đến những tội ác khủng khiếp nhất trong Thế chiến II. Nhìn được điều này, chúng ta sẽ thấy việc HPNT có mặt hay không ở Huế vào thời điểm tội ác diễn ra, tuy quan trọng, nhưng không đủ quan trọng để quyết định mức độ dính líu của ông.

Như đã đề cập ở một phần trước, rất nhiều bằng chứng cho thấy cuộc tàn sát ở Huế trong dịp Tết Mậu Thân là kết quả của một kế hoạch soạn sẵn, mặc dù chúng ta không thể khẳng định có kèm theo chỉ thị “giết lầm hơn bỏ sót” hay không. Câu hỏi về vai trò của HPNT trong cái kế hoạch loại trừ “kẻ thù của nhân dân” như là một phần của chiến dịch tổng công kích Mậu Thân ở Huế không dễ trả lời. Điều chúng ta biết chắc là ông ta không phải là người ở vị trí chỉ huy, không phải là đảng ủy hoặc là tư lệnh tối cao của mặt trận Huế /Thừa Thiên cho nên cần phải loại bỏ cái khả năng “HPNT trực tiếp ra lệnh giết người hàng loạt.”

Trong phần trích dẫn bài phỏng vấn dưới đây, HPNT xác nhận sự bất lực của mình:

Nguyễn Đức Tùng: Nếu trong Tết Mậu Thân anh được cử về thành thì anh sẽ làm gì, có thái độ như thế nào trước

những vụ giết người?

Hoàng Phủ Ngọc Tường: Tôi sẽ không làm gì được, nhưng tôi biết chắc là tôi sẽ không giết người...

Câu hỏi kế tiếp: HPNT đã có những đóng góp nào trong việc giúp thiết kế, phổ biến, và thực hiện kế hoạch giết người hàng loạt nói trên ở vị trí Tổng thư ký của Liên minh Dân tộc Dân chủ và Hòa bình, một tổ chức tay sai của cái tổ chức tay sai Mặt trận Giải phóng miền Nam (MTGPMN)? Tất nhiên là những người có cảm tình với HPNT sẽ bảo là không, hoàn toàn không. Còn những người khác thì sẽ xác quyết rằng HPNT là kiến trúc sư của cái kế hoạch sát nhân này! Còn tôi? Tôi sẽ để mặc họ tranh cãi với nhau và tiếp tục với công việc của mình.

Tôi có một câu hỏi rất nhẹ nhàng và rất dễ trả lời. HPNT có biết gì về kế hoạch này trước hoặc/và trong hoặc/và sau khi cuộc thảm sát xảy ra?

Thật ra thì đích thân HPNT đã trả lời câu hỏi này, nhiều lần ở nhiều thời điểm khác nhau. Có thể tìm thấy câu trả lời trong lần phỏng vấn năm 1982 do hệ thống WGBH Boston thực hiện, trong đó HPNT đã phô diễn nhiều lần kiến thức của mình trong việc “trừng phạt” những người có nợ máu với nhân dân và gần đây nhất, trong bài phỏng vấn của Nguyễn Đức Tùng, ở phần trích dẫn dưới đây:

[...] Còn riêng trong vụ Mậu Thân thì giết lắm rất nhiều. Ví dụ như tôi nhớ rằng trong mặt trận Huế có phân công cho một người là ông... tỉnh đội trưởng nắm giữ mặt trận phía trái, phụ trách vùng Phú Cam. Họ giết người nhiều ở mặt trận này.

Kết luận, HPNT biết về kế hoạch giết người có dự mưu này, trước, trong, và sau khi cuộc thảm sát xảy ra.

Và tôi có cơ sở để tin rằng ông, cùng với nhiều người

khác, phải gánh chịu một phần trách nhiệm cho tội ác chiến tranh này.

Trách nhiệm nào? Bạn hỏi.

Đây là một câu hỏi kịp thời và cần thiết.

Ở phần trên tôi đã đưa ra một luận cứ để bác bỏ việc HPNT có khả năng ra lệnh giết người hàng loạt. Riêng việc HPNT có giữ bất cứ vai trò nào trong kế hoạch thủ tiêu hàng ngàn người hay không vẫn chưa ngã ngũ. Cho đến khi mọi việc rõ trắng đen, tôi từ chối lên án HPNT như là người chủ mưu hoặc giúp tạo điều kiện cho thảm sát Mậu Thân xảy ra.

Nhưng HPNT không thể nào trốn tránh trách nhiệm như là một đồng lõa trong thảm án Tết Mậu Thân. Ông đã biết được rất sớm và rất chính xác về kế hoạch giết người hàng loạt này nhưng đã chọn không sử dụng quyền hạn của mình để ngăn chặn những cuộc hành quyết trước và trong khi chúng xảy ra. Ông đã không động một móng tay để cứu vớt chỉ một hoặc hai mạng thường dân vô tội. Khi cuộc thảm sát chấm dứt, ông đã tận dụng các cơ hội được tiếp xúc với các cơ quan truyền thông quốc tế để bằng mọi cách biện minh và che đậy tội ác của phe chiến thắng, đánh tráo sự thật bằng cách đổ lên đầu quân dân miền Nam tất cả những tội lỗi do phe ông gây ra. Bằng cách đó, ông ngụy tạo vật liệu cho phe thắng trận đánh tráo lịch sử, tiêm nọc độc vào mạch văn hóa của dân tộc, di hại đến đời con đời cháu. Và ông kéo dài nỗi thống khổ của thân nhân của hàng ngàn nạn nhân vô tội của Tết Mậu Thân bằng cách từ chối giúp họ viết ra chương cuối cùng để đóng lại tấn thảm kịch này.

Tội ác và trừng phạt diễn ra dưới nhiều hình thức. Tôi cho rằng cái cơ hội có một tòa án về tội ác chiến tranh được dựng lên cho vụ thảm sát Mậu Thân sẽ vô cùng mong

manh, ít ra là trong một tương lai có thể nhìn thấy được. Tòa án công luận về thảm sát Mậu Thân thì đã diễn ra từ lâu, đặc biệt trên liên mạng, nơi Wikipedia tiếng Việt và tiếng Anh được nhà cầm quyền Hà nội, với nguồn tài nguyên vô tận từ mồ hôi nước mắt của nhân dân, sử dụng để gieo rắc điều trá ngụy nhằm gỡ tội cho phe mình.

Chỉ còn lại một thứ tòa án mà chúng ta có thể đặt vào đó một chút xíu hy vọng sẽ nhìn thấy hồi kết cuộc, tòa án của lương tri. Điều bất tiện là chúng ta, ở vị trí người quan sát, không thể tham dự vào phiên tòa này. Nó diễn ra ở một nơi chúng ta không len vào được, vào những thời khắc u ám, tối tăm trong đời sống của người đang đứng trước vành móng ngựa. Đó là bị can. Cũng là luật sư. Cũng là quan tòa. Tất cả chỉ là một người, đơn độc đối diện với lương tâm của chính mình!

Chúng ta kỳ vọng gì ở tòa án của lương tâm? Ít nhất là hai điều.

Một, hóa giải phần nào những nọc độc văn hóa mà phe thắng trận đã không ngừng bơm vào mạch máu dân tộc qua những nỗ lực “chế tạo lịch sử” với những chất liệu của trá ngụy trong hơn nửa thế kỷ. Thủ phạm chân chính của vụ thảm sát Mậu Thân cần được phơi bày, lịch sử cần được viết lại với sự thật do những người trong cuộc tiết lộ và công nhận.

Hai, mọi thảm kịch đều cần thiết phải được khép lại với sự minh bạch về nguyên nhân, hậu quả của sự kiện để giảm bớt nỗi thống khổ của người còn lại. Nạn nhân của vụ thảm sát, lên đến hàng ngàn, không chỉ là mớ xương khô ròi rã sau nhiều năm tháng. Vẫn còn đó những mảnh sọ vỡ nát, những cánh tay bị trói giật cánh khuỷu, những hơi thở bị đẩy ngược lại vào lồng ngực bởi đất đá đổ xuống cái hố

chôn tập thể trong ký ức không thể xóa đi của người ở lại. Còn đó là nỗi oan khuất buộc phải nuốt ngược vào lòng, và cùng với nó, những giọt lệ phần uất chảy lặng lẽ trong hơn 40 mươi năm dài.

Một chương mới cần được mở ra, không phải để kết thúc mà để bắt đầu cho một chung cuộc của thảm kịch Mậu Thân. Và khả năng mở ra chương sách này tùy thuộc vào kết quả của phiên tòa đơn độc mà HPNT và những HPNT đang phải đối diện.

Những ý tưởng này được viết ra trong khi có tin tình hình sức khỏe của HPNT đang suy sụp. Tôi chân thành mong ông sớm hồi phục và giữ được mình mãi cho đến cuối đời. Bởi vì ông còn có việc phải làm.

I.
Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968
Huế, 40 năm sau Tết Mậu Thân,
vết thương vẫn chưa lành
Thiện Giao, phóng viên đài RFA

Cách đây đúng 40 năm, trong chiến dịch Đông Xuân 1967 – 1968, Quân Đội Bắc Việt, dưới danh nghĩa là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đã đồng loạt tấn công vào 41 tỉnh, thành phố, thị trấn và hàng trăm thị xã miền Nam Việt Nam. Thời điểm cuộc tấn công diễn ra đúng vào giao thừa trong bối cảnh hai phía Bắc – Nam và cả quân đội đồng minh đã thoả thuận hưu chiến 36 giờ đồng hồ để người dân được yên hưởng một Tết truyền thống trong hoà bình.

Vi phạm thoả ước, Việt Cộng đã tấn công đúng vào giao thừa để dành phần bất ngờ. Chiến trường Huế, một địa điểm chính yếu trong toàn cuộc chiến, đã diễn ra ác liệt và kéo dài đến 25 ngày đêm. Khi quân đội Bắc Việt bị đánh bật ra khỏi thành phố, người dân Huế nhận ra rằng, nhiều ngàn người dân thường đã bị thảm sát, để rồi từ đó về sau, mỗi năm, Tết nguyên đán trở thành ngày giỗ người thân của hàng ngàn gia đình ở cố đô Huế.

Tưởng niệm 40 năm biến cố Mậu Thân, đài Á Châu Tự Do xin kể lại cuộc thảm sát thông qua ký ức của chính những người trong cuộc, qua đối thoại trực tiếp hay tài liệu lưu trữ.

Loạt bài gồm 5 phần, do biên tập viên Thiện Giao thực hiện.

Khuya mùng Một, rạng sáng mùng Hai Tết Mậu Thân, tức là ngày 31 tháng Giêng năm 1968, Huế bắt đầu những ngày vui, nhưng bất ngờ chuyển thành ngưỡng cửa vào địa ngục, khi tiếng súng bỗng hoà vào, rồi thay hẳn tiếng pháo...

Huế bị tấn công trong Chiến Dịch Đông Xuân 1967 – 1968 của quân đội miền Bắc chỉ một ngày sau các tỉnh, thành phố, thị trấn khác của miền Nam.

Bị tấn công sau, nhưng Huế đã trở thành chiến trường tàn khốc nhất, dai dẳng nhất.

Nếu chấp nhận một định nghĩa, rằng những tiếng đạn pháo đầu tiên qui định giờ khắc bắt đầu cuộc chiến, thì Huế bắt đầu trở thành chiến trường vào đúng 2 giờ 33 phút rạng sáng ngày 31 tháng Giêng.

Ông Nguyễn Phúc Liên Thành, Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia tại Thừa Thiên, kể lại:

“Cuộc tấn công Huế chính thức vào đêm mùng Một, ngày 31 tháng Một, 1968, rạng sáng Mùng hai Tết, lúc 2 giờ 33 phút. Những quả đạn Việt Cộng đầu tiên bắn vào phi trường Tây Lộc, bộ Tư Lệnh và một số địa điểm Quận 3, thị xã Huế.”

Huế đã nằm trong tay địch 25 ngày đêm liên tiếp. Khi quân đội Việt Nam Cộng Hoà cùng đồng minh Hoa Kỳ vẫn hồi an bình cho Huế, với cao điểm là các trận tái chiếm Đại Nội, hạ cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, dựng lại cờ Việt Nam Cộng Hoà tại Kỳ Đài ở Phu Văn Lâu ngày 22 tháng Hai, Huế đã trải qua hơn 3 tuần kinh hoàng.

25 ngày thăm sát kinh hoàng

Những kinh hoàng không dừng lại với hình ảnh của chiến tranh và âm thanh của đạn pháo.

Huế, bắt đầu một cơn ác mộng khác nữa, khi người dân Huế bàng hoàng nhận ra, rằng nhiều ngàn người dân đất thần kinh đã bị thảm sát, bằng nhiều cách khác nhau, trong đó có cả việc cột người ta lại thành từng xâu, rồi đẩy xuống hố chôn sống. Đây là lời kể của những người chứng kiến tận mắt cảnh khai quật tử thi nạn nhân.

Theo nhà báo Vũ Ánh, đương kim Chủ Bút Nhật Báo Người Việt, Cựu Phóng Viên Mặt Trận Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia Việt Nam Cộng Hoà, thì: “Ngay tại Phú Thứ, bác sĩ Lê Khắc Quyến nói với tôi là: “Đây là cách giết người của người ở thời Trung Cổ.

Ông Võ Văn Bằng, Trưởng Ban Truy Tìm và Cải Táng Nạn Nhân Cộng Sản Tết Mậu Thân, hồi tưởng: “Các hố cách khoảng nhau. Một hố vào khoảng 10 đến 20 người. Trong các hố, người thì đứng, nào là nằm, nào là ngồi, lộn xộn. Các thi hài khi đào lên, thịt xương đã rã ra. Trên thi hài còn thấy những dây lạt trói lại, cả dây điện thoại nữa, trói thành chùm với nhau. Có lẽ, họ bị xô vào hố thành từng chùm. Một số người đầu bị vỡ hoặc bị lủng. Lủng là do bắn, vỡ là do cước xẻng.”

Huế 1968, là Huế của “đàn con nay lớn khôn, mang gươm đao vào xóm làng.”

Huế 1968, là Huế của khăn xô vào áo tang trắng. Đó là những hình ảnh không thể nào quên với những ai đã một lần chứng kiến: “Mỗi lần nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế làm lễ, dân chúng đi lễ, cả nhà thờ mặc đồ trắng và để tang trắng cả nhà thờ.”, Trần Tiến San, Trung Úy Tiểu Đoàn 39 Biệt Động Quân vào năm 1968.

“Đọc đường, từ đường Lê Lợi, các quận lên mồ chôn tập thể Ba Đồn toàn khăn tang áo trắng”, Nguyễn Phúc Liên Thành, Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Lực Lượng Cảnh

Sát Quốc Gia tại Thừa Thiên, nhớ lại.

Mức độ kinh hoàng dâng lên, từ từ, từng ngày, từng tuần, từng tháng. Rồi, đến ngày 19 tháng Chín năm 1969, tức là 20 tháng sau trận Mậu Thân, Huế vỡ oà với những phát hiện về vụ thảm sát tại Khe Đá Mài thuộc quận Nam Hoà. Người ta tìm ra khoảng 400 bộ hài cốt. Những hài cốt chỉ còn xương và sọ. Thịt da đã rửa và trôi đi theo dòng nước.

Huế 1968, là Huế của “chiều đi lên Bãi Dâu, hát trên những xác người.”

Những địa danh của Huế, vốn chỉ được biết trong cộng đồng cư dân Huế, nay bỗng chốc, trở thành đề tài bán tán của dư luận, trên báo chí quốc gia, và cả quốc tế. Một Gia Hội, một Cồn Hến, một Chợ Thông, một Phú Thứ, một Khe Đá Mài, một Bãi Dâu. Ai đã thắng trận chiến dành lấy từng căn nhà, từng con đường của thành Nội, kéo dài trong 25 ngày tại Huế? Ai thắng, có lẽ, không phải là điều quan trọng? Hay ít nhất không phải là điều quan trọng nhất.

Trách nhiệm thuộc về ai?

Người dân Huế quan tâm hơn đến câu hỏi: Ai đã giết, ai đã chết, ai sẽ chịu trách nhiệm những gì xảy ra trong gần 4 tuần lễ kinh hoàng của Huế?

Học giả Douglas Pike, thuộc Phòng Thông Tin Hoa Kỳ, trong bản báo cáo hoàn tất vào ngày 1 tháng Hai năm 1970 tại Sài Gòn, đã viết, chỉ trong một trận Mậu Thân tại Huế, gần 4.800 thường dân đã chết và mất tích. Ông Pike kết thúc lời mở đầu của báo cáo bằng một khẳng định:

“Nếu báo cáo của tôi là một bản án đối với thái độ của người Cộng Sản, thì thật sự nó là như vậy đấy. Đơn giản vì thái độ ấy đáng bị lên án.”

Trong khi đó, trong một bài viết đăng trên số 33 tạp chí

Indochina Chronicle, ngày 24 tháng Sáu năm 1974, tiến sĩ Gareth Porter phản bác lại tất cả những gì ông Pike đã viết. Tiến sĩ Porter nhận định rằng, vụ thảm sát Mậu Thân 1968 tại Huế, với chữ thảm sát để trong ngoặc kép, chỉ là một câu chuyện hoang đường phục vụ lợi ích của Hoa Kỳ và chính quyền miền Nam lúc bấy giờ.

Đây là một kết luận đáng ngạc nhiên, vì ngay một cơ quan chính thức của nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là Cục Văn Thư và Lưu trữ nhà nước từng gọi việc những người miền Nam di tản hồi cuối tháng tư năm 1975 là một “tội ác cưỡng ép di cư” cũng không dám đưa ra một kết luận tương tự như thế.

Có lẽ, không ai, xin nhấn mạnh, không có bất cứ ai, có đủ tư cách và thẩm quyền để trả lời câu hỏi: Ai đã giết người dân Huế? Chỉ có thành phố Huế và người dân Huế, những nạn nhân trực tiếp của cuộc thảm sát, và những người trực tiếp tham gia công tác truy tìm, mai táng xác nạn nhân mới có thẩm quyền trả lời, và cả thẩm quyền để lên án.

Những nhân chứng của 40 năm trước hồi tưởng: “Theo những báo cáo của các cuộc cảnh sát các xã thuộc 13 quận của thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, do các xã báo cáo, khoảng 5.300 nạn nhân bị chôn sống tại tỉnh Thừa Thiên”, Nguyễn Phúc Liên Thành, Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia tại Thừa Thiên.

“Vết thương đó vẫn chưa khô máu, vết sẹo đó mỗi lần trái gió trở trời vẫn đau xót xa”, Huy Phương, cựu Phóng Viên Cục Tâm Lý Chiến, nói.

Người Huế nói gì về biến cố Tết Mậu Thân?

Và hôm nay, người dân Huế thế hệ Mậu Thân, đang sống tại Huế, nói gì?

“Gió Nam thì vỗ về gió Nam, gió Nồm thì vỗ về gió Nồm. Ngã mô cũng khổ. Không theo thì chết. Không theo thì chôn...”

“Nó xô xuống, nó dập, khổ lắm. Ở Huế đây chết nhiều cái thê thảm!”

“Toàn dân không à. Mà họ nói là ác ôn, ri khác. Ai chết thì chết. Tui chừ tui cũng sợ, tui không dám về làng.”

40 năm qua là 40 năm người dân Huế đón Xuân cùng lễ giỗ. Bốn mươi năm nhưng vết thương chưa lành. Năm nay, người dân Huế ở hải ngoại lại tổ chức lễ tưởng niệm 40 năm thảm sát Mậu Thân. Ở trong nước, giới chính quyền, giới quân sự thì tổ chức hội thảo khoa học về chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968. Một trong các hội thảo được tổ chức tại Huế.

Đến nay, đứng trước những cáo buộc suốt 40 năm của những Việt Nam Cộng Hoà cũ, và của cả giới nghiên cứu quốc tế, nhất là Hoa Kỳ, Hà nội vẫn chưa bao giờ có câu trả lời chính thức: Ai, bằng cách nào, và tại sao, đã giết hàng ngàn người Huế, trong đó có cả sinh viên, thanh niên, học sinh và phụ nữ.

Nhân kỷ niệm 40 năm biến cố Mậu Thân, ban Việt ngữ đài Á Châu Tự do chúng tôi xin được tái hiện lại, trong chừng mực có thể, dựa trên lời kể của những người trong cuộc, về những gì đã xảy ra tại Huế trong năm 1968.

Đó chẳng những là một cách để ghi lại những gì thực sự xảy ra trong chuỗi ngày kinh hoàng ấy, mà còn là để tưởng nhớ những con người đã chết oan khuất, đón đau trong một sự kiện lịch sử mà không ít người muốn chôn vùi hay gây nhiễu.

Loạt bài này gồm 4 chủ đề, trình bày các khía cạnh dân sự lẫn quân sự của trận Mậu Thân trên nền những ký ức về vụ thảm sát. Cũng trong nội dung này, hành trình truy tìm

và cải táng các mộ chôn người tập thể những tháng sau đó cũng sẽ được trình bày lại, theo lời kể của các nhân chứng, người Huế và cả các nhà báo theo dõi sự kiện này.

Trên đây là bài thứ nhất trong loạt bài “Cuộc thảm sát Tết Mậu Thân 40 năm trước” do Thiện Giao thực hiện. Trong bài kế tiếp, chúng tôi xin gửi đến quý vị những hồi ức về Huế, những ngày trước Tết Mậu Thân. Đối với người dân thường, Mậu Thân là một cái Tết bình thường như bao cái Tết khác. Nhưng, họ đã không ngờ niềm vui và những ngày hoà bình hiếm hoi đang nằm trong nỗi kinh hoàng đang đến dần. Huế, những ngày ấy, như lời nhà văn Nhã Ca trong hồi ký “Giải Khăn Sô Cho Huế,” “Đang mở cửa địa ngục.” Mong quý thính giả đón nghe.

II. Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968 Huế, 25 ngày kinh hoàng của 40 năm trước

Hôm nay, chúng tôi xin tiếp tục phần thứ nhì. Trong phần này, xin gởi đến tiếng nói của những người trong cuộc, kể lại Huế trong 25 ngày kinh hoàng cách đây đúng 40 năm. Bên cạnh đó, các nhân chứng cũng không khỏi bùi ngùi nhớ lại đất cố đô những ngày trước thảm sát, trong một không khí thanh bình, cho dù vẫn còn văng vẳng xa xa tiếng đại bác. Biên tập viên Thiện Giao trình bày sau đây.

Những ngày giáp Tết Mậu Thân

1968, những ngày giáp Tết Mậu Thân, Huế vẫn bình yên, một tình trạng bình yên của thời chiến.

Huế, những ngày ấy, bỗng nhiên thanh bình hơn. Chợ hoa đầu cầu Trường Tiền vẫn mở. Chợ Đông Ba, dân chúng vẫn tụ tập, mọi người vẫn hớn hởi.

Vẫn có tiếng đại bác xa xa vọng về, nhưng vẫn là một trạng thái yên bình.

Linh mục Phan Văn Lợi, vào thời điểm năm 1968, mới 17 tuổi, hồi tưởng:

“Tình hình tạm yên, vẫn nghe tiếng đại bác từ xa vọng về. Nhưng lúc ấy tôi thấy yên lành hơn. Vì thường thường hai

bên đình chiến.”

Đình chiến, một danh từ hấp dẫn. Đối với Huế, đình chiến có nghĩa là được thêm vài chục giờ thanh bình.

Hồi tưởng lại những ngày giáp Tết Mậu Thân, ông Nguyễn Phúc Liên Thành, lúc ấy là Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia tại Thừa Thiên cho biết:

“Huế những ngày ấy thanh bình hơn những ngày khác. Chợ Hoa đầu cầu Trường Tiền, Chợ Đông Ba, đông dân chúng tụ tập, mọi người hớn hởi. Mọi người biết có thoả hiệp đình chiến giữa Việt Nam Cộng Hòa, đồng minh và Việt Cộng. Đình chiến ba ngày Tết để dân chúng được hưởng một cái tết thanh bình giữa tình trạng chiến tranh.”

Từ Sài Gòn, những người gốc Huế cũng háo hức về đất thần kinh đón Xuân. Anh Nguyễn Xuân Thắng, năm 1968 vừa mới tròn 7 tuổi, nhớ lại:

“Mình là dân Huế, được về Huế thì rất mừng. Khung cảnh Huế yên tĩnh, rất thơ mộng. Tối 30, ông Bác dẫn về nhà ông nội ở đường Hàn Thuyên đối diện nhà luật sư Lê Trọng Quát. Tối đó người lớn đi chơi thì chở mình đi theo.”

Cộng sản bắt đi trên 500 người, thanh niên từ 15, 16 tuổi đến ông già 60, 70 bị đưa đi giam ở chùa Từ Đàm. Đến đêm, họ bị dẫn đi lên đường núi và qua sông. Sau đó tàn sát hết mọi người trong tư thế bị trói. Khi tàn sát thì dùng súng máy, trung liên, đại liên, cả lựu đạn. Các xác đó đã bị vùi xuống khe.

Tấn công ngay trong đêm Giao thừa

Khoảng thời gian đình chiến, theo tài liệu xuất bản tháng 8 năm 1968, do trung tá Phạm Văn Sơn chủ biên, trước định 48 giờ, sau được lệnh rút xuống 36 tiếng, nghĩa là, lệnh hưu chiến chỉ còn giá trị từ 18 giờ ngày 29 tháng Giêng đến 6 giờ ngày 31 tháng Giêng năm 1968.

Quân đội Bắc Việt chọn tấn công miền Nam đúng vào giờ giao thừa, và xem đó là một trong những bí mật của trận Mậu Thân. Đại Tướng Quân Đội Bắc Việt Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh, trận Mậu Thân có ba điểm bất ngờ, là mục tiêu, qui mô, và trên hết là thời điểm, đúng giao thừa:

“Ra đến cầu Tràng Tiền thì thấy xe tăng hai bên đường. Tôi nghe người lớn nói với nhau: Không biết chuyện gì xảy ra tối nay.”

Mà thật là như vậy, tối hôm ấy, mọi chuyện bắt đầu xảy ra.

Bộ Đội Bắc Việt đã có mặt trong thành phố Huế từ sáng sớm mừng một Tết. Ông Trần Ngọc Huế, vào thời điểm đó, là Đại Đội Trưởng Đại Đội Hắc Báo thuộc Sư Đoàn Một Bộ Binh, kể lại rằng cho đến buổi tối, khi phía Bắc Việt bắt đầu tấn công, ông mới trực tiếp nhìn thấy bộ đội đặc công di chuyển vào sân bay Thành Nội. Ông thừa nhận, quân đội Bắc Việt có ưu điểm là giữ bí mật:

“Tối đó, sau khi bố trí đơn vị, tôi về nhà. Đến khuya thì một trung úy của tôi lái xe đi tuần. Tôi nói, mai về sớm để đón tôi vào đơn vị. Đến khuya thì phía Bắc Việt bắt đầu đánh. Tôi mặc áo quần rồi lấy chiếc xe đạp ra đi. Trên đường đi, tôi thấy Đặc Công tiến vào sân bay Thành Nội. Họ đi lúp xúp, tôi nhìn kỹ, thấy không phải mình. Khi thấy họ nguy trang đi quẹo vào phi trường. Tôi đi chậm chậm sau đó, rồi băng qua cổng Vĩnh Lợi rồi đánh keng báo động.”

Đến 2 giờ 33 phút sáng ngày mùng Hai, những trái đạn pháo đầu tiên bắt đầu bắn vào phi trường Tây Lộc, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Một Bộ Binh và một số địa điểm tại Quận 3 thuộc thị xã Huế.

Ông Trần Ngọc Huế nhớ lại, có thời điểm, Đặc Công của phía Bắc Việt đã vào đến bên trong Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Một Bộ Binh, cách phòng tướng tư lệnh Ngô Quang Trưởng

chỉ có 30 mét, và tướng Trưởng cũng đang có mặt tại đó:

“Đặc công đã vào trong bộ tư lệnh Sư Đoàn Một rồi. Lúc đó là 10 giờ sáng, chuẩn bị mở đường máu vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn để giữ an ninh cho bộ tư lệnh. Đặc công chỉ còn cách văn phòng tướng Trưởng 30 mét.”

Cuộc thảm sát kinh hoàng

Chiếm thành phố Huế đến đâu, phía Bắc Việt lập Chính Quyền Cách Mạng đến đó. Ông Nguyễn Phúc Liên Thành kể lại, khi Việt Cộng làm chủ Huế qua ngày thứ hai thì họ bắt đầu thành lập chính quyền Cách Mạng.

Cụ thể, tại Quận Nhì, Thành Ủy Viên Thành Ủy Huế Hoàng Kim Loan, cấp trung tá, đứng đầu cùng Hoàng Lanh. Chính quyền Quận Nhất cũng được thành lập. Riêng Quận 3 chưa kịp nhưng được giao cho đại tá Bảy Lanh, phụ trách an ninh thành.

Ông Liên Thành nhớ lại: “Sau khi lập chính quyền thì bắt đầu thảm sát. Đầu tiên họ kêu gọi quân nhân cán chính trong thành phố Huế ra trình diện. Sau khi trình diện thì được cấp giấy, có quyền đi lại, coi như giấy thông hành. Những người này về nói lại với những người khác, người kế tiếp ra trình diện. Đến lần thứ 3 thì họ yêu cầu tất cả những người đã trình diện lần 1 và 2 ra trình diện lại, đây là lần quyết định. Và cuộc thảm sát xảy ra.”

Đầu tiên là những tòa án nhân dân: “Ngay lúc đầu, có một số người bị đưa ra tòa án nhân dân xử và chôn sống tại Bãi Dâu, tại vùng Chùa Áo Vàng gần chùa Diệu Đế và một số nơi khác trong Quận Nhì.”

Tiếp theo là Dòng Chúa Cứu Thế và nhà thờ lớn Phủ Cam: “Riêng tại Quận Ba, Việt Cộng bắt đi hơn 500 người đang trốn trong Dòng Chúa Cứu Thế, dẫn đi hết, rồi chôn sống.

Tội nghiệp nhất là một số nạn nhân hoàn toàn không dính dáng gì đến chính quyền. Ngoài ra, trong số này còn có một người rất tiếng tăm là Thượng Nghị Sĩ Trần Điền. Ngoài ra, tại vùng Phủ Cam, bốn ngày sau khi Việt Cộng chiếm Huế, Nhà Thờ Lớn Phủ Cam bị ập vào, bắt đi 300 thanh niên sau này được tìm thấy xác ở vùng phía tây Nam Hoà, tức vùng núi dọc khe Đá Mài, làng Gia Long.”

Đã có bao nhiêu người bị giết, và đã có bao nhiêu địa điểm chôn người? Giáo sư Nguyễn Lý Tường, cựu Dân Biểu đại diện khu vực Thừa Thiên, nói rằng con số 5 đến 6 ngàn người là không sai lệch mấy. Và khoảng 22 địa điểm trở thành nơi che dấu các thi hài:

“Tại thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, 22 địa điểm tìm được là các mồ chôn tập thể. Trong 22 địa điểm này, người ta đếm được 2.326 sọ người. Sau tết, chúng tôi lập Hội Gia Đình Nạn Nhân Cộng Sản trong Tết Mậu Thân. Các gia đình kê khai có người chết, có người mất tích, lên đến 4.000 gia đình. Người ta ước tính vào khoảng 6.000 người. có nhà báo ước tính 5.000. Chúng tôi cho con số 5 đến 6 ngàn là không sai lệch lắm đâu.”

Ông Nguyễn Lý Tường kể rằng, cuộc tìm kiếm nạn nhân Tết Mậu Thân bắt đầu từ giai đoạn Tết đến mùa Hè năm 1968 và đỉnh điểm là vụ Khe Đá Mài, thuộc đỉnh núi Đình Môn Kim Ngọc, tại đây, khoảng 400 bộ hài cốt đã được tìm thấy. Những hài cốt tìm thấy tại Khe Đá Mài chính là của những người trú ẩn tại xứ đạo Phủ Cam, thuộc làng Phủ Cam, xã Thủy Phước, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên:

“Cộng sản bắt đi trên 500 người, thanh niên từ 15, 16 tuổi đến ông già 60, 70 bị đưa đi giam ở chùa Từ Đàm. Đến đêm, họ bị dẫn đi lên đường núi và qua sông. Sau đó tàn sát hết mọi người trong tư thế bị trói. Khi tàn sát thì dùng

súng máy, trung liên, đại liên, cả lựu đạn. Các xác đó đã bị vùi xuống khe.

Từ Tết, tức tháng 2 năm 1968 đến tháng 9 năm 1969, khoảng 20 tháng, có một số người của Cộng Sản về hồi chánh, họ chỉ. Mở đường hành quân vào tìm, thì tìm được. Sợ người xương người dồn đồng dưới khe. Nơi đây thuộc quận Nam Hòa, có tên là Khe Đá Mài, thuộc vùng núi Đình Môn Kim Ngọc.

Quân đội mang hết xương và sọ về để tại một trường tiểu học thuộc quận Nam Hòa, các đồ vật gồm có thẻ căn cước bọc nhựa, có áo quần, đồ dùng, vật kỷ niệm mang theo trong người. Hàng ngàn thân nhân đến tìm. Nhờ đó, gia đình tìm được dấu vết. Trong số các nạn nhân, có cả học trò tôi, như em Phan Minh, Bùi Kha, mới 16, 17 tuổi.”

Một trong các vụ thảm sát gây phẫn nộ dư luận quốc tế là vụ giết bốn bác sĩ người Đức sang giảng dạy và làm việc tại trường Đại Học Y Khoa Huế. Trong bài viết “The Vietcong Massacre at Hue,” xuất bản năm 1976, một bác sĩ có tên Elje Vannema, kể rằng ông bà bác sĩ Horst Gunther Krainick và hai bác sĩ Raymund Discher cùng Alterkoster đã bị giết trong tháng Hai năm 1968 tại chùa Tường Vân hoặc một vùng đất nhiều cây cối cách chùa chừng nửa dặm, nơi người ta tìm thấy thi hài của các nạn nhân. Bác sĩ người Pháp, có tên Le Hir khám nghiệm tử thi các nạn nhân cho biết có dấu vết đạn xuyên qua đầu và ót.

Ngày 13 tháng Tư, linh cửu đưa thi hài các bác sĩ này rời Việt Nam, về Đức. 250 sinh viên y khoa Huế và Sài Gòn cùng đội quân danh dự của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã đi theo chiếc xe có bốn ngựa kéo, bên trên chở linh cửu của các ân nhân.

Chiến sự tiếp diễn trong thành nội Huế đến ngày 22

tháng Hai. Vào ngày này, các lực lượng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã kết thúc hai trận đánh quan trọng, đẩy phía Bắc Việt lui khỏi Đại Nội, nơi cung điện các vua triều Nguyễn, và kéo lá cờ Việt Nam Cộng Hòa lên thay cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tại Kỳ Đài ở Phu Văn Lâu.

Hai ngày sau đó, chiến trường Huế chấm dứt. Huế lại trở về vòng kiểm soát của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Vừa rồi là những nét chính về tình hình Huế những ngày trước và trong khi quân đội Bắc Việt kiểm soát thành phố. Như đã trình bày, gần như ngay lập tức sau khi kiểm soát Huế, Bắc Việt đã cho thành lập chính quyền và bắt đầu các cuộc thăm sát. Trong bài tiếp theo vào kỳ sau, biên tập viên Thiện Giao sẽ trình bày tổng quát kế hoạch tái chiếm Huế, hai trận đánh đặc biệt tại Đại Nội và Kỳ Đài Phu Văn Lâu qua lời kể của những người tham gia trận đánh. Cuộc truy tìm và cải táng nạn nhân trong các mồ chôn tập thể sau khi quân đội miền Nam cùng đồng minh tái chiếm Huế được thực hiện ra sao? Những nhân chứng cũng sẽ trình bày lại ký ức của những ngày đau buồn ấy, 40 năm trước.

III.

Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968

Tái chiếm Huế

Trong bài thứ ba của loạt 5 bài tường thuật tường niệm biến cố Mậu Thân tại Huế năm 1968, biên tập viên Thiện Giao của đài chúng tôi sẽ tiếp tục gửi đến quý thính giả nghe đài những nét chính yếu của cuộc phản công tái chiếm Huế mà đỉnh cao là ngày 22 tháng Hai, khi quân lực Việt Nam Cộng Hoà tái chiếm Đại Nội và Kỳ Đài Phú Văn Lâu.

Ngay sau những giờ khắc xúc động nhìn lá quốc kỳ Việt Nam Cộng Hoà được kéo lên trên đỉnh Kỳ Đài, người dân Huế bàng hoàng nhận ra rằng hàng ngàn thân nhân của mình, bị bắt trong vài tuần lễ phía Bắc Việt làm chủ thành phố Huế, sẽ không bao giờ trở về nữa. Họ đã bị thảm sát ra sao, và được che dấu trong các hầm chôn tập thể như thế nào? Xin hãy điểm lại ký ức của những nhân chứng từ 40 năm trước.

“Người dân Huế bị dồn vào đường cùng, không còn chọn lựa nào khác nên phải chọn chiến đấu. Chiến đấu để tự tồn. Chiến đấu để có tự do. Chiến đấu để sống hay là chết.”, ông Trần Ngọc Huế, người chỉ huy Đại Đội Hắc Báo thuộc Sư Đoàn Một Bộ Binh tái chiếm Đại Nội ngày 22 tháng Hai

năm 1968 nhớ lại.

Huế, tháng Hai năm 1968, mỗi tấc đất là một tấc máu. Máu, của tất cả những ai có mặt tại Huế; của người dân Huế, của các lực lượng Việt Nam Cộng Hoà, của các lực lượng Hoa Kỳ, và của các lực lượng Bắc Việt.

Huế trở thành chiến trường đổ lửa, vì Huế là nơi không một ai muốn mất.

“Huế không lớn, nhưng đánh dai dẳng vì quyết tâm của Cộng Sản, muốn thắng bằng bất cứ giá nào. Mà ý chí của miền Nam và người dân Huế cũng bằng bất cứ giá nào cũng phải dành lấy mảnh đất thiêng liêng của mình.”, (Trần Ngọc Huế, Đại Đội Trưởng Đại Đội Hắc Báo Sư Đoàn 1 Bộ Binh).

Cuộc phản công tái chiếm Huế

Chỉ một thời gian rất ngắn sau khi vào Huế, phía Bắc Việt Nam đã có thể tự do đi lại. Trong ngày Mừng Hai Tết, quân đội Bắc Việt di chuyển trong thành phố kiểm soát dân chúng như chỗ không người.

Và phía miền Nam, cùng đồng minh, phải bắt đầu từ đầu nhiệm vụ văn hồi an bình cho Huế.

Hai bên quần thảo, tiến lên, rồi lui lại, rồi lại tiến lên, rồi lui lại, tranh từng căn nhà, từng khu phố. Mỗi tấc đất là một tấc máu. Từng cái nhà, đánh liên tục không có thời giờ ăn và thời giờ ngủ. Đánh liên tục. Nhiều khi phải chia thành từng tổ 2, 3 người thay phiên nhau ngủ.

Huế, trở thành chiến trường của an ninh, của vận mệnh, và có lẽ, của cả danh dự.

Quân đội Bắc Việt, quân lực Việt Nam Cộng Hoà, và quân đội đồng minh Hoa Kỳ đã quần thảo trên một chiến trường không lớn, giữa thành vách kính đô cũ và giữa nỗi kinh hoàng của dân Huế trong nỗi lo sợ thảm sát, đã xảy ra ngay từ đầu khi miền Bắc kiểm soát và lập chính quyền tại Huế.

Theo lời kể của hai người trong cuộc, là ông Nguyễn Văn Ngẫu, vào năm 1968 là thiếu úy thuộc Trung Đoàn 3, Sư Đoàn 1 Bộ Binh và ông Trần Ngọc Huế, Đại Đội Trưởng Đại Đội Hắc Báo thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh, các lực lượng tham gia chiến trường Huế vào thời điểm Mậu Thân gồm có:

Phía Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà có Sư đoàn 1 Bộ Binh. Thiết đoàn 7 kỵ binh. Lực lượng sư đoàn nhảy dù và thủy quân lục chiến Việt Nam. Các tiểu đoàn Biệt Động Quân Quân Đoàn 1. Một đại đội trinh sát. Trực thăng và máy bay skyraider Việt Nam với sự yểm trợ của máy bay phản lực và trực thăng Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ.

Phía Pháo binh có 2 tiểu đoàn cơ hữu thuộc sư đoàn 1. Phía Hải Quân có Giang đoàn 11 và 12 yểm trợ chiến trường.

Phía đồng minh Hoa Kỳ có Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn 101 Nhảy Dù và Sư Đoàn 1 Không Kỳ.

Thiếu úy Nguyễn Văn Ngẫu nhớ lại những ngày chuẩn bị phản công:

“Sau 31 tháng Giêng, dân chúng đang ăn tết vui vẻ. Thành phố Huế trở thành trọng tâm của chiến trường. Đặc công và nội thành do trung tá Khánh Lửa dẫn quân vào bốn Kỳ Đài và 4 con đường chính gồm vùng An Hoà, Thượng Tứ, Cửa Ngăn, Cửa Sập từ vùng núi đi về tập kích. Lực lượng Nội Thành gần đó đang đóng ở Thượng Tứ, Cửa Ngăn, Cửa Sập cũng tiến vào. Đơn vị tôi đang đóng tại quận Hương Trà. Một ngày sau khi nổi lên, tướng Ngô Quang Trưởng trực tiếp điện đàm với quân Khu 1, tướng Hoàng Xuân Lãm, tổng tham mưu và sau hai ngày là bắt đầu phản công phản công.”

Đại Đội Trưởng Hắc Báo, ông Trần Ngọc Huế hồi tưởng:

“Huế không lớn nhưng đánh dai dẳng vì quyết tâm của

Cộng Sản là muốn thắng lợi bằng bất cứ giá nào. Mà ý chí của miền Nam và Huế cũng bằng bất cứ giá nào phải dành lấy mảnh đất thiêng liêng của mình.”

Số nạn nhân còn lại phải được an táng tập thể tại 2 nghĩa trang ở Huế gần núi Ngự Bình là Ba Đồn và Ba Tầng. Dựa trên thi hài và các đồ vật còn sót lại của nạn nhân, ông Bằng phỏng tính là 20% số nạn nhân là quân nhân, 40% là công chức và 40% là dân thường:

“Sau Mậu Thân, khoảng 1 đến 2 tháng, chúng tôi biết những cái chết rất vô lý. Ví dụ: tại vùng Gia Hội, có một chị tên Tuý. Chị là một sinh viên. Khi Cộng Sản đến tìm anh chị, không có nên bắt chị thay thế. Chị Tuý bị bắn và chôn tại cồn Gia Hội. Còn tại Vỹ Dạ, có chị tên Hương Sen. Hương Sen có nhiều anh tham gia quân đội. Khi vào bắt thì không có các anh của chị nên họ bắt chị ra hành quyết tại chỗ. Hoàn toàn là người vô tội.”

Về nguyên nhân thành lập Ủy Ban Truy Tìm và Cải Táng Nạn Nhân, ông Võ Văn Bằng cho biết nhờ một sự tình cờ, mà sau đó người dân Huế mới vỡ lẽ ra là thân nhân mình bị thảm sát tập thể:

“Một năm sau, nhân cuộc hành quân của tiểu khu Thừa Thiên ngang qua khu vực giáp giới của Phú Vang, Hương Thủy và Phú Thù, người ta thấy một đầu lâu trời lên dưới một trảng cát dài hàng cây số. Đào lên, đó là thi hài của thiếu úy Trần Văn Đĩnh, nhận biết nhờ tấm thẻ bài. Tin này loan ra rất nhanh nên tạo phong trào tìm xác ở Phú Thù.”

Những cảnh tượng kinh hoàng

Nhà báo Vũ Ánh, nguyên phóng viên mặt trận hệ thống truyền thanh quốc gia Việt Nam Cộng Hoà, đã có mặt tại Huế từ mừng Năm đến 29 Tết Mậu Thân và đi theo nhiều

nhóm tìm hầm chôn xác tập thể, kể lại cảm giác của ông khi lần đầu nhìn thấy những cảnh tượng ấy:

“Vùng nhiều nhất là quận Phú Thứ và Dạ Lê Thượng có nhiều hầm chôn xác tập thể. Cảm giác tôi lúc ấy rất lạ, như là bị tê liệt khi nhìn các hình ảnh đó.”

Những hình đó là gì? Ông kể tiếp.

Ngay ở hầm Phú Thứ, chắc khoảng gần 1.000 người. Khi khai lên, đầu của họ phía sau sọ bị bể hết. Những thi hài bị nối nhau bằng dây điện thoại. Có những người không có vết thương, chứng tỏ bị chôn sống. Sau này một nhân chứng cho biết: Họ được lệnh đập đầu bằng đầu cuốc, từ phía lưỡi vào. Quan trọng nhất là, theo nhân chứng: người này phải đập người kia. Cứ 10 người bị cột vào điện thoại và đều bị đập vỡ từ phía sau.”

“Ngay ở hầm Phú Thứ, chắc khoảng gần 1,000 người. Khi khai lên, đầu của họ phía sau sọ bị bể hết. Những thi hài bị nối nhau bằng dây điện thoại. Có những người không có vết thương, chứng tỏ bị chôn sống.

Sau này tôi có hỏi các nhân chứng, là một phóng viên bị bắt đi theo Việt Cộng và bị An Ninh VNCH bắt lại, cho biết: Họ được lệnh đập đầu bằng đầu cuốc, từ phía lưỡi vào. Quan trọng nhất là, theo nhân chứng: người này phải đập người kia. Cứ 10 người bị cột vào điện thoại và đều bị đập vỡ từ phía sau.”

Ông Võ Văn Bằng kể tiếp rằng, vì người ta bị chôn lớp này trên lớp khác, đến khi tìm được vị trí, thân xác đã không còn nguyên vẹn. Để giúp các thân nhân tìm được người thân, Ủy Ban điều đánh số lên thi hài và ghi các chi tiết liên quan, chẳng hạn đầu vỡ, sọ bể, tay bị cột như thế nào, dây lạt hay điện thoại, vạt áo, nilông còn sót.

Và rồi đến bước cuối cùng: “Sau đó loan tin trên đài phát

thành Huế để đồng bào nhận dạng.”

Huế, trước Tết 1968, bình thường như mọi Tết khác!

Huế, trong Tết 1968, kinh hoàng như chưa bao giờ!

Huế, từ sau Tết 1968, đón Xuân trong niềm ngậm ngùi.

40 năm, có đủ để làm lành một vết thương?

Thế hệ Mậu Thân của Huế vẫn còn đang sống, và năm nay, người dân Huế, ở trong nước thì chốn riêng tư, ở nước ngoài thì nơi công khai, vẫn tiếp tục tưởng niệm những nạn nhân xấu số của vụ thảm sát 40 năm về trước.

Quý vị và các bạn vừa theo dõi một vài sơ lược những nét chính của cuộc tấn công tái chiếm cố đô Huế trong Tết Mậu Thân 40 năm trước và hành trình đi tìm các mồ chôn tập thể nạn nhân cuộc thảm sát Mậu Thân năm 1968. Bài tường thuật này được thực hiện trong khuôn khổ tưởng niệm biến cố Mậu Thân ở Huế, vào thời điểm và địa điểm mà nhiều ngàn người vô tội, không có vũ khí trong tay, đã bị thảm sát. Trong bài tường thuật thứ tư của buổi phát thanh sau, biên tập viên Thiện Giao sẽ tiếp tục gợi đến quý vị bài tìm hiểu về một số nhạc phẩm và hồi ký ra đời trong biến cố Mậu Thân. Đồng thời, chúng tôi cũng sẽ điểm lại 3 bức thư Linh Mục Bửu Đồng viết, nhưng chưa kịp gửi đến thầy mẹ, tín hữu và các em ngài. Những bức thư này chỉ được tìm thấy sau khi thi hài linh mục được tìm thấy trong lòng đất.

IV.

Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968

Những nhạc phẩm ra đời

trong bối cảnh Mậu Thân 1968

Tiếp tục loạt bài nhân dịp tưởng niệm biến cố Mậu Thân tại Huế năm 1968, biên tập viên Thiện Giao sẽ trình bày một khía cạnh khác, liên quan đến những nhạc phẩm ra đời trong bối cảnh biến cố Mậu Thân.

Từ sau năm 1968, chính quyền Việt Nam vẫn chưa bao giờ chính thức đưa ra các số liệu và những giải trình về con số nạn nhân tại Huế. Thậm chí, đến năm 1975, khi tiến vào miền Nam, nghĩa trang trên núi Ba Tầng, còn gọi là núi Bân, nơi an táng khoảng 400 thi hài tìm được nơi Khe Đá Mài vùng Đình Môn Kim Ngọc cũng bị đập phá.

Trong một nghĩa nào đó, chính các tác phẩm âm nhạc sẽ là nơi lưu giữ lâu dài nhất những chứng tích liên quan đến Mậu Thân.

Hát trên những xác người

Mậu Thân 1968, những gì xảy ra cho người đã chết, sẽ còn mãi trong lòng người đang sống. Biến cố ấy sẽ không trôi qua trong quên lãng.

Mậu Thân 1968, đã để lại dấu vết trong âm nhạc, trong văn chương, trong hồi ký, và trên báo chí.

Mậu Thân được mô tả, rất thực trong bản nhạc “Hát Trên Những Xác Người” ghi dấu địa danh Bãi Dâu.

Chiều đi lên Bãi Dâu Hát trên những xác người Tôi đã thấy, tôi đã thấy Trên con đường Người ta bỗng bế nhau chạy trốn Chiều đi lên Bãi Dâu Hát trên những xác người Tôi đã thấy, tôi đã thấy Những hố hầm Đã chôn vùi thân xác anh em...

Mậu Thân được ghi lại trong “con mê chiều,” với câu Trường Tiền, với Kim Long, Nam Dao, lên án “đàn con nay lớn khôn, mang gươm đao vào xóm làng.”

Chiều nay không có em Mưa non cao về dưới ngàn Đàn con nay lớn khôn Mang gươm đao vào xóm làng Chiều nay không có em Xác phơi trên mái lều Một mình nghe buốt đau Xuôi Nam Giao Tìm bóng mình Đường nội thành Đền xưa ai tàn phá Cầu Tràng Tiền Bạc màu loang dòng máu...

Mậu Thân cũng được ghi lại trong hồi ký nổi tiếng một thời, *Dải Khăn Sô Cho Huế*.

Mậu Thân ghi lại những hình ảnh qua âm nhạc, thực và rõ ràng hơn cả hàng trăm thước phim hay hàng loạt bài phóng sự.

Xác người nằm trôi sông Trôi trên ruộng đồng Trên nóc nhà thành phố Trên những đường quanh co Xác người nằm bơ vơ Dưới mái hiên chùa Trong giáo đường thành phố Trên thềm nhà hoang vu... Xác người nằm quanh đây Trong mưa lạnh này Bên xác người già yếu Có xác còn thơ ngây Xác nào là em tôi Dưới hố hầm này Trong những vùng lửa cháy Bên những vòng ngô khoai.

Mậu Thân sẽ không trôi qua trong quên lãng, khi hàng ngàn người, vừa thanh niên, vừa trí thức, vừa sinh viên, học sinh, phải chết chỉ trong chưa đầy 1 tháng.

Hai bài hát của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, là “*Bài Ca Viết*

Cho Những Xác Người,” và *“Hát Trên Những Xác Người”* được sáng tác năm 1968, sau khi Trịnh Công Sơn từ Huế trở về Sài Gòn. Những ngày diễn ra biến cố tại Huế, Trịnh Công Sơn có mặt tại cố đô.

Một người bạn thân của nhạc sĩ, là họa sĩ Trịnh Cung, hồi tưởng rằng Trịnh Công Sơn có kể với ông những tình tiết đã xảy ra cho người nhạc sĩ trong những ngày lưu lại Huế. Họa sĩ Trịnh Cung cho biết, tác giả bài ca *Hát Trên Những Xác Người*, suýt chút nữa, đã trở thành nạn nhân của Biến Cố Mậu Thân.

“Gia đình Sơn bị lừa vào tập hợp tại một điểm tập trung tại Huế. Em Sơn là Trịnh Quang Hà cũng bị lừa vào. May mắn cho Sơn, những người bộ đội là từ miền Bắc vào, họ không biết Sơn là ai. Chứ nếu Sơn bị những người địa phương bắt, thì chắc anh em Sơn cũng đã cùng chung một số phận tại mồ chôn tập thể ở Bãi Dâu.

Mẹ Sơn nhanh trí chỗ này. Bà ấy đến nói chuyện với mấy chú bộ đội ngoài Bắc. Bà xưng là Mẹ. Mẹ như thế này, các em thế kia. Các chú bộ đội ngoài Bắc thì lơ lơ. Rồi bà nói đại khái là không có tội tình gì. Vậy là họ để cho mẹ Sơn dắt cả nhà ra về.”

Trong một bài viết cách đây vài năm, nhà văn Phạm Xuân Đài, cũng là một người bạn của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, đã khẳng định, hai nhạc phẩm viết nhân vụ Mậu Thân là sự ghi lại trong vai trò của một nhân chứng.

Ông viết: “Toàn là những xác người, gần giống như những thước phim tài liệu của Đức Quốc Xã ghi hình ảnh thi hài chồng chất của người Do Thái. Bài hát này của Sơn là một phóng sự bằng nghệ thuật cho người đời biết thế nào là sự chết chóc khi “anh em ta về” thành phố Huế dịp Mậu Thân. Chắc chắn, đó là dịp Sơn nhìn gần cái chết tập thể nhất,

nhìn thấy sự man rợ, tuy vẫn thuộc phạm vi cuộc chiến nhưng không phải thuần túy do động lực chiến tranh. Cả hai bài hát có cùng một đề tài trong hầu cùng một biến cố.”

Một nhạc phẩm khác, ít được phổ biến bằng hai nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, nhưng chuyên chở một ý tưởng rất lạ, khi mở đầu bằng câu: “Đàn con nay lớn khôn, mang gươm đao vào xóm làng.” Phải chăng, *Còn Mê Chiều*, tên của bản nhạc, muốn nói về một lớp trí thức, bỏ Huế ra đi, rồi nay quay lại Huế trong vai trò mới. Một thanh niên trí thức Huế nhận định.

“Trong vụ thảm sát Mậu Thân, ngoài nỗi đau đớn cho dân tộc trong một cuộc nổi da xáo thịt tàn độc, còn có một nỗi đau lớn hơn, là vai trò một số trí thức Việt Nam trong cuộc thảm sát này. Bài hát có câu: “Đàn con nay lớn khôn, mang gươm đao vào xóm làng.”

Đàn con nớ, có phải chăng là một số trí thức Huế đã đưa Việt Cộng vào làng, rồi sau đó theo ra bưng khi quân đội Việt Nam Cộng Hoà tái chiếm Huế? Chẳng hạn trường hợp Hoàng Phủ Ngọc Phan, phát biểu trước đây rằng những người bị thủ tiêu chôn sống là thành phần ác ôn có nợ máu với nhân dân.

Tôi tự hỏi là, nếu trí thức là lương tâm và trí tuệ của quốc gia, dân tộc, thì với những phát biểu như rứa, khi nào Việt Nam mới thoát ra được tù hãm của tâm thức thời Trung Cổ? Tôi nghĩ 40 năm đã trôi qua, đây là lúc những người trí thức thiên Tả, trí thức Cộng Sản hãy tự thẳng thắn đánh giá, phê bình hành vi của mình trong biến cố Mậu Thân, lúc đó mới hy vọng có thể cứu chuộc được mình và cứu chuộc được dân tộc nì.”

Những nhân chứng thời ấy nói rằng, các đám tang tập thể tại Huế vào các năm 1968, 1969 là hình ảnh không thể

quên cho những ai từng một lần nhìn thấy.

“Dưới ánh mặt trời chói chang, những dãy quan tài được xếp thành từng hàng ngay ngắn. Bên trong mỗi quan đóng vội này là những gì còn sót lại của các thi hài được tìm thấy. Khoảng 15.000 người, trong áo tang trắng, đứng chịu trận dưới trời nắng chang chang. Một ai đó âm thầm khóc, một ai khác khóc to vật vã. Thỉnh thoảng, họ lại nhìn nhau như thể đang tìm một lời an ủi, rằng đây không phải là sự thật, đây chỉ là một giấc chiêm bao.”

Người dân xứ Huế thời ấy, đặc biệt là người Công Giáo, bàng hoàng trước cái chết của hai linh mục ngoại quốc, ba linh mục Việt Nam, hai sư huynh dòng La San cùng một số tu sĩ khác. Trong bài viết *“Bút Tích Cuối Cùng của Linh Mục Bửu Đồng,”* ông Nguyễn Lý Tưởng kể lại, hai linh mục ngoại quốc thuộc dòng Benedicto Thiên An là linh mục Urbain và linh mục Guy. Ba người Việt Nam là linh mục Bửu Đồng, linh mục Micae Hoàng Ngọc Bang và linh mục Giuse Lê Văn Hộ.

Sau đây là lời kể của ông Võ Văn Bằng, trưởng ban Truy Tìm và Cải Táng Nạn Nhân Cộng Sản Tết Mậu Thân liên quan đến cái chết của linh mục Bửu Đồng.

“Tôi xúc động nhất là khi đào lên, chúng tôi gặp xác 4 vị linh mục. Tôi còn nhớ rõ linh mục Bửu Đồng, linh mục Lê Văn Hộ và hai sư huynh dòng Lasan. Tôi thấy rõ cái thánh giá đeo ngang ngực. Linh mục Bửu Đồng còn để lại 3 bức thơ để trong một hộp thiếc, bên ngoài bọc bao nylon.”

Ba bức thư được ông Bằng nhắc đến được linh mục Bửu Đồng viết, một bức gửi thầy mẹ, một bức gửi các em, và một bức gửi cho giáo hữu.

Bức thư viết gửi thầy mẹ có nội dung như sau.

“Thư gửi thầy mẹ,

Lạy Thầy Mẹ quý mến, Thầy Mẹ rất đau khổ khi mất đi đứa con trưởng nam không được phục vụ Thầy Mẹ trong tuổi già, nhưng Thầy Mẹ sẽ được an ủi và vui mừng khi được tin con đã can đảm vì mến Chúa, yêu người trong chức vụ Linh Mục và nhiệm vụ Tông đồ.

Xin Thầy Mẹ hãy tha mọi tội lỗi và những gì không làm vui lòng Thầy Mẹ trong 57 năm nay. Xin hẹn gặp nhau trên nước Chúa. Xin Thầy Mẹ ban phép lành cho con.”

Cuộc thăm sát Mậu Thân, đến hôm nay đã tròn 40 năm. Các chứng tích một thời, chẳng hạn nghĩa trang trên núi Ba Tầng, còn gọi là núi Bàn, nơi an táng khoảng 400 thi hài tìm được nơi Khe Đá Mài vùng Đình Môn Kim Ngọc tháng 9 năm 1969, đã bị đập phá ngay năm 1975 khi quân đội miền Bắc tiến vào miền Nam. Linh mục Phan Văn Lợi kể lại:

“Kể từ năm 1968, mỗi năm người ta vẫn đến để cúng vái, cầu nguyện nhân dịp Tết. Riêng bên Công Giáo, tại giáo xứ Phú Cam, mỗi năm dành ngày mồng Mười Tết để toàn thể giáo dân lên đó cầu nguyện. Nhưng đến năm 1975, sau khi chiếm được miền Nam, Cộng Sản đã phá ngay tấm bia dựng ở phía sau và phá hai bàn thờ nằm ở phía trước. Từ đó về sau, người ta có đến cũng chỉ đến trong âm thầm lặng lẽ hoặc cá nhân mà thôi, không dám công khai.”

Liệu, việc huỷ hoại những chứng tích ấy có thể che dấu sự thật đã xảy ra tại Huế, khi người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ, đã hát hay đã đọc các chứng tích khác, được ghi lại qua âm nhạc, văn chương và báo chí?

Mậu Thân 1968, những gì xảy ra cho người đã khuất, sẽ còn mãi trong lòng người đang sống. Biến cố ấy sẽ không trôi qua trong quên lãng.

Quý vị vừa theo dõi bài thứ tư trong loạt bài tường niệm biến cố Mậu Thân 1968 tại Huế. Trong phần sau, cũng là

phần cuối cùng, biên tập viên Thiện Giao sẽ có bài tổng kết lại những con số, các tài liệu liên quan đến số nạn nhân trong biến cố Mậu Thân. Trình bày lại các số liệu ấy cũng là một cách để đặt lại câu hỏi: đến bao giờ, nạn nhân của biến cố Mậu Thân sẽ được trả lại công lý và công bằng?

V.

Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968

“Ai Đã Giết Người Dân Huế?”

Câu Hỏi 40 Năm Chưa Trả Lời

Hôm nay, chúng tôi xin trình bày bài cuối cùng trong loạt bài gồm 5 phần, do biên tập viên Thiện Giao thực hiện, trong chương trình Tưởng Niệm Cuộc Thảm Sát Mậu Thân tại Huế năm 1968. Trong 4 phần trước, chúng tôi đã lần lượt điểm qua các giai đoạn của cố đô những ngày trước, trong và sau cuộc thảm sát.

Nhiều ngàn người Huế đã bị giết trong vòng chưa đầy 1 tháng phía quân đội Bắc Việt chiếm đóng Huế. Cuộc thảm sát chỉ kết thúc khi quân đội Việt Nam Cộng Hoà và Hoa Kỳ tiến đánh, vãn hồi an bình cho Huế ngày 24 tháng Hai với đỉnh điểm là hai trận đánh tại Đại Nội và Kỳ Đài Phú Văn Lâu.

Trong phần trình bày sau đây, qua lời kể của các nhân chứng và cả những người đã từng tham gia Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lúc ấy, chúng tôi sẽ đặt lại câu hỏi: cuối cùng thì, ai sẽ phải chịu trách nhiệm về vụ thảm sát Mậu Thân. Xin theo dõi qua phần trình bày của Việt Long.

Các nạn nhân xấu số

Cuối cùng, mặt trận Mậu Thân 1968 tại Huế cũng chấm dứt. Ngày 25 tháng Hai năm 1968, những lực lượng cuối

cùng của phía Bắc Việt bị đẩy lui ra khỏi thành phố. An bình được vẫn hồi. Cờ Việt Nam Cộng Hoà được kéo lên trên tháp Kỳ Đài Phú Văn Lâu thay cho cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chễm chệ giữa cổ đô trong hơn 3 tuần trước đó.

Nỗi kinh hoàng đối với dân Huế qua đi, nhưng trong lòng họ, vẫn còn nỗi đau. Người còn sống vẫn đau với vết thương chưa lành, trong khi người đã khuất vẫn chưa được giải oan. “Vết thương đó vẫn chưa khô máu, vết sẹo đó mỗi lần trái gió trở trời vẫn đau xót xa.”

Cho đến nay, chưa bao giờ chính quyền Hà Nội chính thức lên tiếng giải trình những thảm sát xảy ra cho Huế mùa Xuân năm 1968. Nhiều câu hỏi được đặt ra liên quan đến cuộc thảm sát kinh hoàng này: Ai sẽ chịu trách nhiệm cuối cùng trong Biến Cố Mậu Thân? Những cuộc thảm sát xảy ra trong hoàn cảnh nào? Các nạn nhân xấu số đã bị giết ra sao?

“Theo những báo cáo của các cuộc cảnh sát các xã thuộc 13 quận của thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, do các xã báo cáo, khoảng 5,300 nạn nhân bị chôn sống tại tỉnh Thừa Thiên.” (Nguyễn Phúc Liên Thành, Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia tại Thừa Thiên)

Theo những báo cáo của các cuộc cảnh sát các xã thuộc 13 quận của thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, do các xã báo cáo, khoảng 5,300 nạn nhân bị chôn sống tại tỉnh Thừa Thiên.

Tại thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, 22 địa điểm tìm được là các mồ chôn tập thể. Trong 22 địa điểm này, người ta đếm được 2,326 sọ người. Sau tết, chúng tôi lập Hội Gia Đình Nạn Nhân Cộng Sản trong Tết Mậu Thân. Các gia đình kê khai có người chết, có người mất tích, lên đến 4,000 gia

đình. Người ta ước tính vào khoảng 6,000 người. có nhà báo ước tính 5,000. Chúng tôi cho con số 5 đến 6 ngàn là không sai lệch lắm đâu.

(Nguyễn Lý Tường, cựu Dân Biểu khu vực Thừa Thiên)

Thủ phạm của vụ thảm sát

Nhiều nguồn dư luận được đưa ra, liên quan đến thủ phạm của vụ thảm sát. Có người nói rằng, chính những thành phần thiên Cộng tại Huế, đa số là sinh viên, đã thoát ly lên mật khu năm 1966 trong các phong trào sinh viên tranh đấu phải chịu trách nhiệm. Trong số này, những tên tuổi được nhắc đi, nhắc lại gồm có Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Lê Văn Hảo.

Thật sự, một số thành viên trong nhóm này đã về lại Huế trong những ngày Mậu Thân. Điều này được khẳng định bởi ông Nguyễn Phúc Liên Thành, vào thời điểm 1968 là Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia tại Thừa Thiên.

“Năm 1966, như Hoàng Phủ Ngọc Phan, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân... đã vượt thoát lên mật khu, đã xâm nhập vào thành phố Huế trong thời gian đó.”

Trở về Huế, họ có tham gia vào các cuộc thảm sát trong 25 ngày thành Huế thất thủ? Ông Nguyễn Phúc Liên Thành tin rằng, trên thực tế, trong thành phần sinh viên trở về Huế, một số người đã thực hiện các vụ hành quyết, nhưng chỉ là một số rất ít, vì tư thù cá nhân.

“Trường hợp đó chỉ là 1 phần trăm. Như trường hợp các sinh viên tranh đấu cũ, nay trở lại, vì thù hận bạn bè, nay mang ra xử và chôn sống, nhưng rất ít, chỉ khoảng 1 phần ngàn.”

Trong khi đó, ông Lê Văn Hảo, từng là Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Thừa Thiên – Huế vào thời gian ấy,

khẳng định về sự vô tội của ông.

“Đó không phải là sự thật lịch sử. Tôi chỉ là một con tin trong thế kẹt, phải nhận một chức vụ để bảo tồn sự sống còn để mong có ngày về với vợ con thôi. Chứ tôi nói thật, trong Tết Mậu Thân, vai trò của tôi hoàn toàn thụ động, chỉ ngồi trên núi thôi. Lâu lâu, các ông lãnh đạo, như Trần Văn Quang, ghé qua thăm, an ủi là thôi, sự việc diễn tiến như vậy thì mình đi theo Cách Mạng thôi.”

Ông Hảo, trong cuộc trả lời phỏng vấn với Đài Á Châu Tự Do hồi năm 2006 cũng nói về vai trò bù nhìn của Mặt Trận Giải Phóng.

“Khi lên trên núi, tôi biết ngay Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam chỉ là một trò bịp bợm, một tổ chức hữu danh vô thực của Cộng Sản thôi, do Hà Nội chỉ đạo. Mà họ có dấu hiệu đó đâu.”

Ai chịu trách nhiệm?

Như vậy, thì câu hỏi là: Ai sẽ phải chịu trách nhiệm cho những cái chết oan khuất của nhiều ngàn người Huế cách đây 40 năm? Trước khi thử tìm cách đi vào trả lời câu hỏi này, hãy nghe những phát biểu nói về cố gắng che dấu, hay chính xác hơn, xúc phạm vào nỗi đau của các nạn nhân, từ phía chính quyền Hà Nội. Nhà báo Vũ Ánh, nguyên phóng viên chiến trường Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia Việt Nam Cộng Hoà trước 1975 nhớ lại.

“Một bản tin của đài Giải Phóng mà về sau tôi nghe được qua kiểm thính của nhân viên của đài (Truyền Thanh Quốc Gia Việt Nam Cộng Hoà) thì họ nói đó là cảnh sát và quân đội VNCH khi thua, rút đi thì làm điều đó. Chuyện đổ vạ là điều bình thường của Cộng Sản từ trước đến giờ. Nhân chứng vẫn còn sống đây thôi, cả trong lẫn ngoài nước. Họ

không thể xoá được những điều ấy.”

Trong những trận đánh tại chiến trường Huế, người dân cố đô đã chọn cho mình phía bên nào? Một trung úy tiểu đoàn 39 Biệt Động Quân đã tham gia trận tái chiếm Huế, ông Trần Tiến San, kể lại:

“Lúc đánh ở Vỹ Dạ, lực lượng chính của Việt Cộng không còn nữa. Nhưng khó đánh vô cùng. Mình tiến từ nhà này qua nhà khác, nhà thì có kẽm gai, bờ tường. Mình bên này thì dân chúng bên kia thấy là họ đâm đầu họ chạy qua. Không biết làm sao. Dân thì ở giữa làn đạn. Mà họ thấy mình thì họ đâm đầu chạy qua.”

Câu hỏi lại được đặt ra lần nữa: Ai đã giết người dân Huế năm 1968?

“Người chịu trách nhiệm cuối cùng về vụ thảm sát

Vụ này không do một cá nhân nào chủ trương, không do một sự tình cờ hay hoàn cảnh bó buộc nào bắt buộc phải làm như vậy cả. Đây là chủ trương của Hà Nội, là dùng bao lực cách mạng trấn áp dân Huế. Hà Nội tin là khi họ chiếm Huế, người dân Huế sẽ nổi dậy theo họ. Đó là một đánh giá sai lầm.

Người Huế sợ cộng sản vô cùng. Vô cùng sợ. Khi Việt Cộng tràn vào Huế, họ đến đâu, dân chúng bỏ chạy đến đó. Mà chạy thì họ bắn. Đó là sự thật không hề nói thêm một lời nào hết. Những ai sống tại Huế thời đó điều biết.”

Họ đã bị giết trong hoàn cảnh nào?

“Năm 1972, tôi bắt được một trung tá Việt Cộng, tên Hoàng Kim Loan, là thành uỷ viên hoạt động bí mật tại Huế 20 năm. Tôi hỏi: tại sao các anh thảm sát đồng bào Huế man rợ đến như vậy? Thì Loan nói đây là chủ trương bạo lực Cách Mạng của cấp trên chỉ thị. Thứ hai, khi trên đường rút lui, do không thể đem theo tù nhân, nên phải giết. Loan

nói, người Cộng Sản chúng tôi có chủ trương thà giết lầm còn hơn bỏ sót.”

Và, họ đã bị giết ra sao?

“Tôi hỏi tại rằng không bắn họ, cho họ viên đạn còn dễ hơn lấy búa, dùng vật cứng đập đầu họ và đẩy xuống hố. Loan nói: Đạn chúng tôi để bắn Mỹ Ngụy. Đạn đâu để bắn những đám người như vậy.”

Một vết thương chưa lành

Rồi đến năm 1975, khi quân đội Bắc Việt tiến vào miền Nam, một lần nữa, những người đã khuất vẫn không được yên nghỉ. Nghĩa trang trên núi Ba Tăng, còn gọi là núi Bân, nơi an táng khoảng 400 thi hài tìm được nơi Khe Đá Mài vùng Đình Môn Kim Ngọc tháng 9 năm 1969 bị đập phá cả tấm bia và các bàn thờ. Linh mục Phan Văn Lợi kể lại.

“Năm 1975, sau khi chiếm được miền Nam, Cộng Sản đã phá ngay tấm bia dựng ở phía sau và phá hai bàn thờ nằm ở phía trước. Từ đó về sau, người ta có đến cũng chỉ đến trong âm thầm lặng lẽ hoặc cá nhân mà thôi, không dám công khai.”

Đã 40 năm trôi qua kể từ Biến Cố Mậu Thân 1968, vụ thảm sát vẫn là một vết thương chưa lành, vẫn còn là đau mỗi khi trái gió, trở trời. Người dân Huế sẽ vẫn tiếp tục sống, tiếp tục vươn lên, đó cũng chính là cá tính của người dân đất thần kinh.

“Thân nhân bị mất, tài sản bị mất, trong một hoàn cảnh như vậy, nhưng người Huế khi nào họ cũng cố gắng vươn mình lên để sống. Thành ra, đời sống ở Huế trở lại rất là nhanh. Khoảng 5, 6 tháng sau, đời sống trở lại bình thường.”

Riêng đối với người dân Huế, với sông Hương, với núi Ngự, với Nam Dao, với thành vách kinh thành cũ, mùa

Xuân 1968 vẫn luôn luôn là một ngày đại tang. Đến bao giờ, công lý và công bằng sẽ được trả lại cho người đã chết?

Đến đây là kết thúc bài thứ 5, cũng là bài cuối cùng trong chương trình phát thanh tưởng niệm các nạn nhân của vụ thảm sát Mậu Thân tại Huế năm 1968. Tưởng cũng xin nhắc lại những gì đã được trình bày trước đây, cuối cùng, sẽ không một ai có đầy đủ thẩm quyền để trả lời câu hỏi: ai, bằng cách nào, và tại sao đã giết nhiều ngàn người Huế chỉ trong vòng vòn vẹn chưa đến 1 tháng?

Có lẽ, chỉ có người dân Huế, với tư cách là nạn nhân của thảm kịch, mới có quyền đòi hỏi công lý, đòi hỏi sự phán xét, và cả quyền đưa ra những lên án. Loạt bài tưởng niệm Biến Cố Mậu Thân tại Huế, xin hãy được xem là một nén hương, được thắp lên, để tưởng niệm những người đã chết, và cũng để chia buồn cùng tất cả những thân nhân đang còn sống, trong một biến cố đã bị chính quyền Hà Nội giữ kín gần nửa thế kỷ qua.

Tết Mậu Thân ở Huế Hoàng Liên

11 Tháng Ba 2016

(Là 1 tù nhân quan trọng nên tác giả đã sớm được giải ra Bắc để khai thác, vì thế đã may mắn sống sót sau hàng chục năm vất vưởng trong hầu hết trại tù rừng rợn nhất tại rừng rú Việt Bắc.)

Tiếng súng nghe gần hơn, nổ liên hồi. Tôi nhìn đồng hồ: gần 4 giờ sáng. Thật là khác thường, vì theo thông lệ Việt cộng (VC) chỉ xuất quân trong đêm tối, và rút khỏi chiến trường khi trời gần sáng. Tôi vội vàng gọi điện thoại cho tiểu khu Thừa Thiên. Không ai trả lời. Giấy điện thoại bị đứt rồi chăng? Tôi liền đánh thức vợ và các con tôi dậy, rồi bước xuống tầng dưới để tìm nơi ẩn nấp. ánh đèn điện vụt tắt. Trời chưa sáng. Ánh sáng mờ nhạt, yếu ớt chỉ đủ giúp cho tôi nhận ra một hành lang dẫn đến một căn phòng nhỏ ở phía sau ngôi nhà. Đang quanh quẩn tìm một ngõ ra, tôi bỗng nghe tiếng vợ tôi gọi, rồi hai người bộ đội VC đội nón cối bước vào và yêu cầu tôi bước qua phòng khách.

Sự việc xảy ra thật nhanh chóng và đột ngột. Vừa ngồi

xuống ghế, chưa kịp nhận rõ tình hình, tôi đã thấy vài bộ đội VC dẫn một số người khác tiến vào. Chỉ trong chốc lát, phòng khách rộng lớn của Toà Đại Biểu Chánh Phủ đã chật kín những người, phần đông đang mặc quần áo ngủ, vẻ mặt bàng hoàng, ngượng ngập. Không ai nói với ai một lời. Trong số những người tụ tập tại đây, tôi thoáng thấy chiếc áo dài của linh mục Nguyễn Văn Thích, một học giả, một giáo sư đáng kính của đất Thần Kinh. Đó đây, những bộ mặt đăm chiêu, lo lắng. Ai cũng đang suy nghĩ biến cố vừa mới xảy ra.

Tôi nhớ lại. Cuối tháng giêng 1968, sau khi thu xếp xong công việc tại văn phòng và chia tay với các bạn đồng sự tại Đà Nẵng, tôi chuẩn bị về Huế ăn Tết và thăm gia đình. Tôi xa miền Trung đã lâu, và trên bước đường phục vụ của một người công chức, luôn luôn thay đổi nhiệm sở, tôi ít có dịp trở về dưới gối song thân. Cho nên sau này, được thuyền chuyển về Đà Nẵng, tôi dự trù về Huế trong dịp Tết, dù trong mấy ngày gần đây có những tin đồn rằng Việt cộng sẽ tấn công vào cố đô trong dịp đầu Xuân. Vào những ngày cuối năm, được tin chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã chấp nhận đề nghị hưu chiến của đối phương trong ba ngày Tết, tôi không ngần ngại gì nữa, giữ nguyên ý định về thăm nhà, và sẽ trở lại Đà Nẵng vào ngày mùng 4.

Ngoài khung cửa sổ lớn, những chiếc máy bay trực thăng lượn nhiều vòng trên nền trời đã sáng rõ, và bắn từng hồi đạn dài. Về sau, tôi biết những máy bay đó bắn vào nhà ga Huế, và gây ra một số thương vong cho đối phương.

Số người tập trung một lúc một đông, và mấy người bộ đội VC dồn chúng tôi cả ra sân, máy bay vẫn tiếp tục lượn trên đầu chúng tôi và bắn phá mỗi lúc một dồn dập hơn, nên chúng tôi chạy vào nấp trong cái am nhỏ ở góc sân

khuân viên Toà Đại Biểu Chính Phủ.

Mấy người bộ đội và công an viên chạy đi chạy lại, thì thầm thảo luận. Có lẽ họ đang phân loại chúng tôi, vì chỉ một lúc sau, khoảng mười giờ họ gọi một số người trong đó có tôi, đến tập trung ở phía trước cổng ra vào rồi dẫn chúng tôi ra khỏi Toà Đại Biểu Chính Phủ. Chúng tôi xếp hàng hai rồi chậm rãi cất bước, lòng hoang mang không biết sẽ đi về đâu, và đối phương sẽ có biện pháp gì với chúng tôi.

Đoàn người hướng về phía Bến Ngự, đi một quãng ngắn, rồi dừng lại trước một ngôi nhà gạch lợp ngói bên đường. Trong ngôi nhà khá rộng, một số độ 20 người đang đứng lộn xộn, bao quanh mấy người bộ đội và vài thanh niên mặc thường phục, đeo một băng màu đỏ ở cánh tay. Tôi đoán những người thanh niên đó là những người nằm vùng, bấy lâu âm thầm hoạt động cho địch trong hàng ngũ chúng ta, nay cho rằng thời cơ đã đến, nên xuất đầu lộ diện. Về mặt và dáng điệu cố làm ra quan trọng, họ tỏ ra hăng hái và lạc quan quá mức - và có lẽ quá sớm. Một người phương Tây, khoảng độ 30 tuổi, hơi gầy, mặc một chiếc áo mưa màu xanh đậm phủ ra ngoài bộ quần áo ngủ, đang sôi nổi phân trần với mấy công an viên VC. Bằng cử chỉ và bộ điệu, bằng những tiếng Pháp thật đơn giản, anh cố giải thích cho họ hiểu rằng anh không phải là kẻ thù của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam:

- De Gaulle, Hồ Chí Minh, Amis.

Vừa nói, hai bàn tay của chính anh lại bắt vào nhau, làm cho tôi nhớ đến hình vẽ hai bàn tay siết chặt in trên những bao nhựa tặng phẩm của chương trình viện trợ Mỹ. Một người trong bọn chúng tôi lẩm bẩm:

Hắn là người Pháp, dạy ở trường đại học Huế.

Chúng tôi tìm chỗ ngồi trong ngôi nhà rộng, lắng nghe tiếng máy bay, tiếng đạn nổ liên hồi, dò xét thái độ của các cán bộ, bộ đội để phỏng đoán sự biến chuyển của chiến cuộc. Nhưng không có một biến cố nào xảy ra, và đến sẩm tối, mấy cán bộ dẫn chúng tôi trở về Toà Đại Biểu Chính Phủ. Lần này, họ đưa chúng tôi vào nhà để xe hơi rộng lớn và trống trải ở bên ngôi nhà chính. Không ăn uống gì suốt một ngày, tôi vẫn không thấy đói. Nằm dài xuống nền xi măng lạnh lẽo, tôi suy nghĩ về hoàn cảnh của chúng tôi rồi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi tỉnh giấc, chúng tôi lại nghe tiếng máy bay lượn vòng quanh và tiếng súng nổ đó đây từng hồi dài. Thời gian lặng lẽ và chậm rãi trôi trong sự chờ đợi căng thẳng với những nỗi thắc mắc không giải đáp được. Đến chiều, không hiểu tại sao, chúng tôi lại được đưa lên một phòng ngủ trên lầu hai của ngôi nhà chính. Tại đây, đã có một số đồng người được tập trung lại. Do một sự tình cờ của số mệnh, tôi bị giam giữ ngay trong căn phòng mà tôi đã sử dụng trong mấy ngày Tết ở Huế. Các vật dụng bị lục soát, xáo trộn bừa bãi trên sàn nhà. Cái xách tay đựng mỹ phẩm và nữ trang của vợ tôi bị chọc thủng và các nữ trang đã biến mất. Cái máy vô tuyến truyền hình nhỏ cũng bị đánh vỡ mặt kính. Về sau, có người cho tôi hay rằng các bộ đội VC không biết máy TV là cái gì, nên tưởng lầm là điện đài thông tin. Cũng như khi mở tủ lạnh, những bộ đội miền Bắc nhìn thấy những lon bia có cái khâu tròn để mở, vội cho đó là những quả lựu đạn.

Mất hết tài sản, tôi không thấy tiếc, bởi vì ngoài tính mạng của tôi và của những người cùng cảnh ngộ, chúng tôi đang lo mất một điều ngàn cân đáng giá hơn: vận mệnh của đất nước. Một người không quen nhìn tôi, chỉ

vào cái hộp đựng nữ trang, chán nản lắc đầu. Tôi chỉ lặng lẽ mỉm cười, và người đó cũng đáp lại bằng một nụ cười thông cảm...

Lúc đó, biết tôi đã trở lại Toà Đại Biểu Chính Phủ, nhà tôi bùng đến một bát cơm. Tôi chia đều cho mấy người bên cạnh, nhưng không ai muốn ăn, và cả tôi cũng không thấy đói, mặc dù không ăn uống gì từ ngày hôm qua. Chúng tôi chỉ hút thuốc lá và trầm ngâm suy nghĩ. Chiến cuộc rồi sẽ biến chuyển như thế nào ? Số phận những người bị bắt rồi sẽ ra sao? Chính sách VC đối với những người bị bắt trong chiến tranh là như thế nào ? Ngoài Huế ra, VC có tấn công vào vùng khác nữa không, và chính phủ ta đã có những biện pháp nào để đối phó với tình hình? Chúng tôi hoàn toàn bị cô lập, không nhận được tin tức gì bên ngoài, chỉ biết rằng điện và nước đã bị cắt đứt.

Tiếng máy bay trực thăng vẫn xanh xạch đội lên trên nền trời đầy sát khí, và đạn vẫn nổ không ngớt. Ngoài khung cửa sổ, trời đã ngã về chiều, một buổi chiều đầu Xuân u ám, với gió lạnh buốt, như đang chờ đợi một biến cố nào đó sắp xảy ra. Và bao trùm lên trên mọi cảm giác và suy tư, cái ý thức bị mất tự do dần dần trở nên rõ rệt hơn, như một mảnh vải bị thấm nước, cứ thấm màu xuống mãi.

Cánh cửa lớn chợt được mở ra. Một cán bộ mặc đồng phục màu ka ki xanh rêu bước vào, nhìn quanh một lượt, rồi gọi tên một số người trong đó có tôi. Chúng tôi đứng lên, bước theo người cán bộ xuống tầng dưới, rồi ra ngoài sân. Ở đó một đám đông đang xếp hàng đứng đợi. phần lớn, họ còn rất trẻ. Lát sau, tôi biết đó là những học sinh thiếu số người Thượng du đang theo học tại một trường dạy nghề đặc biệt dành riêng cho họ. Tôi bỗng ngạc nhiên nhận ra một người quen: anh Bảo Lộc, phó tỉnh trưởng

tỉnh Thừa Thiên. Chúng tôi nhìn nhau bờ ngõ: người nọ không ngờ người kia cũng bị bắt.

Mấy cán bộ bắt đầu trói tay chúng tôi, cứ hai người buộc tay lại với nhau. Không ai nói ra, nhưng ai cũng hiểu rằng mình sẽ bị đưa đi xa. Tôi nói mấy lời từ biệt với nhà tôi, và cúi xuống hôn đưa con trai út chưa đầy mười tuổi. Nó bàng hoàng, ngơ ngác nhìn tôi. Có lẽ nó ý thức được đó là giây phút bi đát đối với gia đình, và nước mắt trào ra ngoài mí mắt, lặng lẽ, các chị nó còn ẩn nấp trong một căn hầm của Viện Đại Học Huế ở sát Tòa Đại Biểu Chính Phủ.

Vào phút chót, đưa con gái nhỏ của chúng tôi chạy vội ra, vừa khóc vừa đưa cho tôi một cái xách tay đựng hai cái áo lót, một cái khăn, và một cái bi đông đựng nước. Một người cán bộ khoát tay ra hiệu, bảo tôi đừng lấy:

- Không cần thiết, đến trại sẽ có đủ mọi thứ.

Nhưng tôi vẫn cầm lấy, bùi ngùi cảm động trước sự chăm sóc của con.

Chiều đã xuống, một buổi chiều nặng trĩu mây chì, buổi chiều của những gì sắp chấm dứt, của chia lìa. Tôi rùng mình trong cơn gió buốt: chiếc áo len màu đen tôi đang mặc không đủ giữ sức ấm cho cơ thể. Một sân cuối cùng, tôi nhìn những người thân, nhìn quang cảnh hỗn độn của đám người bị giam giữ với những nét mặt lo âu, và tôi thông cảm nỗi hoảng hết của những thân nhân vào tiếp tế. Tôi nhìn mái am cổ kính, mấy hàng cây cao trong sân, ngôi nhà rộng lớn kiến trúc như một nhà ga hàng không, và, không hiểu sao, linh cảm rằng mình sẽ trở lại nơi này, và cuộc chia tay ngắn ngủi và bi đát này không phải là vĩnh biệt...

Chứng Nhân Thâm Lặng

Mậu Thân Ở Huế

Thiên Nga

Thiếu Tá Liên Thành kể chuyện

Dân chúng miền Nam, ai ai cũng kinh hoàng khi nhớ lại hành động bỉ ổi của bọn Việt cộng, lợi dụng những giờ phút linh thiêng của đêm giao thừa tết Mậu Thân, khi mọi người tin vào lời tuyên bố hưu chiến của chúng, đang quây quần bên nhau đón xuân, thì chúng xua quân tràn ngập các tỉnh thành miền Nam, gieo rắc tang tóc cho biết bao dân lành.

Riêng đối với người dân xứ Huế, khi nhắc đến hai chữ Mậu Thân, gần như nó không còn gắn liền theo thứ tự của mười hai con Giáp, mà là một tiếng vọng riêng biệt, có tác động cực mạnh, nhắc nhở đến một cuộc tàn sát man rợ nhất trong lịch sử dân tộc. Trong cuộc tiến công vào dịp Tết Mậu Thân năm 1968, Việt Cộng đã chiếm được thành phố Huế và kiểm soát trên 20 ngày. Trong thời gian đó, chúng đã thủ tiêu, chôn sống, giết chết hàng ngàn người dân vô tội. Khi rút lui chúng cũng đã bắt theo hàng ngàn dân và đã tàn sát tập thể trước khi rút vào mật khu.

Cho đến nay vẫn còn nhiều câu hỏi xung quanh sự kiện này. Đây là một cuộc tàn sát có chủ đích? - Vậy mục đích

đó là gì? - Quy mô cuộc tàn sát này đến đâu? - Ai chịu trách nhiệm?

Vụ thảm sát tại Huế rõ ràng bị giới truyền thông quốc tế lờ đi, chỉ nói sơ qua mà không trình bày tin tức nào cho xứng đáng với tầm mức thực sự. Cộng Sản Hà Nội đã tìm cách xóa đi những dấu tích, có bằng chứng hiển nhiên để chối bỏ trách nhiệm và chạy tội, nhưng lịch sử thì làm sao xóa được... Lại còn những người dân Huế, những Quân, Cán, Chính, những người đã sống, làm việc ở Huế trong thời gian này, mà cuộc tàn sát đẫm máu đó, đã in hằn những nét sâu đậm trong con tim, khối óc họ, nay mới có dịp thuật lại - Họ là những chứng nhân thầm lặng rất đáng tin cậy.

Chúng tôi được hân hạnh nói chuyện với cựu Thiếu Tá Liên Thành, Trưởng Ty Cảnh Sát Thừa Thiên, Huế. Vào thời điểm Tết Mậu Thân anh đang giữ chức vụ Phó Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt. Phần nói chuyện này chỉ chú trọng đến các tin tức tình báo trước và sau tết Mậu Thân, các tội ác của cộng sản, chứ không chú trọng đến vấn đề chiến thuật.

* *

*

Thiên Nga: Cám ơn anh Liên Thành đã đồng ý cho chúng tôi nói chuyện với anh về biến cố Tết Mậu Thân tại Huế. Cũng giống như anh, tôi là người Huế và lại tham chiến trong chiến dịch giải tỏa cố đô. Biến cố Tết Mậu Thân và những điều Việt cộng đối xử với dân Huế đã in đậm một vết nhơ trong lịch sử dân tộc không thể nào xóa mờ được.

Th/Tá Liên Thành: Có gì đâu mà anh phải khách sáo cám ơn, anh với tôi đã quen nhau từ hồi còn đi học. Ông cụ thân sinh của anh là cố Thượng nghị sĩ Trần Điền, người bị VC

sát hại trong dịp Tết Mậu Thân tại Huế, ông là một huynh trưởng kỳ cựu của Hướng Đạo Việt Nam và cũng là bạn của thân phụ tôi. Điều tôi thắc mắc là tại sao anh lấy danh hiệu là Thiên Nga, có vẻ con gái quá, hay là tên cô bồ cũ?

Thiên Nga: Anh nhắc đến ông cụ thân sinh cũng làm cho mình buồn, hai cụ thân thiết với nhau cũng giống như anh và tôi. Thân phụ anh là con của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Sau ngày 30/4/1975, cụ cũng không thể nào thoát được sự dày dọạ trả thù của bè lũ VC. Còn nói về danh hiệu Thiên Nga thì có gì đâu, đó là danh hiệu truyền tin cuối cùng năm 1975 của tôi đó. Dùng tên đó như một kỷ niệm vậy thôi.

Bây giờ chúng ta đi vào đề tài: Huế, Tết Mậu Thân.

Như anh đã biết khi đơn vị quân đội muốn mở một cuộc hành quân thì phải biết tình hình và lực lượng địch. Điều mà tôi muốn biết là về phía tình báo của các anh, các anh đã biết gì về hoạt động và những sự chuẩn bị của VC để tấn công Huế.

Th/Tá Liên Thành: Câu hỏi của anh rất tổng quát nên tôi phải trả lời hơi dài giòng một tí cho nó rõ ràng. Như anh đã biết, hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên là Khu 11 Chiến Thuật của Quân Khu 1. Năm 1966 theo quyết định của trung ương đảng CS, chúng gọi hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên là Quân Khu Trị Thiên và tên được bổ nhiệm chỉ huy đầu tiên là Thiếu tướng Trần Văn Quang. Phụ tá cho Trần Văn Quang kiêm trưởng ban an ninh quân khu là Đại Tá Lê Minh. Bộ chỉ huy quân khu của chúng di động trong vùng A Sao, A Lưới, Tà Bạt hoặc vùng quốc lộ số 9, đường đi nam Lào. Cái gọi là quân khu Trị Thiên của VC không có đơn vị chủ lực cơ hữu, chúng sử dụng các đơn vị của tỉnh đội Thừa

Thiên và Quảng Trị làm đơn vị nòng cốt cho chúng. Khi cần mở các cuộc hành quân lớn, chúng sẽ điều động các đơn vị chủ lực từ phía bắc vĩ tuyến 17 xâm nhập vào. Đường xâm nhập của chúng là vượt sông Bến Hải, qua vùng phi quân sự hoặc xâm nhập theo đường 9 Nam Lào. Đơn vị nòng cốt của tỉnh đội Thừa Thiên là Trung đoàn 5 đặc công, gồm có Tiểu đoàn K1 và K12. Trung đoàn này do tên Thân Trọng Một chỉ huy. Tên này là dân Huế, thuộc làng Nguyệt Biều, theo VC từ hồi còn kháng chiến chống Pháp.

Bây giờ chúng ta nói về biến cố Tết Mậu Thân tại Huế và sự điều động các đơn vị của VC. Khi Trung ương đảng Cộng sản quyết định đánh Huế thì tên chỉ huy quân khu Trị Thiên là Trần Văn Quang và Lê Minh phản đối, viện lý do là không đủ quân số. Quân số của chúng chỉ khoảng 4500 và đạn dược chỉ đủ dùng trong vòng một tuần đến 10 ngày. Nếu đánh chiếm Huế muốn cố thủ lâu dài theo lệnh của trung ương thì không đủ quân số, chúng quyết định xin trung ương tăng viện. Trung ương bảo rằng cứ đánh chiếm đi rồi sẽ có tăng cường. Nhưng đó chỉ là đòn đánh lừa của Trung ương đối với Quân khu Trị Thiên mà thôi.

Khi đánh chiếm Huế chúng chia làm ba mặt trận:

- Thứ nhất là mặt trận Thành Nội do tên đại tá Lê Trọng Mậu chỉ huy.

- Thứ hai là mặt trận Quận Nhì do tên chính uỷ Hoàng Lan chỉ huy.

- Thứ ba là mặt trận Quận Hữu Ngạn tức Quận Ba do tên Nguyễn Mậu Hiền bí danh Bảy Lan chỉ huy. Tên Bảy Lan là con nuôi của nhà thuốc bắc Thiên Tường tại chợ An Cựu.

Khi chiếm được vùng An Cựu thì Thiên Tường và hai người con trai đã đi lòng bắt tất cả những người quốc gia cư ngụ trong vùng Dòng Chúa Cứu Thế. Trong đó có cả

thân phụ của anh là cố Thượng nghị sĩ Trần Điền , chúng đã bắt đi và sát hại trên 500 người. Hai người con trai của Thiên Tường là cán bộ Xây Dựng Nông Thôn, thuộc loại nằm vùng của VC.

Thiên Nga: Lúc đó tôi đi phép về nhà ăn Tết và cũng suýt bị chúng bắt. Tôi biết nhà thuốc bắc Thiên Tường ở gần cầu An Cựu. Vậy khi chúng bắt các nạn nhân đi rồi thì cha con Thiên Tường đi theo chúng luôn hay vẫn còn trụ lại tại chỗ?

Th/Tá Liên Thành: Chúng vẫn còn lẫn lẩn tại chỗ, vì nghĩ rằng VC sẽ chiếm giữ thành phố Huế lâu ngày. Sau khi biết được hành động của cha con Thiên Tường, ngày mùng 7 Tết, tôi ra lệnh cho một biệt đội đặc biệt phải bắt cho bằng được cha con Thiên Tường. Biệt đội đã thành công, bắt được cả ba cha con.

Bây giờ trở lại vụ tấn công Tết Mậu Thân. Giờ giấc khởi sự vụ tấn công thì sách vở cũng đã nói giờ này giờ khác, riêng tôi liên lạc với các Cuộc Cảnh Sát trong toàn thành phố thì biết trái súng cối đầu tiên nổ ở sân bay Thành Nội là hiệu lệnh tấn công của VC. Sau khi có hiệu lệnh tấn công thì Thân Trọng Một tấn công vào lãnh thổ Quận Hữu Ngạn tức Quận ba, chúng đã chiếm được hết, ngoại trừ Ty Cảnh Sát, cơ quan MAC-V của Mỹ và Tiểu Khu Thừa Thiên. Lý do chúng không chiếm được Ty Cảnh Sát và Tiểu Khu Thừa Thiên là do sức kháng cự mãnh liệt của quân trú phòng. Một điều đáng chú ý là Ty Cảnh Sát và cơ quan MAC-V nằm đối diện với nhau, bên này và bên kia đường. Chúng tấn công Ty Cảnh Sát vào đúng 3giờ15 sáng mùng 1 Tết, kéo dài cho đến sáng, chúng tấn công nhiều đợt nhưng vẫn không làm gì được. Chúng tôi dùng lựu đạn từ trên lầu ném

xuống, cho nên chúng không thể tấn công vào được. Một điều vô cùng ngạc nhiên là VC tấn công Ty Cảnh Sát bên này đường, trong khi đó cơ quan MAC-V bên kia đường vẫn bình an vô sự. Cơ quan MAC-V tắt đèn nằm im, không bắn một phát súng. Tôi thắc mắc vô cùng, tự hỏi không hiểu tại sao. Cuối cùng tôi có một quyết định thật táo bạo, tôi dùng súng phóng lựu M79 bắn hai phát vào cơ quan MAC-V. Sau khi hai phát đạn M79 nổ vào cơ quan MAC-V thì còi báo động của cơ quan này hú vang và lính Mỹ lúc đó mới xuất hiện, hai chiếc xe tăng ở đầu đó trong cơ quan MAC-V lù lù chạy ra trấn giữ ngay trước cổng. Thế là Ty Cảnh Sát coi như được hai chiếc xe tăng bảo vệ. Việt Cộng rút lui và chúng tôi an toàn.

Thiên Nga: Sau một đêm bị tấn công, đơn vị của anh có bị thiệt hại nào không?

Th/Tá Liên Thành: Không có thiệt hại nào đáng kể, nhưng có một điều vô cùng đau lòng mà sau này tôi mới phát giác ra, đó là chuyện ông Trưởng Ty Cảnh Sát của tôi là ông Đoàn Công Lập. Tôi là Phó Ty Đặc Biệt. Sáng hôm đó ông bảo tôi: Anh lo phòng thủ Ty Cảnh Sát còn tôi sẽ ra chiếm đài phát thanh. Tôi bảo: Làm sao anh đi được. Thế mà ông ấy đã làm được. Ông cho đục bức tường ở phía sau Ty Cảnh Sát và đem một trung đội ra chiếm được đài phát thanh, trên đường đi ông không đụng độ với đơn vị VC nào, kể cả khi vào đến đài phát thanh. Lúc đó tôi phục ông ta vô cùng. Nhưng đến mùa hè đỏ lửa năm 1972, khi tôi bắt được tên Trung tá Hoàng Kim Loan mới phát giác ra là ông Trưởng Ty của tôi là nội tuyến. Mục đích của ông ta khi chiếm đài phát thanh ngày mồng 7 Tết là: nếu VC đánh thắng, thì sẽ cho phát thanh cuốn băng thâu sẵn của Lê Văn Hảo. Tôi nói

sơ qua về Đoàn Công Lập, anh ta là người của trung đoàn 95 đánh nhau với quân đội Pháp ở vùng Thiên Hương, sau đó anh ta về hồi chánh, nhưng đó chỉ là sự đầu thú trá hình, về nằm vùng cho đến năm 1966 thì được ra làm Trưởng Ty Cảnh Sát Thừa Thiên. Đến năm 1968 chúng xử dụng Đoàn công Lập chiếm giữ đài phát thanh để nếu chiếm được Huế sẽ cho phát thanh cuốn băng của Lê Văn Hảo.

Thiên Nga: Coi như VC đã chiếm được một phần rất lớn thành phố Huế. Tại sao lúc đó Đoàn Công Lập không cho phát thanh cuốn băng thu âm của Lê Văn Hảo?

Th/Tá Liên Thành: Chúng nó chưa cho phát thanh cuộn băng đó vì tại Quận Nhất chúng chưa chiếm được Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Quận Ba chúng chưa chiếm được Ty Cảnh Sát, chưa chiếm được MAC-V và Tiểu Khu Thừa Thiên, nên xem như chúng chưa thành công. Chúng chỉ chủ động được trong vòng khoảng 7 ngày. Trong vòng 7 ngày đó quân đội Mỹ không tham chiến. Một điều tức tối và ngoài sức tưởng tượng của mình là xe VC chạy dưới đường và lính Mỹ đứng trên lầu MAC-V đưa tay “hello”.

Thiên Nga: Lúc đó anh có biết tình hình về phía Sư Đoàn 1 và Tiểu Khu ra sao không?

Th/Tá Liên Thành: VC đánh vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 nhưng không làm sao chiếm được. Thiếu tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn bị kẹt ngay ngày đầu tiên tại tư thất ở đường Lê Thánh Tôn. Trung tá Tỉnh Trưởng Lê Văn Khoa đã trốn thoát và ẩn náu trong bệnh viện Trung ương Huế. Ông Tổng Lãnh Sự Mỹ bị kẹt trong tòa Tổng Lãnh Sự tại đường Lý Thường Kiệt và bị bắt. Một trung đội TQLC Mỹ xuất phát từ cơ quan MAC-V đến giải cứu ông Tổng Lãnh Sự

thì đã quá trễ. Trên đường trở về lại MAC-V, trung đội này đã cứu được Tướng Ngô Quang Trưởng. Tướng Trưởng bị kẹt một ngày một đêm mới vào được Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn tại Mang Cá. Trung Tá Phan Văn Khoa đến 7 ngày sau mới vào được Tiểu Khu. Trong suốt 7 ngày đầu của cuộc chiến, tôi liên lạc với Tiểu Khu thì chỉ có một người duy nhất trả lời là Đại úy Nguyễn Văn Tố, Tham mưu Trưởng.

Thiên Nga: Là người điều hành ngành Cảnh Sát Đặc Biệt, anh có biết được những tin tức hoặc dấu hiệu gì là VC sẽ tấn công Huế hay không?

Th/Tá Liên Thành: Trước khi xảy ra trận Tổng công Kích Tết Mậu Thân, thật tình mà nói ai cũng biết là VC sẽ tấn công, không phải chỉ VNCH biết mà phía Mỹ cũng dư sức để biết. Nhưng chỉ không biết vào thời điểm nào thôi. Tin tức chúng tôi nhận được có rất nhiều chỉ dấu là VC đang chuẩn bị. Thứ nhất về vấn đề quân sự, các tin tình báo cho biết các đơn vị quân sự của địch đã di chuyển về gần thành phố hơn, nguồn tin kỹ thuật phát hiện rất nhiều điện đài lạ hoạt động trong phạm vi gần thành phố. Một chỉ dấu quan trọng khác là các cơ sở hoạt động của VC ở gần Huế đã biến mất hết, các nhân viên nằm vùng của chúng ta trong cơ sở của địch đã không liên lạc được. Sau đó chúng tôi được biết các cơ sở đó chúng đã gọi về mật khu họp kín và giữ lại đó không cho về để bảo mật. Đến những ngày gần Tết, tin tức từ các quận gửi về cho biết là không hiểu tại sao dân chúng lại giết chó nhiều quá. Chúng đã chuẩn bị để khi đơn vị chúng di chuyển khỏi bị lộ vì chó sủa. Một chỉ dấu kế tiếp nữa là chúng ra lệnh cho dân chúng tích trữ lương thực. Một số cơ sở không quan trọng được chúng điều động trở ngược lên xâm nhập vào dân chúng,

với mục đích chuẩn bị tải thương. Điều quan trọng cuối cùng là một số thành phần thoát ly năm 1966 đã đột nhập nội thành (năm 1966 xảy ra biến cố Phật Giáo tranh đấu tại miền Trung, sau biến cố đó các thành phần được VC gài vào trong phong trào đã bị lộ mặt, nên chúng phải rút vào mật khu, như các tên Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Phan Duy Nhân, Nguyễn Đắc Xuân...). Phía Cảnh Sát đã biết sự xâm nhập đó, kể cả những buổi hội họp của chúng, nhưng tôi chưa cho lệnh bắt vì chờ đợi cho đầy đủ sẽ hốt luôn một mẻ lớn.

Một nguồn tin quan trọng khác mà chúng tôi nhận được là: toán tiền sát của Tiểu đoàn Đặc công K1 của chúng đã xâm nhập thành phố Huế. Sau khi phối hợp và tổng kết những tin tức đã thu nhận được, tôi đã làm tờ tường trình và trình lên cho Tr/Tá Phan Văn Khoa. Trong tờ tường trình tôi cũng kèm theo những dữ kiện do cơ quan tình báo Mỹ cung cấp và của cố vấn Cảnh Sát đặc biệt cung cấp. Năm nay cũng như các năm trước, phía VC và chính phủ VNCH đồng thỏa thuận đình chiến trong dịp Tết Nguyên Đán. Vì lý do đó, trong những ngày gần Tết, các đơn vị trong Tiểu Khu đều được xả trại để về nhà ăn Tết. Tôi báo với Tr/Tá Khoa là VC đã xâm nhập vào thành phố quá nhiều, thế nào chúng cũng tấn công.

Thiên Nga: Tiểu Khu Thừa Thiên đã phản ứng như thế nào đối với các bản báo cáo của anh?

Th/Tá Liên Thành: Tôi đề nghị với Tr/Tá Tỉnh Trưởng ra lệnh cấm trại, vì anh em binh sĩ được về nhà ăn Tết, trong đơn vị chẳng còn bao nhiêu người. Cũng đề nghị Tr/Tá lên đài phát thanh ra lệnh giới nghiêm kêu gọi anh em binh sĩ trở lại đơn vị. Sau đó tôi cùng đi với Tr/Tá Khoa

đến BTL/SĐ1 trình bày với tướng Trưởng nhưng tướng Trưởng bảo rằng tin tức phải xem lại, không chính xác. Các đề nghị của tôi đều không được chấp thuận.

Cuối cùng tôi đành làm liều một mình. Chiều 30 Tết tôi cho Cảnh Sát Dã Chiến hành quân bao vây và thanh lọc chợ Đông Ba. Từ phía Ty Thông Tin trên đường Trần Hưng Đạo kéo dài cho đến cầu Gia Hội đều được kiểm soát chặt chẽ. Sau đó kêu gọi tất cả dân chúng đang buôn bán trong chợ phải ra khỏi chợ để trình giấy tờ. Chúng tôi đã bắt được tám tên đặc công đang ẩn nấp trong chợ (tất cả tám tên đặc công này đều được xác nhận bởi thành phần chỉ điểm của ta).

Thiên Nga: Bây giờ xin anh nói đến sự hoạt động của VC khi chúng đã chiếm được Huế một thời gian khá dài là 29 ngày. Trong thời gian đó chúng đã làm gì và tổ chức những gì?

Th/Tá Liên Thành: Tôi không nói đến vấn đề quân sự, vấn đề các đơn vị của QLVNCH và đơn vị của Mỹ tái chiếm thành phố Huế vì không thuộc phạm vi của tôi. Bây giờ nói đến phía VC, chúng đã làm gì khi chiếm được một phần của thành phố Huế.

Khi chiếm được Huế, chúng tổ chức hai lực lượng:

- Một lực lượng chúng gọi là Ủy Ban Nhân Dân. Lực lượng này do tên Hoàng Kim Loan điều động và giao cho Nguyễn Hữu Vấn là giáo sư trường Cao Đẳng Mỹ Thuật làm chủ tịch.

- Lực lượng thứ hai là lực lượng Liên Minh Dân Chủ Dân Tộc Hoà Bình của Trịnh Đình Thảo giao cho Lê Văn Hảo làm chủ tịch. Lê Văn Hảo là giáo sư Nhân chủng học đại học Huế và Sài Gòn. Hảo gốc người Huế, sang Pháp học từ

năm 1953. Tại Paris, Hảo chịu ảnh hưởng của Trần Văn Khê và Nguyễn Khắc Viện. Về nước năm 1965 Hảo dạy học ở Huế và Sài Gòn. Năm 1966 Hảo tham gia phong trào “ly khai” ở Huế. Giữa năm 1967 Hảo được bạn học cũ là Hoàng Phủ Ngọc Tường Và Tôn Thất Dương Tiềm, một cán bộ cộng sản nằm vùng, móc nối vào mặt trận giải phóng miền Nam. Phó chủ tịch gồm có bà Tuần Chi (tên thật là Đào Thị Xuân YẾN) hiệu trưởng trường nữ trung học Đồng Khánh và “Ôn Linh Mụ” tức Hoà Thượng Thích Đôn Hậu (đương kim Chánh Đại Diện Phật Giáo miền Vạn Hạnh). Các thành phần cốt cán gồm có: Nguyễn Đóa cựu giám thị trường Quốc Học, Hoàng phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Phan Duy Nhân, Phạm Thị Xuân Quế, Tôn Thất Dương Tiềm, Tôn Thất Dương Kỳ, Tôn Thất Dương Hanh...

Sau đó tên Nguyễn Đắc Xuân tổ chức thêm một lực lượng nữa là Lực lượng Nghĩa Binh. Năm 1966 chính tên Xuân đã tổ chức đoàn “Phật tử quyết tử”. Chúng gọi lực lượng này là quân nhân ly khai, lực lượng gồm những quân nhân đi phép Tết bị kẹt trong vùng chiếm đóng của chúng. Một số quân nhân này cũng đã bị thiệt mạng khi quân đội VNCH tái chiếm Huế. Tên Nguyễn Đắc Xuân cũng đã lập thêm một lực lượng Nghĩa Binh Cảnh sát, giao cho Nguyễn Văn Cán là cựu Trưởng Ty Cảnh Sát làm đoàn trưởng. (Nguyễn Văn Cán làm Trưởng Ty Cảnh Sát sau khi Tổng Thống Ngô đình Diệm bị lật đổ, ông này là ngạch Quận Trưởng, có bằng cử nhân Luật, là em ruột của bà chủ tiệm Phú Nghĩa trên đường Trần Hưng Đạo Huế. Ông ta có người anh tập kết ra Bắc, là cơ sở nằm vùng của Hoàng Kim Loan.)

Thiên Nga: VC chiếm được Huế gần một tháng và

chúng đã giết hại trên năm ngàn người. Theo ý anh tại sao chúng không lấy lòng dân chúng mà lại tàn sát dã man như vậy?

Th/Tá Liên Thành: Tôi cũng thắc mắc giống như anh, không hiểu tại sao chúng muốn chiếm đất mà lại giết dân, nhưng sau đó tôi được biết lý do. Kể cho anh hơi dài dòng một tí. Có một hôm, chiếc xe Jeep của tôi bị gài mìn ngay dưới ghế ngồi của tôi, nhưng may quá, mìn không nổ. Khi điều tra thì tôi bắt được một người cảnh sát dã chiến của tôi làm nội tuyến cho VC và chính tên này đã gài mìn vào xe tôi. Điều tra và phăng theo đường dây, tôi bắt được tên huyện ủy viên của quận Phú Vang là Hồ Ty, bí danh Sơn Lâm. Đây là tên chủ chốt thi hành lệnh của quân ủy Trị Thiên: thanh toán tất cả những người bị chúng bắt theo khi rút lui khỏi Huế. Khi điều tra, tôi hỏi nó tại sao lại giết tất cả những người chúng đã bắt đem theo. Tên Sơn Lâm cho biết rằng khi chúng rút lui thì bị quân đội VNCH và Mỹ truy đuổi quá gắt gao, lo cho đơn vị cũng không nổi làm sao làm lo được cho tù binh. Vả lại số người bị chúng bắt theo quá nhiều, đã làm vướng bận không thể rút lui nhanh được, lệnh của quân khu Trị Thiên là giết tất cả tù binh. Vụ thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế đến giờ này chúng ta cũng không biết đây là lệnh của quân Khu Trị Thiên hay là chính sách của trung ương đảng Cộng Sản VN. Về phía nhà cầm quyền CS thì chúng luôn luôn chối bỏ không có vụ giết trên 5.000 ngàn người tại Huế .

Thiên Nga: Làm sao chúng có thể chối bỏ việc thảm sát dân Huế được, đây là một tội ác tày trời. Tóm tắt chỉ có một điều: không có gì -ngoài tội ác- có thể biện minh cho những cái chết oan khiên của người dân

xứ Huế. Đối với người dân Huế, khi nhắc đến hai chữ Mậu Thân, gần như nó không còn gắn liền theo thứ tự của mười hai con giáp, mà như là một tiếng vọng đặc biệt, tượng trưng cho một cuộc tàn sát man rợ. Ai chịu trách nhiệm cho cuộc tàn sát này? Bộ chính trị Trung ương đảng Cộng Sản VN phải trả lời như thế nào đối với lịch sử dân tộc về hành động giết người dã man này? Đây có phải là cuộc tàn sát đẫm máu nhất, lớn nhất trong cuộc chiến tranh giữa người Việt Quốc Gia và Cộng Sản không?

Th/Tá Liên Thành: Tôi rất đồng ý với anh, đây là tội ác tày trời, nói theo giọng điệu của VC là: “Trời không dung, đất không tha”. Dầu có viết một cuốn sách thật dày cũng không liệt kê hết được những tội ác của bọn chúng. Khi dẫn tên Sơn Lâm đi chỉ những hầm chúng chôn xác nạn nhân, tôi hỏi nó: “Tại sao các anh dã man tàn ác vậy, cũng là người với nhau, không thù không oán gì cả mà các anh dùng cuộc đánh vào đầu người ta cho đến chết thì tôi không thể nào tưởng tượng nổi, đối với con vật chúng ta cũng không thể nào làm như vậy. Nó bảo: “Các anh phải biết rằng, chúng tôi không có đạn, đạn phải để dành để đánh nhau với các anh chứ đạn đâu mà bắn tù, lệnh trên bảo dùng phương tiện cuộc xẻng, dao búa để thanh toán. Chúng tôi không thể đem theo tù binh được nên phải giết hết, tha giết lầm còn hơn bỏ sót, vì biết đâu trong số tù binh đó có người làm tình báo hoặc làm cho CIA, cho nên chúng tôi đâu có tha được.”

Những sự thật không thể chối bỏ Ai làm cho Huế đau thương? Đặng Chí Hùng

Trong một dịp đến Huế, tôi đã được gặp và nói chuyện với một anh bạn hơn tôi gần 10 tuổi. Anh ấy là con của một nữ chiến sỹ quân đội nhân dân Việt Nam và anh ấy vừa xin ra khỏi đảng. Tôi vô tình gặp anh và anh đề nghị tôi giữ kín danh tính cho anh đến ngày đất nước có tự do, dân chủ thực sự anh ấy sẽ công khai tất cả những sự thật đau thương của Huế năm 1968 mà mẹ của anh chính là một nhân vật trong cái gọi là “phe chiến thắng” ấy.

Mẹ của anh là trung đội phó một trung đội chuyên đi chặt đầu, treo cổ và chôn sống đồng bào tại Huế. Khi bà thức tỉnh thì bà đã bị chết một cách kỳ quái không rõ nguyên nhân và đến nay mặc dù bà mẹ của anh chết trong chiến tranh nhưng vẫn không được công nhận là liệt sỹ. Cũng bởi vì cuốn nhật ký ghi lại tội ác của bà và những nhận xét có phần ăn năn của bà đã khiến nó bị bộ chỉ huy quân sự tỉnh thừa thiên Huế tịch thu mất.

Trong khuôn khổ bài này tôi xin không bình luận về anh ấy và cũng không bình luận về câu chuyện của bà mẹ anh ấy. Nhưng đó là mở đầu thay cho lời tựa của bài viết về một sự thật đau thương cho gần 5.000 người dân vô tội tại Huế

đã bị bác Hồ và đảng của bác giết hại oan khuất.

Tôi viết bài này để cầu mong cho gần 5.000 nghìn linh hồn oan khuất ấy được siêu thoát như một tấm lòng chân thành của một người đáng tuổi con cháu đối với những người bị cộng sản tàn ác giết chết. Sự thật là trước tôi có rất nhiều người viết về sự kiện này nhưng đa phần chỉ nói đến vai trò của ông Hồ một cách mơ hồ hoặc không có bằng chứng rõ nét. Bài viết này của tôi sẽ chứng minh cho bạn đọc thấy sự thật về vai trò cầm đầu trong cuộc thảm sát tại Huế năm 1968 của ông Hồ.

A. Huế tang tóc:

Sự thật lịch sử luôn công bằng và chính xác dù có bị che khuất bởi mưu toan chính trị nào cũng sẽ dần bị phanh phui. Đảng cộng sản là một đảng có truyền thống làm việc này. Trong khuôn khổ phần này tôi xin chứng minh ai là



Di cốt nạn nhân của Cộng sản VN ở Huế trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân 1968

người giết hại đồng bào Huế vô tội một cách dã man nhất. Tôi xin không nhắc lại diễn tiến của những trận đánh gây tan hoang miền Nam của cộng sản. Tôi xin đi sâu vào hậu quả và những kẻ chủ mưu của tội ác đó.

1. Những con số khủng khiếp:

Trên thực tế con số của nhân dân Huế bị cộng sản giết hại được thống kê từ nhiều nguồn khác nhau. Tôi xin minh chứng ra sau đây một số nguồn để thấy rõ sự thật về những con số khủng khiếp mà nó là kết quả của chính sách bạo tàn của đảng cộng sản.

Đầu tiên, Theo báo cáo tổng kết của Douglas Pike, lúc bấy giờ là nhân viên hành chính ngoại giao của cơ quan thông tin Hoa Kỳ, năm 1970 trong cuốn sách "Vietcong Strategy of Terror":

"Câu chuyện (về Huế) chưa chấm dứt. Nếu ước đoán của giới chức Huế được coi như gần đúng, khoảng 2.000 người vẫn còn mất tích. Tổng kết về người chết và mất tích như sau:

Tổng số dân sự tử vong: 7.600 - chết lẫn mất tích;

Chiến trường: 1.900 bị thương vì chiến cuộc; 944 thường dân chết vì chiến cuộc;

Nạn nhân của những vụ giết tập thể:

1.173 - số tử thi tìm trong đợt đầu sau cuộc chiến, 1968;

809 - số tử thi tìm trong đợt nhì, kể cả tìm thấy ở đụn cát, tháng 3-7 năm 1969;

428 - số tử thi tìm trong đợt thứ ba, trong khe Đá Mài (khu Nam Hoa) - tháng 9 năm 1969;

300 - số tử thi tìm trong đợt thứ tư, khu Phu Thu, tháng 11 năm 1969;

100 - số tử thi tìm thấy các nơi trong năm 1969

- mất tích (tính đến năm 1970)".

Qua đó có thể thấy được tính chất dã man của cộng sản với nhân dân. Tuy nhiên bên cạnh con số của D.Pikes cũng cần phải phân tích sự xuất hiện của hai ý kiến khác thuộc về phía những người Mỹ. Theo wiki

(links: http://vi.wikipedia.org/wiki/Thảm_sát_Huế_Tết_Mậu_Thân) có viết:

Theo Gareth Porter ("*The 1968 'Hue Massacre'*". *Tạp chí Indochina Chronicle* số 33, 24/6/1974), một học giả Mỹ, các ước lượng ban đầu của Bộ Di dân và An sinh Xã hội Việt Nam Cộng Hòa, số dân thường thiệt mạng do giao tranh và bom pháo là 3.776, trên tổng số dân thường bị thương, chết hoặc mất tích là 6.700 người[5], chứ không phải các con số 944 và 7.600 do Tiểu đoàn Chiến tranh Chính trị số 10 của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đưa ra[6]. (Các con số 944 và 7.600 này đã được Pike Douglas dùng trong thống kê của mình.)

Về các con số cụ thể tại các địa điểm khai quật, Gareth Porter[4] viết:

"... tại địa điểm trường trung học Gia Hội, báo cáo chính thức của Mỹ, dựa trên thông tin cung cấp bởi Tiểu đoàn Chiến tranh Chính trị số 10, đưa ra tổng số 22 mộ tập thể và 200 tử thi, với binh quân 9 tử thi mỗi mộ. Nhưng khi Steward Harris [phóng viên Thời báo Luân Đôn] được đưa đến địa điểm đó, người sĩ quan Việt Nam hộ tống nói với anh ta rằng mỗi ngôi mộ trong số 22 ngôi có từ 3 đến 7 xác, cho ra tổng trong khoảng từ 66 đến 150. Cũng khoảng trong thời gian đó, Tiểu đoàn Chiến tranh Chính trị số 10 xuất bản một cuốn sách nhỏ dành cho người đọc Việt Nam, trong đó nói rằng tại trường học có 14 mộ (chứ không phải 22), con số này còn làm giảm tổng số hơn nữa."

Cũng theo Gareth Porter, Alje Vennema[7], một bác sỹ làm

việc cho một đội y tế Canada tại bệnh viện Quảng Ngãi và đã tình cờ có mặt tại Bệnh viện Huế trong thời gian xảy ra sự kiện Tết Mậu Thân, nói tổng số tử thi tại bốn địa điểm chính được phát hiện ngay sau Tết là 68, chứ không phải con số 477 như đã được tuyên bố chính thức.

Nếu để lấy các con số của G.Porter và Vennema để bào chữa cho tội ác của cộng sản thì cũng phải nhận thấy rằng: Thực tế Porter và Vennema chỉ nói đến con số của 1 địa điểm là trường Trung học Gia Hội và bệnh Viện Huế. Cứ tạm coi con số đó là đúng đi chăng nữa thì với hàng chục điểm nhân dân bị chôn sống, chặt đầu đi thì con số lên tới hàng nghìn có đúng không? Có là tội ác không. Hơn thế nữa nhưng quan điểm của Porter và Vennema dựa trên những gì họ nhìn thấy ngay sau tết nên thống kê con số của họ không thể chính xác bằng Pikes khi anh này nắm những con số của chính phủ Mỹ và được thống kê tận cho đến năm 1970.

Thứ hai, Phóng viên Thiện Giao của đài RFA qua bài “Huế, 25 ngày kinh hoàng của 40 năm trước” thì theo ông Nguyễn Lý Tưởng, cựu Dân biểu khu vực Thừa Thiên Huế kể lại:

“Tại thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, 22 địa điểm tìm được là các mồ chôn tập thể. Trong 22 địa điểm này, người ta đếm được 2.326 sọ người. Sau tết, chúng tôi lập Hội Gia đình Nạn nhân Cộng Sản trong Tết Mậu Thân. Các gia đình kê khai có người chết, có người mất tích, lên đến 4.000 gia đình. Người ta ước tính vào khoảng 6.000 người. Có nhà báo ước tính 5.000 người. Chúng tôi cho con số 5.000 đến 6.000 là không sai lệch lắm đâu.....”

“Đỉnh điểm là Khe Đá Mài, thuộc núi Đình Môn Kim Ngọc, tại đây khoảng 400 bộ hài cốt đã được tìm thấy. Những hài

cốt tìm thấy tại Khe Đá Mài chính là của những người trú ẩn tại xứ đạo Phủ Cam, xã Thủy Phước, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên."

"Cộng Sản bắt đi trên 500 người, thanh niên từ 15-16 tuổi đến ông già 60-70 bị đưa đi giam ở chùa Từ Đàm. Đến đêm, họ bị dẫn đi lên đường núi và qua sông. Sau đó tàn sát hết mọi người trong tư thế bị trói"

Như vậy con số gần 5.000 nghìn người chết oan đã được nói tới cũng như thêm khẳng định một tội ác của đảng cộng sản.

Thứ ba, Theo ông Nguyễn Phúc Liên Thành khi trả lời phỏng vấn của RFA tháng 1/2008, thời điểm mậu thân 1968 tại Huế ông đang giữ cương vị Phó trưởng ty Cảnh sát Đặc biệt lực lượng Cảnh sát Quốc gia tại Thừa Thiên thì: *"Những báo cáo của các cuộc Cảnh sát các xã thuộc 13 quận của thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, do các xã báo cáo, khoảng 5.300 nạn nhân bị chôn sống tại tỉnh Thừa Thiên"...*

Và qua đây con số xoay quanh 5.000 nạn nhân lại được đề cập đến như một sự khẳng định về tội ác của cộng sản.

Thứ tư, Theo phúc trình của chính phủ Hoa Kỳ tại cuốn sách có nội dung mật "The Pentagons papers" trang 128 có viết: *"Sự thật ước tính có khoảng từ 4.600 đến 5.200 người bị chặt đầu hoặc chôn sống trong thảm sát ở Huế năm 1968. Đa phần họ là nhân viên hành chính và dân thường..."* Lại thêm một tài liệu khẳng định số người lên đến hàng 4.000-5.000 người chết oan bởi bàn tay sắt máu của cộng sản độc tài.

Tuy nhiên nếu với chỉ 4 dẫn chứng trên thì chưa đủ sức nặng để khẳng định tội ác tày đình của đảng cộng sản. Họ sẽ cho rằng bài viết của tôi chỉ đưa ra những con số của phe "Chống cộng". Vậy xin nêu ra đây những con số khủng

khiếp mà “phe của họ” đã nói để thấy sự thật kinh khủng thế nào.

Thứ năm, Trong cuốn sách có tên “Đối nghịch” của tác giả J. Leroy – một nhà hoạt động xã hội người Pháp. Ông ta cũng là đảng viên đảng cộng sản Pháp. Cuốn sách của ông đi sâu phân tích về tính chất đối lập của đảng cộng sản và các đảng phái khác. Cuốn sách có dẫn chứng về cuộc chiến Việt Nam như là một sự đối nghịch đỉnh điểm về ý thức hệ. Trong trang 237 của cuốn sách in năm 2000 tại Pháp có nội dung:

“Việc coi đối thủ về ý thức chính trị là kẻ thù đôi khi bị đẩy đi quá xa. Cuộc chiến ở Việt Nam là một minh chứng. Nói riêng về cuộc sự kiện thảm sát ở Huế - thành phố miền Trung Việt Nam năm 1968 là một nỗi đau lớn. Có khoảng 5.000 nghìn người bị chết oan uổng dù họ chỉ là dân thường đi làm công ăn lương cho chính quyền cộng hòa. Người Miền Bắc coi những người cùng dòng máu này là những kẻ thù địch. Thật oan cho họ khi họ không phải là những người cầm súng hoặc tham gia gián tiếp vào các hành động quân sự...”

Vậy người Pháp cộng sản này nói gì? Ông ta đã nói đến con số khoảng 5000 người chết oan do cộng sản gây ra. Sự thật thật khủng khiếp.

Thứ sáu, Các bạn quay ngược lại phần 9 khi tôi đã giới thiệu về tác giả Trung cộng Hà Cẩn (Viện văn học Trung quốc) có một cuốn sách được in năm 1997 và tái bản năm 2000 với tiêu đề tạm dịch sang tiếng Việt: *“Mao chủ tịch của tôi”* bởi nhà Xuất bản Trung ương Trung quốc. Cuốn sách dày 438 trang có đoạn trang 202 nói về chiến Tranh Việt Nam. Đoạn đó có đoạn tạm dịch như sau: *“Với khoảng 4.900 người bị chết oan trong cuộc tổng tiến công vào Huế*

mùa xuân năm 1968, uy tín của đảng cộng sản và mặt trận giải phóng Miền Nam bị ảnh hưởng rất nặng nề. Việc đổ tội cho cấp dưới không đem lại hiệu quả cao...”

Lại một cuốn sách của người cộng sản Trung Quốc thân tín với đảng cộng sản Việt Nam vạch mặt chính những đồng chí của mình. Thật là khủng khiếp.

Thứ bảy, Trên tờ tạp chí Quân Đội – báo của quân đội cộng sản số 21- năm 1968 trang 03 có bài viết của tác giả Văn Bình ca ngợi chiến thắng của cộng sản trong tết Mậu Thân: *“Chúng ta đã đánh nhanh, thắng nhanh tiêu diệt được hàng nghìn tên địch để giải phóng Huế, Sài Gòn. Tại mặt trận Huế, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đưa ra xét xử công khai hàng nghìn tên có tội ác với nhân dân...”*

Chúng ta thấy gì ở bài viết? Tác giả của đảng không dám viết thẳng về số người bị giết oan là bao nhiêu nhưng với con số hàng nghìn thì những nghi vấn và những con số khách quan trên kia là hoàn toàn có cơ sở vì cộng sản luôn giấu nhem tội ác của mình.

Kết Luận: Qua 7 dẫn chứng của các bên liên quan cho thấy con số từ 4.000 – 5.000 là con số người chết oan trong tết Mậu Thân 1968 ở Huế mà tôi cho là có thể chấp nhận được.

Vấn đề con số chính xác đến từng người không phải là vấn đề quá quan trọng. Ở đây là dù với con số hàng nghìn, 4000 hay 5000 nghìn cũng cho thấy tội ác mà cộng sản đã gây ra cho nhân dân Huế vô tội. Đó là tội ác giết người cần phải được lên án.

2. Đảng cộng sản đã giết hại đồng bào vô tội:

Cần phải làm rõ hai việc ở đây đó là: ai đã giết hại đồng bào Huế và giết bằng cách nào. Điều này phản bác lại luận điệu của cộng sản là đa phần nhân dân chết do đạn pháo,

máy bay trực thăng bắn và lính của mặt trận GPMNVN được chôn cất chung với nhân dân. Tôi xin khẳng định tội ác trong tết Mậu Thân tại Huế hoàn toàn là do những người cộng sản gây nên. Những người chết do tên bay đạn lạc không phải là không có. Nhưng xin đi sâu vào sự việc hàng nghìn người bị chôn sống và chặt đầu oan tại Huế.

Cho đến nay nhiều nhân chứng và người thân của những nạn nhân tại Huế còn sống để khẳng định điều này. Nhưng trong khuôn khổ bài này tôi xin dùng nhiều tài liệu để chứng minh sự dã man của đảng cộng sản Việt Nam gây ra cho nhân dân Huế.

Thứ nhất, đọc hồi ký của Lê Minh, trong vai trò tư lệnh chiến trường Huế Tết Mậu Thân – Nguyên Bí thư Thừa Thiên Huế đã tâm sự trong Hồi Ký của mình trang 137:

“ Tôi thấy cần phải nói đến một điều đáng buồn. Về sự tang tóc trong biến cố Mậu Thân (...) còn lại một mặt của vấn đề, việc trừng trị những người có tội ác với nhân dân đã nổi dậy. (...) Rốt cuộc là đã có những người bị xử oan trong chiến tranh. Dù lý do thế nào thì trách nhiệm vẫn thuộc về lãnh đạo, trong đó có trách nhiệm của tôi. (...)”

Chúng ta thấy vị tư lệnh chiến trường của cộng sản này nói gì? Đó là những người bị xử oan mà ông ta đã thừa nhận. Cùng đó ông ta cũng nói đến những người bị cho là tội ác với nhân dân. Xin nhớ rằng những người đó chỉ là những người làm hành chính và cộng sản lại đổ thừa cho sự “nổi dậy” của nhân dân giống như họ từng đổ tội cho bần nông trong CCRĐ. Vậy xin hỏi những ủy ban mà người cộng sản lập ra để làm gì? Họ luôn tuyên truyền là lực lượng cách mạng đại diện cho nhân dân vậy sao lại để nhân dân làm bừa? Đó chỉ là một hành động đổ thừa tội ác cho nhân dân của đảng cộng sản.

Thứ hai, xin quay lại nội dung cuộc phỏng vấn của Thụy Khuê với Hoàng Phủ Ngọc Tường khi ông này đến Pháp (Xem toàn bộ bài phỏng vấn ở đây: <http://nghianhan.multiply.com/notes/item/53>). Bài phỏng vấn có đoạn:

“TK: Nhìn từ phía những dữ kiện lịch sử mà anh nắm bắt được, diễn biến Mậu Thân đã xảy ra trong một trình tự như thế nào?”

HPNT: *Huế Mậu Thân đã xảy ra cách đây gần 30 năm. Sách vở, tài liệu đã được công bố từ nhiều phía của cuộc chiến, khá đầy đủ, có thể làm cơ sở cho những phân tích khoa học để giải phẫu một cuộc chiến mà thật ra, không thể đơn giản tách riêng ra trong biến cố Mậu Thân. Điều quan trọng còn lại tôi xin ngỏ bày ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và trở về, ấy là nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải gánh chịu, do hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc, và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng.*

Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ, từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế, chứ không phải một chính sách toàn cục của cách mạng. Bởi vì tình trạng giết chóc bừa bãi như vậy, đã không xảy ra ở những địa phương khác trong Mậu Thân, ngay cả trên một địa bàn rộng lớn với tình trạng xen kẽ giữa những lực lượng đối địch rất phức tạp như ở Sài Gòn thời ấy.”

Như vậy ta có thể thấy gì ở đoạn trích này. Đó là Hoàng Phủ Ngọc Tường đã thừa nhận chính những người cộng sản gây ra với nhân dân là oan sai cho nhiều người dân. Bỏ qua sự biện hộ đây chỉ là một sai lầm cục bộ vì kẻ giết người luôn tìm cách biện hộ cho mình bằng một lý do mơ hồ mà nhất là

đảng cộng sản. Chúng ta thấy một sự thật là thêm một người phe đảng công nhận họ có giết người oan sai.

Thứ ba, theo hồi ký của Trương Như Tảng (cựu Bộ trưởng Tư pháp [Chính phủ Cách mạng lâm thời] Cộng hòa miền Nam Việt Nam, về sau ly khai chính phủ và vượt biên sang sống lưu vong ở Pháp), thì: *“trong cuộc chiếm đóng Huế, một số lớn người đã bị xử tử vì thuộc thành phần phục vụ cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (viên chức, cảnh sát, sĩ quan, chính trị gia, địa phương quân...) nhưng cũng có người bị giết mặc dù không tham gia chiến trận”*.

Chúng ta thấy ở đây người cộng sản đã thừa nhận chính họ đã giết những người vô tội không tham gia chiến đấu hoặc viên chức chính trị. Đây là một bằng chứng cho thấy tội ác của đảng cộng sản với những người vô tội.

Thứ tư, tác giả Young (Marilyn B. Young) trong sách tựa đề The Vietnam Wars, 1945-1990 (New York: Harper Perennial, 1991) ghi lại:

“Trong những ngày đầu của cuộc chiếm đóng quả thực có những vụ xử tử công khai tại chỗ... khi trận chiến gần kết thúc bởi cuộc công pháo, lính miền Bắc trên đường rút lui xử tử những người họ đang giam giữ thay vì thả họ ra hay bắt theo làm tù binh - với con số người chết không nhiều như chính phủ Sài Gòn và Washington công bố, nhưng nhiều đủ để tạo những câu hỏi tang thương cho những người sống sót ở Huế...”

Lại thêm một bằng chứng cho thấy sự tà ác của đảng cộng sản dù cho họ có cho rằng con số ít thế nào. Nhưng tội ác giết tù binh là không thể chấp nhận được. Ngoài ra là những vụ xử công khai những người chỉ làm hành chính.

Thứ năm, theo Theo Pike (Douglas Pike, “Vietcong Strategy of Terror”) thì có 3 giai đoạn đưa đến những vụ xử tử.

“Giai đoạn đầu là một loạt các cuộc xử án công cộng kéo dài khoảng 5 - 10 phút do giới chức trong quân Mặt trận Dân tộc Giải phóng dựng lên. Bị cáo luôn bị kết án “có tội với nhân dân”.

Giai đoạn nhì, khi họ cho rằng họ sẽ giữ được Huế lâu dài, quân Mặt trận Giải phóng bắt đầu tiến hành công tác giáo dục tư tưởng yêu nước cho quần chúng. Những ai bị tình nghi có thái độ chống cách mạng từ từ bị truy lùng trong giai đoạn này. Người theo đạo Công giáo, các nhà trí thức, thương gia, và đám người bị tội làm ‘tay sai Đế quốc’ bị chiếu cố để “tạo dựng xã hội mới”. Giai đoạn sau cùng, khi thấy rõ họ đang bị đánh bật ra khỏi Huế, quân Mặt trận Dân tộc Giải phóng thi hành những vụ thủ tiêu nhân chứng - bất cứ ai biết mặt họ, nhìn thấy những tội ác trong lúc Huế bị chiếm đều bị giết và chôn mất xác.”

Rõ ràng đây là một hành động tàn bạo của đảng cộng sản với cánh tay nối dài của mình là lực lượng MTDTGPMN đã gây ra với nhân dân vô tội tại Huế.

Thứ sáu, như trên tôi đã giới thiệu cuốn sách của “Đối nghịch” của tác giả J. Leroy thì ngoài việc ông ta khẳng định về số người chết oan trong sự kiện thảm sát tết Mậu Thân thì trong trang 240 ông cũng viết tiếp:

“Mấu chốt ở vấn đề của mặt trận giải phóng miền nam Việt Nam thi hành lệnh của ai trong vụ thảm sát. Họ nghe ai khi bản thân họ có chỉ huy là người của đảng cộng sản cử vào, số quân tham chiến từ miền bắc gửi vào cho đến năm 1970 chiếm hơn 80% mặt trận giải phóng miền nam Việt Nam...”

Vậy thì rõ ràng đảng cộng sản Việt Nam chính là kẻ gây nên tội ác với nhân dân Huế năm 1968. Các bạn cũng cần nhớ lại trong phần 13 tôi đã chứng minh ở luận điểm: Sau khi phân chia đất nước theo hiệp định Genève thì đảng

cộng sản liền ém quân và cán bộ đầu não lại chỉ đạo chống phá miền Nam từ những năm 1960 (Khi Mỹ chưa đổ quân tham chiến vào Việt Nam). Vậy thì cuộc thảm sát Mậu thân chính là do chính sách của đảng cộng sản gây nên.

Thứ bảy, Tạp chí *Time* của Mỹ số ra ngày 31/10/1969, trong bài “The massacre of Hue” (Cuộc thảm sát ở Huế) đã đặt câu hỏi: “Điều gì đã khiến Cộng Sản tàn sát?” Rồi tạp chí này trả lời:

*“Nhiều người dân Huế tin rằng lệnh hành quyết được đưa thẳng từ Hồ Chí Minh xuống. Tuy nhiên, có lẽ chắc chắn hơn, đơn giản là Cộng Sản đã mất tinh thần. Họ đã bị nhồi sọ để tin tưởng rằng nhiều người dân miền Nam sẽ xuống đường tranh đấu cùng với họ trong cuộc tổng tấn công vào dịp Tết. Nhưng điều đó đã không xảy ra, và **khi trận chiến ở Huế bắt đầu nghiêng về phía quân đồng minh, Cộng Sản đã hoảng sợ và giết sạch các tù nhân.**”*

Như chúng ta đã biết tờ tạp chí *Time* được người cộng sản hết sức coi trọng và họ cho rằng đây là một tạp chí có thể “chấp nhận” được theo ý họ. Nhưng bài viết cho thấy sự thật là cộng sản rất tàn ác với nhân dân.

Thứ tám, ngày 24/1/2008, ông Bùi Tín cũng đã đưa ra luận điệu tương tự khi trả lời phỏng vấn:

“Khi quân Mỹ đổ bộ lại từ Phú Bài trở ra để lấy lại Huế thì anh em họ trối, di chuyển đi hàng mấy trăm tới hàng nghìn người. Do vướng chân, mệt, rồi bị pháo bắn ở ngoài biển vào dữ dội cho nên do phần lớn do tự động các chỉ huy trung đội tới trung đoàn đồng lõa với nhau để thủ tiêu không cho cấp trên biết”.

Bỏ qua luận điệu về sự tự phát theo cách nói của cộng sản thì hành động giết người với nhân dân là có thật và tội ác này chính là của các cán bộ đảng viên cộng sản gây nên

(Cán bộ chỉ huy trung đội tới trung đoàn đều là đảng viên cộng sản cao cấp). Tại sao khi họ tự phát gây ra sau này không bị kỷ luật nếu đảng cộng sản thực tâm không muốn giết dân? Đó chính là điểm mâu thuẫn của những lời bào biện cho tội ác của cộng sản. Với những hành vi giết người vô tội không theo chủ trương của đảng thì nếu ở Mỹ hay các nước dân chủ khác, các vị chỉ huy đó chắc hẳn ra toàn án binh thậm chí tử hình. Nhưng ở đây họ vô sự, thăng quan tiến chức. Chỉ có thể là: Đó là sự chủ trương của đảng cộng sản.

Kết Luận: Bằng 8 dẫn chứng, chúng ta đã thấy chính những người cộng sản và những người trung lập đã thừa nhận cuộc thảm sát là do đảng cộng sản với cánh tay nối dài của họ là MTGPMN gây ra. Những bào biện do bị tên bay đạn lạc không thể chấp nhận khi họ công khai thừa nhận những vụ việc xử tù nhân cả công khai lẫn thủ tiêu.

Như vậy tội ác của đảng cộng sản là hết sức rõ ràng. Nhưng ai là kẻ đứng đầu chỉ huy cuộc thảm sát ấy. Xin được trình bày sau đây.

B. Ai làm cho Huế đau thương:

Từ lâu vai trò của đảng cộng sản là rõ rệt trong cuộc thảm sát máu thân ở Huế. Nhưng ông Hồ thì sao? Tôi xin trình bày sau đây một sự thật đó là chính ông ta là kẻ chủ mưu trong cuộc thảm sát này. Hẳn chúng ta còn nhớ những sự kiện NVGP hay CCRĐ mà tôi đã chứng minh ông ta là kẻ chủ mưu. Sự việc thảm sát máu thân Huế cũng nằm trong tầm tay của kẻ sát nhân này cũng không có gì là lạ. Xin được đưa ra bằng chứng cụ thể dưới đây.

Thứ nhất, các bạn quay lại phần 2 tôi đã chứng minh đảng cộng sản Việt Nam là một tổ chức mà ông Hồ nắm

quyền toàn bộ. Như vậy về cơ bản ông Hồ và đảng cộng sản phải chịu trách nhiệm chính về vụ việc này.

Cũng cần nói thêm, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ và sắt máu của cộng sản, không có một người nào dưới quyền đảng Cộng Sản mà không bị kiểm soát, không có một người nào dưới quyền cộng sản mà có thể tự ý làm bất cứ điều gì họ nghĩ. Nhất nhất họ đều phải theo chỉ thị của đảng bộ và của cấp trên. Do đó, việc tàn sát trong cuộc chiến Tết Mậu Thân hoàn toàn là chủ trương chính sách của đảng CSVN.

Đảng Cộng Sản là một đảng chính trị tổ chức chặt chẽ, rất có kỷ luật. Bất cứ đơn vị quân đội cộng sản nào cũng có một chính uỷ (uỷ viên chính trị) để điều khiển công việc, đứng trên và quyền hành hơn cả đơn vị trưởng. Do đó, không thể đổ lỗi cho các cán binh cộng sản rút lui nên mới tàn sát bừa bãi, và cũng không thể đổ lỗi cho các đơn vị địa phương hay tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế đã phạm sai lầm hoặc giết người để tự vệ.

Chắc chắn phải có kế hoạch chính sách do trung ương hoặc do các đảng uỷ cộng sản quyết định, khi tiến thì làm gì, khi rút lui thì làm gì, các đơn vị thừa hành hoặc các cán binh mới dám tàn sát dân chúng một cách vô nhân đạo, tàn bạo nhất trong lịch sử Việt Nam và cả lịch sử thế giới. Hiếu sát, giết người bừa bãi là một đặc tính căn bản của cán bộ cộng sản học được từ các lãnh tụ Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh. Như thế, đảng CSVN phải chịu trách nhiệm trước dân tộc và lịch sử về việc tàn sát trong cuộc chiến tết Mậu Thân năm 1968. Và người đứng đầu không ai khác chính là ông Hồ.

Thứ hai, tại “Nghị quyết của hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng”, in trong Văn kiện đảng toàn tập, Tập 24, 1963, (Hà Nội: Chính Trị Quốc Gia,

2003) có viết:

“Tháng Mười hai năm 1963, chỉ một tháng sau khi tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm bị lật đổ trong một cuộc đảo chính quân sự, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp tại Hà Nội để bàn luận và thông qua Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành. Nghị quyết này nhận định rằng “tổng công kích, tổng khởi nghĩa sẽ là hướng phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam để đạt tới toàn thắng”. Trung ương Đảng dự tính khả năng chiến thắng cuộc chiến một cách nhanh chóng, trước khi Mỹ quyết định có nên điều các đội quân Mỹ tới cứu chế độ Việt Nam Cộng hòa hay không. Vẫn duy trì đường hướng chung về việc tiến hành một cuộc “chiến đấu lâu dài” ở miền Nam, Nghị quyết 9 kêu gọi một nỗ lực đến mức tối đa nhằm “tranh thủ thời cơ thuận lợi, tập trung lực lượng, quyết tâm giành cho được những thắng lợi có tính chất quyết định trong mấy năm tới”.

Như vậy chúng ta có thể thấy được điều gì? Đó là cuộc tấn công vào Huế mà đỉnh điểm vụ thảm sát nêu trên đã được vạch kế hoạch ra từ thời điểm năm 1963. Thời điểm đó ông Hồ còn chưa bị ông Lê Duẩn lấn át và cô lập. Vậy thì ông Hồ chính là kẻ vạch ra chủ trương tổng công kích và nổi dậy đẫm máu đó trong vai trò kẻ đứng đầu đảng cộng sản.

Thứ ba, như trong phần trước tôi đã chứng minh ông Hồ chính là kẻ làm tay sai bán nước cho Trung cộng, làm chư hầu và âm mưu làm suy yếu nội lực dân tộc. Và trước cuộc tổng công kích đẫm máu ông ta đã có liên hệ với Trung cộng.

Ngày 04/07/1967, Võ Nguyên Giáp và Phạm văn Đồng đã sang Trung Cộng để tường trình Bắc Kinh tình hình và chiến lược quân sự, bao gồm cuộc tổng tấn công này.

Phạm Văn Đồng đã báo cáo Chu Ân Lai như sau: “Một số

chiến lược đang được áp dụng trên chiến trường miền Nam theo lời đề nghị khi trước của các đồng chí". Chiến tranh nhân dân là chiến lược đã được áp dụng trên chiến trường miền Nam. Chiến lược này do Mao Trạch Đông đề xướng, chủ yếu là "lấy nông thôn bao vây thành thị" và "vũ trang tổng tấn công và nổi dậy". Chiến lược này được sử dụng như kim chỉ nam cho cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968.

Trong buổi họp, Chu Ân Lai than thở, ông và các đồng chí của ông đều đã trên dưới bảy mươi, và nhấn mạnh: *"Mặc dù tôi đã già, tham vọng vẫn còn đó. Nếu chiến tranh ở miền Nam không chấm dứt vào năm tới, tôi sẽ thăm các đồng chí và tham quan".* Năm tới mà Chu Ân Lai muốn nhấn mạnh là Mậu Thân 1968.

Những câu nói trên được trích trong cuốn "Biên niên sử đảng cộng sản Việt Nam" – NXB Quân đội năm 1983. Điều mà chúng ta cần đặt câu hỏi là khi ông Đồng nói đã áp dụng chiến lược của các đồng chí. Đó là chiến lược gì? Đó chính là việc thực hiện tổng công kích đẫm máu mà tôi đã chứng minh Trung cộng muốn Việt Nam đánh Mỹ tới người Việt Nam cuối cùng.

Thứ tư, bản chất hiếu chiến giết người của ông Hồ còn được chính bản thân ông ta thể hiện qua bài thơ chúc tết trước cuộc tàn sát kinh hoàng Mậu Thân năm 1968. Bài thơ của ông ta như sau:

*"... Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta."*

Bài thơ như một lời cổ động đánh nhau trong thời điểm

mà người dân Việt Nam phải ăn tết cổ truyền. Đây là bằng chứng cho thấy tính hiếu chiến của ông Hồ. Các cụ có câu “Trời đánh tránh miếng ăn”. Nói rộng ra là tết cổ truyền là ngày ăn chơi của nhân dân dù Nam, dù Bắc. Nhưng ông Hồ lại thúc giục đánh nhau cho thấy âm mưu chủ đạo của ông ta bằng bài thơ cổ vũ giết chóc.

Thứ năm, như đã giới thiệu về tác giả Hà Cẩm ở trên. Trong trang 208 cuốn “Mao chủ tịch của tôi” có viết được tạm dịch như sau:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo cần phải thanh trừ bọn chống đối nhân dân khi các thành phố được giải phóng trong cuộc tổng nổi dậy tết 1968, chúng không có lợi cho lực lượng cách mạng vào tiếp quản thành phố. Hồ Chủ tịch đã học theo cách làm của Mao Chủ Tịch khi Trung quốc tiến hành Vạn lý Trường Chinh....”

Qua đây chúng ta thấy chính ông Hồ học theo sách lược của Mao để “thanh trừ “ cái gọi là bọn chống đối nhân dân. Họ là những người làm hành chính, nhân dân vô tội như tôi đã chứng minh ở phần trên. Vậy mà ông Hồ đã học theo thầy ông ta là Mao để đem lại kết quả bi thương cho xấp xỉ 5.000 người dân vô tội ở Huế.

Thứ sáu, trong cuốn “Bác Hồ với Tết Mậu Thân năm ấy”, đăng trên Văn Nghệ số Tết Mậu Dần 1998, tr. 4 do Vũ Kỳ là thư ký riêng thân tín và lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố có đoạn:

“Sáng 25 tháng 12 năm 1967, thứ hai, 7 giờ 15 phút, Bác sang hội trường Ba đình, chủ tọa cuộc gặp mặt chúc mừng năm mới của Đoàn Ngoại giao ở Hà Nội. Bác rất vui, chúc năm mới Đoàn Ngoại giao. Tiếng Bác sang sảng và như trẻ ra.”

Ngày 28 tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị họp phiên đặc

biệt ngay bên nhà Bác Hồ, có bản đồ to kê trên bục trong phòng họp và nhiều tướng lĩnh đến báo cáo.

Từ sự phân tích và nhận định tình hình, Bộ Chính trị đề ra:

“Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”.

Như vậy đã rõ ràng ông Hồ là người tham gia cuộc họp vào giờ chót để chỉ đạo cuộc tổng công kích đẫm máu gây ra cho nhân dân Huế. Thậm chí ông Vũ Kỳ còn miêu tả ông Hồ như “trẻ ra”. Vậy thì ông ta hoàn toàn khỏe mạnh và tỉnh táo ra những quyết định chết người với nhân dân. Khác hẳn với những luận điệu cho rằng lúc đó ông Hồ ốm yếu, không tham gia chỉ đạo từ đầu để bao che cho ông Hồ về tội ác máu thân năm 1968.

Ngoài ra, trong bài viết của mình ông Vũ Kỳ cũng nói thêm:

“Chiều 29 tháng 12, Bác Hồ mời Bác Tôn đến cùng ăn cơm. Ngắm hai cụ già thân mật đi bên nhau, thanh thản, ung dung, nói cười vui vẻ, ta cảm thấy cuộc đời đẹp biết bao, tưởng như đất nước thanh bình.

Ngày 30 tháng 12 thứ bảy, buổi sáng từ 7 giờ 15 đến 9 giờ 30 Bác lại dự họp Bộ Chính trị, nghe đồng chí Cao Văn Khánh, Phó tổng tham mưu trưởng, báo cáo thêm những diễn biến mới nhất của tình hình chiến sự miền Nam. Bác ngồi nghe, một tay giữ lấy kính, chăm chú nhìn vào bản đồ khổ lớn treo trên tường.

Buổi chiều từ 17 giờ đến 18 giờ, Bác tham dự phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ. Bác tặng mỗi người, từ Bộ trưởng đến nhân viên phục vụ một quả cam hái từ vườn

Bác và một thiệp hồng chúc mừng năm mới. Nói chuyện trong phiên họp, Bác biểu dương những thắng lợi to lớn của quân và dân hai miền Nam Bắc, khen ngợi sự cố gắng của các Ngành, các Bộ...”

Như vậy càng có bằng chứng sự cầm đầu chỉ đạo của ông Hồ trong thăm sát mặt trận. Cuối cùng ông Kỳ mô tả:

“Ngày chủ nhật 31/12/1967, ngày cuối cùng của một năm chiến đấu quyết liệt và chiến thắng vẻ vang trên khắp hai miền đất nước. Bấy giờ 30 sáng, Bác Hồ ung dung ra Phủ Chủ tịch để thu thanh chúc mừng năm mới Mậu Thân mà có lẽ Bác đã ngẫm nghĩ và trao đổi có lẽ đến 3 tháng ròng. Bài thơ “Toàn thắng ắt về ta” như bài hịch đã đi vào lịch sử... 2 giờ 30 phút chiều, Bộ Chính trị đến làm việc, Bác căn dặn công việc trước khi Bác lên đường tiếp tục đi nghỉ ở Trung quốc. Đó là quyết định của Bộ Chính trị và Hội đồng bác sĩ.

Thế trận đã dàn xong. Ba quân đã sẵn sàng. Lời hịch đã phát. Bác Hồ ra đi chuyển này an tâm hơn.

Ngoài liên lạc hàng ngày, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước vẫn thay nhau đến Bắc Kinh, trực tiếp báo cáo và xin ý kiến Bác”.

Như vậy có thể thấy ở đây hai điều. Điều đầu tiên là việc ông Hồ hàng ngày được báo cáo về tình hình từ liên lạc và từ chính các đệ tử của ông sang Bắc Kinh. Vậy thì không có lý do gì ông ta không biết và không chỉ đạo cuộc tổng công kích đẫm máu. Nhất là sau này hành động không xử những kẻ bị vu cáo là tự ý giết nhân dân cho thấy ông Hồ đã đồng tình hay nói cách khác là kẻ chỉ đạo giết người. Điều thứ hai đó là như ông Vũ Kỳ miêu tả ông Hồ đâu có yếu đến mức phải lánh sang Bắc Kinh chữa bệnh giữa lúc đang xảy ra cuộc tổng công kích. Vậy tại sao ông Hồ phải đi Bắc Kinh? Chữa bệnh chỉ là cái cớ. Cái chính yếu là ông ta

muốn tránh tiếng cuộc thăm sát mà ông ta biết trước như cách ông ta làm ở cải cách ruộng đất. Một kịch bản vũ như cần được lặp lại để tránh né tội ác.

Thứ bảy, cuốn sách của J.Leroy được tôi giới thiệu ở trên cũng có đoạn viết như sau tại trang 240 về cuộc tấn công vào Huế năm 1968:

“Quân đội của MTGPMN Việt Nam dưới sự chỉ đạo của chính quyền VNDCCH đã gây được cú sốc với chính quyền VNCH. Người có vai trò quyết định là ông Hồ Chí Minh với tư tưởng của Stalin và Mao Trạch Đông. Họ đã thành công trong cả chiến thuật, chiến lược và đấu tranh giai cấp...”

Ở đây ta thấy ông Hồ đã thực hiện chỉ đạo của Mao và Stalin trong việc đánh Huế và đấu tranh giai cấp. Vậy đấu tranh giai cấp là gì? Đó chính là thủ tiêu người dân vô tội mà ta đã thấy trong CCRĐ hay NVGP. Vậy thì ai là kẻ chỉ đạo thăm sát dân lành? Không ông Hồ thì còn là ai được.

Thứ tám, Trên website của tỉnh Thanh Hóa có bài viết của Tác Giả Đình Phong nói về cuốn sách “Mãi mãi theo con đường của Bác” của ông Hoàng Tùng – cán bộ lão thành cộng sản nhiều năm đi theo ông Hồ

(Links: <http://www.baothanhhoa.vn/vn/bht/n93301/Mai-mai-theo-con-duong-cua-Bac>).

Bài viết có đoạn:

“Tháng 2/1968, từ mặt trận Sài Gòn, chúng tôi trở về cơ quan, lòng nặng trĩu! Ta đã không thắng ngay trận đầu. Khi nói về quyết tâm của ta, một đồng chí lãnh đạo phổ biến: “Bác Hồ nóng lòng muốn về Nam để trực tiếp chỉ đạo trận đánh cuối cùng này. Bác đã tập đeo đá, đi bộ để chuẩn bị sức khỏe. Bộ Chính trị xin Bác yên lòng, sẽ quyết tâm chỉ đạo cách mạng miền Nam giành thắng lợi”.

Thêm một minh chứng ông Hồ hoàn toàn khỏe mạnh

và ông ta muốn về Nam trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến năm 1968. Như vậy dù có đi Bắc Kinh nhưng ông Hồ rất quan tâm đến trận đánh nhằm giành thắng lợi trong công cuộc “đấu tranh giai cấp” như dẫn chứng thứ bảy ngay trên. Và với quyết tâm chỉ đạo như vậy không có lý do gì ông Hồ không phải là kẻ chỉ đạo sự kiện thảm sát mà đàn em của ông vô can.

Thứ chín, trên website: <http://hosotulieu.wordpress.com/tag/tau-khong-so/>. Website này của đội ngũ hồng vệ binh đảng cộng sản có ca ngợi tướng Nguyễn Chí Thanh mang tên *“Nguyễn Chí Thanh anh bộ đội cụ Hồ tiêu biểu”* có viết:

*“Bài viết “Năm bài học phản công chiến lược mùa khô” mang bút danh Trường Sơn của anh đã ngay lập tức trở thành tác phẩm có giá trị. Nó là vũ khí tư tưởng cho toàn đảng, toàn quân và toàn dân quyết đánh và quyết thắng quân Mỹ xâm lược. Nó gây ấn tượng mạnh mẽ và niềm tin cho bè bạn năm châu. Nó làm cho quân thù sửng sốt và lúng túng hoang mang. Và nó đã góp phần cùng **Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương hạ quyết tâm chiến lược chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công Mậu Thân – 1968 để thực hiện tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Hồ Chủ tịch “Đánh cho Mỹ cút” một cách tin cậy.**”*

Phần được tôi cho tô đậm chính là minh chứng cho sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh trong một chuỗi tội ác mà ông ta gây ra cho nhân dân Huế năm 1968.

C. Kết Luận Chung:

Qua các phần trên chúng ta thấy được đảng cộng sản là kẻ chủ mưu gây ra cái chết của khoảng 5.000 người dân vô tội năm 1968 ở Huế. Họ coi tính mạng người dân cùng

chung dòng máu với họ thật là rẻ mạt. Dù biện hộ với lý do nào thì những tội ác của đảng cộng sản gây cho nhân dân Huế là không thể chối bỏ.

Và cũng đồng thời là chúng ta thấy vai trò của ông Hồ trong sự kiện thảm sát này là rất rõ nét và là chủ mưu. Không thể nào đổ thừa cho những người dưới quyền dù họ không phải vô tội. Ông Hồ sẽ phải chịu trách nhiệm về những tội ác này trước nhân dân Việt Nam nói chung và thân nhân các nạn nhân bị giết oan vô tội trong năm 1968.

Chỉnh sửa và hoàn thiện: 18/08/2012

Đừng quên Mậu Thân!

Huy Phương

30 Tháng Giêng 2017

*Những luận điệu gian dối về vụ thảm sát Mậu Thân
(1968) của Cộng Sản Việt Nam.*

Vào những ngày đầu năm Âm Lịch ở Little Saigon, khi không khí những ngày Tết hải ngoại còn vương vất đâu đây, tôi vẫn tự nhủ: “Đừng quên, đừng quên Mậu Thân!” Và đoạn phim trong loạt phim 10 tập Vietnam History do một đài truyền hình Anh thực hiện năm 1982 vẫn như còn ám ảnh trong tôi. (Roll 29 of Vietnam Project – Feb. 29, 1982 – Interview with Hoang Phu Ngoc Tuong, writer).

Chúng ta cũng đừng quên rằng trong thời gian Tết Mậu Thân, ông Hoàng Phủ Ngọc Tường là tổng thư ký của “Liên Minh Dân Tộc, Dân Chủ Hòa Bình” do ông Lê Văn Hảo làm chủ tịch.

Để trả lời câu hỏi: “Ông có thể mô tả biến cố về cuộc nổi dậy tại Huế và đặc biệt liên quan đến cuộc thảm sát từ khi ông có mặt tại đây,” ông Tường đã trả lời vòng vo, ấp úng trong 12 phút với một luận điệu gian dối, vu vạ, sai sự thật

một cách đáng khinh bỉ. Là một người lính có mặt ở Huế trong 21 ngày Cộng Sản chiếm cứ cố đô, sau đó, với tư cách phóng viên báo chí, đã trở lại đi theo những chuyến đào mộ tập thể, cũng như đã có dịp phỏng vấn nhiều nhân vật liên quan đến vụ thảm sát ở Huế, như ông Võ Văn Bằng, chủ tịch Ủy Ban Truy Tầm và Cải Táng Nạn Nhân Cộng Sản Mậu Thân, tôi thấy cần phải viết một vài dòng về bộ mặt và tâm địa độc ác của một “người” mang danh trí thức Cộng Sản như ông Tường.

Điều phải nói trước tiên là ông đã nói dối khi phủ nhận sự có mặt của ông trong những ngày bộ đội Cộng Sản vào Huế. Về sau này, trước dư luận và sự tấn công của báo chí hải ngoại, qua các nhân chứng xác nhận ông Tường hiện diện tại Huế ngay trong các vụ xử án trong vùng Gia Hội, ông chối rằng trong những ngày này, ông đang ở trong khu an toàn trên núi. Chính câu hỏi của phóng viên đài truyền hình ở đầu bài đã xác nhận sự thật, vì nếu ông không có mặt ở Huế, sẽ không có cuộc phỏng vấn này cũng như nội dung câu hỏi được đặt ra ở trên. Mặt khác, sau này, chính ông không nhớ là mình đã thú nhận chuyện có mặt ở Huế vào phút thứ 6 của đoạn phim này, vào năm 1982, khi ông mô tả chuyện ông đang đi trong những con đường hẻm vùng Đông Ba và đã nói những câu “khi chúng tôi rút lui” hay “tôi là một chứng nhân” nghe rất rõ ràng.

Câu nói vào đề của ông Tường là vụ thảm sát ở Huế “do chính Mỹ gây ra” nhưng lại đổ cho tội lỗi của “cách mạng,” và xem đây như là một bữa bổi để đưa ra trước cuộc hòa đàm Paris để bôi nhọ “Cách Mạng Việt Nam.”

Để nói về những người bị giết, ông cho biết, trong số đó hiển nhiên là “có một số người” do du kích và “quân đội cách mạng” thi hành bản án tử hình tại chỗ, vì cầm

thù đã lâu, bị tra tấn, cả gia đình phải đi ở tù, và khi cách mạng bùng lên, họ (CS) lấy lại được thể của người mạnh, nên phải giết. Mặt khác đây là những tên ác ôn đã từng giết nhiều gia đình cách mạng, có khi cả nhà 10 người, nay “cách mạng” chỉ lấy lại mạng sống của một người, giá đó rất nhẹ và công bằng. Chính những người chỉ huy của cách mạng không thể kiểm soát nổi họ, và chính họ (cấp dưới) đã thi hành bản án đối với kẻ thù của mình.

Sau khi cho rằng “khối lớn người chết đã làm nên những năm mồ, đã được Mỹ Ngụy quay phim và đưa ra công luận,” ông Tường đã lớn tiếng đặt câu hỏi: “Những xác chết nằm ở dưới đó là ai?” và tự giải thích:

1- Nhân dân đã bị bom Mỹ trong các đợt phản kích chiếm lại Huế. Ông Tường dẫn chứng Mỹ đã thả bom một bệnh viện nhỏ ở bên phố Đông Ba(?), “đúng” 200 người vừa chết vừa bị thương. Trong đêm tối, ông đã đi trên những đường hẻm, lội trong một vũng lầy, mà ông tưởng là bùn, nhưng khi rọi đèn pin lên thì đó toàn là máu lầy lội, và trong những ngày “chúng tôi rút ra” thì chúng nó (Mỹ hay ngụy) đã gom lại và đem đi chôn.

Dân chúng Huế đã hiểu đây quả là một điều dối trá, và nhờ câu nói này chúng ta biết rằng, người Cộng Sản thường lội trong máu mà cứ tưởng lội trong bùn vì không nghe mùi tanh.

2- Hàng loạt gia đình có con em tham gia cách mạng, đi lên rừng sau Mậu Thân thì chúng (ngụy) đã bắn chết và cũng chôn vào trong những hố đó.

3- Xác của quân giải phóng mà chúng tôi không kịp mang theo thì cũng được chôn vào đó.

4- Có những đoàn thanh niên và thường dân bị lưu giữ, mà chúng tôi không hề có ý định giết nhưng vì đi thành

một đám đông nên bị máy bay Mỹ cường quyết tìm cách tập kích vào để không còn ai có thể sống sót, chết nằm ở bìa rừng, kể các các cán bộ, binh sĩ hộ tống đoàn người đó cũng bị chết luôn. (Luận cứ này được ông Bùi Tín lập lại trong một lần trả lời báo chí năm 2007).

5- Ba năm sau năm 1975, chúng tôi đi làm thủy lợi đã đào được những hầm gọi là “thảm sát Mậu Thân” mà trong đó đầy những người đội mũ tai bèo và mặc áo quần quân giải phóng.

Để kết luận, ông Tường cho đây là sự ranh mãnh của thực dân mới, bắn một mũi tên được hai mục tiêu: che giấu tội ác đã làm và đổ tội tất cả cho quân giải phóng. Một cách thiếu luận cứ, ông cho rằng “thảm sát Mậu Thân” là một kế hoạch tuyên truyền rất lớn có tính cách chiến lược do ông Henry Kissinger, ngoại trưởng Hoa Kỳ, đề ra và nước Mỹ đã tốn một ngân sách rất lớn để dùng cho vấn đề gọi là Mậu Thân ở Huế.

Sau khi chối quanh, ông Hoàng Phủ Ngọc Tường đã trở lại nói rằng đối với những người mà nhân dân đã thi hành bản án là lẽ đương nhiên vì lòng căm thù, và khi đối diện với kẻ thù, trước họng súng, “nhân dân của chúng tôi phải đối lấy máu của chúng tôi, thi hành bản án đó đối với những kẻ tử thù của dân tộc mình.”

Ông Tường cho rằng chiến dịch “Thảm Sát Mậu Thân” do chính quyền Mỹ bịa ra, dựng lên để “đổi trắng thay đen” và để “lừa bịp nhân loại.” Đây là một luận điệu của các loại trí thức văn công như “đạo diễn Việt Cộng” Lê Phong Lan với sự dối trá trơ trẽn trong cuốn phim “Mậu Thân 1968” - 13 tập, sản xuất năm 2012.

Chúng ta, đồng bào Huế, gia đình các nạn nhân và nhất là các phóng viên báo chí quốc tế đã có mặt trong những

ngày đào mộ và cải táng những nấm mồ tập thể tại Huế sau Tết Mậu Thân, và căn cứ vào danh sách nạn nhân, cách giết người, cách trói người trong các hầm tập thể, đã thấy những lời nói của ông Tường và bộ máy tuyên truyền của CSVN hiện nay là gian dối. Trong các hố chôn tập thể này chúng ta đã tìm thấy thi thể các giáo sư y khoa người Đức, các giáo sư trung học, các vị linh mục, sư huynh, tu sĩ, sinh viên, học sinh, công chức, quân nhân và cảnh sát không vũ khí, y tá, học sinh, thường dân... đều bị bể nát hay thủng vì vết đạn, bị trói xâu chùm bằng dây điện thoại, thép gai, dây lạt tre. Phải chăng họ là những tử thù của các đồng chí của ông Tường?

Và trong 22 hầm chôn tập thể được khám phá không hề có một đôi dép râu, cái nón cối hay cái mũ tai bèo nào. Chúng ta nếu muốn lên án hay đổ lỗi cho Cộng Sản cũng không thể ngụy tạo hay che giấu được điều gì trước sự quan sát của các phái đoàn quốc tế đến Huế. Bản chất “đổi trắng thay đen” để “lừa bịp nhân loại,” dối trá, vu vạ là những đòn chính trị lâu đời của Cộng Sản, mà những học trò tay mơ như ông Tường không thể qua mặt được ai.

Trong phần cuối của cuốn phim, ông Tường lên án chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, mặc dù không liên quan đến vụ thảm sát Mậu Thân, chúng tôi nêu ra đây, để thấy thêm sự xảo trá, quá quắt của ông.

Thứ nhất, ông nói rằng: “Hàng năm, đến ngày Tết, tất cả giáo sư đại học, trí thức, ngụy quyền, đều phải mặc ‘áo xua’ (ý ông muốn nói đến áo thụng) đến quỳ ở trước sân để tung hô chúc thọ, mừng tuổi cho cả gia đình họ Ngô kể cả Ngô Đình Diệm ngồi trên những cái ngai vàng.”

Thứ hai, muốn loại những ảnh hưởng của Cách Mạng Tháng Tám ngay trong thành phố này (Huế), “những gia

đình có con đi tập kết ra Bắc lần lượt bị tù đầy và bị tra tấn.”

Thứ ba, với “những gia đình có chồng đi tập kết để lại một đứa con ở trong bụng thì chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm giẫm lên bụng, cho đến lúc cái thai phải văng ra ngoài (sic)!”

Người viết bài này và Hoàng Phủ Ngọc Tường đều là công chức ở Huế dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm (Tường là giáo sư trường Quốc Học, năm 1966 ông mới ra bung, còn tôi là nhân viên của Nha Đại Diện Giáo Dục Trung & Cao Nguyên Trung Phần), bản thân ông và ông có thấy tôi đến quỳ trước sân nhà ông Ngô Đình Diệm ở Phủ Cam không?

Về chuyện gia đình tập kết, một người bạn chung mà chắc ông Tường không thể không biết, là Tôn Thất Lan, có cha đi tập kết, sau năm 1975 mới về. Ông Tôn Thất Lan và người em trai là ông Tôn Thất Phước đều tốt nghiệp y khoa. Ông Lan nguyên là thiếu tá quân y phục vụ tại Long An, sau năm 1975 ở lại tiếp tục hành nghề ở Sài Gòn. Em của ông Lan vượt biên sang Mỹ, hiện làm việc tại Orange County.

Ở miền Nam ai cũng biết, ông Dương Văn Minh và ông Trần Ngọc Châu đều có em trai đi tập kết theo Cộng Sản, mà người làm đến tổng thống, người là tỉnh trưởng rồi dân biểu. Vậy mà ở miền Bắc, ông Tường nói điều này ra chắc cũng có người tin, mới biết chính sách tuyên truyền của Cộng Sản điêu ngoa, chà đạp lên sự thật đến dường nào.

Điều cuối, ghê tởm nhất là ông Tường vu cáo những người đàn bà mang thai có chồng đi tập kết bị “chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm” giẫm lên bụng, cho đến lúc cái thai phải văng ra ngoài. Trước hết, sự thật, nếu Hoàng Phủ Ngọc Tường giẫm lên bụng một người đàn bà mang thai, cái thai có văng ra ngoài được không? Trong thành

phố Huế này, nơi mà tôi và Tường lớn lên dưới thời Vua Bảo Đại, qua thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, rồi đến thời Đệ Nhị Cộng Hòa, có ai nghe, chứ chưa nói đến chuyện thấy hành động độc ác, chỉ có trong trí tưởng tượng của những con người Cộng Sản, và dùng nó để tuyên truyền cho đám dân ngu dưới chế độ CSBV, chứ ở miền Nam, nói chuyện này, ai tin!

Người xưa gọi thái độ này của ông Tường là “ngậm máu phun người” (hàm huyết phún nhân), và dân Huế có câu “nói mà không sợ cây nó mọc trong họng,” nôm na đặc sệt Huế nhất lại có thành ngữ “một lời nói là một đọi (bát) máu!”

Người trí thức phải đặt sự thật lên tất cả phe phái, không uốn lười vì danh lợi, phải “yêu ai thì nói rằng yêu, ghét ai thì bảo rằng ghét,” như Phùng Quán, đừng vì sợ hãi, lập công trạng mà bỏ sự thật. Muốn có một xã hội tốt đẹp không cần phải đào tạo con người theo “mô hình xã hội chủ nghĩa” mà phải đào tạo những con người chân thật, biết yêu sự ngay thẳng, ghét điều gian trá. Những con người tự nhận là nghệ sĩ, trí thức XHCN như Hoàng Phủ Ngọc Tường sẽ đưa đất nước này càng ngày càng đi vào con đường tồi tệ. Những ai là người dân Huế một thời với ông Tường, những ai đã sống và biết đến tấn thảm kịch Mậu Thân, sẽ phải đau lòng và cũng buồn cười trước những lời phát biểu của ông.

Tường ơi! Huế oan khuất, đau đớn lắm. Mi phải trả giá những gì mi đã tạo ra, nghiệp khẩu và hành động đã đưa mi đến tình cảnh ngày hôm nay. Đã đến lúc ăn năn, hối lỗi đi là vừa, những đứa con xứ Huế đem ác quỷ về giết bà con, anh em họ hàng, “lợi trong máu mà cứ tưởng lợi trong bùn vì không nghe mùi tanh của máu!”

Nguồn Người Việt

Nén Hương Tưởng Niệm Những Nạn Nhân Tết Mậu Thân Huế Ngô Đắc Hòa

24 Tháng Hai 2016

Boston, Xuân Bính Thân 2016

Từ hàng ngàn năm nay trong văn hoá người Việt, Tết Nguyên Đán là những ngày thiêng liêng nhất của dân tộc. Đó cũng là những ngày vui nhất trong năm. Nên dù làm bất cứ nghề gì, ở bất cứ nơi đâu, những ai tất tả ngược xuôi làm ăn mua bán đều mong được trở về sum họp dưới mái ấm gia đình trong 3 ngày Tết. Trong một ý nghĩa thiêng liêng nào đó, Tết còn là dịp đoàn tụ với cả những người thân đã mất. Tết cũng là cơ hội để người ta quên đi hận thù, giận hờn năm cũ, hàn gắn những bất hoà. Đó là triết lý về lòng rộng lượng, tính bao dung vào ngày đầu xuân năm mới của người Việt từ bao đời nay. Nói tóm lại, Tết Nguyên Đán là lễ hội lớn nhất trong các lễ hội truyền thống của Việt Nam mà ai đi xa cũng nhớ và phải trở về.

Ngay trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt nhất chúng ta cũng có 5, 3 ngày hưu chiến để gia đình đoàn viên, chiêm bái tổ tiên, viếng thăm thân thuộc, bằng hữu, xóm giềng với những lời cầu chúc tốt đẹp đầu năm. Người

Việt ty nạn hải ngoại nhiều chục năm qua dù sống xa quê hương vẫn không quên tập tục tốt đẹp này. Thế nên ở đâu có cộng đồng gốc Việt sống quần tụ chúng ta dễ dàng nhận thấy không khí mua sắm rộn rịp những ngày cuối năm để chuẩn bị cho ba ngày tết. Khói hương nghi ngút, không khí uy nghiêm trước bàn thờ tiên tổ trong những ngày đầu năm để tỏ lòng tôn kính.

Vào những ngày này đúng 48 năm về trước, mùa xuân năm Mậu Thân 1968; bất hạnh thay, người dân miền Nam nói chung và nhân dân Thừa Thiên Huế nói riêng đã không có những ngày lễ hội lớn nhất mà họ thường có hằng năm! Họ không được chứng kiến những giây phút thiêng liêng nhất của ngày đầu năm với trầm hương nghi ngút! Không có những giây phút uy nghiêm trước bàn thờ tiên tổ! Họ không có những ngày vui nhất trong năm! Họ không có cơ hội để đoàn tụ với gia đình trong bình yên an lạc! Không có dịp để viếng thăm bà con thân thuộc, bè bạn hương lân! Vì ngay trong những giờ phút thiêng liêng và uy nghiêm nhất đó tiếng súng của cộng quân đã ròn rã vang lên khắp các nẻo gần xa thay cho tiếng pháo giao thừa truyền thống.

Đúng như thế, không khí chết chóc, sợ hãi, hoảng loạn đã thế chỗ cho uy nghiêm, tĩnh lặng, bình an. Cộng Sản Bắc Việt đã lợi dụng những ngày giờ ngưng bắn để bí mật chuyển quân. Tiếp cận những nơi đồn trú xung yếu và quan trọng của QLVNCH với sự tiếp tay của bọn Cộng sản nằm vùng. Để rồi ngay trong những giây phút giao thừa truyền thống thiêng liêng, Hà Nội đã đơn phương phá vỡ thỏa thuận hưu chiến mà họ đã cam kết. Chúng bất ngờ và đồng loạt mở cuộc tổng tấn công trên khắp lãnh thổ miền Nam mà Huế được xem là một trọng điểm phải chiếm cho bằng được.

Tuy nhiên, sau 25 ngày đêm chiếm đóng, quân đội chính quy của Bắc Việt đã hoàn toàn bị lực lượng Tổng Trừ Bị Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn I Bộ Binh và quân đội đồng minh Hoa Kỳ đẩy lui khỏi Thành Nội, đánh bật khỏi Thành phố Huế và các quận xã thuộc tỉnh Thừa Thiên. Nỗ lực của cái gọi là “giải phóng” Thừa Thiên Huế của Cộng Sản đã để lại hàng ngàn vành khăn tang cho những thiếu phụ, mẹ già và con trẻ. Những người có chồng, con, cha đã nằm xuống không phải vì chiến trận mà vì đã bị họ bắt đi học tập, và không bao giờ có cơ hội trở về.

Hơn một năm sau, vào khoảng tháng 9 năm 1969 nhờ vào lời khai của những cán binh Cộng Sản hồi chánh; chính quyền và người dân Huế mới lần lượt tìm kiếm, khám phá và đào bới ở ạt ở Gia Hội, Bãi Dâu, Xuân Ổ, Xuân Đới, Phú Vang, Phú Thứ, Đồng Di, khe Đá Mài... những mồ chôn tập thể... Những người chết được tìm thấy ở các nấm mồ tập thể này với đủ tư thế: nằm ngời quỳ đứng. Họ đã bị bắn, bị đập đầu bằng cuốc, bị chôn sống và bị buộc chặt lấy nhau bằng kẽm gai, dây điện thoại, và cả lạt tre thành từng chùm từ 3, 5 đến 10 người. Huế đã trải qua những ngày dài lê thê sống trong hãi hùng lo sợ và bây giờ là nước mắt và nước mắt: Nước mắt trên gò má khô nhẵn của những người mẹ già còm cõi ngóng trông, trên đôi mắt quầng thâm, thất thần của những người vợ trẻ đã tận cùng của chịu đựng khổ đau, trên những đứa trẻ thơ bỗng dưng ngây dại vì chờ đợi cha về! Ôi có nỗi đau nào lớn hơn nỗi đau của người dân xứ Huế!...

Theo thống kê từ lời khai của những gia đình có người thân mất tích và của Ủy Ban Truy tìm và Cải Táng Nạn Nhân: đã có hơn 6,000 người bị chết trong biến cố Tết Mậu Thân chỉ tính riêng ở Huế. Đây là một tội ác có một không

hai trong lịch sử Việt Nam! Tội ác rừng rợn, dã man chỉ có thể xảy ra từ thời Trung cổ!

Sau 40 năm đất nước đã thống nhất chưa có lãnh đạo nào của chính quyền Cộng Sản lên tiếng nhận lấy trách nhiệm. Không những không nhận lấy trách nhiệm, Hà Nội còn cố tình vu vạ, đổ tội cho quân đội Hoa Kỳ và QLVNCH đã sát hại những nạn nhân này trong chiến dịch phản công rồi vui chôn tập thể. Thật là trơ trẽn và ghê tởm! Và để xoá đi dấu vết của tội ác này; sau ngày cưỡng chiếm Miền Nam, Hà Nội đã cho phá bỏ những tấm bia tội ác ở nghĩa trang Ba Đồn, xã Thủy Phước gần núi Ngự Bình. Nghĩa trang Ba Tầng ở Núi Bân làng Đình Môn, Kim Ngọc thuộc quận Nam Hòa: Những nơi đã cải táng hàng ngàn bộ hài cốt mà thân nhân không còn nhận dạng được. Hà Nội còn trâng tráo, trơ trẽn hơn khi vào những năm 1998 tại Hà Nội, 2008 tại Sài Gòn, và 2013 tại Huế đã cho tổ chức cái gọi là kỷ niệm chiến thắng lịch sử của chiến dịch Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân như là thành tựu đỉnh cao trong nghệ thuật quân sự do đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo. Chỉ có những con người vô luân và chủ nghĩa phi nhân mới xem việc tàn sát đồng loại, tay không, là chiến công oanh liệt! Tất cả những hành động này của Hà Nội là nhằm viết lại lịch sử để đánh tráo khái niệm thiện ác, đúng sai, chính nghĩa và phi chính nghĩa để đánh lạc hướng các thế hệ mai sau.

Hôm nay chúng ta, những người Việt tỵ nạn hải ngoại, trong niềm vui thiêng liêng của ngày đầu năm mới, cùng hướng về tổ quốc để nhớ đến cội nguồn. Chúng ta không quên những người đã nằm xuống để chúng còn được sống hôm nay. Đó là những chiến sĩ, những cán bộ, công chức, những người đã bảo vệ và phục vụ đất nước. Những người mẹ, người vợ chiến sĩ, các bạn trẻ sinh viên học sinh đã

chọn thể chế tự do, dân chủ làm lẽ sống mà phải chết dưới bàn tay Cộng Sản vào những ngày tưởng chừng là bình yên, thiêng liêng và hạnh phúc nhất trong năm! Họ đã chết vì quê hương và vì lý tưởng tự do! Trong bốn câu thơ sau đây, tôi xin mượn hai câu thơ của nhà thơ Trần Trung Đạo mà tôi vô cùng tâm đắc như là chân lý ngàn đời để tưởng nhớ những nạn nhân Tết Mậu Thân ở Huế:

Anh linh người hỡi về đây chứng,

Lịch sử bao giờ có bất công?

“Những ai đã chết vì sông núi,

Sẽ sống muôn đời với núi sông”.

Tôi xin dùng những lời đầu năm này như là nén hương, những giọt nước mắt để khóc thương và tưởng nhớ các bạn. Xin kính cẩn và chân thành cầu chúc anh linh những người đã mất được yên nghỉ. Cầu chúc vận hội tốt đẹp sẽ đến với những nhà đấu tranh dân chủ để nhân dân Việt Nam sớm hưởng được không khí tự do.

Kính cầu chúc người Việt trong và ngoài nước một năm mới – Năm Bính Thân – Thân Tâm Thường An Lạc!

Nguồn: Người Việt Boston

Những ký ức không bao giờ cũ

Tuấn Khanh

03 Tháng Hai 2017

Đó là một ngày mùa xuân lạnh lẽo bất thường ở Huế. Mùa xuân 1968. Một người cảnh sát tên Dũng bất ngờ khi thấy những người lính đối phương cầm AK tràn khắp thành phố Huế. Cuộc tiến chiếm và bắt giữ rất nhiều thường dân và viên chức chính quyền thành phố đã người diễn ra nhanh chóng trong vài ngày Tết, mà nhiều tài liệu sau này ghi lại, cho biết các thành phần Việt Cộng nằm vùng đã âm thầm lên danh sách theo từng tổ, từng tuyến và từng khu vực. Tính bất ngờ khiến cho những người lính phía Bắc Việt nắm ưu thế ngay lập tức. Nhưng Dũng là một người khá may mắn trong phút đầu, vì ông được người nhà nhanh chóng đưa ra sau vườn, đào một cái hố nhỏ và núp ở dưới trong nhiều ngày.

Vào đêm 30 Tết, tức ngày 29/1/1968, khi mọi người dân tin vào lệnh hưu chiến được quân đội Bắc Việt ký kết với phía miền Nam Việt Nam và bắt đầu nghỉ ngơi, đốt pháo ăn Tết, thì rạng sáng mừng 1 tết, những tiếng súng đầu tiên hòa lẫn với tiếng pháo đã khởi đầu cho một sự kiện đẫm

máu trong lịch sử chiến tranh Việt Nam: thăm sát Mậu Thân tại Huế.

Mỗi bên đều có ngôn ngữ riêng để nhắc lại giờ phút quan trọng này. Chính quyền Sài Gòn thì diễn đạt rằng Việt Cộng đã “phản bội lại hiệp ước đình chiến” 3 ngày Tết đã ký. Còn phía Hà Nội thì diễn giải rằng hành động đó, là “cướp thời cơ”.

Không chỉ có Huế. Tết Mậu Thân 1968 ghi dấu một cuộc tấn công bất ngờ và đồng loạt của quân đội Bắc Việt vào 25/44 tỉnh lỵ và thị trấn của phía miền Nam Việt Nam lúc đó. Vào sáng ngày mùng 1 Tết (30/1/1968), trên đài phát thanh quốc gia Saigon, cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã tuyên bố phía miền Bắc đã vi phạm việc ký kết hưu chiến trong dịp Tết, và ngay sau đó tuyên bố hủy bỏ lệnh ngưng bắn của phía Việt Nam Cộng Hòa để chính thức mở các cuộc phản công.

Cuộc chiến này, do sự hỗn loạn về truyền thông mà nhiều năm sau, người ta mới có được những số liệu tương đối chính xác. Vào khoảng 3 giờ 40 sáng ngày 30/1, những tiếng súng pháo cối từ phía núi nã vào thành phố Huế, chính là hiệu lệnh cho khoảng 80.000 binh lính chính quy Bắc Việt và quân nằm vùng đã tràn vào kinh đô cổ kính của Việt Nam, nơi có khoảng 140.000 dân sinh sống ở đó.

Lực lượng tương quan được xem là bất cân xứng, vì thuận theo hiệp ước đình chiến ngày Tết, Huế lúc đó – được sách *The Tet Offensive: A Concise History and Abandoning Vietnam* ghi lại – chỉ có khoảng 200 lính Mỹ và các nhân viên người Úc thuộc sư đoàn 1 đồn trú ở đó, cùng một số cảnh sát và binh lính địa phương không đáng kể.

Suốt trong nhiều ngày, người nhà của ông Dũng đã kinh hoàng chứng kiến các vụ xử bắn ngay trước hiên nhà mình,

được gọi là “trùng trị bọn phản cách mạng”, mà trong đó có cả những thường dân không hề biết sử dụng vũ khí. Hàng loạt các vụ bắt và đem đi mà người ta không biết là về đâu. Mùng 7, là ngày diễn ra rất nhiều các vụ bắt bớ mang đi mất tích. Khiến rất nhiều gia đình ở Huế, cho đến tận hôm nay vẫn chọn ngày mùng 7 Tết để làm giỗ chung cho người thân cho mình.

Phía trước nhà ông Dũng là một khoảng ruộng. Tiếng súng nổ giạt bắn thỉnh thoảng từ đó vang lên, như báo hiệu cho những người sống quanh đó rằng đã có ai đó bị hành hình, chôn vùi... mà không có tòa án hay một tội danh đúng.

Khắp nơi trong thành phố như vậy. Sau 25 ngày Huế bị tạm chiếm bởi quân đội Bắc Việt, người ta tìm thấy nhiều hố chôn người tập thể, nhiều nơi xác người chôn sống. Các con số tổng kết tại Huế cho thấy các nạn nhân bị thảm sát được tìm thấy tại trường tiểu học Gia Hội, chùa Therevada, Bãi dâu, Cồn Hến, Tiểu Chung Viện, khu vực phía Tây Huế gần làng Tự Đức và làng Đồng Khánh, cầu An Ninh Thượng, cửa Đông Ba, trường An Ninh Hạ, trường Văn Chí, Chợ Thông, Lang Xá Cồn, gần làng Gia Long, gần chùa Tường Vân, Đông Gi (Di), Vinh Thái, Thủy Thanh, Lương Viện, Phù Lương, Phú Xuân (Phú Thứ), Thương Hòa, Vinh Hưng, Khe Đá Mài... tất cả 22 địa điểm, tìm thấy được tổng cộng 2326 sọ người trong số 6.000 nạn nhân thuộc tỉnh Thừa Thiên và Huế đã được thân nhân xác nhận là chết hoặc bị bắt đi thủ tiêu, mất tích...

Không chỉ có người Việt Nam giết người Việt Nam. Trong quyển Tet, của nhà báo Don Oberdorfer, xuất bản năm 1971, cho biết có những người như Stephen Miller (28 tuổi) nhân viên Sở ngoại vụ và thông tin Hoa Kỳ bị trói mang ra sau một

chúng viện Công giáo để hành hình. Các bác sĩ người Đức Raimund Discher, Alois Alteköster, và Horst-Günther Krainick cùng vợ của ông với công việc là giảng dạy về y tế cũng bị dẫn đi. Sau khi quân đội miền Nam Việt Nam tái chiếm Huế, người ta tìm thấy xác những người này bị chôn ở một khu ruộng gần đó. Một tài liệu tiết lộ vào năm 2011, còn cho biết rằng người ta tìm thấy các móng tay của người vợ ông Krainick bị gãy và đầy đất cát, có nghĩa bà đã bị chôn sống và tuyệt vọng tìm cách thoát ra. Hai linh mục người Pháp là Urban và Guy cũng không tránh khỏi thảm nạn: ông Urban thì bị trói và chôn sống. Còn ông Guy thì may mắn hơn với một viên đạn vào sau gáy.

Khi ông Dũng đang trốn trong cái hố của mình, được phủ đầy lá cây lên trên, vô tình ông nghe được người nhà nói với nhau rằng vợ của ông đang vào bệnh viện do đau đẻ sớm. Sốt ruột, ông Dũng tìm cách lén đến bệnh viện để nhìn vợ và con, nhưng khi vừa ra khỏi cổng bệnh viện, ông đã bị một nhóm người ập đến giải đi.

Mùng 13, khi có ai đó nói rằng ông Dũng đã bị bắn, xác chôn ở một khu ruộng gần nhà, mẹ ông Dũng cùng gia đình chạy đến để đào, tìm xác. Nhưng đó là một khu ruộng lớn, chỉ nhìn thôi cũng có cảm giác kiệt sức. Điều kỳ diệu đã xảy ra khi mọi người đã hoàn toàn tuyệt vọng. Mẹ của ông Dũng đã tung đồng xu lên, cầu nguyện rằng nếu ông chết và bị vùi thây nơi đây, hãy để đồng xu rơi xuống nơi đó. Khi mọi người đến nơi đồng xu rơi, đào lên, thì thấy ông nằm dưới xác một người đồng sự của ông. Cả hai đã chết, không biết là bị bắn hay bị chôn sống. Và cũng vì vậy, đám giỗ của ông Dũng hàng năm được tổ chức vào mùng 13 Tết, một ngày vu vơ tạm bợ nào đó, nhưng hàng ngàn gia đình ở Huế đã cẩn trọng chọn cho người thân của mình, sau vụ

thảm sát.

Tôi ngồi nghe câu chuyện của ông Dũng, từ một người thân của ông. Đó là một người đàn ông năm nay đã gần 70 tuổi. Giọng kể chậm rãi, trầm trầm, giống như câu chuyện đọc trước giờ đi ngủ cho trẻ con. Chỉ khác rằng nó sẽ khiến bạn đi vào những cơn ác mộng không bao giờ chấm dứt, vì đó là sự man rợ mà những người Việt đã hành động trên quê hương mình, nhân danh những nấc thang lên thiên đường từ Nga Sô hay Trung Cộng.

Mỗi năm, Tết về, tôi vẫn có thói quen hay tìm hỏi những người đã sống, đã biết, đã chứng kiến thảm sát Mậu Thân, như một cách mặc niệm cho số phận người Việt Nam bị chà đạp bởi hận thù và những lý tưởng xa vời với tình yêu quê hương và dân tộc. Tôi để avatar của mình trên Facebook không màu, như một cách để tang cho những con người đã vô vọng trước họng súng và sự điên cuồng của đồng loại cùng màu da, tiếng nói. Đơn giản vì tôi thương dân tộc mình, và tôi yêu sự thật.

Trịnh Công Sơn đã viết trong tập Ca khúc Da vàng “Xác người nằm trôi sông, phơi trên ruộng đồng Trên nóc nhà thành phố, trên những đường quanh co”. Không có gì mô tả chân thực như bài hát đó. Lịch sử Việt Nam hôm nay cũng bị bẻ quanh co, quanh những xác người vô tội như vậy, bởi những người cầm quyền. Suốt nhiều năm, những người cộng sản miền Bắc vẫn vỗ tay và gọi đó là một chiến thắng oanh liệt, còn một trong những trí thức nổi tiếng đi trong vũng máu thảm sát 1968 đó, thì nói một cách kiêu hãnh trên loạt phim tài liệu *Vietnam: A History* của Stanley Karnow rằng “cần thì cũng phải giết, vì đó là những con rắn độc”. Nhưng không có đạo lý nào công nhận loại chiến thắng chấp nhận dẫm đạp lên sinh mạng của nhân dân

mình. Đó chỉ là một tên gọi khác của thứ tội ác ghê tởm.

Những mùa xuân thật buồn từ đó. Khi tôi đến Huế. Tôi lần bước đến sân vận động, ra trường Gia Hội cũ... và nghĩ về những ngày không bao giờ cũ. Mãi mãi không bao giờ cũ. Nếu người cầm quyền có lòng tự trọng và nhân cách, họ sẽ ghi chép sự thật và được mai sau nhìn nhận. Còn nếu không, chính nhân dân sẽ chép lại, lưu truyền ngàn đời bằng tất cả lòng khinh khi và oán hận.

Mục Lục

Giải khăn xô cho Huế	7
Tựa nhỏ: viết để chịu tội	7
Chương 1 Những giờ đầu tiên.....	11
Chương 2 Nhà thờ dòng Chúa Cứu thế	32
Chương 3 Những mảnh vụn góp nhặt.....	72
Chương 4 Qua một chuyến đò.....	99
Chương 5 Người ở Từ Đàm về kể chuyện.....	129
Chương 6 Đi về trong lửa đạn.....	167
Chương 7 Chuyện từ Thành Nội.....	202
Chương 8 Trở về ngôi nhà cũ.....	238
Chương 9 Con chó giữa dòng.....	267
Địa ngục có thật Dương Nghiễm Mậu	303
Nghĩ về Huế.....	304
Đi bên những xác người	323
Một lần trở lại.....	350
Điểm mặt thủ phạm <i>Liên Thành</i>	363
Hoàng Phủ Ngọc Tường: Ý thức trách nhiệm hay là bắt đầu của một chung cuộc <i>Phùng Nguyễn</i>	370
I. Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968 - Huế, 40 năm sau Tết Mậu Thân, vết thương vẫn chưa lành - <i>Thiện Giao</i> , phóng	

viên đài RFA.....	377
II. Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968	
Huế, 25 ngày kinh hoàng của 40 năm trước.....	384
III. Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968	
Tái chiếm Huế.....	391
IV. Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968 - Những nhạc phẩm ra đời trong bối cảnh Mậu Thân 1968.....	
397	
V. Tội ác CSVN - Tết Mậu Thân 1968 - “Ai Đã Giết Người Dân Huế?” Câu Hỏi 40 Năm Chưa Trả Lời.....	
404	
Tết Mậu Thân ở Huế - <i>Hoàng Liên</i>	411
Chứng Nhân Thầm Lặng - Mậu Thân Ở Huế -	
<i>Thiên Nga</i>	
417	
Những sự thật không thể chối bỏ - Ai làm cho Huế đau thương? - <i>Đặng Chí Hùng</i>	
430	
Đừng quên Mậu Thân! - <i>Huy Phương</i>	453
Nén Hương Tưởng Niệm Những Nạn Nhân Tết Mậu Thân Huế - <i>Ngô Đắc Hòa</i>	
460	
Những ký ức không bao giờ cũ - <i>Tuấn Khanh</i>	
465	

